V. CA-VÊ-RIN

# THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY

2



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

*THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY*

**Tập II**

V.CA-VÊ-RIN

# THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY

(*Giải thưởng văn học Xta-lin 1946*)

*Tái bản*

Ngọc Kỳ và Trần Luân Kim dịch

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN – 2004

Dịch theo bản Nga văn của
Nhà xuất bản "Văn nghệ"
Mát-xcơ-va 1964
và bản Trung văn của Nhà xuất bản
"Nhân dân văn học" Bắc-kinh 1959.

## Phần thứ sáu

# TUỔI XUÂN ĐANG TIẾP TỤC

(LỜI KỂ CỦA CA-CHI-A TA-TA-RI-NÔ-VA)

## Chương 1

# "Cô chưa hiểu cậu ta đâu"

I-van Pa-vơ-lứt đã thận trọng bước ra khỏi toa tàu mà Va-li-a vẫn còn nán lại nhờ Xa-nhi-a chuyển lời hỏi thăm bác Pa-ven Pê-trô-vích nào đó ở nông trường chăn nuôi quốc doanh: "Chà, khỉ thật! Và cả bác sĩ nữa! Tí nữa thì quên mất" - mãi cho tới khi Ki-ra quay lại khoác tay cậu ta lôi đi mới thôi. Chúng tôi còn lại hai người. Ôi, tôi thật chẳng muốn để Xa-nhi-a ra đi chút nào!

Nom Xa-nhi-a lúc này đẹp vô cùng. Tôi muốn khắc sâu vào lòng chẳng những đôi mắt tôi đang nhìn, mà còn tất cả: anh đứng đó đầu không đội mũ, trông như trẻ hẳn ra, ngay đến tôi cũng phải nghĩ, lúc này mà anh cưới vợ thì hãy còn sớm quá. Khi anh mặc lễ phục, người có vẻ cao lên, nhưng dù sao anh vẫn thuộc cỡ người nhỏ bé. Có lẽ chính vì thế mà đôi khi anh cứ vô tình kiễng chân lên. Lúc này đây, khi tôi quay lại nhìn cũng thấy anh đang kiễng chân lên như thế. Lúc nào anh cũng gọn gàng, chu đáo. Nhưng cái mớ tóc cứ dựng ngược lên ở trên chỏm, nom anh rất kỳ, đặc biệt là lúc anh cười. Sau một hồi thắm thiết

ôm nhau, lúc tôi quay lại nhìn anh lần cuối cùng ở bậc lên xuống, anh cười giống hệt chàng Xa-nhi-a đáng yêu, cương nghị và đen thui hồi tôi mới bắt đầu yêu anh.

Người trên sân ga rất đông, song hầu như tôi chẳng nhìn thấy ai cả và suýt nữa thì bị ngã khi tôi từ trên bậc toa tàu bước xuống. Ôi, tôi thật chẳng muốn để anh ra đi chút nào!

Tàu bắt đầu chuyển bánh, anh cầm mũ vẫy rối rít. Tôi vừa chạy theo toa tàu, vừa luôn miệng đáp lời anh: "Vâng, vâng".

- Viết thư cho anh nhé?

- Vâng, vâng!

- Ngày nào cũng viết nhé?

- Vâng!

- Lên thăm anh nhé?

- Vâng, vâng!

- Em yêu anh nhé?

Anh hỏi câu này rất khẽ, nhưng từ đôi môi của anh, tôi đã đoán ra.

- Vâng, vâng!

Tiễn anh đi rồi, chúng tôi bước ra khỏi ga đưa chân bác I-van Pa-vơ-lứt. Trên đường về bác chỉ nói đến mỗi Xa-nhi-a.

- Cái chủ yếu là đừng có hiểu cậu ta là người quá phức tạp, - bác nói. - Cô lại là người hay tự ái, cho nên trong thời kỳ đầu, hai cô cậu rất dễ va chạm nhau. Ca-chi-a này, nói chung hầu như cô chưa hiểu cậu ta lắm đâu.

- Sao bác lại nói thế ạ?

- Cô có biết đặc điểm chính của cậu ta là cái gì không? Cậu ta sẽ mãi mãi là một người trẻ trung, bởi vì đây là một con người sôi nổi, nhiệt tình, một con người có lý tưởng.

Bác nghiêm nghị nhìn tôi và nhắc lại:

- Một con người có lý tưởng... Còn cô thì kiêu căng... Nhưng thôi, cô chớ nên bận tâm đến điều đó làm gì.

Tôi cười.

- Có gì mà đáng cười. Tất nhiên là kiêu từ bé, nhưng hồi đó hoàn toàn khác. Xa-nhi-a là người nóng tính. Nói tóm lại, Ca-chi-a ạ, cô hãy suy nghĩ về cậu ta đi.

Tôi đáp lại bác là tôi đã nghĩ về Xa-nhi-a quá nhiều rồi, vả lại anh ta cũng chẳng phải là nhân vật gì vĩ đại đến nỗi khiến người ta phải suốt ngày nghĩ đến.

Nhưng ngay tối hôm đó tôi đã làm như thế: vừa ngồi xuống ghế là đã nghĩ về Xa-nhi-a. Mọi người đều đi vắng hết. Va-li-a và Ka-ra rủ nhau đi xem phim. Bà A-lếch-xan-đra Đi-mi-tri-ép-na đi đến câu lạc bộ gì đó để kể chuyện "Yêu say đắm cái mồm loe" phỏng theo Goóc-ki. Chuyện này do bà tự soạn nên bà rất lấy làm tự hào. Còn tôi, tôi cứ ngồi mãi, vẽ tiếp tấm bản đồ của mình, nhưng rồi cũng quẳng đấy mà suy nghĩ miên man.

Phải, bác I-van Pa-vơ-lứt đã nói đúng, quả là tôi chưa hiểu hết Xa-nhi-a. Lúc nào tôi cũng cứ hình dung anh là một cậu bé mặc áo cánh. Cậu bé đã từng đợi tôi trong vườn hoa giữa phố Tri-um-phan-nai-a, luôn chân đi đi lại lại với vẻ rất sốt ruột, cho mãi tới khi đèn phố bật sáng và tôi đột ngột quyết định băng qua quảng trường để đi lại phía cậu. Cậu bé mà tôi đã ôm hôn, mặc dù ở đó các bạn học sinh cùng trường tôi, cũng như học sinh của hai trường trung học số 143 và số 28 có thể nhìn thấy chúng tôi hôn nhau như thế nào! Cậu bé ấy ngày nay chỉ còn sống trong trí tưởng tượng của tôi, nó hoàn toàn không giống Xa-nhi-a ngày nay, cũng tựa như cái hôn đầu tiên của chúng tôi khác xa với những cái hôn bây giờ vậy.

Song tôi không hề nhìn anh bằng con mắt quá phức tạp! Chẳng qua tôi nhìn thấy ở anh ngoài thế giới hoàn chỉnh và khác lạ mà tôi chưa hề hiểu biết tí gì. Đó là thế giới nằm trong phạm vi nghề nghiệp của anh. Thế giới của những tuyến đường đơn điệu và đầy hiểm nguy trên Bắc cực, thế giới của những cuộc gặp gỡ bất ngờ với những phi công quen thuộc ở trong Câu lạc bộ phi công, thế giới của những tình cảm sôi động khi nhìn thấy một loại máy bay mới được ra đời. Không có cái thế giới ấy, chừng như anh không thể sống nổi lấy một tuần lễ! Nhưng với tôi, trong thế giới ấy, hiện nay tôi tạm thời chưa tìm thấy cho mình một chỗ đứng nào. Có lần anh kể cho tôi nghe về một chuyến bay nguy hiểm, tôi thấy mình có một cảm giác lạ lùng - cứ như tôi đang nghe anh kể về một người nào ấy. Tôi không thể nào hình dung nổi cảnh anh bị bão tuyết tấn công, khi hạ cánh phải kỳ diệu lắm mới có thể thoát chết, và sau đó anh lại ngồi trong máy bay suốt ba ngày ba đêm liền, cố gắng không ngủ và dần dần bị lạnh cóng. Đây là một câu nói khá ngớ ngẩn, song tôi đã lỡ mồm nói ra:

- Thế anh không có cách nào để những trường hợp như thế không xảy ra nữa được ư?

Trên nét mặt anh chợt lộ vẻ bối rối, anh nói giọng nửa đùa nửa thật:

- Được, từ nay về sau anh sẽ không để những chuyện như thế xảy ra nữa!

... Cố nhiên là anh hoàn toàn có thể trực tiếp kể cho tôi nghe nội dung câu chuyện trao đổi giữa anh với Vư-si-mia-xki. Thế nhưng anh lại nhờ bác I-van Pa-vơ-lứt nói lại với tôi. Anh cảm thấy rằng vấn đề không phải ở cá nhân anh đúng hay sai. Đây không phải là vấn đề chân lý của cá nhân, mà là một vấn đề khác hẳn. Tôi sẽ nghe bác I-van Pa-vơ-lứt nói về cái chân lý ấy,

vì bác là người đã từng yêu mẹ tôi và mãi tới bây giờ bác vẫn sống một cuộc sống độc thân đầy bất hạnh. Tôi biết tối hôm đó Xa-nhi-a sẽ chờ tôi trên phố, vì vậy khi trông thấy anh đứng trước cửa công viên cạnh góc đường Vô-rốt-ni-cốp-xki và Xa-đô-vai-a, tôi không ngạc nhiên chút nào. Nhưng anh cũng không ra đón tôi, mặc dù tôi biết anh đi theo sau tôi cho đến tận nhà. Anh hiểu rằng lúc này tôi cần được yên tĩnh một mình. Trong giây phút ấy tôi ở ngay bên cạnh anh, nhưng lại xa nhau một cách kinh khủng, bởi vì hình như anh đã đúng, còn tôi thì sai và tôi đã bực mình là tôi lại biết việc đó qua bác Cô-ra-bơ-li-ốp...

Trong thời gian Xa-nhi-a ở Mát-xcơ-va, chúng tôi chỉ ở gần nhau có một buổi tối. Khi đến chỗ tôi, anh có vẻ rất mệt mỏi. Lúc ấy bà A-lếch-xan-đra Đi-mi-tri-ép-na đang định kể cho chúng tôi nghe những khó khăn trước lúc ra biểu diễn trước công chúng và những yêu cầu về mặt thể hiện tình cảm để đạt tới hiệu quả diễn xuất cao; song vừa trông thấy Xa-nhi-a đến bà liền đi luôn.

Mặt trời đã ngả về tây, ánh nắng tràn ngập cái ngõ Xíp-xép Vra-giéc chật hẹp, tuồng như ông mặt trời cố thu hết ánh nắng ở các nơi về và quyết định lưu lại vĩnh viễn trên dãy phố quanh co này. Tôi rót chè cho Xa-nhi-a uống - anh chúa thích uống nước chè đặc - mắt nhìn anh không rời xem anh ăn và uống, cuối cùng anh một mực bắt tôi ngồi xuống bên cạnh, cùng uống trà với anh.

Chợt anh nhớ tới một chuyến đi trượt băng trước kia của hai chúng tôi và bịa chuyện rằng có một lần trên sân băng anh đã hôn lên má tôi. Anh còn nói lần ấy "mặt em cứng như đanh, lông tua tủa và lạnh như tiền". Trong lúc anh nói những điều ấy thì tôi lại mải nghĩ đến cảnh anh luận tội Ép-ghê-ni Ô-nê-ghin. Khi nói anh vẫn âm thầm nhìn tôi, và sau đó trong lời kết luận anh gọi Gri-sca Pha-be là thằng "tốt mã".

- Em còn nhớ câu "Gri-gô-ri-ép là một nhân tài kiệt xuất. đến nỗi ngay cả tác phẩm của Đích-ken cũng chưa đọc" không?

- Sao lại không, thế về sau anh đã đọc chưa?

- Chưa. - Xa-nhi-a nói giọng buồn buồn. - Bận quá không sao tranh thủ được. Anh vừa đọc xong quyển "Trinh nữ Oóc-lê-ăng" của Von-te. Không hiểu vì lẽ gì thư viện ở Da-pô-li-a-ri-e lại có rất nhiều tác phẩm của Von-te.

Trong ánh hoàng hôn đôi mắt anh càng đen lay láy. Trong giây lát tôi có cảm giác như tất cả đều chìm lặn. chỉ còn lại đôi mắt ấy. Tôi định nói rằng ở Da-pô-li-a-ri-e mà lại có nhiều Von-te thì cũng thật là lạ; nhưng chưa kịp nói ra thì hai đứa đã ôm nhau hôn liên hồi kỳ trận rồi. Giữa lúc đó, chuông điện thoại réo ầm lên. Tôi chạy ra cầm lấy ống nghe, nói chuyện với cô giáo cũ có đến nửa tiếng đồng hồ. Bà vẫn gọi tôi là "Cô bé" và muốn biết tất cả mọi việc về tôi. ngay cả đến việc buổi trưa tôi ăn cơm ở đâu. tôi đã mua được chiếc chụp đèn xinh xắn của công ty "Miu-rơ" chưa, vân vân. Khi tôi quay lại thì Xa-nhi-a đã ngủ say. Tôi cất tiếng gọi anh, nhưng sau đó liền thôi ngay vì không nỡ làm mất giấc ngủ của anh. Tôi ngồi xuống cạnh anh và ngắm nhìn anh rất gần, rất kỹ.

Tối hôm ấy Xa-nhi-a trao cho tôi quyển nhật ký của người hoa tiêu và tất cả những giấy tờ và ảnh. Quyển nhật ký đặt trong một chiếc cặp đặc biệt có khóa cẩn thận. Sau khi Xa-nhi-a đi rồi, tôi đem mớ giấy tờ nhàu nát ra ngắm nghía nhìn một lúc rất lâu. tờ nào cũng thấy dày đặc những dòng chữ ngoằn ngoèo. Có lúc, những dòng chữ ấy như bị đuối sức, bàn tay của người viết như không còn tự chủ được nữa, tuy vẫn viết đấy nhưng tâm trí đã đi đằng nào mất rồi. Phải kiên trì biết bao, phải có nghị lực biết nhường nào mới có thể đọc được hết quyển nhật ký này!

Chiếc câu liêm cũ bằng đồng thau có khắc chữ "tàu Xanh Ma-ri" đang để ở thành phố Da-pô-li-a-ri-e, nhưng Xa-nhi-a đã mang tấm ảnh của nó về đây. Có lẽ không có chiếc câu liêm nào trên thế giới được chụp rõ như thế này!

Tất cả những thứ này tựa như muôn vàn mảnh vụn của một bộ sử lớn, nó phân tán rải rác khắp nơi trên thế giới, và giờ đây Xa-nhi-a nhặt nhạnh chúng lại để viết nên hoặc là còn đang viết tiếp bộ sử ấy. Còn tôi thì sao? Tôi chẳng làm nên trò trống gì cả. Nếu không có Xa-nhi-a, tôi cũng chẳng biết gì về cha mình nữa. Tôi chỉ còn nhớ cái cảnh chia tay ở ga tàu hỏa Em-xcơ thôi. Lúc ấy ông bế tôi trong tay và tung lên cao lần cuối cùng rồi đỡ bằng đôi tay khổng lồ nhân đức của mình. Ngoài ra tôi không còn nhớ gì nữa.

Tôi đã hứa ngày nào cũng viết thư cho Xa-nhi-a. Nhưng thực ra nếu ngày nào cũng viết thì chẳng có gì để viết cả. Tôi vẫn ở nhờ nhà Ki-ra. Lúc này học tập và công tác đều rất bận, mà ở đây thì lại chẳng thuận tiện chút nào, bởi vì những hòm xiểng đựng những mẫu quặng đều phải để ở phòng ngoài. Khi vẽ bản đồ thì chỉ có cách là trải giấy lên trên mặt chiếc đàn dương cầm mà vẽ...

Mùa hè năm ấy, lần đầu tiên tôi không đi chơi xa, vì cần phải chỉnh lý gấp tài liệu nên Cục địa chất Ba-skia, nơi tôi đang làm việc, cho phép tôi nghỉ hè ngay tại Mát-xcơ-va.

Ngày nào bà tôi cũng đến thăm tôi. Tóm lại mọi việc đều rất tốt đẹp... Dạo này Va-li-a và Ki-ra đột nhiên có vẻ lạnh lùng, nghiêm nghị khác thường, lúc nào cũng ngồi ở "nhà bếp" rì rầm trò chuyện. Ngoài chỗ đó ra không còn chỗ nào yên tĩnh để họ có thể nói chuyện riêng với nhau được. Ngôi nhà này vốn là một nhà bếp cũ rộng lớn được chia thành hai buồng: buồng "bếp chung"

và buồng "bếp riêng". Va-li-a cùng Ki-ra ngồi ở bên kia bức phên tức là buồng "bếp riêng", vì thế bà A-lếch-xan-đra Đi-mi-tri-ép-na đành phải làm cơm tối ở buồng "bếp chung".

Về sau không thấy Va-li-a đem tặng hoa nữa. Có lẽ cậu ta không còn tiền. Nhưng bỗng một hôm, cậu ta mang đến một con chuột cống lông trắng tinh. Ki-ra thấy chuột hãi quá, nhảy vội lên bàn kêu thất thanh, khiến Va-li-a rất lấy làm khoái trá. Cậu ta cố gắng giải thích cho Ki-ra hiểu rằng đó là loại chuột cống bị bệnh bạch hóa rất khó tìm thấy trong bộ sưu tập. Song Ki-ra vẫn không hết sợ, miệng vẫn kêu thất thanh và không dám nhảy xuống. Cuối cùng Va-li-a đành phải lấy khăn tay ra gói con chuột lại rồi đem để trên chiếc bàn đặt ở phòng ngoài. Nửa đêm bà A-lếch-xan-đra Đi-mi-tri-ép-na từ nhà hát trở về thấy con chuột trên bàn cũng kêu toáng lên. Thế là Va-li-a đành phải mang món quà đặc biệt ấy ra khỏi nhà.

Đêm đến, sau những câu chuyện tâm sự kéo dài, tôi và Ki-ra cứ phải thay nhau nhắc "Thôi, ngủ đi" và thế là Ki-ra ngủ ngay. Trong giấc mơ đẹp đẽ, nét mặt cô nàng lộ rõ vẻ hứng thú đầy hạnh phúc. Lúc này chỉ còn lại một mình, tôi suy nghĩ miên man. Tôi nghĩ đến mối tình thơ đẹp, trọn vẹn của hai người. Đó là thời kỳ tốt đẹp nhất trong đời. Cuộc sống của họ khác xa chúng tôi! Họ lúc nào cũng sống bên nhau, ngày nào cũng trông thấy nhau. Còn chúng tôi thì cách biệt nhau hàng vạn dặm!

Tôi ngỡ như mình đang từ trong toa tàu hỏa nhìn qua cửa sổ ra ngoài, những cánh đồng và rừng thẳm, rồi lại những cánh đồng, sau đó đến những cánh rừng nguyên thủy và những dải sông miền bắc lạnh lẽo, những bình nguyên rồi lại bình nguyên phủ tuyết dày đặc, thật là cả một không gian vô tận nằm giữa, ngăn cách chúng tôi.

"Tất nhiên, rồi thế nào chúng tôi cũng sẽ được gặp nhau, - tôi tự tin như vậy. - Tôi sẽ lên với anh ấy, và tất cả sẽ lại tốt đẹp. Hai năm nay tôi chưa nghỉ phép. Tôi sẽ xin nghỉ phép để lên với anh ấy. Hoặc là anh ấy sẽ lại về. Rất có thể trong tháng bảy anh ấy đã về..."

Nhưng đầu óc tôi vẫn nặng trĩu những ý nghĩ rối bời...

Tấm bản đồ này làm tôi vất vả, vì trên những bản đồ tương tự vẽ trước đây có nhiều chỗ sai. Bây giờ đành phải vẽ lại từ đầu. Trong những ngày đầu sau khi Xa-nhi-a ra đi, công việc càng bề bộn, tôi càng phải gắng sức cáng đáng cho xong. Cho dù trong những đêm này có bị dằn vặt, khổ tâm đến thế nào chăng nữa, tôi vẫn cảm thấy một cách mơ hồ rằng, tất cả mọi nỗi đau khổ, cô đơn và bất hạnh đều sẽ lùi vào dĩ vãng. Trước mắt giờ đây chỉ có những điều mới lạ đầy lý thú. Nghĩ thế, lòng tôi rộn lên, cảm thấy trong người nhẹ nhõm khoan khoái vô cùng, và hình như trong đó cũng có pha chút ít sợ hãi.

## Chương 2

# Trên quảng trường Xô-ba-tri

Trong ngày cuối cùng trước khi lên đường ra đi, Xa-nhi-a đến Tổng cục đường hàng không Bắc cực và tòa soạn báo "Sự thật". Ở đâu anh cũng lưu lại số điện thoại riêng của tôi. Khi anh nói cho tôi biết việc ấy, tôi phát hoảng lên.

- Sao anh lại làm thế? Nếu họ gọi điện hỏi em là ai thì em biết trả lời thế nào?

- Em cứ trả lời rằng tôi là Ca-tê-ri-na I-va-li-a-nốp-na Ta-ta-ri-nô-va Gri-gô-ri-e-va, - Xa-nhi-a nói giọng nghiêm trang.

Tôi ngỡ rằng anh đùa. Nhưng sau khi anh đi chưa được ba ngày đã có người gọi điện đoạn đến hỏi Ca-tê-ri-na I-va-li-a-nốp-na Ta-ta-ri-nô-va Gri-gô-ri-e-va thật.

- Vâng, tôi đây!

- Chúng tôi ở tòa báo "Sự thật".

Một nhà báo tôi thường gặp trên tờ "Sự thật" nói rằng bài báo của Xa-nhi-a đã gây một tiếng vang khá lớn, thậm chí cả Viện nghiên cứu Bắc cực cũng cử người đến tìm hiểu bài báo và tác giả của nó.

- Chị hãy chúc mừng thành công của chồng chị đi!

Tôi muốn cải chính rằng anh ấy chưa phải là chồng của tôi. Nhưng không hiểu sao cuối cùng tôi lại chẳng nói được lời nào.

- Nghe nói chị là con gái của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp phải không?

- Đúng thế ạ.

- Chị còn giữ được những tài liệu về cuộc đời và hoạt động của ba chị không?

Tôi trả lời rằng có, nhưng rất tiếc là nếu chưa được sự đồng ý của A-lếch-xan-đrơ I-va-nô-vích - lần đầu tiên trong đời tôi gọi Xa-nhi-a bằng,tên cúng cơm và tên đệm - thì tôi không thể sử dụng những tài liệu ấy được.

- Thế thì chúng tôi sẽ viết thư cho anh ấy vậy...

Tạp chí "Hàng không dân dụng" cũng gọi điện thoại cho tôi, hỏi số tạp chí có đăng bài "Làm thế nào để ổn định máy bay trong khi có bão tuyết?" của Xa-nhi-a sẽ gửi về đâu cho tác giả - tôi chưa hề biết việc anh ấy viết bài báo này. Tôi nói địa chỉ cho tạp chí và yêu cầu gửi đến hai quyển, một quyển tôi sẽ giữ lại xem, còn quyển kia gửi cho Xa-nhi-a. Về sau báo "Văn học" cũng gọi điện thoại hỏi tôi: Gri-gô-ri-ép là ai, có phải là một nhà văn không?

Song quan trọng nhất vẫn là cuộc nói chuyện với đồng chí TR. Tôi không biết Xa-nhi-a đã nói với ông ấy những gì về tôi, nhưng qua dây nói, ông ấy bắt chuyện với tôi rất thân mật và tựa hồ như đôi bạn cũ vậy.

- Đã lĩnh tiền tử tuất chưa?

- Tôi không hiểu.

- Tiền tử tuất của ba cô ấy mà!

- Chưa ạ.

- Cần phải viết một cái đơn!

Sau đó ông ta cười, bảo rằng ở Tổng cục đường hàng không Bắc cực người ta đang phát hoảng lên vì chính bố tôi là người đã phát hiện ra vùng đất Bắc địa, thế mà ở đó người ta lại ghi là do người khác phát hiện.

- Nói tóm lại là tôi có cảm giác như bị nhầm lẫn... Tôi không thích những cuộc nói chuyện như thế.

- Tôi tưởng công việc của đội thám hiểm đã được quyết định rồi!

- Chính ra là đã quyết định đâu vào đấy cả rồi, nhưng bây giờ thình lình lại bảo là chưa quyết định xong. Tôi có nói với họ rằng cái chính là hãy để anh ấy đi cùng với con tàu "Pa-khơ-tu-xốp". Nhưng họ trả lời là ở đó đã có người lái rồi. Thôi thì có rồi cũng được, chả lo. Xa-nhi-a của chị vốn là con người có ý chí và bản lĩnh.

Khi nói đến mấy chữ "Xa-nhi-a của chị", giọng ông ta trầm hẳn xuống, nhưng lại đặc biệt rõ ràng.

- Thôi nhé, tôi vẫn ở nguyên chỗ cũ, Khi nào rảnh mời chị đến chỗ chúng tôi chơi nhé.

Tôi đáp rằng tôi sẽ rất vui sướng được đến thăm ông và rồi chúng tôi chào nhau tạm biệt.

Hầu như ngày nào tôi cũng nhận được một bức thư của Rô-ma-sốp gửi đến, có khi đến hai bức. Trên phong bì có ghi dòng chữ "Đội thăm dò địa chất số 2, Cục địa chất Ba-skia", tựa như công văn gửi cho một cơ quan nào vậy. Mà thực ra cũng đúng là như thế, mấy năm ấy bản thân tôi cũng giống như một cơ quan, nếu không thì tôi chẳng có lý do gì để lưu lại Mát-xcơ-va làm việc cả. Nhưng dùng địa chỉ công tác của tôi để gửi thư rõ ràng là một việc rất nực cười, vậy mà ngày nào anh ta cũng lặp đi lặp lại cái trò cười ấy!

Lúc đầu tôi còn bóc ra xem, nhưng về sau cứ để nguyên như thế gửi trả, sau nữa thì chẳng xem mà cũng chẳng gửi trả nữa. Không hiểu cớ sao tôi rất sợ phải đốt những bức thư ấy, nên dần dà chúng bị vứt bừa bãi khắp nơi trong nhà. Có lúc vô tình chạm phải chúng, tôi vội vàng giật phắt tay lại.

Khi gặp tác giả những bức thư ấy, tôi cũng có một cảm giác hệt như thế. Trước kia, lúc nào anh ta cũng kêu om lên là bận, nhưng bây giờ, lần nào tôi bước chân ra khỏi nhà cũng bắt gặp anh ta trên đường phố. Đến nỗi tôi không thể hiểu nổi là anh ta lấy đâu ra lắm thì giờ như vậy. Trong các cửa hàng và rạp hát tôi cũng thường gặp anh ta. Những lúc ấy thật là khó chịu vì anh ta cứ chào, còn tôi cứ lờ đi. Anh ta có vẻ muốn tiến đến gần, còn tôi thì chỉ chực lẩn đi cho nhanh.

Có lần anh ta đến gặp Va-li-a kể lể khóc lóc rất thương tâm; nhưng khi Va-li-a đem chuyện tuyệt giao giữa mối tình của những con khỉ đen ra kể để trêu anh ta, thì anh ta nổi khùng lên, chửi rủa ầm ĩ.

Nói tóm lại anh ta đã chiếm một vị trí khá lớn trong cuộc sống của tôi. Nhất là về sau này, tôi như bị sa vào tình trạng ốm dở, mỗi khi tôi nhắm mắt lại là hình ảnh anh ta lập tức hiện ra trước mắt. Anh ta đóng bộ lễ phục màu tro mới tinh tươm, đầu đội chiếc mũ dạ rất nghiêm chỉnh. Có một lần anh ta nói với tôi rằng anh ta đội chiếc mũ ấy là dành riêng cho tôi.

Đương nhiên việc đến nhà Rô-ma-sốp để lấy những tài liệu do Vư-si-mia-xki giao cho anh ta trước đây, đối với tôi là một ý nghĩ kỳ lạ. Đó là một ý nghĩ tàn nhẫn, đến với anh ta sau khi đem trả lại cho anh ta tất cả thư từ và hoa mà anh ta đã có lòng tặng tôi. Song bây giờ càng nghĩ tôi càng lấy làm thú vị về một chuyến đi như thế. Tôi tưởng tượng mình sẽ mở cửa bước vào tòa

nhà anh ta ở như thế nào. rồi anh ta sẽ cuống quít lên, chẳng nói được lời nào, chỉ biết trố mắt nhìn tôi: và sau đó mặt anh ta sẽ tái đi, anh ta sẽ lật đật chạy theo dọc hành lang, mở cửa phòng của mình ra như thế nào... Còn tôi sẽ lạnh lùng nói:

- Mi-sa, tôi có chút việc muốn phiền anh.

Điều hết sức lý thú là mọi việc đã diễn ra trong thực tế đúng hệt như tôi tưởng tượng.

Lúc ấy anh ta đang mặc bộ quần áo ngủ ấm áp, màu xanh nhạt. Hình như anh ta vừa từ trong nhà tắm ra nên tóc chưa kịp chải, rủ từng mớ tóc ướt vàng hoe xuống trán. Mặt anh ta tái mét, người ngẩn ra im lặng, mãi khi tôi cởi chiếc áo khoác ngoài ra, anh ta mới sực tỉnh, chạy vội lại phía tôi:

- Ca-chi-a!

- Mi-sa, tôi có chút việc muốn phiền anh, - tôi vẫn giữ cái giọng lạnh lùng ban đầu. - Anh mặc quần áo và chải tóc đi. Tôi sẽ chờ anh ở đâu?

- Vâng, đúng là nên như thế, mời...

Anh ta chạy dọc hành lang và mở rộng cửa phòng của anh ta ra. Anh ta nói:

- Xin chờ ở đây. Tha lỗi nhé...

- Sao lại thế, xin anh tha lỗi cho tôi thì có.

Năm ngoái ba người chúng tôi đến thăm anh ta: Ni-cô-lai An-tô-nứt, bà tôi và tôi. Suốt cả buổi tối đến chơi, bà tôi luôn tìm cách nhắc khéo rằng anh ta vay của bà tôi bốn chục rúp đến bây giờ vẫn chưa trả.

Lần ấy tôi đã rất ưa căn phòng của anh ta. Lần này, khi bước vào, tôi càng cảm thấy nó xinh xắn vô cùng. Đấy là một căn phòng được trang trí lịch sự, gây cho người ta cảm giác nhẹ nhõm:

tường quét vôi ve. cửa và tủ trong tường sơn màu xanh nhạt. Các thứ dụng cụ trong nhà đều trang nhã, đẹp đẽ. Nói tóm lại mọi thứ đều được bày biện đúng chỗ, nom rất thuận mắt. Qua cửa sổ có thể nhìn thấy toàn bộ quảng trường Xô-ba-tri. Đó là một nơi tôi yêu thích ở Mát-xcơ-va. Không hiểu vì sao từ thuở bé tôi đã rất gắn bó với cái quảng trường này. Từ đó tôi yêu lây cả tấm bia kỷ niệm những con chó đã hy sinh trên quảng trường cùng những con đường đổ về đó.

- Anh Mi-sa. - khi anh ta bước vào phòng với cái đầu chải bóng mượt, bộ quần áo mới màu xanh tôi chưa thấy bao giờ và mùi nước hoa thơm gắt, tôi lên tiếng. - Hôm nay tôi đến đây để đáp lại tất cả những bức thư anh gửi cho tôi. Sao anh lại dám viết bậy bạ rằng nếu không lấy anh thì suốt đời tôi sẽ phải hối hận! Thật là đồ trẻ con. anh có biết rằng, ngày nào anh cũng viết cho tôi nhưng tôi không buồn nhìn tới những bức thư ấy không. Chính anh cũng biết rõ rằng. từ xưa đến nay chưa bao giờ tôi có ý định lấy anh, vì vậy hoàn toàn không có căn cứ để viết rằng tôi đánh lừa anh.

Sắc mặt anh ta thay đổi thật ghê gớm. Khi mới bước vào phòng, anh ta có vẻ rất phấn chấn. nôn nóng, để lộ một niềm hy vọng sôi nổi, nhưng chưa dám tự tin hoàn toàn. Còn giờ đây. theo từng lời, từng câu tôi nói ra, niềm hy vọng đó đương tắt dần và người anh ta rũ xuống như cái xác không hồn. Anh ta quay đi. mắt nhìn dán xuống sàn.

- Nếu muốn nói rõ tại sao trước kia tôi cho phép anh nói đến chuyện ấy thì phải mất rất nhiều thời gian. Trong đó có rất nhiều lý do. Nhưng anh cũng là một con người thông minh! Anh vẫn biết rõ rằng tôi không hề yêu anh!

- Nhưng sống với cậu ấy em sẽ không có hạnh phúc!

- Tại sao anh lại gọi tôi là "em"? - Tôi hỏi giọng lãnh đạm. - Tôi sẽ đi ngay bây giờ.

- Nhưng sống với cậu ấy em sẽ không có hạnh phúc, - Rô-ma-sốp lắp lại.

Hai đầu gối anh ta run lên, mấy lần nhắm mắt lại một cách kỳ lạ. Tôi bỗng nhớ có lần Xa-nhi-a nói rằng anh ta ngủ mở mắt.

- Tôi sẽ giết chết các người và giết chết cả tôi! - Cuối cùng anh ta lắp bắp.

- Nếu quả thực anh tự giết mình thì đấy là việc tốt thôi, - tôi nói giọng hết sức bình tĩnh. - Tôi không định tranh cãi với anh đâu. Song có điều tôi muốn hỏi anh, anh có quyền gì nói ra những lời đó? Anh đã giở đủ mọi thứ trò ma quái, làm như trong thời đại của chúng ta có thể dùng trò gian giảo ngu xuẩn ấy mà lấy được vợ! Anh là con người đã mất hết phẩm đức, nếu không hằng ngày anh đã không lẵng nhẵng bám theo tôi từng bước như một con chó. Anh hãy im mồm mà nghe tôi nói, bởi vì tôi đã biết tổng tất cả những gì anh định nói rồi. Bây giờ tôi hỏi anh: anh đã lấy những tài liệu gì ở nhà Vư-si-mia-xki?

- Tài liệu gì kia?

- Mi-sa, đừng có giả vờ như thế. Anh thừa biết là tôi đang nói vấn đề gì. Đấy là những giấy tờ anh dùng để dọa dẫm Ni-cô-lai An-tô-nút rằng trước kia ông ta là con buôn, sau này anh lại dùng những giấy tờ ấy để gây sức ép với Xa-nhi-a, buộc anh ấy phải rời bỏ tôi và đi khỏi nơi này. Hãy đưa ngay các thứ giấy tờ ấy ra đây, có nghe rõ không? Đưa ngay ra đây!

Anh ta nhiều lần nhắm mắt lại và thở dài. Sau đó anh ta định quì xuống. Nhưng tôi đã nói rất to:

- Mi-sạ, tôi đố anh! Anh có nghe tôi nói gì không?

Anh ta cố ghìm mình, hai hàm răng nghiến chặt. Vẻ tuyệt vọng cùng cực hiện trên nét mặt anh ta khiến tôi động lòng.

Chẳng phải vì tôi thương xót gì anh ta đâu! Nhưng tôi có cảm giác, hình như tôi cũng có sai vì đã làm cho anh ta đau khổ như thế, thậm chí không nói lên được câu nào nữa. Nếu anh ta mắng cho tôi một trận có lẽ tôi lại khoái hơn. Song anh ta lại cứ im thin thít, chẳng mở miệng nói được câu nào.

- Mi-sa, - tôi nói tiếp và bắt đầu xúc động, - anh nên biết rằng tất cả những giấy tờ ấy bây giờ đối với anh hoàn toàn không cần thiết nữa. Dẫu sao sự việc cũng đã qua rồi không có cách nào thay đổi được. Có điều là tôi cảm thấy rất hổ thẹn, khi tất cả các báo chí đều nói đến bố tôi thì tôi hầu như chẳng biết một tí gì về bố tôi cả. Những tài liệu ấy rất cần cho tôi, cho chính tôi chứ không phải cho một ai khác!

Khi tôi nói đến mấy chữ "tài liệu ấy rất cần cho tôi", không biết anh ta nghĩ những gì mà mắt anh ta long lên. Anh ta ngửng phắt đầu, đi lại nhẹ nhàng trong phòng. Có lẽ anh ta đã nghĩ đến Xa-nhi-a.

- Tôi chẳng đưa cái gì hết, - anh ta nói giọng bướng bỉnh.

- Không, anh phải đưa! Nếu anh không đưa tôi sẽ cho rằng tất cả những lời anh viết trong thư cho tôi trước đây đều là những lời giả dối.

Đột nhiên anh ta chạy ra khỏi phòng, để lại một mình tôi. Lúc này chung quanh im ắng khác thường, chỉ có tiếng trẻ con nô đùa và một đôi lần tiếng còi ô tô từ dưới đường phố vọng lên. Mãi hồi lâu anh ta vẫn không quay lại khiến tôi rất sốt ruột. Giả thử anh ta liều lĩnh giở trò gì đó thật thì làm thế nào? Tôi chợt

rùng mình và liền bước ra hành lang nghe ngóng. Không có gì khác thường cả - chỉ có tiếng nước máy chảy róc rách ở đâu đó.

- Mi-sa!

Cánh cửa buồng tắm hé mở, tôi nhìn vào và thấy anh ta đang đứng cúi lom khom xuống bể nước tắm. Ngay lúc ấy tôi không hiểu anh ta đang làm gì, trong phòng tắm tranh tối tranh sáng, anh ta không bật đèn.

- Tôi ra ngay bây giờ, - anh ta nói rất mạch lạc, không quay đầu lại.

Anh ta đứng, người cúi gập, thò đầu vào vòi nước. Nước chảy xuống mặt, xuống vai, và bộ cánh mới bị ướt đầm đìa.

- Anh làm cái gì thế? Anh điên đấy à!

- Cô đi ra đi, tôi sẽ ra ngay bây giờ! - Anh ta nhắc lại, giọng cáu kỉnh.

Mấy phút sau, anh ta quay lại thật. Anh ta mặc áo không có cổ, mắt đỏ ngầu, mang ra bốn quyển vở học sinh màu xanh.

- Giấy tờ đây, - anh ta nói, - tôi không còn giữ tí gì nữa đâu đấy. Cầm lấy.

Có thể đây là một trò lừa dối nữa. Bởi vì tôi giở một quyển vở ra xem, hình như trong đó có chữ in - đúng là một trang xé trong sách ra, - nhưng lúc này không còn gì có thể nói với anh ta được nữa. Tôi đành phải cảm ơn anh ta một cách khách sáo:

- Cảm ơn, Mi-sa!

Tôi trở về nhà và để ra mấy tiếng đồng hồ, thậm chí cả một buổi chiều dài đằng đẵng để đọc những quyển vở màu xanh và ép mình phải quên đi cái bộ mặt ghê tởm ấy, quên đi cái dáng điệu rũ rượi, tả tơi như con chim bị dạn ấy, khi anh ta bước vào phòng với bộ quần áo ướt sũng.

## Chương 3

# Chúc cuộc hành trình thành công và hạnh phúc!

Trước mặt tôi có bốn quyển vở học sinh màu xanh rất dày và cũ kỹ. Đó là loại vở thường thấy hồi trước cách mạng, bởi vì trên bìa in đầy những dòng chữ quảng cáo cho hãng "Phơ-ri-đơ-rích Can". Trên trang đầu tiên của quyển vở thứ nhất có viết dòng chữ "GHI CHÉP CỦA KẺ MỤC KÍCH" bằng một thứ chữ kiểu cách và có ghi ngày tháng của năm 1916. Đấy chính là một quyển hồi ký! Nhưng ở những trang tiếp theo thì lại chỉ thấy dán toàn những mẩu báo cũ được cắt ra, trong đó có những tên báo mà chưa bao giờ tôi được nghe đến như "Công báo sở giao dịch", "Báo Dân chúng", "Báo Cô-pây-ca". Các mẩu báo ấy được dán dọc theo trang giấy. Nhưng cũng có đôi chỗ dán ngang như ở chỗ dán bài "Đội thám hiểm Ta-ta-ri-nốp. Hãy mua bưu ảnh!

1. Lời cầu trước khi xuất phát.

2. Chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri tại vũng tàu".

Tôi xem xong quyển thứ nhất rất nhanh, sau đó xem tiếp quyển thứ hai, rồi quyển thứ ba. Chẳng có "giấy tờ" gì như tôi đã

hiểu cái từ này trong buổi nói chuyện với bác I-van Pa-vơ-lứt. Chỉ có những bài và những mẩu tin về đội thám hiểm đi từ Pê-téc-bua dọc theo bờ biển Xi-bê-ri lên Vla-đi-vô-xtốc.

Những bài báo này là những cái gì? Tôi bắt đầu đọc những bài báo ấy và không sao dứt ra được nữa. Toàn bộ cuộc sống trước kia như bày cả ra trước mắt tôi. Tôi đọc với một tâm trạng đau khổ uất ức và tiếc thương da diết. Sở dĩ tôi tiếc thương vì chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri" đã bị nạn ngay từ trước khi rời khỏi bến. Đấy là điều tôi tin chắc sau khi đọc những bài báo này. Còn đau khổ uất ức chính là vì bây giờ tôi mới biết những kẻ vô lương ấy đã lừa gạt, hãm hại bố tôi như thế nào. Cái tính nhẹ dạ dễ tin người và tâm hồn ngay thẳng của ông đã hại ông như thế đấy.

Dưới đây là tình cảnh xuất phát của chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri" do một "kẻ được mục kích" viết lại:

"... Trên cột buồm của con tàu sắp ra khơi giăng dãy cờ đượm vẻ buồn ảm đạm. Giờ nhổ neo đến gần. Sau khi làm lễ cầu nguyện lần cuối cùng cho các thuyền viên và hành khách, sau khi nói những lời chúc tụng cuối cùng, chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri" từ từ rời khỏi bến. Bờ biển xa khuất dần, nhà cửa và đám người đi tiễn nhòe đi, nhập vào thành một khối kéo dài. Giờ phút này sao mà trang nghiêm long trọng thế! Đây là giờ phút chia lìa với đất liền, với quê hương thân thuộc. Nhưng chúng tôi lại cảm thấy buồn lòng và xấu hổ trước cuộc tiễn đưa lạnh nhạt và trước những bộ mặt ngạo nghễ khinh đời ấy. Chiều tà buông xuống. Chiếc tàu "Xanh Ma-ri" dừng lại ở cửa sông Đơ-vi-na. Những người đi tiễn đã uống cạn những cốc rượu sâm banh để chúc đội thám hiểm thành công... Lại một lần nữa diễn lại cảnh bắt chặt tay nhau và cảnh ôm nhau thắm thiết. Họ sắp phải trở lại thuyền "Thiên Nga" để trở về thành phố. Kìa những người đàn bà đang đứng

trên thành thiếc tàu thủy nhỏ vẫy tay không ngớt. Họ lau nước mắt rồi lại vẫy tay. Từ trên chiếc tàu mỗi lúc một xa dần vẳng lại tiếng chó sủa cáu kỉnh. Chiếc tàu bé dần và cuối cùng biến thành một chấm nhỏ trên đường chân trời lúc nhá nhem tối... Ôi những con người dũng cảm, những gì đang chờ đón các bạn ở phía trước?"

Chiếc tàu buồm ra đi làm cuộc viễn hành như thế đấy. Từ tháp đèn hải đăng Ác-khan-ghen-xcơ phát ra những tín hiệu tiễn biệt con tàu: "Chúc cuộc hành trình thành công và hạnh phúc!" Nhưng lạy chúa, giữa lúc ấy ở trên bờ đã xảy ra những gì! Giữa các con buôn cung cấp vật tư cho chiếc tàu buồm đã nổ ra cuộc tranh cãi bỉ ổi, những cuộc kiện cáo và những cuộc bán đấu giá phần vật tư và lương thực thực phẩm bị buộc phải để lại trên bờ. Tất cả những cái đó đã phải dem bán đấu giá. Và còn biết bao lời trách móc, đặc biệt là đối với bố tôi. Chiếc tàu khởi hành chưa được một tuần lễ, người ta đã kết tội bố tôi rằng không làm hợp đồng bảo hiểm cho bản thân và những người cùng đi, rằng ông đã xuất phát chậm mất ba tuần lễ so với yêu cầu của những chuyến đi Bắc cực, rằng ông không chờ nhân viên vô tuyến điện đã vội vã nhổ neo. Họ kết tội ông là người hấp tấp, nông cạn, không biết cách lựa chọn thuyền viên, trong số thuyền viên của ông "không có một người nào biết sử dụng buồm". Chúng chế giễu ông và khẳng định rằng trong "chuyến đi mạo hiểm ngu xuẩn này, cũng như trong một giọt nước, phản ánh cái cuộc sống đần độn, phô trương của thời đại chúng ta".

Sau khi chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri" ra đi được ít hôm, trên biển Ca-ra nổi lên một trận bão rất lớn. Thế là ngay lập tức khắp nơi nhao lên những lời đồn đại rằng đoàn thám hiểm đã gặp tai nạn ở ven bờ vùng "Đất mới". Đọc xong những bài báo "Sai lầm của ai?", "Số phận của tàu Xanh Ma-ri". "Tìm Ta-ta-ri-nốp ở đâu?" đã gợi lại cho tôi những ấn tượng khủng khiếp đầu tiên của thời

niên thiếu. Hồi ấy ở En-xcơ, mẹ tôi mặc chiếc áo váy màu đen mới tinh rất đẹp, tay cầm tờ báo, hốt hoảng chạy bổ vào gian phòng nhỏ bé của tôi. Mẹ chẳng thèm nhìn tôi, mặc dù tôi đang nói với mẹ và nhảy từ trên giường xuống, chân đi đất, mình mặc mỗi chiếc áo cánh chạy tới chỗ mẹ. Sàn nhà giá lạnh, nhưng mẹ không bảo tôi lên giường, cũng chẳng bế tôi. Bà cứ cầm tờ báo trong tay đứng sững bên cửa sổ. Tôi cũng cố kiễng chân nhìn ra ngoài cửa sổ theo bà, nhưng tôi không nhìn thấy gì khác, ngoài mảnh vườn trồng hoa nhỏ bé của chúng tôi. Khắp cả mảnh vườn như bị phủ kín bởi một lớp lá phong vàng úa ướt đẫm. Đàng xa kia là mấy rãnh nước và lối đi mòn ướt át. Những giọt nước mưa cuối cùng vẫn lộp bộp rơi xuống mặt đất. "Mẹ ơi, mẹ nhìn cái gì thế?" Mẹ im lặng, tôi hỏi lại lần nữa và rất muốn được mẹ bế. Sự im lặng kéo dài của mẹ làm tôi rất khiếp sợ. "Mẹ ơi!" Tôi khóc gào lên, lúc này mẹ mới quay lại, cúi xuống định bế tôi lên. Nhưng không biết vì sao mẹ không bế nữa mà ngồi bệt xuống sàn rồi ngã vật ra. Mẹ nằm lặng đi người rất thẳng, mình mặc chiếc áo váy màu đen mới tinh rất đẹp. Bỗng một nỗi lo sợ khủng khiếp và không rõ ràng vây chặt lấy tôi. Tôi gào lên nhưng lại chỉ nghe thấy tiếng gào sợ hãi của mình thôi. Tôi có cảm giác như mình đang đấm đá một cái gì. Rồi tôi nghe tiếng nói sợ hãi của mẹ, tôi lại gào lên và không sao ngừng được nữa. Sau đó tôi ngủ thiếp đi và trong cơn mơ tôi nghe thấy văng vẳng tiếng mẹ và bà tôi nói chuyện với nhau. Mẹ nói:

- Con bé nó sợ con đấy.

Tôi im lặng và giả vờ đang ngủ bởi vì dù sao đó cũng là mẹ, cũng bởi vì mẹ đang nói và đang khóc, như mẹ........

Chỉ đến bây giờ, khi đọc lại những bài báo này, tôi mới vỡ lẽ, tại sao lúc ấy mẹ tôi lại như thế.

Nhưng hình như đó chỉ là những tin đồn nhảm. Qua đội thám hiểm "Bưu điện" ở Iu-go-rơ-xki Sa-rơ, thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp đã gửi về "Lời chào mừng nhiệt liệt và những lời chúc tốt lành nhất tới tất cả những người đã ủng hộ và đồng tình với sự nghiệp của đội thám hiểm".

Bức thư này được in lại bằng cách chụp lại bản viết tay của ba tôi lên mặt báo và trên đó còn có một tấm ảnh của ba tôi mà tôi chưa thấy bao giờ. Ba mặc bộ quân phục hải quân. Trên áo cổ đứng có đeo lon màu nhũ trắng: một sĩ quan duyên dáng với bộ ria vểnh ngược trông rất cổ lỗ sĩ.

Không phải ngẫu nhiên mà ba gửi "những lời chúc tốt lành tới tất cả những người đã ủng hộ". Ba hy vọng rằng "Hội đồng nghiên cứu của các nước về miền Bắc cực nước Nga" sẽ dùng món tiền quyên góp được đó vào việc cứu trợ cho các gia đình thuyền viên. Về việc này, ba đã viết rõ trong bản báo cáo của mình gửi về qua đội thám hiểm Iu-go-rơ-xki và đã được đăng trên tờ báo "Thời Mới" như sau:

"Tôi tin chắc rằng Hội đồng sẽ không bao giờ để cho gia đình của những người hy sinh thân mình vì sự nghiệp chung của dân tộc phải sống cảnh long đong vất vả".

Niềm hy vọng đó đã trở thành vô ích! Cũng trên tờ báo ấy, ngày hai bẩy tháng Sáu, tôi đọc được bản báo cáo về một cuộc họp của Hội đồng: "Theo lời của vị thư ký Hội đồng là N. A. Ta-ta-ri-nốp, thì kết quả cuộc quyên góp mới này hoàn toàn không đáng kể. Đã dùng nhiều hình thức khác nhau và cả nhiều biện pháp khác như tổ chức những trò giải trí vân vân cũng không thu được những món tiền lời như dự định. Vì vậy kế hoạch tổ chức trò chơi để thu một nghìn rúp trợ giúp các gia đình thuyền viên của Hội đồng không thể thực hiện được nữa".

Khi dọc đến những chữ "tổ chức trò chơi để thu tiền" này tôi

cảm thấy buồn cười và mỉa mai hết chỗ nói... Làm như mẹ con tôi đã sống như những người rất nghèo khổ, sống nhờ vào của bố thí thu góp bằng con đường cứu tế ấy!

Song những ý nghĩ ấy cũng chỉ lướt qua trong đầu óc tôi. Nó không bắt tôi phải đặc biệt nghiền ngẫm mối hận mà có lẽ nó cũng lớn bằng tuổi tôi. Trên các tờ báo cũ này còn có một giọng điệu khác khiến tôi chú ý và làm cho tôi vô cùng kinh ngạc: một số người đồng thanh đoán rằng việc chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri" bị nạn là một việc không thể tránh khỏi. Có những kẻ cầm bút chì trong tay tính đi tính lại nhiều lần và đoán chắc rằng nó sẽ không thể đi đến vùng "Đất mới" được. Một số kẻ khác cho rằng con tàu thế nào cũng sẽ bị lớp băng đầu tiên vây hãm và chỉ sau đó ít lâu sẽ bị tiêu diệt trong khi đi dọc theo vùng đảo Phơ-ran-xơ I-ô-xíp và trở thành "tù binh của Bắc băng dương".

Chỉ có một nhà thơ nào đó viết một bài thơ đăng trên báo ở Ác-khan-ghen-xcơ là có thể nhận xét ông ta có quan điểm hoàn toàn khác. Bài thơ nhan đề "Tặng I. L. Ta-ta-ri-nốp":

*Anh cừ lắm! Giữ được số phận mình!*

*Nghị lực của anh và những rủi ro*

*Đã cắt đứt vành Bắc cực*

*Và những khối băng vững chắc đã phải cúi đầu...*

Trước đây tôi cũng đã biết khá nhiều. Trong bức thư Xa-nhi-a tìm thấy ở En-xcơ, ba có viết rằng "Trong sáu mươi con chó thì phần lớn đã phải bắn chết ngay từ vùng "Đất mới"". Trong bản ghi chép mà Xa-nhi-a ghi lại lời Vư-si-mia-xki có nói về những bộ quần áo mục, về những thanh kẹo sô-cô-la bị ngấm dầu hỏa. Trên tờ báo "Ác-khan-ghen-xcơ" tôi đọc được bức thư của một tên nhà buôn E. V. Đê-mi-đốp. Lão ta viết rằng: "việc buôn thịt muối và quần áo may sẵn không phải là nghiệp chính của lão ta.

Hồi đó lão ta chỉ là một người mở hiệu cầm đồ. Lão ta không thể cáng đáng nổi những việc buôn bán lớn như thế - tất nhiên đó là việc theo dõi từng miếng thịt và từng con cá, xếp lên tàu. Lúc nào cũng nhận được những bức điện như thế này của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp: "Xin ngừng việc mua vào vì hiện giờ không có tiền". Hoặc là: "Hãy bán lại những vật phẩm đã mua lỡ - tiền hết", vân vân và vân vân. Đã không có tiền sao còn đi trang bị cho đội thám hiểm vậy?... Nếu quả thực trong việc làm gấp gáp này có xảy ra vấn đề gì thì chớ có đi tìm kẻ phạm sai lầm trong đám người đi buôn, mà hãy đi tìm nó trong những người thuộc tầng lớp trên"...

Thế mà trước đây tôi chẳng biết chút gì, cả Xa-nhi-a cũng vậy. Tôi cũng không hiểu tại sao mẹ tôi không bao giờ nói đến chuyện ấy cả. Ba ngày trước khi tàu "Xanh Ma-ri" nhổ neo, người ta phát hiện có vết nứt nguy hiểm và nhiều vết búa ở phần sâu dưới nước của hai sườn tàu. Những vết nứt ấy đã được đo đạc và chụp ảnh cẩn thận. Vết to nhất có bề rộng mười hai đi-um [1] và bề dài hai phút [2] bốn đi-um. Còn những vết khác thì bé hơn.

Nguyên nhân những vết nứt ấy rất phức tạp. Song dẫu sao nó vẫn khiến cho người ta nghĩ đến cái việc là nếu chẳng may chiếc tàu bị nạn thì người chủ mới của nó có thể nhận được một món tiền bảo hiểm rất khả quan.

Đương nhiên, bây giờ không cần phải có nhiều bằng cứ mới để chứng minh rằng ba tôi đã bị nạn và vĩnh viễn không bao giờ trở về nữa. Thực ra thì ông không thể không gặp nạn. Ba đã bị đẩy vào con đường chết không tránh khỏi và ba đã hy sinh.

---

(1) 1 đi-um = 25 mi-li-mét

(2) 1 phút = 30,5 cen-ti-mét

## Chương 4

# Chúng ta hãy cạn cốc vì Xa-nhi-a

Như tôi đã nói, mùa hè năm ấy tôi có rất nhiều công việc phải làm. Cô sinh viên năm thứ ba được phân công giúp việc cho tôi là một người quá chậm chạp, ngù ngờ. Tôi chẳng những phải làm thay tất cả mọi việc cho cô mà còn phải an ủi cô nữa, bởi vì chính cô cũng hết sức buồn phiền về cái nỗi chậm chạp, ngù ngờ của mình. Bản thân tôi cũng có nhiều vấn đề không thể hiểu nổi cho nên cứ hai ba ngày tôi lại phải chạy đến bà giáo sư già của tôi để hỏi. Bà này bao giờ cũng gọi tôi là "cô bé" và lúc nào cũng lo lắng cho tôi, bảo tôi gầy quá. Quả thực dạo này tôi gầy sút đi nhiều và xanh xao hơn, bởi vì hình như chưa bao giờ tôi lại phải suy nghĩ và xúc động như những ngày này. Đọc một bài báo tôi cũng bị xúc động; chậm nhận được thư của Xa-nhi-a tôi cũng xúc động; khi bà giận tôi, tôi cũng xúc động, thậm chí bà không đến chơi tôi cũng xúc động. Ngoài ra, chuyện của Va-li-a và Ki-ra cũng khiến tôi băn khoăn mãi...

Cuộc sống của họ vẫn rất tốt đẹp. Hai người vẫn thường ngồi trong "buồng bếp" khe khẽ nói chuyện với nhau như thường lệ,

sau đó cùng uống trà với một vẻ nghiêm trang, đầy hạnh phúc và hơi thộn. Nhưng có một lần, cuộc nói chuyện thầm thì giữa hai người bỗng dừng lại nửa chừng, sau đó là một hồi im lặng rồi họ bắt đầu lớn tiếng cãi nhau. Tôi sợ quá và cũng gắt lên. Nhưng ngay lúc đó Va-li-a đi ra, mặt đỏ gay và chui vào trong cái tủ làm ở trong tường. Có lẽ anh ta tưởng lầm đó là cái cửa ra vào. Tôi đưa cho anh ta cái mũ và rụt rè hỏi xem chuyện gì đã xảy ra. Anh ta trả lời:

- Hỏi bà bạn của chị xem đã xảy ra chuyện gì.

Tôi không còn nhớ rõ lần cuối cùng trông thấy Ki-ra khóc là vào khi nào. Hình như hồi ở lớp năm, cô ta khóc vì bị "điểm kém" về môn vẽ kỹ thuật. Giờ đây cô ta lại khóc và khóc sướt mướt, hai tay lau nước mắt y như một đứa trẻ con.

- Ki-ra, có chuyện gì xảy ra thế?

- Chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Chúng mình quyết định đi đăng ký, nhưng anh ấy không chịu dọn nhà. Chỉ có thế thôi.

- Vì mình ở đây nên chật quá chứ gì?

- Chẳng vì cái gì cả. Anh ấy bảo tớ phải tự suy nghĩ và đoán lấy. Nhưng thực tình mà nói, tớ chẳng đoán được gì cả. Anh ấy muốn tớ dọn đến ở nhà anh ấy. Nhưng tớ thì lại không muốn. Đến ở nhà anh ấy thì cái gì cũng phải lo sắm sửa. Vậy bao giờ tớ mới sắm sửa được hết? Còn ở đây, nói chung cái gì cũng sẵn - nào bát đĩa, nào khăn giải bàn, nào chăn màn đều có đủ.

- Lại còn có mẹ nữa.

- Đúng thế, lại có cả mẹ nữa.

Chúng tôi nói chuyện với nhau suốt cả buổi tối. Đến đêm khi Ki-ra đến chỗ tôi nói rằng cô ta đã đoán ra rồi - có gì đâu, chỉ là do anh chàng không yêu cô ta nữa. Tôi đã phải chứng minh cho

cô ta rất lâu rằng Va-li-a vẫn rất yêu cô ta, nếu không yêu sao anh chàng lại tỏ ra xúc động đến như thế. Tôi nói mãi đến bảy giờ sáng ngày hôm sau. Không biết có phải là cuối cùng tôi đã thuyết phục được Ki-ra rồi hay không, nhưng bất ngờ nghe cô ta thốt lên rằng: cô ta biết rất rõ, cô là người không tốt, còn Va-li-a là một thanh niên hoàn hảo. Cô ta còn nói là sẽ viết thư cho Va-li-a để nói rằng cô không xứng đáng với anh ấy. Anh ấy không yêu cô cũng là phải thôi, vì cô quá ngu muội.

- Có điều là trước khi gửi thư đi, cậu phải đưa cho mình xem đã, đồng ý không? - Tôi nói giọng ngái ngủ, và cảnh cuối cùng tôi nom thấy trước khi ngủ là cảnh Ka-ri mặc áo lót, ngồi bên bàn viết lia lịa...

Sáng hôm sau, tôi và Ki-ra đem bức thư nhảm nhí mà Ki-ra đã viết ra đọc rồi lại xé đi. Sau đó tôi đến nhà Va-li-a. Anh ta đang làm việc ở Vườn bách thú. Tôi bỗng nhớ lại có lần chúng tôi và Xa-nhi-a đến chỗ anh và anh đã giới thiệu cho chúng tôi xem những loài gặm nhấm của anh như thế nào. Giờ đây, những ngôi nhà cũ không còn nữa, thay vào là cả một dãy nhà trắng xóa rực rỡ có nhiều hàng cột. Còn Va-li-a cũng không cần phải cam đoan với người gác cổng rằng anh là nhân viên phòng thực nghiệm sinh vật nữa. Nhưng trong dãy nhà trắng toát đẹp đẽ này vẫn xông lên mùi hôi của chuột. Còn Va-li-a cũng vẫn như thế, khác chăng là anh đã khoác áo choàng trắng và để râu tua tủa. Tôi thật nực cười, vì hồi đêm Ki-ra có kể cho tôi nghe rằng Va-li-a thôi không cạo râu nữa.

Anh mời tôi ngồi rồi cũng buồn bã ngồi xuống bên cạnh.

- Va-li-a, trước hết cần nói ngay rằng hôm nay tôi đến đây là do sáng kiến riêng của tôi. Anh đừng có nghĩ rằng tôi đến là do Ki-ra xui khiến, - tôi nói giọng cáu kỉnh.

Anh nói giọng run run: "Thế à?" khiến cho tôi không khỏi có chút thương thương. Nhưng tôi vẫn nói giọng nghiêm trang.

- Nếu anh có những lý do nghiêm túc để ở nhà mình, mặc dù anh dọn đến ngõ Xíp-xép Vra-giéc sẽ tiện lợi hơn gấp nghìn lần, anh cũng cần phải nói và giải thích cho Ki-rạ rõ, chứ đừng có yêu cầu cô ta phải tự đoán ra.

Anh ta im lặng.

- Chị có biết không, vấn đề là... tôi không thể dọn đến ngõ Xíp-xép Vra-giéc ở được, mặc dù tôi cũng đồng ý rằng ở đó rất tốt. Ở đó có thể vừa có phòng làm việc, vừa có phòng ngủ, đặc biệt là nếu bỏ tấm phên ngăn đi thì cái nhà kho hiện nay có thể làm thành cái phòng thí nghiệm nhỏ được. Nhưng điều đó không thể được.

- Tại sao?

- Tại vì... Này, thế bà ta không nói với chị à? - Đột nhiên anh ta hỏi giọng thất vọng.

- Ai cơ?

- Bà mẹ của Ka-ri ấy.

Tôi cười rũ người ra.

- Chị cảm thấy buồn cười cũng phải thôi, - Va-li-a nói. - Tất nhiên là chị cảm thấy buồn cười. Nhưng tôi thì không thể. Tôi đã cảm thấy rất khó chịu. Có một lần bà ta cứ hỏi đi hỏi lại tôi rằng: "Sao trông mặt anh tái xanh tái xám thế kia?" Câu hỏi ấy suýt nữa làm tôi nổi khùng lên... Và lúc nào bà ta cũng lẩm nhẩm nhắc đến cái tên Vác-va-ra Ra-bi-nô-vích nào đó, hình như bà ta thế nào ấy... Không, chẳng bao giờ tôi chịu dọn đến đó ở đâu.

- Té ra là như thế đấy, hả Va-lia-a, - tôi nói giọng trang nghiêm. - Tôi thật không thể biết được trong hai người, anh hay là bà ta

là người có lỗi. Nhưng có điều rõ ràng là anh đã cư xử với Ki-ra rất vô lý. Cả đêm qua Ki-ra không hề ngủ được chút nào, nó nằm khóc mãi cho đến sáng. Bất luận thế nào anh cũng phải thu xếp đến gặp và nói rõ mọi sự cho Ki-ra rõ.

Vẻ đau khổ hiện lên trên nét mặt Va-li-a, anh chàng luôn chân đi đi lại lại trong phòng.

- Tôi không đi đâu!

- Va-li-a!

Anh ta im lặng một cách bướng bỉnh. "Chà, không ngờ cái anh chàng này mà cũng cứng cỏi thế!" - Tôi thầm nghĩ, trong lòng có chút thán phục.

- Thế thì từ nay về sau anh đừng có đến tìm tôi nữa đấy! - Tôi nói giọng bực tức và đứng dậy định ra về, nhưng anh ta cứ một mực giữ lại. Và chúng tôi lại nói chuyện với nhau thêm hai tiếng đồng hồ nữa, bàn cách làm thế nào để bà mẹ của Ki-ra không lắm lời nữa...

Kể lại nguyên si câu chuyện này cho Ki-ra nghe là điều bất tiện, nhưng dù sao tôi cũng đã nói cho Ki-ra nghe đầu đuôi câu chuyện đã xảy ra. Ki-ra tỏ ra hết sức ngạc nhiên, sau đó có kể cho tôi biết rằng ngày nào bà mẹ của cô ta cũng kêu Va-li-a, trách anh ta ba hoa lắm lời. Có một lần sau khi chàng con rể tương lai vừa ra khỏi nhà, bà nằm nhoài ra giường, đắp chiếc khăn ướt lên trán và tuyên bố là không thể tiếp tục nghe cái giọng huyên thuyên bát nháo của anh ta nữa. Bà còn tuyên bố Ki-ra là một con điên, nếu đi lấy những người như anh ta, vì lúc nào anh ta cũng thao thao bất tuyệt như cái máy phóng thanh, không còn để chỗ hở cho người khác nói xen vào.

Loáng một cái, Ki-ra đã mặc xong quần áo và chạy phóng đi

tìm Va-li-a, mặc dầu tôi đã cố ý nhấn mạnh rằng nếu ở địa vị ấy, nhất định không bao giờ tôi chịu hạ mình đi tìm Va-li-a trước. Và ngay tối hôm đó hai người đã lại ngồi trong nhà bếp thầm thì trò chuyện với nhau rồi. Cả hai đều nhất trí là bằng bất cứ giá nào cũng sẽ đến ở thử tại ngõ Xíp-xép Vra-giéc.

Buổi tối hôm ấy vô cùng đẹp. Đó là một buổi tối đẹp nhất trong những ngày tôi xa cách Xa-nhi-a. Hôm trước tôi nhận được một bức thư của anh ấy gửi về - một bức thư vừa dài vừa hay vô kể. Qua thư, anh cho tôi biết anh đã đọc được rất nhiều sách và vừa bắt đầu học tiếng Anh. Chợt tôi nhớ lại cái bộ mặt ngơ ngác ngạc nhiên đến buồn cười của anh, khi anh đột ngột biết tôi đọc sách tiếng Anh đã khá thạo. Và sau đó có một lần anh nghe mọi người nói đến nhạc sĩ Sô-xta-cô-vích mà anh chưa hề biết đến tên bao giờ, khiến anh ngượng đến đỏ chín cả mặt. Nói tóm lại, đấy là bức thư tuyệt diệu đã đem đến cho tôi một niềm vui hân hoan và một nguồn an ủi bất tận.

Tôi và bà A-lếch-xan-đra Đi-mi-tri-ép-na bí mật chuẩn bị một bữa cơm tối khá thịnh soạn có cả rượu nho để thết đôi "uyên ương" đang say đắm kia. Tuy món xà lách với tôm hùm mà Va-li-a rất thích ăn bị chúng tôi nhỡ tay cho quá nhiều muối - tôi đã cho rồi, sau đó bà Đi-mi-tri-ép-na lại cho nữa - nhưng cuối cùng món ấy cũng hết nhẵn. Thì ra từ tối hôm trước, chẳng những Va-li-a bỏ không cạo râu mà còn bỏ cả cơm, chẳng ăn uống gì.

Chúng tôi cùng nâng cốc chúc mừng sức khỏe của Xa-nhi-a và sau đó chúc cho mọi sự nghiệp của anh thành công tốt đẹp.

- Cạn cốc vì sự nghiệp vĩ đại của Xa-nhi-a! - Va-li-a nói. - Tôi tin rằng trong cuộc đời anh ấy, anh ấy sẽ có những sự nghiệp vĩ đại.

Sau đó Va-li-a kể rằng năm 1925, khi anh ta làm việc trong

Hội đồng những nhà khoa học tự nhiên trẻ tuổi, trực thuộc Ban chấp hành thành đoàn thanh niên cộng sản thành phố Mát-xcơ-va, có một lần anh đã khuyên Xa-nhi-a đi du ngoạn đến Xe-rơ-bri-an-nưi Bo-rơ và Xa-nhi-a đã bỏ ra rất nhiều thì giờ để suy nghĩ xem chuyến đi ấy sẽ thú vị như thế nào. Rồi chợt Xa-nhi-a thốt lên hai câu danh ngôn khiến cho mọi người phải sửng sốt trước cái tài nhớ dai của anh ấy:

*Phấn đấu, hãy phấn đấu đi, khi niềm hy vọng còn chưa bị tiêu vong.*

*Trong cuộc sống còn có cái gì kỳ diệu hơn việc phấn đấu đi lên?*

Và anh ấy nói rằng đi bắt chuột đồng không phải là lĩnh vực của anh ấy.

Bà A-lếch-xan-đra Đi-mi-tri-ép-na tỏ ý muốn nói một đôi câu. Tôi và Ki-ra đều lo là bà sẽ nói về bà Vác-va-ra Ra-bi-nô-vích. Nhưng may sao lần ấy bà chỉ ngâm cho chúng tôi nghe mấy câu thơ và nói rằng bà cũng có một sức nhớ đặc biệt đối với thơ ca.

Chúng tôi cứ ngồi nói chuyện như thế và uống rượu cho đến tận mười hai giờ đêm. Bỗng có người bấm chuông ở ngoài cửa, lúc ấy A-lếch-xan-đra Đi-mi-tri-ép-na đương diễn trò nhại tiếng của người khác. Bà liền ngừng lại và cho biết bác công nhân đổ rác đã đến. Tôi liền chạy vào bếp xách thùng rác và nước bẩn ra mở cửa. Nhưng không ngờ, người vào nhà lại không phải là bác công nhân đổ rác mà là Rô-ma-sca. Khi tôi vội vã mở cửa bước ra, anh chàng lặng lẽ nhảy giật lùi mấy bước rất nhanh và bỏ mũ xuống.

- Tôi có một việc rất gấp có liên quan đến chị, vì vậy mặc dù trời đã khuya, tôi vẫn quyết định đến đây...

Anh ta nói giọng hết sức nghiêm trang, nên tôi cũng tin ngay rằng có một việc rất gấp thực và việc ấy có liên quan trực tiếp đến tôi. Tôi tin như thế là bởi vì thấy anh ta rất điềm tĩnh.

- Được anh cứ nói đi!

Hai chúng tôi cứ thế, mặt đối mặt đứng nhìn nhau; anh ta khép nép cầm mũ ở tay, còn tôi thì xách thùng rác và nước bẩn. Sau đó tôi chợt nhận thấy làm như thế không tốt, nên liền đem giấu thùng rác vào phía sau cánh cửa.

- Tôi e nói ở đây không tiện, - anh ta nói rất lễ phép. - Hình như chị đang có khách?

- Không đâu.

- Có thể nói ngay ở đây, ở chỗ cầu thang này được không? Hay là chúng ta ra ngoài kia, ngoài đường phố. Tôi cần phải báo ngay cho chị biết...

- Anh chờ một phút, - tôi nói nhanh.

Bà A-lếch-xan-đra Đi-mi-tri-ép-na đang réo gọi tôi. Tôi cài chốt cửa lại rồi đi về phía bà.

- Ai ngoài đó thế?

- Bác A-lếch-xan-đra Đi-mi-tri-ép-na ạ, cháu đi một lát sẽ về ngay, - tôi nói vội. - Nếu không thấy về, thôi thì thế này vậy... khoảng mười lăm phút nữa bác bảo Va-li-a xuống đường phố tìm cháu. Cháu sẽ ở ngoài đó.

Bà ta còn đương nói gì, nhưng tôi đã lao ra ngoài và đóng sầm cửa lại.

Tối hôm đó trời hơi lạnh mà tôi chỉ mặc có mỗi chiếc váy liền áo nên khi cùng bước xuống cầu thang, Rô-ma-sca nói "Chị cẩn thận kẻo bị cảm lạnh đấy". Hình như anh chàng muốn đưa áo choàng cho tôi khoác, áo đã cởi cầm tay nhưng không dám đưa.

Mãi khi hai người cùng ngồi xuống, anh chàng mới đánh bạo đặt chiếc áo xuống ghế cạnh tôi. Thật ra thì tôi không cảm thấy lạnh mấy. Vì uống nhiều rượu cho nên mặt tôi nóng phừng phừng và trong dạ cũng rất bồn chồn. Tôi có cảm giác anh ta đến lần này không phải là chuyện đơn giản chút nào.

Đường phố vắng tanh, im ắng khác thường. Từ chỗ bức tượng Gô-gôn đến cuối dãy hàng rào sắt chỉ có mấy cụ già chống gậy ngồi trên những chiếc ghế dài - mỗi cụ ngồi một ghế. Phía sau dãy hàng rào, người ta đang mở rộng bến xe "Cung Xô Viết".

- Ca-nhi-a, tôi có câu chuyện muốn nói với chị, - Rô-ma-sca nói đắn đo từng chữ một. - Tôi biết rằng việc thành lập đội thám hiểm đối với chị là việc rất quan trọng, đồng thời đối với...

Anh ta ngần ngừ một chút rồi nói luôn:

- Đồng thời đối với Xa-nhi-a cũng vậy. Thực ra thì tôi không cho vấn đề này quan trọng đến thế, nghĩa là nó cũng chẳng làm thay đổi gì ghê gớm đối với cuộc sống. Đối với ông bố dượng của chị thì chắc chắn là ông ta rất sợ chuyện này. Nhưng câu chuyện có liên quan đến chị nên tôi cũng không thể nào bỏ lơ đi được.

Anh ta nói bằng một giọng hết sức tự nhiên.

- Tôi đến cốt để báo trước chị biết.

- Báo tin gì cơ?

- Đội thám hiểm sẽ không thành lập nữa.

- Không đúng! Chính bác TR. đã báo cho tôi biết qua điện thoại cơ mà.

- Vừa mới quyết định lại xong. Họ cho là không cần thiết phải cử một đội thám hiểm ra đi như thế, - Rô-ma-sca nói giọng rất điềm tĩnh.

- Ai quyết định như vậy? Anh nghe tin ấy ở đâu?

Anh chàng quay đi, rồi lại nhìn tôi mỉm cười.

- Tôi không biết nên nói như thế nào. Lần này không khéo tôi lại trở thành một kẻ như chị vẫn gán cho tôi là tên đê tiện mất.

- Anh muốn nói thế nào cũng được.

Tôi cứ lo anh ta đứng dậy đi mất. Bởi vì anh ta rất bình tĩnh và hết sức tự tin, thật không còn giống cái anh chàng Rô-ma-sốp trước đây chút nào nữa. Nhưng anh ta không bỏ đi.

- Ni-cô-lai An-tô-nô-vích nói với tôi rằng ông tổng cục phó Tổng cục đường hàng không Bắc cực có báo cáo về việc thành lập đội thám hiểm, nhưng bản thân ông ta thì lại phản đối chủ trương ấy. Ông cho rằng việc đi tìm kiếm người thuyền trưởng đã mất tích hơn hai mươi năm nay không phải là nhiệm vụ của Tổng cục đường hàng không Bắc cực. Nhưng, theo tôi thì... - Rô-ma-sốp hít một hơi dài, có lẽ anh ta cảm thấy nóng ngột ngạt nên bỏ mũ ra đặt lên đầu gối rồi nói tiếp, - đấy không phải là ý kiến của bản thân ông ta.

- Thế thì là ý kiến của ai?

- Của chính Ni-cô-lai An-tô-nô-vích, - Rô-ma-sốp nói vội. - Ông ta có phần ăn cánh với vị tổng cục phó kia, được tổng cục phó coi là một chuyên gia lớn về mặt nghiên cứu lịch sử Bắc cực. Vả lại việc tìm kiếm thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp mà không bàn bạc với ông ấy thì còn biết bàn bạc với ai nữa! Đội thám hiểm trước kia là do ông ấy đích thân phụ trách trang bị, về sau ông ta có viết một số bài báo về đội thám hiểm ấy. Ông ta còn là ủy viên của Hội địa lý học, và lại là một ủy viên khá có uy tín.

Tôi xúc động vô cùng. Trong khoảnh khắc này tôi không có đủ thì giờ để suy nghĩ kỹ xem tại sao Ni-cô-lai An-tô-nô-vích lại cứ cố tìm mọi cách để ngăn trở việc tìm kiếm, và cũng không đủ

thì giờ để tìm ra nguyên nhân tại sao Rô-ma-sốp lại một lần nữa bán rẻ ông ta. Tôi cảm thấy bị xúc phạm, chẳng những vì cha tôi, mà còn vì Xa-nhi-a nữa.

- Ông ta tên là gì?

- Ai kia?

- Cái người cho rằng không cần thiết phải đi tìm vị thuyền trưởng bị mất tích ấy.

Rô-ma-sốp nói tên họ của người ấy ra.

- Đương nhiên là tôi không có ý định đi tìm gặp để cãi lý với ông Ni-cô-lai An-tô-nô-vích, - tôi nói tiếp, cảm thấy hai lỗ mũi căng lên vì tức giận. Tôi cố giữ vẻ bình tĩnh bên ngoài, nhưng thực ra tôi không làm được như thế. - Nhưng thế nào tôi cũng sẽ đến văn phòng của Tổng cục đường hàng không Bắc cực để nói rõ sự việc cho mọi người biết về ông ta. Lần trước Xa-nhi-a không kịp tính nợ với ông ta, không biết có phải vì anh ấy thương hại ông ta không... Nhưng mà anh nói thật đấy chứ? - Tôi bỗng ngước nhìn Rô-ma-sốp, hỏi đột ngột. Trong lòng lúc ấy nghĩ rằng kẻ nói ra tin này vẫn chính là anh ta. Vì yêu tôi, có thể anh ta cố tìm mọi cách để làm hại Xa-nhi-a!

- Không nói thật thì tôi bịa chuyện để làm gì? - Rô-ma-sốp thong thả nói. - Rồi chị sẽ biết rõ. Thế nào rồi họ cũng sẽ báo cho chị biết tin ấy. Theo tôi, chị cũng nên đi gặp mọi người nói cho rõ vấn đề. Nhưng chị chớ nên để lộ đã nghe tin này từ đâu, sẽ phiền ra, - ngừng một thoáng rồi anh ta lại nói tiếp. - Nếu để Ni-cô-lai An-tô-nô-vích biết việc này thì ông ta sẽ cho là tôi nói xấu ông ta...

Nói xấu Ni-cô-lai An-tô-nô-vích là vì tôi - đấy là thâm ý của anh ta khi nói câu này. Anh ta nhìn tôi, chờ tôi nói.

- Tôi không nhờ anh nói xấu bất cứ ai cả, nhưng lần này (tôi suýt nói: "lần đầu tiên trong đời anh") anh đã làm một việc đúng với lương tâm và anh đã thực sự giúp đỡ tôi, tôi cho rằng việc làm ấy không có gì là đáng xấu hổ cả. Tôi không biết thái độ hiện nay của anh đối với Ni-cô-lai An-tô-nô-vích thế nào.

- Khinh bỉ.

- Thôi được, đó là chuyện của các anh, - tôi đứng phắt dậy, vì cảm thấy khó chịu trong lòng. - Dầu sao cũng nên cảm ơn anh, anh Rô-ma-sốp ạ. Chào anh...

Tôi gặp cả ba người: bà A-lếch-xan-đra Đi-mi-tri-ép-na, Ki-ra và Va-li-a ở cạnh ngõ Xíp-xép Vra-giéc. Lúc ấy cả ba người đều đang hốt hoảng chạy đi tìm. Bà A-lếch-xan-đra Đi-mi-tri-ép-na vừa chạy vừa nói: "Trời ơi, tôi nào có ngờ thế này, cô ta chỉ bảo là nếu sau mười phút nữa mà không thấy trở về..."

Đoàn tàu điện dừng lại giữa chúng tôi. Chờ khi đoàn tàu đã chạy đi rồi, cả ba người lại kéo nhau chạy hồng hộc sang con đường cái lớn.

- Đứng lại!

- À, chị ấy đây rồi! Bác A-lếch-xan-đra Đi-mi-tri-ép-na ơi! Chị ấy đây rồi! Ca-chi-a, chị làm sao thế?

- Uống hết rượu nho chưa? - Tôi hỏi giọng trang nghiêm. - Nếu uống hết rồi thì mua nữa... Tôi rất muốn cạn chén để chúc mừng Xa-nhi-a.

## Chương 5

# Ở đây có viết dòng chữ "Tàu xanh Ma-ri""

Hồi ấy ông tổng cục trưởng Tổng cục đường hàng không Bắc cực là một nhà nghiên cứu Bắc cực nổi tiếng. Trên tất cả các tấm bản đồ Bắc cực của nước Nga đều dễ dàng tìm thấy tên ông. Hình như muốn được gặp ông cũng không phải là chuyện đơn giản. Nhưng đồng chí TR. đã gọi điện trước cho ông cho nên tôi được ông tiếp ngay ngày hôm đó. Tất nhiên là tôi cũng phải ngồi chờ một lúc. Nhưng như thế lại càng thú vị, vì trong phòng đợi có khá nhiều thủy thủ và phi công vừa mới từ thành phố Da-pô-li-a-ri-e về. Có một người nét mặt hao hao giống Xa-nhi-a. Tôi bất giác nhìn ngắm anh ta hồi lâu và cố lắng tai nghe xem anh ta nói những gì. Nhưng anh chàng lại hiểu lầm ý tôi nên cố làm ra vẻ nghiêm trang điềm đạm, miệng mỉm cười duyên dáng. Mãi sau, mọi người đều đi hết, chỉ còn lại mỗi mình tôi...

Tôi còn nhớ rất rõ cuộc nói chuyện hôm ấy giữa tôi với ông tổng cục trưởng Tổng cục đường hàng không Bắc cực, vì ngay tối

hôm ấy tôi đã viết thư cho Xa-nhi-a, thuật lại đầy đủ từng câu từng lời của ông cho Xa-nhi-a biết.

Thoạt tiên tôi có phần xúc động và cảm thấy mình đen đủi, nhưng khi nghe ông hỏi tôi bằng một giọng nhẹ nhàng, lịch thiệp: "Bác có thể giúp cháu được gì bây giờ nào?" - Thế là bao nhiêu sự xúc động của tôi đều biến mất. Sau đó tôi lại cảm thấy xúc động, nhưng là một thứ xúc động hoàn toàn khác trước, xúc động bởi niềm vui sướng đột ngột; nó có thể làm cho ta quên hẳn bản thân mình đi mà cảm thấy sự mát dịu dễ chịu vô cùng trong tâm hồn.

- Có một phi công tên là Gri-gô-ri-ép trình lên bác một bản kế hoạch tìm kiếm đội thám hiểm bị mất tích, - tôi bắt đầu nói. - Nghe nói một đội thám hiểm mới đã được thành lập. Nhưng hôm qua...

Ông chăm chú lắng nghe tôi nói. Trông ông giống hệt như hàng trăm hàng nghìn bức ảnh của ông đã đăng trên các báo và tạp chí. Chợt tôi nảy ra một cảm giác kỳ lạ rằng tuồng như không phải tôi đang ngồi nói chuyện với chính ông, mà là đang nói chuyện với bức ảnh của ông vậy.

- Không, - khi nghe tôi hỏi có phải chính ông cũng cho rằng việc tìm kiếm vị thuyền trưởng mất tích là một việc làm vô ích không, thì ông trả lời dứt khoát. - Song, sau khi nghiên cứu tất cả hai luồng ý kiến "ủng hộ" và "phản đối" việc làm này thì chúng tôi thấy rằng công việc tìm kiếm theo kế hoạch cũ chắc chắn sẽ bị thất bại. Vì một là, địa điểm mà bản kế hoạch nêu ra, trong những năm gần đây đều đã ít nhiều được nghiên cứu, nhưng cho đến nay vẫn chưa hề tìm thấy dấu vết của đội thám hiểm tàu "Xanh Ma-ri". Hai là từ Bắc địa đến cửa sông Pi-a-xin cách nhau có đến hơn một nghìn ki-lô-mét, nếu tổ chức tìm kiếm trong một

khoảng xa như thế thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Điểm cuối cùng cũng là điểm quan trọng nhất, là bác không tin tưởng vào lời đề nghị chỉ tiến hành tìm kiếm đội thám hiểm đã mất tích của bố cháu trên khu vực này.

- Còn nghi ngờ gì nữa ạ? Chính là đoàn thám hiểm đã mất tích trong khu vực này! - Tôi nói giọng quả quyết.

- Tại sao?

- Tại vì... - Bỗng nhiên tôi quên mất tất cả mọi chứng cứ mà trước nay tôi vẫn thuộc lòng, hơn nữa vừa rồi lúc ngồi ngoài phòng đợi tôi còn nhẩm lại một lượt nữa và đã đếm chúng bằng đầu ngón tay. - Vì...

Ông nhìn tôi chờ đợi. Đôi mắt ông sáng rực, bộ râu đen nhánh. Ông lặng lẽ nhìn tôi chờ tôi nói. Đấy là những giây khắc vô cùng đáng sợ.

– Một là có thể khẳng định điều ấy qua cuốn nhật ký của người hoa tiêu, - tôi nói giọng hơi run run. - Bác có nhớ ông ấy ghi lại lời bố cháu nói trước kia: “Nếu hoàn cảnh bắt buộc phải rời bỏ tàu, thì tôi sẽ đổ bộ lên hòn đảo mà chúng ta đã phát hiện”. Hai là... - tôi mở túi xách tay rút tấm ảnh Xa-nhi-a để lại đưa cho ông. - Bác xem đây... đằng sau có ghi rõ là hình ảnh của chiếc tàu “Xanh Ma-ri”. Chiếc câu liêm này được tìm thấy ở Tai-mưa.

- Thì cứ cho là như vậy đi. Nhưng tại sao lại không thể cho rằng chiếc câu liêm này là của toán người do người hoa tiêu cầm đầu rời khỏi tàu trước đó hai tháng?

- Vì ông hoa tiêu... Bản đồ của bác đâu? - Mặc dù phía trên bàn có treo một tấm bản đồ Bắc cực rất lớn và hai mắt tôi luôn nhìn chằm chằm vào nó; nhưng có lẽ vì quá xúc động, tôi lại không nhìn thấy nó. - Ông ta đi theo hướng trôi của núi băng và

hướng đó ngược lại với hướng đi của con tàu. Lập luận như thế được chứ ạ? - Tôi cầm chiếc que và đứng trên mặt ghế vì đứng dưới sàn nhà tôi không thể nào với tới eo biển Phơ-lo-ra được. - Bác hãy theo dõi hướng đi của ông ta nhé. Ông ta đã cùng với đội thám hiểm của trung úy Xê-đốp về tới Ác-khan-ghen-xcơ. Chúng ta tiếp tục theo dõi, - tôi nói tiếp, cảm thấy toàn thân lạnh toát và mặt tái đi, nhưng tái vì quá xúc động. - Như bác vừa nói, từ Bắc địa đến cửa sông Pi-a-xin, tất cả mọi nơi đều đã được nghiên cứu mà cho đến nay vẫn chưa có ai bắt gặp được dấu vết của đội thám hiểm, dù là một trường hợp ngẫu nhiên đi nữa. Nhưng còn trường hợp Ru-xa-nốp thì sao? Từ ngày tìm thấy những thiết bị còn lại của ông ta đến khi tìm thấy ông ta phải mất đến bao nhiêu năm. Và đã tìm thấy ông ta ở một nơi như thế nào? Chẳng phải là ở nơi mà tàu bè thường qua lại, khách thập phương thường đi đến đấy ư? Còn hài cốt của người thủy thủ của A-mun-xen nữa, chẳng phải người ta đã tìm thấy ở Đích-xơn, nơi chỉ cách trạm thám hiểm có ba ki-lô-mét đó ư? Không phải như thế, vấn đề không phải là những nơi đó đều đã được chú ý nghiên cứu, mà vấn đề là ở chỗ từ trước tới nay chưa hề có ai đi tìm bố cháu cả. Tuyến hành trình của bố cháu như sau: từ vĩ độ bảy mươi chín độ ba mươi nhăm phút giữa vĩ tuyến tám mươi sáu và tám mươi bảy tiến thẳng ra đảo Nga-la-tư rồi ra quần đảo Noóc-đen-sen-lít. Sau đó có lẽ bị phiêu dạt một thời gian dài, rồi từ eo biển Xtéc-lê-gốp đi vào cửa sông Pi-a-xin. Ở đây có một cụ già người Nê-net đã tìm thấy một chiếc thuyền bằng da thú đặt trên xe trượt tuyết. Sau đó con tàu thám hiểm lại chạy về hướng sông Ê-ni-xây, vì sông Ê-ni-xây là nơi độc nhất có hy vọng gặp được người cứu giúp.

Tôi nhảy xuống khỏi ghế. Ông già rê rê bộ râu, nhìn tôi đầy vẻ lý thú.

- Cháu cầm chắc là như thế chứ?

- Vâng ạ. Không thể có một tình huống khác ạ. Cháu không biết cuối cùng anh Gri-gô-ri-ép đã nêu lên những đề nghị gì? Tàu phá băng "Pa-khơ-tu-xốp" đi đến Bắc địa là để tiến hành nghiên cứu khoa học. Đó là đoàn thám hiểm về địa lý thủy văn, có phải không ạ?

- Đúng.

- Thế thì tốt quá. Dọc đường đi nó có thể xây dựng vài ba địa điểm làm nơi đặt chân cho các đội thăm dò sau này. Anh Gri-gô-ri-ép cho rằng chỉ cần tổ chức hai đội, mỗi đội ba người. Còn cháu thì cháu nghĩ rằng phải có đến ba đội. Đội thứ ba có thể thay bằng một chiếc xuồng máy. Các đội này làm việc dọc theo vùng biển ở ngoài các hòn đảo. Còn tàu "Pa-khơ-tu-xốp" sẽ làm việc ở một nơi gần đấy, như vậy các đội sẽ giữ được liên lạc thường xuyên với nhau.

Nói đến đây tôi nín bặt vì ông Tổng cục trưởng chợt vừa cười vừa đứng dậy, đến ngồi bên cạnh tôi.

- Khá lắm. Cháu rõ đúng là con gái của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp, - ông nói giọng vui vẻ. - Cháu là nhà địa lý học phải không?

- Không, cháu là nhà địa chất.

- Năm thứ mấy rồi?

Tôi trả lời rằng tôi đã tốt nghiệp đại học và đã công tác tại Cục địa chất ở Ba-skia được hai năm.

- Cháu có anh chị em không?

- Không ạ, cháu chỉ có một mình.

- Thế mẹ cháu?

- Mẹ cháu mất rồi.

Ông im lặng hồi lâu đầy vẻ cảm thông. Sau đó ông liền trở lại với phương án của Xa-nhi-a.

- Tất nhiên là toàn bộ công việc này không đơn giản chút nào, - ông trầm ngâm nói. - Nhưng không phải là không thể tiến hành được... Một chiếc xuồng máy, tất nhiên không phải là vấn đề lớn lao gì. Nhưng trước khi quyết định việc này cần phải gặp Gri-gô-ri-ép đã. Hiện giờ anh ấy ở đâu.

- Anh ấy đang ở thành phố Da-pô-li-a-ri-e ạ.

Tim tôi đập rộn lên, và không hiểu vì sao tôi lại nhắc lại một lần nữa:

- Ở thành phố Da-pô-li-a-ri-e.

Ông quay sang nhìn tôi, vẻ đầy ý vị.

- Chúng ta sẽ mời anh ấy về ngay đây đi, mời về ngay, - ông nhắc lại với giọng hân hoan như con trẻ. Chỉ qua mấy câu nói và thái độ của ông, tôi đã vỡ nhẽ rằng đồng chí TR. đã để lộ cho ông biết quan hệ giữa tôi với Xa-nhi-a rồi. - Cháu nghĩ thế nào. Việc này cần đến sự có mặt của anh ta chứ?

- Vâng, cần ạ, - tôi đánh bạo trả lời.

- Thế này nhé. Hôm nay được làm quen với cháu, bác rất vui mừng, - ông đứng lên, nói giọng nghiêm trang. - Dầu rằng sau này đội thám hiểm có thành lập hay không cũng vậy; hôm nay cháu đến đây trình bày rất sôi nổi, rất nhiệt tình là việc rất có ích, rất tốt.

## Chương 6

# Ở nhà bà

Như tôi đã kể, tối nào bà tôi cũng đến thăm tôi. Lần nào đến bà cũng giữ một vẻ quan trọng đặc biệt và lần nào bà cũng hãnh diện bắt chuyện rất chặt với bà mẹ của Ki-ra. Bà rất bình tĩnh về chuyện tôi đã rời bỏ "căn phòng đẹp nhất" của mình để đến ở "nhà người khác". Và bà còn tỏ ý lo sợ một bà tên là Đô-ra A-bra-mốp-na, vì đã hai lần, bà ấy "mò đến đánh hơi căn phòng của tôi".

- Bà tuổi cao sức yếu rồi, - có một lần bà nói với tôi, nước mắt lưng tròng, - nhưng chưa bao giờ bà phải sống cảnh cô đơn buồn vắng như thế này cả.

Nhưng bỗng có một hôm bà không đến chỗ tôi. Sáng hôm sau bà gọi điện thoại báo cho tôi biết tim bà làm sao ấy. Khi nghe tôi hỏi Ni-cô-lai An-tô-nô-vích có nhà không thì bà nổi cáu ầm lên:

- Sao mày hỏi ngu thế? - Bà hét tướng lên. - Nó còn đi đâu nữa mà không có nhà? Có phải ai cũng như mày, chỉ toàn đi ăn nhờ ở vạ nhà người ta đâu.

Một chặp sau dịu lại, bà bảo rằng Ni-cô-lai An-tô-nô-vích đã

đi vắng rồi. Thế là tôi phải vội vã thu xếp các thứ để về thăm bà ngay.

Bà nằm thượt trên ghế đi-văng, mình đắp chiếc áo khoác màu xanh đã cũ của bà. Một lọ thuốc nước đặt trên chiếc bàn con cạnh đi-văng. Đó là thứ thuốc duy nhất mà bà chịu dùng và khi tôi hỏi thăm tình hình sức khỏe của bà thì bà chỉ khoát tay.

- Cô ấy là người hễ gặp chuyện rắc rối là co rụt lại ngay, - bà nói về người giúp việc cũ, giọng bực tức. - Bây giờ mới biết trước kia cô ta đã từng đi tu. Cô ta là một người rất ngoan đạo. Tao bèn hỏi cô ta "Thế sao cô còn đi làm việc làm gì?" và rồi tao cho cô ta thôi việc ngay.

Bà đuổi chị giúp việc thật là một việc làm rất không hay. Vì dẫu chị là một người ngoan đạo, chị vẫn là một người rất tốt. Và trước đây thậm chí bà còn rất thích chị ấy chỉ vì chị ấy đã từng sống cuộc đời đi tu.

- Bà ơi, sao bà lại làm như vậy? - Tôi hỏi. - Thế là cuối cùng bà ốm và chỉ có mỗi một mình! Cháu phải đưa bà sang ở bên cháu thôi.

- Tao không đi đâu cả! Thật là càng ngày càng chẳng ra làm sao cả!

Bà dứt khoát không chịu lên giường nằm lại và tự khẳng định rằng bà không mắc bệnh tim, chỉ vì chiều hôm qua không nấu thức ăn, chỉ ăn tạm một ít cải củ với thịt mỡ nên bị say đó thôi.

- Nếu bà không đi nằm, cháu sẽ đi ngay bây giờ!

- Ồ, mày lại dọa tao rồi!

Nhưng rồi bà cũng chịu nằm lên giường và chỉ một lát đã ngủ say...

Trong căn phòng của mẹ không biết tại sao hễ mở cửa sổ ra là gió lại lộng lên. Để cho mát tôi mở cả cánh cửa thông ra hành lang. Xong đâu đấy, tôi bước vào căn phòng riêng của mình. Tuy tôi có cảm giác rất khó chịu khi bước vào căn phòng trống trải này, song dẫu sao nó vẫn là nơi mà tôi đã sống qua bao nhiêu năm trời! Sau ngày tôi ra đi, căn phòng trở nên đẹp đẽ dễ trông hơn nhiều. Trên nệm giường được trải một tấm khăn ren cũ của bà, rèm che cửa sổ được giặt trắng tinh thậm chí còn được hồ bột nữa. Trên trang quyển từ điển đại bách khoa toàn thư tôi đang đọc dở trước ngày ra đi giờ vẫn nguyên chỗ cũ. Rõ ràng là mọi thứ ở đây đang chờ tôi trở về...

Tôi tìm thấy một quyển nhật ký trong đống sách vở cũ xếp trên khung cửa sổ. Trong đó có chép một số câu trong những quyển sách tôi hằng yêu thích: "Trái tim con người vốn là một thứ kỳ lạ, trái tim người đàn bà càng kỳ lạ hơn. Léc-môn-tốp".

Toàn là những câu bay bướm mà buồn cười. Tôi đọc được từ đầu đến cuối một lượt. Tôi mơ màng như đang trong giấc mộng thấy mình đến chơi nhà cô bạn thân. Cô ta hình dung mọi việc trên đời đều vô cùng tốt đẹp, cả thế giới hiện ra dưới mắt cô với cảnh tượng hết sức huy hoàng tráng lệ.

"Cuộc đời là sân khấu, mà mỗi con người là một diễn viên".

Khi tôi cầm quyển nhật ký từ trong phòng bước ra, tôi có cảm giác như có người nào đó đang vội vã đi lướt qua hành lang.

Tất nhiên ngay lúc ấy tôi không hề nghĩ rằng người đó chính là người bà đang ốm của tôi. Song rõ ràng là có người vừa đi lướt qua ngoài hành lang và người ấy choàng chiếc áo khoác màu xanh. Nhưng ai chạy, lại khoác chính cái áo khoác màu xanh. Sau đó tôi biết đích xác rằng chính là bà tôi vì khi tôi quay trở lại

phòng, tuy bà đã lại nằm lên giường như cũ, nhưng là cái dáng vừa mới nằm xuống, thậm chí còn chưa kịp kéo áo đắp kín người.

Thật là buồn cười, bà còn cố nhắm nghiền hai mắt làm ra bộ đương ngủ say và không hề nghĩ đến chuyện chạy ra hành lang. Tất nhiên đó là bà bí mật thăm dò tôi, xem tôi có thay đổi ý định, có chịu dọn về ở nhà không?

- Bác sĩ đã đến chưa hở bà? - Chờ khi bà mở mắt ra và giả vờ ngáp dài, tôi liền hỏi.

- Bác sĩ không hề đến. Bà nào có đi mời bác sĩ. Bà biết chắc rằng căn bệnh của bà là do củ cải gây nên.

- Nhưng bà gọi điện thoại bảo cháu là tim bà bị làm sao cơ mà.

- Tim làm sao cũng là do củ cải gây nên thôi.

- Không thể như thế được! Cháu đi mời bác sĩ ngay đây.

Thế là bà nổi cáu ngay lên. Bà tuyên bố rằng nếu tôi cứ mời bác sĩ đến thì bà sẽ lập tức thay quần áo và đến nhà chị láng giềng tên là Ma-ri-a Ni-ki-tit-sna.

Nếu muốn mời bác sĩ thì chắc chắn là sẽ phải cãi nhau với bà một trận ra trò, nên tôi thôi không giữ ý định của mình nữa; hơn nữa bà cũng có vẻ mỗi lúc một tỉnh táo hơn. Cuối cùng bà đã cảm thấy dễ chịu hoàn toàn, vì lúc ấy bà đột nhiên ngửi thấy mùi lạ, liền hét lên: "Bị cháy rồi!" Bà vùng dậy, ba chân bốn cẳng chạy bổ xuống bếp.

Những chiếc bánh nướng nhân thịt đặt trong lò hơi bị cháy khét, tỏa ra mùi thơm ngào ngạt. Bà nói ngay rằng nếu tôi không ở lại ăn bánh thì bệnh của bà sẽ càng nặng lên.

Tất cả các mưu kế này là do bà bày ra, đặc biệt là việc bà làm món bánh nướng nhân thịt mà tôi hằng ưa thích, bà không hề

tiếc mỡ để làm món đó. Món bánh nướng ấy cần được khẳng định rằng, món ăn ở nhà mình hơn hẳn món ăn ở nhà "người khác". Nhưng sau khi ăn mấy miếng, tôi ôm hôn bà và chỉ nói một câu là bánh rất ngon thôi.

Về việc Ni-cô-lai An-tô-nô-vích, thoạt đầu không ai nhắc đến. Nhưng về sau bà làm ra vẻ đắn đo suy nghĩ khiến tôi đoán ngay rằng câu chuyện sắp sửa mở đầu. Bà bắt đầu bằng những lời rất xa xôi, bóng gió.

- Tao vừa nhận được thư của Ô-lét-trơ-ca và La-ra, - bà nghiêm giọng nói. - Họ khuyên tao chớ có quản việc nhà. Mà thực. dạo này tao hay mệt lắm, không thể quản nổi nữa.

Ô-lét-trơ-ca và La-ra là hai bà dì đã có tuổi của tôi. Đó chính là hai bà già họ Bu-ben-tri-cốp đang sống ở En-xcơ.

- Nhưng không quản việc nhà làm sao được. Cả hai người đều chẳng hiểu tao chút nào cả. Con bé giúp việc ấy nó sống theo sự xếp đặt tỉ mỉ của cha cố, - giọng bà có vẻ hào hứng. - Nó chỉ nhìn thấy có Chúa, ngoài ra chẳng nhìn thấy ai nữa. Cha cố viết thư cho nó nói: "Hãy im lặng, chịu đựng và khóc lóc!" và nó đã làm đúng như thế. Nó đóng mấy cây đinh vào trong tủ áo, treo ảnh thánh lên và rì rầm khấn: "Con xin nghe lời Chúa!" Tao là chúa ghét hạng người như thế.

- Bà đã đuổi người ta đi rồi còn nói gì nữa.

Bà ngồi lặng im một lúc lâu.

- Nhà tao bây giờ khảng tảng quá lắm, - bà thở dài nói. - Mày bỏ nhà đi ở chỗ khác. Còn thằng ấy thì thế nào? Nó bây giờ cũng trở thành thằng bây bửa, chẳng thiết gì. Ăn uống thì bữa có bữa không, có ăn cũng được, không cũng chẳng sao.

Hai chữ "Thằng ấy" mà bà vừa nói đến là chỉ Ni-cô-lai An-tô-nô-vích.

- Lúc nào nó cũng viết, viết không biết chán, - bà tiếp tục nói. - Không hiểu làm sao nó viết suốt ngày suốt đêm. Sáng ngủ dậy vừa uống xong cốc nước chè là quấn ngay cái khăn quàng của tao rồi bám vào bàn viết luôn. Có lần nó nói: "bà Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na ạ, viết lách sẽ là nghề lao động suốt đời của tôi. Quyết định này sai hay đúng hãy để cho bạn bè và kẻ thù của tôi phán đoán". Bây giờ nó gầy đi nhiều rồi, tâm thần có vẻ không ổn định, - bà nói lầm bầm, - mấy hôm gần đây cứ đội mũ trong khi ăn. Chắc thế nào nó cũng lên cơn điên mất.

Giữa lúc ấy chợt có tiếng mở cửa, một bóng người bước vào và dừng lại ở phòng treo áo. Tôi quay nhìn bà, bà giật mình nhìn đi nơi khác. Thế là tôi biết ngay Ni-cô-lai An-tô-nô-vích đã về.

- Bà ạ, cháu đi đây.

- Không, chưa đi được đâu. Cháu đã ăn hết bánh nướng đâu nào.

Ni-cô-lai An-tô-nơ-vích gõ nhẹ lên cửa buồng và không đợi trả lời đã đẩy nhẹ cửa, bước vào.

Tôi quay lại, khẽ gật đầu chào. Không biết tại sao lúc ấy tôi cảm thấy rất vui lòng là mình đã có thể gật đầu chào một cách mạnh dạn và phớt lờ như thế.

- Công tác ra sao, Ca-chiu-sa?

- Cám ơn, cũng bình thường.

Kể cũng lạ, ông ta bây giờ đối với tôi chỉ còn là một con người xa lạ với sắc mặt trắng bệch, hai cánh tay ngắn cũn cỡn, những ngón tay mũm mĩm lúc nào cũng động đậy, lúc thì sờ lên cổ áo, lúc lại sờ lên túi áo gi-lê, cứ như muốn giấu đi vậy. Ông ta có vẻ

giống như một diễn viên gầy yếu. Sự quen biết giữa tôi và ông giờ đây xa xôi như chuyện xảy ra hàng trăm năm về trước. Giờ đây cho dù sắc mặt ông ta có nhợt nhạt như thế nào, cổ ông ta có gầy khẳng đến đâu, và tay ông ta có run rẩy mấy đi nữa khi đưa ra để xê dịch chiếc ghế tựa, tôi vẫn không mảy may cảm thấy động lòng.

Những phút ngỡ ngàng ban đầu đã đi qua. Ông ta hỏi đùa tôi về việc vẽ bản đồ, có còn vẽ nhầm dãy núi Din-me-đác-xcai-a với A-sin-scai-a nữa không. Hồi còn học ở trường đại học Tổng hợp đã có lần tôi vẽ nhầm như thế. Sau đó tôi liền đứng dậy ra về.

- Thôi, cháu về bà ạ.

- Tôi có thể ra khỏi đây, - Ni-cô-lai An-tô-nô-vích nói khẽ.

Ông ta ngồi trong chiếc ghế bành, người co rúm lại, mắt chăm chú nhìn tôi vẻ chân thành. Từ sau ngày mẹ tôi chết, những khi ngồi nói chuyện lâu với nhau, ông ta đều ngồi theo cái dáng ấy. Song đối với tôi giờ đây những hình ảnh ấy cũng đã trở thành xa xôi.

- Nếu cháu vội đi thì lần sau bà sẽ nói chuyện vậy.

- Bà ạ, nói thực là có người đang chờ cháu, - tôi nói vội khi bà đưa tay níu lấy tay áo tôi.

- Không, chẳng có ai chờ cháu cả. Sao lại có thể như thế được? Dầu sao An-tô-nô-vích cũng là bác cháu kia mà.

- Thôi, bà Ni-ca Ca-pi-tô-nốp-na ạ, - Ni-cô-lai An-tô-nô-vích nói vẻ hiền từ. - Tôi là bác nó hay không thì cũng thế thôi. Ca-chiu-sa, thế ra cô dứt khoát không muốn nghe tôi nói chuyện phải không?

- Không.

- Thật là mù quáng, - bà giận dữ nói.

Tôi bật cười.

- Tôi không thể nói chuyện được với cô về bất cứ chuyện gì. Tôi thật đau lòng khi cô ra đi, thậm chí cũng không buồn chào tôi lấy một tiếng, - Ni-cô-lai An-tô-nô-vích nói giọng vội vã, tuy vẫn giữ được vẻ hiền từ. - Thật tôi chẳng có cách nào nói chuyện với cô. Cô và Xa-nhi-a đã quá tin vào một lão già vừa từ trong nhà thương điên ra mà mụ mẫm hết cả.

Ông liếc nhìn tôi qua phía trên cặp kính. Một lão già vừa từ trong nhà thương điên ra! Lại bịa chuyện nữa rồi. Cũng có thể là ông nói đúng, nhưng những chuyện đó đối với tôi giờ đây chẳng có nghĩa gì. Chỉ có một ý nghĩ nhẹ nhàng nhói vào lòng tôi, đó là việc người ta lại nói động đến Xa-nhi-a.

- Lạy Chúa, tôi thật chẳng còn nghĩ ngợi được gì nữa. Nếu bảo rằng tôi đã giở mọi thủ đoạn để làm cho chú ấy khuynh gia bại sản, bảo rằng tôi cố ý không trang bị tốt cho đội thám hiểm, thì cô thử nghĩ xem để vì cái gì cơ chứ, có phải là để giết hại I-van chăng?

Ni-cô-lai An-tô-nô-vích bật lên tiếng cười một cách chân thành.

- Vì ghen! Lạy Chúa! Tôi yêu mẹ cô, vì ghen nên tôi phải hại I-van!

Ông ta lại cười rộ lên, nhưng rồi đột nhiên ông ta bỏ kính ra và lau nước mắt.

- Đúng, tôi đã từng yêu chị ấy, - ông nói qua tiếng khóc. - Có Chúa biết, lẽ ra mọi việc đều có thể khác hẳn. Nếu quả thật là tôi đã sai lầm thì ngoài chị ấy ra còn có ai trừng phạt tôi nữa? Tôi đã phải chịu một sự trừng phạt mà từ xưa đến nay không thể nào nghĩ tới nổi.

Tôi ngồi nghe ông ta nói như qua một cơn mộng. Tôi có cảm

giác như cái cảnh này đã có một lần nào đó xảy ra trong đời tôi rồi. Cũng cái đỉnh đầu hói đó, cũng những lời trần tình ai oán như thế, và cũng cùng cái cảm giác khó chịu khi phải nghe tiếng khóc trầm trầm của một người đàn ông đã có tuổi.

- Thế nào? - Bà tôi giận dữ hỏi.

- Bánh ngon lắm, bà cho cháu một cái nữa đi, - tôi vui vẻ nói, - Ông Ni-cô-lai An-tô-nô-vích, ông nói nữa đi.

- Ca-chi-a, Ca-chi-a!

- Mọi người đều biết đấy, - tôi nói và cảm thấy hình như mình đang phấn khởi vì giận dữ. - Tôi không còn là trẻ con nữa, năm nay tôi đã hai mươi bốn tuổi đầu. Tôi có thể làm mọi việc theo ý nguyện của mình. Tôi không muốn tiếp tục ở đây nữa, các người có biết không? Tôi sắp lấy chồng rồi. Rất có thể rồi tôi sẽ cùng chồng tôi ra ở ngoài Bắc cực, vì anh ấy là phi công Bắc cực, ở đây anh ấy chẳng có việc gì để làm. Còn về ông Ni-cô-lai An-tô-nô-vích thì tôi đã trông thấy ông khóc nhiều lần rồi, và như thế cũng đã đủ lắm rồi. Tôi chỉ có thể nói rằng, nếu quả là ông không có sai trái gì thì chắc là ông cũng chẳng tốn công để đi làm cái việc xấu xa ấy làm gì. Ví như ông không cần phải đến Tổng cục đường hàng không Bắc cực để chạy vạy tìm cách ngăn trở đội thám hiểm của Xa-nhi-a làm gì.

Có lẽ lúc này thái độ của tôi đã thay đổi hẳn, không còn vui vẻ như trước nữa, nên bà tôi mới nhìn tôi bằng cặp mắt hoảng hốt như thế, và bà đã lén làm dấu thánh. Ni-cô-lai An-tô-nô-vích ngồi lặng im, những đường gân trên cổ nổi rõ lên và giật rất dữ.

- Xin hãy để cho tôi được yên tĩnh, - tôi nói nhanh như người phát cuồng. - Xin mãi mãi đừng có quấy rầy tôi!

## Chương 7

# Mùa đông

Tháng mười một, tôi được phân phối một căn buồng trong một ngôi nhà ở vùng ngoại ô trên bờ sông Mát-xcơ-va. Mặc cho Va-li-a và Ki-ra đều đồng thanh nói rằng cuộc sống gia đình của họ rất cần đến sự có mặt của tôi; mặc cho bà A-lếch-xan-đra Đi-mi-tri-ép-na kéo tôi sang một bên nói rằng trước nay tôi luôn luôn có tác dụng như một lá chắn rất tốt che chở cho bà tránh khỏi móng vuốt của Va-li-a, nếu bây giờ tôi đi thì bà cũng sẽ đi khỏi nhà này để khỏi bị Va-li-a làm cho điêu đứng; cuối cùng tôi vẫn nhất quyết ra đi.

Căn phòng của tôi nằm trong một tòa nhà gác mới xây. Tòa nhà năm tầng ấy nằm thoi loi trên bờ sông rộng và trống trải. Nó chẳng lấy gì làm đẹp lắm. Công nhân xây nhà vừa mới ra đi, họ còn đang dọn dẹp các thứ vôi vữa bày bừa bộn trong sân nhà, thu cất những thùng đựng sơn và những cái máng gỗ để la liệt trên cầu thang.

Trước đây đi tàu điện ra ngoại ô phải mất hẳn một tiếng đồng

hồ, nhưng bây giờ đi tàu điện ngầm, chỉ cần mười phút là đến nơi. Trước kia vùng ven thành phố rất buồn tẻ nhưng giờ đây nó náo nhiệt chẳng khác gì nội thành. Tòa nhà to lớn của chúng tôi nằm song song với tòa nhà xây dựng khá cầu kỳ với những cột chống thon nhỏ, với hàng lan can có chạm trổ hình mỹ thuật kia càng nổi bật lên.

Chẳng những cả tòa nhà mà riêng căn phòng tôi ở, tôi cũng không dám tự khoe. Căn phòng ấy chỉ có một ưu điểm là ngảnh mặt về phía sông Mát-xcơ-va có cảnh sắc vô cùng đẹp đẽ. Ngay cả mùa đông, dòng sông Mát-xcơ-va cũng rất đẹp, nhất là những phút hoàng hôn. Những tia mặt trời yếu ớt đã nhạt màu từ nơi xa xôi rọi đến. Phía sau những đống tuyết gồ ghề hiện ra những vùng tối trong trẻo hình bầu dục. Cảnh tượng đó khiến tôi liên tưởng đến một thành phố cảng nho nhỏ ngoài Bắc cực, mà trên đường phố lát gỗ không ngớt chạy qua chạy lại những cỗ xe trượt tuyết do hươu kéo. "Nhưng bên cạnh đó, cùng chạy thi với hươu kéo xe", - Xa-nhi-a viết trong thư gửi cho tôi, "trên đường phố bây giờ có rất nhiều xe chở gỗ, xe tải loại lớn, xe ngựa và xe chó kéo. Và như vậy, hầu như toàn bộ lịch sử của nhân loại, từ chế độ thị tộc đến nền văn minh của chế độ xã hội chủ nghĩa đều đang bày ra trước mắt bọn anh. Hiện nay bọn anh đang xây dựng một thành phố mới, khắp nơi ngổn ngang xe cải tiến, gỗ xẻ xếp ngập phố. Nhà ga của sân bay đã được chuyển vào một tòa nhà ba tầng hoa lệ mới xây dựng xong. Mỗi khi mặt trời ngả về tây, bọn anh lại tập trung ở đây đọc tác phẩm của Von-te. Thật là thú vị, nhà văn "hiện đại" này được dân chúng ở đây hết sức hâm mộ, nhiều tờ báo tường trích dẫn các danh ngôn trong các tác phẩm của ông để trang hoàng cho báo. Anh nghĩ về em nhiều quá, đến nỗi có lúc anh lấy làm lạ là tại sao còn có thì giờ để làm những

việc khác! Như vậy có lẽ là những việc khác, với chừng mực nhất định cũng lại là em... Đặc biệt trong lúc này, mỗi khi nghĩ đến chuyện gì hoặc hát lên mấy câu ca yêu thích thì trong óc anh lại hiện ra hình ảnh của em..."

Mùa đông năm ấy tình hình kinh tế của tôi hết sức khó khăn, vì Cục địa chất Ba-skia gửi tiền lương từ U-pha đến luôn luôn bị chậm trễ. Có lúc bắt buộc tôi phải đánh điện đến để hỏi. Ngoài việc đó ra, tôi không có nơi ăn cố định mà tự nấu thì tôi lại lười. Nói chung lại, hồi ấy tôi như trở thành người rừng, có một lần tôi lấy chiếc váy liền áo kiểu lễ phục may bằng lụa ở trong va-li ra để mặc đi dự lễ, nhưng khi xem kỹ chiếc váy thì thất vọng đến phát khóc lên.

Lần đầu tiên trong mùa đông ấy tôi chuẩn bị đi nhà hát Va-khơ-tan-gốp để xem buổi biểu diễn ra mắt vở "Hài kịch người đời". Chiếc váy "có đuôi tôm" ấy bây giờ không còn hợp thời trang nữa, có đến hàng thế kỷ nay nó đã bị mọi người lãng quên rồi. Sau đó tôi và Ki-ra đem nó ra cắt ngắn và chữa lại, nhưng cái hứng thú đi xem hát đã tan biến mất.

Đó là mùa đông mà tôi đã phải sống qua bằng những ngày cô đơn lạnh lẽo, cô đơn đến nỗi hầu như chỉ có một mình Rô-ma-sốp là khách đến chơi. Giờ đây thật khó tưởng tượng được rằng đây chính là anh chàng Rô-ma-sốp đã từng tuyên bố sẽ giết chết tôi và giết luôn cả anh ta. Lần nào đến anh ta cũng rất lễ phép, điềm tĩnh, bao giờ cũng diện rất đẹp, có thể nói là hào hoa nữa. Anh ta nói chuyện với tôi bằng một giọng đều đều như cái giọng anh ta vẫn dùng để giảng bài ở trường đại học của anh ta...

Một lần anh ta đến với một vẻ mệt mỏi và đói mèm. Tôi hỏi anh ta:

- Mi-sa, anh muốn uống nước chè không?

Anh ta lạnh lùng cám ơn và từ chối. Rõ ràng là anh ta có ý muốn biểu lộ rằng ngoài quan hệ công việc ra, anh ta không hề định đặt một thứ quan hệ nào khác đối với tôi. Cái công việc vừa nói ở trên là chỉ đội thám hiểm và tất cả những gì có liên quan đến đội thám hiểm.

Tại sao anh ta bận tâm đến công việc của đội thám hiểm như vậy? Rõ ràng là việc ấy có quan hệ trực tiếp đến tôi nên "anh ta không thể làm ngơ được". Song trong đó cũng có chút ít kiêu căng, dường như anh ta muốn mượn cơ hội này để tỏ cho tôi biết rằng anh ta không chút nào oán hận khi bị tôi cự tuyệt. Và cũng rõ ràng là anh ta đang có một mưu đồ - vẫn cái mưu đồ cũ ấy - là dùng những ngón bịp bợp tinh vi để cuối cùng có thể kết hôn cùng tôi. Trong con người của anh ta, trong thái độ của anh ta, trên bộ mặt có đôi tai vểnh chưa hoàn toàn phát triển của anh ta chứa đựng một cái gì đó vừa tinh vi vừa phức tạp, có lúc còn ánh lên một sắc thái đáng sợ. Chả trách đã có lần bác I-van Pa-vơ-lứt nhận xét rằng anh ta là một con người vô cùng phức tạp, hoặc ít ra cũng là một con người tính tình thay đổi bất thường.

Song chuyện tính tình của anh ta thì chẳng có liên quan gì đến tôi. Tất nhiên là tôi cũng không viết thư cho Xa-nhi-a biết việc anh ta thường đến thăm tôi. Nếu biết việc ấy, chắc chắn là Xa-nhi-a sẽ tức điên lên, hơn nữa không biết bởi cớ gì gần đây thư tôi viết cho anh cứ bằng một giọng khô khan và lạnh lùng...

Việc rắc rối thình lình xảy ra. Tổng cục đường hàng không Bắc cực tỏ ý không yên tâm trong việc ủy thác cho Xa-nhi-a nhiệm vụ tìm kiếm lần này. Tuy anh đã ra công tác được nhiều năm, nhưng dẫu sao vẫn còn rất trẻ, và thời gian anh công tác ở Bắc cực vẫn chưa được là bao. Mọi người tuy đều biết rằng anh là một tay lái ưu tú đáng tin cậy, song liệu anh có đủ sức gánh vác

nổi cái nhiệm vụ phức tạp đòi hỏi có trình độ tổ chức nhất định đó không? Nói tóm lại, anh là một con người như thế nào? Tôi chợt nhớ có lần có một tờ tạp chí đã từng chỉ trích anh là vu khống cho người khác, hình như là vu khống cho người anh họ của thuyền trưởng, nhà hoạt động Bắc cực nổi tiếng Ni-cô-lai An-tô-nô-vích Ta-ta-ri-nốp.

Thế là tôi viết thư yêu cầu tạp chí đính chính lại, tôi nói với họ rằng việc tổ chức một đội tìm kiếm sáu người chẳng phải là chuyện quá ư ghê gớm, phức tạp đến nỗi không làm được. Tôi yêu cầu không giao nhiệm vụ tìm kiếm thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp cho một người nào khác ngoài người mà ngay từ nhỏ đã nuôi ước vọng ấy.

Rô-ma-sốp biết hết những chuyện ấy. Tóm lại hắn đang suy nghĩ những gì, đang hy vọng những gì? Tôi chưa hỏi hắn và hắn cũng chưa thổ lộ bao giờ. Nhưng rồi sẽ có ngày tôi đoán được ra rất nhiều việc.

Nếu đội thám hiểm được thành lập thì tôi sẽ không chút do dự cùng ra bắc địa với Xa-nhi-a. Tôi viết thư cho ông Tổng cục trưởng Tổng cục đường hàng không Bắc cực, cho ông biết ý định ấy của tôi và tỏ ý sẵn sàng nhận nhiệm vụ thăm dò địa chất ở đấy. Tôi đã được cán bộ chuyên trách trả lời rất nhanh chóng, nhưng đáng tiếc là kết quả hoàn toàn không giống như dự kiến của tôi. Họ đề nghị tôi đến công tác tại một trạm nào đó (do tôi tự lựa chọn) ở Bắc cực và hẹn tôi đến trao đổi tại trụ sở của Tổng cục đường hàng không Bắc cực.

Hôm ấy tôi về đến nhà rất muộn. Lần nào về "nội thành" cũng đều như thế, mãi khi bước lên cầu thang tôi mới sực nhớ ra là chưa cài cửa. Đúng vào lúc ấy có ai cứ luôn chân đi đi lại lại trong căn buồng của tôi. Mới đầu tôi ngỡ là kẻ trộm. Nhưng kết

quả thì không phải là kẻ trộm mà là Rô-ma-sốp. Tôi vừa bước vào cửa thì hắn đứng im lại và tôi lập tức thấy ngay cái dáng căng thẳng của hắn.

- Tôi đã đọc bức thư này, - hắn nói mà chẳng chào hỏi tôi gì cả. - Chị định tham gia vào đội thám hiểm, ra là như thế đấy!

Tôi ngước nhìn hắn và bất giác nhớ đến thời gian ở trường, mọi người đều gọi đùa hắn là "cú mèo". Đôi mắt tròn và hơi lồi của hắn, trông lúc này sao mà giống con cú mèo đến thế. Nhưng là một con cú mèo rất lớn, nó kêu lên "ra là như thế đấy!" rồi thở một cách khó nhọc.

- Tại sao anh lại xem trộm thư của người khác? - Tôi hỏi giọng khá là nhã nhặn. - Không nên như thế đâu, Mi-sa ạ.

- Chị giấu tôi... Chị tìm con đường đi riêng mà không cho tôi biết.

- Mi-sa, anh mụ mẫm đầu óc rồi hay sao? Chẳng lẽ những việc ấy tôi phải xin ý kiến anh nữa hay sao?

Đột nhiên hắn phát ra một thứ âm thanh quái gở, không ra tiếng cười cũng không ra tiếng khóc.

- Nếu chị bằng lòng thì tôi sẽ gánh vác việc này cho chị, - hắn cao giọng nói. - Thôi, thế thì chị cứ đi đi.

Tôi im lặng. Tôi cũng chẳng hiểu vì sao lúc này tôi không nỡ làm khổ hắn hơn nữa.

- Sao chị lại im lặng mãi thế?

- Vì tôi không muốn trả lời những câu hỏi vớ vẩn của anh.

- Ca-chi-a, Ca-chi-a!

- Anh hãy nghe tôi nói, - tôi trấn tĩnh lại nói. - Anh có biết anh cần cái gì không? Cần được nghỉ. Anh bị mệt rồi. Anh căn cứ vào đâu mà nói rằng tôi sẽ ở lại Mát-xcơ-va?

- Đúng thế, chị sẽ phải ở lại Mát-xcơ-va.

Tôi muốn cười, nhưng hắn đã tiến tới sát bên tôi, sắc mặt thay đổi khác thường, tuồng như chỉ một giây nữa là hắn sẽ đánh tôi.

- Thôi, thế này vậy, - tôi vẫn nói giọng rất bình tĩnh, nhưng cũng không được như ý muốn của tôi nữa, - Mũ và áo bành tô của anh để ở đâu?

- Ca-chi-a! - Hắn lại rền rĩ giọng tuyệt vọng.

- Ca-chi-a cái gì? Tôi biết anh muốn gì rồi. Nếu ở lại tôi sẽ xem anh dám làm gì tôi? Hình như anh bị mất trí rồi, song việc đó chẳng có quan hệ gì đến tôi. Thế nào?

Hắn chẳng nói chẳng rằng, mặc áo bành tô, đội mũ rồi bước ra ngoài.

Mùa xuân năm 1936, công việc của đội thám hiểm cuối cùng rồi cũng được định đoạt. Giáo sư V., nhà nghiên cứu Bắc cực nổi tiếng viết báo khẳng định rằng, căn cứ vào nhật ký của người hoa tiêu Cơ-li-mốp mà phán đoán "nếu tìm được tài liệu của đội thám hiểm Ta-ta-ri-nốp thì sẽ có ý nghĩa đối với cả công tác nghiên cứu Bắc cực hiện đại nữa". Quan niệm của ông thật là quá táo bạo. Nhiều người hầu như bị bất ngờ khi tiếp thu quan điểm ấy. Tình hình mới này thúc đẩy mọi người thừa nhận sự đúng đắn trong phương án của Xa-nhi-a. Sau khi nghiên cứu bản đồ hành trình của con tàu "Xanh Ma-ri" từ tháng Mười năm 1912 đến tháng Tư năm 1914, giáo sư V. đi đến một suy luận cho rằng ở vùng vĩ độ 78°02, và kinh độ 64° phải có một hòn đảo chưa bị con người phát hiện. Kết quả cái hòn đảo mà giáo sư V. đã tìm ra trong phòng làm việc, đến năm 1935 đã được thực sự phát hiện trong một cuộc hành trình khó khăn. Cố nhiên nó không phải là

hòn đảo to tát gì, nó chỉ là một hòn đảo nhỏ trong số quần đảo hoang vắng của Bắc cực. Song dẫu sao trên tấm bản đồ Bắc cực của đất nước Xô Viết lại đánh dấu thêm một "điểm trắng" nữa. Có được như vậy cũng chính là nhờ có bản đồ hành trình của con tàu "Xanh Ma-ri".

Tôi không biết rõ những luận cứ mới này có giúp ích gì cho phương án của Xa-nhi-a không. Song có giúp ích hay không cũng chẳng hệ trọng gì. Thế là rút cục kế hoạch hành trình của đội tìm kiếm trực thuộc đội thám hiểm nghiên cứu Bắc cực đã được ghi vào chương trình của năm sau. Đến mùa xuân Xa-nhi-a sẽ phải có mặt ở Lê-nin-grát, vì vậy chúng tôi hẹn sẽ gặp nhau ở Lê-nin-grát, thành phố tôi chưa hề đặt chân tới đó bao giờ.

## Chương 8

# Thành phố Lê-nin

Sáng sớm ngày 10 tháng Năm năm 1936 tôi đáp tàu hỏa đến Lê-nin-grát. Chỉ ngày mai thôi là tôi đã được gặp mặt Xa-nhi-a ở đây rồi! Đầu óc tôi suy nghĩ miên man, tôi hình dung ra hết việc này đến việc khác. Hình như tôi ngồi trên một toa xe đã cũ, suốt dọc đường nó rung lên dữ dội. Nhưng cả đêm hôm ấy tôi ngủ rất ngon, rất say. Và khi thức giấc trở dậy, tôi lại bắt đầu mơ tưởng miên man. Tôi cảm thấy rất rõ rệt vị ngọt ngào đặc biệt của những dòng suy nghĩ ấy. Tiếng bánh xe đều đều đơn điệu cùng tiếng ngáy của người bạn đường nằm bên cạnh như vẳng lại từ nơi xa nghìn dặm. Tôi tỉ mẩn sắp xếp lại tất cả mọi việc trong cuộc sống của mình, bất kể là việc có khả năng làm được hay không, thành một chuỗi dài lý tưởng. Tôi cảm thấy như tất cả mọi việc lạ đời, kể cả việc nếu bố tôi còn sống, chúng tôi nhất định sẽ tìm ra và đưa được ông về nhà! Tất nhiên đó là những ý nghĩ mông muội, không thể nào có được. Song lúc này lòng tôi vô cùng thanh thản, dễ chịu nên tôi cũng tự cho mình được phép tưởng tượng mênh mang như thế. Hình như tôi đã tự ra lệnh cho

mình là phải tìm cho ra ông. Ông tuồng như đang đứng kia, mái tóc bạc phơ, thân thể gầy yếu, bây giờ hãy để cho ông được ngủ, được thực sự yên tĩnh, nếu không ông rất có thể sẽ phát điên lên vì bị kích động quá mạnh trong niềm vui sướng...

Toa xe lắc lư, vang lên những âm thanh đều đều như một khúc nhạc tiết tấu đều đặn, thanh âm vang lừng, song kéo dài không bao giờ dứt. Tôi lắng tai nghe, cố ý chờ đợi, xem đoạn sau sẽ có những gì, nhưng khúc nhạc đó lại trở lại đoạn đầu như những lần trước. Bây giờ suy nghĩ gì nữa đây, tự ra lệnh cho mình làm cái gì nữa đây? Tôi tưởng tượng đến quang cảnh khi chúng tôi thành công trở về, mọi người chào đón chúng tôi như đã từng chào đón các phi công anh hùng hồi năm 1934. Những người anh hùng được dân chúng hâm mộ yêu thích ấy ngồi ô-tô phủ đầy hoa tươi tiến vào thành phố, cả Mát-xcơ-va như biến thành màu trắng với những hoa, những truyền đơn và màu áo tinh khiết của phụ nữ đi đón chào anh hùng. Những ý nghĩ trên đây của tôi thực ra không phải vì bản thân mà là vì Xa-nhi-a và bố tôi. Chỉ có lúc này, những phút sống giữa mộng tưởng trong toa tàu hẹp, với khúc nhạc quen thuộc, đơn điệu từ bánh sắt phát ra, tôi mới có thể tự thả mình trong hoang tưởng xa xôi và không thể nào thực hiện được.

Đoàn "tàu nhanh đặc biệt" đến Lê-nin-grát lúc mười giờ hai mươi phút. Các bạn đường của tôi đều đã ra đầu toa hút thuốc lá và có lẽ họ đang chờ tôi mặc quần áo ra cùng. Nhưng tôi vẫn nằm im không động đậy. Tôi như đang sợ phải xa rời và không biết đến bao giờ mới có thể trở lại những phút giây suy tưởng đầy say mê ấm áp thơ ngây này.

Chúng tôi hẹn trước với nhau là em gái của Xa-nhi-a (để phân biệt với tên của Xa-nhi-a, trong các thư tôi đều gọi cô em là

Xa-sa)[1] sẽ ra ga đón tôi. "Nếu hôm ấy em bị mệt, - cô ta viết trong thư gửi cho tôi, - thì Pê-chi-a sẽ ra đón chị". Nhiều lần viết thư cho tôi cô đều nhắc đến chuyện yếu mệt, nhưng trong bức thư nào cô cũng viết với một giọng hết sức vui vẻ, lại còn kèm theo một số tranh ảnh, nên tôi không để ý mấy đến tình hình sức khỏe của cô ta. Song từ trong thâm tâm, tôi cũng có đôi chút nghi ngờ về việc này. Trong một bức thư nọ, có một tấm tranh vẽ Pê-chi-a một tay cầm quyển sách, còn tay kia thì ôm một đứa bé, có điều lạ là Pê-chi-a và đứa bé hết sức giống nhau.

Mọi người đều đã mặc xong áo ngoài, đội mũ và đứng lên khỏi ghế. Người khách ngồi bên cạnh giúp tôi lấy chiếc va-li từ trên giá xuống. Chiếc va-li khá nặng vì tôi mang theo đủ thứ, cả đến những tảng đá mẫu rất thú vị. Hình như tôi cũng cảm thấy rằng còn lâu nữa tôi mới có dịp trở về lại Mát-xcơ-va. Lòng tôi hết sức xúc động. Lê-nin-grát kia rồi! Tôi bắt đầu đưa mắt tìm kiếm người nhà Xcô-vô-rốt-ni-cốp. Nhưng mãi khi các bậc tam cấp của sân ga đã lùi lại phía sau, tôi vẫn không tìm thấy ai cả. Tôi ân hận là trong điện báo quên không nói cho họ biết số toa tàu của tôi.

Người công nhân khuân vác đã xách va-li của tôi ra khỏi tàu. Tôi đứng bên cạnh anh ta, chờ mãi đến lúc trên sân ga đã vắng bóng người mà vẫn không thấy bóng dáng người nhà Xcô-vô-rốt-ni-cốp đâu cả.

---

(1) Ở Liên-xô, tùy theo quan hệ và tình cảm của người nói chuyện, tên người có nhiều cách gọi khác nhau. Ví dụ: A-lếch-xan-đrơ (Nam) còn gọi là Xa-sa, Xa-nhi-a, Su-ra, Ka-sen-ca, Su-rốt-xca, Su-rich, A-lếch-xa-sa, và A-lếch-xan-đra (Nữ) còn gọi là Xa-sa, Xa-nhi-a, Su-ra, Xa-len-ca, Su-rốt-sca.

Ở đây Xa-nhi-a và cô em gái trùng tên. - *N.D.*

- Hay là anh ấy đang chờ ở cửa ra vào, - người công nhân khuân vác nói.

Chúng tôi cùng đi đến chỗ cửa ra vào và lại chờ trọn nửa tiếng đồng nữa. Cuối cùng tôi khẳng định rằng họ đã thất hứa. Sao lại có thể như thế này được nhỉ? Mời bạn đến mà rồi chẳng đi đón. Hơn nữa họ cũng biết rằng tôi đến Lê-nin-grát lần này là lần đầu.

Tôi lưỡng lự một lúc, suy tính xem có nên đến nghỉ ở khách sạn không. Song trong lòng vẫn không yên. Việc đã xảy ra như thế này thì tôi phải đến tận nhà Xcô-vô-rốt-ni-cốp xem sao đã chứ.

Thực ra thì tôi cũng chưa quen thuộc nhà ấy lắm. Trước đây đã lâu tôi quen Xa-sa ở En-xcơ, sau đó hình như chỉ gặp mặt nhau được ba bốn lần thôi. Nhưng chúng tôi viết thư cho nhau rất đều, nhất là những ngày sau khi mẹ tôi chết. Sống những ngày đau buồn cô đơn ở Mát-xcơ-va, tôi đã viết khá nhiều cho Xa-sa và cũng nhận được không ít thư của cô. Cô ta viết cho tôi rất tỉ mỉ tình hình của Xa-nhi-a và luôn luôn có ý vun vào. Ngay cả thời gian ở Ba-la-sốp và sau đó trong thời gian ở Da-pô-li-a-ri-e, Xa-nhi-a đã từng lãng quên tôi, cô ta vẫn một mực cam đoan với tôi rằng anh ấy vẫn yêu tôi như cũ.

Xa-sa là bạn cũ của tôi, tôi cầm chắc là cuộc gặp gỡ sắp xảy ra sẽ rất thắm thiết. Thắm thiết là bởi vì không những cô là bạn của tôi mà còn là vì cô là em gái của Xa-nhi-a.

Tôi cũng ít khi gặp mặt Pê-chi-a. Trong thời gian ở En-xcơ, anh ta còn là một cậu thiếu niên kỳ dị, đầu tóc lúc nào cũng rối bù, người cao lêu nghêu. Anh ta thường đến nhà người khác một cách đột ngột, không hẹn trước. Và sau đó ra đi cũng đột ngột như thế. Anh ta theo một đoàn kịch nói Lê-nin-grát đến Mát-

xcơ-va mấy lần, lần nào cũng tìm đến thăm tôi. Anh ta tuy có to lớn hơn chút ít, song tựu trung vẫn là một con người lúc nào cũng hấp tấp, đầu tóc vẫn rối bù và luôn luôn làm những việc bất ngờ.

Trong một bức thư trước đây, Xa-sa có kể tỉ mỉ đoạn đường đi từ ga tàu hỏa về nhà cô ấy ở phố Các Líp-nếch, thậm chí còn kèm theo một bản sơ đồ hướng dẫn đường đi. Song tôi đã quên biến tất cả. Tôi đến đại lộ Nép-xki, hỏi thăm một người Lê-nin-grát chính cống, đeo kính kẹp mũi và có vẻ rất lịch sự:

- Ông làm ơn cho biết đến đại lộ Nép-xki đi đường nào ạ?

Đây là một việc rất đáng xấu hổ, tôi giấu kín chẳng cho ai biết cả.

Sau đó tôi nhảy lên tàu điện và điều duy nhất có thể nhận ra lúc này là đường phố ở đây vắng vẻ hơn nhiều so với Mát-xcơ-va. Tôi xuống tàu điện, xách va-li đi từng bước một trên một dãy phố cũng hết sức vắng vẻ. À, đây chẳng phải là nhà số 79, nhà của nghệ sĩ nhiếp ảnh Be-ren-stanh đó sao?

Đúng là ở đây rồi.

Tôi đứng trên bậc tam cấp của tầng thứ ba, nắn bóp những ngón tay bị chiếc va-li nặng trịch kia làm cho tê dại. Bỗng lúc ấy cánh cửa ở phía dưới kêu lên một tiếng rồi mở ra, tiếp đó một người đàn ông cao gày, mặc áo mưa, tay cầm mũ lướt qua người tôi, nhảy phóng lên thang gác.

- Có phải anh Pê-chi-a đó không?

Có lẽ lúc ấy anh ta không ngờ có tôi ở đây nên chỉ dừng lại một chút, nhìn lướt qua người tôi nhưng không nhận ra là ai nên lại định lao tiếp lên cầu thang. Nhưng một ký ức mơ hồ cuối cùng đã đủ sức giữ chân anh ta lại.

- Không nhận ra à?

- Ô kìa, tôi nhận ra rồi! Ca-chi-a, tôi vừa từ bệnh viện chạy về đây, - anh ta nói giọng đầy lo âu. - Xa-sa phải vào bệnh viện từ tối hôm qua rồi.

- Anh nói cái gì thế?

- Đúng thế, cô ấy đã vào viện rồi. Bây giờ chị hãy đến nhà chúng tôi đi. Vì việc ấy mà chúng tôi không ra ga đón chị được.

- Xa-sa bị bệnh gì thế?

- Chẳng lẽ cô ấy không viết thư nói rõ với chị ư?

- Không.

- Thôi, ta đi đi. Tôi sẽ kể hết cho chị nghe...

*

Rõ ràng là người trong gia đình nghệ sĩ nhiếp ảnh Be-ren-stanh rất quan tâm đến chuyện của Xa-sa và Pê-chi-a, nên khi gặp Pê-chi-a ở trước cửa nhà, mọi người đều châu lại lắng hỏi:

- Thế nào rồi?

Pê-chi-a đáp rằng anh ta chẳng biết tí gì cả và người ta không cho anh ta vào. Vừa đúng lúc ấy thì lại có một người đàn bà thon nhỏ, ăn mặc rất sang trọng từ ngoài chạy vào, người này cũng hỏi bằng một giọng đầy lo lắng:

- Thế nào rồi?

Pê-chi-a lại lặp lại một lần nữa rằng anh ta chẳng biết tí gì hết và người ta không cho anh ta vào.

Xa-sa dở dạ đẻ. Đó là lý do cô ta vào bệnh viện.

- Pê-chi-a, việc gì mà anh cuống lên thế? Tôi tin là mọi việc sẽ đâu vào đấy cả.

Trong căn phòng của anh ta, lúc này chỉ có hai chúng tôi: Anh ngồi trên chiếc ghế bành ngay trước mặt tôi, cổ dài ra, đôi vai gầy rũ xuống, mặt ngó ra đầy vẻ lo lắng. Khi nghe tôi nói mọi việc rồi đâu vào đấy cả, anh ta cắn chặt môi, vẻ đầy đau khổ.

- Chị chưa biết... Cô ấy bị ốm liểng xiểng, bị cảm cúm nặng, lại thêm chứng ho. Cô ấy cũng nói là mọi việc rồi sẽ đâu vào đấy cả.

Bỗng anh ta đứng phắt dậy.

- Tôi cần phải đến nhà Ga-bri-trép-xki đây. Tôi có gọi điện cho ông ấy, nhưng ông ấy trả lời rằng ông ấy đến không tiện lắm vì Xa-sa nằm ở bệnh viện khác mà ông ấy làm việc ở một bệnh viện khác. Hiện nay Xa-sa nằm ở bệnh viện Sơ-re-đe-rơ.

Bây giờ tôi mới biết rằng thường ngày Ga-bri-trép-xki là bác sĩ theo dõi chữa bệnh cho Xa-sa.

- Không, hãy đến thăm Xa-sa trước đã. Anh cứ nghĩ xem, bệnh cảm cúm thì rồi sẽ qua đi thôi mà!

Anh ta nhìn tôi phân vân.

- Thế nào, cần phải bình tĩnh, anh Pê-chi-a ạ! - Tôi nói vẻ hờn giận.

Suốt dọc đường đi, tôi không ngớt lời khuyên giải, cuối cùng anh ta cũng nghe ra. Khi tôi cố ý vẽ ra một cảnh tượng vui vẻ - Xa-sa sinh nở mẹ tròn con vuông, bế đứa con gái hoặc con trai trở về nhà... Pê-chi-a bất ngờ cười lên khanh khách.

- Chắc là anh mong được chú con trai chứ gì?

- Chỉ cần đẻ nhanh nhanh ra thôi, còn nó ra cái gì cũng được!

Tôi không biết bệnh viện này ra sao. Pê-chi-a nói là rất tốt. Nhưng tôi cảm thấy rất lạ là tại sao một cái bệnh viện mà ngay

đến phòng tiếp đón cũng không có. Mọi người đều đứng dồn cục trước cửa cầu thang đã bị chắn lại bởi một cây gỗ dài. Có một vài người bố trẻ tuổi cũng đang băn khoăn lo lắng như Pê-chi-a ngồi thành hàng dài trên ghế băng, hoặc sốt ruột đi đi lại lại không ngớt chạm vào nhau... Pê-chi-a cũng định ngồi xuống ghế, nhưng liền bị tôi cầm tay kéo lên gác. Một cô y tá rất dễ thương bày cho chúng tôi rằng chờ khi nào giáo sư bác sĩ khám xong buồng thứ nhất, đang trên đường sang buồng thứ hai thì hãy đến gặp hỏi thăm ông ấy.

Rốt cuộc chúng tôi đã "chộp" được vị giáo sư bác sĩ ấy. Khi Pê-chi-a luống cuống chạy đâm sầm đến trước mặt, ông ta chỉ nheo mắt cười dễ dãi.

Ông đưa chúng tôi vào phòng làm việc của ông. Nói của đáng tội, chúng tôi hỏi chuyện dây dưa ông mất đến nửa tiếng đồng hồ, và qua cuộc nói chuyện tôi cảm thấy rất mến ông ta. Ông có đôi mắt hiền lành, xanh thẳm như màu da trời. Ông nắm chặt tay Pê-chi-a, giải thích cặn kẽ cho anh ta hiểu trong trường hợp nào đáng lo lắng và trong trường hợp nào không nên hốt hoảng. Ông có vẻ rất dễ gây cảm tình với người khác. Tất cả những lời ông nói tuy không hoàn toàn làm cho người ta yên tâm, song chẳng hiểu vì sao những lời nói ấy làm chúng tôi rất thỏa mãn. Nói chung lại, bác sĩ tin tưởng rằng mọi việc sẽ trôi qua êm thấm. Khi nhắc đến Xa-sa, ông nói rằng cô ấy là một cô gái dũng cảm mà ông rất ít được gặp.

Chúng tôi trở về nhà trong lòng rất lấy làm khoan khoái. Lúc này Pê-chi-a mới nhớ ra là tôi vừa xuống tàu hỏa, chưa kịp uống một ngụm nước chè. Tiếng cửa kẹt mở, tôi nghe có tiếng người nói ngoài hành lang:

- Thôi anh Pê-chi-a, nước trong "ấm" còn nóng đấy.

Nhưng anh ta không cầm ấm nước nóng về. Anh kéo ngăn kéo bàn ra, lấy tiền rồi chạy phóng ra ngoài, mặc dù tôi đã nhắc đi nhắc lại rằng tôi ăn ở trên tàu rồi, bây giờ không còn thiết ăn gì nữa.

Đây đúng là căn phòng của các nhà nghệ sĩ. Ấn tượng đầu tiên của người mới đến là như vậy. Thậm chí còn có thể đoán biết rằng ở đây có hai nghệ sĩ, họ ở khá chật, mỗi người một góc.

Chiếc bàn đặt bên cửa sổ là chiếc bàn vẽ được chữa lại, tuy đơn giản, nhưng sạch sẽ dễ coi, và rõ ràng đó là bàn của Xa-sa. Một chiếc bàn khác rất bẩn và bừa bộn, trên đó có bày một chiếc mô hình, vứt la liệt những bút chì bút mực, giấy má. Không nghi ngờ gì nữa, đó là bàn của Pê-chi-a.

Từ nhiều mặt có thể thấy rằng cuộc sống của họ hoàn toàn khác xa cuộc sống của tôi. Đột nhiên tôi cảm thấy cuộc sống vừa qua của tôi ở Mát-xcơ-va, nhất là những ngày sau này quá ư đơn điệu tẻ nhạt. Nhưng họ là nghệ sĩ, là những người có tài năng. Còn tôi là kẻ chẳng có tài cán gì. Tất nhiên là những ý nghĩ này của tôi chỉ tổ đem lại phiền muộn và chỉ mất thì giờ một cách vô ích. Bỗng Pê-chi-a trở về.

Anh ta tỏ ý xin lỗi là căn phòng quá bừa bộn, không ngờ Xa-sa phải đi nằm viện đột ngột như thế. Tôi đâm ngượng, tự nghĩ vừa rồi không tranh thủ dọn dẹp qua hộ anh ta.

- Tôi đói lắm rồi, đói không thể tả được! - Pê-chi-a nói.

Thế là chúng tôi ngồi xuống, vừa ăn điểm tâm, uống nước chè, vừa nói chuyện về Xa-sa.

Tôi quên chưa kể rằng trước khi ra khỏi bệnh viện, chúng tôi có nhờ một cô hộ lý cứ cách một tiếng đồng hồ gọi điện thoại đến cho chúng tôi một lần, nói rõ tình hình sức khỏe của Xa-sa. Để

trả ơn, Pê-chi-a đã đưa cho cô ta tất cả số tiền anh có trong người, làm cho cô ta phát hoảng lên và gạt trả lại. Bây giờ là hai giờ chiều, cô ta gọi điện thoại đến, báo rằng mọi việc đều yên ổn cả.

- Yên ổn ư? - Pê-chi-a gào lên hỏi.

- Vâng, yên ổn cả.

- Cô ấy cảm thấy thế nào?

- Bình thường.

Một tiếng đồng hồ sau, cô hộ lý lại gọi điện thoại đến và lại cho biết là mọi việc vẫn yên ổn.

- Có rên khẽ đôi tiếng, - cô ta ngừng lại suy nghĩ giây lát rồi nói thêm.

Tôi nghe thấy tiếng giận dữ của người vừa rồi bảo Pê-chi-a dùng ấm nước chè nóng:

- Anh Pê-chi-a, anh đừng có loạn trí. Rên là thế nào anh có biết không? Anh hãy thử nghĩ xem. Chẳng lẽ bản thân anh chưa từng rên lần nào hay sao!

Cả ngày hôm ấy trôi qua bằng những chuyện vặt vãnh như vậy. Đến tối, tôi rụt rè tỏ ý nếu được đi ra ngoài xem thành phố Lê-nin-grát thì hay quá. Nhưng khi trông thấy bộ mặt nhăn nhó thiểu não của Pê-chi-a, tôi đành phải thôi không đi nữa.

- Chúng ta nói chuyện cho đỡ buồn đi.

Thế là anh ta mang tác phẩm gần đây nhất - phác thảo bức tượng Pu-skin nhân dịp kỷ niệm một trăm năm ngày sinh nhà đại thi hào đưa cho tôi xem. Trên bản phác thảo, Pu-skin đương dấn bước trên bờ sông Nê-va, gió cuộn vạt áo khoác lên cao, nét mặt ông đầy vẻ kiên nghị và hào hứng. Tâm tư ông như đang chìm đắm trong những suy tưởng miên man ngọt ngào, để lộ ra một tia sung sướng hiếm có.

- Chị có thích không?

- Rất thích. Tôi chưa hiểu vì sao anh chọn nghề điêu khắc.

Anh bắt đầu giải thích cho tôi nghe lý do anh chọn nghề điêu khắc. Sau đó đột nhiên anh ta chuyển đề tài câu chuyện, nói cả đến cuộc thi cờ tướng có La-xke-rơ và Ca-pa-bơ-lan-ca tham gia ở Mát-xcơ-va. Cuối cùng anh đề cập tới tình hình thời sự quốc tế. Miệng nói nhưng tai anh ta vẫn dỏng lên để nghe xem có tiếng chuông điện thoại reo không. Bất cứ nói chuyện gì, cả khi nói về cuộc chiến tranh giữa Ý và A-bít-xin - Xcai-a, anh ta cũng không ngớt nhắc đến cái tên Xa-sa, Xa-sa...

Vào lúc tám giờ, không hiểu vì sao cô hộ lý không gọi điện thoại đến, vì thế chúng tôi phải vội vã chạy đến bệnh viện. Gặp người y tá trước đây đã bày cho chúng tôi đón gặp giáo sư bác sĩ điều trị, chị ta cho biết mọi việc đều rất tốt đẹp. Còn việc tại sao cô hộ lý không gọi điện đến thì chị ta giải thích rằng cô ấy sợ quấy rầy chúng tôi nhiều quá trong lúc không có tình hình gì đặc biệt.

Sau khi trở về nhà, Pê-chi-a giới thiệu tôi với gia đình nhà nghệ sĩ nhiếp ảnh. Tôi nói chuyện với bà vợ thấp lùn, hòa nhã, tóc pha bạc của nhà nghệ sĩ cùng bà em vợ cũng bé lùn, hòa nhã và có mái tóc pha bạc của ông ta. Vì một lý do nào đó, ông chủ thường sống riêng ở Mát-xcơ-va, nhưng hai bà đã đem ảnh chụp của ông ra cho tôi xem. Ông ta là một người đàn ông chắc khỏe và nghiêm nghị. Ông ta mặc chiếc áo khoác ngắn màu thanh thiên, nếu gọi ông ta là nhà nghệ thuật có lẽ còn đúng hơn gọi là nhà nhiếp ảnh.

Đến hơn một giờ khuya, mọi người bảo tôi lên giường của Xa-sa ngủ. Pê-chi-a nói rằng anh ta chưa buồn ngủ và cầm một

quyển sách đến ngồi bên máy điện thoại. Từ chập tối đến giờ, cô hộ lý gọi điện đến rất đúng giờ. Có điều là lần nào trước khi nói cô ta cũng xin lỗi là đã vô phép quấy rầy. Tôi nằm nghe Pê-chi-a nói chuyện với cô ta một lần rồi ngủ thiếp đi. Tôi ngủ hình như được một lúc thì đột nhiên có tiếng gõ cửa buồng rất vội vã. Tôi hốt hoảng vùng dậy, không biết mình đang ở đâu và có việc gì xảy ra. Trên hành lang có ánh sáng và từ một góc nào đó có tiếng nói phát ra. Hình như có mấy người đang tranh nhau nói. Lúc này tôi mới hoàn toàn tỉnh ngủ và nhìn thấy Pê-chi-a chạy phóng vào buồng như một bóng ma, anh ta vừa chạy vừa huơ tay như múa...

Sau đó Pê-chi-a tựa bụng vào bàn, cố vươn người qua phía bên kia để lấy một cái gì đó đang treo trên tường.

- Pê-chi-a, anh định đi đâu bây giờ? Có việc gì xảy ra thế?

- Con trai! - Anh ta hầu như hét lên. - Con trai!

Té ra anh ta cố lấy tấm ảnh lồng trong chiếc khung nặng nề đang treo trên tường.

- Còn Xa-sa? Xa-sa ra sao? Anh loạn trí à? Anh lấy tấm ảnh ấy xuống để làm gì?

- Tôi đã hứa với bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na là nếu mọi việc đều bình yên vô sự thì tôi sẽ tặng bà ấy tấm ảnh này.

Anh ta rời khỏi bàn, đến hôn khẽ tôi, xúc động đến trào cả nước mắt.

## Chương 9

# Gặp gỡ

Sự việc xảy ra còn tốt đẹp gần trăm nghìn lần so với điều mong đợi. Sáng sớm hôm sau, chúng tôi gửi vào cho Xa-sa nào thư, nào hoa quả và một lẵng hoa to nhất có thể tìm thấy được ở cửa hàng bán hoa. Khi chúng tôi đưa các thứ ấy vào bệnh viện, các nhân viên phục vụ kinh ngạc kêu lên: "Ái chà!" và chị y tá trực cũng phải nói: "Ái chà!"

Mọi việc đều trôi qua rất yên ổn, duy có vị giáo sư mà hôm qua tôi đã đem lòng yên mến có vẻ không hài lòng lắm. Song điều đó cũng chỉ nằm trong cảm giác của tôi mà thôi. Không hiểu tại sao họ chưa cho chuyển Xa-sa vào buồng nghỉ. Nhưng cuối cùng việc đó cũng đã được thực hiện ngay trước mặt chúng tôi. Chúng tôi nhờ cô hộ lý trước đây gọi điện cho chúng tôi theo sát trông nom giúp Xa-sa. Cô hộ lý này về sau có chuyển ra cho chúng tôi một mảnh giấy của Xa-sa viết như sau:

"*Anh Pê-chi-a thân yêu, thằng bé giống anh quá chừng, cái mũi cũng to bự hệt như thế. Em đã chẳng bảo mọi việc sẽ tốt lành cả đó sao? Chị Ca-chi-a thân yêu, em xin hôn chị nhiều lần. Cám*

*ơn anh và chị Ca-chi-a đã đem đến lẵng hoa đẹp tuyệt vời. Không cần phải đem vào nhiều thứ quá như thế. Cho em gửi lời hỏi thăm gia đình ông bà Be-ren-stanh. Xa-sa của anh và của chị Ca-chi-a*".

Đọc xong mảnh giấy tôi muốn khóc òa lên. Và hình như tôi đã khóc thật. Giữa lúc ấy ở phòng khách có người hỏi thăm mấy giờ. Thì ra chỉ còn kém 15 phút nữa là đến 10 giờ.

Thế là tôi chào Pê-chi-a rồi một mình đi ra ga xe lửa, vì đúng 10 giờ 40 phút tàu hỏa từ Muốc-man-xcơ sẽ về đến đây.

Tôi chợt nhớ lại rằng trước đây mỗi khi gặp lại Xa-nhi-a sau một thời gian dài cách biệt, tôi có cái cảm giác thất vọng rất kỳ quặc. Tôi đã tưởng tượng đến hàng trăm lần về cuộc gặp gỡ sắp tới đây giữa hai đứa và đã cảm thấy trước vị ngọt ngào đặc biệt của nó. Lần trước ở Mát-xcơ-va, Xa-nhi-a từ Bắc cực trở về, chúng tôi gặp mặt nhau trước cửa nhà Hát lớn, tôi cũng có một cảm giác y hệt như thế này. Trong lần gặp gỡ ấy tôi mường tượng sẽ xảy ra một việc phi thường, sẽ có một sự thay đổi kinh thiên động địa. Vậy mà trong thực tế chẳng có điều gì xảy ra cả ngoài nỗi luyến tiếc của hai đứa.

Bây giờ, trong lúc đi ra ga, tôi bỗng sợ hãi cái cảm giác ấy. Xung quanh tôi có rất nhiều người. Có người cũng đi đón khách như tôi. Có người làm nhiệm vụ phục vụ trên sân ga. Một ông già soát vé có bộ ria bẩn thỉu đốm bạc đang nhăn nhó quở trách một nhân viên phục vụ trên đoàn tàu.

Song tôi biết chắc rằng cái cảm giác ấy rồi sẽ tiêu tan ngay, vì cuộc gặp gỡ lần này của chúng tôi hoàn toàn khác trước...

Đoàn tàu tiến vào sân ga. Cả sân ga nhộn nhạo hẳn lên. Người đi đón khá đông, tôi cố ý đứng tách riêng ra một mình để anh ấy

dễ nhận ra. Bề ngoài tôi có vẻ rất bình tĩnh, song trong bụng thì nóng như lửa đốt, cảm thấy cái gì cũng chậm chạp: đoàn tàu chậm chạp bò vào sân ga, những hành khách đầu tiên chậm chạp bước xuống bậc cửa toa tàu rồi chậm chạp đi lại phía tôi. Hết toán người này đến toàn người khác đi lướt qua trước mặt tôi, mà sao mãi không thấy bóng Xa-nhi-a đâu cả. Hành khách vẫn còn rải rác đi ra, nhưng vì không có anh, tôi chán nản vô cùng. Rõ ràng là anh không về rồi.

- Ca-chi-a!

Tôi quay phắt người lại. Xa-nhi-a đang đứng bên cạnh toa tàu thứ nhất. Tôi vội vàng chạy lại phía anh, trong lòng dạt dào niềm xúc động và hạnh phúc.

Chúng tôi cùng chậm rãi đi dọc theo bậc tam cấp sân ga và luôn luôn dừng chân lại để được nhìn nhau thật nhiều. Tôi không còn nhớ rõ trong phút gặp mặt đầu tiên, chúng tôi đã nói với nhau những gì. Sau đó Xa-nhi-a bắt đầu hỏi tôi liên hồi kỳ trận, tôi chưa nghe rõ câu hỏi đã vội vã đáp lời. Về sau tôi nói đến Xa-sa, và chúng tôi lại dừng lại nhìn nhau. Lần này chúng tôi đứng lại ở chỗ không thuận tiện chút nào nên bị khách qua đường xô lấn dạt ra hai bên. Chúng tôi nói với nhau rất nhiều về Xa-sa.

- Còn Pê-chi-a thế nào? Chắc là anh chàng làm náo động cả thành phố Lê-nin-grát lên chứ gì? Thật hệt như một người loạn trí! Đã lâu lắm anh không được gặp chúng nó.

Xa-nhi-a bảo rằng anh ở khách sạn tiện hơn, nên chúng tôi liền tìm đến khách sạn "A-xtô-ri-a", rồi từ đó gọi điện thoại cho Pê-chi-a. Thoạt đầu chúng tôi gọi về nhà riêng, không gặp, chúng tôi lại gọi đến bệnh viện. Mọi người ở bệnh viện đều đã biết anh ta và cho biết rằng anh ta đang đi ra ngoài mua bánh bích qui.

- Cái gì ạ?

- Đi mua bánh bích qui rồi.

- Đi mua bánh bích qui rồi, - tôi nhắc lại và gác ống nghe lên máy.

Xa-nhi-a cười rộ lên.

- Chắc là anh chàng chợt nhớ ra Xa-sa thích ăn bánh bích qui, - anh giải thích. - Xa-sa vốn rất thích ăn bánh bích qui. Ồ, thú vị thật! Anh chàng ấy là chúa hay dùng chữ "đồ quỉ ngốc" và "thật buồn cười". Em đang nghĩ gì đấy?

Tôi đang nhìn anh vì tôi rất thích anh, rất yêu anh, thực tình là tôi quá yêu anh, yêu một cách kinh khủng. Chúng tôi đã cách xa nhau ròng rã suốt một năm trời, nhưng thực là lạ, giờ đây tôi lại cảm thấy gần gũi anh gấp trăm ngàn lần so với những ngày còn xa cách nhau. Chẳng hiểu vì sao tôi lại cảm thấy trong một năm qua anh cao lớn hẳn lên, ngực nở ra và vai cũng rộng ra. Dáng vẻ bên ngoài của anh đã được xác định. Bộ mặt, đặc biệt là cằm và đường viền trên môi đã trở nên đậm vẻ kiên quyết và đầy sức mạnh. Anh không còn là một đứa trẻ nữa và bây giờ không thể nói rằng anh cưới vợ là còn sớm nữa. Tuy anh đã cố ý chải tóc rất mượt, nhưng vẫn như trước kia, mấy mớ tóc cứ dựng đứng lên nom rất ngộ.

- Anh hầu như quên mất vẻ đẹp tuyệt trần của em rồi, - anh nói. - Rất lạ, nhưng không biết bởi cớ gì, trong những ngày ở ngoài kia, anh cứ có cảm giác thiếu thốn thế nào ấy.

- Thế còn ở đây?

Anh hôn tôi và chúng tôi lại gọi điện thoại cho Pê-chi-a.

Lần này anh chàng có mặt ở nhà. Khi nghe tôi nói Xa-nhi-a đang đứng cạnh tôi và sắp sửa nói chuyện trực tiếp với anh, anh chàng reo ầm lên trong ống nói. Cả Xa-nhi-a và Pê-chi-a thi nhau

gào lên: "Ê, đồ quỉ ngốc, thế nào? A ha!" Sau đó Xa-nhi-a hỏi Pê-chi-a đã mua được bánh bích qui chưa và cười sặc lên. Anh đưa tay ra hiệu cho tôi biết rằng anh chàng chẳng mua được gì cả. Cuối cùng hai người hẹn nhau để Xa-nhi-a vào bệnh viện, may ra thì sẽ được gặp Xa-sa.

- Còn em thì sao?

Anh lại ôm chặt lấy tôi.

- Anh đi đâu mà lại có thể không có em bên cạnh? - Anh nói.

Anh lại hỏi tôi, giọng hết sức khẽ khàng, giống như hôm tôi tiễn anh đi ở ga tàu hỏa dạo nào.

- Em có yêu anh không?

- Có, có.

Tất nhiên là bệnh viện vẫn chưa cho phép chúng tôi gặp Xa-sa. Chúng tôi liền gửi một mẩu giấy vào cho cô ấy và sau đó nhận được thư trả lời ngay. Trong thư Xa-sa yêu cầu chúng tôi "quản thúc" Pê-chi-a, đừng để anh ta chạy ra chạy vào bệnh viện suốt cả ngày, khiến ai cũng phải bàn tán đến. Cô ta còn tỏ ý muốn được cùng đi bách bộ với chúng tôi. Cuối cùng cô hỏi chúng tôi đã ăn cơm chưa, nếu chưa thì hãy kéo chồng cô cùng đi ăn một thể, vì "nếu không có ai nhắc nhở, anh ấy có thể nhịn suốt hai ngày hai đêm liền".

Bữa cơm hôm ấy không thành. Xa-nhi-a cần phải đến Viện nghiên cứu Bắc cực, tôi đi theo tiễn anh. Chẳng những vì tôi thích đi theo tiễn anh, mà còn vì chúng tôi cũng cần có một cơ hội để tâm sự với nhau về những việc đã thúc đẩy chúng tôi đến Lê-nin-grát để gặp mặt nhau. Những bức thư sau cùng tôi gửi đi anh chưa nhận được, nên anh không biết tin tàu "Pa-khơ-tu-xốp" sẽ đi qua Ma-tô-skin Sa-rơ, sau đó sẽ đi vòng qua Bắc địa

tiến thẳng ra đảo Li-a-khốp-xki. Quyết định này vừa mới đưa ra.

- Như thế càng tốt. Chúng ta sẽ có nhiều thời gian chuẩn bị hơn. - Xa-nhi-a nói. - Vấn đề khiến anh lo lắng nhất là ít thời gian quá.

Chúng tôi lại bàn đến việc chọn người vào đội thám hiểm. Xa-nhi-a cho biết anh đã giới thiệu một nhân viên điện đài ở Đích-xơn cùng bản thân bác sĩ I-van I-va-nô-vích là Lu-ri, thợ sửa chữa máy bay của anh. Trước đây trong các bức thư từ thành phố Da-pô-li-a-ri-e gửi về cho tôi, anh cũng thường nhắc đến cái tên Lu-ri này.

- Có một nhân viên điện đài rất tốt. Em có biết anh ấy là ai không?

- Em không biết.

- Co-rơ-din-kin đấy, - Xa-nhi-a trịnh trọng nói. - Chính là anh ấy đấy.

Tôi công nhận lần đầu tiên nghe đến cái tên này, thế là Xa-nhi-a giải thích rằng Co-rơ-din-kin là một trong số hai người Nga cùng A-mum-xen đặt bước chân lên Nam cực và A-mum-xen có nói đến anh ấy trong các quyển sách của mình.

- Thế là hay quá rồi, phải không em? Người thứ năm là anh. Còn người thứ sáu sẽ là em. Anh giới thiệu em tham gia đoàn với tư cách là "con gái" của vị thuyền trưởng.

- Thật thế ư? Em tưởng em có đủ quyền tham gia đoàn không kể có phải là con gái của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp hay không. Sao anh lại có thể gọi chức nghiệp của em là "con gái của thuyền trưởng" được?

Xa-nhi-a có vẻ hơi ngượng.

- Thế thì sao? - anh lầm bầm. - Điều đó có gì là kỳ lạ đâu. Việc này anh xử lý không được cao tay lắm, phải không?

- Rất dở.

- Nhưng nếu không đặt vấn đề như thế thì anh có vẻ thiên lệch nhiều quá đối với vợ. Thực là khó xử.

- Anh Xa-nhi-a, chưa bao giờ em cầu xin anh chạy chọt cho dâu, - tôi bình tĩnh nói. - Anh cứ mở miệng là lại nói "con gái thuyền trưởng", "vợ tôi"! Rồi còn cháu của cô bác nọ cháu của ông bà kia nữa. Anh chớ quên rằng em là một người làm công tác địa chất, vì vậy em đã đề nghị ông Tổng cục trưởng Tổng cục đường hàng không Bắc cực đưa em vào đoàn thám hiểm với tư cách là nhà địa chất chứ không phải là vợ của chàng Xa-nhi-a nào đó. Hơn nữa hiện nay em chưa phải là vợ của anh. Nếu sau này anh còn nói cái giọng ấy nữa thì em sẽ đi lấy người khác đấy. Anh quên rằng, chúng ta chưa hề đăng ký kết hôn hay sao?

Xa-nhi-a chớp chớp hai mắt, gượng cười một cách ngượng nghịu, sau đó anh lấy mũ xuống, xoa tay lên gáy. Lúc này tôi bỗng cảm thấy thương anh vô cùng.

- Ca-chi-a, em thứ lỗi cho anh, - anh nói giọng lúng búng. - Anh nói thật đấy.

Tuy lúc này hai chúng tôi đã đứng giữa sân của trụ sở Viện nghiên cứu Bắc cực, nhưng tôi vẫn cố hôn nhanh anh một cái rồi nói:

- Chúc anh thuận buồm xuôi gió!

Anh hẹn trước sáu giờ sẽ gọi điện thoại cho tôi và nếu còn kịp sẽ đến nhà Pê-chi-a một chuyến.

## Chương 10

# Đêm

Anh về đến nhà không phải là sáu giờ mà đã gần mười một giờ. Nơi anh đến không phải là nhà Pê-chi-a mà là khách sạn "A-xtô-ri-a". Anh yêu cầu chúng tôi đến khách sạn ngay để cùng ăn cơm tối với anh vì anh không ăn cơm trưa nên bây giờ đói lắm, mà ăn một mình thì rất chán.

Nhưng Pê-chi-a đã mệt nhoài sau một ngày căng thẳng. Hơn nữa vì muốn để cho người tỉnh táo, anh chàng đi uống một ít vốt-ca, bây giờ đang nằm trượt trên ghế đi-văng, đôi mắt lờ đờ nửa thức nửa ngủ, lại thêm chiếc mũi khoặm to tướng cùng hai chân hai tay dài ngoẵng, trông anh chàng giống hệt như chàng Pê-tru-sca[1].

... Tôi nhớ hết cả ngày giờ mỗi lần gặp Xa-nhi-a, và chẳng những ngày giờ của các lần gặp mặt mà cả đến ngày giờ gửi và nhận thư anh, tôi cũng nhớ rất rõ. Cuộc gặp gỡ trong vườn hoa bên đường phố Tri-um-phan-nai-a ấy là ngày mồng hai tháng

(1) Một vai chính trong các nhân vật múa rối dân gian của nước Nga. - N.D.

Tư. Cuộc gặp gỡ trước cửa nhà Hát lớn ấy là vào ngày mười ba tháng Sáu. Lần này sau khi từ Viện nghiên cứu Bắc cực trở về, Xa-nhi-a liền gọi điện cho tôi và buổi tối tôi đến gặp anh ấy tôi sẽ ghi nhớ suốt đời, đó là buổi tối ngày hai mươi mốt tháng Năm.

Chúng tôi quen biết nhau từ thuở ấu thơ, vì vậy tôi luôn luôn có cảm giác rằng tôi hiểu anh còn rõ hơn cả anh hiểu bản thân anh. Song buổi tối hôm nay anh bỗng trở nên khó hiểu khác thường. Đến nỗi ngay trong bữa ăn tối tôi đã phải nói thẳng với anh điều đó.

Toàn bộ phương án tìm kiếm đã được thông qua. Tại Viện nghiên cứu người ta bàn tán sôi nổi về bản phương án đó và nói với anh những lời đẹp đẽ. Điều đó rõ ràng là không phải không có căn cứ. Anh đã được gặp giáo sư V., người đã dựa vào tuyến hành trình của con tàu "Xanh Ma-ri" mà tìm ra được một hòn đảo. Anh được giáo sư tiếp chuyện rất nhiệt tình. Trước kia anh đã từng trú ngụ ở thành phố Lê-nin-grát mỹ lệ này, và trong thời kỳ học tập ở Trường Hàng không, anh đã gắn bó sâu sắc với thành phố to lớn này. Giờ đây sau một thời gian sống yên tĩnh ở Bắc cực, anh lại trở về Lê-nin-grát! Mọi việc đều rất thuận buồm xuôi gió.

Nét mặt anh, trong mỗi cử chỉ của anh, thậm chí cả trong lúc anh đang ăn, anh cũng để lộ niềm hạnh phúc cao độ. Đôi mắt anh ngời sáng, động tác dứt khoát tự nhiên. Nếu như trước đây tôi chưa hề yêu anh, thì ngay trong bữa tối hôm nay tôi cũng sẽ mãi mãi yêu anh.

Chúng tôi ăn mãi không xong. Về sau tôi nói rằng tôi chưa được đi xem phố xá của Lê-nin-grát thì anh có vẻ hoạt bát hẳn lên. Anh tuyên bố một cách hào hứng rằng anh sẽ "đích thân dẫn tôi đi thưởng ngoạn thành phố, sẽ chứng minh cho tôi biết thành

phố này là thành phố như thế nào". Và thế là chúng tôi cùng ra đi.

Lúc này đã quá hai giờ sáng. Lẽ ra lúc này là lúc trời tối nhất, nhưng khi chúng tôi bước ra khỏi khách sạn "A-xtô-ri-a" thì trời lại rất sáng, tôi cố ý đứng lại giữa đường phố Gô-gôn và giở tờ báo ra đọc.

Một đêm trắng tuyệt diệu! Thế nhưng Xa-nhi-a lại cho rằng đêm trắng chẳng có gì đặc biệt. Sở dĩ đêm trắng ở Lê-nin-grát đầy hấp dẫn và đẹp là bởi vì nó không kéo dài quá nửa năm.

Chúng tôi đi qua trước cửa Bộ Tổng tham mưu, một quảng trường rộng lớn, hùng vĩ của thành phố hiện ra trước mắt chúng tôi. Quảng trường này không thật là rộng lắm, nhưng lại phẳng phiu trống trải, không mông mênh như một số quảng trường ở Mát-xcơ-va. Nhưng rất bực là tôi không biết quảng trường này là quảng trường gì, Xa-nhi-a đành phải giảng cho tôi nghe một bài học ngắn về lịch sử nước Nga ngày mồng bảy tháng Mười một năm một nghìn chín trăm mười bảy.

Sau đó chúng tôi đi dọc theo phố Khan-tu-rin. Tôi đọc được tên dãy phố này qua ánh đèn từ một căn nhà hắt ra. Rồi chúng tôi dừng lại khá lâu trước những bức tượng đồ sộ đắp hình người dùng vai đỡ khung cửa lớn của Viện bảo tàng E-rơ-mi-ta-giơ. Không biết lúc ấy Xa-nhi-a nghĩ gì, riêng tôi thì dạt dào một thứ tình cảm chân thành như đối với những người còn sống vậy - Họ lộ rõ vẻ mệt nhọc nhưng tư thế lại rất đẹp.

Sau đó, chúng tôi đi ra bờ sông. Ở đây mới thực sự được nhìn thấy đêm trắng. Bầu trời không sáng tỏ cũng chẳng mịt mù, không phải lúc bình minh mà cũng chẳng là buổi hoàng hôn. Trên nóc tòa lâu đài của Trường đại học Quân y hiện ra những quầng màu xanh thẫm, màu xanh lơ, màu vàng, màu hồng da

cam... tựa như toàn bộ các loại màu sắc trên trái đất đều tập trung lại ở đây. Nhưng trên bầu trời của thành phố ở phía nào đó đã có mặt trời. Còn trên pháo đài Pê-trô-páp-lốp-xcai-a lại tỏa ra một màu chì mờ đục. Màu sắc không gian ở hai nơi khác xa nhau một trời một vực, đến nỗi khiến cho người ta khó mà tin rằng chúng đều ở trong một vùng trời. Chúng tôi đưa mắt chăm chú nhìn về phía pháo đài và bầu trời phía ấy rồi lại quay nhìn về Trường đại học Quân y và khoảng trời trên đó. Tôi có cảm giác như tầm mắt của mình vừa vượt qua biên giới của quốc gia này để sang một quốc gia khác, từ một đất nước tĩnh lặng, nặng màu xám đục sang một đất nước lộng lẫy, huy hoàng vô cùng.

Tôi mặc ít nên cảm thấy hơi thấm lạnh. Xa-nhi-a mở rộng chiếc áo mưa choàng qua vai tôi, thế là hai đứa cùng co rụt ở trong đó, lặng lẽ ôm nhau ngồi rất lâu.

Chúng tôi ngồi trên một chiếc ghế đá hình bán nguyệt đặt sát bờ nước bên dòng sông Nê-va, nghe rõ tiếng sóng nước đập vào bờ đá.

Tôi thực không thể nào nói được hết nỗi niềm hạnh phúc và những cảm giác dễ chịu trong buổi tối hôm ấy. Thế là cuối cùng chúng tôi đã ở bên nhau và sẽ không bao giờ chia lìa nữa. Giờ đây không còn cần phải cãi vã, tranh luận nhau để tỏ rõ lòng mình cho nhau hiểu nữa. Tôi cầm lấy bàn tay anh và đặt lên bàn tay chắc khỏe, to rộng, đáng yêu ấy những chiếc hôn thắm thiết. Và anh cũng hôn lên bàn tay tôi.

Tôi không nhớ rõ đêm hôm ấy chúng tôi đã đi qua những nơi nào, chỉ còn nhớ rằng chúng tôi rất lưu luyến, không muốn rời xa bờ sông Nê-va. Hai đỉnh tháp, một cao một thấp màu thiên thanh luôn luôn hiện ra sừng sững trước mặt chúng tôi. Chúng tôi hướng

về phía nó đi mãi nhưng mãi vẫn không đến, như một ảo ảnh không bao giờ bắt gặp được vậy.

Các bác công nhân vệ sinh đã bắt đầu quét đường phố. Vừng mặt trời to tướng, vàng rực treo lơ lửng trên bầu trời phía nhà thờ Vu-bo-xcai-a, mỗi lúc một lên cao hơn. Tuy chúng tôi vẫn còn lưu luyến với trời đêm hôm nay, nhưng đêm trắng đã tàn dần. Chợt Xa-nhi-a đột ngột quyết định phải gọi điện thoại ngay cho Pê-chi-a.

- Chúng ta sẽ hỏi cậu ấy xem tối hôm qua cậu ấy sống như thế nào, - Xa-nhi-a nói giọng vui vẻ và cười vang.

Nhưng tôi khuyên anh không nên gọi, vì điện thoại của Pê-chi-a đặt ở phòng ngoài, sẽ làm mất giấc ngủ của cả nhà bác nghệ sĩ nhiếp ảnh Be-ren-stanh.

- Gia đình ấy rất tốt, trời chưa sáng mà đã đánh thức cả nhà người ta dậy là điều không nên đâu!

Chúng tôi dẫn nhau đến nhà thờ, và ở đó Xa-nhi-a gọi một chiếc xe tắc-xi. Khi ngồi trong xe tắc-xi, chúng tôi chợt cảm thấy rất thoải mái, thế là Xa-nhi-a đề nghị tôi hãy ra đảo chơi một lúc rồi trở về nhà Pê-chi-a. Song sáng nay anh còn có nhiều việc phải hoàn thành nên tôi muốn anh về sớm và tranh thủ ngủ được phút nào hay phút ấy.

Chúng tôi trở về khách sạn "A-xtô-ri-a" và nổi lửa đun cà-phê. Hầu như lúc nào Xa-nhi-a cũng không rời bộ phin pha cà-phê và cái bếp đèn cồn. Anh bắt đầu nghiện cà-phê từ ngày lên Bắc cực.

- Đời sống đẹp đến như thế này, cũng thực đáng sợ, em nhỉ? - Anh nói rồi ôm chặt tôi vào lòng. - Sao tim em đập dữ dội đến thế! Mà tim của anh... em sờ xem.

Anh cầm tay tôi đặt vào chỗ trái tim anh.

- Chúng ta hồi hộp quá, thực là buồn cười, em nhỉ?

Hình như bản thân anh cũng không biết anh nói những gì. Vì quá xúc động, giọng anh lạc hẳn đi...

Mãi đến gần một giờ chiều, chúng tôi mới đến thăm Pê-chi-a. Bà chủ nhà đã có tuổi, vóc người bé nhỏ, lịch thiệp ra mở cửa và cho biết Pê-chi-a không có ở nhà.

- Anh ấy vào bệnh viện rồi.

- Đi sớm thế kia ạ?

- Phải.

Trên nét mặt bà lộ vẻ lúng túng.

- Có xảy ra việc gì không ạ?

- Không, không. Chẳng có chuyện gì đâu. Anh ấy gọi điện thoại vào bệnh viện, trong ấy người ta trả lời chị A-lếch-xan-đra I-va-nốp-na hơi khó ở.

## Chương 11

# Cô em

Mãi đến bây giờ, mỗi khi nhớ lại những ngày ấy là trong tôi lại tràn ngập một thứ tình cảm đau đớn đầy bất lực và nặng nề. Ngày nào chúng tôi cũng đến bệnh viện Sơ-re-đe-rơ ba lần và lần nào cũng đứng rất lâu trước bảng theo dõi nhiệt độ có che một lớp mi-ca: "Xcô-vô-rốt-ni-cô-va - 37; 37,3; 38,2; 39,9". Song bệnh của Xa-sa không giống như bệnh viêm phổi mà tôi đã từng bị khi còn học ở trường. Qua ngày thứ chín, nhiệt độ của Xa-sa bắt đầu giảm xuống... Theo lời giáo sư nói thì Xa-sa bị bệnh "cúm biến chứng". Có mấy hôm thân nhiệt của cô ấy tương đối ổn định, những ngày ấy chúng tôi vui như mở hội và bắt đầu bàn tới chuyện chuẩn bị đón Xa-sa về nhà. Bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na, vợ của nhà nhiếp ảnh nói rằng bà cũng đã từng bị viêm phổi, nhưng bệnh này nếu đem so sánh với bệnh viêm màng phổi có mủ mà chị của bà là bà Béc-ta đã mắc phải thì chẳng thấm vào đâu. Pê-chi-a có lúc hứng khởi nói về nghề điêu khắc của mình. Có một lần tôi đã thuyết phục được để anh chàng dẫn tôi đi xem Viện bảo tàng E-rơ-mi-ta-giơ. Nhưng đến sáng ngày hôm sau, chúng tôi lại buồn bã đứng trước tấm bảng theo dõi nhiệt độ đọc

đi đọc lại mãi mà vẫn không thể nào tin nổi... Tôi bắt gặp có một lúc Pê-chi-a nhắm nghiền hai mắt lại, rồi lại mở to ra, tuồng như làm như thế là có thể nhìn thấy những kết quả khác hẳn mà anh ta mong chờ. như hồi còn bé anh vẫn thường làm. Nhưng những gì mà anh nhìn thấy vẫn không hề thay đổi, vẫn là những con số mà chúng tôi rất không muốn đọc: "Xcô-vô-rốt-ni-cô-va - 38,1: Xcô-vô-rốt-ni-cô-va - 39.3; Xcô-vô-rốt-ni-cô-va - 40".

Có đến ba ngày liền nhiệt độ của Xa-sa vẫn ở mức 40 độ, sau đó hạ xuống một cách dữ dội rồi lại lên cao. Lần này cao đến 40°5. Tôi khẳng định rằng đấy không phải là bệnh viêm phổi. nên vội vã đến nhà riêng tìm giáo sư mà không nói cho Xa-nhi-a biết. Nhưng ông tỏ ý rất tin tưởng vào kết quả chẩn đoán. Tiếng bệnh lý của phổi rất rõ, không phải chỉ có ở một số chỗ mà ở nhiều chỗ, cả hai bên phổi đều có. Ông còn cho biết rằng loại bệnh này không nằm trong phạm vi điều trị của ông, Xa-sa đã được đưa sang khoa Nội để theo dõi điều trị.

- Rút cục lại là thế nào ạ?

- Cô ấy bị cúm hiến chứng vào phổi nên bệnh tình có phức tạp thêm.

- Tôi biết rằng hằng ngày ông đi lại thăm bệnh cho Xa-sa có đến hàng trăm lần. Tóm lại là các thầy thuốc trong bệnh viện đều tất tận tâm đối với Xa-sa. Nhưng tôi vẫn hỏi thêm ông rằng có cần mời một bác sĩ nội khoa nữa đến giúp sức bệnh viện không?

- Hay là mời bác sĩ Ga-bri-trép-xki?

- Được, để tôi gọi điện thẳng đến ông ấy xem.

Nhưng sau khi được bác sĩ Ga-bri-trép-xki theo dõi điều trị, nhiệt độ của Xa-sa vẫn không chịu thuyên giảm.

Trong những ngày này hầu như tôi không được trông thấy

Xa-nhi-a. Chỉ thỉnh thoảng anh mới gọi điện cho tôi một lần vào ban đêm và tôi có đến Viện nghiên cứu về việc trang bị cho đội tìm kiếm Bắc cực để tìm anh. Anh ngồi trước chiếc bàn vuông. Trên bàn chất đầy vũ khí, máy chụp ảnh, găng tay, bít tất bằng da có lông. Một người đàn ông mặc áo khoác bằng da, râu ria đầy mặt, có vẻ nghiêm nghị đang cầm khẩu súng hai nòng trên bàn, miệng càu nhàu không ngớt rằng nòng súng không lắp khớp vào báng súng.

- Cô ấy thế nào rồi? Em có trông thấy cô ấy không? Các bác sĩ nói thế nào?

Chốc chốc lại có tiếng chuông điện thoại réo. Anh cầm ống nghe lên một lát rồi ném lên bàn.

- Vẫn một giọng ấy.

- Nhiệt độ bao nhiêu?

- Sáng sớm hôm nay là bốn mươi độ hai.

- Khỉ thật, chẳng lẽ không còn cách nào nữa hay sao?

Mấy hôm nay trông anh gầy sút hẳn đi. Anh có vẻ mệt mỏi, dễ cáu bẩn. Tóm lại, anh chẳng còn giống anh chút nào, nhất là với ngày đầu khi hai chúng tôi gặp nhau.

- Trông em gầy xọp đi, em không ngủ được à? - Anh cất tiếng hỏi. - Anh thật không biết rồi mọi việc sẽ ra sao?

- Không có gì nguy hiểm trực tiếp đâu anh ạ.

- Cái gì?

- Bác sĩ Ga-bri-trép-xki nói rằng không có gì nguy hiểm trực tiếp đâu.

- Thôi mặc kệ họ! - Xa-nhi-a hét lên. - Bệnh chỉ có thế mà cũng không trị được! Cô ấy vốn là người khỏe mạnh, có bệnh gì đâu!

Tôi nói cho anh biết rằng bắt đầu từ hôm nay tôi sẽ phải xa anh một thời gian, vì mọi người đã bằng lòng để tôi được vào bệnh viện chăm sóc Xa-sa. Ngay tối hôm nay tôi sẽ dọn vào bệnh viện. Anh nắm chặt tay tôi và nhìn tôi đầy biết ơn. Sau đó anh tiễn tôi ra cửa và chúng tôi chia tay nhau...

Xa-sa nằm trên giường bệnh, mắt nhìn chăm chăm lên trần nhà, chốc chốc lại liếm lưỡi vào đôi môi khô bỏng. Cô không nhận ra tôi ngay, có lẽ vì tôi mặc áo bơ-lu và mang khẩu trang che kín cả mặt. Nhưng tôi biết là cô đã nhận ra tôi là một người mới đến.

Rõ ràng là đã rất lâu rồi cô không ngủ. Mọi việc đối với cô đều rối cả lên, buổi sáng buổi tối cũng không phân biệt rõ. Đối với cô hầu như thời gian là vô nghĩa.

Bộ mặt rám hồng kiểu người tác-ta của cô trước kia giờ đây trở nên trắng nhợt, đôi mắt thụt sâu vào trong. Mắt cô trước đây vốn hơi lé, rất hợp với cô, nó làm cho cô có cái nhìn tự nhiên đáng yêu. Nhưng bây giờ không biết vì sao, đặc biệt là vào buổi tối, ánh mắt nhìn nghiêng của cô khiến tôi rất sợ. Cô ngồi thẳng lưng trên giường, sắc mặt luôn luôn thay đổi, hai chiếc đuôi sam lủng lẳng trước ngực, chẳng hề mở miệng nói một lời nào. Tôi hết sức khuyên bảo mà vẫn không tài nào làm cho cô nằm xuống được. Một lần Xa-nhi-a cũng có mặt ở đấy, dáng vẻ của Xa-sa khiến anh nhớ tới mẹ và thế là anh cứ ngẩn ngơ mãi.

Hầu như chưa bao giờ tôi làm hộ lý chăm sóc người bệnh, nhất là đối với những người bị bệnh trầm trọng như Xa-sa. Nhưng bây giờ tôi đã học được cách rồi. Công việc này thực là khó nhọc vì hầu như chẳng lúc nào Xa-sa ngủ được, mà nếu có ngủ thì cũng chỉ rất ngắn ngủi rồi tỉnh giấc ngay. Đồng thời lại phải thường xuyên theo dõi nhịp thở của cô.

Cũng có được mấy ngày, sức sống tràn trề bỗng trở lại với Xa-

sa. Tôi còn nhớ có một ngày như thế, đó là ngày thứ tư sau khi tôi dọn vào ở hẳn trong bệnh viện. Tối hôm ấy cô ngủ rất say và sáng hôm sau, vừa tờ mờ đã đòi ăn. Tôi cho cô ăn một quả trứng gà và uống một cốc sữa. Khi tôi đắp chăn thật kỹ cho cô để tránh gió, đột nhiên cô hỏi:

- Ca-chi-a, chị ở bên cạnh em mãi thế này ư? Tối chị ngủ ở đây ư?

Hình như lúc ấy da mặt tôi giật lên mấy cái, cô ngạc nhiên nhìn tôi.

- Chị làm sao thế? Em ốm nặng lắm phải không? Có đúng thế không?

- Xa-sen-ca, bây giờ chúng ta sẽ mở cửa sổ ra cho thoáng, cô hãy chịu khó nằm im, đừng nói, đồng ý không? Mấy hôm trước cô mệt nhiều, nhưng hôm nay khá rồi. Mọi việc rồi sẽ qua cả thôi.

Cô nghe lời tôi, không nói nữa. Chỉ đến khi tôi xoa kem thơm lên mặt và tay cô thì cô cầm chặt lấy tay tôi hồi lâu. Sau đó một lúc cháu bé được đưa đến, chúng tôi chăm chú nhìn cháu bú sữa. Cháu mở to đôi mắt, bú ngon lành.

- Giống anh ấy quá phải không chị? - Xa-sa hỏi qua khẩu trang.

Cô tỏ vẻ rất vui mừng thấy con rất giống Pê-chi-a. Tuy mới ra đời có hơn mười ngày mà cháu đã có một vẻ mặt riêng khiến ai cũng nhận ra. Nhưng tôi thì lại thấy cháu giống hệt Xa-nhi-a, giống Xa-nhi-a của tôi chứ không giống mẹ cháu. Cái nết ăn của cháu đã có vẻ giống bác nó ở chỗ quả quyết và bất chấp tất cả.

- Anh Pê-chi-a thế nào hả chị? Chắc là anh ấy lo lắng lắm phải không? Hôm nay em nằm chiêm bao thấy anh ấy đến đây.

ngồi ngay trong phòng này này. Nhưng mọi người lại đem anh ấy giấu đi không cho em nhìn thấy. Rõ ràng là em đã trông thấy anh ấy mà Ma-ri-a Pê-trốp-na cứ bảo là anh ấy không hề đến đây.

Ma-ri-a Pê-trốp-na là cô hộ lý mà tôi đã nói ở trên.

- Anh ấy ngồi ngay ở cái chỗ hiện giờ chị đang ngồi đấy, ngồi im chứ không nói gì cả. Anh ấy chẳng làm sao nói chuyện được với em, vì mọi người đã cố ý đem giấu anh ấy đi, để em không nhìn thấy được. Trời ơi, nhưng em quên mất, chị hầu như chưa quen biết anh ấy kia mà!

- Tôi cảm thấy tôi đã quen Pê-chi-a từ hàng trăm năm nay rồi.

- Còn anh Xa-nhi-a thì sao? Chừng nào thì anh chị đi?

- Khoảng hai tuần lễ nữa. Con tàu "Pa-khơ-tu-xốp" của chúng tôi đang sửa chữa. Đến cuối tháng Sáu này mới có thể ra ụ được.

- Ụ là cái gì hở chị?

- Mình cũng chẳng biết nữa.

Xa-sa cười vang lên.

- Anh chị hạnh phúc thật! Đáng yêu thật!

Chúng tôi chuyện trò đến một tiếng đồng hồ, thuận miệng chúng tôi bàn cả đến bức tượng "Pu-skin" của Pê-chi-a. Xa-sa cũng nói rằng cô cảm thấy đó là một tác phẩm rất khá.

- Tinh lực của anh ấy bị phân tán nhiều quá, - cô nói giọng buồn buồn. - Hiện nay anh ấy chuyển sang điêu khắc, thoạt đầu em không tán thành đâu. Nhưng về mặt hội họa anh ấy cũng chẳng tập trung được sức lực.

Xa-sa hồi tưởng lại những ngày chúng tôi quen nhau ở En-xcơ. Lần ấy tôi đến nhà cô chơi. Dì Đa-sa nhận xét về tôi như

sau: "Chà, dễ thương, xinh đẹp và khỏe mạnh. Có điều là trông hơi buồn buồn".

- Bây giờ dì Đa-sa ở đâu nhỉ? - Tôi hỏi. - Tại sao không thấy dì ấy đến thăm thằng cháu trai đầu tiên nhỉ? Đấy là một chuyện lớn chứ chơi à?

- Chẳng lẽ chị không biết dì đang bị ốm nặng ư? Tim của dì ấy tồi lắm, trước đây ít lâu bác sĩ có khuyên dì ấy nghỉ ngơi khoảng nửa năm. Em và Pê-chi-a thường về En-xcơ. Hầu như mùa hè nào chúng em cũng đi một chuyến như thế cả.

Cô nói còn có vẻ mệt nhọc lắm, trong khi đang nói thường phải ngừng lại để thở. Nhưng dù sao, tình trạng sức khỏe của cô cũng đã khá hơn nhiều so với mấy hôm trước đây.

- Còn ông chánh án ở đâu?

- Ông chánh án nào?

- Chị kìa, ông chánh án nhà em ấy mà.

Xa-sa cho tôi hay, ông chánh án Xcô-vô-rốt-ni-cốp - bố của Pê-chi-a vừa được thưởng huân chương "Quang vinh".

- En-xcơ là nơi rất đẹp, phải không chị? - Cô nói sau một hồi im lặng. - Ở En-xcơ, anh chị có về đấy không?

- Tất nhiên là có chứ!

Chờ khi bác sĩ đã khám hết lượt, Pê-chi-a liền gọi tôi ra. Tôi chạy phóng ra ngoài, báo cho anh ta biết tình hình sức khỏe của Xa-sa đã khá lên nhiều. Giữa lúc ấy tại phòng đón tiếp xảy ra một chuyện: có một thanh niên mặt áo cổ bẻ xiên đầu đội mũ lưỡi trai đang cùng Pê-chi-a đứng chờ bác sĩ khám xong cho các người bệnh. Vì sáng nào anh ta cũng vào bệnh viện cùng một giờ với chúng tôi, nên tôi quen mặt anh ta. Tôi biết người mà anh đến thăm là A-lếch-xe-e-va, nhiệt độ của chị này cũng rất cao. Trong

toàn bộ bản thông báo nhiệt độ của các người bệnh trong phòng chỉ có cô này và Xa-sa là cao hơn cả. Khi tôi tìm gặp được Pê-chi-a và hai người đang đứng trong phòng đón tiếp thì đột nhiên có một cô y tá đi ra, nói vội với anh ta:

- Có phải anh đến thăm chị A-lếch-xe-e-va không? Thôi đi đi, đi đi!

Và cũng ngay lúc ấy chúng tôi nghe cái giọng hạ thấp hẳn xuống của cô nói với người trực ban ở phòng gửi áo:

- Đem áo bơ-lu đến đây nhanh lên... Có thể anh ấy còn kịp gặp mặt...

Thực đáng sợ, người thanh niên vội vã mặc áo bơ-lu, cố kiềm chế mình để mặc cho nhanh, nhưng mãi vẫn không xỏ được tay vào áo. Cuối cùng một chị hộ lý đã phải giật phắt lấy chiếc áo, choàng lên vai anh như khoác áo bành tô.

Chúng tôi vẫn tiếp tục nói chuyện, nhưng bắt đầu từ đó Pê-chi-a chẳng còn tâm địa nào mà nghe tôi nói nữa. Mặt anh chàng bỗng tái nhợt đi khiến tôi giật mình cầm lấy tay anh.

- Anh làm sao thế?

- Không sao, không sao cả.

Tôi đỡ anh ngồi xuống rồi chạy đi tìm nước sôi. Nhưng anh đã bị ngất mất rồi.

Ngày hôm đó tôi gặp ông giáo sư khoa Nội và nói chuyện với ông. Ông cho biết sẽ không dùng thuốc trợ tim loại mạnh nữa và nói thêm: "Chúng ta cho Xa-sa uống nhiều thuốc quá rồi". Khi sắp sửa bước đi, ông nói rằng gần đây ông thấy có một loại thuốc mới chữa bệnh viêm phổi rất tốt, đó là thuốc xufiđine, một thứ thuốc vừa mới được các nhà bác học phát hiện ra.

Đến tối bệnh trạng của Xa-sa có phần nặng hơn nhưng tôi

không lo lắm, vì chiều tối cô ấy vẫn thường khó chịu hơn. Tôi cầm một quyển sách đứng tựa vào chiếc bàn kê ở đầu giường để đọc. Tôi lấy khăn quàng che ánh sáng đèn cho khỏi chói mắt người bệnh. Trước đấy mấy hôm Xa-nhi-a gửi vào cho tôi mấy quyển sách, đến nay tôi vẫn còn nhớ rõ đó là quyển "Bắc cực hiếu khách" của Xtê-phan-xôn. Đã có quyết định cuối cùng về việc tôi tham gia vào đội thám hiểm, tôi sẽ tham gia với tư cách là một nhà địa chất. Giáo sư V. được chỉ định lãnh đạo các mặt nghiên cứu khoa học của cuộc thám hiểm. Chỉ vài hôm nữa tôi sẽ phải gặp ông ta. Dĩ nhiên là tôi không giấu giếm rằng hiện tại kiến thức của tôi về Bắc cực còn rất nông cạn. Toàn bộ những sách vở Xa-nhi-a gửi vào cho tôi đều là những tài liệu cơ bản, rõ ràng là phải đọc thật kỹ từ đầu đến cuối mới được.

Khoảng hơn hai giờ sáng, tôi đứng dậy để xem Xa-sa ngủ thế nào, tôi thấy cô ấy đang nằm yên hai mắt mở trừng trừng.

- Xa-sa, cô làm sao thế?

Xa-sa im lặng một lúc.

- Chị Ca-chi-a, em chết mất, - cô thì thào.

- Xa-sa, cô sắp khỏi rồi đấy. Hôm nay khá lắm rồi.

- Thực ra thì cái chết cũng chả có gì đáng sợ, chỉ có điều là mỗi khi nghĩ đến cháu bé, em cảm thấy khủng khiếp quá.

Nước mắt giàn giụa trong hố mắt cô. Cô cố quay đầu đi chùi nước mắt vào gối.

- Không biết sau này cháu có được vào đại học không nhỉ?

- Xa-sa, chớ có nghĩ lẩn thẩn như thế, vào đại học nào?

Tôi lau nước mắt cho cô rồi hôn lên trán cô. Trán cô nóng như một lò than đỏ.

- Đến khi cháu vào đại học thì em không thể nào nhận ra

cháu nữa, nó sẽ thay đổi nhiều lắm... Sao Pê-chi-a vẫn không vào thăm em chị nhỉ? Sao người ta không để cho anh ấy vào nhỉ? Họ có quyền gì ngăn cấm anh ấy? Ai cũng cho rằng em không được phép nhìn thấy anh ấy ư? Anh ấy kia kìa, kia kìa!

Cô định vùng ngồi dậy, nhưng tôi đã kịp ngăn lại. Giữa lúc ấy cô hộ lý trực ban vào và tôi cho Xa-sa thở ô-xy...

Từ buổi tối hôm ấy, việc đáng sợ nhất bắt đầu xảy ra.

Cứ cách một tiếng đồng hồ lại phải tiêm cho cô một mũi thuốc hồi sinh. Thời gian cô tự thở không tiếp ô-xy mỗi lúc một ngắn đi, nhiệt độ hạ dần xuống. Cả thuốc hồi sinh, thuốc trợ tim loại mạnh cũng đều bất lực trước nhịp đập mỗi lúc một yếu đi của trái tim cô. Cô nằm thẳng người, các đầu ngón tay tím lại, sắc mặt vàng bệch như màu sáp. Mặc dù thế, các bác sĩ vẫn ra sức cứu chữa tấm thân đáng thương đã phải chịu đựng bao nỗi giày vò đau đớn của cô.

Tôi không rõ tình trạng này kéo dài trong bao lâu, hình như lâu lắm thì phải, vì cho mãi đến tối ngày hôm sau công việc cấp cứu vẫn còn tiếp diễn. Một bác sĩ lạ tôi chưa gặp mặt bao giờ nhẹ nhàng từ trong phòng bệnh đi ra hành lang và tiến lại phía chúng tôi. Chúng tôi: Xa-nhi-a, Pê-chi-a và tôi đang đứng chờ tin tức giữa hành lang bệnh viện. Không hiểu bởi cớ gì trước đây ít lâu họ xua tất cả chúng tôi ra khỏi phòng bệnh. Người bác sĩ ấy thoáng dừng lại ở cửa phòng rồi chậm rãi đi tới trước mặt chúng tôi.

## Chương 12

# Vĩnh biệt

Bạn sẽ biết rất nhiều về một con người khi người đó chết. Trong buổi lễ truy điệu ở Viện hàn lâm mỹ thuật, khi nghe những lời bàn của mọi người, tôi nghĩ bụng, những lời nói tốt đẹp của người đời đối với Xa-sa khi cô còn sống e rằng không bằng một nửa khi cô đã chết.

Linh cữu đặt trên bục cao, xung quanh có rất nhiều hoa, đến nỗi bộ mặt trắng bệch của cô gần như bị lút vào giữa rừng hoa không nhìn thấy nữa. Không hiểu tại sao ai cũng gọi Xa-sa là "bạn", họ gọi cô là "một nhà nghệ thuật ưu tú", là "một người Xô Viết tuyệt vời" và "thần chết đáng nguyền rủa đã bất thình lình cướp đi cuộc sống của bạn" vân vân... Những lời văn điếu ấy thực quá cách xa với bộ mặt đau đớn kia của người xấu số!

Tôi cảm thấy trong người rất mệt, phải cố gắng lắm mới đứng nổi cho đến khi buổi lễ kết thúc. Sau một thời gian đem hết sức lực, tâm can của mình làm việc căng thẳng từng giờ từng phút để mong cứu sống người thân của mình mà không thành; giờ đây

tôi cảm thấy trống rỗng, chẳng có việc gì đáng làm nữa. Giờ đây tôi là người vô sự, tôi bàng hoàng đứng bên cạnh quan tài. Xa-nhi-a đứng cạnh tôi, nhưng không hiểu vì sao cứ một lúc tôi nhìn rõ anh, nhưng lúc sau lại chẳng nhìn thấy gì cả. Còn anh thì cứ nhìn người em gái không chớp mắt. Sắc mặt của anh tái đi giận dữ, tuồng như cái chết của cô ấy làm anh giận dữ vậy.

Xa-nhi-a tham gia vào tất cả mọi việc: đóng quan tài, thuê ô-tô, lo liệu các việc trong nhà, đến Sở công an làm thủ tục, ra nghĩa trang và cuối cùng là tiễn tôi về khách sạn "A-xtô-ri-a". Xong đâu đấy anh trở lại với Pê-chi-a suốt đêm. Giờ đây anh đứng bên cạnh tôi, chăm chăm nhìn cô em gái như thể để bù vào những năm tháng cách biệt về sau. Tôi hỏi anh về Pê-chi-a, anh lặng im không đáp lời, mà chỉ đưa tay trỏ một người đang đứng cạnh quan tài.

Pê-chi-a còn giữ được vẻ bình tĩnh, song bộ mặt hốc hác khô rộc hẳn đi của anh khiến tôi vô cùng kinh ngạc. Anh ta có vẻ hình như đang cố dằn mình để chờ cái phút kết thúc các thủ tục của buổi lễ đau khổ này, và sau đó Xa-sa sẽ lại trở lại đoàn tụ với anh và mọi việc rồi sẽ lại tốt đẹp như thường. Ông già Xcô-vô-rốt-ni-cốp đã đến đây ngày hôm trước để dự lễ an táng. Ông đứng sau lưng Pê-chi-a, hai dòng nước mắt chảy như xối qua má xuống bộ râu điểm bạc xén rất kỹ của ông. Về sau mắt tôi mờ đi nên không nhìn thấy buổi lễ đã kết thúc như thế nào nữa.

Hai hoặc ba ngày gì đó sau khi Xa-sa được chôn cất xong, trước khi trở về En-xcơ, ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp đã đặc biệt đến khách sạn "A-xtô-ri-a" để chia tay chúng tôi. Lúc ấy trong phòng của Xa-nhi-a đương có khách nào đó, hình như vị đại diện được cử đi Ác-khan-ghen-xcơ để chuẩn bị trang bị, nên chúng tôi phải vào phòng ngủ nói chuyện. Trong phòng này có rất nhiều áo

bông, găng tay và những thứ cần thiết của đội thám hiểm sau này làm việc. Đó là những thứ chuyển từ Viện nghiên cứu Bắc cực đến.

Tôi mời ông ngồi lên giường và mời ông uống cà phê.

- Anh chị chuẩn bị đi rồi ư? - ông hỏi.

- Vâng, chúng cháu cũng sắp đi rồi ạ.

Chúng tôi im lặng hồi lâu.

- Xin lỗi, tôi chưa được quen cô lắm, - ông cụ lại nói. - Nhưng tôi đã nghe nói về cô rất nhiều. Lâu nay tôi vẫn coi Xa-nhi-a như là con đẻ, tôi rất mừng được biết hai anh chị rất thương yêu nhau. Dĩ nhiên là lúc này việc của Xa-sa làm cho mọi người đều đau buồn... Nếu không thì chúng ta đã có thể vui vẻ chúc mừng nhau... Nhưng cái chết đối với người ta là chuyện thường tình, không sao tránh khỏi...

Ông thở dài rồi nói tiếp:

- Không ai tránh khỏi cái chết trong đời mình!... Pê-chi-a có nói với tôi rằng cô rất quan tâm đến Xa-sa, tôi xin hết lòng cám ơn cô.

Tôi hỏi thăm tình hình sức khỏe bà Đa-sa.

- Vấn đề chính là ở chỗ đó, sức khỏe của bà nhà tôi không được tốt lắm. Bác sĩ không cho bà ấy rời khỏi giường nằm. Hơi thở lúc nào cũng hộc tốc nặng nề. Nếu sức khỏe của bà ấy khá thì tôi đã bế ngay cháu bé về nhà nuôi rồi. Còn Pê-chi-a, nếu anh ấy chịu về nhà ăn nghỉ ít lâu cho lại sức thì càng tốt. Bây giờ tôi thật không tưởng tượng nổi sẽ về nói với bà lão nhà tôi thế nào đây. Nếu bà ấy biết chuyện Xa-sa thì chắc chắn là bà ấy không thể sống nổi. Bà ấy gửi gắm cả cuộc đời cho hai vợ chồng thằng Pê-chi-a.

Ông mân mê trong tay chiếc bật lửa làm bằng vỏ đạn đồng đã cũ, có lẽ đó là vật kỷ niệm còn lại từ thời kỳ nội chiến. Tôi biết ông cụ đang suy nghĩ những gì. Sau khi đưa đám ma trở về phố Pê-trô-grát-xcai-a, bản thân tôi cũng đã từng có ý nghĩ như thế.

... Mặt bàn trắng chưa được đánh véc-ni, giờ đây trở nên trống trải vô cùng. Mấy cây bút vẽ nhỏ và một bức tranh phong cảnh cổ chưa được lên màu của Xa-sa bỏ lại để chỏng chơ trên mặt bàn. Bây giờ không có ai cần đến chúng nữa.

"Thực ra cái chết cũng chẳng có gì đáng sợ, có điều là khi nghĩ đến cháu bé, em cảm thấy khủng khiếp quá". Lời nói hồi nào của Xa-sa như có ý ủy thác cho tôi cuộc sống của đứa bé. Giá như lúc hấp hối mà còn tỉnh táo thì chắc là cô ấy đã nói hẳn với tôi những lời ấy rồi.

## Chương 13

# Pê-chi-a con

Chúng tôi quyết định trung tuần tháng sau sẽ ra đi. Thời gian tôi được ở với cháu bé chỉ còn vẻn vẹn có hai tuần lễ nữa thôi. Nhưng hai tuần lễ, thời gian đó không phải là quá ngắn ngủi đối với một đứa trẻ mới ra đời được có nửa tháng. Bây giờ nghĩ lại tôi vẫn thấy buồn cười lúc tôi cùng với Pê-chi-a vào bệnh viện bế cháu về nhà, chẳng những tôi không dám bế cháu mà chỉ khẽ chạm vào một chút tôi cũng đã sợ rồi. Khi cô y tá giảng giải cách nuôi trẻ và sau đó nâng cao cháu lên, tôi sợ quá bất giác kêu lên. Cô tạ dùng một cánh tay giữ chặt đứa bé trên cao, khiến nó khóc thét lên, nhưng giọng cô ta vẫn hết sức bình tĩnh:

- Để cho nở phổi.

Bình sữa phải luộc bằng nước sôi, cứ cách ba tiếng đồng hồ lại cho ăn một lần và cách một ngày tắm một lần... bao nhiêu thể lệ qui tắc cô ta nêu ra khiến tôi đau cả đầu... Cuối cùng bất kể việc ấy đáng sợ như thế nào, tôi vẫn phải quấn kỹ cháu bé và bế lên tay. Động tác của tôi có lẽ quá thận trọng, nên cô y tá cười nói:

- Mạnh dạn lên, mạnh dạn lên!

Tôi bận bịu suốt ngày đêm; lúc phải thay tã, lúc phải cho ăn sữa, lúc lại phải tắm. Một ngày hai bận vào bệnh viện lấy sữa người... Nói tóm lại, bao nhiêu chuyện phiền phức, bận rộn đã đến với tôi.

Mọi việc vẫn tiến hành bình thường không có gì thay đổi. Cục địa chất Ba-skia gửi công lệnh đến cho tôi, cho phép tôi công tác tại Viện nghiên cứu Bắc cực một năm. Giáo sư V. cũng gọi tôi đến, chúng tôi thảo luận khá tỉ mỉ nhiệm vụ công tác địa chất của đội thám hiểm, vì lúc ấy tôi chưa nắm được chút nào tình hình địa chất ở vùng Bắc cực, nên có phần lúng túng trong một số vấn đề.

Tôi đã đọc xong quyển "Bắc cực hiếu khách". Tôi đọc trong hoàn cảnh rất khó khăn: thì giờ rất hiếm và lúc nào cũng buồn ngủ. Còn nhớ, hồi ấy tôi không thể nào hiểu được tại sao lại nói Bắc cực hiếu khách. Theo tôi, thì Bắc cực chẳng lấy gì làm hiếu khách lắm.

Mỗi lần tôi cầm đến sách là cháu bé lại khóc oa oa.

Tuồng như cháu cũng dự cảm rằng tôi sắp xa lìa cháu.

Đã đến lúc phải nghĩ đến chuyện sắp xếp việc nuôi nấng cháu bé sau khi tôi ra đi. Tôi đã bàn việc này nhiều lần với Pê-chi-a, nhưng lần nào anh ta cũng chỉ cúi đầu lặng nghe tôi nói chứ chẳng hé răng nói một lời nào. Anh ta có vẻ rất khó xử và hầu như không còn đủ minh mẫn trước cái tang lớn vừa qua.

- Tìm bảo mẫu làm gì? - Có một lần Pê-chi-a đã thốt ra như thế. Ngay lúc ấy tôi chợt hiểu rõ, anh ta sẽ rất đau lòng khi xuất hiện một người lạ trong căn phòng này.

Mặc cho tôi khuyên bảo thế nào, anh ta vẫn không chịu ăn

một tí gì cả. Không hiểu anh ta vứt mũ ở đâu, chắc là đã đánh mất ở ngoài đường phố, nhưng lúc nào về nhà cũng lục lọi tìm kiếm. Anh ta chẳng chịu nhìn đến con, thái độ ấy khiến tôi hết sức kinh ngạc. Nhưng có một lần, khi trời sắp sáng, trong lúc tôi đương cố kìm chế giấc ngủ để đánh vật với quyển sách thì đột nhiên có những tràng tiếng nói lạ tai từ phòng bên vẳng lại làm cho tôi tỉnh táo hẳn lên: Tôi nghe có tiếng ai nói: "Bé yêu quí, bé dễ thương!..."

Pê-chi-a chỉ mặc độc chiếc quần đùi, ngực để trần, cơ thể gầy rạc đến phát khiếp, đang đứng trước chiếc giường con. Anh ta mở to hai mắt, mệt mỏi nhìn con đang ngủ say.

Anh ta giật thót người, khi nghe tôi hỏi:

- Pê-chi-a, anh làm gì thế?

Anh ta vội vã rời khỏi giường con. Trong hố mắt của anh ta giàn giụa nước mắt, đôi môi run lên như bị cóng lạnh...

Hầu như ngày nào Xa-nhi-a cũng đến đây. Chỉ cần thoáng nhìn qua anh, tôi cũng có thể biết được ngay công tác của anh có thuận lợi không và anh có mãn nguyện hay không. Trước tiên chúng tôi nói chuyện với nhau, sau đó anh đi ra hành lang hút thuốc. Để anh đỡ buồn tôi cũng theo ra cùng anh.

Một lần, bé khóc, tôi bế cháu lên khỏi giường vừa đi lại trong phòng vừa ru hát khe khẽ thì tôi chợt nghe anh nói:

- Trông em...

- Làm sao?

- Không, không sao cả đâu. Giống hệt như một bà mẹ thực sự vậy.

Tôi cũng không rõ vì sao khi nghe câu nói này hai má tôi lại đỏ bừng lên. Anh cười vang và ôm cả tôi lẫn cháu bé mà hôn...

- Anh thực chẳng biết làm thế nào nữa, - có một lần anh nói với vẻ suy nghĩ đặc biệt. - Mặc dù anh đã chạy ngược chạy xuôi rất nhiều mà số tiền được duyệt chi vẫn không nhiều. Tiền ít thì rồi thời gian cũng sẽ ít.

- Tiền thì có liên quan gì đến thời gian hả anh?

- Có mua áo ấm bằng lông súc vật hay không cũng phải đắn đo suy nghĩ hàng mấy tiếng đồng hồ. Việc gì cũng phải thông qua phòng tài vụ kế toán. Thực phiền toái!

Hễ gặp chuyện bực mình là anh cắn chặt môi lại, động tác đó đã trở thành thói quen. Bây giờ đây anh cũng lại cắn chặt môi, hai mắt đen đầy nộ khí.

- Em có thể giúp được anh không? - Ngập ngừng một chút rồi anh nói. - Anh biết em rất bận. Nhưng nếu em giúp anh sắp xếp lại các vật tư mang theo cũng là tốt rồi. Nói thực là anh lo có khi chưa kịp xuất phát đã bị lôi vào tù rồi cũng nên.

Ngay hôm sau, tôi căn dặn bà Rô-di-li-a Na-u-mốp-na đến hàng nghìn điều cần chú ý, viết ra giấy những việc phải làm trong từng giờ: lúc nào cho bé ăn sữa, lúc nào đi lấy sữa vân vân, rồi vội vàng đến khách sạn "A-xtô-ri-a" tìm Xa-nhi-a. Tôi lưu lại chỗ anh một ngày một đêm, vì không có tôi rõ ràng là anh không đủ sức đối phó với công việc, thậm chí muốn đi ra khỏi phòng một lúc lâu cũng không được vì trung bình cứ cách năm phút lại có người gọi điện thoại đến.

## Chương 14

# Người khách trong đêm khuya

Trong một lần nói chuyện với tôi, đồng chí TR. có một câu thành ngữ "Ốm miền Bắc", mãi đến bây giờ, khi phụ trách công tác trang bị cho đội thám hiểm giúp Xa-nhi-a, tôi mới hiểu hết hàm ý của câu nói đó. Ngày nào cũng có những người mắc cái căn bệnh nan y ấy đến tìm gặp Xa-nhi-a. Ông P. là một trong số những người như thế. Ông là một họa sĩ già, là bạn và đồng thời là đồng hành của Xê-đốp. Sau khi báo "Sự thật" đăng bài của Xa-nhi-a, ông liền hưởng ứng nhiệt liệt và có viết một bài hồi ký kể lại cảnh tượng gặp gỡ với người hoa tiêu tên là Cơ-li-mốp ở mũi Phơ-lo-ra khi con tàu "Xanh Phô-ca" quay trở về đại lục.

Trong đám khách hay tìm đến, có một số chàng trai trẻ chưa từng có chút kinh nghiệm nào. Họ đến yêu cầu Xa-nhi-a bố trí cho họ hoặc làm thợ lò, hoặc làm chân xúc than trên tàu "Pa-khơ-tu-xốp", nghĩa là việc gì cũng được.

Trong số những người tìm đến cũng có những kẻ hám danh vụ lợi, họ muốn đi tìm danh vọng và quang vinh qua chuyến đi

mạo hiểm. Cũng có những người không nuôi ảo vọng cá nhân, nhưng trong đầu óc họ Bắc cực luôn luôn hiện lên như một thiên đường hoang ảo kỳ lạ.

Giờ đây khi mọi thứ đều đã thay đổi, khi niềm phấn khích và những mối lo toan của ngày qua đã trở nên xa mờ không còn đáng kể nữa, thậm chí còn khiến cho người ta cảm thấy nực cười. Tôi nhớ lại những người khách ban đầu ấy và không sao tránh khỏi không nghĩ đến một người chỉ xuất hiện có một lần. Anh ta hiện ra như một ảo ảnh trong giấc mơ, lóe lên rồi tắt biến ngay, thậm chí sau một thời gian rất dài mà tôi vẫn không biết được tên anh ta và cũng không biết Xa-nhi-a đã làm quen với anh ta ở đâu. Nhưng trong giây khắc ấy, trong đầu óc tôi chợt hiện lên cảnh tượng của ngày mai, một ngày mai không xa nữa. Tôi như nắm chắc những việc của mấy năm về sau. Trái tim tôi co lại và run lên...

Không chờ Xa-nhi-a về được, tôi nằm co chân trên chiếc ghế bành và ngủ thiếp đi. Đến khuya tôi thức dậy chợt thấy có một người lạ trong phòng, anh ta là một lính thủy, không biết mang cấp hàm gì. Xa-nhi-a khom người bên bàn chăm chú vẽ một đóa hoa, còn người khách lạ thì luôn chân đi đi lại lại trong phòng. Anh ta có vẻ đầy sức sống, động tác nhanh nhẹn, tóc cắt theo kiểu cô-dắc và có một đôi mắt đen đầy vẻ giễu cợt.

Hai người đang thảo luận với nhau một vấn đề rất quan trọng, tôi vội vàng khép hai mắt lại, giả vờ ngủ. Như thế rất khoái - vừa được nghe câu chuyện của người khác, vừa gà gật ngủ hoặc giả vờ ngủ để tránh những thủ tục phiền phức như giới thiệu, chải đầu, thay quần áo.

- Việc tìm kiếm thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp với nhiệm vụ cơ bản của Tổng cục đường hàng không Bắc cực hoàn toàn không

dính líu gì với nhau. Vấn đề này đã rõ ràng lắm rồi. Chỉ cần nhớ lại một chút cuộc tìm kiếm Phơ-ra-cơ-lin trước đây thì biết, đó đúng là chuyện hoang đường. Nhưng nói chung lại thì việc tìm người là cần thiết và kết hợp vào đó có thể điều chỉnh lại bản đồ. Nhưng tôi muốn nói đến một vấn đề khác kia.

"Một vấn đề khác" - chắc chắn đó là vấn đề chiến tranh, chiến tranh trên bờ biển Ba-ren-xép và biển Ca-ra ở Bắc cực. Tôi lắng nghe anh ta nói - câu chuyện này mới mẻ đây.

Anh ta cầm trong tay một cây bút chì tính toán số lượng khoáng sản trên bán đảo Côn-xki - việc này có liên quan đến nghề nghiệp của tôi. Người khách đến trong đêm khuya ấy liệt toàn bộ số khoáng sản trong thời bình vào danh sách những "nguyên liệu chiến lược" khi chiến tranh xảy ra. Từ trong thâm tâm tôi có ý phản đối anh ta, vì tôi tin rằng chiến tranh sẽ không xảy ra.

- Anh hãy tin rằng, - người lính thủy sôi nổi nói, - thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp hiểu rõ ý nghĩa quân sự là cơ sở của mỗi đội thám hiểm Bắc cực khi nó ra đi.

"Tất nhiên là ông hiểu rõ như thế", - tôi liền nghĩ bụng và vẫn giả vờ ngủ say. Ở trong trạng thái này vừa có thể tự do suy nghĩ, vừa có thể nói lên ý nghĩ của mình. - "Nhưng chiến tranh thì nhất định sẽ không xảy ra đâu!"

- ... Đã từ lâu đáng lẽ phải xây dựng một số căn cứ quân sự có tính chất phòng ngự theo con đường vận hành của đoàn tàu hàng của chúng ta... Ví dụ như ở vùng Đất mới, khi nhìn thấy những dãy pháo tầm xa đặt nối tiếp nhau, tôi phấn chấn vô cùng...

"Thôi đi!" - tiếng nói phản đối trong tôi lại vang lên. - Đặt súng để đánh nhau với ai? Với gấu trắng hay sao?

Nhưng anh ta vẫn nói say sưa không dứt. Trong giây lát cơ hồ như tôi đã từ cái căn phòng yên tĩnh này của khách sạn - cũng tức là cái căn phòng mà tôi đang co chân nằm khoanh tròn trong ghế bành và Xa-nhi-a dùng một góc khăn bàn che ánh sáng đèn để khỏi chói vào mắt tôi đây chuyển sang một thành phố phố khác, xa lạ và bị tàn phá tan hoang bởi lửa đạn của chiến tranh. Cái yên lặng ở đây thật khủng khiếp, nó như căng người ta ra. Mọi người nói chuyện với nhau bằng một giọng khẽ khàng, rón rén như chờ đợi một cái gì nghiêm trọng sắp xảy ra. Mọi người đều mò mẫm trong bóng tối, lần theo bậc cầu thang ẩm ướt xuống gian nhà hầm. Nhưng tôi thì tôi không đi. Tôi đứng lại trên tam cấp của một ngôi nhà gỗ tối tăm không một bóng người, trên đầu tôi là bầu trời mênh mang thần bí. Xa-nhi-a ở đâu nhỉ? Trong bầu trời đầy sao và đáng sợ kia, hiện ra một chiếc máy bay ì ạch bay tới, từng giây từng phút, băng tuyết càng dày thêm trên đôi cánh mỏi mệt của nó. Một cảnh tượng khủng khiếp sắp sửa xảy ra không thể nào tránh khỏi. Tiếng động cơ lịm dần, chiếc máy bay bắt đầu chao đảo và không còn bắt được liên lạc với mặt đất nữa rồi...

- Đúng, đó là một câu chuyện đã cũ, - người lính thủy bỗng hét lên làm tôi sực tỉnh. Tôi khoan khoái hít một hơi dài vì đã trút bỏ được cơn ác mộng. Một ngày gần đây hai chúng tôi sẽ cùng đi Bắc cực, hiện giờ chẳng phải anh ấy đang đứng trước mặt tôi và rất khỏe mạnh đó sao? Ôi anh Xa-nhi-a, Xa-nhi-a mà tôi yêu quí, Xa-nhi-a thông minh, đáng yêu và đã mệt lử ra rồi vì đã làm việc quá sức kia, từ giờ phút này tôi không bao giờ xa cách anh nữa.

- Nhưng khốn nỗi là những người trong Tổng cục đường hàng không Bắc cực không tha thiết với lịch sử. Những thằng cha ấy

mà chịu đọc một chút các quyển từ điển đại bách khoa toàn thư của Liên-xô thì cũng đã là khá rồi. Trong đó có một đoạn trích dẫn khá thú vị của Men-đê-lê-ép. Tôi có chép ra đây, cậu lắng nghe nhé, thật là một danh ngôn tuyệt vời!

Thế là anh chàng lính thủy bắt đầu đọc câu danh ngôn của Men-đê-lê-ép, giọng ngây thơ như một em bé. Những câu ấy tôi đã từng được xem trong sổ bút tích còn để lại của bố tôi "Nếu chúng ta dùng một phần mười số tổn thất ở vịnh Xu-xim để khai phá Bắc cực, thì có lẽ hạm đội của chúng ta sẽ có thể đi từ biển Nê-mét-xcô-e (biển Đức) và vịnh Xu-xim đến Vla-đi-vô-xtốc..."

Có lần Xa-nhi-a nói với tôi rằng dì Đa-sa rất ưa hỏi anh câu như thế này:

"Thế nào, Xa-nhi-a, cuộc hành trình trong cuộc đời của cháu ra sao rồi?".

Trong lúc co chân nằm giả vờ ngủ trong chiếc ghế bành, kín đáo theo dõi người khách lạ ban đêm đầy sức sống, phát âm chưa rõ và để bộ tóc kiểu cô-dắc rất ngộ nghĩnh ấy, làm sao tôi có thể tưởng tượng được rằng mấy năm về sau "cuộc hành trình trong cuộc đời" của tôi đã đưa Xa-nhi-a đến nhà anh ta? Nếu như có ai đó bảo với tôi rằng sau này sẽ có ngày trong tuổi già nua anh ta phải chịu muôn vàn khổ ải và da diết nhớ mong tôi, thì từ trong thâm tâm, tôi sẽ cười to lên phản đối.

Song tốt nhất là chúng ta hãy khoan lục lọi đến những chuyện của tương lai. Giá như chúng ta dự đoán trước được hết "cuộc hành trình trong đời" về sau này thì thực cuộc sống chẳng có ý nghĩa gì nữa.

## Chương 15

# Tuổi xuân đang được kéo dài thêm

Cuối cùng chúng tôi cũng tìm được một bà bảo mẫu rất tốt. Bà ấy được người khác giới thiệu, là một người béo khỏe, sạch sẽ và đã quá tuổi bốn mươi. Cả nhà Be-ren-stanh vui vẻ nói với tôi rằng: "Bà này không phải là bảo mẫu mà là một giáo sư đại học". Bà ta vừa đến nhà là lập tức chị công nhân quét sân mang theo vào một chiếc hòm cũ rất lớn. Bà mở hòm lấy ra một chiếc tạp dề trắng tinh, một chiếc mũ trắng và một tấm ảnh lâu đời. Trên tấm ảnh hiện lên lờ mờ hình ảnh của bố mẹ bà bảo mẫu và bộ mặt ngây ngô của một cô bé lên bảy, đó chính là bà ta.

Bà quấn tạp dề, đội mũ và treo bức ảnh vào chỗ trước kia treo bức tranh mà Pê-chi-a đã tặng cho bà chủ nhà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na để kỷ niệm ngày sinh của con trai anh. Ngay từ giờ phút ấy mọi người đều hiểu rõ ai là chủ nhân thực sự của căn phòng này. Bà nói với tôi rằng theo yêu cầu của khoa học, trẻ con cần có dụng cụ ăn uống và các thứ dụng cụ khác riêng biệt (cố gắng dùng dụng cụ màu trắng) và nên có bác sĩ cố định theo dõi. Nhưng riêng bà thì nhờ trời, không có dụng cụ màu trắng, cũng không có bác sĩ riêng, bà vẫn nuôi trẻ con lớn như thổi. Cả nhà Be-ren-

stanh đều nghe bà nói với lòng khâm phục cao độ và có vẻ nể sợ. Song tôi thì tôi không thế. Bà ta là một người lương thiện, chân thành. Bà ta chắc mẩm rằng nghề của bà quan trọng hơn tất cả các nghề khác trên trái đất.

Chúng tôi quyết định đến mùa thu sẽ quay lại chốn này, đem Pê-chi-a con và bà bảo mẫu tên là Đa-ri-a Ti-mô-phê-ép-na lên Mát-xcơ-va. Riêng vấn đề của Pê-chi-a bố thì có phức tạp hơn. Một hôm Xa-nhi-a kéo anh ta vào buồng riêng, xua tôi ra ngoài đoạn khóa trái cửa lại, hai người nói chuyện với nhau suốt buổi tối hôm ấy. Không biết hai người đã nói những gì với nhau mà mãi tới hơn một giờ khuya, khi tôi trở về thì thấy mắt hai người đều đỏ hoe - có lẽ vì khói thuốc. Cả căn phòng đầy những khói thuốc, trong lúc đó các cửa sổ đều đóng kín mít một cách hết sức vô lý.

- Cậu bắt buộc phải sống... Khi vừa bước vào cửa, tôi chợt nghe giọng nói rủ rỉ của Xa-nhi-a. - Cậu bây giờ đã có con rồi. Cậu phải quên đi và bình tĩnh mà suy nghĩ.

Pê-chi-a thở dài.

- Tôi sẽ cố gắng, - anh ta nói. - Chẳng có gì đâu. Tôi biết là mọi việc rồi sẽ qua đi cả, anh chớ có quá lo lắng. Anh nói đúng, việc đã xảy ra rồi thì không có cách nào cứu vãn nổi...

... Một số đội viên chủ yếu trong đội thám hiểm chưa được trang bị đầy đủ nên ngày xuất phát phải kéo dài. Riêng chúng tôi thì đã chuẩn bị xong xuôi mọi thứ và đã đóng gói gửi trước đến Ác-khan-ghen-xcơ. Thế là đột nhiên tôi có được mấy ngày rỗi rãi. Tại sao lại chỉ nói tôi thôi, vì trong những ngày đó, Xa-nhi-a vẫn phải chạy đến làm việc ở Viện nghiên cứu Bắc cực suốt từ sáng đến tối mịt. Thế là tôi quyết định dùng những ngày ăn không ngồi rồi ấy vào việc đi dạo xem thành phố mang tên Lê-nin, dù chỉ là cưỡi ngựa xem hoa.

Khi tôi nhìn thấy một đám trẻ em leo trèo đùa nghịch dưới chân bức tượng Người kỵ sĩ bằng đồng xanh và ngồi lên mình những con rắn, tôi liền nghĩ, nếu tôi sinh ra ở thành phố Lê-nin-grát này thì cuộc đời thơ ấu của tôi sẽ khác hẳn với bọn chúng. Tôi sẽ có một cuộc đời thơ ấu mang đầy màu sắc của biển cả, nặng tình với bờ biển Ban-tích. Rồi tôi chợt ân hận là không mang theo quyển "Những phát hiện trong vòng một thế kỷ" ra đây đọc. Ở đây mà đọc quyển sách ấy thì không còn gì thú bằng!

Tôi vào thăm nhà ở của Pu-skin, tìm đến ngôi nhà nhỏ xây theo kiểu Phần-lan của Đại đế Pi-ốt, sau đó đảo qua khu Công viên Mùa Hè.

Có rất nhiều chiến hạm thả neo bên bờ sông Nê-va. Tôi bắt gặp những toán lính thủy từ các chiến hạm kéo lên bờ cạnh trụ sở của Nghị viện. Một người lính tín hiệu đứng trên bức thành cao dùng cờ đuôi nheo đánh "moóc". Trên tháp đài chiến hạm, qua bầu không khí dịu mát, qua lớp ánh sáng huy hoàng của mặt trời cùng lớp hơi mù bốc lên từ mặt sông Nê-va, một người lính thủy khác cũng đang dùng cờ "nói chuyện" với người lính trên bờ. Tất cả những cảnh tượng ấy sao mà êm đềm, dễ chịu quá, khiến hai mắt tôi chứa chan lệ vui.

Quả là trong những ngày ở Lê-nin-grát tôi cứ rưng rưng muốn khóc. Nỗi buồn đau cùng niềm hoan lạc cứ dấy lên cùng một lúc trong tâm hồn tôi. Tôi đếm bước trên đường phố mỹ miều và rộng thênh thang này như một người say, như một người mê mẩn tâm thần. Và tôi cố rời xa cái ý nghĩ những ngày chứa chan hạnh phúc và cũng đầy thương đau ở Lê-nin-grát này rồi sẽ bị chấm dứt.

Dĩ nhiên là Xa-nhi-a tìm thấy những diễn biến trong tâm hồn của tôi. Một hôm vì chuyện cô gái đưa cơm cho anh mà tôi bị

một vố đau. Song tuồng như anh có vẻ thích thú trước những biểu hiện thất thường trong cuộc sống của tôi là đằng khác.

Trong đầu óc tôi bỗng thường nảy ra những ý nghĩ rất dễ sợ. Lắm khi tôi vừa bước chân ra đường phố, tôi lại vội vàng quay về. Mỗi khi bước lên bậc thềm khách sạn "A-xtô-ri-a", tôi lại ra sức suy đoán lúc này Xa-nhi-a có nhà không, mặc dù lúc ấy chỉ cần hỏi người gác cửa là có thể biết ngay.

Rõ ràng đó là những việc lẩn thẩn chẳng đâu vào đâu, thế mà tôi vẫn không làm sao khắc phục được. Việc gì tôi cũng mong muốn có một kết quả toàn vẹn, và rõ ràng là nếu chỉ dựa vào nguyện vọng thiết tha sôi nổi chủ quan của tôi thôi, mà không có một sức mạnh siêu tự nhiên, một sức mạnh thần kỳ nào đấy giúp sức thì không thể nào thực hiện được.

... Suốt đời tôi sẽ không bao giờ quên được cái đêm hôm ấy - đêm cuối cùng trước khi ra đi ấy. Ngay tối hôm ấy tôi dạo một lượt qua phố Pê-trô-grát-xcai-a. Pê-chi-a con vừa được tắm rửa xong đang ngủ say, bà bảo mẫu đội mũ trắng, mặc áo tạp dề lộng lẫy ngồi trên hòm đang đan len.

- Chúng ta đang nuôi lớn một vị bá tước, - bà đáp lại những lời dặn dò cuối cùng của tôi bằng một giọng tự phụ ra mặt.

Tôi chợt thấy lo, một bà bảo mẫu kiểu cách như thế này liệu có chu toàn trong bao nhiêu công việc vô danh nhưng vô cùng cần thiết để nuôi sống đứa bé không? Nhưng nhìn sang đứa bé tôi lại yên tâm ngay. Cháu nằm đó, hết sức sạch sẽ trắng trẻo, mọi thứ xung quanh cháu cũng toát ra một thứ ánh sáng của sự sạch sẽ và tươm tất.

Pê-chi-a bố cùng gia đình bác Be-ren-stanh chuẩn bị tiễn chúng tôi ra ga tàu hỏa.

Khi tôi từ ngoài phố trở về, Xa-nhi-a đã tranh thủ đánh một

giấc say sưa. Trên nền thảm, tiền rơi vung vãi. Tôi cúi xuống nhặt rồi đọc lướt qua mảnh giấy ghi công việc dài dằng dặc phải làm trong ngày hôm sau của Xa-nhi-a.

Lúc này đã quá nửa đêm, nhưng trong phòng ánh đèn còn sáng trưng, thì ra Xa-nhi-a quên không bỏ rèm cửa xuống. Tôi cởi áo ngoài, rửa mặt rồi thay quần áo ngủ. Không hiểu sao hai má tôi cứ nóng ran lên và chẳng thấy buồn ngủ chút nào. Tôi mong Xa-nhi-a thức giấc dậy quá chừng.

Chuông điện thoại reo vang. Tôi cầm lấy ống nghe:

- Anh ấy đang ngủ.

- Ngủ lâu chưa?

- Vừa mới ngủ thôi.

- Thôi không cần gọi anh ấy dậy đâu.

Tất nhiên là tôi không gọi anh ấy dậy. Qua tiếng nói ở đầu dây bên kia, tôi nhận ra là tiếng giáo sư V... Chắc là có việc rất cần, nếu không thì ông không gọi điện vào lúc đêm hôm như thế này. Xa-nhi-a nằm ngủ rất say ngay trên ghế đi-văng, quần áo cứ để nguyên như thế. Hình như trong giấc mơ anh gặp điều gì không lành, một nét căng thẳng lướt qua mặt anh, đôi môi mím rất chặt.

Ôi, sao mà tôi mong anh thức dậy đến thế! Tôi đi đi lại lại trong phòng, hai tay áp vào đôi má nóng bừng. Đây không phải là căn phòng của chúng tôi, ngày mai sẽ có những người khác đến ở. Căn phòng này cũng giống như trăm ngàn căn phòng khác, đều có bày những chiếc đi-văng lót vải màu xanh da trời, treo những tấm rèm che cửa sổ viền đăng ten, có một chiếc bàn con, trên mặt bàn đặt một tấm kính dày. Song dẫu sao, đây vẫn là căn phòng đầu tiên chúng tôi ở. Tôi sẽ mãi mãi ghi nhớ lấy nó.

Ở gian phòng bên cạnh có ai đó đang kéo vi-ô-lông. Anh ta đã

kéo một hồi khá lâu, song mãi đến bây giờ tôi mới chú ý đến tiếng đàn ấy. Anh ta là một nghệ sĩ chơi vi-ô-lông nổi tiếng, cơ thể gầy yếu và có mớ tóc màu đỏ nhạt. Lúc ở phòng ngoài người ta có nói với tôi về anh và anh ở ngay phòng bên cạnh phòng của chúng tôi.

Những bản nhạc anh chơi hoàn toàn xa lạ với lòng tôi lúc ấy. Lời nói của anh qua tiếng nhạc không đem lại cho tôi niềm hạnh phúc làm vợ Xa-nhi-a. Lời nhạc của anh như đang kể lại cuộc gặp mặt đầu tiên trong thời niên thiếu của chúng tôi. Hồ như anh ta đã từng trông thấy chúng tôi trong cuộc vũ hội khi còn học ở trường tiểu học số bốn. Cũng chính ngày hôm đó Xa-nhi-a hôn tôi cái hôn đầu tiên...

"*Tuổi xuân được kéo dài thêm*", - anh chàng tóc hung chơi bản nhạc tôi không thích lắm. - "*Khổ tận cam lai, xa biệt lâu ngày ắt sẽ lại gặp nhau. Em có nhớ không, em đã thầm ra lệnh, rồi em sẽ tìm thấy anh. Kìa anh đang đứng kia kìa. Tóc anh hoa râm, người anh vươn thẳng, anh đến phát điên lên vì đầy xúc động và chứa chan hạnh phúc. Ngày mai sẽ phải lên đường, mọi việc sẽ đều như ý em định đoạt. Mọi việc đều rất tốt lành, bởi vì những câu chuyện thần thoại mà chúng ta tin mê vẫn còn tồn tại trên trái đất này*".

Tôi nằm xuống thảm ngay trên mặt sàn, vừa nghe mạch đập bên thái dương vừa khóc và tự trách mình sao lại quá mềm yếu để chảy ra những giọt nước mắt này. Đã rất lâu rồi tôi không hề khóc và lúc nào cũng cố làm ra vẻ cứng rắn không biết khóc là gì...

Theo lời dặn của Xa-nhi-a, tôi gọi anh dậy vào lúc bảy giờ sáng và nói cho anh biết rằng đêm qua giáo sư V. có gọi điện thoại cho anh.

- Anh có giận em không?

- Giận gì?

Anh vẫn ngồi trên đi-văng, hai mắt vui vẻ nhìn tôi, lúc bằng con mắt bên phải, lúc lại bằng con mắt bên trái.

- Vì em không đánh thức anh dậy.

- Anh giận lắm, - nói xong anh cười ngay. - Em có vẻ trẻ tệ. Hôm qua giáo sư V có hỏi anh rằng em bao nhiêu tuổi, anh trả lời là em đã mười tám tuổi.

Anh hôn nhẹ lên mặt tôi rồi chạy nhanh vào buồng tắm, sau đó anh chạy ra, mình mặc có chiếc quần đùi và làm mấy động tác thể dục. Anh cũng bắt tôi tập thể dục buổi sáng, tôi tập được mấy hôm rồi bỏ bẵng đi. Còn anh thì vẫn tập rất đều đặn, mỗi ngày hai lần vào buổi sáng và buổi tối.

Người còn ướt đẫm, anh vừa dùng khăn tắm lau ngực vừa đi đến bên máy điện thoại và cầm lấy ống nói. Mặc dù tôi đã nói rằng gọi dây nói cho giáo sư V. lúc này còn sớm quá, nhưng anh vẫn không nghe. Lúc ấy hình như tôi đang lúi húi thắp bếp đèn cồn để pha cà-phê. Xa-nhi-a gọi giáo sư V. bằng cả cái tên ghép của bố ông ta. Bỗng anh hỏi giật giọng: “Cái gì ạ?” khiến tôi giật mình phải quay lại nhìn. Chiếc khăn tắm trên vai anh rơi suống sàn anh cũng không để ý tới, và mặt tái hẳn đi.

- Vâng, tôi sẽ thi hành ngay, - nói xong anh gác ống nghe lên máy.

- Có việc gì thế anh?

- À không, thực là tai quái, - Xa-nhi-a nhặt chiếc khăn tắm lên, chậm rãi nói. - Tối hôm qua giáo sư V. nhận được điện báo, thế là công việc của đội thám hiểm lại bị thay đổi. Cấp trên ra lệnh cho anh phải lập tức trở về Cục hàng không dân dụng Mát-xcơ-va để nhận nhiệm vụ mới.

## Chương 16

# "Anh trông thấy em bế con trong tay"

Đã có lần Xa-nhi-a tâm sự rằng cuộc sống của anh cứ luôn luôn thế này: thoạt tiên mọi việc đều rất trôi chảy, nhưng rồi sau đó bất thần xảy ra những chuyện bất ngờ làm đổ sụp tất cả. Riêng lần này có thể nói là đã lọt vào đường xoắn trôn ốc.

Giờ đây khi mà những niềm vui và nỗi buồn của chúng ta trước chiến tranh đã bị bao mối tình cảm mới che lấp và những mối tình cảm mới đó còn da diết, quyết liệt gấp trăm ngàn lần những niềm vui, nỗi buồn đã qua kia thì việc hồi nhớ lại cái sự kiện thất bại đã gây ấn tượng kỳ lạ đối với Xa-nhi-a trước đây ít lâu thực đáng buồn cười. Ấn tượng đó thậm chí đã làm thay đổi ít nhiều cách nhìn của Xa-nhi-a đối với cuộc sống.

- Ca-chi-a, thế là sụp đổ cả rồi! - sau khi từ nhà giáo sư V. trở về, anh nói giọng quyết liệt. - Thôi, không Bắc cực, không đội thám hiểm, không tàu "Xanh Ma-ri" gì nữa cả. Anh không muốn nghe đến những cái tên ấy nữa! Tất cả những cái đó đều là chuyện huyền hoặc, trẻ con, đáng lẽ chúng ta phải quên sạch nó đi từ lâu rồi mới phải.

Và tôi đã hứa với anh rằng hai chúng ta sẽ cùng quên các câu chuyện "huyền hoặc trẻ con" ấy đi, mặc dù tôi tin chắc rằng sẽ không bao giờ Xa-nhi-a có thể quên được nó. Tôi nuôi một hy vọng mong manh rằng trong thời gian trở lại Mát-xcơ-va, Xa-nhi-a có thể sẽ làm cho cấp trên thay đổi quyết định. Nhưng khi nhận được điện báo của anh thì tôi hoàn toàn thất vọng, vì nó không được phát đi từ Mát-xcơ-va, mà lại từ trên đường anh đi đến Xa-ra-tốp. Nhiệm vụ mới anh vừa được giao càng khẳng định sự sụp đổ tan tành của kế hoạch thám hiểm. Anh được điều đến công tác tại ngành Hàng không nông nghiệp, một ngành được gọi là đặc biệt trong công tác hàng không. Bây giờ thì ngoài việc gieo hạt giống và phun thuốc trừ sâu từ trên máy bay xuống, anh sẽ chẳng làm gì nữa. "Thế càng tốt, họ bảo làm gì anh sẽ làm việc ấy", - trong bức thư đầu tiên gửi từ một nông trang tập thể về, anh viết như thế đấy. Để được nông trang tập thể sắp xếp công tác, Xa-nhi-a đã phải nằm chờ ở đấy hơn một tuần lễ. "- Hãy quên lãng đi những hoang tưởng của quá khứ, quả là những điều chúng ta mơ ước trước đây chỉ là những hoang tưởng không hơn không kém! Nhưng đồng chí TR. đã nói rất chí lý - đã làm người thì phải làm người giỏi nhất. Em đừng lầm tưởng rằng anh đã chịu thua. Tất cả còn đang ở phía trước".

"Chúng ta biết ơn giai đoạn lịch sử đã qua", - trong một bức thư khác, anh viết. "- Ít ra nó cũng giúp chúng ta tìm thấy đối phương và xây dựng được mối quan hệ tình cảm. Anh tin rằng, trong một tương lai không xa, các kế hoạch cá nhân của những năm này sẽ trở thành một sự kiện quan trọng không những chỉ riêng đối với chúng ta thôi".

Anh viết thư cho tôi tuyền bằng một giọng khách sáo văn vẻ như thế. Và dần dần anh đã làm quen với cái nhiệm vụ vinh

quang của "người trồng ngũ cốc" và làm "kẻ thù không đội trời chung của muôn loài sâu bọ". Rõ ràng là anh đã yêu mến công tác mới của mình. Vì sau đó chẳng bao lâu tôi có nhận được một bức thư với giọng điệu hoàn toàn khác hẳn của anh.

"Bà xã thân yêu", - anh viết trong thư. "- Em hãy tưởng tượng rằng trên trái đất này có một giống tên là màu xanh pa-ri[1]. Cần phải bay trên cao để phun thuốc xuống mặt hồ mười một cân thuốc một cây số. Em hãy thử tưởng tượng xem, muốn làm được việc này cần phải có một kỹ thuật bay cao cường như thế nào không. Những mảnh hồ bé tí tẹo lại phân bố rải rác giữa rừng cây, trông cứ giống như đúc cả một lượt. Phải mở hết cửa dầu cho máy bay bay nhanh đến những cái hồ nước đó đoạn lao chúc xuống rồi lại cất lên thật nhanh. Như thế chẳng thú vị lắm sao? Cũng lạ, hễ mỗi lần anh bay trên những cái hồ như thế, hoặc bay ở tầm thấp đặc biệt để gieo hạt lúa mì là trong đầu óc anh lại dấy lên bao nhiêu ý nghĩ khác hẳn chứ không chỉ riêng công việc của nghề nông. Bây giờ mỗi ngày anh cất và hạ cánh đến một trăm hai mươi nhăm lượt. Nếu màu xanh pa-ri trên máy bay của anh thay bằng một thứ hàng thú vị khác thì việc cất và hạ cánh hằng ngày của anh sẽ trở thành cuộc tập luyện hết sức bổ ích. Mọi việc đều hướng về phía tốt đẹp, giờ đây anh chẳng cảm thấy ân hận một chút nào. Ôm em. Anh nhìn thấy em bế con trong tay, vừa đi vừa hát khe khẽ, tóc em không tết kỹ bị sổ tung ra, em đến trước mặt anh rồi quì xuống để anh quấn lại tóc cho em..."

Cái cảnh mà Xa-nhi-a tưởng tượng ra đó không phải là hoàn toàn không có căn cứ. Suốt cả ngày tôi để thời gian vào việc chăm sóc Pê-chi-a con. Hầu như bé thay đổi từng ngày. Quan sát quá

(1) Một loại thuốc sát trùng làm bằng thạch tín. - ND.

trình bé nhận ra tôi, nhận ra bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na và bà bảo mẫu, quan sát trong đôi mắt thơ ngây không gợn một nét suy tư nào nhưng thỉnh thoảng lại hiện lên vẻ ngạc nhiên và chăm chú đặc biệt là một việc làm không có gì thú vị bằng. Nói ra thì có người sẽ không tin song đây là sự thật: tuy chưa đầy tháng song bé đã biết cười. Bé thích nhìn lên, hễ đèn tắt là bé khóc thét lên. Mới đầu, nhìn thấy bàn tay nhỏ của mình, bé hãi sợ, nhưng về sau bé ngắm nghía mãi cũng bàn tay ấy, và không còn sợ nữa. Những đứa bé đầy tháng khác mặt mũi đều nhăn nheo khó coi, nhưng mặt bé thì lại sởn sơ đầy vẻ vui thích, tựa như vì được ra đời mà vui thích vậy. Tôi cảm thấy bây giờ bé càng giống Xa-nhi-a. Vừa mới đẻ ra tóc bé đen nhánh và chỉ có ở chỏm đầu, nhưng bây giờ thì đã mọc kín cả gáy. Bé càng lớn càng hết sức dễ thương.

Sự việc diễn biến cứ khác hẳn những điều mong mỏi trong lòng! Tối đến Lê-nin-grát ở hai ba tuần lễ nay là để được gặp mặt và sống bên cạnh Xa-nhi-a, dầu cho anh ấy có đi đâu tôi cũng quyết không rời xa, thế mà bây giờ anh ấy đã lìa xa tôi hàng nghìn dặm. Và tôi có một gia đình mới hoàn toàn bất ngờ, đó là Pê-chi-a con, Pê-chi-a bố và bà bảo mẫu. Cả ba người đều cần có người chăm sóc lo liệu mọi thứ, và ai cũng tin rằng trách nhiệm ấy sẽ do tôi đảm nhiệm.

Tuy tôi đã bàn với Xa-nhi-a hãy quên chuyện nghiên cứu thám hiểm Bắc cực đi, nhưng bản thân thì lại cứ nghiên cứu tiếp tình hình địa chất Bắc cực. Vì tình hình kinh tế rất gay go, nên tôi phải nhận một số việc rất vô vị của Viện nghiên cứu địa chất.

Nếu là thời gian trước đây thì rất có thể tôi sẽ khổ tâm, sẽ tự oán trách dằn vặt mình và suy nghĩ miên man. Nhưng bây giờ tôi lại trở nên hết sức bình thản. Lòng tự tôn, niềm tự hào và nỗi

oán hận bởi không đạt được ý nguyện đã bị tôi chôn vùi cùng với những câu chuyện "huyền hoặc trẻ con" trên kia. "Anh yêu quí của em, chúng ta có cách nào hơn bây giờ!" - tôi viết thư trả lời Xa-nhi-a, nhân nhận được bức thư của anh tự trách mình là đã kéo tôi đến Lê-nin-grát rồi bỏ rơi tôi ở đó, lại còn đặt lên vai tôi mọi gánh nặng gia đình... "- Đúng như chú chánh án đã nói, đừng có "com-măng" gì trong cuộc sống cả".

Những thư tôi viết cho anh đều rất dài. Tôi kể về bà bảo mẫu nuôi trẻ rất khoa học, kể về sự đổi thay nhanh chóng của Pê-chi-a con, về việc Pê-chi-a bố đột nhiên lao vào công việc như điên như dại, về công tác thiết kế kỷ niệm Pu-skin được tiến hành tốt đẹp như thế nào.

Nhưng có một việc tôi không hề nhắc đến. Ấy là có một lần trong khi tôi đang mua hàng trong hiệu "Ga-xtơ-rô-nôm"[1] trên đại lộ hai mươi nhăm tháng Mười, thì chợt nhìn thấy một hình bóng quen thuộc ở bên ngoài kính cửa sổ. Anh ta mặc áo bành tô màu tro và đội chiếc mũ mềm tôi hằng ưa thích. Chiếc mũ chụp lên cái đầu to vuông của anh ta trông chẳng tự nhiên chút nào...

Lúc ấy trời đã tối mờ mờ, tôi có thể nhìn nhầm chăng. Nhưng không, người ấy đích xác là Rô-ma-sốp. Anh ta có vẻ rất bình tĩnh, sắc mặt trắng bệch, người hơi ngả về phía trước. Anh ta chậm rãi đi lướt qua tủ kính bày hàng và chẳng mấy chốc mất hút vào trong đám đông.

---

(1) Cửa hàng bán thực phẩm. - ND.

# Phần thứ bảy

# PHÂN LY

## Chương 1

# Năm năm

Tôi không còn nhớ rõ đã đọc bài thơ ấy ở đâu, bài thơ so sánh năm tháng như chiếc đèn lồng treo trên "sợ dây thời gian".

*Có những chiếc đèn cháy rất sáng, tỏa ánh huy hoàng ra khắp chung quanh, nhưng cũng còn những chiếc đèn chỉ leo lét hun khói trong bóng tối.*

Chúng tôi đã sống qua ở Cri-mê và ở Viễn Đông. Tôi là vợ một phi công nên có rất nhiều bạn mới. Chị em cũng toàn là vợ của các phi công ở Cri-mê và ở Viễn Đông. Mỗi khi trong đơn vị có máy bay mới, tôi cũng hồi hộp chẳng khác gì chị em. Và mỗi lần Xa-nhi-a ra đi, đến giờ mà chưa trở về thì cũng như chị em, tôi luôn tay gọi điện thoại đến Ban tham mưu, khiến cho nhân viên trực ban đến phát bẳn lên. Tôi cũng như tất cả chị em đều nghĩ rằng sẽ không bao giờ mình có thể quen với nghề nghiệp của chồng. Nhưng rồi sau đó cũng như tất cả chị em, tôi quen dần với nghề nghiệp của Xa-nhi-a. Song tôi vẫn không rời bỏ công việc địa chất của tôi (điều này hầu như không thể nào tồn tại được).

Tuy bà giáo già của tôi cho đến bây giờ vẫn còn gọi tôi là "bé con", nói một cách vũ đoán rằng "nếu tôi chưa lấy chồng thì thế nào tôi cũng đoạt được bằng tiến sĩ từ lâu rồi". Nhưng đến cuối mùa thu năm 1937, khi tôi mang bảng thành tích của tôi từ Viễn Đông về Mát-xcơ-va thì bà đành phải rút lui ý kiến cũ. Công tác của chúng tôi lúc này là khảo sát từ tính bằng máy bay. Từ trên máy bay chúng tôi đi tìm mỏ sắt.

Bây giờ bác I-va Pa-vơ-lứt không thể nói rằng: "cô không hiểu cậu ấy" nữa rồi. Từ nơi sâu kín của tâm tư Xa-nhi-a, tôi nhìn thấy ánh sao rọi sáng thời niên thiếu của anh. Nó gần giống như một ngôi nhà bỏ hoang, không người trông coi, một luồng ánh sáng thần bí từ trong đó rọi qua cửa sổ ra ngoài.

- Anh Xa-nhi-a, bây giờ thì em đã hiểu anh là một con người như thế nào rồi.

Chúng tôi ngồi trên toa tàu liên vận đi từ Vla-đi-vô-xtốc đến Mát-xcơ-va. Đây là việc khó tưởng tượng được, song đúng sự thực là chúng tôi đã ở chung với nhau trong một toa tàu những mười ngày mười đêm liền. Chúng tôi cùng ăn sáng, ăn trưa và ăn tối với nhau bên một bàn ăn. Ban ngày lúc nào chúng tôi cũng có thể nhìn thấy nhau. Nhiều phụ nữ không cảm thấy kỳ lạ trước một hạnh phúc tràn trề như thế.

- Anh là người như thế nào nhỉ?

- Anh là một nhà đi du lịch.

- Đúng thế, từ Vla-đi-vô-xtốc đi Iếc-cút, cất cánh từ sân bay Pri-mo-rơ-xki chỉ mất bảy giờ bốn mươi tư phút.

- Cái đó chẳng có nghĩa lý gì. Dù sao người ta cũng không nhả anh ra đâu. Chẳng gì anh cũng là một nhà du lịch chính cống kể cả mặt tài năng lẫn mặt yêu thích. Chỉ có nhà du hành mới có thể hỏi cá mấy tuổi trong khi đang ăn cá.

Anh bật cười.

- Chỉ có nhà du hành như anh mới ngượng ngùng khi được người ta tặng hoa. Chỉ có nhà du hành như anh mới sợ giấy tờ hành chính. Chỉ có nhà du hành như anh mới lúc nào cũng huýt sáo mồm và buổi sáng nào cũng đem bài thể dục gồm hai mươi bốn động tác ra hành hạ vợ.

- Còn thiếu môn tắm nước lạnh đấy.

- Đúng thế. Chỉ có nhà du hành mới trẻ lâu.

- Nhưng anh đã già rồi.

- Anh có biết không, em luôn luôn cảm thấy rằng mỗi người đều có đặc điểm tuổi tác riêng. Có người vừa đẻ ra đã như người bốn mươi. Nhưng lại cũng có người suốt đời lúc nào cũng như chàng thanh niên mười chín tuổi. Đồng chí Tr. là người thuộc loại ấy. Và anh cũng vậy. Nói chung lại thì hầu hết các phi công đều như vậy. Đặc biệt là những phi công thích bay qua trùng dương.

- Em ghép anh vào loại phi công thích bay qua đại dương phải không?

- Đúng thế. Sau khi vượt qua biển cả trở về, anh không bỏ rơi em chứ?

- Không bao giờ. Nhưng anh chắc là khi bay đến giữa đường anh đã bị người ta triệu về.

Tôi im lặng. "Anh đã bị người ta triệu về" - anh đã nói đến một khía cạnh khác hẳn. Rõ ràng là anh muốn ám chỉ đến việc anh đã tốn rất nhiều công sức thu thập các tin tức về bố tôi rải rác từ En-xcơ đến Tai-mưa. Nhưng giữa chừng lại bị lọt vào tay người khác. Ở Hội địa lý học và ở Viện nghiên cứu Bắc cực đều có treo ảnh thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp. Nhiều nhà thơ viết bài ca

ngợi ông, trong đó số lớn viết chẳng hay lắm. Trong từ điển Đại bách khoa toàn thư của Liên-xô có đăng bài bình luận về cuộc đời hoạt động của ông, bên dưới ký tên tắt bằng những chữ đầu là N. T. Cuộc thám hiểm của ông được ghi vào lịch sử khai phá Bắc cực của người Nga cùng với những cuộc thám hiểm của Xê-đốp, Ru-xa-nốp, Tô-li v.v...

Tiếng tăm của ông càng lừng lẫy thì người anh họ của ông, một người đã hy sinh toàn bộ tài sản của mình để tổ chức cuộc thám hiểm cho con tàu "Xanh Ma-ri", lại càng hăng hái đem hết sức lực còn lại để nghiên cứu sâu hơn nữa sự nghiệp vĩ đại của con người đáng kính ấy, và qua đó tên tuổi của ông cũng được nhiều người nhắc đến.

Với địa vị của mình, thành tích của Ni-cô-lai An-tô-nô-vích rất được trọng thị. Quyển sách "Trên mặt băng" hầu như năm nào cũng được tái bản một lần để thỏa mãn đòi hỏi của các độc giả tí hon và cả người lớn nữa. Các báo chí không ngớt đưa tin về cuộc "Hội nghị học thuật" do ông ta chủ trì. Ông thường xuyên phát biểu ở "Hội nghị học thuật". Qua các bài phát biểu đó, tôi tìm thấy dấu vết những cuộc tranh luận đã qua. Các cuộc tranh luận đó đã bị đình lại khi có một người đàn bà mặt mày nhợt nhạt bị khiêng đặt lên mặt bàn đá lạnh buốt và sau đó bị mãi mãi khiêng ra khỏi ngôi nhà. Không, cuộc tranh luận đó chưa hề được kết thúc! Vị học giả đáng kính kia đã từng nhấn mạnh trong cuốn sách của mình rằng kẻ chịu trách nhiệm về cái chết của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp là các "chủ xưởng", và một phần do một người tên là Phôn Vư-si-mia-xki nào đó. Vị học giả đáng kính ấy đã từng dùng một số chứng cứ, mưu đồ quật lại một cậu học sinh đã phát giác ra điều bí mật của ông ta. Bây giờ ông ta bày các thứ chứng cứ ấy ra không phải là không có mục đích gì.

Hiện nay cậu học sinh kia giữ thái độ im lặng, nhưng tất cả đều còn đang ở phía trước.

Xa-nhi-a lặng im chẳng nói năng gì, anh làm việc suốt ngày đêm không mệt mỏi. Anh đang phun thuốc trừ sâu ở khu vực sông Von-ga. Anh đang vận chuyển bưu kiện trên tuyến đường Iếc-cút đi Vla-đi-vô-xtốc và thực sự cảm thấy hạnh phúc khi có thể tranh thủ vận chuyển báo chí ở Mát-xcơ-va đến Vla-đi-vô-xtốc trong hai ngày hai đêm. Anh đã giành được danh hiệu phi công cấp hai. Anh đã nhiều lần đưa đơn xin ra Bắc cực, nhưng lần nào cũng được trả lời là anh cần phải tiếp tục làm "phu xe trên không". Lần này người ta lại điều động anh về tuyến Xim-phê-rô-pôn và Mát-xcơ-va. Bản thân anh chẳng có phản ứng gì, nhưng riêng tôi thì tôi hết sức bất bình trước quyết định đó. Tuồng như có một bóng đen thần bí luôn luôn chắn ngang trên con đường đi tới của Xa-nhi-a. Tôi không biết. Mà anh cũng không biết.

Anh cặm cụi làm việc. Mọi người đều khen anh công tác rất tốt. Chỉ có riêng tôi mới biết được rằng anh rất mệt nhọc trên những tuyến bay giống hệt nhau, như hàng nghìn anh em...

Tôi mặc chiếc váy liền áo trắng tinh, cùng đứng sánh vai với Xa-nhi-a trên boong một con tàu sơn trắng, sáng màu tinh khiết. Chuyến này Xa-nhi-a được đi phép. Tôi cảm thấy vô cùng hạnh phúc bởi chuyến đi phép này và bởi cái quyết định đột ngột đi Xê-va-xtô-pôn của chúng tôi. Còn sau đó sẽ đi đâu nữa, chính chúng tôi cũng chưa biết đến.

- Con tàu của A-mum-xen được đặt tên là "Tiến lên". Ông ta đặt cái tên ấy cho con tàu cũng là để tự nhắc nhở mình "tiến lên"... Đó là lời bình luận của Nan-xen đối với A-mum-xen... Đó là phương châm của anh hồi anh mười bốn tuổi. Hay quá có phải

không? Thế mà bây giờ thì vừa tiến lên vừa quay lại. Lúc thì Mát-xcơ-va, lúc thì Xim-phê-rô-pôn.

... Chiếc đèn lồng khi tỏ khi mờ, dưới quầng sáng chao đảo của nó, khi là niềm hoan lạc, lúc là nỗi buồn đau. Thời gian cứ lao về phía trước không quay lại, chỉ có một buổi tối, đúng cái buổi tối Xa-nhi-a kể về cuộc đời mình (không phải kể cho tôi nghe) thời gian mới dừng lại đôi chút. Cuộc nói chuyện quan trọng này được tiến hành trong vườn hoa của câu lạc bộ phi công ở một làng Tác-ta. Vườn hoa nằm trên một sườn dốc, con đường nhỏ giữa vườn hoa chạy xuyên qua đám hoa sặc sỡ đang độ nở rộ, đổ thẳng xuống bờ biển. Đá cuội kêu lên sào sạo dưới bước chân thận trọng của các phi công. Một cơn gió nhẹ chợt thoảng qua, mang theo hương hoa và vị ngọt ngào của hoa quả từ vườn hoa Ai Va-xi-li. Ở đây đang có một cuộc hội nghị công khai của Đảng, nói là công khai, một phần vì cuộc hội nghị đó được tiến hành trên quảng trường trước thềm nhà hát dưới bầu trời sập tối của phương nam.

Xa-nhi-a phát biểu rất bình tĩnh, liên tục. Nhưng lần nào cũng vậy, hễ sắp sửa kết thúc là anh lại đột nhiên ngừng bặt lại. Chỉ có tôi mới hiểu hết ý nghĩa của động tác đặc biệt ấy. Anh đang xúc động. Chẳng phải thế đó sao!

Tôi nghe Xa-nhi-a kể, trước mắt hiện lên một thời niên thiếu đã bị lãng quên. Tựa như chiếu phim, khi giọng một người nào đó nói thong thả rành rọt về mình thì trên màn ảnh hiện lên cảnh mây bay và một dòng sông trông tựa như một dải mây mù nằm trải xa xa trên cánh đồng bát ngát. Đó là cảnh êm đềm của một buổi sáng. Thời niên thiếu còn sống trong ký ức của tôi không phải là mây mù mà là cả một nguồn hạnh phúc.

Tôi chợt nhớ đến người đoàn viên thanh niên cộng sản vừa

đen vừa gầy có mớ tóc cứ dựng đứng lên đang kết án Ép-ghê-ni Ô-nê-ghin ở trường học số bốn. Lần đầu tiên anh ta nói với tôi ở trên sân trượt băng rằng anh sẽ đi học trường hàng không. Tôi bắt gặp cảnh anh ta xúc động bàng hoàng như khi anh ta đọc lại những bức thư cũ trước kia trong vườn hoa Nhà thờ ở thành phố En-xcơ. Bất kể là ở Mát-xcơ-va, ở Bắc cực hoặc sau khi trở lại Mát-xcơ-va, lúc nào anh ta cũng chuẩn bị để bảo vệ sự đúng đắn của mình trước toàn thế giới.

Nhưng hồi tưởng như thế đủ rồi! Hãy nghe xem người ta nói về anh như thế nào.

Nhà trường đã đào tạo ra anh. Xã hội Xô Viết đã giáo dục anh nên người. Đấy người ta nói về anh như vậy đó. Đặc điểm của anh là tích cực học tập, tác phong đúng mức. Là một phi công ngay từ năm 1934 anh đã hoàn thành nhiều chuyến bay gian khổ ở Bắc cực và đã được khu dân tộc tự trị Nê-nét khen thưởng. Về sau anh đã tiến một bước rất dài trên con đường nắm vững kỹ thuật lái, kể cả kỹ thuật lái ban đêm. Tất nhiên anh cũng còn có nhược điểm, ví dụ như nôn nóng, dễ nổi khùng, thiếu kiên nhẫn. Nhưng khi trả lời câu hỏi: “Đồng chí Gri-gô-ri-ép có đạt được tiêu chuẩn đảng viên chưa” thì chúng tôi đều đáp: “Đạt rồi, đạt tốt rồi!”

... Mùa đông năm 1937, Xa-nhi-a được điều động đến Lê-nin-grát. Chúng tôi sống nhờ nhà ông bà Be-ren-stanh. Tôi cảm thấy mọi việc đều khá tốt lành, chỉ có điều là trong đêm khuya, lúc nào thức dậy, tôi cũng thấy Xa-nhi-a trằn trọc không ngủ, nằm đấy nhưng hai mắt mở thao láo. Tuần nào chúng tôi cũng đến rạp chiếu phim tài liệu thời sự ở trên đại lộ Nép-xki để xem phim thời sự về cuộc chiến tranh ở Tây-ban-nha. Đây là cảnh những thanh niên tay cầm súng trường, mặc áo kẻ ô vuông đi lại lẩn

quất giữa cảnh đổ nát của khu vực trường đại học Tổng hợp ở Ma-đrít. Kìa họ đã vùng đứng lên đi tấn công. Đây là cảnh trung đoàn số Năm xếp hàng lĩnh súng. Đây là cảnh các cháu bé rút ra khỏi khu vực bị bao vây của Ma-đrít, các bà mẹ chạy theo sau đoàn xe ô-tô khóc lóc thảm thiết, còn các cháu thì vẫy tay chào lại. Những cảnh đó có thật không? Đúng là có thật như thế! Mong rằng những cảnh đau thương ấy sẽ không bao giờ diễn lại ở một nơi nào khác nữa.

Hai tuần sau, tôi và Xa-nhi-a đứng trong phòng treo áo chật chội của gia đình Be-ren-stanh, giữa đống áo khoác da lông và mũ cũ, chúng tôi đứng lặng im. Đây là những phút cuối cùng của một lần từ biệt mới! Lần này anh ra đi với bộ quần áo thường. Chiếc áo bành tô rộng vai và chiếc mũ mềm làm thay đổi hẳn hình dạng của anh.

- Xa-nhi-a, có phải anh đây không? Hay không phải là anh?

Anh cười nói:

- Cứ coi như không phải là anh. Em đang khóc đấy à?

- Không. Anh yêu quí, anh thân yêu, anh phải giữ gìn sức khỏe đấy.

Anh nói "Nhất định anh sẽ trở về" cùng bao lời đẹp đẽ linh tinh khác. Tôi không nhớ rõ tôi đã nói với anh những gì lúc đó, chỉ biết tôi có nhắc đi nhắc lại là anh chớ coi thường tác dụng của dù vì anh rất ít khi mang dù theo chuyến bay.

Anh đi đâu? Tôi chẳng biết gì cả. Anh thì anh nói là đi về Viễn đông. Nhưng tại sao anh lại ăn mặc thường phục? Và tại sao khi tôi hỏi một số chi tiết trong chuyến đi này anh không trả lời? Tại sao đêm khuya người ta gọi điện thoại từ Mát-xcơ-va về cho anh, anh chỉ trả lời cộc lốc "có" hoặc "không" thôi? Tại sao sau đó anh đi đi lại lại trong phòng rất lâu? Tại sao anh hút

thuốc liên miên và có vẻ vô cùng xúc động, lại vô cùng vui sướng? Tại sao có lúc anh lại tỏ ra rất mãn nguyện? Anh mãn nguyện cái gì? tôi không biết và cũng không nên biết. Tại sao tôi không thể tiễn anh ra ga? Chẳng phải anh đi Viễn đông đó sao?

- Như thế rất không tiện, - anh trả lời trước yêu cầu đi tiễn của tôi. - Anh không phải chỉ đi có một mình. Cũng rất có thể là anh chưa đi xa đâu. Nếu không có gì trở ngại, khi đến ga anh sẽ gọi điện thoại cho em.

Từ ga xe lửa anh đã gọi điện thoại về cho tôi, bảo là mười phút sau tàu sẽ chạy. Anh dặn tôi chớ có lo lắng, mọi việc rồi sẽ tốt đẹp cả. Ngày hôm sau anh gửi cho tôi một bức thư và hứa sau này sẽ không coi thường tác dụng của dù nữa...

Tôi thường xuyên nhận được thư có đóng dấu bưu điện Mát-xcơ-va. Từ những bức thư đó, tôi đoán Xa-nhi-a cũng nhận được thư tôi rất đều đặn. Một số người tôi chưa hề quen biết thường gọi điện thoại đến hỏi thăm tình hình sức khỏe của tôi. Trên chiếc bàn nhỏ tôi dùng để đọc sách ban đêm trải rộng một tấm bản đồ có đính nhiều lá cờ nhỏ. Đất nước Tây-ban-nha xa xôi và thần bí đột nhiên trở nên hết sức thân thiết, gần gũi như dãy phố tôi đã từng sống qua hồi niên thiếu.

Một ngày tháng Ba dầm dề mưa xuân, hầu như toàn bộ máy bay của nước Cộng hòa, như người ta nói "tất cả những cái gì có cánh" đều xuất kích để oanh tạc quân phiến loạn, hòng cắt đứt mối liên lạc giữa Va-len-xi-a với Ma-đrít. Cuộc chiến đấu đã giành được thắng lợi dưới chân đồi Gua-đa-la-ha-ra. Xa-nhi-a của tôi cũng có mặt ở đấy ư?

Tháng Bảy, quân đội của nước Cộng hòa đánh lui quân phiến loạn ra khỏi Bru-nét. Xa-nhi-a của tôi có mặt ở đấy không? Ba-xcô-ni-a đã bị cắt đứt, phải lái những chiếc máy bay dân dụng cũ

kỹ vượt qua mây mù, qua các khe núi để đến tiếp tế cho Bin-bao. Xa-nhi-a của tôi có mặt ở đó không?

"Thời gian phục vụ bị kéo dài, - anh viết trong thư gửi cho tôi. - Chưa chừng sẽ có việc bất ngờ đến với anh. Em hãy nhớ lấy một điều là em hoàn toàn tự do, không bị ràng buộc bởi một nghĩa vụ nào hết".

Tôi mua được một quyển tự điển Nga - Tây-ban-nha in năm 1836 trong một hiệu sách cũ nằm trên phố Vô-lô-đa-rơ-xki. Vì quyển tự điển này đã rách nát, bìa bị long cả ra, nên tôi phải đưa đến cho thợ đóng sách đóng lại. Tối nào tôi cũng cạy cục học từng câu Tây-ban-nha rất dài: "Phải, em là người tự do, em không có nghĩa vụ gì với anh hết. Nếu anh không trở về được thì em nguyện sẽ chết cùng" hoặc là "Anh thân yêu, sao anh lại viết những bức thư đau lòng như vậy".

Tôi lẩm rẩm đọc các câu tiếng Tây Ban Nha, có lẽ trong đêm tối, những lời đó nghe rất kỳ quái nên "bà bảo mẫu khoa học" ngỡ tôi nói mê phải vội vàng trở dậy làm dấu thánh cho tôi.

Một việc hầu như không thể có được đã đột ngột xảy ra. Việc đó hết sức bình thường, nó làm cho vạn vật - thời tiết, cơ thể sống, công việc đều trở nên tốt đẹp gấp trăm ngàn lần...

Nửa đêm hôm ấy bỗng có điện thoại từ Mát-xcơ-va gọi về báo tin Xa-nhi-a sẽ trở về nhà. Bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na mừng quýnh lên, vội vàng chạy vào đánh thức tôi dậy. Tôi lật đật đến bên máy nói. Mấy hôm sau, quả nhiên anh đã hiện ra trước mặt tôi. Trông anh có vẻ gầy và đen hơn trước và hình như có cái gì đó giống người Tây Ban Nha. Tôi tự tay gắn tấm huân chương Cờ đỏ lên ngực áo anh.

... Mùa thu, hai chúng tôi cùng trở về thành phố En-xcơ. Năm nào Pê-chi-a cũng đưa con và bà bảo mẫu về En-xcơ nghỉ mát.

Trong các bức thư gửi đến, lần nào dì Đa-sa cũng mời chúng tôi về chơi En-xcơ. Bây giờ chúng tôi đã thực sự ra đi. Buổi sáng quyết định xong, buổi tối tôi đã ngồi ở trong toa tàu trách móc Xa-nhi-a vì chỉ còn năm phút nữa tàu chạy mà anh cứ mải miết đi mua bánh làm tôi sốt cả ruột. Tàu chuyển bánh, anh mới chạy theo nhảy lên, miệng vừa cười vừa thở hồng hộc.

- Loại bánh ngọt này ngon lắm, ở En-xcơ không có đâu!

- Muốn bao nhiêu có bấy nhiêu!

- Kẹo ngon thế này mà không mua thì phí lắm!

Quả là ở En-xcơ không có loại kẹo ngon như thế này, ngay cả hộp đựng cũng làm rất cầu kỳ, mới nhìn qua đố biết mở bằng cách nào. Trên chiếc huy hiệu nhỏ màu đỏ có ghi hàng chữ vàng "Chúc bạn mạnh khỏe, sống hạnh phúc!"

Chúng tôi ngồi rất lâu trong toa có giường nằm tranh tối tranh sáng mà chẳng chịu bật đèn sáng.

Hồi nào đã diễn ra một sự kiện tương tự như thế này nhỉ? Ấy là cái lần hai chúng tôi cố làm ra vẻ như người lớn đi từ En-xcơ trở về Mát-xcơ-va. Mấy bà hư vô chủ nghĩa dùng sợi dây rất mảnh buộc đôi găng tay vừa to vừa lạ mắt đi tiễn chúng tôi. Một chàng trai để râu ria xồm xoàm ra sức đoán quan hệ giữa chúng tôi: anh em ư? Chẳng giống! Vợ chồng ư? Còn trẻ quá! Còn những quả táo mùa đông vừa đỏ vừa chắc kia nữa! Tại sao chỉ thời niên thiếu mới có thể được ăn những quả táo ngon như thế nhỉ?

- Chính hôm ấy là ngày anh bắt đầu yêu em.

- Không đúng. Anh còn nhớ cái hôm chúng ta từ sân trượt băng đi ra, anh mời em ăn hạt hướng dương, em từ chối, anh đành phải đem cho một em bé gái. Chính hôm đó mới là hôm anh bắt đầu yêu em.

- Chính lúc ấy là lúc em bắt đầu yêu anh.

- Không phải. Em biết chính anh bắt đầu yêu em vào lúc ấy. Nếu không thì anh chẳng đem hạt hướng dương cho người khác.

Anh nghĩ ngợi có vẻ rất nghiêm túc.

- Thế thì, em bắt đầu từ lúc nào?

- Em không biết... Tất cả mọi lúc.

Chúng tôi cùng đứng trên lối đi của toa tàu, và cũng như lần ấy, cùng đưa mắt nhìn dãy cột điện nối nhau lao vút về phía sau. Mọi sự vật đều biến dời đổi thay, duy có niềm hạnh phúc là vẫn y nguyên như xưa. Một ông già rậm râu phục vụ trên tàu đưa mắt nhìn chúng tôi - hay là nhìn tôi chăng? - Rồi ông thở dài, lẩm bẩm rằng ông cũng có một người con gái đẹp...

Thành phố En-xcơ. Trời còn sớm quá. Tàu điện chưa chạy nên chúng tôi đành phải cuốc bộ khắp thành phố. Một người rất lịch sự xách hộ chúng tôi đồ đạc. Chúng tôi tự giới thiệu chính quê hương chúng tôi là En-xcơ, nhưng hình như anh ta không buồn nghe mà cứ nói thao thao bất tuyệt. Hầu như ai anh ta cũng quen biết. Anh ta biết tất cả những người trong gia đình Bu-be-tri-cốp đã quá cố, biết dì Đa-sa, biết ông chánh án, đặc biệt là ông chánh án bởi vì chính anh ta đã đến gặp ông rất nhiều lần.

- Ở đâu?

- Ở tòa án quận Lê-nin.

Trên quảng trường, bên cạnh một chiếc xe mà những người nông dân của nông trang tập thể đem bán táo và cải bắp, dì Đa-sa già nua, gầy gò cầm trên tay một cái bắp cải lớn và đang suy tính xem có nên mua hay không.

Xa-nhi-a lên tiếng gọi dì. Dì đưa mắt nhìn chúng tôi qua cặp

kính trắng với vẻ trang nghiêm đặc biệt của người già. Đột nhiên không kìm chế được nữa, dì buông tay làm rơi cây cải bắp xuống đất.

- Xa-ne-sca! Các cháu thân yêu của dì! Sao lại thế này? Các cháu đi chợ đấy à?

- Không đâu dì ạ. Chúng cháu đang đi về nhà đây. Dì Đa-sa, đây là nhà cháu đây ạ.

Anh kéo tôi tới trước mặt dì Đa-sa. Thế là mọi việc buôn bán của chợ En-xcơ đều bị dừng lại. Ngay cả đến con ngựa ở góc chợ cũng rút mõm ra khỏi giỏ cỏ, thú vị nhìn tôi và dì Đa-sa hôn nhau...

Đây là ngôi nhà của gia đình Mác-cút trên đại lộ Gô-gôn. Hai bên cửa ra vào đều có tượng sư tử. Bữa ăn sáng được tổ chức theo khẩu vị của dì Đa-sa. Sau một bữa ăn như thế mà nghĩ đến bữa ăn trưa và bữa ăn chiều có thể có trên thế giới là một việc đáng sợ. Chúng tôi đã nói chuyện với ông chánh án một lần qua dây nói. Lúc ấy ông đang dự một cuộc họp ở quận. Nghe giọng nói yếu ớt xa xôi của ông tưởng như ông đang ở tận bên kia trái đất. Pê-chi-a con thế là đã được ba tuổi, lẽ nào những cuộc bàn cãi, những vấn đề chủ yếu như có nên cho bé ngậm vú cao su hay không và nên ru bé ngủ trên tay hay trên giường đã thành chuyện xa xưa và trôi vào quá khứ rồi ư?

Chúng tôi tìm gặp được Pê-chi-a bố ngay trong vườn hoa Nhà thờ, ở nơi mà trước đây Xa-nhi-a và Pê-chi-a đã từng nằm chờ xem mặt trăng và các vì sao giữa ban ngày. Ở đây hai người đã cùng đọc quyển "Những bức thư mẫu". Và cũng ở nơi đây hai người đã từng "Trích máu ăn thề" với nhau.

Pê-chi-a ngồi xếp hai chân như một người Thổ Nhĩ Kỳ chính cống, trên đùi để một quyển an-bom rất to. Anh ta đang vẽ cảnh

Re-sét-ki, tức là chỗ mà hai con sông Pét-trin-ca và Chi-khai-a gặp nhau, và nhà thờ Pô-crốp-xki, sạch sẽ, trang nghiêm in hình lên bầu trời xanh mênh mông tràn ngập ánh nắng. Đằng sau nhà thờ, ở bờ sông bên kia là những cánh đồng nối tiếp nhau:

- Xin lỗi, ông có trông thấy người thợ vẽ không?

Anh ta quay đầu lại và sửng sốt nhìn chúng tôi.

- Có một anh thợ vẽ đi qua đây, - Xa-nhi-a nói tiếp. - Anh ta mặc áo vét, mặt có nốt ruồi...

Pê-chi-a lập tức nhảy chồm lên. Anh ta vừa gầy vừa cao, các cử chỉ đều hết sức vụng về.

- Trời ơi, đến rồi ư? Cả chị Ca-chi-a nữa kia à? Ôi, hay quá! Tôi mừng lắm! Này Xa-nhi-a, hãy kể chuyện đi, rốt cuộc anh từ đâu đến?

- Mình từ nơi ấy đến.

Chúng tôi ngồi bên cạnh tượng đài Mác-tưn chừng hai tiếng đồng hồ, sau đó đi ra phía bờ sông rồi cứ dọc theo các vườn hoa, đi khắp thành phố. Thành phố trở nên xinh xắn vô cùng giữa những ngày thu. Lá cây phong trong vườn Bách thảo đỏ rực. Bên dưới vách đá, từng hàng cây ăn quả bị quét vôi trắng xóa ở dưới gốc để chống sâu, dóng thành từng hàng thẳng tắp. Đi dọc theo lối mòn mát mẻ đã bị nhiều người lãng quên này cũng là một điều thú vị.

- Hồi nào chúng mình thường chui vào khu vườn này hái trộm táo. Cậu dọa mình là cây súng của bác gác vườn bắn ra toàn muối hạt.

- Không phải dọa, mà đúng như thế thật. Quả là thú vị, lúc ấy chúng mình là những đứa trẻ như thế nào, chẳng hạn như cậu, cậu có nhớ không? Mình thì mình quên tiệt cả rồi.

- Hồi ấy cậu là một ông oắt con thật là đặc biệt. Cậu có nhớ, có lần cậu đã phịa ra câu chuyện là loài chuột cũng có một con chuột chúa không? Còn cái câu chuyện về nước Thổ Nhĩ Kỳ thì đúng là một câu chuyện hoang đường. Ngay hồi ấy cậu đã có vẻ là một nhà họa sĩ, ít ra thì cũng có thể gọi là một người làm nghệ thuật.

- Nhưng mình thì lại cảm thấy rằng chính cậu sẽ trở thành nhà nghệ thuật. Chẳng phải cậu dã nặn những con giống rất đẹp đó sao! Tại sao nửa chừng cậu lại quẳng đi thế?

Tôi nhìn Xa-nhi-a, trong bụng phân vân không biết có nên vạch cái bí mật anh đang giấu kín ra không, nhưng như đã biết được ý nghĩ của tôi, anh lừ mắt đe dọa, thế là tôi đành lặng im. Cho đến bây giờ, những lúc rỗi rãi anh vẫn say mê nặn tượng - tất nhiên là nặn để chơi vui thôi.

Mãi đến tối mịt ông chánh án mới trở về nhà. Tất nhiên đến giờ ấy thì chúng tôi đã đi nghỉ rồi. Đột nhiên từ bên ngoài vọng vào tiếng động cơ của ô-tô con, sau đó là tiếng bước chân của ông già thong thả nện ngoài hành lang. Ông đội chiếc mũ màu trắng, không vành, dính đầy bụi bẩn và ôm trên tay hai chiếc cặp da.

- Này, những khách nào đến thế kia? Chờ tôi đi rửa mặt cái đã rồi sẽ vào hôn các vị sau nhé.

Sau đó ông vào nhà bếp rửa ráy rất lâu. Dì Đa-sa kêu lên là ông làm nước tung tóe ướt cả sàn nhà, nhưng ông cứ rửa rất hăng, miệng không ngớt nói: "Khoái quá, dễ chịu quá!" Cuối cùng ông đã rửa xong, đầu tóc chải mượt, chân trần đi dép lê, mặc áo ngủ kiểu Tôn-xtôi đi ra khỏi nhà bếp. Ông lôi hai chúng tôi ra cửa ngắm nghía mãi, trước hết là ngắm tôi, sau đó tới lượt Xa-nhi-a rồi lại chăm chú ngắm tấm huân chương.

- Khá lắm, - ông hài lòng nói. - Bốn sao à?

- Vâng, bốn sao ạ.

- Nghĩa là đã được thăng đến đại úy rồi?

- Vâng, đại úy ạ.

Ông bắt chặt tay Xa-nhi-a.

Chúng tôi sống một đêm rất đẹp đẽ ở En-xcơ. Chúng tôi rất hiếm có cơ hội đoàn tụ cả nhà nhưng chúng tôi đối với nhau vô cùng thân thiết. Bây giờ khi cả nhà đã được đoàn tụ, ai cũng lấy làm ngạc nhiên là tại sao mỗi người lại có thể ở một thành phố cách xa nhau đến như thế.

Chúng tôi ngồi vây quanh bàn, nói với nhau tất cả những chuyện trên trời dưới biển cho mãi đến tận khuya. Chúng tôi cùng nhắc đến Xa-sa, bình phẩm một cách thoải mái tùy tiện về cô, tựa như cô ấy vẫn còn sống giữa chúng tôi vậy. Bé Pê-chi-a càng ngày càng lớn, càng giống mẹ như đúc: cũng đôi mắt kiểu người Mông Cổ ấy, cũng những mớ tóc đen mềm và rất dày ở hai bên thái dương ấy và mỗi khi bé cúi xuống, hai hàng mi cũng hiện ra dài và mảnh như thế...

Xa-nhi-a bắt đầu kể về câu chuyện ở Tây Ban Nha. Một cảm giác kỳ lạ, hầu như đã bị lãng quên bao vây lấy tôi. Tôi nghe anh kể về anh mà tưởng như nghe sự tích của một người nào khác. Một lần anh cất cánh bay đi trinh sát, chợt gặp năm chiếc "gioong ke", anh liền lao vào phía chúng mà không chút ngập ngừng. Lẽ nào con người đó lại là anh thực ư? Khi anh lọt vào giữa lũ "gioong ke" kia, anh bắn tới tấp vì khoảng cách từ anh tới chúng đã quá ngắn. Lẽ nào con người đó cũng là anh thực ư? Áo kháng áp của anh đã bị bốc lửa, anh lấy găng tay che lấy mặt và lái chiếc máy bay đã bị thương hạ cánh an toàn. Sau đó một tiếng đồng hồ anh

lại lái một chiếc khác đi làm nhiệm vụ. Lẽ nào con người đó là anh thực ư?

Ông chánh án ngồi nghe anh kể rất chăm chú. Phía dưới đôi lông mày điểm bạc, hai mắt ông sáng lên với một vẻ hết sức hài lòng. Ông cầm cốc đứng lên và bắt đầu diễn thuyết - khi còn ngồi trên tàu hỏa, Xa-nhi-a đã bảo với tôi rằng thể nào ông chánh án cũng diễn thuyết.

- Xa-nhi-a, chú không định tán bốc cháu, mặc dù công tích của cháu rất đáng được đề cao. Cháu đã từng nói với chú rằng cháu thích làm một người lái máy bay giỏi. Lúc ấy chú có hỏi cháu: "Làm người lái máy bay quân sự phải không?" Thì cháu trả lời: "Cháu sẽ làm phi công lái máy bay Bắc cực. Và khi cần cũng có thể lái máy bay chiến đấu". Đấy bây giờ chẳng phải cháu đã trở thành một phi công toàn diện rồi đó sao. Cháu hãy ngồi ngay trước mặt chú đây để chú nhớ lại chuỗi ngày đã qua với một niềm tự hào chính đáng của gia đình chúng ta. Chú hoàn toàn có quyền được coi cháu như con trai của chú. Nhưng mỗi khi trông thấy mặt cháu, trong đầu óc chú lại nảy ra những ý nghĩ khác nữa. Chú muốn nói đến cái lý tưởng cao cả của cháu khi cháu tự đặt cho mình nhiệm vụ đi tìm đội thám hiểm của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp. Chính cái lý tưởng này đã sưởi ấm thời niên thiếu của cháu. Cháu đã tự đặt cho mình một nhiệm vụ cao cả là tác động vào lịch sử và sửa đổi nó theo khả năng của mình. Làm như vậy là rất đúng, chính vì vậy mà chúng ta mới là những người cách mạng Bôn-sê-vích. Bởi chú hiểu rõ cháu từ khi cháu còn bé xíu nên chú vững tin rằng không sớm thì muộn thế nào cháu cũng sẽ hoàn thành được nhiệm vụ to lớn ấy.

Khi chúng tôi chạm cốc, Xa-nhi-a nói một câu bằng tiếng Tây Ban Nha:

- Salud![1]... "Cuộc du hành vào cuộc sống" coi như chỉ mới được bắt đầu, - anh nói. - Bây giờ mới biết, hôm qua chiến hạm đã rời khỏi căn cứ. Tháp đèn ở phương xa hãy còn nhìn thấy rõ nó vừa đánh tín hiệu gửi lời chúc chiến hạm ra đi "Thuận buồm xuôi gió!" Trước kia tuy chúng cháu còn ít tuổi và bé bỏng nhưng đều dũng cảm. Chúng cháu đã từng bình thản bước trên những con đường tăm tối và tĩnh mịch của cái thành phố này. Vũ khí của hai chúng cháu chỉ là một con dao con kiểu Phần Lan, tức là con dao mà Pê-chi-a đã khâu cái bao dao bằng miếng da của chiếc ủng cũ ấy. Song chúng cháu có những thứ vũ khí bên trong tốt hơn nhiều. Chúng cháu tiến bước, bởi vì chúng cháu đã thề cùng nhau: "Đấu tranh và tìm tòi, quyết đạt mục đích chứ không đầu hàng!". Chúng cháu tiến bước bởi vì con đường chúng cháu đi còn chưa kết thúc.

Xa-nhi-a nâng cao cốc, ngửa cổ uống một hơi hết sạch rồi ném mạnh chiếc cốc vào tường. Một tiếng "choang" vang lên, những mảng thủy tinh văng ra tứ phía...

Năm 1939 chúng tôi sống ở Mát-xcơ-va. Chúng tôi thường đến chơi nhà Va-li-a và Ki-ra ở ngõ Xíp-xép Vra-giéc. Căn nhà Xíp-xép Vra-giéc bây giờ đã trở nên chật chội.

Một em bé gái béo trắng tết tóc đuôi sam đang nằm ngủ ở gian "bếp chung". Bé cũng có chiếc mũi to và thô cứng như của Ki-ra, mẹ bé. Trong gian nhà kho mà trước đây đã có dạo Va-li-a dùng làm phòng rửa ảnh, bây giờ đang phơi đầy quần áo trẻ con. Ở gian "bếp riêng" tí nữa thì Xa-nhi-a ngồi lên một cái bọc lớn trong đó có chú bé con có mái tóc đen rủ xuống trán. Một bộ mặt nhỏ xíu khá nghiêm trang và bệ vệ lộ ra ngoài. Xem chừng chỉ cần đeo vào cho chú bé một chiếc kính gọng đồi mồi là lập tức

(1) Salud = cạn cốc. - ND.

bé có thể đứng dậy đi nghe bài giảng về phương pháp lai giống cáo đen nâu xám.

Cháu gái đã có thể ngâm thơ "thể hiện tình cảm". Từ các cử chỉ và tư thái của chậu, ta cũng có thể thấy được kết quả giáo dục tận tâm của bà mẹ Ki-ra. Cách giáo dục của bà về nguyên tắc, hoàn toàn ngược lại với lối giáo dục mang nặng tính chất chủ quan tự phụ của bà Vác-va-ra Ra-bi-nô-vích.

Những khi ở trong ngôi nhà đáng yêu ở ngõ Xíp-xép Vra-giéc, giữa các bạn nhỏ dễ thương ấy, hai kẻ lưu lạc và du hành chúng tôi đã suy nghĩ những gì?

Tất nhiên là chúng tôi nghĩ đến hoàn cảnh không nhà cửa, chỉ chuyên đi sống nhờ của mình, ngay đến một gian phòng chật hẹp, chen chúc như của Va-li-a và Ki-ra đây cũng không có.

Vì vậy, chúng tôi quyết định phải tìm cho được một chỗ ở trong thành phố Lê-nin-grát này...

Ngọn đèn lồng lúc tỏ lúc mờ, dưới quầng sáng chao đảo của nó, lúc sung sướng, khi khổ đau.

Một ngày mùa đông trong trẻo, chúng tôi đứng trước một tảng đá hoa to tướng dưới chân tường điện Crem-lanh, trên tảng đá hoa đó khắc tên một người chúng tôi hằng yêu mến. Xa-nhi-a nhớ lại một lần gặp ông ấy. Trên suốt đường đi anh suy nghĩ miên man và cố ghìm nỗi xúc động ở trong lòng. Khi đi tới chỗ trước kia anh đã có lần gặp ông, chợt anh nói bật ra như nói trong điện thoại:

- Đồng chí TR. đấy phải không? Tôi là Gri-gô-ri-ép đây.

Tên ông được lấy đặt cho một thành phố lớn, trong đó có hàng trăm đường phố, nhà hát, vườn hoa đẹp đẽ. Việc làm ấy đã qua một năm rồi. Song tôi và Xa-nhi-a cứ cảm thấy lạ lùng thế nào

ấy, lẽ nào mãi mãi chúng tôi không bao giờ còn được nghe giọng nói trầm lắng quen thuộc của ông nữa sao?

Năm 1941, chúng tôi dọn đến Lê-nin-grát. Nếu có thể được, mong rằng đây là chuyến di chuyển cuối cùng. Chúng tôi thuê một biệt thự có ba phòng. Trong vườn nhà có giếng riêng. Ngoài ra còn có một ông già chủ nhà còn khá tráng kiện. Ông lão tự xưng là một xạ thủ cũ của nước Nga cổ xưa. Thế là Pê-chi-a liền mời ông lão ra ngồi để vẽ. Năm nay hai bố con Pê-chi-a và bà bảo mẫu không về En-xcơ. Tất cả chúng tôi đều đến ở trong khu nhà mới này. Chúng tôi thường kéo nhau ra hồ bơi lội, dùng ấm xa-mô-va chính cống đúc bằng đồng để đun nước chè. Có một số phụ nữ không cảm thấy hết cái tuyệt diệu của cuộc sống yên tĩnh và đầy hạnh phúc như thế, thật tôi rất lấy làm lạ.

Thứ bảy nào chúng tôi cũng đi đón Xa-nhi-a. Cả nhà đều ra ga xe lửa chờ anh, trong đó cháu Pê-chi-a là người nóng ruột chờ gặp bác Xa-nhi-a nhất. Lần này cháu hy vọng sẽ được bác cho một chiếc thiết giáp làm bằng tôn hẳn hoi. Hy vọng của cháu đã đạt được. Xa-nhi-a cầm trên tay một chiếc chiến xa xinh xắn nhảy xuống sân ga khi con tàu chạy chậm qua trước mặt chúng tôi. Nhưng không hiểu vì sao anh vẫn cứ đi theo con tàu mãi. Đoàn tàu dừng lại, anh chìa tay ra đón một bà cụ gầy bé từ trên toa tàu bước xuống. Bà cụ có vẻ sợ sệt nhưng phong thái khá ung dung. Bà cụ cầm trong tay một chiếc ô, tay kia xách một chiếc túi du lịch nhỏ bằng vải bạt. Tôi thật không tin ở mắt mình nữa. Bà cụ ấy chính là bà tôi. Bà mặc chiếc áo vét bằng vải tuýt-xo, đầu đội chiếc mũ cói sặc sỡ. Xa-nhi-a cẩn thận và lễ phép đỡ bà, không để cho dòng người huyên náo đang cuồn cuộn chảy trên sân ga va phải...

## Chương 2

# Bà kể chuyện gì

Cần phải nói rõ một điểm là gần đây một số nét trong tính tình của bà làm tôi rất khó hiểu.Trước kia bà luôn mồm chế giễu những người đi bói bài tây, thế mà bà giờ lại rất thích đi bói, thậm chí trong túi của bà còn có một bộ bài tây nữa.

Có khi bà kêu nhà không có việc gì làm buồn quá, nhưng chỉ sau đó một lát, trong lúc nói chuyện vui chơi thì bà lại cứ nằng nặc đòi về để "làm việc nhà".

- Thôi, phải về đây, - bà sợ hãi nói. - Không thể ở lại được nữa đâu. Dứt khoát là phải về thôi!

Bà vốn rất thích xem phim, nhưng bây giờ tôi mời bà đi xem thì bà lại tỏ ra kinh ngạc.

- Việc đến rạp chiếu bóng, - bà nói giọng uể oải, - là hoàn toàn phụ thuộc vào chất lượng của phim.

"Hoàn toàn phụ thuộc vào chất lượng của phim" - trước kia có bao giờ bà tôi nói súc tích như thế đâu.

Tôi chợt đoán biết hết tâm trạng của bà. Tại sao tự dưng bà

thích xem bói bài tây? Tại sao bà đột ngột đòi trở về? Những câu nói dài dòng có góc cạnh kia là từ đâu ra? Thủ phạm của tất cả các thứ đó là Ni-cô-lai An-tô-nô-vích. Chính ông ta là người chi phối những hoạt động tư tưởng của bà tôi.

Đó là phạm vi thế lực của ông ta, là ảnh hưởng kinh người mà ông ta có thể gây nên!

Tôi đã nhiều lần khuyên bà hãy ở lại với chúng tôi một thời gian nữa, ít nhất là thời gian tôi và Xa-nhi-a lưu lại ở Mát-xcơ-va. Nhưng dầu có nói thế nào đi nữa, bà cũng vẫn không để lọt vào tai.

- Tao vừa đi vắng là ông ấy đến tìm ngay, - bà nói giọng thần bí. - Không được đâu, xem ra thì số mệnh nó như vậy rồi.

- Ông ấy tìm bà để làm gì? Bà nhầm đấy thôi! Ông ấy sẽ không đi tìm bà đâu!

Bà ngồi lặng im chẳng nói chẳng rằng.

- Không, ông ấy tìm đấy chứ ! Đây là việc rất quan trọng đối với ông ấy.

- Vì sao thế ạ ?

- Vì tao ở nhờ nhà ông ấy. Tao phải làm theo ý thích của ông ấy, chứ không phải làm theo ý thích của chúng mày. Đừng có sốt ruột, hãy bình tĩnh mà nghe, tối nào ông ấy cũng đọc sách cho tao nghe đấy.

Vậy là tối nào Ni-cô-lai An-tô-nô-vích cũng đem sách của mình ra đọc cho bà nghe...

Khi chúng tôi quyết định xây dựng cơ sở gia đình ở Lê-nin-grát, tôi nghĩ là sẽ mời bà về ở chung với chúng tôi. Nhưng sau mỗi lần gặp bà, tôi lại càng vỡ lẽ rằng điều đó khó có thể thực hiện được. Số lần bà la chửi Ni-cô-lai An-tô-nô-vích mỗi ngày một giảm đi, mà cái tâm lý sợ hãi, sùng tín mỗi khi nhắc tới tên

ông ta thì lại ngày càng rõ rệt. Rõ ràng là bà chắc mẩm rằng ông ta có một sức mạnh hết sức phi thường.

- Tao vừa mới nghĩ đến, thế mà ông ta đã hiểu ngay, - có một lần bà nói như thế. - Mấy hôm trước tao định làm thức ăn điểm tâm, thì ông ta nói: "Xin chớ có dùng bột mì, không tiêu đâu!"

Thế mà giờ đây đột nhiên bà xuất hiện trên sân ga Lê-nin-grát, một tay cầm ô, một tay xách túi vải bạt, và hăm hở đi lại phía chúng tôi. Có việc gì xảy ra chăng?

Trên dọc đường đi, bà hỏi chúng tôi rằng ở chỗ chúng tôi có phải đăng ký tạm trú không.

- Có thể không phải đăng ký đâu ạ, - tôi trả lời. - Nhưng tại sao bà lại quan tâm đến chuyện ấy?

- Chẳng có gì đâu! Có phải đăng ký cũng được chứ chẳng sao, - bà khoát tay nói. - Bây giờ tao chẳng cần gì sất.

Tôi đã viết thư kể lại hàng nghìn lần cho bà nghe về tình hình hai bố con Pê-chi-a và về cái chết của Xa-sa. Hồi tôi còn là một thiếu nữ và ngụ ở phố Tve-rơ-xcai-a I-am-xcai-a số hai, Pê-chi-a có đến nhà tôi, bà tôi có biết mặt anh ta. Nhưng bây giờ bà vẫn hỏi chuyện anh ta rất khách sáo, tuồng như mới gặp anh ta lần đầu vậy. Bà lơ đãng hôn cháu Pê-chi-a, còn đối với bà bảo mẫu, bà chỉ phát biểu mỗi một câu lạnh lùng là bà ta có bộ mặt trông rất dữ.

Bà bị phật ý, điều đó đã rõ ràng, nhưng vì cớ gì phật ý thì còn là điều bí mật.

Chúng tôi thuê hai phòng có cả gác xép ở trên tầng thượng. Căn gác hình như đặc biệt làm riêng cho bà, nó cũng bé nhỏ như cơ thể bà tôi. Trước hết bà đi kiểm tra xem cửa sổ có chốt cài không và cửa chính có khóa được không.

- Thôi bà ơi, cháu không thích như thế đâu, - tôi nói giọng

kiên quyết. - Đây cháu đóng cửa lại, thế là chẳng ai nghe trộm nữa đâu. Thôi bà nói nhanh đi, có việc gì xảy ra không ạ?

Bà im lặng một lúc lâu.

- Rồi tao sẽ nói, mày đừng có giục!

... Bà ngủ một giấc, dậy rửa mặt, thay chiếc váy liền áo vai bồng, mang đôi giày dài mũi bước đến bên bàn. Khi ăn mặc thích hợp, bà cũng có vẻ trẻ ra đôi chút...

- Ni-cô-lai An-tô-nô-vích đã tìm được một bà quản gia, - bà nói chẳng cần mào đầu. - Nhưng ông ấy bảo rằng bà ta là thư ký chứ không phải quản gia. Bà ấy sẽ giúp đỡ được nhiều việc. Thế mà cái bà thư ký ấy đem giày bẩn đặt lên bếp lò. Đấy bà ta bắt đầu giúp đỡ rồi đấy!

Người đặt đôi giày bẩn lên bếp lò ấy tên là A-lép-ti-na Xéc-ghê-ép-na. Câu chuyện thật là thú vị. Chúng tôi ngồi trong vườn hoa, bà kể với vẻ đầy hãnh diện, nhưng kết cục chẳng ai hiểu ra thế nào cả. Tôi nhận thấy Pê-chi-a rất muốn tìm cách vẽ bà, tôi liền ngăn anh ta lại. Tôi cũng tìm cách hăm dọa Xa-nhi-a vì anh đã để tiếng cười bật ra ngoài. Chỉ có một mình cháu Pê-chi-a là nằm lắng nghe một cách nghiêm túc.

- Nếu quả thực bà ta là thư ký thì tại sao bà ta lại đặt giày bẩn lên bếp lò, nơi tao làm cơm? Không bao giờ tao cho phép ai được làm như thế. Nếu như hôm nay tao nhóm lò thì sao?

- Kết quả thế nào ạ?

- Tao đi nhóm lò thật.

- Thế rồi sao nữa ạ?

- Đôi giày bị cháy, - bà nói giọng đầy tự hào. - Từ đó bà ta không dám đặt giày lên bếp lò nữa.

Chúng tôi bất giác cùng bật lên tiếng cười.

Nói tóm lại là bà quản gia bị mất không một đôi giày và sự kiện đó khiến Ni-cô-lai An-tô-nô-vích phải mời bà ra chỗ riêng để nói chuyện một cách rất nghiêm túc.

- "Tôi thế này, tôi thế kia!" - Bà cụ phồng mồm lên nhại lại Ni-cô-lai An-tô-nô-vích nói về mình. - Nếu quả thực ông là người tài giỏi thì hãy để cho người khác nói chứ đừng có bô bô lên như thế.

Ni-cô-lai An-tô-nô-vích được phân phối một ô nhà trong dãy nhà mới ở phố Goóc-ki, và người bà xấu số đáng thương của tôi được tùy ý lựa chọn một phòng trong ô nhà hoa lệ đó. Ông ta đã chạy khắp Mát-xcơ-va suốt một tháng trời để mua sắm đồ đạc trong nhà. Theo cách nghĩ của Ni-cô-lai An-tô-nô-vích thì ô nhà ở phố Tve-rơ-xcai-a I-am-xcai-a số hai ấy nên để làm "Viện bảo tàng thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp". Rõ ràng là ông ta quyết định như thế cũng chẳng ngượng ngùng gì vì thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp chưa hề bước chân qua cửa gian nhà này bao giờ.

- Tao chào ông ấy và nói: "Xin cám ơn ông, tôi chưa quen ở nhà người khác!"

Chính sau cuộc nói chuyện ấy, bà mới nảy ra ý rời xa Ni-cô-lai An-tô-nô-vích và dọn đến ở với chúng tôi. Nhưng bà sợ xảy ra chuyện lôi thôi nên không dám công khai thu dọn đồ đạc mà trước hết là cố hòa giải với ông ta, thậm chí còn cố gần gũi lấy lòng bà quản gia. Bà tự đặt ra một kế hoạch hành động trong đó phản ánh rất rõ trạng thái tâm lý vô cùng phức tạp của bà. Kế hoạch đó đặt rất nhiều hy vọng vào thời cơ Ni-cô-lai An-tô-nô-vích đi nghỉ ở trại an dưỡng của các nhà bác học ở Bôn-sê-vô. Trong hai mươi năm nay, đây là lần đầu tiên bà xa nhà, một tay cầm ô, một tay xách túi vải bạt, rón rén rời khỏi Mát-xcơ-va.

... Xa-nhi-a bao giờ cũng ngủ dậy vào lúc bảy giờ sáng. Chúng

tôi thường đi tắm trước khi ăn sáng. Sáng hôm nay cũng theo đúng thói quen ấy. Buổi sáng sớm hôm nay cũng giống hệt như bất cứ một buổi sáng chủ nhật nào khác ở đây.

Tất nhiên là chẳng có gì đặc biệt. Nhưng tại sao tôi lại ghi nhớ rõ ràng đến thế nhỉ? Tựa như việc vừa xảy ra hôm qua thôi. Xa-nhi-a và tôi cầm tay nhau trượt từ trên dốc núi xuống, anh nghiêng người để giữ lấy thăng bằng rồi lướt qua cạnh một cây bạch dương mọc bên bờ sông, còn tôi thì cởi giày cầm tay chạy theo. Tôi có cảm giác như lớp cát dưới chân bị rẽ ra thành một cái rãnh cạn. Không hiểu sao những cảnh tượng của ngày qua ấy hiện lên trong trí nhớ của tôi rõ ràng đến như thế? Tại sao đến bây giờ tôi vẫn có thể nhắc lại từng câu nói một mà hồi ấy chúng tôi đã từng nói với nhau? Tại sao mãi đến nay tôi vẫn còn cảm giác được cái đẹp mê hồn của cảnh sắc buổi chiều mỗi khi ánh dương rọi chiếu xuống mặt hồ. Tại sao tôi có thể nhớ lại tất cả mọi chi tiết nhỏ nhặt đã xảy ra trong buổi sáng hôm ấy với một tình cảm mặn nồng đến như thế? Khi Xa-nhi-a tắm xong, hai tay bó gối ngồi sóng đôi với tôi, nước vẫn chảy ròng ròng từ trên đầu anh xuống mặt, xuống vai và bộ ngực đỏ hồng lên vì nắng của anh. Tất cả những cái đó tôi đều còn nhớ rất rõ ràng. Tại sao tôi vẫn cứ nhớ rõ mồn một những lời bàn giữa Xa-nhi-a với một chú bé đang xắn quần thả lưới tự đan về cách câu tôm biếc - bằng cách đốt lửa hay là bằng thịt thiu?

Vì sau ba bốn tiếng đồng hồ, tất cả những thứ đó - những phút bơi lội vui vẻ của hai chúng tôi, những tia ánh sáng mờ ảo trên mặt hồ, hình ảnh bờ sông in lộn ngược trên mặt hồ, chú bé với tấm lưới và hàng trăm hàng nghìn những tư tưởng, tình cảm, ý nghĩ, ấn tượng khác - tất cả những thứ đó đều bay vút lên chín tầng mây, hồ như nhìn qua lỗ kính ống nhòm đặt lộn ngược, tất cả đều bé nhỏ, mong manh và xa tít mù tắp...

## Chương 3

# "Phải nhớ đấy, em phải tin tưởng"

Khi tôi vào thành phố thì không tìm thấy Xa-nhi-a đâu nữa. Tôi xuống tàu điện ở phố Nê-va, tôi dừng lại trước cửa hiệu "Gát-xtrô-nôm" (cửa hàng thực phẩm) đọc bản thông báo đầu tiên của Bộ tổng chỉ huy dán trên cái cửa sổ lớn ở đấy. Nếu có thể bắt thời gian dừng lại thì tôi sẽ bắt dừng lại ở khoảnh khắc này. Tôi dán sát mắt vào kính cửa sổ đọc một mạch hết tờ thông báo chiến sự, khi quay lại liền bất ngờ bắt gặp một bộ mặt nghiêm nghị, căng thẳng đang nhìn tôi. Một cảm giác kỳ lạ bao trùm lấy tôi: hồ như việc tôi đọc bản thông báo chiến sự lần này xảy ra trong một cuộc sống khác trước không ai biết được. Trong cái cuộc sống thần bí không có người biết này chính là buổi tối hôm đó, một buổi tối ấm áp đầu tiên của một mùa hè, là cái bóng người trắng bệch kia lẫn vào dòng người đang cuốn đi trên hè phố và mặt trời chưa lặn hẳn, nhưng mảnh trăng non đã gác trên đỉnh tòa nhà lầu của Bộ Hải quân. Trong cuộc sống này, những lời nói đầu tiên được viết bằng những chữ đậm kéo dài suốt chiều ngang cửa sổ. Có rất nhiều người nối tiếp nhau tới tìm đọc những dòng chữ ấy. Dù rằng người ta hết sức ngăn chặn không để sự việc xảy ra như thế, nhưng việc đã xảy ra rồi và không chút đổi thay.

Bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na trao cho tôi mảnh giấy Xa-nhi-a viết để lại. Cứ cách một lúc tôi lại móc từ trong túi xách tay ra xem lại một lượt. Anh ấy đã xé một tờ giấy màu xanh da trời trong sổ công tác ra và viết rất vội vàng:

"Em Pi-ra Pô-lây-kin thân yêu! Hãy cho anh ôm hôn em. Nhớ rằng, em phải tin tưởng".

Khi chúng tôi sống ở Cri-mê, chúng tôi có nuôi một con chó đặt tên là Pi-rát[1]. Lần nào tôi đi tưới nước cho hoa nó cũng chạy theo sau, Xa-nhi-a vừa cười vừa gọi gộp cả tôi và con chó là "Pi-ra Pô-lây-kin"... "Nhớ rằng, em phải tin tưởng", - đó là những lời của anh. Có lần tôi đã nói với anh rằng tôi tin tưởng ở cuộc đời của anh. Lúc đó anh hết sức vui vẻ, thỏa mãn. Chúng tôi không kịp từ biệt nhau. Đúng lúc mười một giờ, anh ra đi. Khi tôi phóng vào đến thành phố thì anh đã đi mất rồi. Trong mảnh giấy viết để lại, anh không hề nói đến một chữ từ biệt, song điều đó hoàn toàn không quan trọng.

Không hiểu do cái gì xúi giục, tối hôm đó tôi quay trở về tòa biệt thự để ngủ. Hầu như tôi chẳng chợp mắt được phút nào, nhưng sau đó hình như tôi có thiếp đi được một lúc vì tôi có giật mình tỉnh dậy một lần và cảm thấy bàng hoàng cả người, tim lồng lên không sao kìm lại nổi: "Bọn phát xít đã gây ra chiến tranh rồi!"

Tôi trở dậy và đánh thức bà bảo mẫu.

- Thu dọn đồ đạc đi thôi. Sáng mai chúng ta phải đi khỏi nơi đây, bà ạ.

- Bảy ngày thứ sáu trong một tuần[2], - bà bảo mẫu vừa ngáp vừa nói giọng bực tức.

---

(1) Có nghĩa là kẻ cướp biển. - ND.

(2) Ý nói lúc thế này, lúc lại thế khác. (*N. D.*)

Bà ta mặc chiếc áo ngủ màu trắng, ngái ngủ ngồi trên giường, miệng không ngớt lẩm bẩm trách móc. Tôi cứ đi đi lại lại trong phòng suy nghĩ, mặc kệ bà ta lảm nhảm. Lúc sau tôi mở tung cửa sổ ra, vườn cây ngoài kia im ắng khác thường.

Bà tôi nghe tiếng nói chuyện liền gọi tôi lại.

- Ca-chi-a, có việc gì thế? - Bà hỏi giọng nghiêm nghị.

- Bà ạ, vợ chồng chúng cháu chẳng kịp chia tay nhau! Sao lại có thể như thế được nhỉ? Ngay cả việc chia tay nhau mà cũng không có thì giờ.

Bà nhìn tôi, hôn lên trán tôi rồi kín đáo làm dấu thánh. "Không chào nhau cũng chẳng sao cháu ạ. Thằng Xa-nhi-a nó cũng sắp về rồi đấy thôi", - bà nói. Tôi cảm thấy mình đang khóc, tôi cảm thấy từ nay về sau bản thân không thể, không thể... nhưng không thể cái gì, ngay chính tôi cũng không rõ.

Pê-chi-a đi tàu đêm đã trở về tới nhà. Anh ta có vẻ rất mệt mỏi, có vẻ đang chứa đựng một bầu tâm sự, nhưng ý chí thì lại rất kiên định. Đó là điều khác hẳn với con người bình thường của anh.

Lần đầu tiên tôi nghe anh ta đích thân nói rằng cần phải đưa con ra khỏi Lê-nin-grát. Tòa biệt thự của chúng tôi đẹp đẽ quá, tôi và bà bảo mẫu đã trồng rất nhiều hoa trong vườn. Nhiều cây hoa đã nứt mầm trổ lá. Thế mà bây giờ phải xa lìa tất cả. Tôi cảm thấy vô cùng luyến tiếc. Suốt cả tháng Sáu rất lạnh, nhưng mấy hôm nay chợt ấm hẳn lên.

Thật không thể tưởng tượng được nếu phải nhét bé Pê-chi-a lên toa tàu hỏa nóng nực, chật chội, bẩn thỉu để đi đến một nơi xa lạ chưa hề biết đến bao giờ!

Pê-chi-a cho biết là Hội họa sĩ quyết định đưa các cháu đến tỉnh I-a-rô-xláp-xcai-a. Anh ta đã ghi tên cho bé Pê-chi-a và bà

Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na đi. Vấn đề bà bảo mẫu khá phức tạp, đành phải để sau này suy nghĩ tìm cách giải quyết.

Anh ta thu dọn đồ đạc rất nhanh chóng rồi chạy ra ngoài gọi một cỗ xe ngựa chở hàng, sau đó anh ta chạy phóng lên gác tìm bà Ni-na, vì bà đã nói trước rằng bà không muốn đến tỉnh I-a-rô-xláp-xcai-a. Tôi không được biết bà và Pê-chi-a đã nói những gì với nhau, cũng không rõ bởi cớ gì mà bà không thích vùng I-a-rô-xláp-xcai-a đến như thế. Nhưng chỉ sau đó nửa tiếng đồng hồ cả bà lẫn Pê-chi-a đều bước xuống cầu thang và cả hai người đều có vẻ rất bằng lòng. Bà đi khâu ngay chiếc túi đựng đồ đạc đồng thời phê bình gay gắt những động tác chậm chạp của bà bảo mẫu khoa học.

Ngoài tôi ra, mọi người đều bận bịu thu dọn, ngay đến cả bé Pê-chi-a cũng vội vã nhét đồ chơi vào cái hộp gỗ riêng của cháu.

Người tôi mệt mỏi rã rời, tôi ngồi giữa căn nhà đang bị bới tung cả lên. Mãi về sau Pê-chi-a mới bước lại cạnh tôi nói giọng dịu dàng:

- Ca-chi-a, chị mệt lắm phải không?

... Chúng tôi về đến Lê-nin-grát, Pê-chi-a dẫn tôi đến Hội họa sĩ, giới thiệu với một người nào đó rằng việc gì tôi cũng làm được. Thế là tôi lập tức được giao làm những danh sách dài vô tận. Về những công việc này tôi không định kể nhiều.

Lệnh sơ tán qui định không để các bà mẹ và bảo mẫu đi theo các cháu. Vì vậy việc chính là vật lộn với sự phản ứng của các bà ấy. Vừa mới gạt tên họ ra khỏi danh sách ấy, thế mà chỉ một lát sau không biết bằng cách nào họ đã lại ghi được tên của mình vào danh sách đi theo con rồi.

Tôi làm việc này không được tốt lắm. Một bà họa sĩ người thấp bé giận dữ giật lấy bảng danh sách trong tay tôi. Có thể

đoán rằng từ đó về sau sẽ không có một bà mẹ hoặc một bà bảo mẫu nào có thể được bà ta thông cảm chiếu cố. Bà bảo mẫu của chúng tôi bị gạt tên ra khỏi danh sách từ đợt đầu tiên.

Muốn đến được I-a-rô-xláp-xcai-a còn cần phải tìm đến thương lượng ở cơ quan Xô Viết thành phố. Chẳng hạn như việc muốn đi xe khách chứ không đi xe hàng cùng với hàng nghìn hàng vạn việc bất ngờ khác, đều cần phải có ý kiến giải quyết của Xô Viết thành phố. Tất cả mọi chuyện xảy ra trong những ngày vừa qua đều hết sức lạ lẫm, từ trước đến nay tôi chưa hề gặp.

Chúng tôi tìm đến cơ quan Xô Viết thành phố, rồi sau đó kéo đến nhà ông hiệu trưởng Học viện Mỹ thuật, nhờ ông ta gọi điện thoại thuyết phục Xô Viết thành phố. Chúng tôi nhận thức ăn và đồ dùng cần thiết trên dọc đường đi sau này, đồng thời đính các mảnh vải có ghi số hiệu vào tay áo. Thế là vô cớ tôi đã trở thành một người cái gì cũng biết và ai cần gì cũng tìm tới hỏi.

Lúc đầu qui định ngày tàu chạy là ngày mồng năm tháng Bảy, về sau đổi lại là ngày mồng sáu. Bây giờ nhìn lại tâm trạng nôn nóng trước những giờ phút khẩn cấp hồi ấy, những tình trạng lộn xộn hấp tấp thu xếp hành lý, những nỗi đau khổ khi phải lìa xa con cái... mà cảm thấy hết sức lạ lùng.

... Giờ tàu chạy bị xê dịch. Các cháu phải đứng chờ trong phòng đợi rất lâu. Chúng đứng giữa những hàng người lớn. Bố trí đứng như thế để bố mẹ chúng không thể gây khó khăn cho việc lên tàu được. Song các hàng được xếp ngay ngắn đã bị rối loạn. Các bà mẹ mệt mỏi đã len được đến sát con mình. Trời rất bức, đám trẻ con nhao lên đòi uống nước. Chúng tôi chỉ biết khuyên nhủ, bảo các cháu cố gắng chịu đựng chút nữa. Bụi đất và sự nóng bức của tháng Bảy tuồng như cũng phải chịu đựng nỗi đau khổ trước giờ xa biệt của con người.

Dòng người đã bắt đầu nhích động. Đầu tiên là các em học

sinh lớn tuổi, sau đó đến học sinh nhỏ và sau cùng đến các em bé sáu - bảy tuổi. Chúng cầm chắc tay nhau cùng bước đi. Nhìn thấy cảnh những đứa trẻ bé bỏng đã phải mang vác đồ đạc ra đi, nhiều người không sao cầm lòng được. Chúng sẽ được đưa đến một nơi nào đó, nhưng đó là nơi nào? Trong những giây phút còn ở nhà, hễ trông thấy chiếc ba-lô sắp sửa lên đường của Pê-chi-a là tôi lại buồn vô kể. Mỗi người đều nối theo sau con trẻ của mình. Tôi cũng đi theo sau cháu Pê-chi-a. Cháu nó đi sóng đôi với một bé gái béo múp và trông rất sạch sẽ tươm tất. Tôi bị cuốn vào dòng người, và khi đến lượt mình cũng phải dừng lại cạnh cửa ra vào như mọi người - bố mẹ đi tiễn không được phép lọt qua cửa ra vào. Và rồi cũng như tất cả mọi người, để khỏi bật ra tiếng khóc, tôi phải cắn chặt môi, đưa mắt tiễn cháu bước đi. Sau đó tôi chạy đến trạm hàng hóa để trông coi hành lý, không để cho đồ đạc của trẻ con lẫn vào của người lớn.

Đúng bốn giờ tàu sẽ xuất phát. Giờ giấc tàu chạy được qui định rất chính xác. Mãi đến phút cuối cùng Pê-chi-a mới hộc tốc chạy ra ga. Về sau tôi được biết anh ta phải cùng đi với ông hiệu trưởng đến cung điện Xmôn-nưi. Một người không quen biết bế cháu đưa qua cửa sổ cho anh. Anh bế lấy con, áp sát cái đầu nhỏ có mái tóc đen nhánh của nó vào mặt mình và đứng im hồi lâu. Bà tôi trông thấy cảnh tượng ấy không thể nào cầm lòng được. Biết bà quá xúc động, Pê-chi-a liền vội vã hôn con rồi đưa trả vào toa tàu...

Mãi đến nay mỗi khi nhớ lại cảnh bọn trẻ ra đi hôm ấy, lòng tôi vẫn còn thắt lại. Trong những năm chiến tranh sau đó, nỗi gian nan vất cả thực là vô cùng. Biết bao nhiêu ấn tượng mãnh liệt, kỳ lạ làm tôi không bao giờ quên lãng. Song những cảnh chia tay các cháu bé vẫn chiếm giữ một vị trí nổi bật trong trái tim tôi...

## Chương 4

# “Nhất định chúng tôi sẽ gặp lại nhau, nhưng không phải trong ngày một ngày hai”

Những người công tác ở Sở tàng trữ vật phẩm nghệ thuật quý cho biết rằng đoàn tàu đã đến I-a-rô-xláp-xcai-a an toàn, nhiều người mang hoa tươi ra đón các cháu. Thế mà mãi tôi vẫn không nhận được điện báo của bà gửi đến để báo tin. Hơn nữa các cháu còn phải từ I-a-rô-xláp đến một nơi gọi là làng Gơ-ni-lôi I-a-rơ nữa. Không hiểu sao tôi cứ mường tượng rằng bọn trẻ trú ngụ trong cái làng có tên không lấy gì làm đẹp đẽ ấy sẽ sống chẳng ra gì. Tôi nhận được một bức thư hết sức bi quan của Ki-ra. Cô ta cũng đã đưa con và bà mẹ đi sơ tán ở một nơi nào đó rồi. Va-li-a vẫn ở tại Mát-xcơ-va. Đây là lần phân tán đầu tiên của cặp vợ chồng ấy. Có một điều khiến tôi ngạc nhiên hết sức là cô ta không hề sợ bom của bọn phát xít dội xuống Xíp-xép Vra-giéc, mà lại đi sợ một cô gái có tên là Giê-ni-a Côn-pắc-tra, vì cô này đang cố ý tấn công Va-li-a. Ki-ra đáng thương đã viết bức thư này trong

lúc đang khóc nức nở vì cả bức thư đều bị ướt nhòe nhoẹt. Tôi thương cô ta tự trong đáy lòng.

Điều đáng lo nhất là tình hình của Xa-nhi-a và những cơn ác mộng mà tôi gặp phải. Tôi nằm mê thấy tôi giận anh ấy, vì sao kia chứ? Anh có vẻ rất mệt mỏi, mặt mày tái nhợt, ngồi cúi đầu nghe tôi nói...

Bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na lập một trạm điều trị ngay trong văn phòng của rạp chiếu bóng Ê-lít trước kia. Bà cho rằng tôi là người "có kinh nghiệm chăm sóc người bệnh rất phong phú", nên tổ tự vệ gồm có ba người của Xô Viết quận liền đến đề nghị tôi ra làm y tá.

- Đồng chí Ta-ta-ri-nô-va, Gri-gô-ri-e-va, đồng chí nên biết rằng, - vị ủy viên của tổ tự vệ ba người, một bác sĩ hiền lành, tóc đã hoa râm nói với tôi giọng bí mật. - Nếu đồng chí từ chối làm y tá thì chúng tôi sẽ phân công đồng chí đi đào công sự...

Đi đào công sự hay làm việc trong các "chiến hào", theo kiểu người Lê-nin-grát thường nói, cố nhiên là gian khổ hơn làm y tá nhiều. Nhưng tôi vẫn khước từ nhã ý của ông ta, không nhận làm y tá.

Cứ tối đến là chúng tôi xuất phát đến Rô-gát-ca-a Trung đào hào chống xe tăng. Đất ở đây toàn là đất sét nên rất cứng. Trước hết phải dùng cuốc chim làm cho lỏng đất, sau đó mới dùng xẻng xúc. Tôi được xếp vào đội lao động của một nhà xuất bản ở Lê-nin-grát. Mọi người đều gọi đùa đó là đội lao động cao cấp "đào mồ chôn Hít-le". Đội lao động này hầu như toàn là phụ nữ: cô đánh máy, cô sửa bông, cô làm biên tập. Điều làm tôi ngạc nhiên là hầu hết các đội viên đều ăn mặc rất tươm tất. Tôi tò mò hỏi một cô biên tập khá xinh đẹp có làn da bánh mật tại sao mọi người lại mặc loại váy liền áo đẹp đẽ như thế để đi đào chiến hào.

Cô ta cười đáp, vì không ai có quần áo xấu hơn. Đời sống của số người này nằm trong thế giới của những người làm công tác biểu diễn, văn học và nghệ thuật. Tất cả số người này đều làm cho tôi rất có cảm tình. Giờ đây tất cả các cô gái xinh đẹp và có kiến thức kia đều cầm lấy cuốc chim, xẻng, ra sức đào xúc khối đất màu nâu rắn như đá, thỉnh thoảng mới nói dăm ba câu liên quan tới nghệ thuật. Họ đang cố gắng hoàn thành công việc theo đúng quy định.

Tôi được ghép vào đội cùng với cô biên tập có nước da bánh mật. Cô ta nói rằng ngày hôm qua chồng cô cùng người anh và đứa em trai đã ra mặt trận. Cô rất lo cho đứa em vì cậu ta rất yếu và còn non nớt quá, thật đúng là còn trẻ con. Chồng cô cũng hết sức khuyên nhủ chú ấy khoan đi, nhưng không sao khuyên nổi. Tôi kể cho cô ta nghe về tình hình của Xa-nhi-a. Chúng tôi lặng lẽ đào xúc một lúc lâu. Hai chúng tôi đặt chiếc cáng xuống chỗ sâu nhất của chiến hào, các cô gái khác xúc đất vào đấy, chúng tôi lại khiêng chiếc cáng lên, đổ đất xuống chân dốc. Tôi không nói cho cô ta biết rằng từ ngày nổ ra chiến tranh đến nay, tôi chưa hề nhận được bức thư nào của Xa-nhi-a. Hôm qua tôi có gọi điện thoại cho mẹ một phi công cùng đại đội với Xa-nhi-a. Bà bảo là bà vừa nhận được một bức thư từ Rư-bin-xcơ gửi tới. Hay là Xa-nhi-a cũng có mặt ở Rư-bin-xcơ? Chắc là ở đó đang tổ chức các đại đội bay. Nếu giả thuyết này là đúng thì tôi hoàn toàn có thể nêu tên một thành phố khác nữa trong lãnh thổ Liên Xô. Tôi không được quyền biết rõ anh ở đâu và tình hình của anh ra sao. Nếu anh đã hy sinh thì tôi cũng không biết rõ anh hy sinh vào lúc nào và anh đã hy sinh ra sao. Có thể nói lúc anh hy sinh là lúc tôi đang xem hát, hoặc lúc tôi đang ngủ, hoặc, lúc tôi đang trò chuyện với ai đó. Cũng giống như bây giờ đây, đội trưởng yêu

cầu chúng tôi phải làm việc hết sức, giữa lúc trong lòng đang nghĩ tới những chuyện khác, cô gái biên tập có nước da bánh mật chợt nhìn tôi và hai đứa cùng cười. Đây là một đề nghị rất hay - chúng ta cần phải suy nghĩ đến một việc gì đó.

Màn đêm loãng dần. Trong vừng ánh sáng màu chì lờ mờ, bất động giữa trời và đất của buổi ban mai, đột nhiên tỏa ra hơi thở mới mẻ của phút rạng đông. Những cơn gió lướt qua đồng ruộng, lay động đám cây che khuất các khẩu cao xạ như cũng tỏa ra một thứ mùi vị mới, khác hẳn đêm qua. Trên bầu trời của thành phố phía xa xa, hàng loạt quả khí cầu phòng không màu trắng được thả lên, trông như những con cá khổng lồ lẩn khuất trong ánh nắng mặt trời le lói của buổi sáng.

Làm mãi cho tới khi trời sáng, mọi người đều mệt nhoài, mặt mày tái nhợt, một cô gái mệt quá bị ốm, nhưng đội lao động của chúng tôi vẫn giành được năng suất cao nhất, vẫn kết thúc "bài học" của mình sớm hơn tất cả những đội khác. Tôi khát nước quá, một cô bạn mới dẫn tôi đi xếp hàng mua nước cờ-vát[1]. Quầy bán nước dựng lên cạnh một nhà thờ cũ đã bị bỏ hoang. Trong lúc chúng tôi đã xếp hàng chờ mua thì cô biên tập da bánh mật lại đến đề nghị tôi leo lên gác chuông nhà thờ.

Đây là một đề nghị dại dột, tôi đang mệt mỏi vô cùng tận, thế nhưng tôi lại đi nhận lời không cân nhắc.

Tôi đi dọc theo chiến hào, đến chỗ có dán tờ báo tường thì tìm ra đoạn của mình. Ở đây hiện nay đã có những người mới đến. Chẳng lẽ chúng tôi chỉ mới đào được một đoạn ngắn như thế này thôi ư? Chiến hào nối tiếp đoạn này với đoạn khác, kéo dài ra vô tận. Các cô các bà đứng trong chiến hào sâu ba mét để đào đất.

---

(1) Nước giải khát có men của người Nga. - ND.

Một bờ hào dựng đứng, còn bờ kia thì thoai thoải. Có người dùng cuốc kéo đất ra ngoài, có người dùng xe cải tiến để chở đất đi đổ ra xa. Nếu trước đây một tháng có ai đó nói với các cô gái rằng rồi đây họ sẽ phải rời bỏ gia đình, gác công tác sang một bên, đêm đêm kéo nhau ra ngoại ô, đến bên cánh đồng vắng để đào đất chữa hầm hào, đồn lũy... thì e rằng trong bọn họ chẳng có ai chịu nghe. Nhưng bây giờ họ đã thực sự đến đây lao động và chính mắt họ đã trông thấy con hào sâu rộng bao quanh thành phố như một cái dây lưng khổng lồ chỉ đứt đoạn ở những nơi có đường sắt đi qua, đến nay đã sắp hoàn thành.

Tôi thực không biết thuật lại như thế nào tâm tình của mình khi nhìn thấy cánh đồng bị xẻ nát này. Cánh đồng bị rất nhiều đường hầm lớn hình bán nguyệt chia cắt ra. Ánh mặt trời ảm đạm của Lê-nin-grát lười biếng chiếu xuống mặt đất. Tôi cảm thấy vô cùng hãi sợ vì dường như đang đứng trước một cơn bão tố không sao tránh được. Bên cạnh đó đồng thời trỗi dậy trong lòng tôi một thứ tình cảm dũng cảm trẻ trung và lạc quan.

Buổi trưa tôi về đến nhà. Vừa bước vào cửa đã gặp ngay bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na. Bà vui vẻ kể lại rằng vừa rồi chính mắt bà trông thấy một tên gián điệp bị bắt trên đại lộ Nép-xki.

- Một thằng béo mầm với bộ râu khá dài. Đúng là một thằng đặc vụ điển hình! - Bà vừa nói vừa nhổ nước bọt phù phù. - May mà Béc-ta chưa ở chung với tôi, nếu không thì bà ấy cũng đến phát điên lên vì sợ mất.

Bà Béc-ta là một phụ nữ rất nhút nhát.

Chúng tôi dừng lại giữa cầu thang gác thứ hai, bởi vì bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na bắt đầu miêu tả lại quá trình xảy ra câu chuyện này. Giữa lúc ấy có một anh bộ đội từ trên gác đi xuống, gót giày đóng đế sắt làm vang lên những tiếng kêu ồn ĩ. Khi còn

cách chúng tôi một quãng, anh ta cúi người nhìn xuống dưới cầu thang, tôi chợt nhận ra anh ta là Lu-ri.

Lu-ri là bạn cũ của Xa-nhi-a, làm nghề hoa tiêu máy bay. Trước đây hai người đã từng làm việc chung với nhau ở miền Bắc, về sau lại tách ra. Xa-nhi-a lúc nào cũng nói rằng nếu không có Lu-ri thì anh sẽ cảm thấy rất buồn. "Suốc-ca đến đây thì hay biết bao nhiêu!" - Trong thư gửi từ Tây Ban Nha về cho tôi anh đã viết như thế. Trước đây, Lu-ri thường xuyên đến chơi nhà tôi, anh là người rất hoạt bát vui tươi, bộ râu để dài nom giống như một người nước ngoài.

- Chị Ca-tê-ri-na I-va-nốp-na! - Anh ta hớn hở đưa tay lên tai chào tôi. - Tôi gõ cửa có đến nửa ngày, sau đó bấm chuông, cuối cùng không có cách nào khác, tôi đành nhét bức thư vào thùng thư.

- Thư của anh Xa-nhi-a có phải không?

- Chính thế!

Lu-ri cũng cúi chào bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na rất nhiệt tình.

Anh tỏ ý rất tiếc là chỉ có mười lăm phút ở lại. Khi có mặt anh tôi không đọc kỹ thư Xa-nhi-a mà chỉ nhìn lướt qua, những dòng cuối cùng của bức thư viết: "Nhất định chúng ta sẽ gặp lại nhau, nhưng không phải chỉ ngày một ngày hai".

- Anh từ đâu đến đây thế? Anh ở trong quân đội à? Anh ở Lê-nin-grát phải không? Xa-nhi-a bây giờ ở đâu, anh có biết không?

Lu-ri đã gia nhập bộ đội và đóng quân ở Lê-nin-grát. Anh trả lời hai vấn đề trên khá thoải mái. Tôi vẫn một mực hỏi dồn:

- Xa-nhi-a ở đâu?

Anh suy nghĩ một lúc rồi trả lời cho qua chuyện.

- Anh ấy ở lại trung đoàn.

- Hình như anh không muốn cho tôi biết Xa-nhi-a đang ở

đâu, phải không ạ? Thôi thì xin anh cho biết anh ấy có được khỏe không?

- Khoản ấy thì không chê vào đâu được, - anh ta cười nói.

Mặc dù Lu-ri nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng anh không có thời gian, chỉ có thể ở lại mười lăm phút, nhưng bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na vẫn kiên quyết đi đun cà phê. Lúc này chỉ còn lại anh với tôi, tôi mới moi được một ít tin tức từ miệng anh ta. Thì ra tại một nơi nào đó tôi không được biết, đang tổ chức một đoàn không quân đặc biệt. Các phi công được tuyển vào đoàn này là các phi công dân dụng đã bay từ một nghìn năm trăm đến hai nghìn giờ. Hiện nay họ đang được huấn luyện lái một loại máy bay mới.

Khi nghe đến mấy chữ "Trung đoàn phi công đặc biệt", người tôi lạnh toát. Song tôi không hỏi rõ nhiệm vụ của đoàn phi công đặc biệt ấy, vì biết rằng dẫu có hỏi, Lu-ri cũng sẽ không trả lời. Tôi chỉ hỏi một câu rằng Xa-nhi-a có phải học tập lâu lắm không? Lu-ri lại suy nghĩ một lúc mới trả lời là không lâu. Trong giọng nói của anh, lộ rõ vẻ ngần ngại.

Tôi viết vội mấy chữ gửi cho Xa-nhi-a. Khi Lu-ri vừa bước ra cửa thì gặp lúc bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na đi vào. Anh đành phải hứa rằng "nếu sau này có thể" thì sẽ rẽ vào chơi. Chúng tôi dừng lại bên cửa đến mấy phút và khi chia tay nhau chúng tôi đã ôm nhau hôn thắm thiết...

Xa-nhi-a viết bức thư này rất lâm ly. Mặc dù bức thư lâm ly như vậy nhưng cũng chỉ có mình tôi là đoán được ra điều đó.

Xa-nhi-a hỏi thăm hai bố con Pê-chi-a, dặn chúng tôi đưa ngay cháu ra khỏi thành phố Lê-nin-grát.

"Sơ tán về En-xcơ với ông bà thì tốt biết bao nhiêu!" Viết đến

đây anh lại tỏ ý lo lắng thay cho ông chú Chánh án và dì Đa-sa. Từ một câu viết có vẻ rất thận trọng của anh có thể hiểu được rằng, tuy En-xcơ cách khá xa mặt trận nhưng đã bị máy bay giặc đến oanh tạc. Nói chung thì Xa-nhi-a biết trước là tình hình không được tốt lắm nên mới viết câu: "Nhất định chúng ta sẽ gặp lại nhau, nhưng không phải chỉ trong ngày một ngày hai".

Đúng thế, sẽ không thể nhanh chóng được. Những ngày gian khổ đã bắt đầu đến. Tôi đi đi lại lại luôn chân trong phòng ngủ. Khi tôi bước ra phía cửa sổ, có một nửa tấm ván lót hình ô vuông bị che tối. Khi tôi quay trở lại, nửa kia lại bị tối. Tôi cố chỉ giẫm lên trên những ô vuông bị che tối này mà bước.

Trung đoàn phi công đặc biệt - "việc này có ý nghĩa gì nhỉ? Có đáng sợ không nhỉ? Tôi miên man suy nghĩ trong bụng như thế. Thế nhưng khi tôi nói to ý nghĩ ấy lên, thì trong lòng rất đau đớn. "Chẳng phải lần trước anh ấy đi Tây Ban Nha, cuối cùng cũng an toàn trở về đấy sao. Dù thế nào cũng phải viết nhiều thư, bảo anh ấy biết rằng mình vẫn rất tin yêu anh ấy".

Đến lúc này tôi mới cảm thấy mệt mỏi quá chừng. Tôi nằm xuống và khép hai mắt lại, lập tức bao nhiêu hình ảnh hiện lên: các cô gái khiêng những chiếc cáng đất sét rắn như đá, nặng trịch; hàng đoàn xe cải tiến chạy chậm rãi trên ván lót, ánh mặt trời le lói trên khung cửa sổ sơn màu nâu sẫm.

Về sau, không biết từ đâu rọi đến những luồng ánh sáng ấm áp, tiếp nối theo đêm trắng. Tất cả mọi vật đều dần dần biến thành màu bạc. Lúc này tôi cảm thấy mình buồn ngủ vô cùng. Mọi thứ đều tốt, đều hay, chỉ có điều khổ là phải nghe những tiếng hát kéo dài liên miên từ căn phòng bên cạnh lọt sang...

- Ca-chi-a, báo động!

Bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na lắc mạnh vai tôi.

- Dậy nhanh lên, báo động rồi!

... Cuối tháng bảy, tôi chợt gặp chị Va-li-a Trô-phi-mô-va trên đại lộ Nép-xki. Chồng chị cũng là phi công trong trung đoàn đặc biệt và là Anh hùng Liên Xô. Xa-nhi-a cũng đang ở trong trung đoàn này. Trước đây tôi đã từng cùng đi với chị Va-ri-a này đến Xa-ra-tốp để thăm chồng. Còn nhớ, hồi ấy khi biết chị là một bác sĩ nha khoa, tôi hết sức ngạc nhiên.

Chị là một người đàn bà kiên cường, dáng người cao lớn, sắc mặt đỏ hồng, bước đi vững chắc. Mỗi khi chị cười rộ lên lại lộ ra hai hàm răng đều đặn, đẹp đẽ, khiến tôi bất giác nhớ đến Ki-ra.

- Gri-sa của mình đang oanh tạc Béc-lanh đấy, Ca-chi-a có đọc báo không? - Chị thở dài nói.

Chúng tôi nói chuyện với nhau khá lâu, chị khuyên tôi hãy xin vào công tác tại bệnh viện thực hành Răng Hàm Mặt thuộc Học viện Quân y.

Thấy tôi suy nghĩ, chị Va-ri-a liền nói: "Trước hết hãy xét xem công tác này như thế nào đã", nếu không thì sẽ như một bà trước đây cũng được chị giới thiệu "chỉ làm việc được vài ngày là bỏ đi vì bà ấy không thích các mùi vị ở trong bệnh viện".

Va-ri-a rất ghét "các hạng bà", ngay trong chuyến đi Xa-ra-tốp cùng với chị trước đây, tôi đã nhận ra đặc điểm ấy của chị.

Quả là cái mùi vị của bệnh viện rất khó chịu. Khi tôi vừa bước vào dãy hành lang hai bên toàn là những phòng bệnh nhân, tôi liền cảm thấy ngay điều đó. Cái mùi ấy khiến tôi lập tức buồn nôn. Trong lúc chị Va-ri-a giới thiệu tôi với các chị y tá, với bác sĩ phòng điện quang, với bà vợ của bác sĩ trưởng cùng những người khác thì tôi chỉ chực nôn thốc ra.

Ở đây toàn là những bệnh nhân bị thương ở mặt. Sau khi tôi

đến một lúc liền thấy đưa đến một thanh niên bị mìn làm cho nát cả mặt.

Sau hai ba ngày đầu làm việc, tôi học được cách chăm sóc loại bệnh nhân này. Cần phải luôn luôn củng cố lòng tin cho họ, khuyên họ chớ suy nghĩ buồn phiền. Dẫu có vết sẹo thì cũng chẳng có gì là ghê gớm, chỉ cần chịu đựng một thời gian vết sẹo sẽ mất dần. Sau này tôi chuyển sang công tác tại một bệnh viện ngoại khoa dã chiến. Ở đây không tồn tại cái tâm lý u uất trên kia mà mọi người chỉ lo lắng một điều là sẽ bị tàn phế...

Có khi chúng tôi phải dùng câu "sau này sẽ mất hết vết tích" để an ủi họ. Từ trước tôi chưa bao giờ nghĩ rằng có người sẽ phải làm mũi mới, hoặc phải ghép da lên mặt. Có những thương binh lúc đến bệnh viện bị băng bó trông rất dễ sợ, nhưng sau hai ba tháng điều trị, khi anh ta xuất viện trở về đơn vị, những vết thương tưởng chừng sẽ làm anh ta đau khổ suốt đời đã biến mất.

Trong thời gian công tác tại bệnh viện Răng Hàm Mặt, nhất là trong thời gian đầu, tôi gặp rất nhiều khó khăn. Nhưng chính vì công tác trong điều kiện khó khăn như thế, nói mỗi câu mỗi chữ đều phải đắn đo suy nghĩ, nên tôi lại cảm thấy rất thích thú.

Đơn vị của Pê-chi-a đóng trên phố Đại học bờ sông. Sau khi tiễn con đi rồi, anh liền ghi tên tham gia vào đội tự vệ thành. Hễ lúc nào rỗi rãi là tôi chạy lại thăm Pê-chi-a. Chúng tôi hoặc ngồi trên đống gỗ tròn cạnh tường nhà hoặc đi bách bộ từ Học viện Ngôn ngữ đến chân tượng mặt người thân sư tử. Tất cả những kỷ niệm có tính chất văn hóa đều đã được đưa đi giấu hoặc được vùi dưới nhiều lớp bao cát. Thế mà không biết vì sao những tượng mặt người thân sư tử quí giá này lại vẫn còn trơ trơ ở đây như hồi còn hòa bình trước ngày hai hai tháng Sáu năm 1941. Chúng

nằm phục trên bờ sông Nê-va nhìn thế sự xoay vần. Chúng mở to hai mắt, giương móng vuốt ra ngoài. Khi nhìn kỹ pho tượng, sắc mặt Pê-chi-a phút chốc bỗng trở nên hết sức dịu dàng, tuồng như mải theo đuổi những suy tư riêng.

- Nặn được một chiếc vuốt như thế này có chết cũng không tiếc, - có một lần Pê-chi-a nói với tôi như thế, sau đó anh ta thao thao bất tuyệt giải thích cho tôi hiểu rằng tại sao nói chiếc vuốt này là một tuyệt tác.

Tôi và Rô-da-li-a Na-u-mốp-na đem tất cả quần áo lót của Pê-chi-a ra khâu lại, nhưng anh chẳng lấy cái nào cả, mặc dù những quần áo lót mà anh lĩnh ở tiểu đoàn xấu hơn rất nhiều. Xem ra anh ta rất mong muốn được sớm trở thành một chiến sĩ thực thụ.

## Chương 5

# Anh em

Ngày hôm qua tôi đến thăm Pê-chi-a, anh ta chẳng nói năng gì cả, rõ ràng là anh ta đã nhận được lệnh hồi đêm. Tôi đang trực ban. Rô-da-li-a Na-u-mốp-na gọi tôi ra khỏi phòng báo cho biết là Pê-chi-a vừa gọi điện thoại về nhà, nhắn tôi phải đến ngay trước buổi trưa. Giờ trực ban của tôi phải đến buổi trưa mới hết, nhưng tôi đã xin được phép và chị Va-ri-a Trô-phi-mô-va đã trực giúp thay tôi. Chưa đến mười giờ tôi đã có mặt ở trước cửa Học viện Ngôn ngữ. Một chiến sĩ quen biết trong tiểu đoàn của Pê-chi-a thoáng hiện ra ở cửa sổ, tôi gọi anh lại.

- Chị muốn gặp Xcô-vô-rốt-ni-cốp phải không? Tôi sẽ giúp chị ngay...

Pê-chi-a lật đật từ trong cổng đi ra. Chúng tôi chào hỏi nhau rồi cùng đi dọc theo phố bờ sông đến bức tượng mặt người thân sư tử.

- Chị Ca-chi-a, hôm nay chúng tôi đi rồi, - anh nói. - Tôi rất phấn khởi khi biết tin này.

Anh im lặng một lúc lâu. Anh đang xúc động.

- Thực chẳng ai ngờ tới. Đáng lẽ trong những ngày này chúng

tôi sẽ phải tổ chức một cuộc hành quân luyện tập, nhưng xem chừng tình hình bây giờ đã thay đổi rồi.

Tôi gật đầu. Trong những ngày gần đây có nhiều thương binh không ngừng được đưa từ Lu-ga đến, vì thế không khó đoán ra rằng tình hình có nhiều thay đổi.

- Tôi đã viết xong thư gửi đi các nơi, - Pê-chi-a tiếp tục nói và bắt đầu lục sắc-cốt. - Tôi muốn nhờ chị... Riêng lá thư này đừng gửi đi.

Anh ta lấy trong sắc-cốt ra một phong bì không dán và không ghi chữ ở ngoài đưa cho tôi.

- Lá thư này tôi để lại cho cháu Pê-chi-a. Nhờ chị sau này đưa cho cháu, nếu như tôi...

Anh định nói đến hai chữ "hy sinh". đôi môi anh đã làm động tác để thốt ra hai chữ ấy, nhưng đột nhiên anh lại nở một nụ cười rất ngây thơ.

- Tất nhiên là không phải nhờ chị đưa ngay bây giờ mà phải chờ đến khoảng mười năm sau.

- Với Xa-nhi-a không bao giờ anh ấy viết loại thư như thế này.

- Vì anh ấy đã có con đâu.

Hình như các cơ trên mặt tôi thoáng bị co lại. Pê-chi-a giật mình lo lắng, ngỡ câu nói của mình đã làm tôi đau lòng. Chúng tôi cùng dừng bước, Pê-chi-a nắm chặt lấy bàn tay tôi.

- Hiện nay anh Xa-nhi-a thế nào? Anh ấy ở đâu?

- Tôi không biết tin tức gì cả.

- Tôi có gửi thư cho anh ấy qua trạm quân bưu dã chiến, nhưng mãi vẫn không nhận được thư trả lời. Nhưng dẫu sao anh ấy cũng sống rất đàng hoàng, chẳng có gì đáng lo ngại cả.

- Sao anh lại khẳng định như thế?

Anh ta im lặng.

- Tôi tin tưởng như vậy. Sẽ chẳng có gì xảy ra đâu. Chị có nhớ câu anh ấy nói: "Ở trên trời thì tôi không lo, nhưng khi ở dưới mặt đất tôi không dám chắc như thế" không?

Quả là Xa-nhi-a có nói một câu như thế thực. Nhưng đó là việc xảy ra đã lâu, nay lại là thời chiến, câu ấy đã trở nên không có ý nghĩa thực tế nữa.

- Còn lá thư này tôi gửi cho ông cụ nhà tôi, - Pê-chi-a rút ra lá thứ thứ hai. - Nhờ chị chuyển giúp, nếu như ông cụ còn sống. Đấy chị xem tôi chỉ toàn viết một loại thư như thế, thực là không có cách nào gửi đi được qua đường bưu điện, - anh ta nói thêm giọng cay đắng. - Tôi cũng đã thương lượng xong, người ta đã nhận đưa những tác phẩm của tôi vào Viện bảo tàng Nga.

Tôi vỗ hai tay vào nhau tỏ ý sốt ruột.

- Không, đấy chỉ là phòng xa thôi, - Pê-chi-a vội vàng thanh minh, - không phải vì có thể bị hy sinh, mà nói chung nên phòng trước. Cả Cô-xtô-skin, cả Líp-sít, cả Na-da-rốp cũng đều làm như thế hết.

Những người Pê-chi-a nhắc đến tên đều là họa sĩ.

- Việc gì rồi cũng có thể xảy ra... Nhưng chưa chắc là bản thân tôi phải chịu những biến cố đó, cái đó có trời mà biết được, - anh ta nói vẻ sốt ruột. - Hay là chị cho rằng kẻ thù chỉ oanh tạc Mát-xcơ-va, còn Lê-nin-grát thì sẽ không đụng đến?

Tôi chưa bao giờ suy nghĩ như thế. Nhưng tôi nghĩ rằng anh ta sắp xếp mọi việc của bản thân như thế thì tự trong thâm tâm chắc là anh ta chẳng hy vọng có ngày trở về.

- Hình như chúng ta còn cho rằng mình là một việc, mà chiến

tranh là một việc khác, - giọng anh ta nặng nề vẻ suy tư. - Nhưng trong thực tế...

Cuối cùng anh ta cởi đồng hồ trao cho tôi. Đến hành động này thì tôi phát cáu lên. Tôi mắng anh ta một trận nên thân, mắng đến nỗi anh ta phải bật cười và cất đồng hồ vào túi.

- Chị kỳ lắm, tôi vừa mới được lĩnh một chiếc đồng hồ có kim chỉ nam mới tinh, - anh ta nói. - Này chị Ca-chi-a, chị có biết tôi bây giờ là cấp gì không? Đường đường là một thiếu úy rồi đấy, chị chớ có trêu vào.

Anh ta nhập ngũ mới vẻn vẹn có một tháng, tôi thực không hiểu nổi anh ta đã được thăng cấp thiếu úy lúc nào. Nhưng theo lời anh ta kể thì trong thời gian học ở viện, anh ta đã được huấn luyện sĩ quan dự bị trong một thời gian ngắn.

Chúng tôi đến bên bức tượng mặt người thân sư tử và rồi như thường lệ, cả hai cùng dừng lại cạnh dãy lan can sắt bị gãy mất mấy thanh ngang. Pê-chi-a ngước nhìn bức tượng và thở dài. Có phải anh ta muốn nhìn để từ biệt bức tượng không? Anh ta vốn người đã cao to, bây giờ đứng thẳng, đầu ngẩng lên nên càng lồ lộ một thân hình to lớn. Sau này có một lần tiểu đoàn trưởng của anh nói với tôi rằng “Pê-chi-a rất coi thường cái chết”. Đúng là cái hôm chia tay Pê-chi-a trước bức tượng mặt người thân sư tử ấy, tôi đã cảm thấy rõ rệt niềm kiêu hãnh cùng sự khinh thường cái chết của anh.

Mặc dầu Pê-chi-a biết rõ rằng lâu nay tôi coi sóc cháu như con đẻ của mình, nhưng trong giờ phút này cũng nên chính thức nói với anh đôi lời về vấn đề này. Trong phút chia tay, cần phải nói hết toàn bộ những ý nghĩ của mình, tôi cũng biết là phải làm như thế, nhưng chẳng hiểu sao lúc đó tôi chẳng nói được gì với

anh ta cả. Mãi sau này khi đã trở về đến nhà tôi mới cảm thấy ân hận vô cùng.

Pê-chi-a lại cầm lấy tay tôi và hôn nhẹ lên đó... Chúng tôi ôm nhau và giọng anh khe khẽ vang lên:

- Chị...

Tôi tiễn anh đến trước cửa Học viện Ngôn ngữ. Tuy qua một đêm không ngủ, tôi thấy trong người rất mệt, nhưng tôi vẫn cố đi về phố Pê-trô-grát-xcai-a.

Hôm ấy trời rất oi bức. Lớp nhựa đường mới rải trên đoạn đường gần Rô-xtơ-ran-nai-a Cô-lon-na đã bị chảy ra và hễ giẫm lên là bị lún xuống. Từ trên một chiếc xà-lan chở hàng đậu gần cầu Biếc-gie-vưi thoảng đưa lại mùi hắc ín nhẹ nhõm. Dòng sông Nê-va mênh mông hùng vĩ dường như không phải cuộn chảy mà là đương náo nức ca khúc khải hoàn tiến lên. Chính ngay đoạn sông đẹp đẽ nhất đã tách ra thành hai nhánh Nê-va cũng đẹp đẽ và hùng vĩ như đoạn sông chính. Nghĩ cũng thực là lạ, ngay trong lúc này, ở một nơi cách đây mấy trăm cây số lại có thể có một lũ lính Đức, mồ hôi mồ kê nhễ nhại đương cố dùng sức mạnh dã man của chúng để tiến về phía có những ngôi nhà nguy nga đồ sộ đây của chúng ta, tiến về phía có dòng sông Nê-va đang chìm đắm trong bầu không khí tưng bừng như ngày hội của mùa hè và những vườn hoa xanh tươi mới được sửa sang lại ở giữa trung tâm thành phố giữa cầu Biếc-gie-vưi và Đơ-vo-xô-vưi.

Nhưng giờ đây xung quanh hãy còn tạm thời yên tĩnh, chìm lắng, một toán trẻ con nô đùa thoải mái trong vườn hoa. Một ông già gác cửa cầm chiếc dây xích trên tay, vừa đi vừa thỉnh thoảng cúi cuống nhặt những mảnh giấy vụn bị các em vứt tung trên con đường hẻm đi vào vườn hoa.

## Chương 6

# Bây giờ chúng ta đều bình đẳng

Cũng như trước kia tôi đã nhớ tất cả những lần gặp mặt Xa-nhi-a, giờ đây hình như tôi cũng nhớ mãi từng ngày tháng tôi nhận được thư của anh gửi đến. Tỉ dụ như nếu không tính mảnh giấy nhỏ anh viết để lại gọi tôi là "Pi-ra Pô-lây-kin", thì bức thư thứ hai tôi nhận được của anh là vào ngày mồng bẩy tháng Tám. Một thời gian dài về sau tôi thường nằm chiêm bao thấy ngày hôm ấy và không hiểu bởi cớ gì toàn thấy những cảnh rùng rợn lo âu, đến nỗi tôi đâm ra cáu bẳn với ngay bản thân mình.

Tông không ngủ lại bệnh viện mà hôm nào cũng về nhà. Vì nhà có một mình nên sáng nào tôi cũng dậy sớm và đi gọi bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na. Tôi gặp bà ở giữa sân, có ba chú bé đang đứng trước mặt bà và bà đang dạy chúng cách pha chất màu.

- Đậm quá hoặc loãng quá cũng đều không tốt, - bà nói. - Tấm bảng đâu rồi? Vô-rô-bi-ốp, không được nghịch kìa. Hãy thử vẽ lên bảng xem nào. Cứ lần lượt từng đứa một.

Theo quán tính bà nói với tôi cũng bằng cái giọng nghề nghiệp như vậy:

- Việc sơn màu lên các bộ phận phía trên của các vật kiến trúc là một phương pháp phòng hỏa tốt. Nó sẽ trở thành những nguyên liệu chịu lửa. Tôi đang dạy các em cách sơn.

- Chị Rô-da-li-a Na-u-mốp-na, - tôi rụt rè hỏi. - Chị chưa về nhà ngay bây giờ à? Lát nữa sẽ có người gọi điện thoại cho tôi đấy.

Tôi đang chờ điện thoại từ Viện bảo tàng Nga gọi đến. Tác phẩm của Pê-chi-a đã gói kỹ mà chẳng hiểu vì sao mãi vẫn không thấy họ cử người đến nhận.

- Một tiếng đồng hồ nữa tôi sẽ về. Bây giờ tôi phải dẫn các cháu lên gác, chia việc cho chúng xong tôi mới rảnh được. Ca-chi-a, cô xem đấy, tôi có vất vả không nào! - Bà khoát tay nói giọng hấp tấp. - Cô có thư đấy, một bức. Tay tôi bây giờ đầy cả nước màu, cô lấy hộ tôi vậy.

Tôi thọc tay vào túi áo bà lấy ra một phong thư của Xa-nhi-a vừa gửi tới.

Như mọi lần, thoạt tiên tôi đọc lướt qua một lượt từ đầu đến cuối bức thư, để nhanh chóng xem Xa-nhi-a có bị chuyện gì không, rồi sau đó thong thả xem lại, đọc kỹ từng chữ một.

"Em còn nhớ Gri-sa Trô-phi-mốp không? Trong những dòng ở cuối thư, anh viết. - Cậu ấy đã từng cùng anh phun màu xanh Pa-ri xuống mặt hồ. Hôm qua bọn anh đã làm lễ an táng cậu ấy".

Khi tôi đến Xa-ra-tốp, Gri-sa Trô-phi-mốp đã đi không còn ở đó nữa, nên tôi không nhớ rõ anh, càng không biết hiện nay anh ấy cùng phục vụ trong cùng một đoàn với Xa-nhi-a. Nhưng hình ảnh của Va-ri-a bất hạnh liền hiện lên trong ký ức của tôi. Bức thư trong tay tôi tuột khỏi tay rơi xuống đất.

... Đã đến giờ phải đến bệnh viện, nhưng tôi cứ lê bước đi về

nhà, hoàn toàn quên rằng đã giao chìa khóa cửa cho bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na. Tôi gặp bà "bảo mẫu khoa học" ngay trên cầu thang, bà ta lập tức túm lấy tôi kêu khổ là mãi vẫn không tìm được việc làm. Vì "lương thực thiếu" nên không ai chịu nhận bà vào làm cả. Tôi nghe bà nói, nghĩ bụng: "Va-ri-a ơi, chị thật đáng thương!"

Trên đường đi đến bệnh viện, tôi lấy thư ra đọc lại một lần nữa. Đột nhiên tôi nhớ ra rằng từ trước đến nay chưa bao giờ Xa-nhi-a viết cho tôi những bức thư loại như thế này. Còn nhớ có một lần ở Cri-mê, khi về mặt anh tái nhợt và có vẻ mệt mỏi. Anh nói vì phải chịu nóng suốt ngày nên đầu rất đau. Ngày hôm sau chị vợ của một phi công hoa tiêu bảo với tôi rằng máy bay của họ bị cháy trong không trung và hai người đã cố lái để hạ cánh an toàn chiếc máy bay chở đầy bom ấy. Tôi liền chạy đi hỏi Xa-nhi-a, anh cười đáp:

- Em nằm mê đấy à?

Xa-nhi-a rất yêu tôi. Anh cố hết sức tránh không để tôi phải gánh lấy cái gánh nặng nguy hiểm trong nghề nghiệp của mình một cách có ý thức. Nay anh đột nhiên nói đến sự hy sinh của bạn anh một cách tỉ mỉ và bình tĩnh đến như thế, ngay đến cả ngôi mộ của Tri-phi-mốp cũng được anh tả rất kỹ. Xa-nhi-a mà cũng đi làm cái việc như thế!

"Bọn anh đem xếp những quả đạn pháo không nổ vào giữa, chung quanh chất đầy những cánh bom trông tựa như một đóa hoa làm bằng sắt".

Tôi không biết nghĩ như thế có quá phức tạp không, đã có lần bác I-van Páp-vơ-lứt nói rằng tôi đánh giá Xa-nhi-a quá phức tạp, nói như thế không phải là không có cơ sở. Trong bức thư này không thấy nói rõ, nhưng sau khi đọc xong thì tôi hiểu ý anh

muốn nói là: "bây giờ chúng ta bình đẳng rồi". "Em phải chuẩn bị để đón hết mọi thứ, từ nay về sau anh sẽ không giấu giếm em bất cứ việc gì".

Tủ treo áo bơ-lu để ở khoa "Răng Hàm Mặt", tôi mặc vội chiếc áo rồi vượt qua khoảng sân trống để vào nhà bệnh viện. Chưa bước vào tới phòng của mình, tôi liền nghe thấy tiếng nói của Va-ri-a.

- Nếu bệnh nhân không biết thì chúng ta phải làm thôi, - chị ta nói giọng giận dữ.

Chị đang gắt một cô y tá vì cô ấy chưa rửa mồm cho bệnh nhân bằng nước ô-xy già. Giọng nói của chị vẫn kiên quyết và bình thản như ngày hôm qua, hôm kia. Chị vẫn kiên cường, cương trực và có pha mấy phần nam giới. Chị vừa phân phối công việc vừa bước ra ngoài. Tôi nháy mắt chào chị. Chị vẫn là Va-ri-a xưa nay của chúng tôi. Chị còn là người rất vô tư, đối với chị, việc gì cũng chưa xảy ra cả!

Tôi đi qua phòng làm việc của Va-ri-a, mắt không dám ngẩng ngước lên, tựa như tôi có tội với chị vậy. Tôi đã phạm sai lầm gì đối với chị, bản thân tôi cũng không biết nữa.

Ngày hôm ấy đi qua rất chậm. Thương binh được liên tiếp đưa đến, cuối cùng trong các phòng bệnh nhân hết cả chỗ nằm. Y tá trưởng cử tôi đi xin ý kiến bác sĩ trưởng xem có xếp thêm một số giường ở ngoài hành lang được không.

Tôi gõ cửa buồng làm việc, lúc đầu gõ nhẹ, sau gõ mạnh dần. Không có ai trả lời. Tôi đẩy hé cửa, nhìn thấy Va-ri-a ở trong phòng.

Bác sĩ trưởng không có nhà, hình như chị ấy cũng đang tìm bác sĩ. Chị đứng lom khom phía trước cửa sổ, lấy ngón tay lau đi

lau lại rất mạnh và đều đều vào tấm kính. Chị không quay người lại, có lẽ chị không nghe bước chân của tôi đi vào và cũng không nhìn thấy tôi đứng ở ngay cửa. Chị bước dọc theo cửa sổ và mấy lần chị va mạnh đầu vào tường.

Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy có người húc đầu vào tường như thế. Chị không đập trán vào tường mà đập hai bên đầu vào tường, có lẽ để cho đau hơn. Chị không khóc, trên bộ mặt đờ đẫn của chị lộ rõ vẻ nghiêm túc đặc biệt. Đầu chị rung lên và đột nhiên hai vai rũ xuống, mặt chị áp sát vào tường...

Thế là chị đã biết tin rồi. Trong cái ngày mệt mỏi và đầy đau buồn này, vì nhân viên công tác không đủ, một số trường hợp phẫu thuật chưa gấp lắm bắt buộc phải hoãn lại. Trong lúc mọi người vô cùng lo lắng vì không có chỗ cho bệnh nhân nằm thì Va-ri-a vẫn làm việc rất hăng hái như chẳng có việc gì xảy ra cả. Chị dạy một người bị thụt lưỡi ở buồng số Một nói chuyện. Chính giữa lúc này chị đã biết được tin. Bởi chuyện khoai tây chưa được gọt sạch và ống nước bị tắc mà bác cấp dưỡng bị chị phê bình rất găng. Lúc này chị đã biết tin rồi, tất cả các phòng bệnh đều có thể nghe rõ giọng nói cáu giận nhưng rất tự tin của chị. Nhưng không có một người nào trên thế giới này có thể đoán biết được rằng chị đã biết được tin gì.

## Chương 7

# Gửi "Ê-ca-tê-ri-na I-va-nốp-na Ta-ta-ri-nô-va Gri-gô-ri-e-va"

Số lần tôi ngủ lại bệnh viện càng về sau càng nhiều, có khi ở lại một mạch đến hai ba ngày liền và sau cùng tôi ở lại hẳn đấy, chỉ về nhà khi nào bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na yêu cầu tôi phải về mà thôi.

- Cô không ở nhà, tôi buồn không thể nào chịu được, Ca-chi-a ạ, - bà nói.

"Buồn không thể chịu được", câu nói này có nghĩa là bà không biết cách đối phó với bà Béc-ta như thế nào. Vì bà này càng ngày càng tỏ ra nhát gan. càng ít muốn nói năng trò chuyện. Bà không đi làm, suốt ngày nằm trên chiếc ghế đi-văng trong nhà và hầu như là đã tuyệt thực hoàn toàn.

Hoàn cảnh của bà ta rất gay go nên tôi có khuyên bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na hãy đưa bà ta ra ngay khỏi Lê-nin-grát. Nhưng Rô-da-li-a Na-u-mốp-na không yên tâm để bà đi một mình và cũng không muốn chính mình đi theo.

... Trong phòng yên tĩnh khác thường. Ánh mặt trời chiếu xuyên qua khe cánh cửa sổ hé mở. Từng luồng ánh sáng rọi chiếu lên các thứ đồ đạc trong nhà và sàn nhà. Tôi ngồi len vào sát bà Béc-ta và bắt đầu suy nghĩ, sau đó bừng tỉnh dậy từ sau những suy nghĩ đau buồn, chúng như muốn kéo tôi ra khỏi căn buồng này. Trong buồng bày biện khá nhiều dụng cụ gia đình, một bà già người gầy yếu mặc bộ quần áo ngủ sạch sẽ đương chăm chú cất giấy lau bát đĩa, đây là việc mà gần đây bà rất thích làm.

- Bà cứ như thế này mãi khéo không sẽ bị bệnh thần kinh mất.

Tôi buột miệng nói câu này ra, bà Béc-ta liền đặt thếp giấy lau bát đĩa trên tay xuống, ngơ ngác nhìn tôi.

- Ca-chi-a, có người đang chờ cô đấy, - bà ngừng lại một lúc rồi nói.

- Ai thế ạ?

- Nào tôi có biết!

Tôi vội vàng chạy về phòng riêng của mình. Một ông già lạ mặt đang nằm ngủ ngay trong phòng, hai tay đặt trên bụng.

Tôi nhón gót chân bước trở ra, quay ra chỗ bà Béc-ta.

- Ông ấy bảo bà là quen cháu không ạ?

- Rô-da-li-a Na-u-mốp-na có nói chuyện với ông ấy, chứ tôi không biết. Có việc gì vậy?

- Không có gì đâu ạ, chỉ có điều là từ thuở bé đến giờ đây là lần đầu tiên cháu trông thấy ông già này.

- Cô nói cái gì vậy? - bà Béc-ta hoảng hốt kêu lên. - Ông ấy nói rằng là người quen của cô kia mà!

Tôi khuyên bà yên tâm. Song thực sự là từ xưa đến nay tôi không có một người quen nào có dáng cao lớn, rậm râu và đeo

kính kẹp mũi như thế kia. Tôi cảm thấy nực cười. Làm sao lại có thể có một việc lạ lùng như thế này được nhỉ? Quân phục và mặt nạ của ông khách được treo trên lưng ghế. Ông ta có vẻ là một lính thủy.

Cuối cùng ông khách đã tỉnh giấc. Ông ta vừa ngáp dài vừa ngồi bật dậy, ông ta mò mẫm xung quanh để tìm chiếc kính cận. Tôi ho lên một tiếng khiến ông giật nảy người.

- Chị là Ê-ca-tê-ri-na I-va-nốp-na có phải không?

- Vâng ạ.

- Chị Ca-chi-a này, - ông ta nói giọng từ tốn. - Thực chẳng còn hiểu ra làm sao nữa, tôi vừa vào đến nơi là ngủ say.

Tôi mở to hai mắt nhìn ông ta.

- Cố nhiên là cô rất khó nhận ra tôi. Nhưng đối với Xa-nhi-a của cô là chỗ quen thuộc cũ... Trời, đã bao nhiêu năm rồi nhỉ?

Ông ta lẩm bẩm tính.

- Hai mươi nhăm năm rồi còn gì. Trời, hai mươi nhăm năm ròng, không hơn không kém.

- Bác I-van I-va-nứt có phải không ạ?

- Chính tôi đây.

Đó chính là bác sĩ I-van I-va-nứt. Tôi đã nghe Xa-nhi-a nhắc đến tên bác có đến hàng nghìn lần. Bác là người dạy Xa-nhi-a nói những tiếng đầu tiên rất buồn cười: "A-bram, gà, hòm". Bác đã từng cùng Xa-nhi-a đáp máy bay đến Vô-nô-can, giữa đường gặp bão tuyết kéo dài ròng rã ba ngày ba đêm. Hai người không có cách nào khác ngoài cách ngồi chờ chết, nếu không nhờ nghị lực đặc biệt kiên cường của bác sĩ thì chắc chắn tai nạn đã xảy ra rồi. Tôi có cảm giác rằng mỗi khi kể về bác sĩ, giọng nói và cử chỉ của anh đều trở nên rất ngây thơ, bé bỏng. Anh có vẻ như kể một

mẩu chuyện thần thoại lạ lùng. Quả thật, nom ông rất giống bác sĩ Ai-bô-lít, có một bộ mặt đỏ hồng đầy vết nhăn, một chiếc mũi to cùng chiếc kính kẹp mũi, một đôi tay thô dài và khi ông nói, có vẻ như muốn ném một vật gì đó vào mặt người nghe.

- Cháu đang vắt óc để nhớ lại xem bác là ai. Xin bác sĩ cho biết là bác từ đâu đến, có phải từ xa không?

- Không, không xa lắm đâu. Tôi ở vĩ độ 69.

- Bác ở trong hải quân phải không?

- Tôi là người lính thủy Hồng hải, vừa xinh đẹp vừa trẻ trung[1], - bác sĩ nói. - Tôi sẽ kể cho cô nghe tất cả ngay bây giờ. Hãy cho tôi một cốc nước chè đã chứ!

Ông ta ghé bộ mặt đầy râu lại hôn lên mặt tôi. Tôi chạy đi đun nước chè rồi trở lại nói với ông rằng cho đến bây giờ Xa-nhi-a vẫn đem theo mình chiếc ống nghe bằng gỗ mà hồi xưa ông đã bỏ quên trong một ngôi nhà nhỏ hầu như đã bị tuyết lấp kín ở một làng quê hẻo lánh ở En-xcơ.

Ông cười vang lên. Mấy phút sau chúng tôi ngồi cạnh nhau và bắt đầu nói chuyện, thân mật như đã từng quen biết nhau cách đây hàng nghìn năm. Sự thực cũng đúng như thế, tuy không lâu đến hàng nghìn năm song cũng đã từ lâu lắm, tôi như đã quen biết ông ngay sau lần đầu tiên Xa-nhi-a nói về ông.

Việc bác sĩ ra phục vụ ở hạm đội là việc mới xảy ra đây, từ sau ngày nổ ra chiến tranh. Đó là ý nguyện của bác sĩ. Mặc cho khu tự trị của dân tộc Nê-nét không đồng ý, một cán bộ tên là Lét-cốp nói chuyện với ông suốt một buổi tối, khuyên ông hãy lưu lại vì tuổi già. Nhưng ông vẫn nhất quyết giữ ý kiến của

(1) Lời một bài hát được lưu truyền rất rộng rãi trong Hải quân Liên Xô. - ND

mình. Con trai bác sĩ tên là Vô-lô-đi-a hiện đang tham gia chiến đấu trong các đơn vị ở mặt trận Lê-nin-grát. Bác sĩ cho rằng cần phải trực tiếp tham gia chiến đấu chứ không nên ngồi lại ở một nơi cách mặt trận hàng mười vạn tám ngàn dặm. Sau đó ít lâu ông được điều đến công tác tại các đơn vị tàu ngầm ở thành phố Bắc cực. Đây là thành phố Pô-li-a-rơ-nô-e chứ không phải là thành phố Da-pô-li-a-ri-e. Đấy là một thành phố quân sự ở eo biển Côn-xki cách Da-pô-li-a-ri-e hai nghìn cây số. Các phi công hải quân ở thành phố Pô-li-a-rơ-nô-e nói với ông rằng Xa-nhi-a phục vụ trong đơn vị không quân bay đường dài, thường bay đến Kê-ních-xbéc, và còn nghe nói rằng một trung đoàn của đơn vị này sẽ được bay lên phương bắc.

- Tại sao lại bay đến Kê-ních-xbéc ạ? Cháu chẳng hay biết gì cả.

- Đấy cô xem, - bác sĩ nói giọng không hài lòng. - Nếu cô không biết thì còn ai biết nữa?

- Biết từ nguồn tin nào ạ? Viết thư cho cháu, không bao giờ Xa-nhi-a cho biết những tin ấy.

- Thôi cứ cho là như thế, - bác sĩ đồng tình. - Nhưng dẫu sao cũng cần phải biết, cần phải biết.

Tôi bưng nước chè lên, ông uống một hơi cạn cốc rồi nói: "Khá lắm!"

- Hiện nay ở ngoài mặt trận rất gian khổ, - ông nói. - Tôi có gặp Vô-lô-di-a, anh ta cũng nói là rất gian khổ. Ngay ở vùng ngoại vi Lê-nin-grát của chúng ta đây, tình hình cũng khá căng thẳng. Xin lỗi, tôi có mang đến cho cô một bức thư đây.

- Thưa bác, của ai thế ạ?

- Của một người bạn cũ, - bác sĩ nói giọng đầy vẻ bí mật, vừa

loay hoay tìm chiếc mặt nạ, trong lúc chiếc mặt nạ treo ngay trước mặt ông. - Anh ta ở cùng một đơn vị với Vô-lô-đi-a. Chính anh ta cho tôi biết cô đang ở Lê-nin-grát. Khi tôi sắp đi anh ta có nhờ cầm theo một bức thư.

Trên phong bì bức thư viết: "Gửi Ê-ca-tê-ri-na I-va-nốp-na Ta-ta-ri-nô-va Gri-gô-ri-e-va" cùng với địa chỉ tỉ mỉ. Để phòng khi bác sĩ không tìm gặp được tôi ở nhà, trên phong bì còn ghi cả địa chỉ của bệnh viện, nét bút rõ ràng, sắc nhọn và có phần là lạ. Tôi hồi hộp đọc kỹ phong bì. Không, đây là của người quen. Đó là bức thư của Rô-ma-sốp.

- Thế nào? - bác sĩ hỏi giọng trịnh trọng. - Đã nhận được ra chưa đấy?

- Nhận ra rồi ạ, - tôi quẳng bức thư ra bàn. - Bác quen anh này à?

- Chúng tôi mới quen nhau ở chỗ Vô-lô-đi-a. Anh ấy là một con người rất tốt. Anh ta đang phụ trách công tác hành chính kinh tế. Vô-lô-đi-a nói rằng đơn vị không có anh ấy thì chẳng khác nào cụt mất tay. Một con người rất đáng yêu. Rất tiếc là phải xa nhau.

Tôi đối đáp mấy câu cho qua chuyện.

- Đúng, anh ta thật đáng yêu, - bác sĩ nói tiếp. - Quả là có lúc anh ta uống rượu chút ít.

- Cũng lạ. Không biết anh ấy làm sao biết được địa chỉ của cháu? Sao anh ấy biết hiện nay cháu đang ở Lê-nin-grát?

- Sao lại thế? Lẽ nào anh ấy chưa đến đây bao giờ sao?

Tôi lặng im.

- Ừ..., - bác sĩ nhìn tôi chăm chăm qua phía trên của cặp kính kẹp mũi rồi nói tiếp: - tôi tưởng anh ấy là bạn của cô. Anh ấy kể

cho tôi nghe cả quá trình sống trước đây của cô, nhất là những năm gần đây. Những điều này tôi lại biết rất ít.

- Bác sĩ ạ, anh ta là một con người rất đáng sợ.

- Ra là như vậy đấy!

- Thôi cứ mặc xác anh ta. Bác uống nước chè nữa không?

Bác sĩ lại uống hết một cốc nữa, cũng uống từng hớp một. Sau đó bác sĩ rút ra từng thỏi sô-cô-la và ca-cao mời tôi ăn.

- Thực là lạ, - ông trầm ngâm nói. - Thế nào, cô không định đọc bức thư này hay sao?

- Không, cháu sẽ đọc.

Tôi bóc phong thư.

*"Ca-chi-a, mong Ca-chi-a hãy rời khỏi Lê-nin-grát ngay, - anh ta viết chữ rất to, rất ngoáy. - Tôi cầu xin Ca-chi-a. Lúc này một phút cũng không được chần chừ. Tôi không thể nói hết những điều tôi biết được với Ca-chi-a. Cầu mong tình yêu của tôi che chở được Ca-chi-a thân yêu của tôi! Ấy Ca-chi-a xem, tôi lại ăn nói lung tung rồi. Nếu không vì cảnh sống cô đơn hiện nay của Ca-chi-a ở Lê-nin-grát làm cho đau lòng thì tôi không sao dám viết bức thư này. Đến Tích-vin có thể đi ô-tô. Nhưng nếu tàu hỏa còn chạy thì nên đi tàu hỏa hơn. Ôi lạy chúa, không biết rồi tôi có còn dịp gặp lại Ca-chi-a nữa không. Ca-chi-a thân yêu, Ca-chi-a là niềm hạnh phúc, là sức sống của tôi..."*

## Chương 8

# Đây là thành tích của bác sĩ

Buổi tối nào chúng tôi cũng tụ họp tại phố Pê-trô-grát-xki. Có một lần tôi mời chị Va-ri-a Trô-phi-mô-va đến dự. Trong cuộc họp này, lần đầu tiên chị nói chuyện với bác sĩ về chồng chị. Bác sĩ hỏi một số câu đơn giản, chị trả lời từng câu một. Lúc này có thể thấy rõ rằng cái chết của chồng chị là quá ư lớn lao đối với chị và việc che giấu nỗi đau khổ lớn lao ấy là điều hết sức khó khăn. Ngày hôm sau chị đem tất cả thư và ảnh của chồng đến. Chúng tôi nhớ lại chuyến đi đến Xa-ra-tốp mà không cầm được nước mắt. Chuyện ấy như đã lùi vào dĩ vãng xa xăm. Từ cái hồi chúng tôi còn là những cô gái ngây thơ. Khi tôi tiễn chị ra về, đôi mắt chị đã ráo hoảnh, trong lòng dường như đã thanh thản chút ít.

Đó là thành tích của bác sĩ.

Trong tuần lễ ông ở lại nhà chúng tôi, tình hình ở mặt trận Lê-nin-grát trở nên căng thẳng, bọn Đức đưa đến nhiều lính mới, bắt đầu từ mờ sáng đã phải xuống hầm trú ẩn vì có báo động. Dạo này tôi ngủ rất kém, lúc nào cũng canh cánh lo cho Xa-nhi-a. Một lần tôi vừa nằm xuống giường chưa kịp thay quần

áo thì bác sĩ gõ cửa rồi bước vào. Ông nhét một con gấu trắng bé tí vào tay tôi.

- Đây là tác phẩm của Pan-cốp, - ông nói. - Pan-cốp là một người làm đồ mỹ nghệ nổi tiếng của dân tộc Nê-nét. Cô hãy giữ lấy làm kỷ niệm. Con gấu trắng này là của bác sĩ I-van I-va-nứt tặng cô, nó sẽ nói với cô rằng Xa-nhi-a sẽ trở về.

Đương nhiên đó chỉ là những lời nói không có căn cứ. Song lúc này, giữa lúc trong lòng đang rối bời, tôi cầm lấy con gấu và cảm thấy đó là những lời an ủi sâu sắc. Thỉnh thoảng tôi lại lấy nó từ trong xắc ra xem và thật tình mà nói tôi cũng thấy người vui vẻ, nhẹ nhõm hơn nhiều.

Sáng nào cũng nghe bác sĩ hát hoặc ngâm mấy câu thơ quen thuộc, có lẽ đó là sáng tác của ông. Sau đó ông đi tắm rất lâu. Ông nói rằng giữa cuộc oanh tạc của giặc Đức với cuộc đi tắm của ông như có một mối liên quan thần bí, hễ ông vừa vào nhà tắm là y như còi báo động phòng không lại rú lên. Những trường hợp như thế đã xảy ra khá nhiều lần. Khi ông đến ăn sáng, bộ râu nom rất dễ có cảm tình của ông vẫn còn ướt sũng. Việc đầu tiên của ông là ném cho tôi chiếc ghế, thế là tôi bắt buộc phải bắt lấy chân ghế và ném trả lại cho ông. Ông là người rất hài hước. Ông thích làm cho người khác ngạc nhiên.

Thật vậy, tuần lễ ông bác sĩ ở lại nhà chúng tôi thực đẹp vô cùng, nó tựa như trong một đêm giông tố mịt mù, chợt nghe thấy một giọng nói hiền hòa cất lên.

Nhưng phút chia tay đã đến. Ông thu dọn các thứ vào ba-lô. Ông buộc chặt số sách vừa mua được ở Lê-nin-grát.

Tôi tiễn ông đi...

Tưởng như chưa bao giờ người trên phố Nép-xki lại đông đến

như thế. Các bà đẩy những chiếc xe con, trên đó chất đầy những túi. những hòm xiểng. chậu giặt quần áo... luôn luôn quay đầu lại nhìn đàn con mệt mỏi, bẩn thỉu đang lẽo đẽo chạy theo sau. Những cụ già da rám rắng. từ nông thôn lên đi len vào giữa dòng người đông đúc. Họ là những người ở thị trấn Côn-pin, ở làng "Nhi đồng"... Dân ngoại ô đang ồ ạt chen chúc nhau kéo vào thành phố.

Chúng tôi đi liền hai tiếng đồng hồ mới ra đến ga xe lửa đi Mát-xcơ-va. Tôi không để bác sĩ xách hành lý đi qua quảng trường. Tôi xách một số hành lý của ông đi dọc theo phố Nép-xki cũ và dừng lại ở góc phố để đổi tay. I-van I-va-nứt vượt lên phía trước. Đằng trước sân ga không một bóng người, tôi cảm thấy hết sức lạ lùng.

"Có lẽ lên tàu ở ga Li-gốp-ca". - tôi suy nghĩ và thốt lên.

Thực là lạ. Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ rất rõ cái giờ phút xảy ra lúc ấy: trong phút chốc, ánh mặt trời rọi chiếu chan hòa xuống quảng trường Khởi Nghĩa. Ông bác sĩ với dáng hình cao lớn, mặc quân phục hải quân, đang dấn từng bước một lên bậc tam cấp. Cái bóng đen, gẫy khúc do các bậc tam cấp tạo nên theo bước chân của ông cũng lên cao dần. Phía cửa nhà ga đằng kia tịnh không một bóng người, gây một nỗi xao xuyến trong lòng người...

Cánh cửa nhà ga đóng im ỉm. Bác sĩ gõ cửa. Một bà béo phị đầu đội mũ cát-két của ngành đường sắt thò đầu ra ngoài, không biết nói với ông những gì. Ông đứng im một hồi lâu rồi uể oải bước lại phía tôi. Nét mặt ông rất nghiêm nghị.

- Này, Ca-chi-a. hãy mang hành lý lại đằng này, - ông nói to. - Đành về thôi. Đoạn đường sắt cuối cùng đã bị cắt đứt rồi. Tàu hỏa không chạy được nữa...

Mấy hôm sau. bác sĩ đáp máy bay ra đi.

# Chương 9

# Rút lui

Người tài xế của chúng tôi lần đầu tiên lái xe trên đoạn đường này của mặt trận. Chúng tôi phải dừng lại nhiều lần ở những chỗ đường rẽ để xem bản đồ. Chúng tôi đã đi được hơn một tiếng đồng hồ. Điều khiến tôi ngạc nhiên là quân Đức hãy còn cách khá xa Lê-nin-grát. Đằng sau Ô-ra-ni-en-ba-um, đoạn giữa Gốt-ti-lít và Cô-po-ri là một đoạn nhô hẳn ra ngoài, hải quân dùng hỏa lực của pháo tầm xa để khống chế đoạn này.

Chúng tôi cho ô-tô chạy về hướng sư đoàn tự vệ thành, tôi hết sức để ý tìm kiếm Pê-chi-a vì anh ấy có mặt ngay trong sư đoàn này, thậm chí tôi còn biết cả tên của đồng chí chính ủy trung đoàn.

... Một chiếc ô-tô lớn kéo một khẩu pháo bị hỏng chạy ngược về phía chúng tôi. Hàng đoàn ô-tô nối đuôi nhau chạy trên con đường lớn, trống trải và đầy bụi. Cô cứu thương tên là Pi-ni-a dáng người thấp bé nhưng chắc nịch, đôi má bầu bĩnh như trẻ con nói với tôi trên một đoạn đường ở phía trước hai bên đang bắn nhau dữ dội. Cô gái quấn chiếc đuôi sam lên đầu. Mỗi khi ô-tô bị xóc mạnh, cô đều cười phá lên.

Chúng tôi đã vượt qua khu vực bị bắn phá, thỉnh thoảng một vài quả đạn đại bác của bọn Đức bắn tới nổ ở phía sau ô-tô. Tôi mở cửa sau ra nhìn, thấy những cột khói và bụi đất đang bốc lên cao. Chúng tôi mở hết tốc lực lao vào làng. Người lái xe phanh xe lại, ngoái đầu ra ngoài nhìn cái chắn bùn bị mảnh đạn làm hư hỏng, chửi um lên. Tôi cùng với Pa-ni-a lợi dụng thời cơ này chạy đi tìm tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn cứu thương.

Đây là một làng rất bình thường, cảnh vật xung quanh cũng hết sức bình dị: những dãy hàng rào kết bằng cành liễu, những hàng cây vừa nảy lộc, những chiếc lò xây ở góc sân, những nhà kho chứa ngũ cốc dùng dây thừng buộc cửa... Bên trong luôn luôn gây một cảm giác yên tĩnh và sặc mùi cỏ khô. Bộ tư lệnh sư đoàn đóng ngay ở đây, cách tiền duyên khoảng hai ba cây số. Một chị cứu thương mặc quần dài, đeo súng lục kiểu Na-gan, chỉ dãy rừng thưa ở phía bên kia cánh đồng cỏ nói với tôi: "chúng nó ở đằng ấy đấy, ngay trong khu rừng thưa kia". Đằng sau cánh rừng thưa là cánh rừng bạch dương loang loáng ánh mặt trời.

Lệnh trên quy định trời vừa tối là bắt đầu chuyển thương binh. Vì vậy hễ có giờ rảnh là tôi tranh thủ đi tìm Pê-chi-a ngay. Tôi hỏi thăm khắp lượt các thương binh, hộ lý, liên lạc của chính ủy sư đoàn. Người ta nói với tôi rằng anh liên lạc này quen tất cả các sĩ quan. Vị chính ủy của trung đoàn Pê-chi-a, chính người mà tôi đã biết tên, hôm qua đã hy sinh mất rồi. Bộ chính trị mặt trận vừa cho tôi biết tin này.

- Xcoóc-ni-a-cốp cũng hy sinh rồi, - một sĩ quan chính trị cấp tá của bộ chính trị có thân hình to khỏe nói với tôi.

Tôi tìm được vị sĩ quan này trong lúc ông ta đang ăn cơm trưa. Có lẽ vì thấy mặt tôi tái đi vì quá sợ hãi, ông phải ngừng ăn

món xúp, nhìn ra xung quanh rồi hỏi một sĩ quan đang trùm áo khoác nằm trên chiếc ghế dài.

- Ru-ben, Xcoóc-ni-a-cốp hy sinh rồi à?

Người sĩ quan trùm áo khoác trả lời là đã hy sinh rồi.

- Xcô-vô-rốt-ni-cốp, - tôi nói chữa lại, giọng lạc đi. - Sao lại Xcoóc-ni-a-cốp? Thiếu úy Xcô-vô-rốt-ni-cốp!

- Xcô-rốt-ni-cốp à? Tôi không quen một người nào như thế cả. Chị ăn cơm chưa?

- Cám ơn, ăn rồi ạ.

Khi tôi từ trụ sở Ban chính trị đi ra, hai chân run lập cập.

Một chiếc máy bay quần đảo trên bầu trời làng. Các cô cứu thương từ sân sau vội vàng chạy ra, hét thất thanh: "Ma-ru-xi-a ơi, có máy bay đấy!" Đạn bắn xuống đường phố mỗi lúc một dày. Bây giờ có thể thấy rõ rằng giặc Đức không phải chỉ đánh vào trận địa pháo binh mà đánh cả vào làng mạc. Bộ đội của chúng ta đang rút lui. Khắp các thôn xóm tràn ngập những người mặc quân phục dính đầy bùn đất, sau đó một lúc lại kéo đi hết. Một em bé có đôi lông mày xếch, môi mím chặt, mũi cao chạy vào trụ sở của tiểu đoàn cứu thương, xin nước uống. Pa-ni-a đưa nước cho em uống, tôi nhìn em uống nước bằng một thứ tình cảm hết sức mãnh liệt, thuần khiết và mặn mà. Cái yết hầu của em cứ lên lên xuống xuống, em vừa uống vừa đưa mắt nhìn ra đoạn đường bộ đội đang rút lui với ánh mắt giận dữ.

Chúng tôi xuất phát vào lúc chín giờ. Cả tiểu đoàn cứu thương cũng cùng rút với chúng tôi. Những cánh rừng bạch dương mới đây còn xanh tốt, óng ánh dưới ánh mặt trời, giờ đây đang bốc cháy. Những cột khói đen sẫm bị gió cuốn đang xô phủ về phía chúng tôi. Như thế càng hay, chúng tôi lợi dụng màn khói vượt

qua cổng làng đang bắn nhau một cách dễ dàng. Bây giờ người ngồi trên xe chậtních nên chạy có vẻ đằm hơn trước, nhưng mỗi khi gặp ổ gà, ô-tô xóc mạnh là lại vang lên những tiếng rên khe khẽ. Tôi và Pa-ni-a lo chăm sóc thương binh, sợ đầu họ bị chạm vào thùng xe, nên hai người mệt nhoài.

Hôm ấy là ngày mồng tám tháng Chín, ngày giặc Đức chuẩn bị mở cuộc tấn công quyết liệt. Chúng cho máy bay mở đợt oanh tạc đầu tiên xuống Lê-nin-grát. Những ngọn lửa hung dữ cứ như muốn trùm xuống ô-tô. Ô-tô của chúng tôi tiến ra đại lộ Quốc Tế, nhìn lại thấy hình như cả thành phố bị chìm trong biển lửa. Các thương binh bàn luận xôn xao. Qua ánh phản chiếu hồng rực, tôi nhìn thấy một anh lính thủy vai rộng, đầu quấn băng trắng xóa đang mệt nhọc bước tới.

## Chương 10

# Cuộc sống đương đi lên

Những tấm lá chắn bằng gỗ trước cửa sổ những cửa hàng đã cũ nát, có nhiều vết nứt, lớp sơn đã tróc gần hết. Trong các hầm hào của công viên và vườn hoa đều mọc đầy cỏ dại. Do báo động liên miên, cửa sổ các nhà vừa mở ra đã phải đóng lại ngay, nên hầu hết các nhà đều đóng kín cửa suốt ngày, không có lấy một chút ánh sáng mặt trời. Một số "chiến hào" mà hồi tháng Bảy tôi đã có dịp đi qua, giờ đây đã biến thành những điểm hỏa lực tạm thời khá kiên cố và vững mạnh. Các điểm hỏa lực này được xây dựng bằng khung sắt chế tạo sẵn từ nhà máy đưa ra.

Hình như trong suốt cả đời mình, chưa bao giờ tôi làm việc căng thẳng như mùa thu năm ấy ở Lê-nin-grát. Tôi vừa theo học lớp hàm thụ của Hội chữ thập đỏ Nga, vừa phải thường xuyên đi ra mặt trận. Vì tôi đã nhiều lần vượt qua bom đạn ác liệt để cứu thương binh nên được khen thưởng.

Đã lâu tôi chẳng nhận được thư từ gì, đành thỉnh thoảng lấy con gấu trắng bằng đá ra để tự an ủi. Không nhận được thư Xa-

nhi-a, tôi đành phải đi làm một việc hết sức vô ích là tìm tên Xa-nhi-a trong danh sách những phi công được tuyên dương công trạng qua các cuộc ném bom Béc-lanh, Ke-ních-xbéc, Plô-ét-sti.

Tôi làm việc với một tốc độ phi thường, như đoàn tàu hỏa lao nhanh về phía trước, bất chấp cả đèn tín hiệu, đến những ngọn gió rét buốt của đêm thu cũng phải né tránh sang một bên.

Một ngày như thế cuối cùng đã đến, đoàn tàu ầm ầm lướt qua, để lại một mình tôi nằm dưới vệ đường, vừa cô đơn, vừa mệt mỏi vô vàn.

Không hiểu vì sao từ nhỏ tôi đã ngượng khi phải kể lại những cảnh xảy ra trong giấc chiêm bao. Tôi chừng như đã gửi gắm tất cả những điều bí ẩn trong lòng cho chính mình. Nếu tôi đem những chuyện mà trên thế giới này chỉ có một mình tôi biết kể ra thì khác nào tôi đã làm lộ hết những bí mật của mình. Nhưng tôi sẽ xin kể giấc chiêm bao này.

Sau giờ trực ban tôi lưu lại bệnh viện và chợp mắt được chừng mười phút, nằm mê thấy mình ngồi trước cửa sổ học tiếng Tây Ban Nha. Hồi còn ở Cri-mê, vì tôi bỏ dở lớp học ngoại ngữ mà đã từng bị Xa-nhi-a giận dỗi, nên bây giờ tôi lại tiếp tục học tiếng Tây Ban Nha. Chẳng lẽ bên ngoài cửa sổ kia là Cri-mê ư? Ngoài đó còn giống như ở thiên đường, những cành mận trĩu quả, những quả đào trơn bóng, vàng hườm, óng ánh như sắp sửa bị ánh mặt trời làm cho chảy ra, khắp nơi rực rỡ màu hoa: cây thuốc lá, cây hoa thập tự, cây hoa hồng. Thực sự là nơi trăm hoa đua nở. Giữa lúc im ắng, tịch mịch bỗng vang lên một tiếng nổ đinh tai, tiếng cánh quạt chạy ào ạt, thực là khủng khiếp. Tôi quăng sách, nhảy qua bàn, vượt qua cửa sổ, chạy thẳng ra vườn hoa. Có việc gì thế nhỉ? Không biết là diều hâu hay là quạ, chỉ thấy một con chim rất lớn có mỏ quặp đang đỗ trên cành cây ngô đồng nước Pháp,

dang đôi cánh nhọn. Con chim lớn này quắp trong cái mỏ nhọn hoắt của nó một con chim ưng non. Con chim ưng bị quắp chặt không thể kêu được nữa, chỉ còn biết dùng đôi mắt như mắt người nhìn tôi cầu cứu. Tôi cảm thấy trái tim tôi thắt lại. tôi gào thét và muốn tìm một cây gậy, nhưng con chim diều hâu đã thong thả rời khỏi cành bay từ từ lên cao.

- Như thế đấy, bác Lu-ke-ri-a I-li-nít-sna ạ, bác hãy giải thích cơn mê này xem, - tôi nói với một bà giúp việc đã có tuổi và thường làm cho tôi nhớ tới dì Đa-sa.

- Chồng cô sắp về rồi đấy.

- Tại sao thế ạ? Chẳng phải con chim đã bay mất rồi sao? Mà nó còn quắp cả con chim ưng non bay đi nữa.

Bà có vẻ suy nghĩ.

- Nói gì thì nói, anh ấy cũng sắp về rồi đấy.

Cả ngày hôm đó tôi không tài nào thoát ra khỏi ảnh hưởng của giấc chiêm bao đáng sợ và hoang đường ấy. Buổi tối tôi hẹn chị Va-ri-a đến ngủ với tôi.

Như mọi ngày, bắt đầu từ bảy giờ rưỡi là có báo động phòng không. Khi báo động lần thứ nhất, mặc dù bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na gọi điện thoại đến lấy danh nghĩa là đội bảo vệ ra lệnh cho chúng tôi xuống hầm, nhưng chúng tôi vẫn ngồi nguyên trong nhà. Lần báo động thứ hai chúng tôi vẫn ngồi trong nhà. Tôi vốn không chịu được không khí ẩm ướt và ngột ngạt trong hầm.

Lần báo động thứ ba bắt đầu. Bom rơi khá gần. Nhà cửa bị rung lên dữ dội, cứ như bước lên rồi lại lùi lại. Nồi niêu trong chạn bếp đều rơi lông lốc xuống sàn nhà. Va-ri-a mặc cho tôi phản đối, vẫn cố lôi tuột tôi xuống. Nhiều phụ nữ đứng ở cửa hầm tối mịt, bàn tán xôn xao. Tôi nhận ra tiếng nói quen thuộc

của bà vợ bác quét sân người tác-ta, tên bà là Guyn I-giơ-béc-đe-e-va nhưng không hiểu vì lẽ gì tất cả mọi người trong nhà đều gọi bà là Ma-sa.

- Nhà số chín bị trúng bom rồi, - bà nói. - Tan tành hết cả rồi! Ông quản lý đương phân công người đi đào bới!...

"Nhà số chín!" đó là ngôi nhà mà cửa hàng thực phẩm đang bán ở đấy.

- Mọi người hãy cầm lấy cuốc xẻng, đi mau! Tất cả đều phải đi! Ai không có thì vào kho lĩnh ngay. Nhanh lên các bà ơi! Nhanh lên...!

Trong bóng tối, bà cầm chiếc xẻng gõ toáng lên. Bà ấn cho tôi một chiếc, sau đó đưa cho Va-ri-a một chiếc khác. Trước đây khi khoa Thần kinh trong bệnh viện của trường Đại học Quân y bị đánh phá, tôi đã được huy động đi đào bới một lần. Toán phụ nữ đứng trước cửa hầm bàn tán một lúc rồi kéo nhau đi, chúng tôi liền đi theo họ.

Đêm hôm nay trời rất đẹp, như người Lê-nin-grát nói là đêm trong trẻo rất "thích hợp cho các cuộc oanh kích từ trên không". Vừng trăng tròn vành vạnh như một quả bóng phòng không màu vàng treo lơ lửng trên bầu trời thành phố. Nước bắt đầu đóng băng, không khí trong lành, dễ chịu vô cùng. Lúc này mà được đi tản bộ, được cùng bạn thân ngồi tâm sự bên bờ sông cùng choàng một chiếc áo mưa và nghe tiếng sóng vỗ vào bờ đá dưới chân thì còn gì thích thú bằng!

Nhưng chúng tôi lại phải vác cuốc, xẻng, lặng lẽ tiến về phía những ngôi nhà bị đổ nát mà đào bới cứu người bị sập.

Ngôi nhà "số chín" bị xẻ ra làm đôi. Quả bom đã xuyên suốt ngôi nhà đồ sộ năm tầng. Trong bóng tối, ngay trong đống vôi gạch tan hoang, hiện ra một góc sân kiểu Lê-nin-grát với những

bóng gãy khúc rất lạ kỳ. Ngôi nhà đổ về phía trước, làm tắc cả đường. Trong đống gạch vụn và dụng cụ gia đình ngổn ngang, hiện lên một mảnh ván bị vỡ ra của chiếc đàn dương cầm. Có thể nhìn thấy chiếc tủ đựng thức ăn chỏng chơ trên gác ba cùng chiếc áo ba-đờ-xuy và chiếc mũ đàn bà còn treo trên tường.

Ở đây cũng vắng lặng như khu bệnh viện bị bom hôm nọ. Mọi người lặng lẽ và bình tĩnh tiến đến gần ngôi nhà bị bom. Chợt một người phụ nữ kêu rú lên một tiếng, rồi ngã xỉu xuống. Mấy người khiêng chị ra ngoài và sự yên lặng lại trở lại như trước. Một ông già bị tử thương nằm sóng soài bên đường. Ông mặc chiếc áo trắng dính đầy vôi bụi. Chiếc áo ba-đờ-xuy văng lên vỉa hè. Mọi người khi đi qua bên cạnh xác ông đều cúi xuống nhìn mặt rồi đi tránh sang một bên.

Căn nhà hầm sũng nước. Trước hết phải nghĩ cách tát nước ra ngoài. Đồng chí trung sĩ công an, người gầy gò và khéo léo chịu trách nhiệm phân phối công tác cứu sập cử tôi và Va-ri-a đi bơm nước.

Mặt đất dưới chân chúng tôi rung lên rồi lại im lặng. Trên đầu chúng tôi, pháo tín hiệu màu vàng nối tiếp nhau bay lên. Những luồng ánh sáng cực mạnh của đèn phòng không đan chéo nhau trên bầu trời, lúc co lại, lúc vươn dài ra. Tôi nhận ra một chiếc máy bay nhỏ xíu qua điểm giao nhau của hai luồng ánh sáng ấy.

Pháo cao xạ bắt đầu lên tiếng. Lúc đầu còn xa. Sau cứ gần lại dần. Tựa như có một người khổng lồ bước qua khu phố, cứ mỗi phút lại bắn lên không trung hàng ngàn phát súng lục. Tôi vừa đào bới vừa ngước đầu lên nhìn bầu trời và không khỏi ngạc nhiên trước một cảnh tượng đầy sự so sánh: một bên là cảnh rọi chiếu loạn xạ của ánh đèn pha, một bên là cảnh ánh trăng chan

hòa tràn ngập khắp mọi nơi. Tiếng súng máy nổ giòn từng tràng ngắn, pháo tín hiệu đủ màu sắc bay nhằng nhịt trong không trung. Bức tranh chiến tranh này vừa đáng sợ lại vừa thanh lịch làm sao!

Chiếc xe cứu thương đỗ bên cạnh sợi dây đội cảnh sát căng để ngăn cách khu nhà bị đánh phá. Mọi công tác cấp cứu được tiến hành khẩn trương. Tiếng ồn ào huyên náo, tiếng nói chuyện râm ran vọng lên từ dưới căn nhà hầm. Những người từ dưới căn nhà hầm đi ra mặt mày trắng nhợt, ướt sũng đến tận thắt lưng. Xem ra thì số người bị hy sinh không nhiều lắm.

Mặt chị Va-ri-a đỏ hồng, trông đẹp hẳn ra. Chị bận bịu tíu tít, vừa lục lọi tìm từ trong đống gạch vụn ra những mảnh chăn gối, sắp xếp cho những người bị thương được lần lượt đưa đến trạm điều trị, tiến hành hô hấp nhân tạo cho một số người, đồng thời giao việc cho các cô cứu thương. Hai bác sĩ được xe chữ thập đỏ đưa đến phục tùng từng mệnh lệnh của chị, chạy đi chạy lại luôn chân.

Chị vén cao váy, đi xuống nhà hầm cõng một người bị ướt sũng ra ngoài. Một anh cảnh sát người bé nhỏ vội vàng chạy lại giúp chị. Mấy cô cứu thương mang cáng lại ngay.

- Đặt lên cáng! - Chị ra lệnh.

Đấy là một chiến sĩ hồng quân, hoặc một sĩ quan gì đó. Anh ta mặc bộ quân phục bị nước ngấm ướt làm cho đen sẫm, đầu không đội mũ. Mọi người khiêng anh đặt lên cáng. Đầu anh gục xuống ngực. Va-ri-a nâng cằm anh lên, cái đầu lại ngửa ra sau, có vẻ lỏng lẻo như con búp-bê. Trên bộ mặt có vầng trán bị những mớ tóc vàng hoe che kín của anh, tôi chợt nhận ra một nét gì đó khá quen thuộc. Trong mấy phút đồng hồ, tôi vừa làm việc vừa cố nhớ lại con người này là ai.

- Tốt rồi, anh ấy sống rồi! - Va-ri-a khẽ nói, cáu kỉnh.

Chị vạch mồm anh ta ra rồi đút ngón tay vào. Cái đầu của anh ta khẽ động đậy trên tay chị rồi thình lình ho lên một tiếng, sau đó là tiếng thở khò khè, mệt nhọc.

- A, lại cắn vào tay người ta nữa kia à, ghê thật! - Va-ri-a lại nói, nhưng lần này như reo lên.

Cần máy bơm bật lên bật xuống đều đặn, tôi cố gắng theo dõi những động tác cấp cứu của Va-ri-a. Bây giờ người sĩ quan đã ngồi dậy được. Anh ta nhắm nghiền hai mắt và thở rất khó khăn. Mặt anh ta trắng bệch dưới ánh trăng. Chiếc mũi tẹt và chiếc cằm vuông như dùng phấn vẽ nên kia nhắc tôi nhớ đến một nét mặt quen thuộc mà tôi đã từng nhìn thấy hàng trăm nghìn lần. Bây giờ tôi thật không dám tin vào mắt mình nữa, tôi không nhận ra...

Cho đến nay tôi vẫn chưa rõ tại sao lúc đó tôi không để cho mọi người đưa Rô-ma-sốp, chính người sĩ quan ấy là Rô-ma-sốp, vào bệnh viện. Anh ta vẫn mặc bộ quân phục ngồi trên mặt đất. Anh ta ngước mắt lên, ánh mắt lộ rõ vẻ ngơ ngác, bần thần nhìn chúng tôi, rồi kêu lên giọng khản đặc: "Ca-chi-a". Nói ra cũng lạ, khi thấy anh ta nói được, tôi bất giác mừng rỡ vô cùng. Khi nhận ra tôi đang đứng trước mặt, tay cầm chiếc bình khí cho anh ta thở, anh ta không chút lộ vẻ ngạc nhiên. Nhưng khi tôi cầm tay anh ta để bắt mạch thì anh ta cắn chặt răng, người rung lên và cố gọi to một lần nữa: "Ca-chi-a! Ca-chi-a!"

Trời sắp sáng chúng tôi mới về đến nhà. Chúng tôi lảo đảo bước đi. Tuy chúng tôi không bị bom vùi xuống hầm nước song cũng mệt chẳng kém Rô-ma-sốp. Chúng tôi đi trước, Ma-sa cùng một cô gái khác cáng Rô-ma-sca đi theo sau. Anh ta cứ lo bị rơi

mất ba-lô, đến nỗi Ma-sa phải phát cáu lên ấn chiếc ba-lô vào trước mặt anh và nói:

- Anh nên nghĩ đến Chúa nhiều hơn nghĩ đến chiếc ba-lô này. Thế mà không biết ngượng. Anh hãy tụng kinh cám ơn Chúa đã cứu sống anh đi!

Chúng tôi đi mãi mới về đến nhà. Cà-phê lúc này là thứ được hoan nghênh nhất. Mấy đứa chúng tôi người bẩn thỉu như quỉ, đầu tóc rối bù, sau khi giao Rô-ma-sốp cho bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na, chúng tôi liền cùng một lúc nằm vật xuống chiếc giường trống trong nhà bếp.

- Mình thực sự không thể hiểu nổi lão ta là một người như thế nào? - Va-ri-a nói.

- Lão ta là một con người tồi tệ nhất trên thế giới này, - tôi trả lời giọng mệt mỏi.

- Đồ ngu, thế sao còn đưa hắn ta về đây mà nuôi?

- Người quen cũ, biết làm thế nào được.

Tôi uống cà-phê đến phát nóng người lên, phải cởi chiếc áo liền váy ra, trong đầu lộn xộn những ý nghĩ không đầu không đũa. Cuối cùng trước mắt tôi hiện lên một bộ mặt trắng nhợt, trong giấc mơ, tôi cố khoát tay gạt nó đi.

## Chương 11

# Bữa ăn tối. "Không phải nói về tôi đâu"

Rô-da-li-a Na-u-mốp-na kê giường của Rô-ma-sốp vào trong nhà ăn. Khi chúng tôi đi ra khỏi nhà thì anh ta vẫn còn đang ngủ say. Chiếc chăn bị tụt sang một bên. Anh ta mặc bộ quần lót sạch sẽ. Va-ri-a đi qua, cúi xuống kéo chăn đắp lại cho anh ta bằng một động tác quen thuộc. Anh ta cắn chặt răng, thở phì phò hai mắt mở trừng trừng để lộ hai lòng mắt trắng dã. Giờ đây cái gã Rô-ma-sốp này không thể nào lẫn lộn với bất cứ một Rô-ma-sốp nào khác trên trái đất!

- Có thực hắn ta tồi tệ nhất trên đời này không? - Va-ri-a hỏi khẽ.

- Đúng thế.

- Nhưng mình thấy hắn ta có gì đâu.

- Chị sắp điên rồi đấy!

- Thật thà mà nói, mình thấy lão ta cũng chẳng có gì. Cô có biết tại sao lão ta lại ngủ như thế không? Chỉ vì cái mặt của lão ta ngắn quá đấy thôi.

Tại sao tôi lại cứ nghĩ rằng hễ tối đến là Rô-ma-sốp nên tan biến đi như một ảo ảnh? Nhưng trong thực tế thì anh ta vẫn cứ tồn tại như thường. Tôi gọi điện thoại về nhà, người nghe điện thoại không phải là bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na mà lại là anh ta.

- Ca-chi-a, tôi rất cần nói chuyện với cô, - anh ta nói bằng một giọng tôn kính và chắc nịch. - Lúc nào cô sẽ về nhà? Nếu cô không về thì tôi xin đến chỗ cô, được chứ?

- Anh đến đây.

- Tôi e rằng ở bệnh viện không tiện lắm.

- Thế thì thôi vậy. Nhưng phải đến mấy hôm nữa tôi mới về nhà được.

Anh ta im lặng một lúc lâu.

- Tôi biết là cô chẳng muốn gặp mặt tôi chút nào. Nhưng việc xảy ra đã lâu rồi... Nguyên nhân cô không muốn gặp tôi...

- Không, chưa lâu lắm đâu...

- Cô muốn nói việc tôi nhờ bác sĩ I-van Pa-vơ-lốp đưa giúp bức thư đến phải không? - Anh ta sôi nổi hỏi. - Cô nhận được bức thư ấy rồi à?

Tôi không trả lời.

- Hãy tha lỗi cho tôi.

Lại một hồi im lặng.

- Chúng ta gặp nhau ở đây không phải ngẫu nhiên đâu. Tôi đến đây là chỉ cốt để tìm cô thôi. Khi đi qua nhà hầm, vì nghe có người thét lên rằng trong đó có các em nhỏ nên tôi lao vào và bị nạn. Nhưng cái đó chẳng có quan hệ gì. Tôi cần được gặp cô vì việc tôi muốn nói có liên quan đến cô.

- Việc gì?

- Một việc rất quan trọng. Tôi muốn nói lại với cô toàn bộ tình hình.

Tim tôi rộn lên, tựa như tôi không biết ai đang nói chuyện với tôi vậy.

- Anh nói đi.

Lần này anh ta im lặng rất lâu, đến nỗi tý nữa thì tôi đặt ống nghe xuống.

- Thôi, không cần nói nữa. Tôi sẽ đi đây. Sau này cô chẳng bao giờ trông thấy tôi nữa đâu. Tôi thề như vậy đấy.

Anh ta còn lẩm bẩm mấy câu gì nữa mà tôi không nghe rõ. Tôi mường tượng thấy anh ta đứng đó, hai hàm răng nghiến chặt, mắt nhắm nghiền, tay cầm ống nói mà thở hổn hển. Nhưng những lời nói đầy vẻ kiên quyết vừa rồi của anh ta khiến tôi tin; nên tôi báo cho anh ta biết rằng tôi sẽ về ngay rồi đặt ống nói lên máy.

Tôi dùng chìa khóa riêng mở cửa nhà, đi thẳng đến phòng ăn, tôi nhìn thấy trên bàn có phó-mát và bơ. Thực khó có thể tin được rằng có thể có phó-mát và bơ thật sự, phó-mát Hà Lan, đỏ rực, chính cống và bơ cũng chính cống vào lúc này. Thậm chí còn có cả kem [1] để trong một cái đĩa tráng men to. Một chiếc bánh mì rất hiếm thấy, không sản xuất ở Lê-nin-grát được cắt ra thành nhiều miếng. Khi tôi bước vào, Rô-ma-sốp đang dùng dao nhà bếp để mở đồ hộp. Trong cái ba-lô để trên mặt bàn còn thò ra một chai...

Bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na từ trong buồng ngủ đi ra, đầu tóc rối bù nhưng nét mặt tràn ngập hân hoan.

---

(1) Cũng là một loại bơ, làm bằng váng sữa. - ND.

- Ca-chi-a, chị xem thế nào, - bà hỏi khẽ. - Tôi đi gọi bà Béc-ta nhé?

- Tôi không biết.

- Ôi lạy Chúa, cô giận rồi sao? Chẳng qua là tôi muốn hỏi...

- Mi-sa, - tôi nói lớn, - bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na muốn nhờ tôi hỏi là có được mời bà chị của bà ấy đến cùng ăn không?

- Sao lại không? Bà ấy ở đâu để tôi đi mời cho.

- E bà ấy sẽ sợ anh đấy.

Anh ta cười gượng.

- Cứ mời đi, cứ mời đi.

Bữa cơm tối hôm ấy thực là vui. Bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na đáng thương khi quệt bơ vào bánh mì hai tay cứ run bắn lên. Bà ngồi ăn với vẻ nghiêm trang và sùng kính như tín đồ tôn giáo. Bà Béc-ta, chị của bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na với tấm thân thấp bé, tóc bạc trắng, mũi nhọn, ánh mắt dịu dàng, mỗi khi ăn một tiếng bánh mì lại lầm rầm khấn mấy câu. Rô-ma-sốp ngồi dằm xé thức ăn liền tay, vừa ăn vừa uống rượu.

Lúc này tôi mới ngắm nghía anh ta kỹ một chút!

Đã có đến mấy năm chúng tôi không gặp nhau. Trước kia anh ta khá béo tốt. Trên bộ mặt và trong dáng đứng của anh ta đương bắt đầu hình thành những nét đặc biệt của kẻ phát phì. Cũng giống như tất cả bọn người ăn chơi, trơ tráo, lúc nào anh ta cũng mặc những bộ quần áo hết sức sặc sỡ, khác kiểu.

Bây giờ anh ta gầy tọp đi, hai lưỡng quyền nhô hẳn lên. Anh ta mặc áo sĩ quan có đính quân hàm mang hai gạch đỏ, bên ngoài thắt thắt lưng da. Chẳng lẽ anh ta đã lên đến chức thiếu tá rồi ư? Trong đôi mắt luôn luôn mở to của anh ta như có một cái gì khác lạ, phải chăng đó là một sự mệt mỏi?

- Tôi thay đổi nhiều lắm rồi phải không? - Anh ta thấy tôi ngắm nghía mãi, bèn hỏi. - Chiến tranh đã làm tôi thay đổi nhiều. Tâm hồn, cơ thể... tất tần tật!

Nếu đích thực mọi thứ trong con người anh ta đã thay đổi thì chắc chắn là anh ta đã không đến đây để thanh minh với tôi nữa.

- Mi-sa, anh lấy những thứ ngon lành này ở đâu ra thế? Ăn trộm à?

Rõ ràng là anh ta không nghe rõ câu hỏi cuối cùng của tôi.

- Xin mời, xin mời! Tôi còn có thể kiếm được nữa. Ở đây cái gì cũng có thể kiếm được. Chỉ vì các vị không biết cửa mà vào đấy thôi.

- Thật thế ư?

- Cố nhiên rồi. Chỉ cần có người là được.

Tôi không hiểu hết ý nghĩa những lời anh ta nói, nhưng tôi bất giác đặt vội miếng bánh vừa quết bơ xuống đĩa.

- Anh đến Lê-nin-grát lâu chưa?

- Hôm nay là ngày thứ ba. Ở Mát-xcơ-va tôi được điều đến công tác trong một cửa hàng ăn của quân nhân. Thoạt tiên tôi ở mặt trận phía nam. Có một lần bị bọn Đức vây chặt, may mà phá được vòng vây chạy thoát ra ngoài.

Đấy là sự thực mà tôi rất ghê sợ. Tôi ngồi nghe anh ta kể với cái cảm giác đã quên lãng từ lâu là bao giờ anh ta cũng phục tùng mọi đòi hỏi của tôi.

- Chúng tôi rút về hướng Ki-ép. Lúc ấy chúng tôi không được biết là Ki-ép đã bị vỡ tung mặt trận rồi, - anh ta nói. - Chúng tôi nghĩ bụng, có quỉ mới biết được là bọn Đức ở đâu, nào ngờ chúng nằm ngay bên cạnh vùng Khơ-rít-xti-nốp-ca. Chúng tôi đã chạm

trán với bọn chúng ở một nơi cách mặt trận chừng hai trăm ki-lô-mét. Thực là thảm hại, - anh ta dừng lại cười rồi nói thêm. - Nhưng thôi, những chuyện ấy để sau bữa ăn hẵng kể. Bây giờ tôi muốn báo cho cô biết rằng tôi có gặp Ni-cô-lai An-tô-nô-vích ở Mát-xcơ-va. Thực lạ, ông ta chẳng đi đâu cả.

- Thực ư? - Tôi hỏi giọng lơ đãng.

Rồi chúng tôi im lặng một lúc.

- Mi-sa, hình như anh có câu chuyện gì định nói với tôi phải không? Xin mời anh vào phòng tôi vậy.

Anh ta đứng lên, vặn lưng, ngáp dài một cái rồi sửa lại chiếc thắt lưng da.

- Được, thì đi. Cho phép tôi mang rượu theo chứ?

- Tùy anh.

- Loại nào nhỉ?

- Tùy anh. Tôi không uống.

Anh ta cầm chai rượu và chiếc cốc để trên bàn, xin phép bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na rồi đi theo sau tôi. Chúng tôi cùng ngồi xuống. Tôi ngồi vào đi văng, còn anh ta ngồi bên cạnh bàn. Đấy là chiếc bàn riêng của Xa-sa trước kia. Trên bàn còn đặt một chiếc cốc cao chân, trong đó có cắm chiếc bút vẽ của cô ấy. Từ trước tới nay không ai chạm đến.

- Câu chuyện này nói ra thì dài lắm...

Anh ta có vẻ rất xúc động. Tôi thì lại hết sức bình tĩnh.

- Dài lắm đấy... Cô có hút thuốc không?

- Không.

- Nhiều bà nhiều cô trong thời kỳ chiến tranh này đều đâm ra nghiện thuốc lá cả.

- Đúng thế. Ở bệnh viện người ta đang chờ tôi đấy. Tôi dành cho anh hai chục phút để nói.

- Được, - Rô-ma-sốp chậm rãi nói. - Cô biết đấy, tôi rời khỏi mặt trận Lê-nin-grát hồi tháng Tám. Thực ra lúc ấy tôi chưa muốn đi vì còn muốn gặp mặt cô một lần nữa. Nhưng mệnh lệnh là mệnh lệnh!

Xa-nhi-a thường hay dùng câu này nên khi nghe câu ấy phát ra từ mồm Rô-ma-sốp, tôi cảm thấy khó chịu.

- Tôi không định kể tỉ mỉ tôi đã đến mặt trận phía nam như thế nào. Chúng tôi chịu trách nhiệm bảo vệ vùng Ki-ép, nhưng sau ở đó bị vỡ mặt trận.

Anh ta dùng hai chữ "chúng tôi".

- Tại Kơ-ri-xti-nốp-ca, tôi gặp một đoàn cứu thương của quân đội đi qua Ki-ép, liền xin đi nhờ đến U-man. Đoàn tàu gồm mấy toa thông thường có thiết bị sưởi ấm, nhiều thương binh phải nằm trên sàn tàu, trong đó có nhiều thương binh nặng. Đoàn tàu chạy liền trong hai, ba, bốn rồi năm ngày giữa bụi, khói và hơi nóng không sao chịu nổi.

Tiếng bà Béc-ta rì rầm tụng kinh ở phòng bên cạnh vọng sang.

Rô-ma-sốp khó chịu, đứng dậy đóng cửa phòng lại.

- Trước khi lên tàu hai ngày tôi bị một vết thương ở bên trong. Vết thương nhẹ thôi, chỉ thỉnh thoảng mới cảm thấy đau nhói ở phía trái cơ thể. Cả vùng thịt ấy đã biến thành một màu nâu xám xịt, - Rô-ma-sốp gượng cười nói tiếp. - Đến bây giờ nó cũng vẫn như thế thôi.

Tối hôm nọ, chị Va-ri-a thay quần áo cho Rô-ma-sốp, chị có

nói rằng hông bên trái của anh ta bị thương. Có lẽ đó là vết thương mà anh ta gọi là đã biến thành một màu nâu xám xịt.

- Tôi buộc phải ra tay gánh vác những công việc có tính chất sự vụ trên toàn tàu chở thương binh ấy. Trước hết phải lo cho tốt khâu ăn uống. Tôi có thể nói một cách tự hào rằng, trong suốt tuần lễ ấy - chúng tôi đi mất tất cả là hai tuần lễ - không có một người nào bị chết vì đói. Nhưng câu chuyện hôm nay không phải để nói về tôi.

- Thế anh định nói ai?

- Cùng đi với chúng tôi có hai cô gái, họ là sinh viên trường Đại học Sư phạm ở Xta-ni-xláp. Hai cô mang cơm, thay băng cho các thương binh và làm tất cả mọi việc có thể làm được. Một lần, một trong hai cô rủ tôi đến thăm một phi công bị thương đang nằm ở toa trước.

Rô-ma-sốp rót rượu vào cốc.

- Tôi hỏi cô gái có xảy ra việc gì không - "Anh định nói chuyện với anh ấy chứ?" - "Nói chuyện gì bây giờ nhỉ?" - "Anh ấy muốn tự sát, lúc nào cũng khóc". Thế là chúng tôi tìm đến chỗ người phi công nọ. Anh ta đang ngồi gục đầu xuống ngực, chân băng qua loa. Các cô gái ngồi vây quanh anh ta.

Rô-ma-sốp ngừng lại một lúc.

- Ca-chi-a, cô không uống một chút à? - Anh ta hỏi giọng khản đặc. - Tôi uống một mình mãi, nếu say thì làm thế nào?

- Thì tôi sẽ tống anh ra khỏi nhà ngay. Thôi hãy kể nốt câu chuyện của anh đi.

Anh ta uống từng ngụm hết cốc rượu rồi đứng dậy đi một vòng rồi lại ngồi xuống. Tôi cũng tợp vài hớp, trong bụng nghĩ: phi công trên thế giới này nhiều biết bao nhiêu mà kể!

## Chương 12

# Tôi tin tưởng

Sau đây là câu chuyện do Rô-ma-sốp kể lại:

Khi hai người gặp nhau, mặt và chân Xa-nhi-a đầy vết thương, những vết thương ở trên mặt đã bắt đầu lên da non. Về cái tin anh bị thương thì Rô-ma-sốp đã biết trước đó ít lâu, do một hôm anh tình cờ đọc được một mẩu tin trên tờ báo nội bộ "Chim ưng đỏ". Mẩu tin chỉ nói chung chung nên anh ta không rõ Xa-nhi-a bị thương trong trường hợp cụ thể nào. Anh ta nói rằng có mang số báo ấy theo định đưa cho tôi xem. Nếu không xảy ra sự kiện đổ nhà vừa rồi thì chắc chắn là tờ báo ấy sẽ đến tay tôi. Nhưng không sao, Rô-ma-sốp đã gần như thuộc lòng bản tin đó: "Đại úy Gri-gô-ri-ép sau khi hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, trên đường bay trở về bị bốn máy bay tiêm kích của địch đuổi theo. Gri-gô-ri-ép bắn rơi một chiếc, ba chiếc còn lại hốt hoảng bỏ chạy. Tuy bị thương, Gri-gô-ri-ép vẫn cố gắng lái máy bay về. Tại một nơi cách mặt trận không xa, anh lại bị hai chiếc "gioong-ke" khác của địch bất thần tiến công. Gri-gô-ri-ép đã lái chiếc máy bay bị

bốc cháy của mình đâm trúng một chiếc "gioong-ke" của địch. Toàn thể phi công Đoàn N. sẽ mãi mãi ghi nhớ những con chim ưng quang vinh của mình là: đại úy, đảng viên đảng cộng sản Gri-gô-ri-ép, phi công hoa tiêu Lu-ri, báo vụ viên kiêm xạ kích Các-pen-cô, và xạ thủ trên máy bay Éc-sốp, đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng cho Tổ quốc!".

Có thể toàn văn bản tin đó không được nhớ chính xác, lời lẽ có thể bị sai lạc; nhưng Rô-ma-sốp cương quyết bảo đảm rằng nội dung mà anh ta đã diễn đạt là hoàn toàn chính xác. Anh ta cất tờ báo này cùng với một số tài liệu quan trọng khác vào trong chiếc cặp đựng bản đồ. Cả chiếc cặp ấy bị rơi xuống nước trong căn nhà hầm khi anh ta bị tai nạn. Toàn bộ báo chí và giấy tờ trong đó đều bị ướt và dính chặt vào nhau. Sau này chúng đã biến đâu mất hết cả trong khi anh ta đem ra phơi. Nhưng điều đó chẳng có gì quan trọng.

Thế là Xa-nhi-a coi như đã bị báo tử. Nhưng trong thực tế thì vẫn còn sống, tuy mặt và chân đều đầy vết thương... Và vết thương ở trên mặt nhẹ thôi, chỉ có chân mới bị nặng, khó có thể đi lại được.

- Xa-nhi-a làm thế nào lên tàu quân sự được?

- Tôi không rõ, - Rô-ma-sốp nói. - Chúng tôi không nói với nhau chuyện ấy.

- Vì sao vậy?

- Bởi vì một giờ sau khi chúng tôi gặp nhau, ở một nơi cách Khơ-ri-xti-nốp-ca hai mươi cây số, xe tăng của bọn Đức đã tấn công bắn vào đoàn tàu chở chúng tôi. - Anh ta nói là "đã bắn" vào đoàn tàu.

Đây là một việc rất bất ngờ, vì ngay trong hậu phương của ta

đã thấy xuất hiện xe tăng của bọn Đức. Phát đạn đầu tiên từ xe tăng của bọn chúng bắn ra làm hỏng đầu máy, thế là cả đoàn tàu nằm chết gí tại chỗ. Các thương binh nhảy xuống tàu tháo chạy tán loạn.., Bọn Đức dùng súng phóng lựu bắn xả vào đám thương binh.

Rô-ma-sốp lao ngay về phía Xa-nhi-a. Phải vượt qua lưới lửa của giặc xông vào đoàn tàu lúc này là việc rất khó khăn, nhưng Rô-ma-sốp đã xông vào và cứu được Xa-nhi-a ra ngoài. Hai người nằm nấp sau bánh xe. Những người bị thương nặng kêu gào trên toa tàu: "Các đồng chí ơi, cứu chúng tôi với!". Lúc này bọn Đức đã tiến đến gần và bắn rất rát. Thấy không thể nấp ở đây được nữa, Xa-nhi-a nói: "Cậu chạy đi! Tớ có súng lục đây rồi, tớ nhất định không để chúng bắt sống được đâu!" Nhưng Rô-ma-sốp vẫn không bỏ Xa-nhi-a. Anh ta tìm cách cõng Xa-nhi-a vượt qua rãnh nước ra ngoài. Về sau nhờ một trung úy trẻ tuổi giúp sức, hai người đưa Xa-nhi-a vượt qua vùng đầm lầy. Cuối cùng Rô-ma-sốp và Xa-nhi-a nghỉ lại trong một cánh rừng bạch dương ẩm ướt.

Thực là gay go. Một toán quân đổ bộ khá đông của bọn Đức đương chiếm giữ một ga tàu hỏa gần đây. Bốn xung quanh đang diễn ra những cuộc chiến đấu ác liệt. Bất cứ lúc nào bọn Đức cũng có thể xuất hiện trong cánh rừng bạch dương này, vì đây là nơi duy nhất ở vùng này có thể dùng làm căn cứ phòng ngự. Cần phải nhanh chóng rời khỏi đây. Nhưng lúc ấy vết thương trên mặt Xa-nhi-a lại tấy lên, thân nhiệt tăng lên rất cao. Anh ấy luôn miệng nói với Rô-ma-sốp: "Hãy bỏ tớ lại đây, không thì cậu cũng sẽ bị vạ lây đấy!" Có một lần anh ấy nói rằng: "tình hình của mình, mình rất lo cho cậu!" Khi anh ấy bỏ chân xuống, máu từ vết thương chảy ra đầm đìa khiến anh đau suýt ngất đi. Rô-ma-sốp kiếm cho anh một chiếc gậy bằng một cành cây thẳng.

Nhưng Xa-nhi-a vẫn không thể nào đi được. Thế là Rô-ma-sốp đành phải đi về phía trước, mà lại đi lùi về phía đoàn tàu hỏa khi nãy để tìm lại cô gái đã từng giúp làm cứu thương trên tàu. Nhưng từ phía bên kia đầm lầy bọn Đức cứ nhằm thẳng về phía Rô-ma-sốp mà bắn tới, khiến anh ta không tài nào tiến lên được nữa. Cuối cùng đành phải quay trở lại chỗ Xa-nhi-a.

- Khi tôi trở về đến chỗ cũ thì một tiếng đồng hồ đã trôi qua hoặc lâu hơn chút ít gì đó, - Rô-ma-sốp nói. - Lúc ấy không thấy Xa-nhi-a đâu nữa. Rừng cây bạch dương ở quãng này rất thấp, tôi chạy đi khắp nơi tìm kiếm. Tuy sợ động, nhưng cuối cùng tôi cũng phải gọi lớn lên mấy tiếng, mà vẫn không nghe một lời đáp lại. Suốt cả đêm hôm ấy, tôi mải miết đi tìm Xa-nhi-a, về sau mệt quá nằm lăn xuống một nơi nào đó ngủ thiếp luôn. Sáng sớm hôm sau, tôi tìm được địa điểm chúng tôi chia tay nhau hôm trước. Mặt cỏ ở chỗ ấy bị giẫm bét be và chiếc gậy tôi lấy cho Xa-nhi-a thì dựng dưới gốc một cây bạch dương...

Về sau Rô-ma-sốp bị lọt vào giữa vòng vây của bọn Đức. Nhưng anh ta lại gặp được một tiểu đội lính thủy thuộc hạm đội Đnê-prốp-xcai-a và cùng họ đột phá vòng vây. Từ đó anh ta hoàn toàn không biết tin tức gì về Xa-nhi-a nữa...

Đã có đến hàng trăm nghìn lần tôi tưởng tượng đến cái phút biết được tin này. Có thể chỉ là một bức thư thông thường không dán tem, tôi sẽ bóc ra xem và rồi tôi sẽ ngất đi. Cũng có thể là Va-ri-a, người đã từng được tôi an ủi nhiều lần sẽ đi lại phía tôi và chị bắt đầu nói: mới đầu rất thận trọng, rào trước đón sau mãi, sau đó mới hơi: "giả dụ anh ấy hy sinh thật rồi thì cậu làm thế nào?" Tôi đã hình dung qua tất cả các cảnh tượng ấy. Song chưa bao giờ lại nghĩ rằng tin ấy sẽ do Rô-ma-sốp trực tiếp báo cho tôi hay.

Rõ ràng đấy là những lời bịa đặt xấu xa, do anh ta tự nghĩ ra hoặc đọc trên báo chí nào đó. Đúng hơn là anh ta tự bịa ra. Bởi vì trong mỗi lời nói của anh ta tôi đều nhận thấy rõ những tính toán riêng tây. Thực đau buồn, cái trò qui quái quen thuộc mà anh ta vẫn thường giở ra, lần này lại rơi trúng vào đầu tôi! Tại sao anh ta lại mò đến Lê-nin-grát để hại tôi kia chứ? Thực đau buồn!

- Mi-sa, - tôi nói giọng hết sức điềm tĩnh. - Anh viết thư cho tôi nói rằng "em là cuộc sống và nguồn hạnh phúc của anh" có thật đúng là như thế không?

Anh ta im lặng nhìn tôi. Mặt anh ta vốn trắng bợt mà hai tai lại đỏ rần. Giờ đây khi nghe tôi hỏi "có thật đúng như thế không?" hai tai anh ta càng đỏ tía lên.

- Thế thì tại sao anh cứ tìm đủ cách để quấy rầy tôi? Thú thực rằng cũng có lúc tôi cảm thấy thương hại anh. Không có người phụ nữ nào lại hoàn toàn dửng dưng không chút xúc động trước một người đàn ông tha thiết yêu mình trong một thời gian dài. Song tại sao anh lại có thể thiếu tự trọng đến mức không hiểu rõ rằng, giả dụ Xa-nhi-a có hy sinh rồi chăng nữa - nhưng mong sự thật không phải là như thế - thì tôi vẫn luôn luôn căm ghét anh. Mi-sa, anh hãy thú nhận những lời nói bịa đặt kia đi, và hãy xin lỗi tôi ngay; nếu không tôi sẽ đuổi anh ra khỏi nơi đây như đuổi một tên khốn khiếp. Anh hãy nhắc lại những việc anh vừa nói xảy ra vào lúc nào?

- Hồi tháng chín.

- Tháng Chín ư? Đấy anh xem, mãi đến ngày mồng mười tháng Mười tôi còn nhận được thư của anh ấy. Trong bức thư ấy, Xa-nhi-a cho biết rằng anh ấy rất khỏe mạnh và nếu được cấp

trên cho phép, anh ấy sẽ bay đến Lê-nin-grát chơi vài ngày kia mà. Mi-sa, anh giải thích việc này như thế nào?

Tôi không hiểu sức mạnh nào đã thúc đẩy tôi bịa ra câu chuyện ấy giữa lúc trong dạ rối bời. Ngày mồng mười tháng Mười ấy, thực ra tôi chẳng nhận được bức thư nào cả. Đã ba tháng nay tôi không hề nhận được thư từ chữ nghĩa gì của Xa-nhi-a gửi đến.

Rô-ma-sốp khẽ cười gằn.

- Cô không tin lời tôi cũng tốt thôi, - anh ta lên tiếng. - Tôi sợ là sợ một tình huống khác đã xảy ra. Nhưng cầu mong cho mọi việc đều tốt đẹp cả.

- Như thế có nghĩa là, tất cả những lời anh vừa nói đều là bịa đặt cả?

- Đúng thế, Rô-ma-sốp đáp. - Đúng là bịa đặt cả đấy.

Lẽ ra đứng trước mặt tôi anh ta phải nài nỉ, phải thanh minh, phải làm ra bộ giận dỗi, hai môi run bắn lên và chẳng thốt lên lời nào như cái lần ở trên quảng trường Xô-ba-tri kia mới phải. Nhưng bây giờ anh ta chỉ lạnh lùng đáp:

"Đúng thế, đó toàn là những lời bịa đặt cả!"

Trái tim tôi như bóp mạnh lại rồi như bị rơi hẫng xuống, trở nên trống rỗng.

Hình như anh ta nhận ra điều đó, liền đứng lên, mạnh dạn cầm lấy bàn tay tôi. Tôi rút mạnh bàn tay ra khỏi tay anh ta.

- Nếu muốn đánh lừa cô thì tôi chỉ cần đưa cho cô xem tờ báo có in tin Xa-nhi-a hy sinh là xong. Nhưng tôi đã kể cho cô nghe rất tỉ mỉ về cái việc mà trên thế giới này không ai ngoài tôi có thể biết được. Thực là nực cười - anh ta nói giọng ngạo nghễ - cô làm như tôi là kẻ hành động theo những tính toán cá nhân ti tiện, tìm cách tranh thủ tình cảm của cô bằng những tin tức đau buồn

không bằng! Nhưng đúng là tôi không thể giấu giếm sự thực đối với cô được.

Tôi vẫn ngồi im, nghiêm trang, ngay ngắn như cũ, song tất cả mọi thứ ở xung quanh - cái bàn con bên trên có đặt chiếc cốc có chân cắm bút vẽ của Xa-sa, và người đàn ông mặc quân phục tóc hung, ngồi bên cạnh bàn mà tôi đã quên mất tên - tất cả đều như đang từ từ xa rời khỏi tôi. Tôi im lặng chẳng nói câu nào và cảm thấy chẳng thiết một thứ gì hết. Rồi không biết bởi cớ gì người đàn ông mặc quân phục kia bỗng đứng lên, vội vàng biến mất sau đó lại dẫn đến một bà già tóc trắng, dáng thấp bé và đoan trang. Vừa trông thấy tôi, bà già hốt hoảng kêu lên:

- Kìa Ca-chi-a! Ôi lạy Chúa! Nước đâu, đem nước vào đây? Cháu làm sao thế hả Ca-chi-a?

## Chương 13

# Nguồn hy vọng

- Va-ren-ca. mình bị làm sao thế này? Mình ốm ư?

- Cậu chẳng bị ốm đau gì cả, vẫn khỏe như vâm đấy thôi!

Chị xua tay khi có tiếng bước chân lộp cộp đi vào và một giọng hỏi khē khàng:

- Tỉnh rồi hả?

- Anh ta là ai thế nhỉ?

- Vẫn cái lão tóc nâu của cậu đó thôi, - Va-ri-a nói giọng giận dữ.

Tôi lại im lặng hồi lâu.

- Ve-ren-ca, chị có biết tin tức gì không?

- Lạy Chúa, vẫn chưa có chuyện gì xảy ra cả. Ừ, có bị thương nhưng vết thương xoàng thôi mà. Nằm yên, cô bạn yêu quí của tôi, - chị ấy ngồi nhích lại gần tôi, ôm chặt lấy tôi. - Sao cậu lại cả tin thế? Cậu buồn lắm phải không? Hay là anh ta vô ý nói nhầm chăng?

- Không, anh ta nói rất thận trọng đấy. Nhưng mọi việc rồi sẽ qua đi thôi.

- Tất nhiên là sẽ qua đi cả. Mà chẳng phải đã qua rồi đó sao. Cậu có uống cà-phê không?

Tôi lại im lặng một lúc lâu.

- Va-ren-ca này!

- Có việc gì thế, Ca-chi-a?

- Tôi vẫn nuôi hy vọng, chị ạ.

- Cố nhiên, sao lại không nuôi hy vọng được. Cần phải hy vọng chứ? Mình đã nói với cậu, cậu hãy nhớ lấy lời mình là lúc nào cũng cần phải nuôi hy vọng. Xa-nhi-a của cậu chẳng làm sao cả đâu, không chóng thì chầy, nhất định anh ta cũng sẽ trở về thôi.

Ở Lê-nin-grát rất khó tìm ra số báo "Chim ưng đỏ" có đưa tin về Xa-nhi-a ấy. Lúc đầu tôi dốc sức đi tìm và được một phóng viên quân sự cho biết đơn vị bộ đội phát hành ra tờ báo ấy. Nhưng về sau tôi không tìm nữa vì Pê-chi-a viết thư báo cho biết rằng anh ấy đã đọc được một mẩu tin nói về Xa-nhi-a rồi. Pê-chi-a viết trong thư: "Tôi suy nghĩ miên man, cuối cùng lại nghĩ đến chị. Xa-nhi-a hy sinh rất anh dũng, rất vẻ vang! Đối với tôi, anh ấy là người thân thiết nhất trên đời này, từ thuở nhỏ đã quấn quít bên nhau. Trong tâm hồn của anh ấy như có một thứ gì làm phát ra những âm thanh vang dội, và mỗi lần nghe thấy âm thanh ấy, tôi lại cảm thấy như cuộc đời đẹp đẽ, đáng yêu thêm. Đó là thời niên thiếu, là lý tưởng của chúng tôi. Xa-nhi-a đã luôn luôn ghi nhớ lời thề với chúng ta. Giờ đây sao mà tôi muốn gặp chị đến thế, để chia sẻ cùng chị một phần nỗi đau buồn!"

Trong thư trả lời cho Pê-chi-a, tôi thuật lại rất kỹ những lời của Rô-ma-sốp nói với tôi, và cuối thư tôi không quên viết thêm rằng tôi vẫn nuôi hy vọng...

Dạo này tôi ít về nhà hơn. Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ tốt nghiệp lớp y tế do Hội chữ thập đỏ Nga mở và sẽ vào công tác ở một bệnh viện nào đó. Từ nay trở đi tôi sẽ trở thành một "y tá chuyên nghiệp" chứ không là một "người công tác xã hội nữa". Những khó khăn do đói kém gây nên đối với tôi không kéo dài lắm, nhưng đối với chị Va-ri-a thì dai dẳng. Những khó khăn đó đến với tôi trong những ngày gian nan ở Lê-nin-grát, thực ra còn khiến tôi cảm thấy dễ chịu đôi phần. Ở Lê-nin-grát trong những ngày này, dầu ở đâu, cũng rất có thể bị trúng đạn từ trên trời trút xuống. Lớp tuyết đầu mùa đã phủ kín mặt đường phố, nhưng cửa sổ các văn phòng vẫn mở toang, vì từ những ngày còn nắng ấm, dân Lê-nin-grát đã phải đi sơ tán và từ đó chưa được trở về nhà lần nào.

Sở dĩ tôi cảm thấy dễ chịu là vì đồng thời với việc bản thân phải khắc phục những khó khăn do kẻ thù phong tỏa thành phố gây nên, tôi còn phải chống cự với nỗi đau buồn riêng trong lòng. Cũng lạ, Rô-ma-sốp hiểu khá rõ nỗi niềm ấy của tôi. Chính vì thế mà anh ta thôi không mở mồm khuyên tôi rời khỏi Lê-nin-grát.

Rô-ma-sốp lại tìm cách kể lại một lượt nữa câu chuyện cũ của anh ta. Đến lúc này tôi lại biết thêm nhiều chi tiết mới mà trong lần kể thứ nhất anh ta không hề nhắc tới. Anh ta đã cùng với đồng chí trung úy khiêng Xa-nhi-a qua đám lầy bằng cách cầm chéo hai tay nhau thành hình chữ thập, để Xa-nhi-a ngồi lên trên và bám lấy cổ hai người. Trong số hai cô gái trên tàu, có một cô cũng có tên là Ca-chi-a nên Xa-nhi-a rất thích, lúc nào anh cũng gọi tên cô ta ra: "Ca-chi-a, Ca-chi-a ơi!" Khi Xa-nhi-a nói rằng: "Mình nghĩ rằng, mình rất lo cho cậu!" thì Rô-ma-sốp chỉ trả lời bằng tiếng cười và quả là có buồn cười thật, bất cứ lúc nào bọn Đức cũng có thể xuất hiện trong khu rừng này.

Đấy là sự thực, anh ta nói dối để làm gì? Nếu anh ta muốn đánh lừa tôi thì anh ta chỉ cần đưa tờ báo cho tôi xem là đủ rồi. Trên mặt báo rõ ràng là có đăng tin Xa-nhi-a hy sinh. Anh ta nói như vậy cũng hợp tình hợp lý thôi. "Nhưng dầu sao anh ta vẫn là Rô-ma-sốp , - tôi tự nhủ. - Vẫn là cái gã Rô-ma-sốp có đôi mắt không bao giờ chịu chớp và là kẻ mà Xa-nhi-a đã từng gọi là con cú mèo!"

"Nhưng chiến tranh cũng có khả năng làm thay đổi con người - tôi tự cãi lại mình. - Anh ta đã nhìn thấy cái chết, có thể từ trong thâm tâm anh ta đã biết hổ thẹn đối với chuỗi ngày sống bằng lừa đảo, ti tiện trước kia. Anh ta đã làm những việc có thể làm đối với đối với Xa-nhi-a. Anh ta đã làm được một việc mà người khác rất khó tin rằng anh ta có thể làm".

Một lần tôi ngỏ ý với anh ta muốn gặp mặt Pê-chi-a.

- Được thôi, - anh ta nói và mấy ngày sau anh ta báo cho tôi biết: - ngày mai Pê-chi-a sẽ đến.

Tuy anh ta cố ý nhấn mạnh với tôi rằng anh ta đã nhờ ông hiệu trưởng học viện Mỹ thuật gọi Pê-chi-a đến, nhưng tôi cho rằng đây chỉ là chuyện trùng hợp ngẫu nhiên thôi. Mấy ngày sau, quả nhiên Pê-chi-a đến thật.

Đã ba tháng rưỡi nay tôi không gặp mặt Pê-chi-a. Khi tôi tiễn anh ấy đi, tôi hết sức lo lắng trước vẻ thẫn thờ và nỗi bận rộn của kẻ phải lao đầu vào công việc căng thẳng như anh ấy. Bởi vì những đặc điểm ấy rất không có lợi cho anh trong trường hợp ở chiến trường. Thế mà bây giờ Pê-chi-a bước vào với một vẻ khác hẳn, anh ta đã trở nên hết sức khỏe khoắn, da cháy nắng, lưng vươn thẳng chứ không khòm xuống như trước nữa, hai mắt long lanh nhìn thẳng đầy sức sống.

Chúng tôi ôm chầm lấy nhau.

- Ca-chi-a, bây giờ tôi cũng nghĩ rằng sẽ có ngày Xa-nhi-a trở về! - Anh nói ngay câu đầu tiên. - Trong lúc mọi người đều tưởng rằng anh ấy đã hy sinh thì anh ấy lại đang hồi phục sức khỏe. Bây giờ mọi việc đã qua rồi. Anh ấy vẫn sống, đấy cũng là một thứ dự báo đối với tình hình chiến trường của chúng ta. Mọi người trong quân đội chúng ta đều đã biết tin Xa-nhi-a vẫn còn sống. Nếu không thì từ lâu người ta đã gửi giấy báo tử đến cho chị rồi! Sự việc đã rõ ràng quá rồi.

Thực ra thì sự việc chưa rõ ràng lắm đâu, nhưng tôi vẫn muốn nghe Pê-chi-a nói vì tôi không đủ sức cưỡng lại điều tôi muốn tin...

Ngày hôm sau Pê-chi-a lại đến chỗ tôi rất sớm. Sáu giờ đã có mặt. Chúng tôi cũng chờ Rô-ma-sốp đến tận trưa. Pê-chi-a nói, còn tôi thì chỉ nghe và cảm thấy anh ta không phải là Pê-chi-a nữa, mà là một chú bé màu da đỏ hồng đang vừa nói vừa ngúng nguẩy cái đầu. Anh ta mặc chiếc áo va-rơi bằng da. Những ngón tay ố vàng của anh ta vê vê điếu thuốc lá to sụ. Anh kể về tình hình của bản thân, về cả một giai đoạn có nhiều thay đổi đã qua. Một nhà họa sĩ, một con người nghệ sĩ như anh, những ngày đầu ra chiến trường, cái mà anh nhìn thấy không phải là chiến tranh mà là bức tranh chiến tranh. Bản thân anh là một việc, còn chiến tranh lại là một việc khác. Tình hình ấy cứ kéo dài hết tuần này đến tuần khác. Và anh giết tên Đức đầu tiên.

- Sao lại có cái việc ấy nhỉ? Tôi, họa sĩ Xcô-vô-rốt-ni-cốp lại đi giết người ư? Nhưng kẻ bị tôi giết kia không có quyền được tự xưng là người nữa. Tôi giết hắn ta để bảo vệ quyền làm người của tất cả những con người chân chính - Nhân dân.

Thế là anh ta trở thành một "nguyên tử của chiến tranh". Anh không còn nhìn chiến tranh bằng con mắt của một nhà mỹ

thuật nữa. Bây giờ anh là một chiến sĩ, những việc có thể làm được anh đều làm, tranh thủ trở thành một chiến sĩ thực thụ. - Trong thế giới cũ tôi có việc gì đáng làm đâu? - Anh nói giọng khảng khái sau một thoáng chần chừ.

Chúng tôi không chờ Rô-ma-sốp nữa. Xem chừng Pê-chi-a muốn ngồi một mình trong "thế giới cũ" của anh, nên tôi để anh ngồi đó, đi ra ngoài trước. Khi ra đến cửa, quay đầu lại tôi nhìn thấy anh rút ra một bức tranh trong cuộn tranh sơn dầu của anh và dùng đôi bàn tay đột nhiên run lẩy bẩy và trở nên thô kệch trải rộng nó ra.

Tôi đến bệnh viện gọi điện thoại cho Rô-ma-sốp.

- Pê-chi-a đến rồi à? - Anh ta reo lên. - Đấy cô xem, thế mà cứ nghi ngờ mãi!

- Vâng, anh ấy đã đến rồi. Mời anh tối đến chơi, Pê-chi-a muốn gặp anh.

- Tối ư? Rất tiếc là tôi không thể đến được! Có một việc rất gấp đang chờ tôi.

- Không, thế nào anh cũng phải đến!

- Thực sự là tôi không thể nào đến được.

- Nhất định phải đến! Mi-sa, anh nghe rõ chứ?

Tôi gác ống nghe lên.

Buổi tối hôm ấy anh ta đến thật. Chúng tôi đang ngồi trong phòng ăn, anh ta vừa bước vào, liền chìa tay ra và đi thẳng về phía Pê-chi-a.

- Hay lắm, hay lắm, - anh ta nói. - Rất vui mừng. Thú thực là cần phải thừa nhận rằng tôi cũng không ngờ việc này có thể thành công được. Nhưng nhờ anh vốn là người nổi tiếng. Nếu

anh là một kẻ vô danh nào đó thì chẳng có cách nào gọi anh đến đây được đâu.

- Hết sức cám ơn đồng chí, đồng chí thiếu tá! - Pê-chi-a nói giọng khách sáo.

- Thôi đi, thiếu tá với thiếu tung gì! Tôi chẳng qua chỉ là một viên sĩ quan quân nhu loại hai thôi. Tôi cũng không định leo cao hơn nữa đâu, làm đến cấp thiếu tá là đủ rồi.

Pê-chi-a ngước nhìn anh ta rồi nhìn vào góc nhà. Rõ ràng là Rô-ma-sốp nghĩ rằng làm cho mọi người không coi anh như một thiếu tá là một việc dại dột.

- Tình hình trên mặt trận thế nào, có nghe được tin tức gì mới không? Vừa có người nói với tôi rằng chúng ta đã chiếm lại được Li-gô-vô rồi phải không?

- Theo tôi biết thì chưa đâu, - Pê-chi-a trả lời.

- Chưa à? Thế mà vừa rồi tôi lại nghĩ: chuyến này sắp được ngồi tàu liên vận đi thẳng tuột về Mát-xcơ-va rồi. Nhưng bây giờ thế là còn phải chờ đợi nữa có phải không?

Ở Lê-nin-grát không có ai dùng chữ "đi thẳng tuột" để nói chuyện này. Tôi cảm thấy rất khó chịu. Nhưng hầu như Pê-chi-a chẳng cảm thấy gì cả.

Chúng tôi im lặng một lúc lâu.

- Vấn đề đầu tiên và duy nhất là vấn đề về Xa-nhi-a, - Rô-ma-sốp nói.

Tại sao anh ta có vẻ ma quái, kỳ quặc đến thế? Tại sao khi cười, lúc thì anh ta tỏ ra rụt rè, nhưng sau đó lại tỏ ra quá ư suồng sã, kiêu ngạo? Tại sao anh ta cứ lải nhải kể những câu chuyện về các đội viên đội phòng độc mặc quần áo ngụy trang, đào khoai tây dưới tầm pháo của địch? Tôi không sao biết được.

Tất cả những việc đó chẳng có liên quan gì đến tôi cả, vì lúc này tôi chỉ nghĩ đến Xa-nhi-a...

- Chỉ có một con đường thôi, - cuối cùng Rô-ma-sốp nói bằng một giọng đắc ý và có vẻ bí mật. - Vấn đề là cả vùng Ki-ép bây giờ đều nằm trong tay du kích. Rõ ràng là du kích có liên lạc thường xuyên với bộ chỉ huy mặt trận. Cần phải hiểu rõ mối quan hệ này, nghĩa là cần phải cử một người đi thu thập tất cả mọi tin tức về Xa-nhi-a.

Pê-chi-a gác chéo chân, chống tay lên cằm, đưa mắt nhìn anh ta.

- Làm việc này chúng ta sẽ gặp hai khó khăn, - Rô-ma-sốp nói tiếp. - Thứ nhất: chúng ta đang ở giữa Lê-nin-grát. Thứ hai: muốn tìm kiếm Xa-nhi-a hoặc thu thập tin tức về anh ấy thì phải do một cấp lãnh đạo cao thì mới ra lệnh được. Muốn làm được việc này không phải dễ dàng. Nhưng chẳng có việc gì trên đời mà khó đến nỗi không thể làm được. Đằng chỗ tôi ở, tức là chỗ bộ tư lệnh du kích Lê-nin-grát đóng có một số người tôi quen. Tôi sẽ nhận lãnh phần việc này, - mặt anh ta bỗng tái nhợt đi và anh ta nói thêm, - đương nhiên với điều kiện là không có những khó khăn khách quan cản trở...

"Những khó khăn khách quan" lúc nào mà chẳng có, bản thân cuộc sống cũng là một loại "khó khăn khách quan" đấy thôi. Từ lâu, bên kia hồ La-đô-ga đã được gọi là "đại lục"[1], ngay cả liên lạc bằng điện báo thông thường cũng gặp khó khăn.

- Pê-chi-a, sao anh chẳng nói năng gì cả thế?

- Tôi đang mải nghe, - Pê-chi-a như choàng dậy trong giấc

(1) Vì Lê-nin-grát lúc này bị phát xít Đức phong tỏa ngày càng chặt như một hòn đảo. - ND.

mơ. - Đúng là như thế. Rất khó có thể nói rằng sẽ tập hợp được tin tức gì, nhất là trong tình hình này. Nhưng dứt khoát là phải bắt đầu tiến hành thôi. Về mặt này, đồng chí Rô-ma-sốp nói rất đúng. Ca-chi-a ạ, nếu ở địa vị chị thì tôi sẽ viết ngay một bức thư gửi cho đơn vị của Xa-nhi-a.

- Chị Ca-chi-a thân yêu, - sau khi Rô-ma-sốp đi rồi, Pê-chi-a nói với tôi. - Tôi nói với chị thế nào cho phải bây giờ nhỉ? Thực ra tôi vô cùng khinh ghét hắn ta, nhưng cái đó cũng chẳng để làm gì cả, có phải không chị? Trong con người hắn ta có một cái gì rất nguội lạnh, mờ ám và kinh tởm. Tất cả những cái đó lộ ra rất rõ trong từng lời nói, cử chỉ của hắn ta. Ngay lúc ấy sao mà tôi muốn vẽ hắn ta đến thế, cái đầu cứ vuông trằn trặn như một quả dưa bị bẹt ấy! Song đó chỉ là những cái vặt vãnh, rất vặt vãnh! Theo tôi cái quan trọng nhất ở hắn là hắn có thể làm được việc.

- Đúng thế.

- Và hắn ta luôn luôn quấn lấy chị.

- Cái đó cũng rõ rồi.

- Chị có thể cùng hắn đến bộ tư lệnh đội du kích không?

- Tất nhiên là được.

- Thế thì chị hãy đi một chuyến đi. Nhưng đồng thời cũng phải viết thư nữa, và phải thường xuyên nghe ngóng, cái đó quan trọng lắm đấy. Làm như vậy chị cũng sẽ cảm thấy trong lòng nhẹ nhõm hơn. Trông chị bây giờ gầy lắm, và có phần hốc hác nữa đấy, - anh cầm lấy tay tôi nói. - Tội nghiệp quá, chắc lại chẳng ngủ được chút nào phải không?

- Không, tôi vẫn ngủ đấy chứ.

- Nhất định Xa-nhi-a sẽ trở về. Nhất định sẽ như thế thôi, - tôi nhắm nghiền hai mắt và cố giữ đôi môi đang run bắn lên để

nghe Pê-chi-a nói. - Mọi việc rồi sẽ tốt đẹp hết, vì tình yêu của chị đối với Xa-nhi-a sâu nặng lắm, bất cứ nỗi đau khổ nào đứng trước mối tình ấy cũng phải cúi đầu lùi bước. Hầu như ngoài chị và Xa-nhi-a ra, không còn ai có thể yêu nhau mãnh liệt, gan góc, thủy chung như thế. Nếu có người yêu chị tới mức đó thì người ấy sẽ không bao giờ chết! Chị không được hủy hoại sức khỏe, không ai cho phép chị được làm như thế đâu. Trước hết là tôi. Và còn Xa-nhi-a nữa chứ. Chẳng lẽ chị cũng cho là anh ấy đã chết thật rồi sao?

Tôi nghe Pê-chi-a nói, trong lòng cũng cảm thấy dễ chịu đôi phần. Một hồi ức mơ hồ, xa xôi chợt hiện ra trong óc tôi: Xa-nhi-a mặc quần áo ngủ nhìn tôi với dáng vẻ hết sức mệt mỏi. Lúc này tuy đã khuya nhưng trong phòng rất sáng. Tiếng hát của một chàng trai ở phòng bên vọng sang. Tôi nằm trên sàn, lắng nghe, nghe mãi, hai tay ôm chặt thái dương. Lời bài hát đó như sau: "*Những ngày khổ ải sẽ qua, ngày vui sẽ đến, hết biệt ly là ngày gặp mặt. Mọi việc sẽ tốt đẹp như ý ta mong chờ. Vì những câu chuyện thần tiên mà chúng ta tin tưởng vẫn còn tồn tại trên trái đất này...*"

Có thể đi tàu điện tới mặt trận. Sư đoàn của Pê-chi-a hiện nay đang đóng ở Xla-vi-an-xcơ. Anh yêu cầu tôi đừng đi tiễn vì đi lại lúc này rất nguy hiểm. Hơn nữa không có giấy thông hành rất dễ bị giữ lại ở Rư-bát-xki. Nhưng tôi vẫn nhất quyết tiễn anh về.

- Không sao, chỉ có anh mới sợ bị bắt giữ, chứ tôi thì quen cả đến tư lệnh bảo vệ thành phố kia.

Tàu điện chật ních người và ồn ào như chợ vỡ. Nhưng tôi vẫn tranh thủ đọc cho hết bức thư của bà tôi vừa gửi đến. Gần đây Pê-chi-a cũng nhận được một lúc bốn bức thư và mười hai tấm bưu ảnh. Tình hình Lê-nin-grát trong những ngày gần đây là

như thế đấy: có đến hai ba tuần lễ không ai nhận được một chữ nào từ "đất liền" gửi ra, nhưng rồi đùng một cái nhận được những một đống thư. Vừa rồi lúc còn ở nhà, tôi chỉ đọc tấm bưu ảnh. Trên tấm bưu ảnh ấy, bé Pê-chi-a viết thêm vào phía dưới một dòng bằng những nét chữ ngoằn nghèo to tướng: "Bố ơi, bà và con nuôi được một con thỏ đấy". Cái dáng điệu hết sức đáng yêu của bé khi bé ngồi viết thư: đầu nghiêng nghiêng, lông mày chau lại giống hệt như mẹ bé lại hiện lên rõ mồn một trong ký ức tôi. Lúc này bé đang sống trong vùng an toàn. Được ăn no, khỏe mạnh, cả bà cũng vậy. Trong những ngày cực kỳ gian khổ này còn có thể mong mỏi được gì hơn thế nữa?

- Có phải như thế không Pê-chi-a?

- Đúng là như thế đấy, - anh nói giọng buồn buồn. - Chị không biết chứ, tôi nhớ cháu đến cháy cả ruột gan!

Tàu điện đã chạy qua phố Rư-bát-xki. Có người cho biết rằng đến ga cuối cùng hành khách sẽ bị kiểm tra giấy tờ rất gắt gao. Pê-chi-a tỏ ý lo lắng cho tôi. Thế là tôi quyết định quay về.

- Thôi chúc anh mạnh khỏe luôn nhé, Pê-chi-a thân yêu!

- Nhất định là tôi sẽ khỏe mạnh luôn rồi, - anh cười nói vui vẻ. Bé Pê-chi-a cũng thường trả lời như thế.

Chúng tôi đưa cao tay vẫy chào nhau giữa những người lạ mặt đi trên tàu. Đến lúc này tôi chợt ân hận vô cùng vì từ lúc gặp nhau tôi chưa hề hỏi thăm chút nào về hình hình riêng của Pê-chi-a. "Nhưng đây không phải là lần gặp cuối cùng, sẽ còn nhiều dịp gặp anh ấy nữa", tôi tự an ủi như vậy. Đơn vị của anh ấy đóng gần quá, chỉ cần xin phép bệnh viện nghỉ một buổi là có thể đến thăm được rồi!

Nhưng tôi nào có biết rằng, sau đó phải qua biết bao nhiêu ngày gian nan khổ ải chúng tôi mới lại được gặp nhau.

## Chương 14

# Hết nguồn hy vọng

Bà Béc-ta chết đúng vào cái ngày thành phố bị oanh tạc dồn dập nhất giữa tháng mười hai. Trong thời kỳ này, các cuộc oanh tạc thường mở màn từ lúc mờ sáng hoặc nói một cách chính xác hơn là liên miên suốt cả ngày đêm. Bà ấy chết không phải vì đói đâu. Bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na đáng thương đã nhiều lần nhắc đi nhắc lại như thế.

Bà nhất quyết mai táng người chị xấu số ấy vào một ngày đã chọn. Nhưng đó là điều không thể nào thực hiện được. Vì thế bà đành phải mời một người đàn ông Do Thái gầy còm, mặt lúc nào cũng nhăn nhó đến đọc kinh thánh suốt một đêm. Người chết được choàng tấm áo liệm làm bằng hai chiếc chăn đơn không khâu dính vào nhau theo đúng như lễ nghi cũ và được nằm ngay trên sàn nhà. Bom nổ ì ầm rất gần. Đến tối hôm đó cả dãy phố Mác-xim Goóc-ki đều không có mảnh cửa kính nào còn nguyên vẹn nữa. Chớp lửa và ánh tuyết rọi sáng đường phố, tạo nên một cảnh tượng khủng khiếp. Nhưng người Do Thái nọ vẫn điềm tĩnh ngồi đọc kinh và sau đó ông ta đã ngủ thiếp đi một cách

bình thản. Trời vừa sáng, tôi bước vào gian buồng ấy, thấy ông ta gối đầu lên sách kinh và ngủ ngon lành.

Không biết Rô-ma-sốp xoay đâu ra được quan tài. Lúc này là vào tháng mười hai, còn có thể kiếm ra quan tài được.

Anh ta vui vẻ chạy lên chạy xuống cầu thang, đi ra sân sau hàng chục lần, lúc thầm thì nói chuyện với người quản gia, lúc vỗ vỗ vào vai bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na, sau đó lại nổi khùng lên với bà ta vì bà ta nhất quyết cho người chết khoác theo hai chiếc chăn đơn.

- Hãy đổi hai chiếc chăn đơn ấy đi, - anh ta hét lên. - Bà ấy không cần những cái của tốt ấy đâu!

Tôi xua anh ta đi và nói với bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na rằng mọi việc sẽ được tiến hành theo như ý muốn của bà.

Tờ mờ sáng, những bông tuyết cứng và nhỏ nhảy múa loạn xạ rồi rơi xuống mặt đất một cách vội vàng. Rô-ma-sốp cùng mấy người nâng chiếc quan tài lên, khó nhọc khiêng lách qua cầu thang đi ra sân sau, đoạn đặt lên trên một chiếc xe trượt tuyết chờ sẵn. Tôi vốn định cho mỗi người một ít tiền, nhưng Rô-ma-sốp nói rằng anh ta đã giao kèo với họ sẽ trả công bằng bánh mì.

- Nào, bây giờ mỗi người lĩnh trước một miếng bánh mì nhé? - Rô-ma-sốp nói giọng vui vẻ.

Họ không nhìn anh ta, nhưng đều gật đầu đồng ý.

- Ca-chi-a, cô có lên gác không? - Anh ta nói tiếp luôn. - Cô chịu khó lấy hộ gói bánh mì trong túi áo khoác của tôi xuống đây với.

Tôi không rõ tại sao anh ta lại cất bánh mì vào trong túi áo khoác, có lẽ vì sợ Rô-da-li-a Na-u-mốp-na hoặc người đàn ông Do Thái kia trông thấy chăng? Chiếc áo khoác ấy anh ta mắc ở phòng trước của gác hai.

Tôi leo lên gác và còn nhớ là lúc ấy tôi còn dừng lại một lúc để suy nghĩ xem mình có nên mặc thêm áo ấm không? Từ tối hôm qua tôi cảm thấy trong người hơi lạnh. Có lẽ tôi không nên theo ra nghĩa trang, từ đây đến đó xa tới bảy cây số. Nhưng tôi lại chần chừ không quyết được vì sợ rằng nếu tôi không đi theo thì rất có thể bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na sẽ bị ngã ngất dọc đường.

Trong túi chiếc áo khoác của Rô-ma-sốp có một chiếc bánh mì gói bằng giấy. Khi thò tay vào túi áo để lấy bánh mì ra, tay tôi chạm phải một vật gì mềm mềm nữa. Cái vật mềm ấy rơi xuống đất. Tại nơi đó rất tối nên tôi phải đi ra phía đầu cầu thang mở cửa sổ ra mới có thể tìm thấy được. Đây là một chiếc bao gia đựng tẩu thuốc lá, một trong những vật phẩm trước đây chúng tôi gửi ra mặt trận biếu các chiến sĩ. Tôi do dự một chút rồi mở chiếc bao da ấy ra. Trong đó có một tấm ảnh và mấy chiếc nhẫn đeo tay. Tôi liền lấy làm khó chịu mà nghĩ rằng "không biết lão ấy loại xoáy ở đâu ra thế này". Tấm ảnh đã cũ lắm rồi, bị nhàu hết cả, những dòng chữ ghi ở mặt sau đã bay màu nên rất khó nhận ra. Tôi vốn định cất tấm ảnh ấy vào lại bao da, nhưng một thứ cảm giác kỳ lạ đã ngăn tôi lại. Tôi nhớ mang máng như đã nhìn thấy tấm ảnh này ở đâu rồi thì phải. Phía đầu cầu thang sáng hơn, tôi bước ra đó và dò đọc từng chữ một: "Nếu đã là người...". Như có một tia chớp sáng ngời chói lên trong tim tôi. Tôi đọc nốt dòng chữ trên tấm ảnh: "Nếu đã là người phải là người giỏi nhất!".

Tôi không rõ sau đó như thế nào. Hình như tôi kêu lên một tiếng thất thanh rồi ngồi bệt xuống đầu cầu thang, đưa tay mò tìm tấm ảnh vừa bị rơi xuống sàn. Tôi nhìn tấm ảnh qua màn nước mắt, nhận ra bộ mặt giống phụ nữ của đồng chí TR. Đồng chí đang đội chiếc mũ bay của phi công, bên dưới đôi lông mày

rậm là một đôi mắt hiền lành dễ mến. Đấy là tấm ảnh mà lúc nào Xa-nhi-a cũng mang theo người. Mặc dù tôi đã nhiều lần nói với anh rằng không nên cất ảnh ở trong túi, vì như thế rất dễ bị hỏng, mà nên đặt bên dưới kính lót bàn. Nhưng anh vẫn cất tấm ảnh này vào ví da cùng với những giấy tờ khác, và luôn luôn mang theo người.

Tôi lao bổ về gian phòng trước như một người loạn trí giật lấy chiếc áo khoác của Rô-ma-sốp từ trên mắc áo xuống, ném ra đầu cầu thang rồi vạch hết các túi ra tìm xem còn có thứ gì nữa không. Thế là Xa-nhi-a đã chết thật rồi, chết vì có kẻ làm hại anh. Lúc ấy tôi không rõ mình lục tìm cái gì nữa. Rô-ma-sốp đã giết chết anh ấy rồi! Trong một túi áo khác thấy có một ít tiền, tôi cuộn chúng lại thành một cuộn rồi vứt xuống chân cầu thang. Hắn đã giết anh ấy và đoạt lấy tấm ảnh này! Tôi không khóc. Hắn đã ăn cắp các thứ giấy tờ, tài liệu và tấm ảnh, cuỗm cả huân chương của anh ấy để không ai có thể nhận ra cái xác chết lẻ loi ở trong rừng. Trong tâm trí tôi chợt vang lên câu nói của ai đó: "Trong túi da của Xa-nhi-a còn đựng nhiều tài liệu rất quan trọng khác nữa" và tôi tưởng chừng như có người nào đó đã thắp lên ngọn nến sau từng lời nói của Rô-ma-sốp, làm cho nó sáng rõ lên.

Tấm ảnh này Xa-nhi-a thường để trong túi da. Một số tài liệu khác và số báo "Chim ưng đỏ" anh cũng để trong chiếc túi da ấy, nhưng tất cả các thứ tài liệu kia đều đã bị ướt và mất hết rồi. Trước kia có lần Rô-ma-sốp than phiền rằng: "báo chí bị ướt nát ra cả". Nhưng tấm ảnh này vẫn được anh giữ gìn cẩn thận, chắc là anh đã dùng giấy không thấm nước bọc ngoài và cất cẩn thận vào túi áo...

Bên dưới cầu thang vọng lên tiếng bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na gọi tôi. Tôi giấu tấm ảnh vào người, bỏ chiếc bao da vào túi áo khoác của Rô-ma-sốp, móc trả nó lên chỗ cũ, đoạn bước xuống cầu thang đưa bánh mì cho Rô-ma-sốp.

Hắn hỏi tôi:

- Cô làm sao thế? Trong người khó chịu à?

Tôi đáp lại:

- Không, tôi vẫn khỏe như thường.

Mọi thứ đều như tiêu tan không còn tồn tại nữa. Dòng người tiến bước chậm rãi trên dãy phố trống trải. Thinh lặng không một tiếng động kia như đang diễn ra trong một giấc mộng, dần dần dãy phố ấy cũng tan biến mất trước mắt tôi. Toa tàu điện bị phủ đầy tuyết nằm giữa đường phố, nóc toa giống hệt như những mái nhà ở nông thôn...Toa tàu ấy dần dần rồi cũng tan biến mất! Một người thân hình bé nhỏ như trẻ con, quấn vải khắp mình mẩy nằm ườn trên xe trượt tuyết, chiếc xe bé nhỏ bỗng bắt đầu di động. Đến lúc này tôi mới sực nhớ ra là Rô-ma-sốp có bảo rằng không nên dùng quan tài nữa vì xe nhỏ quá không thể đặt lên được.

- Không sợ lỗ đâu, sau này chúng ta sẽ bán cho người khác, - hắn nói.

Hình như bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na cũng đang phát khùng lên vì bà một mực đòi phải đặt người chết vào trong quan tài. Tôi vừa nghĩ đến những chuyện đó lại lập tức quên biến ngay. Con đường hẻm chạy dọc theo phố Pu-sca-rơ-xcai-a rất chật chội, hai người đi cũng khó lách nổi. Một cô gái khá phốp pháp phải giẫm vào đống tuyết bên đường để nhường chỗ cho chúng tôi đi qua. Lại gặp một người đàn ông đeo lủng lẳng trên lưng một gói hành

lý buộc bằng dây thừng. Tôi nhìn họ rồi lập tức quên biến họ ngay. Cái gì tôi cũng nhìn thấy. dãy phố yên tĩnh bị tuyết phủ kín, cái xác chết quấn vải đặt trên xe trượt tuyết; bên kia đường một người dàn bà đi theo đưa đám ma, bà ta đi được mấy bước lại dừng lại một chút, chặp sau bị rớt lại đằng sau. Cả thành phố bị phủ một màu trắng chìm ngập trong băng tuyết hiện ra lung linh trước mắt tôi, tựa như một cái bóng khổng lồ lướt qua mặt kính một cách lặng lẽ và không hề để lại dấu vết gì.

Tôi còn nhìn thấy một cảnh tượng đau lòng khác: Xa-nhi-a nằm xoài hai chân, mặt úp xuống đất, vết thương ở chân đầm đìa máu, và hung thủ đang đứng ngay bên cạnh anh. Trong khu rừng bạch dương ướt át này chỉ có Xa-nhi-a và Rô-ma-sốp!

## Chương 15

# Cầu mong mối tình của em cứu sống được anh

Nghĩa trang Do Thái ở xa quá, không có cách nào hơn, nên bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na đành phải bằng lòng chôn cất người chị xấu số vào nghĩa trang công cộng Xmô-len-xki. Người đàn ông Do Thái có bộ mặt đăm chiêu được mời đến đọc kinh kia, sau khi nhận được sáu trăm gam bánh mì trả công liền đồng ý đi theo thi hài "khách hàng" của mình, như lão ta thường nói, tới nghĩa trang chính giáo.

Những ngày tháng Mười hai rất chóng tối, việc an táng bận rộn suốt từ sáng đến tối, đến bây giờ tôi cũng không còn nhớ rõ cảnh tượng ngày hôm ấy ra sao nữa. Trước mắt tôi giờ đây như đang mở ra một phim câm. Một thứ cảm giác xa mờ như trong mơ cứ lúc hiện ra, lúc lẩn khuất trên lớp tuyết của đảo Va-xi-li-ép-xki.

Chúng tôi bước đi, chẳng có cảm giác gì cả ngoài nỗi buốt lạnh, mệt mỏi cùng với cái xác đã bị khô cứng kia. Cứ hai đứa trẻ một thay phiên nhau kéo cái xác lên dốc. Khi xuống dốc, cái xác cứ lăn lông lốc rất nhanh, tuồng như nó muốn nhanh chóng giải

phóng chúng tôi khỏi cái việc phiền phức mà bản thân nó không hề muốn gây ra này vậy.

Những sợi dây thép buộc trên cái xác ánh lên dưới ánh nắng mặt trời. Không hiểu sao, khi nhìn thấy thứ ánh sáng này, tôi chợt nhớ đến cảnh sắc ở Cri-mê cùng với màu xanh của biển cả. Chúng tôi đã từng sống ở Cri-mê êm đẹp đến chừng nào! Hôm nào Xa-nhi-a cũng ngủ dậy từ năm giờ sáng. Nếu biết trước hôm ấy anh phải bay cao thì tôi dọn cho anh một bữa ăn sáng thật ngon. Chúng tôi mua một chiếc hoa sen tắm hiệu "tiêu chuẩn", tôi chuẩn bị hết mọi thứ, Xa-nhi-a tắm xong, mặc bộ quần áo ngủ màu vàng vào là có thể ngồi ngay vào bàn ăn. Có một lần, chúng tôi cùng đến Xê-va-xtô-pôn chơi. Hôm ấy gió biển rất lộng, trời đất tối sầm, các phi công thường được nghỉ ngơi vào những ngày thời tiết xấu. Tôi rất buồn chán, nhưng Xa-nhi-a lại bảo: "Em cứ yên trí, anh sẽ làm thay đổi thời tiết cho em". Quả nhiên chiếc xuồng máy của chúng tôi vừa rời khỏi bờ thì trời bỗng quang quẻ hẳn ra.

Tôi mặc chiếc váy liền áo màu trắng, cùng đứng trên một boong tàu sạch sẽ, đẹp đẽ với anh. Tôi vừa nói vừa cười, cố gắng làm cho mình đẹp thêm lên; vì tôi biết rằng anh thích người khác ngợi khen sắc đẹp của tôi. Những phút ấy sao mà tôi cảm thấy sung sướng, thư thái đến thế! Cho dù anh nhìn về hướng nào: hướng tay vịn bằng đồng trên buồng thuyền trưởng, hướng những con sóng bị gió thổi nghiêng ra sau, hay hướng những cánh chim hải âu bị ướt đẫm nước biển kia - anh đều bắt gặp những tia sáng rạng rỡ của ánh mặt trời.

Tôi thu người lại, mặt lạnh cóng, hai tay phải luôn luôn đỡ lấy Rô-da-li-a Na-u-mốp-na đang khó nhọc tiến từng bước một theo sau chiếc xe trượt tuyết. Chiếc xe lúc cách xa chúng tôi, nhưng có lúc vì bọn trẻ mải dừng lại hút thuốc nên rất gần chúng

tôi. Tôi cũng đang cùng một tâm trạng với bà, rất thương tiếc người xấu số đã qua đời. hình như Rô-ma-sốp cũng đồng một tình cảm như vậy, nên khi đuổi theo kịp chúng tôi, anh ta nói:

- Ca-chi-a, cô đi theo đến đây làm gì? Cô sẽ bị ốm mất. Cô hãy quay về đi thôi.

Tôi ngước lên nhìn anh ta, con người này mà cũng có thể nói lên những lời âu yếm kia ư? Anh ta mặc chiếc áo da ngắn màu trắng, ngang lưng buộc chiếc thắt lưng da có đeo lủng lẳng khẩu súng lục. Đấy là một con người sống hẳn hoi. Tôi há mồm để thở. Đấy là một cơ thể lành lặn, khỏe mạnh. Tôi cúi xuống vốc một nắm tuyết cho vào mồm. Sợi dây thép buộc xác chết vẫn cứ ánh lên những tia làm lóa cả mắt, khiến tôi không thể không luôn luôn nhìn tới nó.

Đã đến nghĩa trang. Chúng tôi phải chờ đợi khá lâu trong một căn phòng chật hẹp bẩn thỉu. Bốn bức tường của căn phòng có nhiều kẽ hở được bịt kín bằng dăm bào đã đóng đầy băng. Một bà nhân viên quản lý nghĩa trang ngồi bên bếp lò, hơ đôi chân béo múp quấn đầy giẻ rách bên ngọn lửa. Rô-ma-sốp hình như bị phật ý cái gì đó đang nổi cáu với bà ta. Một lúc sau có người báo cho chúng tôi biết rằng huyệt đã đào xong. Mấy đứa trẻ cầm cuốc xẻng đứng bên đống đất phủ đầy tuyết. Chúng nó không hề muốn đem chôn bà Béc-ta xuống sâu như thế. Rô-ma-sốp sai chúng đi khiêng cái xác lại. Người đàn ông Do Thái cao lêu nghêu, có bộ mặt lúc nào cũng nhăn nhó lại lẽo đẽo đi theo sau xe trượt tuyết, luôn mồm ra lệnh phải dừng lại để lão đọc kinh cầu nguyện. Rô-ma-sốp buộc dây vào cái xác, nâng lên một cách nhẹ nhàng rồi đạp ngã chiếc xe trượt tuyết sang một bên. Bây giờ bà Béc-ta đã hoàn toàn nằm trên mấy đầu dây. Bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na hôn từ biệt lần cuối cùng người chị xấu số của mình. Lão Do Thái

vẫn đọc kinh, lúc trầm trầm buồn thảm, lúc lại cất hẳn giọng lên khiến ai cũng phải để ý đến.

Chúng tôi quay về phòng đợi để sưởi ấm, chữ "chúng tôi" ở đây là để chỉ tôi và Rô-ma-sốp. Anh ta vỗ vỗ vào túi áo, ra hiệu ngầm cho tôi, chờ khi mọi người ra hết ngoài cổng, chúng tôi liền bước vào phòng.

- Ta uống chút gì chứ?

Ôi trái tim tôi bắt đầu cháy bùng lên, nó đập dồn dập như trống dồn, từng đợt máu nóng hổi dồn về tứ chi! Tôi cảm thấy trong người nóng bức khó chịu vô cùng, phải mở khuy áo và lấy khăn choàng trên đầu xuống. Tôi lê đôi chân nhẹ lâng, bàng hoàng đi đi lại lại trong phòng.

- Cô uống thêm một cốc nữa chứ?

Người đàn bà to béo kia nhìn tôi thèm thuồng, tôi bảo Rô-ma-sốp rót cho bà ta một cốc. Khi rót rượu cho bà ấy, chắc Rô-ma-sốp nghĩ trong bụng: "Mẹ kiếp, lại cấu xé của ông rồi!" Anh ta có vẻ rất phấn chấn, mặt tái đi, tai đỏ dừ, chiếc mũ che tai hất ra sau gáy. Tôi cũng rất vui, tôi cầm một tấm bia màu đen để trên bàn đưa cho Rô-ma-sốp và nói đùa:

- Cái này là để dành cho anh đấy.

Anh ta cười hềnh hệch.

- Bây giờ cô mới trở lại như Ca-chi-a trước kia!

- Nhưng vẫn không phải là của anh đâu.

Anh ta chồm đến trước mặt tôi, kéo ghì lấy hai tay tôi. Cằm anh ta rung lên, miệng há ra để lộ hai hàm răng bé nhỏ như răng trẻ con. Kể cũng lạ, từ trước đến nay chưa bao giờ tôi phát hiện được răng anh ta nhọn sắc và nhỏ đến như thế.

- Không, của anh chứ! - Giọng anh ta gần như lạc đi.

Tôi rút tay ra khỏi tay anh ta. Lúc này tôi chợt nhìn thấy

trên khung cửa sổ có một chiếc búa, chắc là dùng để đóng tấm biển có viết chữ lên mặt kia. Tôi thong thả cầm chiếc búa thép lên, nó tuy không lớn lắm nhưng khá nặng...

Nếu đánh trúng vào thái dương thì chuyến ấy Rô-ma-sốp đã bị chết vì tay tôi rồi. Nhưng anh ta đã kịp lùi lại một bước nên bị xướt da thôi. Người đàn bà to béo kia hãi quá, vừa kêu toáng lên, vừa lao ra phía cửa phòng. Rô-ma-sốp đuổi theo, kéo bà ta lại và đóng kín cửa lại. Xong anh ta đi lại phía tôi.

- Hãy buông thả tôi ra! - Tôi hét lên giọng giận dữ. - Anh là kẻ giết người, anh đã sát hại Xa-nhi-a!

Hắn ta im lặng, không nói một lời nào. Chỗ bị thương máu chảy đầm đìa. Hắn lấy tay chùi rồi vẩy xuống sàn nhà, nhưng máu vẫn cứ túa ra giàn giụa, chảy giọt xuống vai, xuống ngực áo. Cả chiếc áo da ngắn đều ướt đẫm máu.

- Phải cầm máu lại ngay, - hắn ta lẩm nhẩm mắt không nhìn tôi. - Ca-chi-a, cô có đi kiếm được một chiếc khăn tay sạch nào không?

- Thôi được, cứ coi như tôi đã giết chết anh ấy đi, vậy thì tại sao tôi vẫn giữ tấm ảnh này lại? Chúng tôi vốn định đem chôn luôn cả các thứ tài liệu của Xa-nhi-a đi, vì lúc ấy Xa-nhi-a cầm trong tay số tài liệu này. Nhưng tấm ảnh thì hình như đã bị rơi mất. Tôi sợ cô không tin lời tôi nói, nên tôi không dám nói cho cô biết là tôi đã tìm được tấm ảnh ấy. Cô thật chẳng hiểu chút gì là chiến tranh cả! Tôi lại có thể giết chết một người của mình ư? Thật là một ý nghĩ điên loạn! Mặc dầu anh ấy là người như thế nào và có quan hệ gì với tôi đi nữa. Giết chết một người bị thương ư? Ca-chi-a! Đấy là những lời không ai có thể tin được!

"Không ai có thể tin được", Rô-ma-sốp lặp đi lặp lại câu này đến mấy lượt. Hắn sợ tôi đem điều nghi ngờ của mình tố giác với

tòa án quân sự hoặc viện kiểm soát. Hắn trút ra toàn bộ tiền và bánh mì mang theo cho người đàn bà quản lý nghĩa trang. Tôi nghe tiếng hắn bảo bà ta: "không được phép để lộ với ai câu nào đấy nhé". Sau đó hắn không đi nhà thương. Bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na đã giúp hắn dán thuốc cao vào cái vết thương khá to ấy ở trên thái dương.

- Đúng là tôi không ưa Xa-nhi-a, đó là sự thực mà tôi cũng chẳng giấu giếm làm gì. - Rô-ma-sốp nói tiếp. - Nhưng từ khi phát hiện ra anh ấy trên toa tàu chở thương binh, trông thấy vết thương trên chân anh ấy, trông thấy khẩu súng lục rơi ra bên đầu anh ấy thì tôi không nghĩ gì đến anh ấy nữa, mà nghĩ ngay đến cô. Sau khi nhận ra tôi, anh ấy mừng vô cùng. Cái đó không phải là không có nguyên nhân. Chính vì anh ấy biết rằng tôi sẽ là cứu tinh của anh ấy. Trong khi tôi đi tìm người đến khiêng anh ấy thì anh ấy đã tự biến đi đâu mất. Cái đó không thể là lỗi ở tôi được!

Rô-ma-sốp đi đảo qua đảo lại trong căn phòng hẹp, vừa bước vừa nói liên hồi... Anh ta đưa tay ôm đầu, lúc này cái bóng luôn luôn đi theo anh ta ở trên tường cũng dừng lại và dài ra giống một con quái vật có hai cái mũi rất to. Tôi mường tượng nhớ đến những ngày xa xăm của thời thơ ấu, như nghe văng vẳng tiếng nói của mẹ tôi hồi nào: "Con xem kìa, một con bò già đấy". - Tôi nằm trên chiếc giường con, mẹ tôi ngồi bên cạnh, đưa tay tới phía trước bức tường, bà cười, tôi không nhìn cái bóng kỳ dị trên tường mà cứ nhìn vào tay bà. "Kìa, một con sơn dương râu dài..." Hai mắt tôi ướt đẫm, nhưng tôi không lau nước mắt, vì lúc này rút tay từ trong đống chăn ra và áo ấm ra sẽ rất lạnh.

- Quả thực là do số mệnh xui khiến đã đem tai bay vạ gió đến cho tôi. Tôi mà giết anh ấy ư? Mỗi ngày người ta khiêng ra khỏi toa tàu vài ba xác chết. Nếu như ngày hôm sau có người trông

thấy xác một phi công bắn vào đầu tự sát, mà người phi công đó đã từng bị tuyên bố là mất tích ở một nơi nào đấy thì sẽ không có ai ngạc nhiên cả. Dù sao tôi cũng không thể là người giết anh ấy được, - Rô-ma-sốp nói như gào lên. - Cái ý nghĩ mong Xa-nhi-a chết để giành lấy hạnh phúc của anh ta là một ý nghĩ đê tiện, không thể tha thứ được. Vì vậy tôi đã quyết tâm vì cô mà ra sức cứu sống anh ấy. Thế mà bây giờ cô lại dám đổ tội cho tôi giết chết anh ta. Không hề! - Rô-ma-sốp nói giọng trịnh trọng. - Xin lấy cái thiêng liêng nhất trong đời tôi: mối tình của tôi đối với cô mà thề đấy! Nếu Xa-nhi-a đã hy sinh rồi thật thì về bất cứ phương diện nào, tôi cũng không có gì sai trái cả.

Anh ta muốn cài cúc áo da lại, nhưng các ngón tay cứ run lẩy bẩy, không sao cài được.

Nếu tôi có thể, nếu tôi còn dám tin lời anh ta nói một lần nữa thì hay biết bao nhiêu! Nhưng tôi vẫn lạnh lùng nhìn bộ mặt khô khan, nhìn đôi mắt lõm sâu một cách không tự nhiên, nhìn những món tóc vàng rối bời rũ trước trán, nhìn lớp kem xoa dày trên mặt làm cho hai bên má bị võng xuống mà mặt da thì lại căng ra khó coi kia của anh ta.

- Cút đi!

- Cô đang bị mệt, cô hãy để tôi ở lại đây với cô.

- Cút ngay đi!

Tôi không biết trước kia có bao giờ hắn khóc chưa. Bây giờ hắn gục mặt xuống giường không chịu đứng lên, toàn thân rung lên dữ dội, và hắn nấc lên, nước mắt giàn giụa. "Xa-nhi-a chắc còn sống" đột nhiên tôi nghĩ như vậy. Một cảm giác hạnh phúc làm cho trái tim tôi đập rộn lên, rồi như dừng hẳn lại. "Cái thằng cha quỳ trước mặt mình đây không còn là người nữa rồi mà hắn đã trở thành một con quỉ dữ, không, không thể được, không thể bày trò giả mạo để đánh lừa ta được".

- Cút ra ngoài ngay đi!

Tôi không biết đuổi hắn đi đâu nữa. Hắn ở trong nhà chúng tôi đã gần một tháng nay rồi. Cũng chẳng hiểu vì sao những ngày trước bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na đã hăng hái đi đăng ký hộ khẩu cho hắn. Lúc này đang nửa đêm, lại là lúc đang thiết quân luật. Nhưng hắn ta vẫn phải ra đi và trong nhà chỉ còn lại mỗi mình tôi.

Tiếng còi báo động rú lên. Sau đó cửa kính bị tiếng nổ làm rung dữ dội, ngọn đèn dầu vàng lợt để trên bàn cũng run rẩy muốn tắt. Không biết trong cánh rừng bạch dương ướt đẫm kia đang xảy ra chuyện gì?

Tôi nằm co rụt trong mấy lớp chăn và áo khoác nên không nghe tiếng còi báo an. Báo an xong, lại báo động tiếp theo ngay. Tiếng còi rền vang nhức nhối. "Tin hay không tin hắn ta nhỉ?"

Đêm đông, trong một thành phố đói rét, trong một căn phòng lạnh lẽo, dưới ngọn đèn dầu leo lét, phải luôn luôn vật lộn với bóng tối từ các góc nhà cứ chực xô ra. Trái tim tôi đang nguyện cầu, nguyện cho mối tình của tôi cứu vớt được anh, cầu cho niềm hy vọng của tôi nuôi dưỡng bảo vệ được anh. Hãy để cho mối tình của em bay đến bên anh, ngắm nhìn đôi mắt của anh, thổi sự sống vào đôi môi khô cứng của anh! Em sẽ áp bộ mặt nóng bỏng của em vào vết thương đầy máu của anh. Nói để anh biết: em đây, Ca-chi-a của anh đây! Cho dù anh ở chân trời góc biển, em cũng sẽ tìm đến bên anh. Cho dù anh có gặp bao điều không may, em cũng sẽ sát cánh cùng anh. Bất kể người nào đã từng giúp đỡ anh, cho anh uống nước, cho anh ăn cơm thì người đó cũng chính là em, là Ca-chi-a của anh đó. Nếu thần chết vồ xuống đầu anh, anh không còn đủ sức vật lộn với nó nữa, nếu lúc ấy trong trái tim anh, cho dù chỉ còn phảng phất một chút sức lực - thì đó cũng chính là em. Nhất định em sẽ cứu sống anh.

## Chương 16

# Xin chào - Lê-nin-grát

Tháng Giêng năm 1942, tôi được đưa ra khỏi Lê-nin-grát. Cơ thể tôi bị suy nhược quá thể nên bác sĩ không cho phép đi tàu hỏa. Vì vậy chị Va-ri-a đã tìm đủ mọi cách để tôi được đi máy bay.

Trước ngày tôi lên đường một hôm, Quân y viện phân loại gọi điện thoại cho tôi, cho biết trung úy Xcô-vô-rốt-ni-cốp bị thương phải vào điều trị và nhờ họ gọi điện hỏi thăm tôi.

- Cô là chị của trung úy phải không?

- Vâng, - giọng tôi run lên. - Vết thương cậu ấy có nặng không?

- Xoàng thôi. Anh ấy mong được gặp cô lắm đấy.

Tôi định đi thăm cậu ấy, nhưng Va-ri-a cản lại không cho đi. Nếu không thì tôi cũng bị chết dọc đường rồi. Sức sống trên cơ thể tôi dường như chỉ còn thoi thóp, mà bệnh viện thì lại ở xa lắc, tận ngoài đảo Va-xi-li-ép-xki, tưởng chừng như ở tận đầu bên kia trái đất vậy! Va-ri-a hy vọng rằng trung úy Pê-chi-a sẽ được chuyển sang điều trị ở Học viện Quân y, tất nhiên không phải về khoa Răng Hàm Mặt, vì vết thương của cậu ấy ở ngực và ở tay

trái, mà là về khoa Ngoại. Nhưng được cái khoa này ở rất gần Va-ri-a. Chị ấy có hứa với tôi là hằng ngày sẽ đến thăm Pê-chi-a, chăm sóc thường xuyên sức khỏe cậu ấy. Rõ ràng là lúc ấy Va-ri-a cũng không ngờ rằng lời hứa đó, về sau có tầm quan trọng biết chừng nào chẳng những đối với Pê-chi-a mà còn đối với bản thân chị ấy nữa.

Tôi mơ hồ nhớ ra một công trình kiến trúc bằng gỗ, hình ảnh của nó xa mờ như trong giấc mơ. Có phải là kho chứa máy móc không nhỉ? Tôi cũng như rất nhiều người khác, lặng lẽ ngồi chen chúc nhau trên sàn cái công trình kiến trúc này. Sau đó chúng tôi được dẫn vượt qua một khoảng đất ngập tuyết trắng xóa, lại qua một đường truông hẹp đến một nơi nào đó. Hai bên đường đầy những hố bom sâu hoắm. Rải rác khắp đó đây, hiện lên những mảnh xác máy bay bị tan nát. Dọc bên đường còn có những bức thành thấp màu đỏ chưa bị tuyết phủ kín, ngay lúc ấy tôi không đoán ra được rằng đó chính là thịt bò ướp từ các nơi vừa được máy bay chở tới cho Lê-nin-grát. Cuối cùng, chúng tôi lần theo bậc thang leo lên máy bay. Trong ruột máy bay trống không, lạnh buốt, hai bên sườn đặt hai dãy ghế dài. Một khẩu súng máy đã bỏ áo bọc đặt chắc trên giá thép.

Mọi thứ diễn ra là như vậy. Một phi công người thấp bé, mặt hầm hầm tức giận, mang giày bay bước vào khoang máy. Tiếng máy nổ dội lên. Cánh đồng rộng, không bao giờ quan tâm đến thế sự loang loáng lướt qua dưới cánh máy bay. Lúc này tôi đã tỉnh lại. Thôi xin chào Lê-nin-grát!

Hiện giờ tôi đang bay trên mặt hồ La-đô-ga. Chỉ vài ngày nữa, đoàn ô-tô đầu tiên sẽ chở dân Lê-nin-grát tản cư ra ngoài, đi về phía "đại lục", rồi sau đó sẽ chở bánh mì và bột mì trở về Lê-nin-grát. Dọc vùng này có rất nhiều biển chỉ đường, có tấm biển

đề là "con đường sống". Mọi người đang làm việc hết mình ở trong tuyết.

Tôi bay bên trên tấm bản đồ chiến tranh vĩ đại. Người ngồi trước vòng lái bây giờ không phải là người phi công nhỏ bé hầm hầm giận dữ khi nãy nữa, mà là một "vị thần thời gian".

Lúc nào thời gian cũng nhìn về phía trước, và trước mắt nó đang mở ra một bức tranh hùng vĩ, rộng lớn vô cùng. Từng đoàn tàu chở phụ tùng đã bị tháo tung ra của các nhà máy nối tiếp nhau chạy về phía đông. Mặc dù tuyết chưa hề tan, nhưng ánh mặt trời mùa đông đã bắt đầu có lúc le lói. Trên những thảo nguyên không một bóng người ấy, nơi xưa kia chỉ thấy loáng thoáng đôi chiếc xe trượt do ngựa kéo chạy qua hết ngôi lều này đến ngôi lều khác; nơi những người Ca-dắc chăn súc vật đã từng gẩy đàn tung-bu-la, nay đã mọc lên những ngôi nhà cao lớn và mỗi ngày một được cao thêm. Đất nước của chúng ta bị kẻ thù đẩy lùi lại một bước, nay đang lấy hơi chuẩn bị lao mạnh về phía trước...

Khi được đưa vào phòng "Bệnh nhân Lê-nin-grát" ở I-a-rô-xláp thì tôi thực sự chỉ còn thoi thóp. Ở đây có một số người rất thư sinh, họ luôn cố hãm mình lại, không nghĩ đến chuyện ăn uống. Các bác sĩ khuyên họ chớ nên thắt lưng buộc bụng quá và dẫn họ vào kho để xem lương thực thực phẩm còn rất nhiều như thế nào.

Bà tôi tìm được tôi ngay trong bệnh viện. Bà đến đứng ở cửa phòng bệnh nhân lưỡng lự nhìn vào, bà nhìn tôi nhưng không nhận ra tôi nữa. Tôi cảm thấy buồn cười, liền vẫy bà vào, trong lòng vừa vui vừa buồn thấm thía...

Tiến lên, hãy tiến lên! Hết ngày lại đêm, hết đêm lại ngày!

Và rồi ngày đêm như nhập lại làm một, đến nỗi mặt trời không biết nên mọc lên vào lúc nào và ở đâu.

Một tên lính Đức nằm gục tróng tuyết, để ló ra ngoài đôi chân cứng đờ. Tay hắn vốc đầy đất, miệng hắn ngậm đầy đất, chừng như vì tham lam ăn nhiều quá mà hắn bị tắt thở vậy.

Một người lính Nga vùng dậy, lao về đằng trước xung phong, trong tay anh lăm lăm quả lựu đạn, giữa lúc ấy một viên đạn đã xuyên qua tim anh. Anh tựa người vào một gốc tùng và sau đó bị chết cóng trong rét buốt khủng khiếp. Anh kiêu hãnh ngẩng cao đầu, lộ rõ vẻ hăng hái quên mình do lòng hăng say chiến đấu tạo nên. Anh đứng đó như một bức tượng đắp bằng tuyết trắng.

Ấy là mùa đông năm 1941.

Nhưng đấy cũng là một mùa đông đáng ghi nhớ. Trên đất nước của Liên bang Xô Viết rộng lớn, sức mạnh mới bắt đầu trỗi dậy, như một luồng gió thổi vào phòng điều dưỡng "Lê-nin-grát". Trái tim mọi người lại ngùn ngụt sức sống, khiến cho ta phải tự oán giận mình, oán giận cái cơ thể yếu nhược chẳng làm gì được của mình. Những tình cảm đó giày vò và khích động tâm hồn chúng tôi rất nhiều...

Đến tháng Ba tôi được ra viện. Bà tôi dẫn tôi ra ga tàu hỏa. Dọc hai bên đường, tuyết tan chảy thành rãnh ánh lên dưới ánh nắng mặt trời. Bầu không khí trong lành mới mẻ, dòng người và xe cộ chảy trên đường phố... Tất cả những cái đó làm cho tôi choáng ngợp lảo đảo. Chúng tôi đi về làng Gơ-ni-lôi I-a-rơ.

Trước đây tôi cứ nghĩ rằng trẻ con sống trong cái làng không tên tuổi và bất tiện này chắc hẳn là không lấy gì làm tốt lắm. Nhưng bây giờ đến đây tôi mới hay rằng ý nghĩ ấy là không có căn cứ chút nào. Các cháu sống ở đây rất thoải mái. Bé Pê-chi-a lớn hẳn lên và trông chắc nịch đáo để, giống hệt như con nhà

nông vậy. Đỉnh mũi cháu bị bóc một lớp da vì nắng hun. Trên đôi chân đen sạm của cháu đã mọc lên một lớp lông tơ màu vàng óng.

Khi tôi hôn cháu trước mặt các cháu khác, cháu đã biết ngượng. Cháu đang mải mê chơi tem. Và cháu đã biết coi khinh bạn Vít-ca Cô-tép-cốp vì bạn hay khóc và động một tí là đòi "mách" mẹ. Cháu thường xuyên liên lạc với bố bằng thư và trong bức thư nào bố cũng thay mặt cho một người nào đó gọi là dì Va-ri-a hỏi thăm và chúc sức khỏe cháu.

- Dì ấy nhiều tuổi lắm phải không ạ?

- Không, còn trẻ thôi.

- Thế dì ấy hỏi thăm cháu để làm gì ạ? Có phải là để làm quen với cháu không ạ?

- Chắc là như thế đấy...

Nghĩa trang của làng nằm trên sườn đồi cao. Những ngày trời trong, từ xa có thể nhìn thấy các giá chữ thập và ngôi sao vàng ở trên đó. Chúng tôi dạo chơi trên vạt cỏ nằm giữa nghĩa trang với đường đi. Đằng sau vạt cỏ ấy là những cánh đồng cỏ mênh mông một màu xanh chỗ đậm chỗ nhạt.

- Khi chết, mẹ cháu cũng còn rất trẻ phải không ạ?

- Phải, mẹ cháu còn trẻ lắm.

Cháu lại bứt đọt cỏ, một con rùa bò qua rãnh nước rồi biến mất. Cháu đang nghĩ gì nhỉ?

- Bác Xa-nhi-a có giống mẹ cháu không ạ?

- Giống như đúc ấy.

Cháu nhìn tôi vẻ rụt rè, cháu mân mê bàn tay tôi rồi hôn lên đấy. Tôi òa khóc, nước mắt chảy xuống đỉnh mũi bị bóc da vì nắng hun của cháu. Hai bác cháu ôm nhau ngồi im lặng hồi lâu

trên đám cỏ dại. Thần chết độc ác, tàn bạo đã cướp mất sinh mạng của Xa-sa như đang trố mắt ngồi quanh đâu đây.

Tiến lên, hãy tiến lên! Chớ có quay đầu lại, cũng đừng luyến tiếc quá khứ mà chùn bước!...

Ấy là mùa hè năm 1942. Trại trẻ của Sở bảo tàng nghệ thuật chuyển về tỉnh Nô-vô-xi-biếc. Tôi trở về thành phố Mát-xcơ-va buồn lặng, trên các nóc nhà đều có đặt pháo cao xạ và giữa các quảng trường lại vẽ đầy những nóc nhà giả.

Qua một năm chiến tranh, đường tàu điện ngầm vẫn hết sức sạch sẽ, mới mẻ và không có chút gì thay đổi. Trên đại lộ Gô-gôn, vẫn thấy các toán trẻ em đi dạo chơi cùng các bà bảo mẫu. Trong ngõ Xíp-xép Vra-giéc, có hai ngôi nhà vừa được sửa chữa, từ trên tầng cao có thể nhìn xuống thấy những ngôi nhà chung quanh đã mục nát, song đó vẫn là cái ngõ hẹp quanh co quen thuộc từ lâu đời của tôi. Chiếc cầu thang bẩn thỉu quen thuộc hiện ra trước mắt tôi. Dòng chữ viết trên tấm biển bằng đồng: "Giáo sư Va-len-tin Ni-cô-lai-ê-vích Giu-cốp". A ha! Giáo sư, anh ấy trở thành giáo sư rồi! Một tin hoàn toàn mới mẻ đây. Tôi ấn nút chuông rồi gõ cửa. Cánh cửa mở ra. Một sĩ quan có râu, đeo kính hiện ra trước khung cửa.

Tôi nhận ra anh ngay. Không phải anh ta thì còn ai mà cứ nhìn tôi bằng cái vẻ rụt rè khách sáo thế kia? Tôi hỏi anh:

- Giáo sư Va-len-tin Ni-cô-lai-ê-vích Giu-cốp ở đây phải không ạ?

Không phải anh ấy thì còn ai mà cứ nghiêng nghiêng cái đầu và chớp mắt lia lịa thế kia? Không phải anh ấy thì còn ai mà lại dám hét ầm lên, chạy bổ về phía tôi, vụng về hôn lên tai tôi và giẫm vào chân làm tôi đau điếng cả người như thế?

- Ca-chi-a, ôi Ca-chi-a! Mừng quá đi mất, thật không ngờ chị lại đến tìm tôi!

Anh đỡ lấy va-li của tôi, hai chúng tôi cùng đi vào "nhà bếp chung" trước kia đã từng là phòng làm việc, phòng ăn kiêm phòng nuôi trẻ. Trời đất! Căn nhà bếp cổ đầy đủ tiện nghi đến thế kia mà nay đã trở nên thế này! Trên bàn đang để một chiếc làn, trong đó đựng một bát cháo, sàn nhà lâu nay không được lau, cửa sổ lõng thõng những mảnh giấy xanh rách nát.

Va-li-a bắt chặt tay tôi.

- Tôi biết cả rồi, biết hết cả rồi, - các thớ thịt trên mặt anh khẽ động đậy, đôi mắt sau lần kính trắng khẽ nheo lại. - Xa-nhi-a thân yêu... nhưng dù sao vẫn còn hy vọng. Bác I-van Pa-vơ-lứt có đọc thư của chị cho tôi nghe. Tôi có nói chuyện với một đồng chí thượng tá, đồng chí ấy cũng cho biết rằng có rất nhiều binh sĩ của ta bị thất lạc nay đã trở về.

Tôi đáp: "Vâng, có rất nhiều binh sĩ như thế" và anh ôm chầm lấy tôi.

- Tôi sẽ không để cho chị đi đâu cả, - anh nói giọng quả quyết. - Ở đây có phòng trống. Chị ở lại đây sẽ cảm thấy dễ chịu ngay. Nghe bác I-van Pa-vơ-lứt nói chị sẽ về nên tôi đã chuẩn bị sẵn rồi. Bây giờ phải lau sàn nhà một chút nhỉ, - anh hỏi giọng lưỡng lự.

Tôi không nén được cười. Anh ngồi trên giường cũng bật cười theo.

- Thôi, bây giờ không có thì giờ đâu. Tôi sẽ không thường xuyên ở đây đâu, phải dành nhiều thời gian ra mặt trận chứ. Mùa đông mà được ở đây thì thực là tuyệt lắm. Ở Sở nghiên cứu lạnh quá nên tôi phải chuyển các vật thí nghiệm về đây.

Cố nhiên là Va-li-a không thể chuyển hết tất cả các con vật hiện có về nhà, mà chỉ chuyển một số giống quý. Cũng lạ, những giống chuột bạch hiếm có của nước ngoài trước nay không chịu sinh đẻ, nhưng sau khi được chuyển về nhà Va-li-a ít lâu thì chúng liền sinh con đẻ cái. Thế mới biết môi trường sống ảnh hưởng đến chúng như thế nào! Các thứ dụng cụ gia đình đều bị Va-li-a đốt phá, vứt đi hết. Thực ra làm như thế cũng tốt thôi, nếu không để Ki-ra trông thấy những thứ "của quí" ấy bị hư hỏng, gãy nát, cô ấy sẽ giận lắm.

- Nhưng trong số đồ dùng cần thiết, tôi chỉ đốt có mỗi chiếc bàn trong nhà ăn thôi, - Va-li-a nói giọng đắn đo. - Nếu có thể nói rằng những thứ chủ yếu đã được giữ lại cả. Đấy chị xem, chiếc ghế này, chiếc tủ con được Ki-ra yêu thích nhất kia, và cả cái chốt cửa kia nữa...

Đến mùa xuân các con vật thí nghiệm lại được chuyển trở về Sở nghiên cứu. Lúc này Va-li-a được phong hàm đại úy và về công tác tại Tổng cục quân y. Tôi hỏi anh rằng ở mặt trận có ai cần đến anh và đàn vật thí nghiệm của anh không. Anh trả lời một cách nghiêm túc:

- Đấy là bí mật quân sự.

Nói tóm lại cái gì cũng tốt đẹp cả. Chỉ có một việc duy nhất không được như ý là hồi mùa đông năm ngoái anh đã dùng điện vượt quá "mức nguy hiểm", bị công ty quản lý điện cử người đến cắt điện, nên mãi đến bây giờ vẫn cứ phải chịu tối.

Nhưng có điều may là lúc này ngày rất dài, ban đêm Va-li-a làm việc nhờ một chiếc đèn cồn.

- Có thể nấu nước bằng chiếc đèn cồn này được không nhỉ?

Va-li-a ngơ ngác nhìn tôi.

- Trời ơi. thế mà tôi quên biến đi mất. Chị đi đường xa. mà tôi quên pha nước chè cho chị uống.

- Không. tôi cần rất nhiều nước ấm cơ, - tôi nói. - Cần nhiều kia anh có thùng không?

Khi tôi cởi giày. vén váy bắt đầu cầm bao tải lau sàn nhà thì Va-li-a cứ ngồi đờ người ra và thở rất ghê.

Anh ta lấy tay vuốt vuốt sống mũi, ngạc nhiên nhìn tôi dồn hàng đống vỏ khoai tây từ dưới gầm giường ra. nhìn tôi xé những mảnh giấy xanh rách nát lòng thòng bên cửa sổ. rồi lại nhìn tôi dồn tất cả chúng lại thành một đống tướng gồm có vả vụn bánh mì đã bị thiu thối ngay giữa nhà.

Tôi vén váy, đứng chân không trên bàn. dùng vải ướt lau mạng nhện trên tường. Giữa lúc đó, có tiếng gõ cửa. Va-li-a vội xách thùng nước bẩn đầy ắp chạy ra buồng trước.

Tôi nghe tiếng anh nói khẽ với một người nào đó: "Khá lắm, chị ấy biết tự kiềm chế nên mọi việc đều ổn cả". Những lời sau đó tôi không nghe rõ nữa.

Một bóng người cao lớn lướt qua trước cửa. Ông lấy mũ xuống, rút bao tay ra rồi bước đến trước gương. lấy lược chải bộ ria đã bạc. Người khách ấy từ cửa ngoài bước vào. rồi ông dừng lại sững sờ nhìn tôi.

- Ôi. bác I-van Pa-vơ-lứt!

Lâu nay tôi vẫn thường xuyên gửi thư cho bác, nên việc bác đến nhà Va-li-a để gặp tôi là việc có chủ định. Song riêng tôi thì tôi vẫn cảm thấy hết sức đột ngột. Cuộc gặp gỡ như diễn ra trong giấc chiêm bao vậy. Hai bác cháu ôm chầm lấy nhau, nghẹn ngào. Hai mắt rưng rưng, bác đưa tay vào túi rút khăn tay.

- Sao không đến thẳng chỗ bác? - Giọng bác có phần giận dỗi. Bác cầm khăn không ngớt lau nước mắt và lau râu.

- Bác I-van Pa-vơ-lứt ạ, cháu định hôm nay đến đằng bác đấy ạ.

Tôi đứng sau cánh cửa tủ thay áo. Chúng tôi nói chuyện với nhau liên hồi kỳ trận. Tôi kể về chuyện tôi đáp máy bay đến đây, về bệnh tình của tôi, về tình hình Lê-nin-grát bị phong tỏa, về cuộc tiến công của quân đội chúng ta ở ngoại ô Mát-xcơ-va... Bây giờ tôi mới chợt nhận ra bác I-van Pa-vơ-lứt đã già đi nhiều. Trên vầng trán rộng của bác nổi lên rất nhiều nếp nhăn và trên mặt có nhiều nốt đồi mồi mà những người có tuổi thường có. Song bác vẫn giữ được một vẻ ngoài hết sức đường hoàng nhanh nhẹn.

Lần cuối cùng hai bác cháu gặp nhau là vào năm 1940. Nhưng sao tôi cảm thấy ngày ấy xa xôi đến thế! Hôm ấy, tôi và Xa-nhi-a đột nhiên rất nhớ bác, thế là hai đứa liền mang trứng và rượu tìm đến ngôi nhà độc thân lạnh lẽo của bác. Hôm ấy bác rất vui, bác phấn chấn uống rượu nho và cùng Xa-nhi-a say sưa nhắc tới Gri-sa Pha-be cùng với vở bi kịch "Thời gian đã đến". Trong vở kịch này, Gri-sa Pha-be đóng vai chính, đứa con nuôi của một người Do Thái. Chúng tôi ngồi quanh lò sưởi đến tận khuya. Đấy là một thời đã qua, khác hẳn với bây giờ.

- Trông bác già lắm phải không? - Thấy tôi cứ nhìn bác chăm chăm, bác liền hỏi.

- Ai cũng già hơn trước cả, bác I-van Pa-vơ-lứt ạ, bác trông cháu thế nào?

Bác im lặng một lúc lâu chẳng nói chẳng rằng. Mãi sau bác mới nói giọng buồn buồn:

- Cháu ấy à, Ca-chi-a, cháu càng lớn lên càng giống hệt mẹ cháu...

Lúc này trời đã tối. Va-li-a thắp chiếc đèn cồn của anh lên nhưng liền bị chúng tôi thổi tắt ngay. Ánh hoàng hôn chan màu sáng mát dịu từ ngoài ngõ vào nhà. Được ngồi trước cửa sổ mở toang, không che màn phòng không mà nhìn ra ngoài vào lúc này thì không còn gì thú vị bằng! Ngoài ngõ vẫn còn sáng nhờ nhờ, nhưng trong nhà Va-li-a thì đã tối hẳn. Tôi không còn nhìn rõ bác I-van Pa-vơ-lứt nữa mà chỉ trông thấy chòm râu bạc của bác. Tôi cũng không nhìn rõ Va-li-a nữa mà chỉ trông thấy ánh kính đeo mắt loang loáng luôn luôn động đậy của anh. Trong giây phút im lặng này, tôi cảm thấy rất mãnh liệt rằng mình đang sống giữa những con người chân chính, trung thực và sống chết có nhau. Tôi tự nhủ: "Thời kỳ gian khổ nhất chắc đã qua rồi, nếu không sao những người này thương yêu mình đến thế? Nếu không, sao họ lại có thể mãi mãi sống bên cạnh mình, làm cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn?"

## Phần thứ tám

# ĐẤU TRANH VÀ TÌM TÒI

(LỜI KỂ CỦA XA-NHI-A GRI-GÔ-RI-ÉP)

## Chương 1

# Buổi sáng

Ca-chi-a đang ngồi bên cạnh bà Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na ở ngoài ban công. Trong giấc chiêm bao tôi nghe rộ tiếng nói chuyện khe khẽ của hai người, vì cả hai đều sợ làm tôi tỉnh giấc. Cảnh tượng tối hôm qua lại hiện ra rất rõ trước mắt tôi.

Vì bà Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na đến lần đầu tiên nên chúng tôi phải chuyển bàn ăn ra vườn hoa. Chúng tôi đã đợi bà mãi và cuối cùng bà cũng đến. Bà mặc chiếc váy liền áo mới vai bồng kiểu năm 1908, chân mang giày da loại có khuy cài và mũi giày rất dài, trông bà có vẻ rất trang trọng.

Bà kể câu chuyện bà quản gia của ông Ni-cô-lai An-tô-nô-vích đem giày bẩn để lên lò sưởi nghe rất vui. Sau đó là chuyện ông Ni-cô-lai An-tô-nô-vích được phân phối một căn nhà mới gồm có bốn căn phòng có đầy đủ thiết bị sưởi ấm và bếp hơi đốt ở phố Goóc-ki. Sau khi nhận được giấy phân phối, ông ta liền đánh ô-tô riêng đến xem nhà. Lúc ấy trông nét mặt ông ta rạng rỡ vô cùng. Bà nhại theo giọng của ông Ni-cô-lai An-tô-nô-vích: "Này bà Ni-

na Ca-pi-tô-nốp-na. bà hãy tùy ý chọn lấy một phòng mà ở". Sau đó bà trở lại giọng bình thường của mình, trả lời một cách kiêu hãnh: "Xin cám ơn ông Ni-cô-lai An-tô-nô-vích, bây giờ tôi chỉ nghĩ đến chuyện xuống mồ thôi, còn những của lạ của người lạ ấy tôi chẳng cần gì cả".

Tôi hình dung một ông già ngồi trong một căn phòng đẹp đẽ mới xây dựng ở Mát-xcơ-va, trong đó có đèn điện, có không khí trong lành, có cả thiết bị sưởi ấm và bếp hơi đốt cho ông tha hồ sử dụng, nhưng ông ta lại đi viết những điều trái ngược. tức là tất cả những điều trắng ông ấy nói là đen, tất cả những cái đen ông ấy biến thành trắng tuốt.

Sáu giờ mười lăm phút, đã đến lúc dậy rồi. Nhưng cứ nằm im, nhắm mắt lại mà nghe tiếng bước chân của Ca-chi-a nhè nhẹ vang lên trên sàn ngôi nhà cũ kỹ này thì thực dễ chịu vô cùng. Nàng dừng lại bên cửa phòng giây lâu, hình như để xem tôi đã thức giấc chưa, sau đó có lẽ lại đắn đo không nỡ gọi tôi dậy. Nàng lại đi vào nhà ăn, nói với "bà bảo mẫu khoa học" rằng hôm nay không cần đi chợ vì đến mười giờ tôi đã phải đi xa rồi.

Người vợ thân yêu của tôi! Nhiều năm ròng xa cách nhau tôi đã quen coi nàng như người trong mộng; bây giờ mặc dù đã có nàng bên cạnh, tôi vẫn đến với nàng bằng những tưởng tượng trong óc: nàng mặc chiếc áo dài bằng lụa, đầu vừa chải xong, hay nói cho đúng hơn, vừa dùng tay vuốt qua loa rồi dùng kẹp găm lại. Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy nàng với dáng dấp này. cái dáng mà tôi rất ưa thích, vì thế buổi sáng hôm ấy tôi hết sức phấn chấn. Chúng tôi thường phải sống xa nhau và sau mỗi lần như thế, mọi thứ tuồng như lại phải quay lại từ đầu.

Sáu giờ ba mươi phút. Nàng đi nhón gót chân vào phòng và nhẹ nhàng cúi xuống hôn tôi.

- Anh ngủ có đến một trăm năm rồi đấy. Anh có muốn đi bơi không?

- Có đẹp không?

Ý tôi muốn hỏi thời tiết thế nào.

- Trời đẹp lắm!

- Thế thì đi!

- Ra sông chứ?

Phía dưới dốc núi một quãng không xa có một dòng sông nhỏ chảy qua, nhưng chúng tôi lại thích bơi ở hồ hơn, nêu tuy đã muộn, hai chúng tôi vẫn dẫn nhau ra hồ.

Hôm nay mà chỉ nói thời tiết tốt thôi thì chưa đủ, có thể nói rằng suốt cả mùa hè không có buổi sáng nào đẹp như sáng hôm nay. Ánh mặt trời như cố sức nhanh chóng biến vạn vật trở nên xán lạn, đẹp đẽ hơn lên. Hãy xem kìa, cảnh vật bên bờ hồ trước mặt đã trở nên hết sức hấp dẫn, bây giờ bên phía bờ hồ chúng tôi đứng cũng bắt đầu rạng lên những tia sáng rực rỡ. Đám sương mù mờ trắng dồn lại trong dãy tùng non đương hốt hoảng tan biến đi.

Chủ nhật tuần trước tôi đã cùng Pê-chi-a bắc chiếc cầu nhỏ qua con suối đi ra hồ. Chiếc cầu bây giờ chỉ còn lại mỗi một cây thông bắc qua. Tôi chạy qua thân cây thông, còn Ca-chi-a thì lội suối vượt qua. Ôi, chỉ một giây phút ấy thôi mà hình ảnh của nàng đã in rất đậm vào trí nhớ của tôi! Nàng khẽ kéo váy lên cao, đưa chân thận trọng vừa dò lòng suối vừa lội qua, chiếc khăn mặt vắt trên vai rơi xuống, nàng nhanh nhẹn chụp lấy trước khi nó rơi tới mặt nước...

Chúng tôi trèo lên dốc núi rồi đi vòng ra phía nghĩa trang cũ của những người Thụy Điển, đằng sau đó là giáp với mặt hồ cuộn

sống. Bờ hồ cây cỏ mọc xanh rờn. Một chú bé đi chân đất rét run đang kéo lưới bắt tôm. Lạ thật, sao lại bắt tôm vào lúc tám giờ sáng thế này nhỉ?

Tôi kéo chú bé cùng với chiếc lưới từ dưới nước lên, giảng cho chú nghe một bài thường thức về khoa bắt tôm, đặc biệt là loại tôm biếc. Muốn bắt được loại tôm này thì nhất định phải dùng thịt thiu. Ca-chi-a nghe tôi nói cứ cười rũ ra. Tôm ở đây bé lắm, chẳng bù ở En-xcơ, tôm to đáo để.

Ánh mặt trời rọi qua cành liễu, hong khô mặt cát và làm chúng nóng lên. Bên dưới tán liễu là một vùng bóng râm mát dịu, nhưng cách đó mấy thước, mặt nước đang sáng lên ánh mặt trời chói chang. Như mọi lần, tôi và Ca-chi-a cứ hướng theo hướng mặt trời mà bơi, rồi gập hai tay ra sau gáy, nằm ngửa trên mặt nước mà "sưởi" nắng.

Tại sao tôi lại kể câu chuyện của chúng tôi bắt đầu từ buổi sáng như hôm nay nhỉ? Thực ra nó chẳng có gì khác với những buổi sáng chủ nhật khác! Có lẽ vì cuộc sống cũ kết thúc vào ngay hôm nay chăng? Một cuộc sống khác, hoàn toàn mới mẻ đã bước vào thay thế nó và chi phối toàn bộ tư tưởng, tình cảm cùng ấn tượng của cả tôi lẫn Ca-chi-a...

Cuộc sống khác ấy là chiến tranh. Nếu lịch sử của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp cùng chiếc tàu thám hiểm "Xanh Ma-ri" của ông không chút gì dính dáng đến những thử thách hết sức ly kỳ của tôi trong chiến tranh thì tôi sẽ không viết những dòng chữ sau đây làm gì.

## Chương 2

# Cậu ấy

Tôi chăm chú theo dõi tình hình xảy ra trong những ngày và những tuần đầu của cuộc chiến tranh, trong lòng vô cùng bứt rứt bởi không có cách nào thuật lại cho tất cả mọi người nghe những gì mà tôi đã trông thấy.

Tôi nhìn thấy một ngôi nhà rất rộng lớn, nhưng tối tăm ở nông thôn, một chiếc bàn được chiếu sáng bởi một ngọn nến sắp tàn, một khung cửa sổ được che bằng mảnh áo đi mưa của lính. Cửa ngôi nhà mở ra, một quân nhân mặc quân phục mùa hè bước vào, anh ta cời thêm bếp lò rồi ngồi vào ăn một cách hấp tấp. Đó là Gri-sa Trô-phi-mốp. Một người khác từ giường đứng lên, đến ngồi cùng với anh trước bàn, đó là Lu-ri. Tôi nghe những câu trao đổi khe khẽ của hai người, trong lòng xao xuyến vô vàn.

- Đến La-đô-ga chưa?

Gri-sa vừa ăn vừa lặng lẽ gật đầu.

- Này, thế nào?

- Chẳng thế nào cả.

## Chương 2

# Cậu ấy

Tôi chăm chú theo dõi tình hình xảy ra trong những ngày và những tuần đầu của cuộc chiến tranh, trong lòng vô cùng bứt rứt bởi không có cách nào thuật lại cho tất cả mọi người nghe những gì mà tôi đã trông thấy.

Tôi nhìn thấy một ngôi nhà rất rộng lớn, nhưng tối tăm ở nông thôn, một chiếc bàn được chiếu sáng bởi một ngọn nến sắp tàn, một khung cửa sổ được che bằng mảnh áo đi mưa của lính. Cửa ngôi nhà mở ra, một quân nhân mặc quân phục mùa hè bước vào, anh ta cời thêm bếp lò rồi ngồi vào ăn một cách hấp tấp. Đó là Gri-sa Trô-phi-mốp. Một người khác từ giường đứng lên, đến ngồi cùng với anh trước bàn, đó là Lu-ri. Tôi nghe những câu trao đổi khe khẽ của hai người, trong lòng xao xuyến vô vàn.

- Đến La-đô-ga chưa?

Gri-sa vừa ăn vừa lặng lẽ gật đầu.

- Này, thế nào?

- Chẳng thế nào cả.

- Còn ở Dơ-van-ca thì sao?

Gri-sa cứ tiếp tục ăn, không đáp lời. Anh đã từng đến Dơ-van-ca.

Hai người quê ở Lê-nin-grát ngẩng mặt nhìn nhau. Đấy là cái đêm đầu tiên sau khi Lê-nin-grát bị bao vây.

Tôi lại trông thấy trên nóc buồng lái của chiếc máy bay của tôi nhô ra ngoài một cái cột cờ, và trên đó có một lá cờ đang tung bay. Chúng tôi đã dùng cách đó để làm yên lòng những người hoảng sợ đương nghĩ rằng mình bị bao vây quá chặt.

Rồi tôi nhìn thấy ngôi mộ đầu tiên. Chúng tôi lấy mảnh đuôi đạn pháo trang trí cho ngôi mộ đẹp lên. Sau mỗi lần bay chiến đấu trở về, chúng tôi đều cố bay thật thấp lướt qua trên ngôi mộ ấy.

Hồ nước lại hiện ra trước mắt tôi. Cuộc sống trước đây như ném xuống mặt hồ buổi sáng mù sương hình ảnh cuối cùng của mình. Bây giờ nhìn mặt hồ ảm đạm quá. Mặt nước cao ngang bờ tỏa ra một màu sáng đục, những cuộn khói đặc sánh từ trong cánh rừng bị bọn Đức đốt cháy tỏa ra, bay là là trên mặt hồ.

Buổi tối, chúng tôi từ trong hầm trú ẩn ở sườn núi đi ra. Mấy chiếc xuồng máy đang dừng lại dưới gốc liễu. Chúng tôi lao đi vun vút trên mặt nước, trong tiếng máy nổ gầm gào và tiếng nước sôi réo. Mấy chiếc máy bay từ phía bên kia cánh rừng chợt hiện ra và bay về phía chúng tôi.

Tôi đã chứng kiến rất nhiều sự kiện. Song tất cả những thứ mà tôi nhìn thấy đều như xảy ra ở trên bản đồ, ngày ngày chúng trải ra dưới cánh bay của tôi - những nét vẽ màu đen đậm biểu thị hướng tấn công của bọn Đức, đang ngày một mở rộng thêm ra.

Ngày nào cũng có phi công mới được bổ sung đến đơn vị, và số phi công dân dụng ngày càng nhiều lên. Tôi có gặp một số phi công trước kia cùng công tác ở Phương Bắc hoặc ở Viễn Đông. Họ

là những phi công có nhiều kinh nghiệm, nhiều người được phong là phi công cấp Một, cấp Hai. Trong đó có ba người đã từng bay trên một triệu ki-lô-mét. Thực là thú vị khi thấy những người như thế cũng được vào quân đội. Hầu như lúc nào chúng tôi cũng bàn tán về đề tài này. Tôi, Lu-ri và đồng chí phụ trách máy hễ gặp nhau bất kể ở đâu, trong nhà ăn hay nhà ngủ sĩ quan đều chỉ bàn tán đến mỗi một chuyện ấy. Sở dĩ chúng tôi chỉ bàn đến mỗi chuyện ấy vì giữa anh em chúng tôi có giao ước ngầm với nhau là sẽ không bàn đến "những chuyện khác". "Những chuyện khác" ấy đã có báo chí nói thay cho chúng tôi rồi.

Giữa tháng Tám, tôi cùng với tổ tiếp vận trên không được điều đến công tác trong một đơn vị không quân ở mặt trận phía nam.

Đêm hôm ấy trời tối đen như mực, đúng như lời Lu-ri nói là loại đêm đặc biệt chỉ có ở thành phố "Ra-men-xcai-a". Mưa bụi biến thành lớp mù dày đặc phủ lên mặt nước. Dù có cố mở to mắt ra cũng chẳng nhìn thấy gì ở trước mặt. Nếu đồng chí phụ trách máy không rọi đèn pin thì tôi không tài nào nhìn thấy chiếc xuồng máy.

Đồng chí đại tá gọi tôi đến, chúng tôi đứng im lặng bên nhau một lúc lâu. Trong bóng tối, tôi lờ mờ nhận ra cái mũi khoằm và bộ mặt cương nghị, còn rất trẻ của ông. Thực ra lúc đó chẳng có gì cần nói với nhau, nhưng ông vẫn hỏi tôi có mang đạn pháo sáng theo không. Tôi trả lời có. Ông hỏi pháo sáng là để lấy lòng tôi, lần trước trong một cuộc họp thảo luận kỷ luật bay, tôi có phát biểu rằng ban đêm dùng pháo sáng sẽ oanh tạc chính xác hơn nhiều.

Hình như hôm nay tư tưởng Lu-ri không được ổn định. Nếu không thì anh ta đã chẳng tìm làn sóng bắt bằng được cái đài

Ru-ma-ni ảo não ấy làm gì. Tôi chợt nhớ đến bộ mặt ngớ ra ngạc nhiên của anh ta khi tôi đánh thức anh ta dậy. Lúc ấy anh ta có vẻ rất mệt mỏi, thường ngày anh ta hay nhắc đến một câu trong cuốn "Đôi cánh của bạn": "Nếu đã mệt mỏi thì tốt nhất là bạn hãy nghỉ ngơi đã, sau đó hẵng hay..." Hôm nay anh ta ngồi dậy nhưng không nhắc tới câu ấy nữa.

Ánh đèn phòng không bên bờ hồ phóng một luồng ánh sáng qua đầu chúng tôi, chiếu vào góc tường tối mịt. Cũng chưa phải là hoàn toàn xúi quẩy. Chúng tôi bay trong tuyết, hoa tuyết bắt đầu chui vào cửa chắn.

Lúc này Lu-ri đã tìm được đài "Côn-xtan-xa" rồi. Thật có quỉ mới biết được cái đài "Côn-xtan-xa" ấy truyền đi những tin gì! Chỉ trong giây lát, vừa khi tôi huýt sáo mồm, nghĩ đến những chuyện riêng tư trong lòng, bốn bên đã hiện lên những dãy núi cao xám xịt. Sau đó một loáng, trong những phút tiếp theo tôi lại nghĩ đến những chuyện riêng tư và huýt sáo mồm thì máy bay đã đến chỗ phải bay vòng qua đầu núi. Nhưng không thể bay qua bên dưới đám mây được, vì bay trong mưa tuyết, máy bay sẽ bị đóng băng. Lại huýt sáo mồm và nghĩ chuyện riêng: " Ca-chi-a, vậy mà em còn giận anh, trách anh sao trong thư không nói rõ tình hình các chuyến bay".

Vừa may đám mây đã tan mất ở cái chỗ mà nếu còn, nó sẽ gây nguy hiểm. Nhưng thực ra thì không phải nó tan mất, mà nó đã tách ra thành hai nửa. Phía trước mặt chúng tôi giờ đây mở ra một quãng hành lang rộng lớn, trên quãng hành lang đó chói lên một màu sáng rực rỡ. Cái bóng của chúng tôi rơi xuống lưng đám mây phía dưới và chiếu lên đám mây phía trên. Tôi hơi ngạc nhiên, và hình như cũng không kịp ngạc nhiên nữa, khi tôi nhận ra cái bóng thứ hai kia không phải là của máy bay chúng

tôi, mà là bóng của một chiếc "gioong-ke" bay cao hơn chúng tôi. Nếu chúng chỉ có một chiếc thì chẳng sao. Nhưng dằng sau nó đã hiện ra chiếc thứ hai, rồi chiếc thứ ba.

Lúc này, theo bất cứ điều lệnh nào, chúng tôi cũng chỉ nên nhanh chóng tránh xa chúng nó. Nhưng những đám mây dày màu xanh sẫm đã lùi xa ở phía sau. Chúng tôi không có chỗ nào có thể lẩn tránh được. Tiếng súng từ phía bên kia nổ ran lên, tôi có cảm giác như cánh máy bay bị ném đá, và sau đó cả khoang lái cũng bị rung lên.

Đây là một cuộc chiến đấu rất bình thường, chẳng có gì đặc sắc và nó kết thúc rất nhanh, nên tôi không định kể tỉ mỉ làm gì nữa. Trong nháy mắt sau đó chúng tôi đã bắn rơi một chiếc "gioong-ke" khi nó bay vòng lại. Hai chiếc còn lại vọt lên cao, cố bám đuôi chúng tôi. Đương nhiên đó là một ý đồ thông minh, song không phải dễ thực hiện, vì chúng tôi không phải là kẻ non gan, chịu để cho chúng bám đuôi. Lần thứ nhất không được, chúng lao vào lần thứ hai. Lần này suýt nữa chúng bị tan xác dưới đường đạn của chúng tôi. Nói tóm lại, chúng tôi đã đem hết sức ra đánh trả lại chúng. Cuối cùng bọn chúng bị bỏ xa lại phía sau. Và thế là tôi cho máy bay bay theo đường thẳng đến mục tiêu, mặt trận cách đây không xa nữa.

Nói rằng cho máy bay bay theo đường thẳng, mới nghe tưởng là việc đơn giản, nhưng thật ra là rất khó khăn vì máy bay của chúng tôi lúc này đã bị bắn gãy một phần tư cánh bên trái, két dầu bị đạn chọc thủng: chân và mặt tôi đều có vết đạn, máu chảy đầm đìa ra mắt.

... Tôi cảm thấy toàn thân mềm nhũn đi. Lúc này tôi chợt nhớ đến những giấc mộng hồi còn bé, tôi thấy mình bị người khác đâm chém, dìm xuống nước cho đến chết, nhưng khi tỉnh lại, biết mình vẫn còn sống, tôi sung sướng vô cùng.

"Nhưng lần này, - ý nghĩ của tôi hết sức bình tĩnh. - Lần này thì chắc chắn là tôi sẽ không thể tỉnh trở lại được nữa rồi".

Có thể tôi đã bị ngất, nhưng không lâu lắm. vì trước khi tỉnh dậy, tôi đã bắt đầu nói và chính tiếng nói ấy đã làm cho tôi tỉnh dậy. Tôi gào lên, ra lệnh cho tổ phục vụ máy bay nhảy dù. Đồng chí báo vụ viên và tay súng máy đã nhảy ra khỏi máy bay. Còn Lu-ri thì đáp lại bằng một giọng không hài lòng "Được rồi, được rồi!" làm như bị tôi ép đi bách bộ đến một nơi vô vị không bằng.

... Cái gay go nhất là vật lộn với sa mù dày đặc, nó làm cho anh không mở được mắt ra, nó làm cho anh mệt mỏi rã rời. Lúc này tôi mới rõ - tuy chưa phải rõ hoàn toàn - cái điều quan trọng nhất, cũng là cái điều cần phải lập tức thay đổi ngay. Thời gian trôi chậm quá, như phải qua hàng nghìn năm. Tôi phải bỏ ra rất nhiều sức lực để lái máy bay bay tiếp, lại phải qua một nghìn năm nữa. Tôi lại nhìn thấy bên dưới chúng tôi có hai chiếc "gioong-ke" khác đang bay thẳng lại như hai con trâu nước bơi trong biển mây. Chuyến này thì quả thực là đi đời nhà ma rồi. Nhưng sau đó tôi biết ngay rằng chúng chưa vội kết thúc chúng tôi.

Lu-ri đã nhảy ra khỏi máy bay. Chúng liền vây lại bắn. Liệu cậu ấy có bị bắn chết không? Sau đó chúng quay đầu lại, cặp hai bên tôi và cùng bay song song.

... Lũ giặc Đức có những bộ mặt không biết giống hề hay giống quỉ sứ. Nhìn mặt chúng nó rất khó đoán ra chúng già hay trẻ. Nhưng tất cả những cái đó giờ đây đối với tôi chẳng có quan hệ gì. Kẻ đang bay bên cạnh tôi kia không phải là một tên lính bình thường mà là một kẻ giết người, một tên tội phạm. Hắn nhoi đến phía trước mặt tôi, nghiêng cánh lướt qua một bên rồi lại áp đến gần, hắn thong thả, ung dung ngắm nhìn tôi, say sưa với chiến thắng đã nắm chắc trong tay.

Tôi không biết giải thích như thế nào cho rõ, chỉ biết rằng trong khoảnh khắc ấy dường như tôi đã nhìn thấy rõ hình dạng của bản thân mình cũng như của thằng giặc ấy. Mặt đầy máu, hai tay gần như tê dại, tôi ngồi trên chiếc máy bay bị thương đang lao xuống thấp. Thằng Đức đẩy chiếc kính bay lên trán, nhìn tôi với một vẻ hết sức lạnh lùng và đắc thắng. Tôi quên rằng Lu-ri dã nhảy dù và có thể cậu ấy đã bị lũ giặc sát hại. Tôi nói lên mấy câu gì đó với Lu-ri. Một chiếc máy bay của bọn Đức sắp bay qua phía dưới tôi, dấu hiệu chữ thập ngoặc màu vàng sơn trên cánh loáng qua bên trái tôi. Tôi ấn mạnh cần lái, chiếc máy bay rung lên và lao thẳng vào cái dấu hiệu chữ thập ngoặc ấy.

Chẳng hiểu máy bay của tôi đã đâm trúng vào chỗ nào, hình như là buồng lái của thằng Đức, khiến hắn không kịp ấn nút nhảy dù. Tôi đã giết được hắn. Thật sung sướng vô cùng!

Một cảm giác vô cùng hào hứng chế ngự tôi. Tôi cần phải sống! Mặc dù vừa rồi thằng giặc Đức đẩy kính bay lên trán nhìn tôi với một vẻ hết sức lạnh lùng và đắc thắng và cầm chắc sẽ giết chết tôi; nhưng cuối cùng tôi đã chiến thắng nó. Tôi cần phải sống! Trước khi nhìn thấy thằng Đức này, tôi đã nghĩ rằng chuyến này chắc phải hy sinh, vì tôi bị thương nặng và tôi biết chúng nó sẽ bắt được tôi. Nhưng bây giờ thì khác hẳn rồi! Tôi cần phải sống! Tôi đã nhìn thấy mặt đất, nhìn thấy đồng ruộng và con dường bốc bụi trắng. Đã gần mặt đất lắm rồi.

Quần áo bay và giày của tôi đã bị cháy nhưng tôi không thấy nóng. Nói ra thì rất lạ, khó có thể tin được. Nhưng sự thực là như vậy. chẳng hiểu vì sao lúc ấy tôi lại có thể bình tĩnh xoay chuyển được tình thế ở cái độ cao rất gần mặt đất như thế. Tôi cởi chiếc nịt da ra - Đó là việc cuối cùng mà tôi có thể làm được trong ngày, trong tuần, trong tháng ấy. Tạm thời tôi chỉ xin kể đến đây, cũng chẳng nên đi quá xa làm gì!

## Chương 3

# Chúng tôi là làm tất cả những gì có thể làm được

Tôi khát quá, suốt dọc đường người ta đưa tôi vào trong làng, tôi cứ đòi uống nước và hỏi thăm tin tức về Lu-ri. Vào đến làng, người ta đem đến cho tôi một xô nước. Tôi vục đầu vào xô nước, chẳng nói chẳng rằng, uống lấy uống để. Tôi chẳng hiểu vì cớ gì, các bà các chị đang vây quanh tôi bỗng khóc nấc lên. Tôi chẳng nhìn thấy gì, cũng chẳng nghe thấy gì cả. Mặt tôi bị cháy, tóc dính bết lại, một chân bị gãy, trên lưng có hai vết thương miệng rất rộng và sâu. Trông tôi lúc này có lẽ đáng sợ lắm.

... Trong lòng tôi chợt nảy ra một cảm giác hạnh phúc, nó mỗi lúc một lớn lên, một da diết. Tôi nằm trên đống cỏ ở giữa sân, cạnh nhà kho của một ngôi nhà nông dân. Tôi cảm thấy niềm hạnh phúc ấy như truyền đến từ tiếng cỏ khô kêu sột soạt, từ mùi thơm của cỏ và từ mặt đất, kẻ bảo vệ, không để tôi bị quân thù giết chết. Tôi được một chú ngựa trắng già kéo về đây, bây giờ nó được buộc bên hàng rào gần chỗ tôi nằm. Vừa trông thấy

nó, dòng nước mắt hạnh phúc của tôi liền trào ra. Chúng tôi đã làm tất cả những gì có thể làm được. Tôi không có gì lo lắng cho đồng chí báo vụ viên và đồng chí xạ thủ trên không. Tôi chỉ có một yêu cầu là trước khi họ tìm được đến đây, chớ đưa tôi đi nơi khác. "Lu-ri cũng còn sống, - tôi sung sướng nghĩ, - trận đánh hôm nay ta thắng đẹp thế, cậu ấy không thể không sống được. Cậu ấy vẫn còn sống, mình sắp được gặp cậu ấy rồi".

Và tôi đã gặp Lu-ri thật. Khi cậu ấy được đưa đến, con ngựa trắng cứ hí toáng lên và đá lung tung. Một bà cụ có vẻ rất nghiêm nghị - không biết vì sao trong số những người có mặt ở đấy tôi chỉ nhớ mỗi mình bà - bà đến bên con ngựa và lặng lẽ tát mạnh vào mõm nó.

Nét mặt Lu-ri rất bình thản. Trên mặt cậu ấy cũng rất trơn tru, chỉ có một vết xước nhỏ, có lẽ bị dây dù gây nên. Hai mắt cậu ấy mở to. Thoạt đầu tôi không hiểu vì sao khi đặt cậu ấy xuống đất, mọi người lấy mũ của cậu ta ra. Bà cụ vừa rồi đến ngồi bên cạnh cậu ấy và đặt lại hai tay cho thẳng...

Sau đó tôi được đưa lên một chiếc xe rộng, chở đến trạm cứu thương. Một người đàn bà không có vẻ là phụ nữ nông thôn đến cầm tay tôi bắt mạnh, chị ta luôn miệng dặn tôi:

- Phải cẩn thận, phải cẩn thận đấy!

Tôi cảm thấy bức bối, trong bụng nghĩ: "Sao lại phải cẩn thận nhỉ? Chẳng lẽ mình sắp chết rồi ư?" Hình như tôi đã nói ra điều đó nên chị ta vừa mỉm cười vừa nói với tôi:

- Anh sống rồi!

Chiếc xe bị xóc dữ dội, tôi gối đầu lên đùi một người nào đấy. Tôi nhìn thấy Lu-ri, cậu ấy đang nằm trên bậc thềm, hai tay cứng đờ vắt chéo trên bụng. Tôi muốn vùng dậy chạy đến với cậu ấy, nhưng bị mọi người giữ lại.

Mặt đất lúc hiện ra dưới cánh bên trái, lúc loang loáng dưới cánh bên phải. Trước mặt tôi đang tụ tập một đám đông người. Tôi đi tìm Ca-chi-a của tôi trong đám đông ấy. Tôi gọi nàng. Nhưng từ trong đám đông ồn ào náo nhiệt ấy bước ra không phải là nàng, không phải là Ca-chi-a yêu dấu đã từng làm nghiêm khi được tôi ôm vào lòng. Mà là hắn. Hắn quay đầu lại như một con chim lạ, hắn đẩy kính bay lên trán, nhìn tôi bằng đôi mắt lạnh lùng và đắc thắng.

- Này, thế nào, - tôi nói với thằng giặc Đức. - Ai thua nào? Mày xem đây, tao vẫn còn sống đây này. Rồi đây tao sẽ bay trên khắp các cánh rừng, trên biển cả, trên thảo nguyên, trên toàn trái đất! Còn mày thì đã đi đời nhà ma rồi! Tao đã chiến thắng mày rồi!

## Chương 4

# “Cậu đấy à, cú mèo”

Chúng tôi nằm trên toa tàu hàng có lò sưởi bằng than. Chỉ có hai toa tàu ở trên là toa hành khách. Một vị bác sĩ nhỏ nhắn, mặt mũi sáng sủa khôi ngôi nhưng có vẻ rất mệt mỏi, sau lần khám dầu tiên liền ra lệnh chuyển tôi tới toa đầu. Từ việc ấy tôi biết rằng tình trạng của tôi rất tồi tệ. Đầu, ngực, chân, tay của tôi đều quấn băng và lúc nào cũng phải nằm bất động như một con búp bê mẫm mạp, trắng toát. Mấy cô y tá chăm sóc chúng tôi đứng nói chuyện với nhau ở đầu toa: “Đến toa thương binh nặng mà lấy”. Như vậy là tôi đã bị liệt vào loại thương binh nặng rồi. Nhưng không biết từ đâu, từ trong óc hay từ trong tim, có một thứ gì đó dương hoạt động, tôi có cảm giác đó chính là hoạt động của sự sống. Nó đang bận rộn, tuy rất yếu ớt, song vẫn luôn luôn muốn sáng tạo ra một cái gì đó.

Tôi đã làm quen với những người xung quanh. Trong đó cũng có một cậu lái máy bay. Cậu ta còn trẻ lắm, trẻ hơn tôi nhiều. Tôi không muốn kể tỉ mỉ trường hợp bị thương của mình. Song cậu ta cứ nài nỉ mãi. Nhiều lần tôi nghe láng máng những lời kể của cậu ta qua những cơn mê ngắn:

- Em vừa thôi công kích thì nhìn thấy một tốp máy bay tiếp dầu của chúng. "Phải diệt bọn này mới được!" Em nghĩ bụng và liều nhắm đúng mục tiêu, ấn nút điện. "Được rồi". Em lại nghĩ bụng "Mình không vọt lên cao thì sẽ bị thằng khác đến cắn trộm đây". Em vừa kéo cần vọt lên thì cảm thấy có một thứ gì rất nặng đập vào người. Khi đạp lái, em cảm thấy bị hẫng như không có chân nữa. Em lại nghĩ ngay: "Chà, chân mình bị gãy mất rồi!" Nhưng em không dám nhìn xuống vì em rất sợ...

Máy bay cậu ấy lái là loại "Hải âu" và cậu ấy bị thương ở vùng trời huyện Bơ-ru-san. Lúc đầu tôi ngỡ cậu ấy bị nặng hơn tôi. Sau mới biết tôi bị nặng hơn cậu ấy nhiều.

Người nằm bên cạnh tôi tên là Xi-ma-cốp. Tôi vừa nghe anh ta nói, vừa trông ra ngoài cửa toa tàu, nhìn những cánh đồng cỏ mùa thu, những ngôi nhà đất quét vôi trắng cùng những đám hướng dương trĩu bông bên cạnh đường sắt. Mọi việc trong toa tàu dường như rất nền nếp: cứ đến giờ là các cô y tá lại xách thùng canh rau ra, treo giữa toa. Chiếc thùng lắc lư, lắc lư chứng tỏ là đoàn tàu đang chạy. Mặc dù đoàn tàu của chúng tôi phải luôn luôn dừng lại để nhường đường cho các đoàn tàu chở vũ khí ra mặt trận, nhưng tuy chậm nó vẫn đang tiến về phía trước.

Nhưng cũng có những cảnh tượng khác hẳn. Đoàn tàu của chúng tôi không đơn thuần chỉ chở thương binh, mà đằng sau còn kéo theo nhiều toa trần chở máy móc. Nhà bếp trên tàu bị hỏng nên phải chờ đến ga mới mua được sữa và khoai. Đồng chí bác sĩ người thấp bé phải gào thét luôn mồm để giữ trật tự. Anh ta đang rút súng lục để dọa một người nào đấy. Trên toa tàu chở khách, các bà tản cư chen lấn nhau đứng chậtních ở cửa lên xuống và lối đi, tay ôm chặt gói đồ đạc của mình.

Đoàn tàu của chúng tôi đỗ lại ở một ga khá lớn, đường sắt chằng chịt.

... Hàng đàn ruồi từ ngoài cửa sổ bay ùa vào. Khi tôi tỉnh dậy vì nóng nực và ngột ngạt thì thấy chúng bâu đen đặc vào chiếc băng của tôi, xua đuổi thế nào chúng cũng không chịu bay xa. Lúc này là vào giữa trưa. Từ cửa sổ toa tàu nhìn ra thấy trước mặt là những đám lúa mạch vuông vắn.

... Mới mấy ngày trước đây, tôi còn có thể từ trên máy bay quan sát những cảnh tượng rộng lớn mà những người chỉ tham gia chiến đấu ở dưới đất không thể nào nhìn thấy hết được. Lúc ấy tôi nghĩ như vậy. Lúc ấy cảnh rút lui của chúng ta, dưới con mắt của tôi, như những công thức đại số được khai triển. Còn bây giờ những công thức ấy đã biến thành vật có sức sống, trở thành hiện thực.

Giờ đây tôi không còn được nhìn thấy cuộc rút lui của chúng ta từ trên độ cao sáu nghìn mét nữa. Ngay bây giờ tôi cũng đang rút lui. Tôi cảm thấy trong người rất khó chịu, vì vết thương tấy lên, vì khát, vì nóng bức, vì những ý nghĩ buồn phiền, vì đàn ruồi lì lợm cứ lao vào chỗ có vết thương.

Chiều. Hình như lúc này đoàn tàu đã bắt đầu lăn bánh vì chiếc thùng đựng canh rau lại lắc lư rất nhịp nhàng. Ánh chiều chiếu từng tia chênh chếch vào cửa sổ toa tàu, qua ánh sáng hồng hồng của nó, có thể nhìn thấy những làn bụi bốc lên ở chung quanh. Có tiếng ai đó rên, tuy khẽ thôi, nhưng nghe rất xao xuyến. Tôi thử gọi người nằm bên cạnh. Không, không phải anh ta rên. Hình như tôi đã từng nghe tiếng rên này ở đâu rồi thì phải?

Đột nhiên trước mặt tôi hiện ra rất nhiều bàn học và tôi nhìn thấy rất nhiều bộ mặt đang cười của trẻ em. Đây là một bài học

rất lý thú, giảng về phong tục tập quán của người Trúc-tri. Nhưng cái cậu bé tóc đỏ có đôi mắt cách nhau rất xa ấy cứ lấy chiếc dao con cứa vào đầu ngón tay tôi thì tôi còn lòng dạ nào mà nghe giảng nữa!

- Rô-ma-sca! - tôi hét lên.

Anh ta giật mình và im bặt, tất nhiên vì ngạc nhiên.

- Cậu đấy ư, cú mèo?

Anh ta nằm lăn lóc trong đám thương binh nằm dưới sàn, đầu bị che lấp dưới những cánh tay quấn đầy băng.

- Có việc gì thế? - Anh ta nhìn tôi nhưng chưa nhận ra tôi, nên hỏi giọng thận trọng.

Tôi cảm thấy anh ta tuy vẫn "sống vì riêng mình" như dì Đa-sa nói, nhưng bây giờ anh ta có vẻ đã khá hơn trước. Ít nhất thì anh ta cũng đã hết cái thói kênh kiệu kiểu cách rất buồn cười. Bây giờ mặt anh ta có phần hốc hác, xanh xao, hai tai lúc nào cũng đỏ rần như một thứ đồ chơi và con mắt bên trái luôn luôn lén lút liếc nhìn người này người khác.

- Không nhận ra mình nữa à?

- Không.

- Thế thì hãy nhớ lại đi.

Anh ta vốn là người không biết che giấu tình cảm của mình, lần này cũng vậy. Nhìn các cử chỉ của anh ta, tôi hiểu hết tình cảm của anh ta lúc này. Thoạt tiên anh ta lúng túng rồi kinh ngạc, sau đó thì sợ hãi đến nỗi hai hàm răng va vào nhau lập cập, và cuối cùng, bị chìm trong mối tuyệt vọng.

- Xin lỗi, chẳng phải anh đã bị chết rồi sao? - Anh ta nói lúng búng trong miệng.

## Chương 5

# MỐI HẬN CŨ

Trong những bài hát Nga cổ xưa thường nói đến vận mệnh. Tôi vốn không phải là người tin vào vận mệnh, song khi đọc những dòng tin nói về cái chết của tôi, đăng trên báo "Chim ưng đỏ", trong đầu tôi cũng chợt bật ra cái chữ ấy. Mãi đến nay tôi vẫn còn thuộc mẩu tin ấy:

*"Sau khi hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, trên đường lái máy bay trở về, đại úy Gri-gô-ri-ép đã bị bốn máy bay tiêm kích của địch đuổi theo. Trong cuộc chiến đấu quyết liệt không cân sức này, đại úy Gri-gô-ri-ép đã hạ được một máy bay địch, ba chiếc còn lại hoảng sợ bay mất. Máy bay của đại úy tuy bị thương nặng, song vẫn cố gắng bay tiếp. Nhưng khi bay đến gần mặt trận, đại úy lại bị hai chiếc "gioong-ke" của địch công kích. Đại úy Gri-gô-ri-ép đã lái chiếc máy bay bị thương bốc cháy của mình đâm vào một chiếc "gioong-ke" của địch. Toàn thể phi công đoàn N. sẽ mãi mãi ghi nhớ những con chim ưng dũng cảm đã chiến đấu đến phút cuối cùng cho tổ quốc: đại úy đảng viên cộng sản Gri-gô-ri-ép, phi công hoa tiêu Lu-ri, đồng chí vô tuyến điện viên Các-pen-nô và đồng chí xạ thủ trên không E-rơ-sốp".*

Mãi đến mùa hè năm 1943 tôi mới được biết rằng sau khi tôi được chuyển đi khỏi làng P... thì có một phóng viên quân sự đến đấy. Người phóng viên nọ đã gặp hỏi chuyện các nông trang viên mục kích cuộc không chiến, sau đó anh ta chụp ảnh xác máy bay bị rơi. Mọi người nói với anh ta rằng tôi coi như đã chết.

Tại sao mẩu tin ấy lại làm cho tôi cảm thấy như bị lăng nhục? Vì tôi thoát chết lần này là một chuyện kỳ lạ, hay vì lần đầu tiên trong đời tôi được đọc bản cáo phó của chính mình? Ý nghĩ của tôi không còn tập trung được nữa. Đột nhiên hình ảnh Ca-chi-a xuất hiện trước mắt tôi. Nhưng không phải là Ca-chi-a thường ngủ dậy sớm, đi đi lại lại trong phòng và lúc nào nét mặt cũng đăm chiêu nhớ đến tôi; mà là một Ca-chi-a khác hẳn, tâm thần bất an, dung nhan Ca-chi-a mệt mỏi. Sau khi đọc xong mẩu tin này, nàng ném tờ báo lên bàn và có vẻ tĩnh lặng như không có gì xảy ra. Nhưng sau đó nàng như có điều gì sốt ruột, muốn tìm một việc gì làm cho khuây khỏa, nàng tết lại đuôi sam rồi chợt bỏ ra, đột nhiên ngã lăn xuống sàn nhà...

- Cũng phải thôi, - tôi lẩm bẩm. - Đấy là việc có thể xảy ra.

Tôi vò tờ báo lại thành cục rồi ném ra ngoài cửa sổ. Rô-ma-sốp ngạc nhiên kêu lên một tiếng. Lúc này tàu hỏa đương dừng lại. Trong lúc nói chuyện với tôi, anh ta luôn luôn nhìn ra ngoài cửa sổ. Sau đó anh ta đi nhặt tờ báo đã bị nhàu nát ấy vào. Bây giờ chính mắt nhìn thấy tôi còn sống, anh ta lại muốn xem mẩu tin báo tôi đã chết, như vậy anh ta cũng cảm thấy thỏa dạ đôi phần.

- Vậy là cậu vẫn còn sống! Xa-nhi-a thân mến, tôi thực không dám tin ở mắt mình nữa!

Anh ta còn dám ngang nhiên dùng cái chữ "thân mến" đối với tôi.

- Có quỉ mới biết được là tôi sung sướng như thế nào! - Anh ta nói. - Vì rất có thể cô ấy cũng đã đọc mẩu tin này rồi.

Tôi đáp: "Phải. rất có thể!" và bắt đầu hỏi thăm anh ta về tin tức Mát-xcơ-va. Trong câu chuyện. Rô-ma-sốp cho biết rằng anh ta rời Mát-xcơ-va chưa đầy một tháng.

Trong khi nói chuyện với anh ta. chẳng những tôi phải tỏ ra hết sức hòa nhã mà từ đầu còn phải nói cho anh ta biết rằng quan hệ giữa hai người vẫn như trước, không có gì thay đổi. Và có lẽ đó là thái độ đúng đắn nhất của tôi lúc này. Song con người là một sinh vật kỳ dị - câu nói này không còn mới mẻ gì nữa. Tôi nhìn bộ mặt căng thẳng. mất tự nhiên của anh ta. Trong lòng không có gì khác ngoài cảm giác khó chịu và khinh bỉ. Tôi nghĩ rằng trước kia anh ta ti tiện như thế nào thì bây giờ anh ta vẫn ti tiện như thế ấy, chẳng thay đổi chút nào. Song cái cảm giác mà lúc này anh ta đem lại cho tôi là anh ta là một người quen thuộc từ lâu. một kẻ ti tiện "của mình".

Anh ta cũng rõ điều đó. và rõ tất cả! Anh ta nhắc đến thầy Cô-ra-bơ-li-ốp. hỏi tôi rằng có biết thầy đã sáu mươi ba tuổi mà vẫn ghi tên tham gia tự vệ thành, và báo "Mát-xcơ-va buổi chiều" đã đăng bài kể chuyện này không. Anh ta còn nói đến Ni-cô-lai An-tô-nô-vích bằng cái giọng mỉa mai. rằng ông ấy đã được phân phối nhà mới và được cấp bằng tiến sĩ. Tiến sĩ gì? Tiến sĩ địa lý mà không cần bảo vệ luận án. Mà theo ý kiến của Rô-ma-sốp thì như vậy không thể được.

- Anh có biết ai đã làm cho ông ta đạt được danh vọng như thế không? Chính anh đấy!

- Tôi ấy à?

- Chính thế. Họ của ông ta là Ta-ta-ri-nốp. Chính anh đã làm cho cái họ ấy lừng danh.

Anh ta muốn ám chỉ rằng việc tôi nghiên cứu đoàn thám hiểm của tàu "Xanh Ma-ri" trước đây đã làm cho mọi người chú ý đến thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp, và Ni-cô-lai An-tô-nô-vích đã được thơm lây vì họ của ông ta trùng với họ của thuyền trưởng. Khả năng diễn đạt của Rô-ma-sốp quả là không tồi, anh ta đã nói cái ý đó ra hết sức ngắn gọn và rõ ràng.

Nhưng tôi không muốn nói chuyện này với anh ta. Sau khi biết được điều đó, anh ta liền lái sang chuyện khác.

- Anh có biết tôi đã gặp ai ở mặt trận Lê-nin-grát không? - anh ta nói. - Tôi đã gặp trung úy Páp-lốp!

- Trung úy Páp-lốp là ai nhỉ?

- Chán anh quá, trung úy bảo rằng từ thuở bé anh ta đã quen anh. Anh ta người cao to, lực lưỡng.

Tôi thực sự không ngờ người trung úy cao to, lực lưỡng ấy lại chính là cậu Vô-lô-đi-a, có đôi mắt xanh, đã từng chở tôi đi bằng xe trượt tuyết do chó kéo.

- Ôi lạy Chúa tôi, có cả bố anh ta cũng đến, ông cụ là một bác sĩ già!

- Bác I-van I-a-nứt!

Được biết bác I-van I-va-nứt khỏe mạnh và hiện nay vẫn còn phục vụ trong hải quân, tuy tin này do Rô-ma-sốp nói, tôi vẫn cảm thấy rất mừng.

Rô-ma-sốp nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng anh ta đã đến mặt trận Lê-nin-grát. Ca-chi-a trong thời gian đó cũng ở Lê-nin-grát. Tôi thật chẳng yên lòng chút nào. Nhưng bằng bất cứ giá nào tôi cũng nhất định không hỏi thăm tin tức Ca-chi-a quanh anh ta.

Tóm lại lúc này, khi đã quen với hiện tượng tôi còn sống, Rô-ma-sốp cố làm nổi bật mình lên. Anh ta có vẻ hãnh diện khi gặp

tôi trên đoàn tàu chở thương binh, làm như mình là người có nhiều thành tích đặc biệt.

Hồi chiến tranh mới nổ ra, anh ta giữ chức phó giám đốc hành chính Viện Nghiên cứu khoa học Lê-nin-grát. Chính ra thì anh ta có thể hoãn dịch, nhưng cũng như tất cả các cán bộ Viện nghiên cứu, anh ta đã ghi tên xung vào đội tự vệ thành phố. Anh ta bị thương ở vùng ngoại ô Lê-nin-grát, nhưng vẫn không chịu rời khỏi đội ngũ. Một người chỉ huy cũ của anh ta, nay đã trở thành thủ trưởng quân sự cao cấp, điều anh ta về Mát-xcơ-va. Anh ta được cất nhắc giữ một chức vụ mới, nhưng chưa kịp nhậm chức thì đoàn tàu hỏa chở anh ta bị nổ tung. Anh ta bị thương văng lên tận đầu cột điện, cho nên bây giờ anh ta luôn luôn cảm thấy cả nửa người bên trái "đau nhức không thể nào chịu nổi".

- Vừa rồi tôi hét tướng lên trong lúc ngủ là bị nằm mê đấy, - anh ta giải thích. - Các bác sĩ đều bó tay, chẳng biết đối phó với bệnh của tôi như thế nào.

- Này, cậu hãy thú thực đi, - tôi nghiêm giọng nói. - Những lời cậu nói vừa rồi, cái nào là đúng sự thật, và cái nào là bịa đặt ra?

- Sự thật cả đấy thôi!

- Không đúng!

- Tôi xin cam đoan! Thời kỳ chúng ta chống đối nhau đã qua lâu rồi.

Hắn lại dám dùng đến hai chữ "chúng ta"

- Người anh em ạ, bây giờ mọi việc đều đã kết thúc cả rồi. Tôi có cuộc sống của tôi và anh có cuộc sống của anh. Lúc này chúng ta không có gì để tranh giành với nhau nữa. Nói ra thì anh không tin, nhưng xin cứ nói thẳng, mỗi khi nghĩ lại chuyện xung đột giữa hai đứa chúng mình, tôi thực lấy làm ngạc nhiên. Việc đó

nhỏ bé quá so với những sự kiện long trời lở đất đang diễn ra trước mắt chúng ta.

- Cái đó dĩ nhiên rồi.

- Vậy thì chúng ta hãy coi chuyện cũ đã kết thúc.

Anh ta nhìn tôi bằng đôi mắt dò hỏi, rõ ràng là anh ta không dám tin rằng cuối cùng tôi có bằng lòng bỏ qua "cái chuyện cũ" kia không.

Nhưng tôi đã bằng lòng. Trong những ngày như thế này, tôi làm sao có thể chỉ khư khư ôm lấy mối hiềm thù riêng của mình? Tôi đau lòng nghĩ đến cái bóng đen to lớn đang tiến đến gần, che phủ đất nước ta. Giờ đây cái bóng đen đó đương đuổi theo chúng tôi, ập xuống đoàn tàu đã rã rời. Một thương binh què chân như tôi, đứng trước cái bóng đen ấy sẽ đối phó ra sao? Tôi thường nhớ đến cái cảnh tượng quen thuộc ở bệnh viện trước đây: "ngày này nối tiếp ngày khác trôi qua, đơn điệu, buồn tẻ vô cùng, tuồng như không bao giờ có chỗ kết thúc. Ngày ngày các cô y tá mang dép đế mềm, mang hoa vào phòng đặt lên chiếc bàn cạnh giường tôi nằm". Lúc ấy tôi thực chẳng muốn nhìn thấy hoa, chẳng muốn sống trong cảnh tĩnh lặng đơn điệu của bệnh viện và chẳng muốn nghe những bước chân cố đặt thật nhẹ ấy chút nào.

Trong lòng tôi nảy ra một ý nghĩ khủng khiếp mà tôi không thể tưởng tượng được. Ý nghĩ đó là: "Rồi đây tôi sẽ không còn được tiếp tục bay nữa". Cả người tôi run lên. Tôi phải há hốc mồm ra để thở. Ý nghĩ của tôi bay xa, xa quá, đến nỗi tưởng chừng sẽ không bao giờ nó còn có thể quay trở về được nữa.

## Chương 6

# Những cô gái từ Xta-ni-xláp đến

Tôi chợt thấy có hai cô gái trong đám đông mà trước đây tôi chưa hề thấy mặt. Đấy là hai cô sinh viên của trường Đại học Sư phạm Xta-ni-xláp. Cả hai cô đều có dáng chắc nịch, màu da bánh mật, lông mi cong, giọng nói êm ái, tuy nhìn bề ngoài hai cô có vẻ bộc tuệch non nớt. Nhưng thực ra là hai cô gái đảm đang hiếm thấy. Hai cô vừa nhập bọn với chúng tôi đã gây được cảm tình với tất cả mọi người. Hai cô tìm cách lấy nước về và phân phát cho từng người một. Có lẽ cả Thượng đế cũng không thể biết được rằng hai cô đã kiếm ở đâu ra một giỏ lê, ngửi mùi thơm thoang thoảng từ những quả lê chín tỏa ra, sao mà cảm thấy dễ chịu quá! Những quả lê tươi rói!

Tôi hoàn toàn không biết một chút gì về lai lịch của hai cô, ngoài cái tên Ca-chi-a của một trong hai cô đó. Nhưng tại sao tôi lại chỉ nhắc đến hai cô gái trong số hàng trăm hàng nghìn người tôi đã gặp trong những ngày ấy nhỉ?

Vì rằng... có lẽ tôi phải nói dông dài,từ đầu câu chuyện.

Tôi nằm bên cửa sổ toa tàu. Các cảnh vật bên ngoài không

ngớt rời xa tôi, lùi về phía sau. Khi đoàn tàu của chúng tôi đã chạy quá một quãng, tôi mới nhọt nhìn thấy ba chiếc xe tăng ở bên đường. Đó là ba chiếc xe tăng hạng trung không có gì đặc biệt. Người lính lái xe mở rộng cửa, nhô đầu ra ngoài nhìn chúng tôi. Vì những người lính ấy không đội mũ nên chúng tôi ngỡ rằng họ là bộ đội của ta. Một lát sau, cửa xe tăng sập đóng và ngay trong cái giây khắc cuối cùng khi cửa xe tăng sập đóng, thật không ngờ, lũ giặc dã man đã xả súng bắn ráo riết vào đoàn tàu cứu thương chở gần một nghìn thương binh.

Toa tàu rung lên dữ dội, tôi bị văng lên, chân bị thương chạm vào thành tàu đau điếng người. Một cậu còn trẻ chống nạng hốt hoảng, chạy nhốn nháo trong toa tàu, bị mấy người gạt ngã xuống cạnh tôi. Tôi nhìn qua cửa sổ thấy một số thương binh nhảy bừa ra khỏi tàu chạy và ngã vật trên mặt đất gồ ghề. Các khẩu súng trên xe tăng của bọn Đức chĩa nòng về phía họ mà trút đạn.

Cậu Xi-ma-cốp nằm cạnh tôi cũng lẹn đến bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Khi hai chúng tôi cùng quay đầu lại và nhìn vào mặt nhau, tôi trông thấy mặt cậu ta tái nhợt.

- Nhảy tàu thôi!

- Cũng được, - tôi nói. - Nhưng muốn nhảy thì phải có một thứ tối thiểu: cái chân.

Chúng tôi cố bò ra khỏi chỗ nằm và nhờ các đồng chí bị thương nhẹ cõng ra đầu toa tàu.

Tôi cắn răng cố nhịn đau, lăn mình ra khỏi toa tàu với một cảm giác mãnh liệt mà không bao giờ có thể quên được. Nhiều người nằm quanh tôi với những tư thế kỳ quái. Một số khác đang chạy tản ra, và một số nữa chừng ngã vật xuống đất. Tôi đau đớn lặng người và bất lực đứng bên dưới toa tàu.

Tôi móc khẩu súng lục ra cầm tay - không phải để tự sát, tuy lúc này, trong hàng trăm ý nghĩ lộn xộn cũng có những giây thoáng qua ý nghĩ này. Thình lình cánh tay tôi bị ai đó giữ chặt...

Đó là một trong hai cô gái khi nãy, đúng cái cô có nước da đen hơn và mang tên là Ca-chi-a. Tôi chỉ tay về phía Xi-ma-cốp, cậu ta đang nằm sấp mặt vùi xuống đất ở gần chỗ chúng tôi. Cô gái nhìn cậu ấy một lúc rồi lắc đầu. Xi-ma-cốp bị trúng đạn hy sinh rồi.

- Mẹ kiếp, tôi chẳng đi đâu nữa cả! - tôi nói với cô gái thứ hai, không biết cô ta từ đâu hiện ra. Giữa mưa đạn ầm ĩ, cô vẫn rất ung dung bình tĩnh. - Mặc tôi, tôi có súng lục. Tôi không thể để chúng nó bắt sống được!

Nhưng hai cô gái ấy vẫn tóm lấy tôi và kéo đi. Cả ba chúng tôi lăn xuống chân đường sắt. Giữa lúc này tôi trông thấy Rô-ma-sốp, mặt anh ta tái xám. Anh ta đang lom khom bò trên mặt đất. Bên cạnh đường sắt có một con mương nhỏ. Chúng tôi cùng Rô-ma-sốp bò dọc theo con mương ấy, phía bên kia con mương là bãi lầy.

Hai cô gái dìu tôi bò đã có vẻ kiệt sức, tôi nhiều lần van nài hai cô hãy bỏ tôi lại mà thoát thân. Ca-chi-a chẳng những không nghe lại còn gọi Rô-ma-sốp lại giúp chúng tôi. Nhưng anh ta chỉ quay đầu lại nhìn rồi lại tiếp tục bò đi, hai tay lòng khòng chống xuống đất trông như con khỉ.

Mọi việc xảy ra lúc ấy là như vậy. Nhưng nó diễn ra chậm đến hàng nghìn vạn lần so với lời kể của tôi.

Cuối cùng chúng tôi cũng đã vượt qua được bãi lầy và nấp trong một cánh rừng bạch dương nhỏ. Chữ "chúng tôi" ở đây là chỉ hai cô gái, tôi và Rô-ma-sốp cùng hai chiến sĩ nhập bọn với chúng tôi ở dọc đường. Vết thương của hai chiến sĩ ấy rất nhẹ, một người bị vào cánh tay phải, người kia bị vào cánh tay trái.

# Chương 7

# TRONG CÁNH RỪNG BẠCH DƯƠNG NHỎ HẸP

Tôi cử hai chiến sĩ ấy đi trinh sát tình hình. Hai người trở về báo cáo rằng, xung quanh đây có gần bốn mươi chiến xa và một số xe nấu ăn dã chiến không biết vừa từ đâu tới. Vấn đề đã rất rõ ràng: những chiếc xe tăng vừa bắn vào đoàn tàu chúng tôi thuộc một đơn vị lính dù rất lớn.

- Tất nhiên, bây giờ chúng ta đi chân cũng được. Nhưng đại úy không thể đi được thì tốt nhất là dùng xe kiểm tra đường sắt vậy.

Hai người đã phát hiện ra chiếc xe ấy dưới chân đường sắt bên ngoài ga.

Trong lúc chúng tôi bàn cách khiêng chiếc xe ấy đặt lên đường sắt, thì Rô-ma-sốp nằm lăn ra đất kêu đau toáng lên. Cũng có thể căn bệnh cũ của anh ta tái phát thật, vì khi hai cô gái vạch áo anh ta ra thì thấy nửa thân bên trái đỏ rần lên. Từ trước tới giờ chưa bao giờ tôi nghe nói đến cái bệnh lạ lùng như thế. Dầu sao đi nữa thì trong tình trạng ấy anh ta cũng không thể cùng

đến ga tàu hỏa với hai chiến sĩ trinh sát được. Thế là hai cô gái phải đi thay. Hai cô vẫn bình tĩnh ung dung nói chuyện với nhau bằng tiếng U-cra-in, giọng trong trẻo dễ thương.

Trong cánh rừng bạch dương nhỏ bé, giờ chỉ còn lại mỗi mình tôi và Rô-ma-sốp.

Anh ta bị ốm thật hay giả vờ? Chắc là không phải giả vờ.

Anh ta quần quại vật vã một lúc, sau đó rên la rất dữ rồi đột nhiên nín lặng. Tôi gọi anh ta:

- Rô-ma-sốp!

Anh ta nằm lặng không lên tiếng, cũng không động đậy. Vòm ngực nhô lên rõ cao và chiếc mũi trắng bệch, giống hệt như một xác chết. Tôi lại gọi anh ta lần nữa, anh ta rên lên một tiếng rất yếu ớt, tuồng như giờ đây anh ta đã sang tới ranh giới cái thế giới hoàn toàn im lặng; nên không thể quay trở về với cái cánh rừng bạch dương nhỏ bé đang bị bọn Đức vây gắt này được nữa.

- Bị một cơn dữ dội thật! - Anh ta gượng cười, nói giọng thều thào.

Rồi anh ta hé mắt ra, lập cập đứng dậy, đưa tay run rẩy phủi những chiếc lá bạch dương bám trên mặt.

Ngày hôm nay tuy rất căng thẳng nhưng cũng rất đơn điệu, nếu đem so sánh với những sự kiện đã xảy ra trong buổi sáng ngày thứ hai, thì ngày hôm nay thực là vô vị. Chúng tôi chờ đợi, chờ đợi không một giới hạn nào. Tôi nằm trên lớp lá cây mục đã trải trên mặt đất từ mùa đông năm ngoái, còn Rô-ma-sốp thì ngồi xếp chân như kiểu ngồi của người Thổ Nhĩ Kỳ, đôi mắt giống như mắt chim nhắm nghiền lại. Hai cánh tay gác lên hai đầu gối gầy khẳng khiu như hai đầu thanh củi. Có ai mà biết được anh ta đang nghĩ gì.

Trong cánh rừng vốn ẩm ướt, lại thêm những đợt mưa mới, trên khắp các cành cây long lanh những giọt nước to nom như những cái gút của chiếc mạng nhện khổng lồ, không ngớt rơi xuống mặt đất. Cũng may, thế này thì chúng tôi sẽ không bị khát!

Có hai lần ánh mặt trời rọi về phía chúng tôi, lần đầu nó chiếu từ phía bên phải, còn lần sau thì chiếu từ phía bên trái, tựa hồ như vẽ một đường cánh cung. Như vậy là hai chiến sĩ trinh sát và hai cô gái đã ra đi được khoảng ba tiếng đồng hồ rồi.

Cô gái có tên là Ca-chi-a ấy, trước lúc đi đã lót chiếc ba-lô của cô xuống dưới đầu tôi. Khi sửa lại chiếc ba-lô để được gối cao hơn, tôi nghe có tiếng kêu lạo xạo ở trong đó. Có lẽ đó là giấy gói bánh mì chăng? Rô-ma-sốp lại rên lên thảm thiết, lần này anh ta kêu đói toáng lên, tôi đe anh ta phải im lặng nhưng chẳng ăn thua gì.

- Bọn họ không quay trở lại nữa đâu, - một lúc sau anh ta nói, giọng rền rĩ. - Họ bỏ rơi chúng ta lại đây rồi.

Cơn đau của anh ta đã qua, bây giờ anh ta đã có thể đứng dậy đi lại. Mặc cho cành cây chằng chịt, anh ta đi băng qua từ góc này đến góc kia, nhiều khi phơi mình ra giữa quãng trống, rất dễ làm lộ mục tiêu.

- Tại anh cả thôi, - anh ta ngồi xổm bên cạnh tôi, rít lên. - Anh đã sai lầm khi cử tất cả mọi người đi, mà lẽ ra là phải để lại một cô gái.

- Để làm con tin à?

- Đúng thế. Bây giờ thì coi như xong đời rồi! Bọn họ sẽ không bao giờ quay lại đón chúng ta đâu. Xe kiểm tra đường sắt chỉ có thể chở được bốn người thôi.

Hình như lúc ấy tôi không được tĩnh tâm lắm nên đã rút

súng lục ra và chỉ vào mặt Rô-ma-sốp nói rằng, nếu anh ta còn nói những lời thô bỉ ấy ra nữa thì tôi sẽ bắn chết anh ta. Anh ta thôi không nói nữa, nhưng mặt đuỗn ra và chắc là đã phải tự kiềm chế rất nhiều để khỏi bật ra tiếng khóc.

Nói tóm lại là tình hình rất gay go. Ánh hoàng hôn đã lén lút len vào cánh rừng mà các cô gái vẫn chưa về. Cố nhiên là tôi không có ý nghĩ đê tiện như Rô-ma-sốp cho rằng họ đã lên xe kiểm tra đường sắt thoát thân, bỏ rơi chúng tôi lại đây. Lúc này đây tốt nhất là chớ có nghĩ đến việc họ có trở về hay không.

Tôi ngước mắt nhìn bầu trời mênh mông đang mỗi lúc một thay sắc xám. Những cành lá bạch dương đung đưa đẫm nước rời xa tôi dần. Tôi không nghĩ tới Ca-chi-a, nhưng có một cảm giác đặc biệt ấm áp, êm nhẹ bốc ra từ trong tim, khiến tôi cảm thấy "Ca-chi-a". Đó là một giấc mơ. Nếu trong giấc mơ ấy không có hình bóng Ca-chi-a thì tôi đã phá vỡ nó rồi. Tuy không biết rõ được vì sao phải thức giấc dậy, song tôi cũng có cảm giác rằng lúc này không được ngủ. Có một cảm giác hết sức lộn xộn quay đảo trong đầu óc tôi. Tôi ngỡ rằng đây là đất Tây Ban Nha, hoặc đây là bức thư tôi gửi đi từ Tây Ban Nha gì đó. Lúc này không phải là lúc đang đánh nhau mà là lúc tôi đang ở trong một vườn cây ăn quả ở ngoại ô Va-len-xi-a. Bà cụ chủ vườn sau khi biết chúng tôi là người Nga cứ lúng túng mãi không biết để chúng tôi ở đâu và đối đãi với chúng tôi thế nào. "Dẫu sao em cũng hãy nhớ rằng, - mặc dù lúc nào tôi cũng nghĩ rằng Ca-chi-a ở ngay bên cạnh tôi, song tôi vẫn viết câu này, - em vẫn được hoàn toàn tự do, không bị ràng buộc bởi một thứ nghĩa vụ nào".

Trong lúc này hai chân bị ướt đẫm của tôi lạnh cóng và chiếc áo khoác đắp trên người đã tuột hẳn ra ngoài, tôi vẫn lưu luyến giấc mơ. Tôi cầm chặt tay Ca-chi-a, tôi không muốn rời giấc mơ

này ra. Nhưng một việc đáng sợ đã xảy ra, buộc tôi phải tỉnh dậy ngay.

Tôi mở mắt ra, thấy ánh bình minh rạng rỡ chiếu rọi sáng cả cánh rừng. Mặt và hai cánh tay tôi đều bị ướt đẫm. Rô-ma-sốp vẫn ngồi với tư thế cũ ở một chỗ cách tôi không xa lắm. Mọi thứ hầu như vẫn như cũ, nhưng thực ra đã thay đổi rất nhiều.

Anh ta không nhìn tôi. Một lát sau, anh ta liếc mắt nhìn nhanh về phía tôi, vẻ mất tự nhiên. Tôi chợt hiểu tại sao vừa rồi tôi có cảm giác khó chịu đến như thế. Hắn đã ăn cắp chiếc ba-lô có bánh mì tôi gối dưới đầu, cùng cái túi đựng bình-tông nước và súng lục.

Tôi có cảm giác máu dồn lên mặt nóng bừng bừng. Hắn dám ăn cắp cả súng lục của tôi!

- Đồ súc vật, trả súng lục đây, mau lên! - tôi nói giọng bình tĩnh.

Hắn lặng thinh.

- Này!

- Có gì rồi anh cũng sẽ chết, - hắn nói giọng hấp tấp. - Anh không cần đến vũ khí làm gì nữa!

- Sống hay chết là việc riêng của tao. Nếu mày không muốn bị tòa án quân sự trị tội thì hãy trả súng lục ngay cho tao, hiểu chưa?

Tôi bắt đầu thở dốc.

- Làm gì có tòa án quân sự ở đây! Ở đây bây giờ chỉ có hai chúng ta. Trên thực tế thì anh cũng như người đã chết. Chẳng có ai nghĩ rằng anh còn sống nữa đâu.

Bây giờ hắn nhìn tôi trân trân chứ không lén lút như lúc nãy

nữa. Đôi mắt của hắn sao mà kỳ dị đến thế, tròn xoe và dữ tợn như một kẻ điên.

- Mày hãy uống một ngụm rượu trong bình-tông đi, - tôi nói. - Rồi sau đó bình tĩnh lại, xem tao là người sống hay chết.

Nhưng hắn vẫn không nghe theo lời tôi nói.

- Tao còn nán lại đây là để bảo cho mày biết rằng mày là kẻ cản trở tao, cản trở từng phút từng giờ! Tao căm thù mày, căm thù đến điên người lên được!

Đến lúc này thì rõ ràng là thần kinh của hắn đã mất thăng bằng. Tôi rất tin vào câu nói cuối cùng vừa rồi của hắn.

- Nhưng bây giờ mọi việc đã kết thúc rồi, kết thúc vĩnh viễn ! - hắn nói giọng hằn học và đầy thỏa mãn. - Mày trước sau rồi cũng sẽ chết, rất chóng thôi, có thể là ngay bây giờ, chỉ có thế thôi.

- Cứ coi là như thế cũng được! - Chúng tôi lúc này cách nhau có ba bước, nếu dùng gậy đánh trúng, tôi có thể đánh gục hắn. Nhưng tôi vẫn cố nói giọng bình tĩnh: - Nhưng mày lấy cả ví của tao làm gì, trong đó chỉ toàn là giấy tờ riêng.

- Làm gì à? Để khi người ta phát hiện ra mày thì chỉ còn là một cái xác không. Sẽ chẳng có người nào biết mày là ai - hắn nói thiếu mất một chữ trong câu này - xác chết trên vùng đất này nhiều lắm. Rồi mày cũng sẽ là một cái xác như thế thôi, - hắn dằn từng tiếng. - Và sẽ chẳng có ai biết được rằng chính tao là kẻ giết chết mày!

Lúc này đây, cảnh tượng cũ hiện ra trước mặt tôi, hầu như rất lộn xộn, song tôi không hề thay đổi hoặc thêm bớt một chữ nào.

## Chương 8

# Chẳng có ai biết cả

Tính tôi nóng nảy từ hồi còn bé. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ rõ cái cảm giác đặc biệt qua những phút ấy. Giờ đây khi nghe những câu nói của Rô-ma-sốp, tôi cũng có cái cảm giác đặc biệt ấy, nó khiến tôi thoáng chút choáng váng. Cần phải tự ra lệnh cho mình tuyệt đối bình tĩnh. Tôi tự hạ lệnh cho mình như thế rồi khẽ đưa tay ra phía sau lưng, cầm chặt lấy chiếc gậy.

- Mày nên biết rằng tao đã biên thư cho các đồng chí trong đơn vị, - không hiểu sao tôi lại có thể bắt đầu bằng một giọng trấn tĩnh đến như thế. - Vì vậy mày đừng hòng che giấu được sự thật!

- Thế còn việc đoàn tàu quân sự bị đánh thì sao?

Hắn đảo mắt nhìn tôi với một vẻ đắc thắng không hề giấu giếm. Hắn muốn nói rằng sau vụ đoàn tàu quân sự chở thương binh bị bọn Đức tập kích, việc giải thích về sự mất tích của tôi là rất dễ dàng. Lúc này tôi chợt hiểu ra, đã từ rất lâu, có thể là từ hồi còn học ở trường tiểu học, hắn đã luôn luôn mong tôi chết.

- Cứ coi là như vậy đi, nhưng trong việc này mày không thể giành phần thắng được đâu! - Tôi biết rằng tôi đang nói những câu không thiết thực. Song dẫu sao cái đó cũng không phải là cái chính, cái chính bây giờ là tìm cách kéo dài thời gian.

Đống củi bên cạnh cản trở tôi. Cần phải dịch sang một bên thì mới có thể dễ dàng đánh trúng vào thái dương của hắn được.

- Tao có giành được thắng lợi hay không, điều đó không quan trọng. Chỉ biết rằng mày đã tận số. Tao sẽ giết mày ngay bây giờ. Xem đây!

Hắn móc khẩu súng lục của tôi ra.

Nếu tôi tin rằng hắn sẽ giết tôi thật thì có lẽ lúc ấy hắn đã giở cái trò ấy ra rồi. Chưa bao giờ tôi trông thấy hắn phấn chấn như lúc ấy. Tôi nhổ một bãi nước bọt vào phía hắn và nói:

- Bắn đi!

Hắn gầm lên, hai hàm răng nghiến chặt lại trông vẻ rất dữ tợn. Nếu tôi không biết thóp đấy chính là những biểu hiện yếu hèn của hắn, thì có lẽ hắn đã dọa được tôi. Sự quay cuồng của hắn lúc này chứng tỏ hắn đang tự đấu tranh rất ghê: bắn hay là không? Khẩu súng lục như nóng lên trong tay hắn, nhiều lần hắn giơ súng lên chĩa về phía tôi, và toàn thân run lẩy bẩy. Lúc này tôi mới thấy chờn, biết đâu trong lúc mất tình bĩnh, ngón tay hắn sẽ chạm phải cò súng...

- Đồ quỉ bắt! - hắn gào lên. - Lúc nào mày cũng ám ảnh giày vò tao! Mày có biết rằng tao đã ra tay cứu sống mày bao nhiêu lần rồi không? Đồ sống thừa! Nếu như tao có thể... Trời! Mày sống để làm gì, để làm gì kia chứ! Chân mày chắc chắn rồi sẽ bị què và mày sẽ chẳng bao giờ lái máy bay được nữa.

- Như vậy có nghĩa là việc tao bay trên trời đã cản trở rất

nhiều đến sự nghiệp của mày, - tôi cảm thấy giọng nói của tôi rất đáng sợ, song lúc ấy tôi vẫn giữ được bình tĩnh. - Vậy thì chúng ta hãy kết thành đôi bạn thân ở dưới mặt đất vậy.

Lúc này hắn đứng quay nghiêng người về phía tôi, tay trái đưa lên che mắt, tuồng như vì không thể làm cho tôi chết ngay được mà thất vọng vậy. Đây là thời cơ tốt nhất, tôi cầm chắc chiếc gậy trong tay và ném thẳng về phía hắn. Ném gậy cũng tựa như phóng lao, toàn thân dồn về phía sau, lấy sức vươn tới trước và bỏ tay ra cho thanh lao bay đi. Những động tác có thể làm được tôi đều đã làm, song rất tiếc, chiếc gậy không chọc đúng vào thái dương mà lại chạm vào vai, và hình như không mạnh lắm.

Rô-ma-sốp giật mình, hắn thu mình lại như một con chuột rồi chồm lại phía tôi.

- Khá lắm! - Hắn gầm lên.

Hắn chậm rãi thu nhặt các thứ cho vào ba-lô, rồi thong thả đi qua cạnh tôi. Hắn cúi xuống nhặt một cành cây, rồi vừa xoay xoay trong tay vừa đi thẳng ra phía đầm lầy. Năm phút sau, cái bóng cao lênh khênh của hắn mất hút trong cánh rừng bạch dương phía trước mặt. Tôi chống hai tay xuống đất ngồi nhỏm dậy, hai mắt ráo hoảnh và nóng phừng phừng như có lửa đốt. Tôi cố ghìm lại để không gọi to lên "Rô-ma-sốp, quay trở lại!" bởi đấy là điều không thể xảy ra được đối với tôi.

## Chương 9

# Một mình

Bỏ tôi lại một mình trong rừng trong đói rét, tay không một tấc sắt, vết thương nặng đang hành hạ, lại ở sát nách chỗ đóng quân của bọn Đức... Tôi tin chắc rằng đấy là một mưu mô mà hắn đã nghĩ chín từ tối hôm qua. Còn những lời hắn nói và những việc hắn làm vừa qua chỉ là để dọa dẫm và làm nhục tôi mà thôi. Nhưng những tính toán của hắn đã chẳng đi tới đâu, nên hắn đã phải bỏ đi một cách lặng lẽ. Hắn không giết tôi, song hành động này của hắn chẳng khác gì hắn đã giết tôi, thậm chí còn tàn nhẫn hơn thế nữa.

Tôi không dám nói rằng sau khi bình tĩnh lại, tôi cảm thấy trong lòng được nhẹ nhõm hơn. Cần phải tìm cách rời khỏi nơi này, nếu không thì sẽ đúng như lời Rô-ma-sốp, rằng mãi mãi tôi sẽ phải nằm lại trong cánh rừng bạch dương nhỏ bé này.

Tôi cố đứng lên. Đôi nạng chống như chiếc cao chiếc thấp. Tôi thử bước lên một bước. Cảm giác của tôi lúc này không phải như bị ai đánh vào gáy, lập tức ngất lịm đi mà tuồng như có hàng trăm nghìn chiếc kim quái dị xăm nát vết thương tôi ra. Lưng cũng đau buốt như bị lưỡi dao lách vào tủy sống. Tôi bước lên bước thứ hai, rồi bước thứ ba.

- Thế nào, có cản trở được ông không? - tôi nói với những chiếc kim quái dị kia.

Tôi bước lên bước thứ tư.

Khi tôi gắng sức ra được đến bìa rừng thì mặt trời đã lên cao. Đã có thể nhìn thấy đám đồng lầy ở phía ngoài khu rừng mà chiều hôm trước chúng tôi đã đi qua. Một con đường nhỏ được vạch ra giữa cánh đồng cỏ, và tôi nhớ lại cảnh lá cỏ bị đè dạt sang hai bên khi các cô gái dìu tôi bò đi.

Ở bờ bên kia có bóng người đang đi - người mình hay bọn Đức nhỉ? Đoàn tàu của chúng tôi vẫn còn đang cháy. Ngọn lửa dưới ánh nắng mặt trời pha sắc trắng, bò lan theo những tấm gỗ sơn màu đen của thành tàu.

Chẳng lẽ lại về chỗ tàu bị cháy ư? Về đó để làm gì bây giờ? Tiếng nổ của đạn pháo vọng đến nghe nặng nề và xa lắc, như tận chân trời phía đông. Ở phía đông đang có cuộc đánh nhau, vậy thì ở đó chắc chắn có người của ta. Về phía ấy có một ga tàu hỏa gần đây nhất, chừng hai mươi cây số. Nếu như cái việc dò dẫm bước từng bước một và phải chịu bao nhiêu đau đớn của tôi cũng được gọi là đi, thì tôi đang đi về hướng đông.

Tôi đã vượt khỏi cánh rừng. Phía trước mặt là một vườn cây có quả màu xanh sẫm. Tôi không còn nhớ tên loại cây này, quả của nó tựa như cam châu Âu, có điều to hơn một chút. Thật may mắn, vì đã hơn một ngày đêm tôi chẳng được tí gì vào bụng. Trên thửa ruộng phía sau khu vườn có một vật gì màu đen nằm im không động đậy. Có lẽ là một người chết. Mỗi lần tôi lấy cây nạng khều quả, cái người chết ấy lại khiến tôi băn khoăn suy nghĩ. Sau đó tôi dường như quên đi, nhưng không lâu tôi lại nghĩ tới nó với một cảm giác khá rùng rợn. Mấy quả rơi xuống cỏ, tôi thận trọng cúi xuống nhặt lên, và lúc này lòng tôi nhói lên như bị kim châm: đó là một người phụ nữ.

Tôi cố lê bước nhanh về phía cô gái.

Cô nằm ngửa, mặt trông lên trời, hai tay dang rộng ra hai bên. Không phải Ca-chi-a mà là một cô gái khác. Viên đạn xuyên qua mặt cô, đôi lông mày đẹp đẽ co sát vào nhau đầy vẻ đau đớn.

Trong giây phút ấy tôi chợt nhận ra là mình đang lẩm nhẩm những câu chuyện rất kỳ thú. Tôi sực nhớ ra cái thứ quả màu xanh sẫm giống hệt như cam châu Âu này gọi là gì, nó gọi là gô-nô-bô-ben hay là gô-lu-bi-ca (việt quất nước)[1]. Tuy đó không phải là một phát hiện gì ghê gớm, song nó khiến tôi hớn hở hẳn lên. Tôi hứng chí, bắt đầu nói thành lời câu chuyện về cái chết của cô gái này. Rất có thể là cô ta đang trên đường trở lại đón tôi thì bị một loạt đạn của bọn Đức từ trên bờ đất cao bắn xuống. Tôi nói với cô rất nhiều lời an ủi, tôi cố an ủi cô, tựa như cô chưa hề chết vậy.

Sau đó tôi đã quên cô gái ấy đi. Tôi lê tiếp về phía trước, miệng luôn lẩm bẩm những lời chẳng đâu vào đâu. Đó là những lời gần như nhảm nhí tự nó phát ra chứ không phải do tôi chủ tâm nói tới. Lúc này tôi muốn dứt bỏ ngay những ý nghĩ đó để chống chọi với một ý muốn đang thúc giục tôi là vứt bỏ đôi nạng đi và nằm lăn xuống mặt đất yên tĩnh và hạnh phúc.

... Trước khi ngất đi, hình như có một quãng thời gian khá dài tôi chẳng nhìn thấy gì ở chung quanh nữa. Tôi nằm trong một vườn cây ăn quả, đôi mắt mệt mỏi ngắm nhìn một gốc chè to tướng. Nếu cái hình nộm bện bằng cỏ khô kia không lắc lư liên hồi ở bệnh cạnh tôi thì tốt biết chừng nào. Một chú chim non đỗ lên vai cái hình nộm ấy. Tôi nghĩ, nếu đôi mắt đen tuyền của chú chim kia không chớp nháy thì mọi thứ trên đời sẽ đẹp đẽ biết chừng nào! Tôi kêu lên một tiếng với chú chim nọ. Nhưng tiếng kêu của tôi quá yếu ớt, quá khẽ khàng. Chú chim quay lại nhìn tôi rồi vẫn ung dung chớp chớp đôi mắt và điềm nhiên vỗ nhẹ đôi cánh như không có chuyện gì xảy ra.

---

(1) Tên khoa học là Vaccinium uliginosum. - N.D.

Quả thực là nếu như tôi có thể ghìm giữ lại, không cho mọi vật xung quanh quay đảo nữa thì mọi việc sẽ tốt đẹp biết chừng nào! Lúc ấy chắc chắn là tôi sẽ có thể nhìn thấy rõ ngôi nhà gỗ không quét hắc ín, những bậc tam cấp và cái giá treo gầu cao cao bên cạnh giếng ở giữa sân kia, tất cả nằm ở phía sau một thửa rau xanh rờn. Và chắc chắn là tôi sẽ nhìn thấy bóng người đi lại ở đằng sau khung cửa sổ lúc tối lúc sáng ấy, cái bóng đương hốt hoảng nhìn ra phía cửa sổ.

Tôi cố đứng lên. Từ đây đến cổng ngôi nhà kia chừng bốn chục bước. Nếu đem so với đoạn đường mà tôi đã đi qua trong ngày hôm trước thì chẳng thấm vào đâu. Thế mà tôi đã phải trả một giá đắt biết nhường nào mới có thể vượt qua bốn chục bước ấy! Tôi đã hoàn toàn kiệt sức. Tôi ngã vật xuống bậc tam cấp, chiếc nạng gỗ va vào bậc thềm vang lên một tiếng kêu chói tai.

Cánh cửa hé mở. Một chú bé chừng mười hai tuổi ngồi xổm phía sau một chiếc ghế đẩu vuông. Sàn ngôi nhà này rất thấp, bên trên lót một lớp nệm cỏ phủ vải hoa. Tôi nằm liệt trên bậc tam cấp. Trong một lúc khó có thể nhìn thấy rõ diện mạo của chú bé đang ngồi trong nhà tối tăm ấy. Chú ta chĩa súng về phía tôi, má tì sát vào báng và một mắt nhắm lại như chực nhả đạn vào tôi.

- Giúp chú với nào! - Tôi nói, và cố sức trấn tĩnh để làm cho ngôi nhà trước mặt tôi không quay đảo nữa. - Chú là phi công bị thương, chú vừa nhảy từ trên tàu hỏa xuống và thoát khỏi vòng vây của bọn Đức.

- Ki-rin, không được bắn! - Chú bé giữ khẩu súng nói. - Người của mình đấy.

Lúc này tôi có cảm giác như chính chú bé đã tách ra làm hai, một chú bé khác giống hệt như chú ta thận trọng lách đầu ra khỏi tấm rèm, nhìn ra ngoài. Chú ta cầm trong tay một con dao kiểu Phần Lan, vừa hớp mắt nhìn, vừa thở rất mạnh.

## Chương 10

# Các chú bé

Những việc xảy ra sau đó tôi không còn nhớ rõ nữa. Những ngày sống với các chú bé ở đây tôi cảm thấy như mình sống trong luồng hơi nước ấm áp. Mà đấy cũng là sự thực vì ở đây có một chiếc lò hơi ba chân kiểu Nga được các chú đun nước sôi sùng sục suốt ngày. Nhưng ngoài ra hình như còn có một thứ hơi nước khác nữa, rất lạ và không thể nhìn thấy được. Nó khiến tôi thở nặng nề và toàn thân toát đẫm mồ hôi. Song có lúc nó lại trở nên hết sức loãng nhẹ, và lúc ấy tôi chợt nhận ra là mình đang nằm trên giường, bên dưới chân bị thương lót rất nhiều gối như một quả núi con. Đấy là cách không cho máu tiếp tục tuôn ra từ vết thương mà các chú đã nghĩ ra được. Bây giờ tôi đã biết tên các chú, một chú gọi là Ki-ra, còn chú kia gọi là Vô-va. Cả hai là con trai của người bẻ ghi đường sắt tên là I-ô-na Pê-trô-vích Le-xcốp. Hôm qua người bố đi ra ga và dặn chúng là phải luôn luôn đóng kín cửa không để cho bất cứ ai vào nhà. Hai chú bé này là anh em sinh đôi - điều đó tôi đã đoán được từ đầu. - Nhưng mỗi khi trông thấy chúng đứng cạnh nhau, tôi lại giật mình ngạc nhiên:

tại sao chúng lại có thể giống nhau một cách lạ lùng như thế, đến nỗi tôi ngỡ rằng mình đã nhìn một hóa ra hai...

... Trong con người tôi lúc này tuồng như có hai cơ thể đang đấu tranh vật lộn nhau: một cơ thể sảng khoái, minh mẫn, nó luôn luôn suy tưởng đến những gì đẹp đẽ của cuộc sống và hồi nhớ lại những kỷ niệm êm đềm đã qua. Còn cơ thể kia thì là một cơ thể bệnh tật, đau đớn, nó luôn luôn nhớ đến những vết thương nặng nề trên người và luôn nuôi chí phục thù, và vì không thể phục thù được nên rất đỗi đau khổ.

Có lúc, tôi như nhìn thấy một con người cao lớn, râu xồm xoàm bước vào ngôi nhà này và tiến về phía chỗ tôi nằm. Ông ta bị cóng lạnh, đến nỗi không thể cài nổi chốt cửa. Nhưng ông ta không phải là bác sĩ I-van I-va-nứt mà chính là tôi. Tôi kiệt sức ngã vật ra bậc tam cấp, cánh cửa hé mở, hai chú bé ngắm súng về phía tôi, và sau đó một chú kêu lên: "Người của mình đấy!"

Tôi cứ nghĩ rằng sở dĩ các chú bé đối xử với tôi tốt đến như thế là vì trước kia tôi và em gái tôi đã từng cứu sống bác sĩ. Lúc ấy anh em chúng tôi còn là những đứa trẻ mồ côi cô đơn, bị ném vào một làng quê hẻo lánh ngập đầy tuyết.

Có lúc tôi lại thấy mình đang nấp ở bên dưới toa tàu, tay cầm súng lục và răng nghiến lại vì tức giận. Một số người nằm rải rác quanh tôi, hai tay dang rộng một cách mất tự nhiên. Tôi đã làm gì? Tôi đã phạm tội lỗi gì mà buộc tôi phải từ bỏ cái quí giá nhất, không thể thiếu được trong một đời người? Tại sao lũ giặc lại xô vào đất nước tôi và lại dám bắn một cách dã man vào những người bị thương? Chẳng lẽ trên đời này không còn có công lý, không còn có lương tâm, không còn những lẽ phải mà từ hồi còn bé tôi đã được học ở trường, đã quen tôn trọng và yêu thương nữa sao?

Tôi cố trả lời những câu hỏi ấy, mà không tài nào trả lời nổi, vì hơi thở của tôi lúc này lại yếu hẳn đi. Hai chú bé đăm đăm nhìn tôi lo lắng và luôn mồm nói rằng nếu bố chúng về thì chắc chắn ông sẽ có cách làm cho tôi khỏe lên.

Người bố quả đã trở về thật. Không còn nghi ngờ gì nữa, người này chính là ông ta. Vì cũng như hai đứa bé, ông cũng có một dáng vẻ vụng về tương tự, một khuôn mặt dài giống hệt nhau và một đôi mắt màu xanh thẫm sáng ngời ngợi. Khi ông buông thõng tay, hơi khom lưng đứng bên cạnh tôi nằm, đôi mắt ông chợt sáng lên.

- Bọn lính nhảy dù Đức đã bị đánh tan, - ông nói. - Chúng ta đã bao vây chặt chúng ở cạnh ga "Sen mới". Tất cả bọn chúng đều đã bị diệt sạch, không một mống nào chạy thoát.

Sau đó ông ngồi lặng đi một lúc, chau mày nhìn tôi. Tôi nghĩ bụng, chắc bệnh tình của mình nguy ngập lắm nên người khác mới nhìn bằng con mắt thương xót như thế. Sau đó ông hỏi tên tuổi, cấp hàm của tôi, thở một hơi dài não ruột rồi ghi tất cả vào một mảnh giấy con và treo lên tường cho khỏi quên. Tôi kéo tay người bẻ ghi đường tàu hỏa và bắt đầu kể cho ông nghe một cách hào hứng về cuộc đón tiếp tôi của hai chú bé. Hình như tôi đã nói quá nhiều và bị nhầm lẫn nhiều chỗ nên ông đắp lên trán tôi một vật gì mát rượi và khuyên tôi cần phải ngủ một giấc thật ngon.

- Ngủ đi, ngủ đi đã!

Tôi biết rằng nếu lúc này tôi ngủ say thì ông sẽ rất hài lòng, vì thế tôi liền nhắm mắt lại và nằm im, giả vờ như đã ngủ. Trong đầu óc tôi lúc này vẫn còn in rõ nét những cảnh tượng mà tôi vừa kể cho người bẻ ghi đường sắt nghe. Nó không chỉ bó hẹp trong ngôi nhà nhỏ này mà bao gồm cả những cảnh tượng ở nơi xa xôi vô cùng tận.

Tôi mường tượng thấy có hàng nghìn hàng vạn ngôi nhà nhỏ giống như ngôi nhà này. Có hàng nghìn hàng vạn chú bé ngồi xổm sau những chiếc ghế đẩu vuông. và từ đó đều chĩa ra những khẩu súng. Lại thấy có hàng nghìn hàng vạn chú bé tay cầm dao nấp sau tấm rèm vải hoa. Trên những bình nguyên của nước Nga vĩ đại, từ chân trời bên này đến chân trời bên kia, từ những góc tối trong những ngôi nhà tối mịt, có rất nhiều chú bé đương sẵn sàng chờ địch. Chỉ cần lũ giặc dẫn xác đến là sẽ bị tiêu diệt ngay.

**Chương 11**

# Câu chuyện về tình yêu

Nếu có thể vì cuộc đời là một con đường dài như các nhà thơ thường nói, thì trên con đường dài ấy, hễ cứ mỗi lần gặp một chỗ rẽ ngoặt nguy hiểm, tôi đều tìm thấy một người chỉ đường rất chính xác. Chỗ rẽ ngoặt lần này trong cuộc đời tôi, sở dĩ khác với những lần trước, chỉ vì người cứu tôi là một người bẻ ghi đường sắt, nghề nghiệp, chức trách của ông là bảo đảm an toàn giao thông, điều chỉnh tàu xe chạy đúng đường.

Tôi nghỉ lại trong nhà ông hai ngày hai đêm, lúc tỉnh, lúc mê. Lần nào mở mắt ra tôi cũng nhìn thấy người đàn ông có vẻ mặt buồn buồn, không bao giờ chịu rời khỏi chỗ nằm của tôi một bước. Có lúc ông lại biến thành chú bé có đôi mắt sáng rực đã từng đón tiếp tôi lúc đầu. Chú bé ấy cũng ngồi liên miên bên cạnh tôi, giữ chặt tôi lại trong ngôi nhà bé nhỏ và thấp kín này. Không ai chịu buông tôi ra, để tôi đi sang thế giới bên kia. Nếu đúng như lời tường thuật của báo "Chim ưng đỏ" thì hầu như tôi đã đi dạo một lượt trong cái thế giới ấy.

Tất cả mọi thời gian, lúc tỉnh cũng như lúc mê, tôi đều không nghĩ đến Rô-ma-sốp. Đó là điều hết sức tốt đối với tôi. Phải chăng đó là bản năng tự vệ? Có lẽ đúng thế. Vì nghĩ tới hắn tôi sẽ càng bị kiệt sức hơn.

Sau khi đường sắt được khôi phục, người bẻ ghi đường sắt dùng xe kiểm tra (rõ ràng đây là chiếc xe mà hai cô gái Xta-ni-xláp không thể nào tìm ra) đưa tôi đến Da-ô-de-re. Ba đôi mắt xanh lam cùng ánh lên, ngượng nghịu từ biệt tôi. Tôi lại một lần nữa được đi tàu cứu thương, và lần này mới đích thực là tàu cứu thương, có nhà tắm, có loa phóng thanh, có phòng đọc sách. Tôi tắm xong, được thay băng mới, ăn một bụng thật đẫy rồi gác chân bị thương lên băng treo, đánh một giấc dài qua hết miền trung nước Nga. Tóm lại là được hưởng đúng chế độ điều trị khoa học. Khi tôi tỉnh dậy thì con tàu đã đến một vùng nào đó ở ngoại vi thành phố Ki-rốp. Ở miền hậu phương này, như ở một thế giới khác, điều đầu tiên khiến tôi ngạc nhiên là các cửa sổ không có tấm rèm đen che ánh đèn. Trong giây phút đó tôi chợt nhớ tới một việc gì đã từng xảy ra giữa tôi với Rô-ma-sốp.

Tôi nhớ tới cuộc nói chuyện giữa hai người trong ngày đầu tiên sau khi xe tăng bọn Đức tấn công vào đoàn tàu chở thương binh.

- Cậu cần phải tự nhận thấy rằng, trong đời cậu, cậu đã làm nhiều việc đê tiện, - tôi nói. - Những việc đó, đối với riêng cậu cũng hết sức đê tiện.

- Cứ cho là như vậy cũng được, - hắn đáp lời một cách lạnh lùng. - Nhưng đê tiện là cái gì kia chứ? Tôi coi cuộc đời như một trò đùa. Ngay lúc này đây cũng thế thôi. Chẳng phải vị thần vận mệnh đã trao tận tay chúng ta tấm thẻ số phận đó sao?

Nếu không có cuộc rút lui này thì hắn làm sao có thể đánh cắp được tài liệu giấy tờ cũng như súng lục của tôi, và bỏ rơi tôi trong giữa rừng bạch dương hoang vắng.

Tôi phân tích các hành vi của hắn từ các góc độ khác nhau, như kiểu một quan tòa.

Tôi nhớ lại toàn bộ mối quan hệ từ trước đến nay giữa tôi với hắn. Đấy là một câu chuyện hết sức phức tạp, đặc biệt là việc hắn đã từng thực tâm định cưới Ca-chi-a làm vợ (bây giờ nghĩ lại cũng thấy việc ấy không thể nào xảy ra được).

Hắn đã cam tâm để mất Ca-chi-a rồi ư? Điều đó tôi không rõ. Hắn đã lấy một người phụ nữ tên là A-lép-ti-na Xéc-ghê-ép-na làm vợ. bà Ni-ca Ca-pi-tô-nốp-na kể lại rằng, trong lễ cưới hắn đã uống rượu đến say nhèm và khóc nức nở. Khi nghe bà Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na kể lại câu chuyện này, Ca-chi-a có vẻ rất khó xử. mặt đỏ lên. Tại sao như vậy? Phải chăng qua câu chuyện ấy nàng đoán rằng Rô-ma-sốp vẫn còn yêu mình chăng?

Khi hắn chĩa súng lục vào tôi và gầm lên: "Mày nên biết rằng kẻ nào cứu sống mày là kẻ đê nhục!" thì có lẽ hắn đã quên hết mọi thứ trên đời.

Song rốt cuộc ai là kẻ đê nhục?

Rõ ràng là tòa án quân sự sẽ không khó khăn gì khi tìm ra một điều luật thích hợp để xử bắn tên sĩ quan hậu cần Rô-ma-sốp này.

Song. trên thế giới này, có thể nào tìm ra một tòa án mà lời phán quyết của nó lại không đếm xỉa gì đến lương tâm không? Trong phiên xử của tòa án ấy, bị cáo sẽ tự nhận rằng:

- Vâng, đúng là tôi đã có ý định giết nó.

Sau đó lại nói thêm:

- Nhưng tôi đã không giết nó, vì người đàn bà mà tôi yêu sẽ không thể nào chịu đựng nổi cái tin nó bị chết!

Không có một tòa án nào như thế! Hắn không giết tôi, chẳng phải vì tình yêu sâu nặng của hắn đối với Ca-chi-a, mà chính vì hắn non gan thôi! Khốn khổ, tình yêu là gì lại như thế! Tình yêu khiến cho người ta trở nên cao thượng và trong sạch. Tình yêu đem đến cái mới mẻ và điều đẹp đẽ. Tình yêu không cần đến sự cầu xin, tự nó sẽ làm cho con người trở nên đáng yêu và lương thiện. Chẳng lẽ tình yêu của hắn lại như thế hay sao?

Không, đấy không phải là tình yêu. Có ai mà biết được cái thứ tình cảm phức tạp ấy của hắn là thứ tình cảm gì. Trong thứ tình cảm ấy, tình dục hòa lẫn với lòng hư vinh bị sứt mẻ cùng với những tính toán khác nữa. Tôi tin chắc rằng trong lòng của con người ti tiện này không có lúc nào không quanh quẩn với những tính toán ích kỷ. Song tôi vẫn cố tưởng tượng đến cái tòa án không thể có trong thực tế kia.

Tôi nghĩ rằng thầy I-van Pa-vơ-lứt sẽ phán tội Rô-ma-sốp, vì nếu không phải là người thầy nghiêm khắc này của chúng tôi thì còn ai có thể phán xử được? Tôi mường tượng thấy cảnh thầy I-van Pa-vơ-lứt mặc bộ quần áo làm việc dày cộp đang ngồi trong gian phòng cá nhân. Chòm râu bạc trắng của ông rung rung, đôi mắt nghiêm nghị nhìn về phía trước. Ông ngồi ở phía sau chiếc bàn, Rô-ma-sốp đứng ngay phía trước mặt ông, hai mắt hắn nhắm nghiền lại như kẻ đang ngủ say. Hắn đinh ninh rằng tôi đã chết từ lâu. Vì thế người thầy cũ của chúng tôi nói gì, hắn cũng trơ ra, bình chân như vại!

Nhưng trong phòng còn có một người nữa. Nàng luôn chân đi

đi lại lại trong phòng, chốc chốc dừng lại hơ đôi tay vào lò sưởi. Người phụ nữ ấy là một nhân chứng. Nàng vừa hơ tay, vừa đăm chiêu suy nghĩ...

Nữ nhân chứng của tôi giờ đây sao mà ở cách xa tôi đến thế! Nào ai biết được rằng nàng có còn sống hay không. Đã hơn hai tháng nay tôi không được chút tin tức nào về nàng. Hai tháng của mùa thu năm 1941 ấy xiết bao gian khổ!

Nàng sống trong một thành phố đang bị bao vây kín bốn bề. Chúng tôi đã từng dự định với nhau rằng, nếu sau này có điều kiện, sẽ xây dựng cái tổ ấm của mình ở đấy. Giờ đây lũ giặc đương tìm cách phá tan thành phố này. Để bức những người dân kiên cường không chịu khuất phục của thành phố phải chết đói và chết rét, chúng mang xi-măng từ bên Đức sang xây công sự kiên cố và ngày đêm dồn dập nã pháo vào thành phố. Hầu như suốt ngày đêm mặt sông Nê-va được soi sáng bởi ánh pháo của giặc. Chúng cố tìm cách ngăn chặn những con tàu chở lương thực tiếp tế đến cho thành phố. Chúng chủ tâm làm cho Ca-chi-a của tôi phải chết trong cái thành phố ấy.

## Chương 12

# Trong Quân y viện

Tôi vẫn thường hình dung Quân y viện như thế này: bó hoa hồng trên chiếc bàn đêm, những căn phòng sáng trưng, những cô y tá điềm tĩnh đi lướt qua giữa các giường bệnh như những bóng tiên. Chính tôi cũng không rõ ấn tượng ấy đã từ đâu đến với tôi, có lẽ từ một quyển tiểu thuyết nào đó chăng. Trong thực tế, Quân y viện giản dị hơn nhiều.

Đây là một tòa nhà lớn, trong đó đầy những bệnh nhân. Trên hành lang, thậm chí cả trong nhà ăn (tuy nhà ăn là một gian phòng xép) đều chật ních các giường bệnh. Trước kia đây là trường Đại học Y khoa, bây giờ trên tường vẫn còn treo những bức vẽ phân bố thần kinh trong cơ thể con người. Bộ mặt của những con người trong bức vẽ trông thực đáng sợ, một nửa mặt bị lột mất da, để lộ những sợi thần kinh chằng chịt. Trong tủ kính còn giữ lại bảng thời khóa biểu và tờ in mệnh lệnh của đồng chí chủ nhiệm khoa.

Tôi nằm ngay trong gian phòng trước dùng làm hội trường. Đây là một phòng bệnh khí lớn một chút. Tôi cảm thấy như đầu

bên kia của gian phòng bị che mờ bởi một làn sương loãng và xa đến nỗi không sao nhìn rõ được. Mà thực ra cũng đúng như vậy. Những tia ánh sáng mặt trời rọi vào căn phòng rộng có vẻ run rẩy e ngại, như bị trùm trong sương mù dày đặc. Có đến gần một trăm con người nằm trong phòng này, hầu hết là chiến sĩ. Tôi không mang giấy tờ gì theo người và trong khi đơn vị chưa gửi chứng minh thư đến chứng nhận rằng trên đời này còn có một đại úy là tôi; nên tôi phải nằm chung với anh em chiến sĩ. Song chỗ khác biệt duy nhất là chúng tôi được phát thuốc lá rời, còn các sĩ quan thì được nhận thuốc lá vấn.

Trong phòng bệnh của chúng tôi, có rất nhiều người từ khắp các mặt trận đến. Không ít người đã từng chiến đấu ở mặt trận Lê-nin-grát. Mùa đông năm ấy, câu chuyện kể của những người đến từ mặt trận Lê-nin-grát làm cho người ta lo lắng.

Trên đường về đây tôi gửi cho Ca-chi-a một bức thư, và sau khi vào viện, hầu như ngày nào tôi cũng biên thư cho nàng. Tôi không gửi về nhà Be-ren-stanh ở phố Pê-trô-grát, mà gửi cho Pê-chi-a qua đường dây bưu điện quân đội, hoặc gửi thẳng đến Học viện Quân y; vì hồi giữa tháng bảy, trong một bức thư gửi cho tôi, Ca-chi-a nói rằng cô ấy và Va-ri-a Trô-phi-mô-va cùng công tác trong Học viện Quân y. Đường tàu hỏa tuy không nối liền với Lê-nin-grát nhưng thư từ thì có thể dùng máy bay chuyển đi. Tôi không rõ là tại sao thư tôi gửi không đến nơi. Tôi không biết rằng trại nhi đồng của Viện bảo tàng nghệ thuật đã sơ tán về vùng Xi-bê-ri, nên thư gửi về nhà cho bà tôi toàn phải gửi qua người khác, rồi nhờ chuyển hộ. Chỉ có một điểm tôi có thể tự an ủi được, là nếu Ca-chi-a gặp điều không may thì thế nào cũng có người viết thư báo cho tôi biết...

... Ngày hai mốt tháng Hai năm 1942, đấy là một ngày rủi ro

mà tôi sẽ mãi mãi ghi vào tâm khảm. Một chị hoạt động xã hội (tất cả mọi người trong quân y viện đều gọi những người phụ nữ tự nguyện đến chăm sóc chúng tôi bằng một cái tên chung như thế) chạy đến, kể cho chúng tôi nghe cảnh đón tiếp học sinh trường kỹ nghệ vừa được tàu hỏa đưa từ Lê-nin-grát đến. Chị ta có vẻ rất nghiêm nghị. Một lần, chị ta nói rằng chồng và con của chị đều đã hy sinh ngoài mặt trận. Khi nói những câu ấy thái độ của chị vẫn rất bình thản, khiến tôi rất đỗi ngạc nhiên. Nhưng khi kể rằng chị đã bế con từ trên tàu hỏa xuống, thì lại khóc òa lên.

Ngày hôm ấy tôi phải cố gắng lắm mới tự buộc được mình ăn hết một bữa cơm. Chân bị thương của tôi đã bó bột hơn một tháng nay, hôm nay đột nhiên nhức nhối không tài nào chịu nổi. Bác sĩ quyết định soi điện cho tôi.

Một là, kết quả soi điện chỉ rõ rằng xương chân của tôi nối lại không khớp, nên cần phải bóc thạch cao ra, và nắn lại xương, nghĩa là phải làm lại từ đầu. Hai là, đưa tôi vào nằm một tiếng rưỡi đồng hồ trong phòng mổ lạnh cóng để mổ lại chân, và có lẽ vì thế, tôi bị cảm lạnh. Đến tối, thân nhiệt của tôi lên cao và tôi bắt đầu nói nhảm.

Nói tóm lại là tôi bị viêm phổi. Và thế là rất trở ngại cho cuộc mổ lần thứ hai, các bác sĩ đều lo tôi bị què.

Tôi đã viết quá lộn xộn về tình hình bệnh tật của mình. Thực ra đấy là một đề tài quá khô khan và vô vị, nhất là khi nghĩ rằng mới sau ba tháng khai chiến, mình đã bị thương, chưa kịp làm nên công cán gì.

Tôi chưa kịp làm nên công trạng gì. Nhưng trong thời gian ấy, như báo chí nước ngoài nói, xuất hiện "một chuyện lạ bên thành phố Mát-xcơ-va". Cách Mát-xcơ-va ba trăm cây số về phía

tây, một cái chân người mang giày đinh đã lạnh cứng bị vùi trong tuyết! Tôi chưa kịp làm nên công trạng gì, nhưng công việc của các đội hàng không hải quân tầm xa vừa được tổ chức lại vẫn tiến nhanh; trong những công việc đó không có phần của tôi. Tôi có cảm giác như đã mười lăm năm rồi tôi chưa được bay trên mặt biển! Tôi chưa kịp làm nên công trạng gì, tôi cảm thấy dường như cái "cảm giác chiến tranh" trong con người tôi đang ngày một mai một đi, và bao nhiêu việc vô nghĩa của cuộc sống bệnh viện đương ngày một tăng lên.

Ở những trang trước tôi đã viết về chuyện đơn vị gửi giấy chứng minh đến cho tôi. Sau khi nhận được chứng minh thư, tôi nhận được thư của Mi-sa Gô-lôm-bơ. Anh ta là bạn cũ của tôi. Trước đây khi còn học ở trường hàng không, sau khi thành lập ngành hóa học hàng không quốc phòng, chúng tôi đã từng cùng nhau lái loại máy bay "quan tài". Khi đọc đến tên ký ở cuối thư, tôi thực không tin ở mắt mình. Nhưng đây đích thực là Mi-sa, hiện nay cậu ấy đương phục vụ trong trung đoàn của chúng tôi. Cậu ấy đến trung đoàn sau hai ngày khi báo chí đăng tin tôi hy sinh.

"Xa-nhi-a, cậu làm tớ hết cả hồn! - Cậu ta viết. - Cậu nên nhớ rằng điều làm cho tớ kinh ngạc không phải là bức thư của cậu gửi đến, tỏ rõ cậu vẫn còn sống; mà là cái tin cậu bị hy sinh vì máy bay bị cháy trước đây. Bởi vì một con người như cậu tớ tin là không thể hy sinh dễ dàng như thế. Và cậu thử nghĩ xem, bây giờ đây, tất cả mọi người, trong đó kể cả cậu, sẽ không có ai phản đối mẩu tin đã từng được đăng trên báo trước đây. Hồi ấy ai cũng viết một dòng chữ trên lựu đạn của mình "Trả thù cho Gri-gô-ri-ép". Cho nên tuy đã chết rồi, cậu vẫn còn tiếp tục chiến đấu. Đồng chí đại tá có nói rằng sẽ đề nghị tặng huân chương Cờ đỏ

cho cậu. Cậu hãy cho mình chúc mừng cậu, chúc cậu hạnh phúc, hạnh phúc mãi mãi".

Đầu mùa xuân, tôi bắt đầu tập đi, hay nói một cách chính xác, tôi bò ra ngoài vườn hoa nhỏ của bệnh viện để chơi. Đến lúc này tôi mới được nhìn thấy bộ mặt của thành phố mà tôi đang sống ở đó hàng nửa năm qua. Tuy tôi chỉ nhìn thấy con đường rợp bóng cây bồ đề ở trước mặt. Nhưng từ con đường này, hầu như tôi nhìn thấy được bộ mặt của toàn thành phố. Về sau, khi được phép ra phố chơi - lúc đầu tôi phải chống nạng, sau chỉ cần một chiếc gậy - tôi mới biết rằng những điều tôi hình dung trước đây rất gần với sự thật. Đây là một thành phố quang quẻ, yên tĩnh. Tất cả những đường phố tương đối đẹp đều như cất lên, vươn ra phía bờ sông M. Nhìn những cảnh này tôi lại nhớ đến những bờ đá bên dòng sông Pét-trin-ca và sông Chi-khai-a ở nơi quê nhà. Trước đây tôi có bay qua bầu trời của thành phố này đôi ba lần, nhưng chưa có dịp nào ghé lại.

Sau khi đoàn ca kịch và đoàn múa ba-lê của Lê-nin-grát sơ tán về đây, tôi có đến nhà hát xem họ biểu diễn. Khi tấm màn kéo lên, nhìn thấy các diễn viên nam nữ ăn mặc đẹp đẽ, ung dung và uyển chuyển trong các động tác biểu diễn, tuồng như không hề có chiến tranh xảy ra. Một cảm giác kỳ lạ xâm chiếm tâm hồn, khiến tôi nghĩ rằng thời gian đang chảy ngược lại.

Lẽ ra việc tôi xem hát không đáng viết ra trong sách này. Nhưng có một sự việc trong cuộc sống lại cứ móc xích vào nhau như những bánh xe trong lòng chiếc đồng hồ. Trong khi xem vở "Hồ thiên nga", tôi chợt nhìn thấy I-li-na A-nhi-a, vợ của một bạn đồng ngũ của tôi khi còn ở Viễn Đông. Tôi và Ca-chi-a rất mến I-li-na. Cả hai người đều rất điềm đạm, lịch sự, sống cởi mở, chồng cũng như vợ đều say mê sân khấu và thể thao, đặc biệt là

môn quần vợt. Tôi còn nhớ mãi hình ảnh I-li-na mặc chiếc áo liền váy màu trắng và trong tay cầm chiếc vợt. Nhưng cũng vì hai người quá lễ độ, đối với ai cũng thưa hay gửi giống như một đôi vợ chồng lý tưởng trong tiểu thuyết nên nhiều người không gần gũi và ít tin tưởng ở họ. Song tôi và Ca-chi-a thì bao giờ cũng nghĩ rằng họ là những người hoàn toàn xứng đáng được hưởng hạnh phúc lý tưởng. Nhiều người bàn luận rằng I-lin[1] gặp vận đỏ. Quả thế thực, chuyện gì anh ta cũng gặp may. Cái vận đỏ ấy kéo dài mãi cho đến thời kỳ chiến tranh. Khi chiến tranh nổ ra, anh ta là trung tá, nhưng đến mùa xuân năm 1942 thì đã trở thành thiếu tướng rồi.

Khi gặp nhau trong rạp hát, tôi và I-li-na đều hết sức mừng rỡ, hẹn sẽ gặp lại nhau vào ngày hôm sau ở nhà chị ấy. Chị là người chính gốc địa phương này. Sau khi chiến tranh bùng nổ, chồng chị đã đưa chị cùng đưa con gái về nhà mẹ.

Đấy là một gia đình chưa hề bị tang tóc vì chiến tranh. Sau thời gian ra mặt trận và nằm bệnh viện, đây là lần đầu tiên tôi gặp một gia đình như thế. Chúng tôi ngồi trong phòng ăn. Trên bàn ăn trải một tấm khăn. Trên tường treo mấy bức phù điêu tinh vi. Mặt đi-văng phủ tấm dạ khâu tay. Rõ ràng là tất cả những thứ này đều còn lại từ trước chiến tranh và được giữ gìn, xếp đặt như cũ. Tôi nhìn người thiếu phụ hồn nhiên đôn hậu xinh đẹp ngồi trong gian phòng lộng lẫy này mà trong lòng nhói lên nỗi nhớ thương Ca-chi-a của tôi.

- Nếu được trở về Lê-nin-grát, dù chỉ vài ba ngày, nhất định tôi cũng sẽ tìm được Ca-chi-a. Tôi tin là cô ấy vẫn ở Lê-nin-grát. Nhưng nghiệt nỗi là họ không cho phép tôi. Đơ-mi-tri đang ở Mát-xcơ-va phải không nhỉ?

---

(1) I-lin là chồng của I-li-na.

- Vâng.

Người thiếu phụ hiểu ngay dụng ý của tôi khi tôi hỏi chồng chị.

- Anh ấy có thể giúp anh được đấy. Tôi sẽ viết thư cho anh ấy ngay bây giờ. Cần anh ấy làm cái gì nhỉ?

- Bảo anh ấy điều tôi về Mat-xcơ-va vậy, - tôi nói. - Nếu không thì Hội đồng giám định y khoa sẽ ném tôi về hậu phương mất.

- Bao giờ hội đồng giám định y khoa đến đây.

- Tháng năm.

- Thế thì tốt rồi. Tôi sẽ có đủ thì giờ nhận thư trả lời của Mi-chi-a. Việc này anh ấy sẽ phải liên hệ với ai?

- Với Phòng Cán bộ tổ chức quản lý phi công thuộc Hội đồng Nhân dân hải quân.

Người thiếu phụ ghi vào quyển sổ tay: "Phòng Cán bộ tổ chức..."

- Đáng tiếc là anh không thể bay trực tiếp từ đây đến Lê-nin-grát được. Trên tuyến đường này, trước có loại máy bay "Đu-giát" vẫn chở khách đi về. Nhưng hiện nay không còn nữa. Song có lẽ sắp tới sẽ có trở lại. Chỉ cần sân bay khô ráo là có thể khai trương. Lúc ấy thế nào tôi cũng sẽ tìm cách giúp anh.

Tôi cám ơn chị và tỏ ý rằng nếu được như vậy thì không còn gì hơn nữa. Song trên đời này lại có một quyển "điều lệnh" tai ác, mà trong đó qui định rõ ràng rằng tất cả các phi công sau một thời gian tương đối dài không lái, nay muốn lái lại thì phải qua kiểm tra và được cơ quan chuyên môn phê chuẩn.

Thế nhưng, thực hoàn toàn không ngờ, chỉ sau đó mấy ngày, tôi đã thoát ra khỏi sự ràng buộc cứng nhắc của quyển điều lệnh ấy, tha hồ muốn bay đi đâu thì bay.

## Chương 13

# Bản án

Đối với tôi, Hội đồng Giám định y khoa cũng là một thứ tòa án. Lần nào ở trước mặt cái tòa án này tôi cũng phải thú nhận rằng mình có tội. Vì tôi sinh ra không được là một chàng trai cao lớn đẫy đà, vai rộng ngực nở cằm vuông. Khi bị lột hết quần áo và đứng trình diện trước mặt hội đồng, tôi lại có cái ý nghĩ không lấy gì làm hào hứng ấy. Tôi co chân hạ thấp người xuống, nhắm mắt lại và đưa thẳng hai tay ra phía trước. Tôi cố sức giữ để hai tay không bị run. Sau đó kiểm tra sức hoạt động của cái chân bị thương rồi phải đứng từ thật xa để đọc những dòng chữ cái nhỏ li ti. Cuối cùng một bà bác sĩ tóc đã hoa râm đến nghe tim tôi, đồng thời dùng ngón tay hết gõ vào ngực lại gõ vào lưng tôi. Rõ ràng là trọng ngực tôi có cái gì đó làm cho bà ta không hài lòng. Bà dừng lại, cau mày, rồi lại gõ một lượt nữa như thử đàn dương cầm. Sau đó bà ra lệnh:

- Thở mạnh!

Khi đến Hội đồng Giám định y khoa, điều làm tôi lo lắng hoàn toàn không phải là cái phổi. Tuy hồi bé tôi có bị cúm Tây Ban Nha và sau đó bị biến chứng, nhưng phổi vẫn rất tốt. Thế

mà bây giờ, không biết tại sao cũng chính cái phổi ấy lại làm cho bà thiếu tá bác sĩ già nghi ngờ. Bà ta hết gõ vào ngực tôi, lại xoay người tôi qua lại như cái máy; tuồng như bà muốn chứng minh rằng tôi đã bị ốm, đã bị ốm... Và không thể nào tiếp tục bay được nữa.

Tôi giấu cái ý nghĩ đang sợ rằng không thể tiếp tục bay được nữa vào góc kín nhất của tâm hồn. Tôi giấu kín nó và dùng những sự việc hàng ngày để che lấp nó. Song cái ý nghĩ ấy vẫn không chịu chết, nó cũng chẳng chịu rời đi chỗ khác, mà cứ bám chặt vào một chỗ nào đó bên cạnh nỗi nhớ thương Ca-chi-a để giày vò tôi.

Nhưng lúc này đây, khi tôi đứng trần trước Hội đồng Giám định y khoa, tất cả các vết thương trên chân và trên lưng đều để lộ ra ngoài thì cái ý nghĩ trên kia cũng càng lộ ra rõ rệt không tài nào giấu giếm nổi, dù đối với tôi hay đối với người khác. Hình như một nữ bác sĩ đã đọc được cái ý nghĩ ấy từ trong đáy mắt của tôi, nên tuy bà cầm bút lên, bà lại lưỡng lự khi viết những lời kết luận về sức khỏe của tôi. Cuối cùng bà phải đưa tấm phiếu khám cho chủ tịch hội đồng. Vị bác sĩ to béo đeo kính lão liền cầm búa nhỏ gõ vào các khớp xương và xương vai của tôi. Tiếng búa gõ vang lên lúc cao lúc thấp, như đang cất tiếng hỏi:

- Anh bị bệnh phổi rồi phải không? Bệnh rồi phải không? Anh không thể tiếp tục bay được nữa phải không?

- Bình tĩnh, đồng chí đại úy, - vị bác sĩ già nói. Ông ngước mắt nhìn tôi và đeo ống nghe vào tai. - Chỉ cần điều trị thêm ít lâu nữa thì rồi sẽ tốt cả thôi.

Ông nghe tim tội một lúc rồi ghi một số ký hiệu lên phiếu khám. Xong ông nói với tôi, giọng rất thân mật.

- Mọi việc rồi sẽ tốt cả thôi.

Nhưng ông lại cho tôi nghỉ hẳn nửa năm. Tôi biết rất rõ rằng

trong những năm như năm 1942 ấy mà Hội đồng Giám định y khoa lại quyết định cho một chỉ huy bộ đội chiến đấu nghỉ dài hạn như thế, thì đủ biết tình trạng sức khỏe của tôi như thế nào rồi.

Khi tôi trở về quân y viện, sắc mặt hình như không được bình thường. Người nằm bên cạnh tôi là một đồng chí ở lục quân, tuy hai chân anh không còn nhưng sau mỗi lần anh tắm xong và được khiêng từ trong nhà tắm ra, sắc mặt anh hồng hào đến nỗi khiến ai cũng phải ngạc nhiên. Lúc này, anh ta bỏ quyển sách đang cầm trên tay xuống, ngước nhìn tôi và chẳng hỏi han gì cả. Sau đó một lúc, dường như không ghìm được, anh ta hỏi tôi:

- Này, thế nào?

Rõ ràng là trong lời kết luận, các bác sĩ không hề viết rằng tôi đã bị tàn phế, nhưng không hiểu sao tôi đã trả lời với anh ta đúng như thế. Bữa cơm trưa hôm ấy tôi đã cố gắng ăn hết, nhưng chẳng thấy ngon chút nào. Tuy lúc này tôi rất muốn nằm và vùi đầu vào gối, nhưng tôi lại đi ra ngoài. Trong lời kết luận không có chữ ấy thì người ta nghĩ ngợi đến nó làm gì? Mỗi lần nghĩ đến tình hình sức khỏe của mình, tôi lại cảm thấy đau khổ và khó chịu như phải nhúng đầu vào trong vũng bùn bẩn.

Lẽ ra lúc ấy tôi phải nói khó với họ, nói khó với người bác sĩ già đã dùng búa gõ vào các khớp xương của tôi và trước sau chỉ nói mỗi một câu rằng tôi không thể tiếp tục bay được nữa. Hay tôi cần phải yêu cầu họ chuyển tôi sang cho Hội đồng Giám định y khoa của quân đội giám định lại nhỉ?

Tôi đi theo con đường dốc đến bờ sông Ca-ma. Tôi huýt sáo mồm nhưng cố thật khẽ để không ai nghe thấy. Ở đây, trên bức tường của trường Hàng không lớn nhất thành phố, tôi lại một lần nữa đọc những dòng chữ trạm trên mặt đá: "*Nhà khoa học, nhà phát minh vô tuyến điện Nga thiên tài Pô-pốp đã từng học ở đây*".

Tôi bước khập khiễng từng bước lên bờ sông vừa cao vừa dốc, dòng sông Ca-ma đẹp đẽ bày ra trước mắt tôi. Lúc này thủy triều đang xuống, màu nước nhờ nhợ, chẳng ra xanh cũng chẳng ra vàng. Đằng kia là bến tàu, là chiếc ca-nô kéo theo đằng sau chiếc sà-lan to kềnh. Tiếng còi tàu ồn ã cùng với tiếng người lao xao lan trên mặt nước, ra tận nơi xa...

"Rất tiếc là anh không thể bay từ đây đến Lê-nin-grát được. Nếu không thì tôi đã có thể giúp anh".

Không sao, rồi mọi việc sẽ tốt lành cả. Hãy chuồn lên máy bay thôi, chẳng cần thủ tục phê chuẩn gì cả! Bây giờ thì mày sẽ phải chuyển từ ghế của người lái xuống ghế hành khách rồi. Ghế ngồi êm lắm, hãy ngã người ra và nghỉ ngơi cho thật khỏe!

Hình như tôi đã buột miệng nói ra những lời đó, vì một nhóm "học sinh công nghệ" đang đứng trên bờ sông - họ mặc những bộ quần áo và đội những chiếc mũ rộng thùng thình - bỗng nhìn tôi cười rộ lên và bám theo sau tôi một đoạn đường. Việc đó khiến tôi chợt nhớ đến cảnh tôi cùng Ca-chi-a về En-xcơ sau khi tôi từ Tây Ban Nha trở về. Có một đám trẻ con En-xcơ bám theo sau lưng tôi và bắt chước mọi động tác của tôi. Khi tôi dừng lại và vào quầy hàng mua thuốc lá, chúng cũng dừng lại và vào mua cùng một loại thuốc lá ấy. Tôi muốn bơi, liền tiến ra bờ sông, để Ca-chi-a ở lại trong vườn hoa nhà thờ, tôi cởi áo quần và nhảy xuống nước. Bọn chúng cũng đến một chỗ cách tôi không xa, cởi áo quần và nhảy xuống nước. Lúc ấy tôi là một phi công vừa chiến đấu từ Tây Ban Nha về, trên ngực đỏ rực những chiếc huân chương cờ đỏ. Còn bây giờ?

Những ngón tay của tôi run lên, nhưng tôi vẫn cố vấn xong điếu thuốc và châm lửa hút. Tôi đứng trơ ra hồi lâu trên bờ sông, nhìn cuộc sống nhiều vẻ và hoàn toàn xa lạ đối với tôi đang diễn

ra trên mặt sông kia. Một chiếc tàu khách màu xám chạy lướt qua. Tôi đọc được tên của nó "Li-a-pi-đép-xki" và nghĩ bụng: "Tại sao mình không là Li-a-pi-đép-xki nhỉ?" Lát sau, một chiếc tàu khác không lớn lắm lại chạy qua, tên của chiếc tàu này là "Ca-ma-nin", tôi lại nghĩ bụng: "Anh chàng xấu số ơi, anh cũng không được là Ca-ma-nin đâu!" Chiếc tàu "Ma-du-rúc" đang cập vào một bến xa, tôi bất giác bật cười và nghĩ, nếu tất cả các chiếc tàu này đều mang tên các phi công nổi tiếng thì có lẽ tôi sẽ tự than thân trách phận đến hết đêm mất.

Dù sao đi nữa thì bây giờ cũng không có ai ngăn nổi tôi đáp máy bay về Lê-nin-grát để tìm Ca-chi-a hoặc để biết rõ rằng nàng đã vĩnh viễn rời khỏi tôi.

Tôi chầu chực chờ máy bay đã đến ba tuần lễ. Không rõ vì tôi đã quen với bệnh của mình hay vì niềm hy vọng đã len vào tim và nói với tôi những lời êm ái, rằng mọi việc rồi sẽ trôi qua êm đẹp, mà bây giờ đây tôi đã dần dần bình tĩnh trở lại và bắt đầu sống với những tình cảm và ý nghĩ quen thuộc trước đây của mình.

Lúc này đây mọi ý nghĩ của tôi đều dồn vào Ca-chi-a. Khi nghe đài phát thanh phát đi khúc nhạc Ca-chi-a hằng ưa thích: "Bản tình ca của Ni-na", tôi lại nhớ nàng. Khi xem các thương binh biểu diễn, tôi lại cũng nhớ đến nàng. Trước đây chúng tôi ít đi xem hát với nhau quá. Trong phòng bệnh rộng lớn, mọi người đều đã ngủ say, chỉ có tiếng thở, tiếng rên cùng tiếng nói mê. Lúc này tôi lại chớ đến Ca-chi-a.

Cuối cùng A-nhi-a I-li-na đã gọi điện đến bệnh viện báo cho tôi biết là máy bay đã tới. Chị giới thiệu tôi làm quen với đồng chí phi công. Anh ta là một thiếu tá cao to được Bộ tư lệnh Mặt trận Lê-nin-grát cử bay đến thành phố này. Anh vui vẻ nhận đưa tôi về Lê-nin-grát.

## Chương 14

# Tôi đi tìm Ca-chi-a

Thế là tôi đã phải nằm lì dưới mặt đất đến hơn sáu tháng trời nay! Làm sao có thể diễn đạt được cảm xúc của tôi khi rời mặt đất bay lên bầu trời? Mọi thứ vẫn không khác xưa. Chỉ có điều là khi tôi nghĩ rằng đây là lần đầu tiên mình phải đi máy bay với tư cách là một hành khách thì tôi bỗng cảm thấy buồn khổ vô cùng. Qua nhiều năm bay, tôi có cảm giác ở trên không dễ chịu hơn ở mặt đất. Tôi nhìn qua cửa sổ máy bay với những ý nghĩ hết sức vui vẻ. Bên dưới là những cánh đồng màu xám, những quãng sông lấp lánh quanh co cùng những cánh rừng xanh tốt. Tôi khoan khoái đi vào buồng lái, tuy ở đây không được rộng rãi, song tôi cảm thấy hết sức quen thuộc và thoải mái. Tôi hồi hộp chờ xem anh bạn phi công của tôi sẽ cho máy bay tránh cơn dông như thế nào. Chúng tôi gặp cơn dông này ở trên bầu trời Tre-ra-pốp-xe. Cơn dông này tạo ra một cảnh tượng đẹp vô cùng, các tầng mây sáng rực lên, mang những màu sắc lộng lẫy như cảnh trang trí trong cung điện và những ánh chớp liên tiếp lao đến xé tung chúng ra. Tôi bất giác nhớ đến những ngày dầu tiên tôi mới

"đặt chân" lên bầu trời. Đấy là những chuyến bay không đơn giản nhẹ nhàng chút nào.

... Tôi vô tình bắt gặp chiếc ô-tô đến Bác-ga-đốp-ca để chở báo "Sự thật". Tôi xin đi nhờ đến phố Li-tây-nưi. Từ đây trở đi chỉ có thể đi bộ, hoặc phải chờ chiếc tàu điện số Ba là chiếc tàu điện duy nhất còn chạy trên phố Pê-trô-grát. Nhưng những hành khách đang đứng chờ tàu nói rằng: "nếu chờ, có khi phải mất hàng tiếng đồng hồ". Một đồng chí thiếu tá cứ nhất định giữ tôi lại chờ tàu vì thấy tôi mang một cái ba-lô nặng trĩu. Đấy là ba-lô đựng thực phẩm tôi mang đến cho Ca-chi-a. Lúc này trong đầu tôi chỉ có một ý nghĩ, rằng cuối cùng tôi và Ca-chi-a đã cùng ở trong một thành phố. Giờ phút này nàng đang làm gì. Ngóng chờ tôi hay nằm liệt trên giường bệnh, hay đã từ giã cõi đời từ lâu rồi? Tôi không sao biết được. Những ý nghĩ đè nặng lên ngực tôi làm tôi tức thở và không thể nào có đủ bình tĩnh đứng chờ tàu được.

Tôi đi như chạy trên con đường hẹp dọc theo vườn hoa. Tôi hiểu rõ những gì tôi đang nhìn thấy; những khẩu cao xạ được ngụy trang đặt trong vườn hoa nằm giữa quảng trường Mác-xốp, một màu xanh nhạt khác thường bao phủ khắp nơi mà từ xưa đến nay chưa bao giờ có như thế ở Lê-nin-grát. Cả thành phố được quét dọn rất sạch sẽ, trước khi đến đây tôi có đọc một mẩu tin nói rằng vào mùa thu năm 1942 đã huy động hơn ba mươi vạn người dân Lê-nin-grát dọn sạch thành phố. Nhưng tất cả những gì tôi đã nhìn thấy kia lại cũng chỉ tập trung vào một điểm: hiện nay Ca-chi-a ở đâu và tôi sẽ tìm được nàng không? Tôi thấy mặt kính trong các khung cửa sổ đều bị vỡ nát, các tòa nhà đứng im lìm và như buồn bã nhìn xuống. Tôi chợt nghĩ, có lẽ mình không tìm được Ca-chi-a mất. Và kìa trên tất cả các bức tường đều có vết đạn làm rạn nứt, thì chắc là tôi sẽ không tìm

được Ca-chi-a. Nhưng sau đó tôi lại cảm thấy là tôi sẽ tìm được Ca-chi-a vì ngay cả trên quảng trường có đài kỷ niệm Xu-vô-rốp cũng trồng đầy dưa và rau. Chúng xanh tốt mượt mà vô cùng, tuồng như điều kiện thiên nhiên ở đây là thích hợp nhất đối với chúng. Tôi đi ra phía bờ sông Nê-va, bất giác đưa mắt nhìn lên đỉnh tòa nhà lâu đài của Bộ Hải quân. Tôi không biết tả cái cảm giác của mình trong giờ phút này như thế nào. Cái đỉnh của tòa nhà Bộ Hải quân như được vẽ lên trên một bức tranh cũ kỹ, đã phai hết màu. Song nó không tách rời khỏi hình ảnh của Ca-chi-a. Khi bắt đầu chiến tranh, chúng tôi đã phải xa nhau một cách đột ngột. Nhưng trong chuyến chia tay lần khác để tôi đi Tây Ban Nha, bây giờ tôi vẫn còn nhớ rất rõ. Lúc này đây tôi lại như nhìn thấy Ca-chi-a, nàng đứng trong gian phòng ngoài sáng lờ mờ của bà Be-ren-stanh giữa những chiếc áo khoác lông và áo măng-tô. Phải làm gì bây giờ để mọi việc có thể lặp lại như trước đây? Để tôi lại có thể ôm nàng vào lòng và nàng lại có thể hỏi tôi: "Xa-nhi-a, anh đấy ư? Có phải là anh thật đấy không?"

Từ xa tôi đã nhìn thấy ngôi nhà của Be-ren-stanh. Ngôi nhà vẫn nằm nguyên ở chỗ cũ và có điều lạ là tôi cảm thấy nó đẹp hơn trước rất nhiều. Các cửa sổ đều còn nguyên lành, phía mặt chính của ngôi nhà rất tráng lệ, đẹp đẽ, mầu nước sơn mới tinh lấp lánh dưới ánh nắng mặt trời. Nhưng càng đến gần tôi càng không yên tâm trước cái vẻ đẹp thần bí của nó. Tôi bước thêm lên mười bước, mười lăm bước, rồi hai mươi bước nữa. Như có một bàn tay nào đó chộp mạnh lấy trái tim tôi, giữ chặt hồi lâu rồi bỏ ra. Tim tôi lồng lên thình thình... Ngôi nhà, thực ra không còn nữa. Những cái vừa rồi tôi nhìn thấy chỉ là hình vẽ trên một bức tranh ghép rất lớn mà thôi.

Giữa những ngày hè dài đằng đẵng này, trong tai tôi luôn

vọng lên tiếng đại bác từ xa dội đến lúc to, lúc nhỏ, tựa như tiếng va chạm đinh tai của một tảng đá lớn bị kéo đi.

Tôi đi tìm Ca-chi-a suốt cả ngày.

Tôi gặp một thiếu phụ mặt hình tam giác, nước da xanh mướt ở bên cạnh một ngôi nhà đổ nát, chị bày tôi đi tìm gặp bác sĩ Ô-va-ne-xi-an, ủy viên Xô Viết quận. Một ông già người Ác-mê-ni-a hiền lành, râu không cạo và tóc bạc phơ ngồi trong phòng làm việc trước kia là của rạp chiếu bóng "E-lít" (bây giờ là nơi đóng trụ sở của cơ quan Phòng không phu phố và Bộ tư lệnh Phòng chống chất độc hóa học). Tôi hỏi ông có biết Ê-ca-tê-ri-na I-va-nốp-na Ta-ta-ri-nô-va Gri-gô-ri-ê-va không, ông trả lời rằng tất nhiên là có biết và thậm chí hồi đầu chiến tranh ông còn mời cô làm y tá giúp việc cho ông nữa.

- Kết quả thế nào ạ?

- Cô ấy không đồng ý, mà lại đi tham gia đào chiến hào, - bác sĩ nói. - Rất tiếc là từ đó về sau tôi không gặp cô ta đâu nữa.

- Bác có quen bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na không ạ?

Ông nhìn tôi bằng đôi mắt nhân từ của người già, khẽ cắn môi rồi nói:

- Anh là người thế nào với bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na?

- Chỉ là người quen thôi ạ.

- À.

Ông im lặng một lúc lâu.

- Chị ấy là một người đàn bà kiệt xuất,- ông thở dài nói. - Chúng tôi đưa chị ấy đến bệnh viện, nhưng không kịp, chị ấy đã hy sinh rồi...

Tôi quay trở về góc sân của ngôi nhà đổ nát. Mặt chính của nó đã hoàn toàn sụp đổ, nhưng phía nhìn ra góc sân này vẫn còn

nguyên. Chính tôi cũng không biết vì cớ gì mà lúc ấy tôi đã bước theo dãy cầu thang đầy vôi vữa và gạch vụn lên tầng hai. Từ đây trở lên, có nhiều thanh sắt tủa ra ngắn ngang lối, chỉ từ tầng ba trở lên mới có vẻ sạch sẽ thông suốt hơn.

Cô em gái yêu quí của tôi đã từng sống trong ngôi nhà này. Chúng tôi đã từng chúc mừng nhân ngày lễ cưới của nó, cũng ngay trong ngôi nhà này. Hồi ấy tôi còn là sinh viên Trường Hàng không, mặc quần áo màu xanh công nhân, luôn đắm chìm trong niềm hạnh phúc của những ước vọng sẽ được tham gia vào những phát hiện lớn và hầu như ngày nghỉ nào tôi cũng có mặt ở đây. Lần nào về Lê-nin-grát, tôi và Ca-chi-a cũng đều trú ngụ ở ngôi nhà này, và bất cứ lúc nào, trong những ngày sống chung với nhau, chúng tôi cũng là đôi bạn gần gũi, thân thiết nhất.

Trong thời gian tôi chiến đấu ở Tây Ban Nha, Ca-chi-a đã sống trong ngôi nhà này hơn một năm trời. Trong thời gian bị bao vây, nàng lại đã có lúc sống ở đây, nàng chịu đựng đói rét, cố gắng công tác, giúp đỡ mọi người, nàng phân phát cho mọi người tấm lòng thanh khiết và ánh sáng của sức mạnh tâm hồn mình. Bây giờ nàng ở đâu? Nỗi lo lắng siết chặt lấy tôi. Tôi cắn chặt răng, cố không để bị run.

Giữa lúc ấy, tôi nghe có tiếng gọi của trẻ em. Đó là một chú bé khoảng mười hai tuổi, nước da đen bủng vừa hiện ra giữa khe hở của bức tường vỡ ngay trên đầu tôi.

- Đồng chí chỉ huy, đồng chí tìm ai đấy ạ?

- Em ở đây à?

- Vâng.

- Một mình?

- Sao lại một mình ạ, em ở cùng với mẹ em chứ.

- Mẹ em có nhà không?

- Có ạ.

Em bé chỉ lối cho tôi đi, một mảnh gỗ hẹp được lót trên bức tường đổ làm lối đi - Mấy phút sau tôi bắt đầu nói chuyện với mẹ em, một người đàn bà có đôi mắt sưng và trông dáng rất mệt mỏi. Bà ta vừa nói, tôi đã nhận ra ngay là người Tác-ta. Bà ta vốn là công nhân quét dọn ở số nhà 79 và dĩ nhiên là bà rất quen thuộc Rô-da-li-a Na-u-mốp-na và Ca-chi-a.

- Khi nhà số 9 bị sập, cô ấy liền đi đào đất cứu sập, - bà ta nói về Ca-chi-a, và chú bé nói tiếng Nga rất sõi chen vào giải thích rằng "nhà số 9" chính là cửa hàng thực phẩm số chín. - Cô ấy đã cứu được một người quen có bộ tóc đỏ. Về sau người này sống ở nhà cô ấy.

- Chị ấy đã cứu được một người quen tóc đỏ, - chú bé nhanh nhẩu xen vào giải thích. - Về sau người này sống trong nhà chị ấy.

- Một bà già thứ hai bị chết. Kha-kim đã đi chôn bà ấy.

- Bà già thứ hai ấy là chị của bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na, - chú bé giải thích, - Còn Kha-kim là em. Sau khi bà ấy chết, mọi người đã đưa bà ấy đến nghĩa trang công cộng ở Xmô-len-xcô-e và chôn ở đấy. Anh gì tóc đỏ cũng đến đấy. Chính anh ấy đã nhờ chúng em. Anh ấy cũng là bộ đội, là thiếu tá.

Bây giờ đã đến lúc phải hỏi thăm tình hình của Ca-chi-a. Tôi cảm thấy rất đáng sợ, nhưng cuối cùng tôi cũng đã hỏi. Người đàn bà lắc đầu có vẻ giận dữ, bà nói rằng chính bà trong thời gian qua đã phải nằm viện ròng rã ba tháng trời. Lúc ấy bà đã tìm người đến nhà trông nhà hộ nhưng chẳng tìm được ai cả. Khi

bà ta trở về thì ngôi nhà của bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na đã trống hoang trống hoác.

- Có lẽ nên hỏi thăm Hợp tác xã Quản lý nhà đất xem, - bà ta ngừng lại suy nghĩ một lúc rồi nói tiếp. - Nhưng người của Hợp tác xã đều chết cả rồi. Hay là cô ấy đã đi đâu rồi chăng? Cái anh chàng bộ đội được cô ấy cứu mang theo người một ba-lô rất lớn, trong đó đựng đầy bánh mì. Lúc nào anh ta cũng kè kè cái ba-lô bên lưng, không chịu đưa cho tôi cầm. Tôi bảo anh ta: "Anh là con người ích kỷ, bần tiện. Chúng tôi đã cứu sống anh. Anh không nên chỉ nghĩ có bánh mì, mà phải nghĩ đến chuyện báo đáp nữa chứ. Anh cần phải đọc kinh cầu nguyện đi!"

Tất cả tình hình mà tôi biết được chỉ có thế. Khi ngôi nhà của Rô-da-li-a Na-u-mốp-na bị đánh phá, Ca-chi-a không còn ở đấy nữa. Tôi còn nói chuyện với mấy phụ nữ khác, bà nào cũng cảm động chảy nước mắt khi nhắc lại việc Ca-chi-a đã giúp đỡ các bà như thế nào. Kha-kim gọi đám bạn của nó đến, đứa nào cũng trách cái anh chàng tóc đỏ nào đó đã hứa sẽ trả "công chôn cất" người chết ba trăm gam bánh mì, nhưng sau đó gã lại nuốt lời hứa, chỉ trả có hai trăm gam cho mỗi đứa.

Có trời mà biết được cái gã tóc đỏ mang hàm thiếu tá ấy là ai. Pê-chi-a ư? Nhưng Pê-chi-a không phải là thiếu tá? Vả lại không thể nào tưởng tượng được rằng Pê-chi-a lại có thể ăn quịt một trăm gam bánh mì của lũ trẻ đang bị đói kia. Thôi. mặc xác hắn ta là ai! Dù sao thì người ấy cũng đã giúp bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na chôn cất bà chị xấu số chu đáo. Chưa biết chừng trong những ngày gian nan này, anh ta cũng đã từng giúp đỡ Ca-chi-a? Trong buổi đưa đám ma, Ca-chi-a cũng ở bên cạnh anh ta. Ca-chi-a đã đi bộ từ nhà đến nghĩa trang công cộng, như thế đủ biết

sức khỏe của nàng không đến nỗi tồi lắm. Và từ đó trở đi, không ai nhìn thấy nàng nữa, không biết nàng đã chết hay còn sống.

Lúc này đã quá năm giờ, đầu nhức buốt khó chịu, tôi mệt mỏi đi về phía Học viện Quân y. Cả học viện đã rút về khu an toàn từ ngày đầu chiến tranh, chỉ để lại bộ phận bệnh viện trực thuộc, và giờ đây cái bệnh viện trực thuộc ấy đã trở thành bệnh viện hậu phương. Khoa Răng Hàm Mặt, nơi Ca-chi-a làm việc cũng để lại. Tôi được dẫn vào văn phòng. Một bà đánh máy chữ từa tựa giống dì Đa-sa nói rằng lúc ấy tình trạng sức khỏe của Ca-chi-a rất kém, nên bác sĩ Trô-phi-mô-va đã giúp cô rời khỏi Lê-nin-grát.

- Đi đâu kia ạ?

- Cái đó thì tôi chịu, không biết.

- Bác sĩ Trô-phi-mô-va có còn ở Lê-nin-grát không ạ?

- Chị ấy ra mặt trận rồi, - người đàn bà đánh máy chữ đáp. - Từ đó đến nay tôi không biết một chút tin tức gì về hai người.

## Chương 15

# Cuộc gặp gỡ nhà địa lý thủy văn R.

Giờ đây tôi mới vỡ lẽ rằng những ý nghĩ trước đây của mình là quá ngây thơ. Suốt cả nửa năm qua tôi viết thư đều đặn cho Ca-chi-a, tuy không nhận được một lời đáp lại, song tôi luôn luôn tin rằng khi tôi đến Lê-nin-grát thì nàng sẽ chờ sẵn ở cửa và giơ hai tay ra đón tôi. Tuồng như cái mùa đông khủng khiếp của năm 1941, những toa tàu chở đầy trẻ em, những bệnh viện đặc biệt thiết lập khắp nơi dành riêng cho dân Lê-nin-grát, giờ đây không còn tồn tại nữa. Tuồng như tôi chưa bao giờ trông thấy những bộ mặt có đôi mắt sưng mọng, giàn giụa nước. Và tuồng như tôi cũng không hề nghe thấy những tiếng vọng ầm ĩ của đại bác lúc từ phía đông, lúc từ phía tây truyền đến.

Tôi ngồi trong văn phòng khoa Răng Hàm Mặt vừa suy nghĩ miên man, vừa nghe những lời kể của người đàn bà đánh máy chữ. Bà ta kể rằng dạo ấy bà bị đói đến nỗi không còn đủ sức đứng dậy nữa. Bỗng một chiến sĩ hải quân trẻ tuổi giống như đúc đứa con trai đã hy sinh của bà chạy đến, đưa cho bà ba trăm gam bánh mì.

- Sẽ tìm được E-ca-tê-ri-na I-va-nốp-na thôi, - bà ta nói. - Trước đây cô ấy chiêm bao thấy có một con chim ưng rất to bay đến. Tôi bảo rằng đấy là điềm báo chồng cô sẽ đến, nhưng cô ấy không tin. Đấy anh xem, tôi nói có sai đâu. Bây giờ tôi cũng nói với anh rằng chắc chắn sẽ tìm được cô ấy!

Vâng, có thể tìm được. Tôi im lặng nhìn người đàn bà, nghĩ bụng: "Lúc ấy mình sống ở bên ngoài rất đầy đủ, còn Ca-chi-a thì phải vật lộn với cái chết". Người đàn bà không ngớt an ủi tôi rằng "thế nào cũng tìm được Ca-chi-a". Mình được mọi người quan tâm, được chạy chữa chu đáo. Còn Ca-chi-a? Đến nỗi một trăm gam bánh mì cũng không có để trả công cho lũ trẻ đã giúp nàng chôn cất bà Béc-ta. Tôi suy nghĩ rất lung, lẽ ra lúc đó tôi phải kiên quyết giữ lấy ý kiến của mình và bay đến Lê-nin-grát vào hồi tháng Giêng. Như thế có lẽ sức khỏe của tôi còn khá hơn bây giờ, có lẽ tôi đã tìm và cứu được Ca-chi-a của tôi.

Song có hối hận với việc đã trôi qua cũng muộn rồi. Trong một bức thư gửi từ Lê-nin-grát đến cho tôi, Ca-chi-a viết: "Em cũng như tất cả mọi người". Bây giờ tôi mới hiểu hết ý nghĩa của cái câu đơn giản ấy.

Rõ ràng là người đàn bà này đã phải trải qua nhiều đau khổ hơn tôi. Bà luôn miệng an ủi tôi. Tôi xin bà một cốc nước nóng rồi lấy thịt khô ra biếu bà. Trong thời gian này, thứ ấy ở Lê-nin-grát rất hiếm.

Từ giờ phút đó, người tôi luôn bị bàng hoàng. Bất kể làm gì, nghĩ gì, tôi đều liên tưởng đến Ca-chi-a.

Những ngày còn ở trong thành phố tôi đã cố vắt óc, nhớ lại hầu hết các số điện thoại của tất cả những bạn bè quen biết của tôi ở Lê-nin-grát. Thế mà bây giờ, từ trong bệnh viện gọi đi, tôi chẳng được ai trả lời cả. Tuồng như tất cả mọi số điện thoại đều

bị rơi vào một khoảng không bí ẩn của Lê-nin-grát. Cuối cùng tôi giở đến số điện thoại duy nhất còn lại mà tôi không dám tin là đúng. Tôi cầm chặt ống nghe chờ hồi lâu, từ bên kia đầu dây vang lên những tiếng loạt xoạt, sau đó bỗng vang lên một giọng nói rất miễn cưỡng:

- A-lô, ai có việc gì thế? - Giọng một người đàn ông trầm trầm.

- Xin cho tôi hỏi...

Tôi nói tên một người.

- Tôi đây.

- Tôi là phi công Gri-gô-ri-ép đây ạ.

Im lặng một lát.

- Không thể như thế được! Anh là A-lếch-xan-đrơ I-va-nô-vích?

- Vâng, chính tôi đây ạ.

- Trời đất, thế thì tin làm sao vào số phận được! Anh A-lếch-xan-đrơ I-va-nô-vích ạ, đến nay là ngày thứ ba tôi nghĩ cách làm thế nào để tìm được anh đấy.

Sáu năm về trước, sau khi có quyết định thành lập đội thám hiểm tìm kiếm thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp, tôi được chỉ định phụ trách việc tổ chức đội thám hiểm này ở Lê-nin-grát. Hồi ấy giáo sư V. giới thiệu tôi làm quen với một đồng chí hải quân, ông ta là giáo viên Trường quân sự Phơ-run-de và là một nhà bác học địa lý thủy văn.

Chúng tôi chỉ ở bên nhau một buổi tối. Nhưng về sau tôi rất hay nghĩ đến ông. Hồi ấy ông đã vẽ ra cho tôi quang cảnh của cuộc đại chiến thế giới mới một cách hết sức rõ ràng.

Lần ấy ông đến chỗ chúng tôi rất khuya. Ca-chi-a đã nằm cuộn tròn trên ghế đi-văng và ngủ say. Tôi định đánh thức Ca-

chi-a dậy, nhưng ông ngăn lại. Chúng tôi đun nước uống với nhau.

Ông có một mối tình cảm sâu sắc đối với Bắc cực. Ông quả quyết rằng ở đó có những nguồn nguyên liệu chiến lược dùng không bao giờ cạn. Nó sẽ giữ vai trò trọng đại trong chiến tranh tương lai. Ông coi con đường biển ở phương bắc là con đường chiến tranh, và nhận định rằng, trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật, sở dĩ nước Nga bị thất bại là do kết quả của việc không hiểu cái tư tưởng mà Men-đê-lê-ép đã từng phát biểu. Ông yêu cầu xây dựng căn cứ quân sự trên tất cả các tuyến đường có các đội thương thuyền đi qua.

Còn nhớ, hồi ấy quan điểm này đã khiến tôi hết sức ngạc nhiên. Nhưng đến ngày mười bốn tháng Sáu năm 1942, mấy ngày trước khi tôi đến Lê-nin-grát, một hôm ngồi bên bờ sông Ca-na nghe những lời tuyên đọc long trọng bản hiệp ước Nga - Anh của người phát thanh, tôi chợt đánh giá lại quan điểm này. Không khó nhìn thấy những con đường nào đã được vạch ra trong hiệp ước, vì thế, tôi thường nghĩ đến hình ảnh của nhà địa lý thủy văn mà sau này Ca-chi-a thường gọi là "người khách đêm khuya ấy".

Từ năm 1936 đến giữa năm 1940, chúng tôi gặp nhau khá nhiều lần. Tôi có dịp đọc các luận văn của ông và một quyển sách tên là "Biển bắc của Xô Viết". Quyển sách này đã từng chấn động một thời, được dịch ra các thứ tiếng châu Âu. Tôi luôn luôn giữ một mối cảm tình tốt đẹp đối với ông, luôn quan tâm đến số phận của ông, như ông quan tâm đến số phận của tôi vậy. Tôi có được biết, sau khi rời khỏi Trường quân sự Phơ-run-de, ông chỉ huy một chiếc tàu đo đạc thủy văn và cũng đã từng làm việc trong Cục địa lý thủy văn của Hội đồng nhân dân Hải quân.

Trước khi nổ ra chiến tranh không lâu. ông tiến hành bảo vệ luận án tiến sĩ. Tôi biết tin này qua báo *Mát-xcơ-va buổi chiều.*

Sau này tôi gọi ông là đồng chí R.

... Lần này tôi tìm gặp được ông tại chính nhà của ông, thật là một điều "kỳ diệu", theo như lời ông nói.

- Anh có chuẩn bị đi đâu không đấy?

- Có, sẽ đi rất xa. Anh đến đây tôi sẽ nói cho anh biết. Hiện giờ anh sống ở đâu?

- Tạm thời chưa có chỗ nào cả.

- Tốt lắm. Tôi chờ anh.

Ông sống trong một gian phòng rộng rãi trong một ngôi nhà mới xây cạnh cầu Li-tây-nưi. Một năm lại đây, kể từ ngày nổ ra chiến tranh, gian phòng không được chăm sóc thu dọn như trước nữa. Nhưng từ bên trong vẫn toát ra một vẻ gì rất nên thơ, tựa như đây là gian phòng của một diễn viên vậy. Có lẽ chính vì mấy thứ đồ chơi được khâu rất đẹp đặt trên chiếc đàn dương cầm, cũng có thể vì những chồng sách dày cộp trên sàn nhà và trong giá sách, cũng có thể do chính chủ nhà. Ông chỉ mặc độc chiếc áo lót cổ hở, để lộ bộ ngực rậm lông và đón tiếp tôi rất xuềnh xoàng, khiến tôi có ý nghĩ như trên.

Hình như tôi đã từng được xem một bức tranh ở đâu đấy, trong đó có vẽ rất giống cái dáng của ông. Nhưng ông không phải là nhà thơ, mà là một vị thiếu tướng hải quân. Chỉ cần nhìn vào bộ quân phục khoác trên thành ghế là có thể nhận ra ngay điều đó. Bất cứ ở đâu và bất cứ vào lúc nào, hễ hai chúng tôi gặp nhau, thì câu nói đầu tiên của ông là đề cập đến một việc gì đấy mà ông cho là quan trọng nhất. Rõ ràng là, những điều mà chúng tôi thích thú luôn luôn tập trung vào những việc "quan trọng

nhất". Chúng tôi rất ít đụng đến những chuyện cá nhân và những mặt công tác vụn vặt thường ngày.

Nhưng lần này, câu hỏi đầu tiên của ông là một năm nay, từ sau chiến tranh, tôi ở đâu và đã làm những việc gì.

- Quả thế thật, số anh không may, - sau khi nghe tôi kể về cái số phận long đong của mình, ông nói. - Nhưng, anh vẫn còn có thể ngửng đầu xông tới nữa. Anh làm thế nào mà lúc ở biển Ban-tích, lúc lại đến biển Đen, "bội phản" Bắc cực rồi ư? Thế mà tôi vẫn coi anh là người luôn luôn trung thành với Bắc cực đấy.

Tôi nói rằng nguyên nhân khiến tôi "bội phản" Bắc cực thực ra rất phức tạp. Nên tôi chỉ có thể nói một cách vắn tắt rằng, chỉ sau khi tôi hoàn toàn không còn hy vọng trở về Bắc cực, tôi mới rời khỏi Cục hàng không dân dụng.

Đồng chí R. không lên tiếng. Ông nhắm đôi mắt đen và linh hoạt lại và đưa tay vuốt mớ tóc kiểu Ca-dắc đã bắt đầu điểm bạc rủ trước trán. Tôi không biết lúc này ông đang nghĩ gì. Chúng tôi ngồi trên ghế bành gần sát cửa sổ. Chiếc cửa này, cũng giống như tất cả những chiếc cửa khác, kính đã bị vỡ toang vì bị chấn động mạnh. Ngồi ở đây có thể nhìn thấy cầu Li-tây-nưi. Phía đầu cầu bên kia, dọc theo bờ, rất nhiều tàu bè thả neo đứng im, thân tàu ánh lên màu nước sơn sáng sủa, khiến ta rất khó nhận ra bắt đầu từ đâu là nhà cửa trên bờ và bắt đầu từ đâu là tàu bè. Đường phố vắng tanh không một bóng người, tôi nghĩ bụng, cảnh này giống như cảnh đường phố vào lúc năm giờ sáng. Sau đó tôi chợt nhớ ra rằng có một lần Ca-chi-a nói với tôi rằng, đối với nàng, không được sinh ra ở Lê-nin-grát là một sai lầm.

Tôi đang mải suy nghĩ mung lung, chợt nghe đồng chí R. gọi, tôi giật nảy người.

- Này, anh ngủ đi, - ông nói. - Anh mệt rồi đấy. Mai chúng ta sẽ nói chuyện.

Ông mang gối đến, lót đệm lên ghế đi-văng và ép tôi ngủ. Tôi vừa nhắm mắt lại là ngủ thiếp đi ngay. Tuồng như có một người nào đấy đi chân đất từ đằng kia lại, anh ta ầm è trong cổ họng một lúc rồi tung tấm chăn dày đen kịt phủ lên tất cả những gì vừa xảy ra trong ngày.

Khi tôi mở mắt ra, trời hãy còn rất sớm, chừng như vào lúc bốn giờ. Nhưng đồng chí R. đã trở dậy, ông đang dùng báo cũ che bụi cho giá sách. Tôi sực nhớ ra hôm nay ông phải ra đi rồi, bất giác cảm thấy rất buồn. Ông ngồi xuống cạnh tôi, không cho tôi ngồi dậy và bắt đầu nói. Rõ ràng là ông đang nói vấn đề "quan trọng nhất", vấn đề này, nếu hôm qua tôi không quá mệt mỏi thì ông đã nói rồi.

... Ngày ấy, tuy còn là một chú học trò nhỏ, tôi cũng đã có những khái niệm chung chung về cái sự kiện đã từng xảy ra vào mùa hè năm 1942 trên con đường biển rộng mênh mông đi từ Anh - Mỹ đến Liên Xô. Hồi ấy, tuy chưa có lúc nào lòng say mê của tôi đối với Bắc cực bị gián đoạn và tôi thường thu thập tích trữ từng mẩu tin nói về hoạt động của đội Hàng không trên hạm tàu phương bắc. Nhưng khi nghe đồng chí R. kể cho tôi nghe về sự kiện mùa hè năm 1942, tôi lại cảm thấy hết sức mới mẻ.

Ông mở rộng tấm bản đồ kèm trong quyển sách do ông viết, nhưng chưa tìm được ngay tấm bản đồ trong đó có thể chỉ rõ khu vực xảy ra chiến sự. Theo lời ông, khu vực xảy ra chiến sự ác liệt mà không quân và hải quân hoạt động không ngừng là một khu vực khá rộng lớn. Ông tả lại cho tôi nghe khá tỉ mỉ về một trận ác chiến xảy ra trên mặt biển Ba-ren-xép. Ông kể rất gọn, gọn hơn cả những bài tường thuật và chuyện luận mà sau này tôi có dịp

đọc dược. Tôi chăm chú lắng nghe đoạn ông kể về vụ chiếc tàu ngầm của ta đột nhập vào căn cứ hải quân chủ yếu của địch ở vịnh Pét-xa-mô, về sự tích bắn rơi hai mươi lăm chiếc máy bay địch trên mặt biển của Xa-phô-nốp, về trận tấn công của các phi công chúng ta vào đoàn tàu vận tải của địch nhờ có mưa tuyết dày đặc. Đến bây giờ tôi vẫn chưa quên thế nào là những trận mưa tuyết dày đặc ở phương Bắc. Trong khi nghe ông kể, trong tôi dấy lên một cảm giác gần như là tê tái mà từ trước đến nay tôi chưa hề gặp, cảm giác đó cắn rứt vò xé trái tim tôi. Nơi mà đồng chí R. nói đến, chính là phương Bắc, nơi tôi hằng hướng tới.

Qua ông, lần đầu tiên tôi được biết thế nào là "đội vận tải". Ông chỉ cho tôi xem điểm "tập họp" có thể xảy ra qua bản đồ. Đó cũng là điểm tập họp của các hạm tàu Anh - Mỹ mà họ đã bí mật ấn định. Ông còn giải thích cho tôi rõ ràng các hạm tàu đó đã tiến hành công tác giao tiếp như thế nào dưới ngọn cờ bảo vệ của chúng ta.

- Anh xem đây, đây là khu vực vận hành của họ, - tất nhiên, ông chỉ vạch ra cho tôi hình dung một đường viền chung nhất. Vì vào năm 1942 ấy, con đường biển này còn phải giữ kín. - Sẽ có khoảng một hoặc hai trăm hạm tàu hợp thành một tung đội. Anh thử đoán xem, ở những nơi nào đoàn hạm tàu sẽ gặp khó khăn nhiều nhất? - Vừa nói ông vừa chỉ vào một điểm. - Nhưng chúng ta không cần hao tổn tâm trí về con đường phía tây, nhất là ở đây - ông lại chỉ vào một địa điểm - đã có những con người tài trí đóng giữ. Chúng ta hãy bàn đến những vấn đề cũng có tầm quan trọng không kém vấn đề này... Đấy là vấn đề bọn Đức đang tìm hết cách phong tỏa cửa mở của chúng ta, - ông nói giọng sinh động, một bàn tay ập xuống vùng cửa mở từ biển Ba-ren-xép thông đến biển Ca-ra. - Vì bọn chúng biết rất rõ tác dụng của

hành động ấy hoặc ít ra thì chúng cũng hiểu rằng một số vùng mỏ ở đây đóng một vai trò rất lớn đối với nền công nghiệp chế tạo động cơ máy bay của chúng ta. Cố nhiên là tác dụng vận chuyển của con đường biển phía bắc khiến cho bọn chúng rất khó chịu, vì vậy mùa xuân năm nay chúng đã mưu đồ...

Ông không nói hết câu nhưng tôi hiểu hết ý ông. Trước đây, trong một dịp ngẫu nhiên tôi đã được biết rằng vào mùa xuân bọn Đức đã phá hoại nghiêm trọng một bến cảng có ý nghĩa hết sức lớn đối với con đường vận chuyển phía tây.

- Anh thử nghĩ xem, chiến cuộc đã lan đến tận đâu rồi, - đồng chí R. nói tiếp. - Gần đây thậm chí tàu ngầm của bọn Đức đã bắn vào máy bay của chúng ta ở cạnh vùng Đất Mới. Song sự việc không chỉ có thế. Ngay hôm nay tôi sẽ phải đáp máy bay do Hội đồng quân sự của hạm đội miền Bắc phái đến đón đi Mát-xcơ-va. Thiếu tá phi công Ca-ri-a-kin nói với tôi rằng, anh ta đã săn lùng một chiếc tàu săn biển của bọn Đức có đến hai tuần nay rồi... Anh thử đoán xem, ở đâu nào? Ở vùng... - Ông nói tên một vùng rất xa. - Nói một cách vắn tắt, chiến sự đã lan đến những vùng mà trước kia chỉ xuất hiện các nhà địa lý thủy văn và lũ gấu trắng. Vì thế họ đã nhớ đến tôi, - đồng chí R. mỉm cười. - Chẳng những nhớ đến, mà còn... - Một niềm vui hồn hậu hiện lên trên nét mặt ông, - Mà còn giao cho tôi hoàn thành một công việc thú vị và hết sức quan trọng. Cố nhiên là tôi không thể nói cho anh rõ về cái công việc ấy được vì nó là bí mật quân sự. Tôi chỉ muốn nói một điểm rằng ngay lúc đó tôi đã nghĩ đến anh trước tiên. Vừa may lúc ấy anh gọi điện đến. Thật là khéo, - ông nói nghiêm túc và có phần trịnh trọng. - A-lếch-xan-đrơ I-va-nô-vích, tôi đề nghị anh cùng bay với tôi lên Bắc cực.

## Chương 16

# Quyết định

Sau khi ông đi rồi, tôi còn lại một mình trong căn phòng trống không và tựa như không có chủ này. Cả ba gian phòng này đều do tôi quản lý, tôi hoàn toàn có thể đi lại tự do, sống và suy nghĩ ở đó. Đồng chí R. sẽ quay trở về đây vào lúc mười lăm giờ, khi ấy tôi phải nói với ông một câu ngắn gọn:

- Được!

Hoặc có phần phức tạp hơn, dài hơn:

- Không được.

Giữa hai câu trả lời kia là một con đường xa xăm và gian khổ biết bao. Tôi dò theo con đường ấy đi miết, đi rồi nghỉ, rồi lại đi mà vẫn không nhìn thấy bờ, thấy bến đâu cả!

Bọn Đức đang nã đại bác vào vùng này. Viên đạn bắn thử đầu tiên đã nổ từ lâu, tuy đám khói dày đặc đã tan loãng dần ra, nhưng nó vẫn còn phủ đen cả vùng trời trên cầu Li-tây-nưi. Một tiếng nổ vừa vang lên từ xa bỗng ập đến gần, nó gầm rú một cách lỗ mãng và bay vút vào thành phố như hướng thẳng đến ngôi nhà trống không mà tôi đang đắn đo lựa chọn giữa hai chữ cách nhau xa lắc: "được" và "không được".

... Gian phòng này tuồng như đã biến thành phòng nuôi trẻ. Chú gấu đen một mắt do xưởng chế tạo đồ chơi trẻ con sản xuất ngồi ủ rũ trong một góc tủ, một chiếc xe đẩy của trẻ con vứt chỏng chơ ở góc nhà, những thứ đồ chơi bằng gỗ bày la liệt trên một chiếc bàn tròn và thấp. Trong óc tôi chợt hiện lên hình ảnh của một đồng chí R. con, chú ta cũng hăng hái, say sưa, cũng có mái tóc Ca-dắc thú vị và khuôn mặt tròn như bố. Trong chốc lát, tôi quên biến sự lựa chọn dằn vặt giữa hai con đường "được" và "không được", thở một hơi dài. Thậm chí ở đây có thể gợi nhớ đến cái phút mà tôi và Ca-chi-a đã từng đặt kế hoạch với nhau sẽ lập cơ sở gia đình ở Lê-nin-grát như thế nào. Ở đâu có nhà, ở đó chúng tôi sẽ có con.

Tiếng nổ của đạn đại bác mỗi lúc một gần. Một quả đạn nổ ngay bên cạnh. Cánh cửa bị chấn động mạnh, tiếng kính vỡ rơi loảng xoảng vang lên ở đâu đó. Trong giây lát yên tĩnh sau đó, vang lên tiếng bước chân chạy ngoài hè phố, tôi nhìn ra ngoài cửa sổ thấy hai chú bé đang chạy đến ngôi nhà tôi đang ở, mặt chúng trông rất dễ sợ. Hai chú bé đã chạy sát vào nhau, chú thứ nhất đập mạnh vào lưng chú thứ hai rồi cười vang lên và chạy ngược trở lại. Chúng đang chơi mèo bắt chuột.

... Lúc mười lăm giờ, đồng chí R. trở về, tôi sẽ nói với ông:

- Được!

Đối với mỗi người Liên Xô trong thời gian chiến tranh không có gì nặng tội và nhục nhã bằng buông tay ngồi không. Tôi cố quên đi nửa năm trời ăn không ngồi rồi và hết sức khó chịu vừa qua, nhất định tôi phải đi lên phía bắc. Mấy năm nay, miền bắc càng ở xa tôi thì tôi lại càng cảm thấy nó gần gũi và hấp dẫn lạ thường. Chẳng lẽ ở miền tây và miền nam tôi không dốc hết sức để chiến đấu hay sao? Song dẫu sao tôi cũng cần phải đi ra miền

bắc, bảo vệ vùng biên cương mà tôi hiểu biết và hằng mến yêu khôn xiết.

Lúc ấy đột nhiên tôi dừng bước lại và lẩm bẩm:

- Nhưng còn Ca-chi-a?

Rời khỏi đây, bỏ mặc cô ta mà đi chu du mải miết ở nơi xa hết tháng này qua năm nọ ư? Tại sao lại không tìm Pê-chi-a? Biết đâu hòm thư của cậu ấy chẳng đã thay đổi ít nhiều? Tại sao không tìm thêm ở ngay trong thành và các chiến hào Lê-nin-grát này rồi sau đó sẽ quyết định? Cho dù Ca-chi-a có lưu lạc nơi đâu, trong bất cứ tình huống nào, cô ấy cũng tìm mọi cách liên lạc với bà Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na và Pê-chi-a. Các đầu mối này tuy lúc này còn ẩn kín khó lần ra, nhưng rất có thể qua đó có thể tìm ra nơi ở của Ca-chi-a. Chắc chắn nàng đang chịu đau khổ triền miên, bởi cái mẩu tin chết tiệt đã đăng trên mặt báo kia mà thể nào nàng cũng đã đọc được.

Thế là quyết định rồi, tôi quyết định ở nán lại Lê-nin-grát mấy ngày nữa, sau khi tìm gặp được Ca-chi-a sẽ ra miền bắc.

Đúng mười lăm giờ, đồng chí R. trở về. Tôi nói với ông quyết định của tôi. Nghe xong lời tôi nói, ông nói rằng nếu ở vào địa vị tôi, ông cũng sẽ xử lý như thế.

- Nhưng chúng ta cần phải cùng bay về Mát-xcơ-va. Tôi đã làm đủ mọi giấy tờ cho anh. Sau đó Xle-pu-skin sẽ cho anh nghỉ phép hai tuần lễ để lo liệu việc gia đình. Chuyện vợ con, không phải là chuyện đùa đâu! Nhất là đối với một người vợ tốt như thế. Tôi còn nhớ Ê-ca-tê-ri-na I-va-nốp-na. Chị ấy là một phụ nữ thông minh và hết sức hiền hậu, là một con người đức, tài, sắc chu toàn!

Ngày hôm sau tôi trở về phố Pê-trô-grát. Lại đến thăm các bạn ở ngôi nhà 79. Tôi đến học viện Mỹ thuật, định hỏi thăm địa chỉ của Pê-chi-a, nhưng chỉ được biết rằng cậu ấy bị thương và có

lưu lại điều trị tại trạm quân y trên đảo Va-xi-li-ép-xki. Nhà điêu khắc Cô-xốt-skin có đến thăm cậu ta. Nhưng về sau nhà điêu khắc này bị chết, còn Pê-chi-a (nghe người ta nói) thì lại quay ra mặt trận. Tôi gửi thư đến cho trại nhi đồng của Sở bảo tàng mỹ thuật, nhưng thư không đến nơi vì cả trại dã sơ tán về vùng Nô-vô-xi-biếc rồi. Bác sĩ Ô-na-va-xi-an đưa tôi đến trụ sở của Xô Viết quận và ở đó, ông nổi cáu cãi nhau một trận ầm nhà với một gã béo phì có vẻ thờ ơ với mọi thứ xung quanh, vì gã ta từ chối không chịu lục tìm tin tức Ca-chi-a. Đại loại những chuyện tương tự như thế tôi không chuẩn bị kể thêm nữa.

Tại I-a-rô-xláp có xây dựng một số bệnh viện dành riêng cho người Lê-nin-grát. Vào tháng Giêng, rất nhiều đoàn tàu hỏa đã chạy về hướng đó. Một sự thật duy nhất không thể tranh cãi được, đúng với điều tôi đoán và hợp với lời khuyên của nhiều người Lê-nin-grát, sau khi nói chuyện với tôi, là nên về I-a-rô-xláp để tìm Ca-chi-a.

Có hai điểm khiến tôi tin chắc rằng làm như thế là đúng. Một là, trước lần sơ tán thứ hai, trại nhi đồng của Sở bảo tàng mỹ thuật ở làng Gơ-ni-lôi I-a-rơ. Hai là bà Lu-ke-ri-an I-li-nít-sna - tên bà đánh máy chữ ở bệnh viện Răng Hàm Mặt - đột nhiên nói với tôi rằng bà vừa sực nhớ ra là chính bác sĩ Trô-phi-mô-va đã đưa Ca-chi-a đi I-a-rô-xláp.

- Trời đất! - bà nói giọng bực tức. - Có mỗi việc như thế mà tôi quên mất. Sức nhớ của tôi bị sa sút ghê quá, nguyên nhân của nạn thiếu đường đấy, hiện nay tôi chẳng được nếm tí đường nào cả. Nhưng lần này may sao không ăn đường mà tôi vẫn nhớ ra được. Tôi mách anh, hãy đến I-a-rô-xláp mà tìm cô ấy.

Máy bay của đồng chí R. cất cánh vào lúc nửa đêm. Tôi gọi điện thoại để hẹn giờ, sẽ có mặt ở sân bay mười phút trước khi máy bay cất cánh.

## Chương 17

# Những người bạn vắng nhà

Nếu ghi lên bản đồ Mát-xcơ-va những tuyến đường mà tôi đã đi qua trong mấy tiếng đồng hồ từ sau khi tôi xuống máy bay đến khi tàu hỏa khởi hành, thì rất có thể gây cho người ta ấn tượng rằng tôi đã cố ý tìm mọi cách tránh mặt những người mà tôi hằng mong gặp gỡ. Tuy lý do tôi mong được gặp họ không giống nhau, song điều mong ước ấy ở trong tôi là rất thiết tha và thành thực. Vào thời gian ấy họ đều có mặt ở Mát-xcơ-va. Nếu theo dõi qua bản đồ, có thể thấy rằng ngày hôm ấy, lúc thì họ đi song song bên tôi, lúc thì họ đi đến nơi mà tôi vừa đi qua chỉ vài phút, cách nhau một vật kiến trúc nào đấy, và trượt nhau, không gặp. Nói tóm lại, ngày hôm ấy tôi không gặp may, trừ một trường hợp ngoại lệ, còn thì tôi chẳng gặp được ai cả.

Tôi đi thẳng từ sân bay, qua đường công viên đến ngõ Vô-rốt-ni-cốp-xki đến nhà thầy Cô-ra-bơ-li-ốp, - may mà toàn bộ hành lý của tôi chỉ có một chiếc va-li con.

... Ngôi nhà gỗ hình hộp dựng khá công phu đã bị đổ nghiêng sang một bên, nổi bật giữa những tòa nhà cao xây theo kiểu mới,

trông nó giống như một ngôi nhà cũ truyền thống ở nông thôn. Thầy I-van Pa-vơ-lứt Cô-ra-bơ-li-ốp không còn chiếm cả nửa gian nhà hầm như trước nữa. Tuy cảm giác chung của tôi là Mát-xcơ-va rất vắng người, nhưng ở đây thì khác hẳn. Hầu như sau các cửa sổ đều có những cái đầu thò ra nhòm ngó. Trên bậc thềm có mấy bà đương đan len. Khi tôi vừa ló mặt, ít nhất cũng có đến hai chục đôi mắt cùng đón nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên, giống như hồi tôi xuất hiện trong sân nhà chúng tôi ở En-xcơ.

- Anh tìm ai?

- Tôi tìm ông Cô-ra-bơ-li-ốp.

- Ông I-van Pa-vơ-lứt ấy à? Thế thì đi dọc hành lang đến cửa thứ hai bên trái.

- Vâng, tôi biết, - tôi nói và bước lên bậc tam cấp. - Ông ấy có nhà không ạ?

- Anh cứ gõ cửa xem, hình như có nhà đấy.

Lần cuối cùng tôi gặp mặt thầy Cô-ra-bơ-li-ốp là vào dạo trước chiến tranh. Tôi và Ca-chi-a mang bánh ngọt và rượu nho Pháp đến nhà thầy mà không báo trước. Thầy đứng cạo râu ở phòng bên cạnh và nói chuyện với chúng tôi rất lâu, còn chúng tôi thì lật xem những tấm ảnh cũ của trường tiểu học. Mãi lúc lâu thầy mới trở ra, thầy mặt bộ quần áo mới tinh, cổ áo hồ cứng, bộ ria mép cuốn lên theo kiểu của thanh niên. Hôm nay trên dãy hành lang mờ tối này, chắc cái dáng của thầy cũng sẽ giống như cái đêm đẹp đẽ đáng ghi nhớ hôm nào. Thầy sẽ bước ra lập tức nhận ra tôi và sẽ reo lên: "Em đấy à, Xa-nhi-a?".

Tôi dừng lại trước một cánh cửa quen thuộc và gõ cửa hai ba lần. Bên trong lặng yên không một tiếng động. Thầy I-van Pa-vơ-lứt không có nhà.

"*Kính gửi thầy I-van Pa-vơ-lứt*! - các bà đều tò mò nhìn tôi, tôi không muốn để họ trông thấy tôi đang rất sốt ruột, nên tránh sang một bên và viết một mẩu giấy con cho thầy. - *Em không biết còn có dịp quay trở lại đây nữa không. Ca-chi-a đã sơ tán đến I-a-rô-xláp vào giữa tháng Giêng. Ngay hôm nay em sẽ đến đấy tìm Ca-chi-a. Cũng có thể em phải đi xa hơn nữa, cho đến khi nào tìm thấy Ca-chi-a mới thôi. Em không thể viết hết những gì em đã gặp phải và nguyên nhân đứt liên lạc giữa hai thầy trò ta trong thời gian qua, trên mảnh giấy con này. Nếu thầy hoặc Va-li-a (em hy vọng có thể gặp được cậu ta trong ngày hôm nay) biết tin tức của Ca-chi-a thì thầy hãy viết thư cho đồng chí R., thiếu tướng hải quân theo địa chỉ như sau:*

*Thành phố Bắc cực, Bộ chính trị*

*Đồng chí thiếu tướng Hải quân R.*

*để đồng chí ấy chuyển cho em. Thầy I-van Pa-vơ-lứt kính mến, cái tin tử trận của em chắc cũng đã đến tai thầy, nhưng người viết bức thư nhỏ này đích thực là em, là Xa-nhi-a thân yêu của thầy đây*".

Ít ra cũng có đến mười cánh tay cùng đưa ra một lúc để cầm bức thư của tôi...

Các ga tàu điện ngầm dường như trở nên đẹp đẽ tráng lệ hơn trước. Tôi đáp tàu đến Cung Xô Viết. Có mấy người già ngồi bên con đường rợp bóng cây mang tên Gô-gôn. Mỗi người cầm trên tay một chiếc gậy thô dành riêng cho người già. Nét mặt người nào cũng bình thản. Nhìn những nét mặt đó tưởng chừng như chiến tranh đã kết thúc từ lâu rồi. Một đám trẻ con đùa giỡn ở đầu phố - ngay trong giây phút ấy, tôi mới chợt nhận ra chính nơi đây là Mát-xcơ-va, Mát-xcơ-va!

Trước cửa nhà Va-li-a treo một tấm biển bằng đồng khắc chữ:

"*Giáo sư Va-len-tin Ni-cô-lai-e-vích Giu-cốp*". A ha, thế là cậu ấy đã trở thành giáo sư rồi! Tôi bấm chuông, rồi gõ cửa, sau đó dùng chân đạp mạnh mấy cái...

Vào những ngày hè năm 1942, hầu như tất cả mọi người dân Mát-xcơ-va đều ăn ngủ tại nơi làm việc. Vậy việc tôi không tìm thấy giáo sư Giu-cốp vào giữa ban ngày, lại đúng vào giờ làm việc là một việc chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Nhưng giờ đây cái ấn tượng cũ cho rằng hễ lúc nào tôi cần nhất thì cậu Va-li-a ấy của tôi lại biến đi đằng nào, làm cho tôi khó chịu. Tôi lại đạp mạnh chân vào giữa cửa lần nữa. Cánh cửa chợt vang lên một tiếng két nhỏ rồi từ từ hé ra như một kẻ biết điều. Tôi luồn tay rút chốt rồi mở toang cửa ra.

Trong phòng vắng vẻ không bóng người. Cái hy vọng mỏng manh rằng Va-li-a ngủ say liền tan biến mất. Tôi bước vào căn phòng nguyên là phòng ăn đồng thời là phòng nuôi trẻ. Lạ thật, không hiểu tại sao trong căn phòng này được dọn dẹp bày biện rất sạch sẽ ngăn nắp. Trên mặt bàn trải một tấm khăn sạch và trên trần treo những chuỗi giấy màu cắt hoa rất khéo. Cứ trông bốn bức tường được phủi bụi sạch bóng, mấy chậu hoa được chăm sóc tươi tốt đặt trên bậu cửa sổ, là có thể biết ngay rằng ở đây đã từng có bàn tay chăm lo của người phụ nữ. A, thì ra cái anh chàng Va-li-a này lại yêu hoa đến thế! Chỉ có nhà nghệ thuật vĩ đại mới có thể tưởng tượng ra cái cảnh Va-li-a cũng biết yêu hoa và trồng hoa!

Tôi bước vào "bếp riêng". Một chiếc giường sắt kê sát chân tường. Trên đầu giường đặt một chiếc áo liền váy đã được xếp ngay ngắn. Trước đây Ca-chi-a cũng có một chiếc áo liền váy màu thanh thiên điểm màu trắng hoa cà. Người đàn bà nào sống trong căn phòng bỏ không này nhỉ? Qua những bức thư đầu tiên

của Ca-chi-a, tôi biết rằng Ki-ra đã đưa con đi sơ tán từ ngày đầu xẩy ra chiến tranh, "Kẻ nào đã trói buộc anh, anh yêu quí của em?". Tôi bất giác nhớ đến một bức thư của Ca-chi-a. Trong bức thư đó, nàng chế giễu Ki-ra, kể rằng Ki-ra đã ngậm đắng nuốt cay vì anh chồng rất say mê nghiên cứu một loại cáo lai màu nâu xám với loại "Gien-ca Côn-pắc-tri" nào đó có những đôi mắt không to bằng nhau. Gien-ca Côn-pắc-tri có đôi mắt không to bằng nhau đã không mất thì giờ vô ích.

Dù thế này hay thế khác, cuối cùng tôi vẫn không tìm gặp được Va-li-a.

"*Va-lét-sca thân yêu*", - tôi viết thư cho cậu ta, "- *trên đường đi đến I-a-rô-xláp, mình hy vọng sẽ tìm được Ca-chi-a ở đấy hoặc ít ra cũng biết được tin tức của cô ấy, mình ghé vào thăm cậu, nhưng rất tiếc là không gặp được nhau. Đã nửa năm nay mình chẳng nhận được tin tức gì của Ca-chi-a cả. Hồi còn ở Lê-nin-grát, cô ấy và Ki-ra có viết thư cho nhau. Cũng có thể Ki-ra hoặc cậu biết tin tức của Ca-chi-a chăng? Sau khi bị thương, mình đi nằm viện và có viết thư cho cậu, nhưng không nhận được thư trả lời. Mình đã phải kinh qua muôn vàn gian nan, nhưng nếu biết được tin tức của nhau, biết rằng các cậu vẫn khỏe mạnh thì cho dù không gặp được mặt nhau, trong lòng mình cũng nhẹ nhàng đôi chút. Gửi thư cho mình thì gửi ra hạm đội miền Bắc, địa chỉ là nhờ đồng chí R. thiếu tướng Bộ chính trị Hải quân ở thành phố Bắc cực chuyển. Đấy là địa chỉ tin cậy duy nhất của mình, hiện nay mình chưa có địa chỉ nào khác. Va-li-a thân yêu, chúc cậu mạnh khỏe luôn. Mình đã tự mở cửa để vào nhà. Bây giờ mình đóng chặt, cậu chỉ có cách phá tung ra mà vào - như thế vẫn còn hơn là để nhà trống cửa. Có lẽ trước khi đi Bắc cực, mình sẽ ghé lại cậu một lần nữa*".

Tôi để mảnh giấy trên mặt chiếc bàn đặt ở "bếp chung". Sau đó tôi nâng cái chốt cửa lên, để sau này nó có thể rơi đúng vào lỗ cài. Xong tôi lách người ra bên ngoài, đóng mạnh cửa lại. Và thế là cánh cửa đã được chốt cứng.

Còn một việc quan trọng nữa tôi phải làm. Tôi cần phải đến nhà một người ở cách nhà Va-li-a không xa lắm. Việc chủ nhà có hoan nghênh chuyến đến thăm của tôi hay không tôi không quan tâm lắm.

Lẽ ra tôi phải đến thăm anh ta từ lâu kia!

Trong Quân y viện, những đêm dài không ngủ được và những khi trăn trở trong giấc mơ, tôi đã nghĩ đến cuộc gặp gỡ này. Tôi cần đến anh ta vô cùng, đến nỗi nếu chưa tìm thấy anh ta thì chết cũng không sao yên lòng được.

Đã nhiều lần tôi tự vẽ ra cho mình cảnh tượng của cuộc gặp gỡ này. Có khi, tôi mơ tưởng rằng tôi sẽ đột ngột xuất hiện ngay trước mặt anh ta, chính khi anh ta cảm thấy thoải mái nhất trong cuộc sống, giả dụ như lúc anh ta đang ở trong nhà hát và hoàn toàn không nghĩ đến tôi. Có lúc tôi lại tưởng tượng rằng trong khách sạn, tôi bước vào phòng, khóa trái cửa lại và nhìn anh ta mỉm cười. Lại có lúc, tôi như thấy anh ta nằm vắt chân trong ánh sáng ban mai nửa mờ nửa tỏ, tôi liền ngồi xuống chiếc giường bên cạnh. Đôi mắt hé mở của anh ta với những tia sáng thật đáng sợ.

## Chương 18

# Người quen cũ - tấm ảnh của Ca-chi-a

Có một lần, khi đi qua quảng trường Xô-ba-tri, Ca-chi-a nói cùng tôi:

- Rô-ma-sốp sống ở đây.

Nàng chỉ cho tôi một ngôi nhà quét vôi màu xanh sẫm và giống hệt như hai ngôi nhà ở hai bên. Dù là lúc ấy, hay ngay cả bây giờ, tôi hầu như có cảm giác rằng trong những bức tường loang lổ kia đang tồn tại một cái gì hết sức đê tiện mà không sao biết rõ được.

Bảng danh sách khách trú ngụ không còn treo ở cửa như hồi trước chiến tranh nữa, nên tôi đành phải vào Phòng quản lý để hỏi số phòng của anh ta.

Sự việc xảy ra trong Phòng quản lý như thế này. Người phụ trách việc đăng ký chứng minh thư là một bà già cổ lỗ có nét mặt đầy vẻ giận dữ. Bà đeo kính trắng, khi nghe tôi hỏi đến Rô-ma-sốp, bà ta bỗng rùng mình và mở to hai mắt. Trong ngôi nhà gỗ nhỏ nhắn này lúc ấy có rất nhiều người, kẻ ngồi, người đứng, ai cũng đeo trước ngực một chiếc tạp dề, trông họ có vẻ là những

công nhân quét đường và hình như giữa họ vừa xảy ra một chuyện ồn ào gì đó.

- Anh nên gọi điện thoại trước cho anh ta, - bà đăng ký chứng minh thư dịu giọng nói. - Phòng anh ta vừa được mắc điện thoại ngày hôm qua.

- Không cần đâu ạ, cứ đến thẳng như thế này tốt hơn, - tôi cười nói. - Như thế này mới bất ngờ. Tôi là bạn cũ của anh ấy, một người bạn mà anh ấy tưởng rằng đã chết từ lâu.

Câu nói trên đây của tôi thực ra không có ngụ ý gì, nhưng bà đăng ký chứng minh thư nở một nụ cười rất miễn cưỡng. Từ phòng bên cạnh, một người đàn ông có vẻ rất đạo mạo, đầu đội chiếc mũ cát-két rất đẹp bước ra, ngắm nghía tôi một lúc lâu.

Muốn qua cửa chính để vào nhà, phải băng qua đường phố. Tôi bước chậm lại khi đi đến gần cửa chính. Tôi không mang vũ khí theo người, có lẽ nên báo cho người cảnh sát đang đứng ở góc phố kia biết trước chăng? Sau đó tôi suy nghĩ và thay đổi ý định: "Thôi, không cần, hắn không thể chạy đi đâu được!"

Tôi vẫn luôn luôn tin rằng hắn có mặt ở Mát-xcơ-va. Có thể hắn không còn phục vụ trong quân đội thì hắn cũng ăn ngủ ở nhà riêng, nếu không thì ở trong biệt thự hay khách sạn. Bao giờ hắn cũng thích mặc quần áo ngủ vào buổi sáng. Tuồng như tôi trông thấy hình ảnh thực sự của một Rô-ma-sốp: hắn vừa mới tắm xong, mình ướt đẫm nước, mặc quần áo ngủ, tóc rối bù phủ xuống trán. Đấy chỉ là ảo giác, nó khiến tôi choáng váng mặt mày. Cần phải trấn tĩnh lại, nghĩa là phải nghĩ đến một việc khác để tạm quên hắn đi. Thế là tôi nhớ đến việc khoảng mười bảy giờ, đồng chí R. sẽ chờ tôi ở Cục địa lý thủy văn.

- Ai đó?

- Có thể gặp Rô-ma-sốp được không ạ?

- Một giờ sau anh hãy quay trở lại đây.

- Xin ông cho phép tôi được đợi anh ta ở đây, - tôi nói giọng rất khách sáo. - Rất tiếc là tôi không thể đi đâu được nữa. E rằng anh ta sẽ rất buồn nếu không được gặp tôi.

Tiếng dây xích khóa cửa kêu loảng xoảng. Nhưng không tụt hẳn ra mà chỉ nới lỏng để cánh cửa có thể hé ra một chút và người chủ nhà thò đầu ra nhìn tôi. Sau đó tiếng xích sắt lại vang lên một lần nữa, và lần này nó mới thực sự tụt ra. Nhưng cái chốt bên dưới vẫn còn cài. Tôi nghe tiếng sắt ma sát và tiếng vặn chìa khóa. Ông ta mặc quần áo ngủ rộng thùng thình dây treo quần mang trên vai, áo để hở ngực dẫn tôi vào cửa. Ông ta khom lưng nhìn ngắm tôi chằm chằm. Trên bộ mặt nhẵn nhụi với cái mũi quặp mỏ cú của ông ta lộ rõ dáng nét kênh kiệu và tang thương kiểu quí tộc. Những mớ tóc vàng điểm bạc rũ xuống trước trán, những lớp da béo phì mỡ xếp chồng lên nhau quanh cái cổ dài.

- Ông là Phôn Vư-si-mia-xki phải không ạ? - Tôi hỏi giọng ngạc nhiên. Ông ta khẽ giật mình. - Thôi cứ coi như không phải "Phôn", nhưng cũng thế cả thôi. Ông là Vư-si-mia-xki Ni-cô-lai I-va-nô-vích phải không?

- Cái gì?

- Ông Ni-cô-lai An-tô-nô-vích kính mến, ông quên tôi rồi sao - tôi nói giọng hết sức sung sướng. - Tôi đã từng đến nhà ông kìa mà.

Ông ta khẽ khịt mũi.

- Khách đến nhà tôi rất đông, có đến hàng trăm, hàng nghìn, - ông ta nhăn mặt nói. - Quanh cái bàn này có thể ngồi một lúc bốn chục người.

- Trước đây ông đã từng làm việc ở nhà hát Mát-xcơ-va, ông đã từng mặc những chiếc áo có những chiếc cúc rực rỡ. Trong cái lần cậu bạn Gri-sa Pha-be của tôi đóng vai bác sĩ tóc đỏ và ông

I-van Pa-vơ-lứt Cô-ra-bơ-li-ốp đã giới thiệu chúng ta làm quen nhau trong phòng hóa trang của anh ta.

Tại sao tôi lại hứng khởi như thế nhỉ? Tôi đứng giữa nhà của Rô-ma-sốp như một ông chủ. Chỉ một tiếng đồng hồ nữa hắn sẽ trở về. Tôi há nửa mồm thở nhẹ. Tôi sẽ đối phó với hắn như thế nào đây?

- Tôi không biết, tôi không biết! Tên anh là gì?

- Đại úy Gri-gô-ri-ép, tôi sẵn sàng làm theo lời chỉ bảo của ông. Bây giờ ông ngụ ngay ở đây, trong nhà Rô-ma-sốp này phải không?

Vư-si-mia-xki lại chăm chăm nhìn tôi.

- Tôi đăng ký hộ khẩu ở đâu thì sống ở đó, - ông ta nói. - Tôi không sống ở đây. Người quản lý biết tôi sống ở đâu, không phải ở đây.

- Rõ rồi.

Tôi rút bao thuốc lá ra và vui vẻ mời ông ta hút. Ông ta rút một điếu. Cánh cửa thông sang phòng bên cạnh mở toang, tất cả đồ đạc trong đó: đi-văng và chiếc bàn tròn nhỏ nhắn đặt trước nó đều rất sạch sẽ, chúng hiện ra trong bóng sáng lờ mờ. Ngay cả bức chân dung của một người nào đó treo phía trên đi-văng cũng được lồng cẩn thận trong một chiếc khung sạch sẽ, màu tro nhạt. "Mọi thứ đều xếp đặt rất ngăn nắp, hài hòa". Tôi vui vẻ nghĩ như vậy.

- Ai là I-van Pa-vơ-lứt? Ông ta là giáo viên phải không? - đột nhiên Vư-si-mia-xki hỏi.

- Phải, là giáo viên.

- Đúng rồi, ông ấy là Cô-ra-bơ-li-ốp, một con người tất tốt, một người kiệt xuất. Va-li-a đã từng học ông ta. Nhiu-ta không học ông ấy, nó tốt nghiệp trường nữ trung học Brơ-giô-dốp-xcai-

a. Nhưng Va-li-a thì học ông ấy. Ông ta là một con người rất tốt, đã từng luôn luôn giúp đỡ, giúp đỡ... - Trên bộ mặt già nua của ông ta hiện lên một thứ tình cảm chỉ có quỉ mới hiểu nổi, nhưng đó là thứ tình cảm lương thiện.

Ông già làm ra vẻ vừa mới nhận ra người quen, đon đả đưa tôi vào phòng - lúc này chúng tôi còn đứng ở phòng ngoài - và hỏi tôi có phải vừa từ trên tàu xuống không.

- Nếu anh vừa mới đến đây, - ông già nói, - thì có thể đến nhà ăn quân đội, trình công lệnh là có thể kiếm được một bữa trưa rất đàng hoàng có cả bánh mì, mà không tốn bao lăm tiền...

Ông ta lảm nhảm nói mãi, nhưng lúc này tôi không còn chú ý nghe lời ông ta nói nữa. Tôi kinh ngạc đứng sững lại ở cửa. Thì ra bức ảnh lồng trong khung màu tro nhạt treo trên đi-văng kia là ảnh của Ca-chi-a. Lần đầu tiên tôi được nhìn thấy một bức ảnh đẹp như thế. Đấy là bức ảnh chụp toàn thân, nàng khoác chiếc áo bành-tô da màu lông chuột vừa khít, may xong trước ngày nổ ra chiến tranh. Vì chiếc áo ấy mà nàng đã từng phải bỏ ra nhiều công sức, đi tìm một thợ may nổi tiếng tên là Ma-nê. Tôi còn nhớ hồi ấy vì tôi không hiểu rằng đi với chiếc áo ấy, cần phải đội mũ và đeo găng tay cùng một loại da màu ấy, mà nàng đã giận tôi. Trời ơi, bức ảnh này chứng tỏ có cái gì đây?

Lúc này trong đầu óc tôi nổi lên ngổn ngang bao nhiêu ý nghĩ khác nhau, trong đó có cả những ý nghĩ mà cho đến bây giờ mỗi khi nhớ lại tôi còn xấu hổ, bồn chồn. Tôi đã suy nghĩ hết mọi đường trừ sự thực của vấn đề, mà cái sự thực ấy thì lại còn nhảm nhí hơn cả những ý nghĩ nhảm nhí của tôi.

- Ông Ni-cô-lai I-va-nô-vích, thú thực, tôi không ngờ gặp ông ở đây, - tôi nói. Sau đó, ông già không ngớt giới thiệu với tôi về tình hình của mình, rằng sau khi rời khỏi nhà hát ông vào làm việc ở phòng giữ áo mũ của Bệnh viện thần kinh.

- Như vậy nghĩa là ông ở đây để giúp việc cho Rô-ma-sốp, hay ở đây chỉ vì quan hệ bạn bè?

- Đúng, vì quan hệ bạn bè. Anh ấy muốn nhờ tôi và tôi đã nhận lời. Trước kia tôi đã từng làm thư ký cho giáo chủ I-xi-đo-rơ. Tôi không hề giấu giếm chuyện này, ngược lại, còn ghi rõ vào trong bản điều tra của mình. Đấy là một công việc to tát, một quá trình lao động lớn lao. Chỉ riêng thư từ, hồi ấy, hàng ngày chúng tôi nhận được có đến một nghìn năm trăm chiếc. Bây giờ ở đây cũng xấp xỉ như thế. Nhưng có điều tôi làm việc ở đây là do quan hệ tình cảm. Tôi đã nhận được thẻ công tác. Rô-ma-sốp đã bố trí tôi làm việc trong cơ quan anh ấy. Mọi người trong cơ quan cũng đã biết tôi đã đến đây công tác.

- Chẳng lẽ bây giờ Rô-ma-sốp không còn phục vụ trong quân đội nữa ư? Hồi chúng tôi chia tay nhau, anh ấy còn mặc quân phục kia mà.

- Vâng, anh ấy không còn ở trong quân đội nữa. Anh ấy có công tác đặc biệt gì đấy mà tôi không được biết rõ. Anh ấy được miễn quân dịch cho đến khi kết thúc chiến tranh.

- Hằng ngày ông nhận được những bức thư gì?

- Đấy là một thứ văn kiện hết sức quan trọng, - Vư-si-mia-xki nói. - Hết sức quan trọng, vì hiện nay chúng tôi đang có một nhiệm vụ lớn là tìm kiếm một người đàn bà, một vị phu nhân. Nhưng tôi nghi rằng đây không phải là nhiệm vụ mà là một việc cá nhân, cũng có thể nói là chuyện yêu đương gì đó.

- Người đàn bà ấy là ai?

- Là con gái của một nhân vật lịch sử. Tôi rất quen thuộc nhân vật lịch sử này, - Vư-si-mia-xki nói giọng đầy tự hào. - Chắc anh đã có nghe đến cái tên Ta-ta-ri-nốp rồi chứ? Hiện nay chúng tôi đang tìm kiếm con gái của ông ấy. Đáng lẽ chúng tôi đã tìm ra chị ấy từ lâu rồi, nhưng đầu mối lung tung quá. Chị ấy đã lấy chồng nên chị ấy có hai họ.

## Chương 19

# “Anh không thể giết chết được tôi”

Cuộc sống như đột nhiên dừng lại trong khi nó đang lao nhanh về phía trước. Vì tôi không dự kiến trước quán tính của sự vận động nên bị bất ngờ đập trán vào bức tường suy tưởng. Tôi nhìn ông già đứng trước mặt tôi, nghĩ rằng lúc này ông ta.còn là người minh mẫn. Ông đứng giữa một căn phòng sáng láng và bảo cho tôi biết rằng Rô-ma-sốp cũng đang tìm kiếm Ca-chi-a, nghĩa là hắn ta cũng làm cái việc mà tôi đang làm.

Nhưng cuộc nói chuyện giữa hai chúng tôi vẫn cứ tiếp tục như không có gì xảy ra. Từ chuyện Ca-chi-a, Vư-si-mia-xki nói dây sang một ủy viên địa phương nào đó, rằng ông ủy viên kia không có quyền gọi ông ta là “viên chức cũ”. Sau đó ông ta lại đắm mình trong những hồi ức xa xưa. Ông kể rằng hồi năm 1908, cứ mỗi lần ông từ nhà hát đi ra, người soát vé liền gọi to: “Xe ngài Vư-si-mia-xki” và chiếc xe ngựa bóng nhoáng liền hiện ra trước mắt ông. Hồi ấy ông đội chiếc mũ đại lễ, khoác áo đuôi tôm... Tất cả những thứ ấy giờ đây không còn hợp thời trang nữa. ông cảm thấy “rất đáng tiếc”, vì chúng rất đẹp.

- Ông ấy mất từ hồi nào nhỉ? - Đột nhiên ông ta hỏi, giọng khác hẳn.

- Ai kia?

- Ông Cô-ra-bơ-li-ốp.

- Sao lại mất? Ông ấy còn sống rất khỏe mạnh đấy chứ, ông Ni-cô-lai I-va-nô-vích ạ! - Tôi nói giọng bông đùa nhưng trong lòng run lên, nghĩ bụng: "Hãy chuẩn bị sẵn sàng, mọi việc sắp vỡ ra rồi". - Ông nói đây là một việc cá nhân, phải không nào, còn người đàn bà kia thì sao?

- Vâng, đây là một việc cá nhân. Nhưng là một việc cá nhân rất cần kíp. Thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp là một nhân vật lịch sử. Mi-kha-in Va-xi-li-e-vích Rô-ma-sốp đã từng tìm đến Lê-nin-grát. Trong thời gian thành phố bị phong tỏa, anh ấy đã ăn đến cả hồ dán giấy trên tường. Bí quá, anh ấy ra đi kiếm thịt, nhưng khi quay về thì mọi người đã đi sơ tán cả rồi.

- Sơ tán ở đâu?

- Vấn đề chính là ở chỗ đó, - ông già nói giọng nghiêm trang. - Anh có biết chuyến ấy người ta đi sơ tán như thế nào không? Anh hãy thử đi tìm họ xem! Vấn đề chính là, nếu chị ấy đi bằng tàu hỏa thì chỉ cần dò ra tàu chở đơn vị nào là có thể tìm ra. Giả dụ là chuyến chuyên xa của xí nghiệp liên hợp làm lạnh, thì họ đi Xi-bê-ri, chỉ cần đến đó tìm gặp. Nhưng đằng này chị ấy lại đi bằng máy bay!

- Sao đi bằng máy bay ư?

- Đúng thế, rõ ràng là chị ấy đã được hưởng quyền ưu tiên trong khi đi sơ tán. Vì thế mà đứt liên lạc, không còn ai có thể biết chị ấy hiện ở đâu nữa. Đấy, anh xem, tìm bằng cách nào bây giờ. Chỉ biết được có một điều là chiếc máy bay ấy đã bay qua ga

Khơ-vôi-nai-a, tức là chính cái ga mà Mi-kha-in Va-xi-li-e-vích Rô-ma-sốp đến để kiếm thịt ấy.

Đến lúc này chợt trong tôi hình thành một cảm giác bản năng rằng lúc nào thì nên im lặng, và lúc nào chỉ nên nói vài ba câu để khơi chuyện. Tôi đương là một quân nhân, hình như vừa từ bệnh viện ra, người vừa gầy vừa đen, đến thăm một người bạn đã từng chia tay nhau ngoài mặt trận, để biết giờ đây bạn ấy làm gì và sống như thế nào... "Hãy chuẩn bị sẵn sàng, mọi việc sắp vỡ ra rồi!"

- Vậy đến bây giờ đã tìm được người đàn bà ấy chưa?

- Chưa. Nhưng theo kế hoạch của tôi thì thế nào cũng tìm được, - Vư-si-mia-xki đáp. - Tôi viết thư cho sở hỏi tin trung ương Bu-gu-ru-xlan, nhưng kết quả không ra gì. Họ gửi cho chúng tôi một bản danh sách gồm có hàng chục cái họ Ta-ta-ri-nốp và hàng trăm cái họ Gri-gô-ri-ép. Chúng tôi không biết cần phải bắt đầu tìm từ người nào trong cái danh sách ấy. Và thế là tôi trực tiếp đến gặp các chủ tịch hội đồng hành chính của các tỉnh thành. Việc này quả là một nhiệm vụ trọng đại, một sự lao động lớn lao, nhưng Ta-ta-ri-nốp là bạn của tôi, nên tôi cố tìm ra con gái của ông ấy. Vì vậy ba tháng nay tôi đã viết hàng ngàn bức thư cùng một nội dung như nhau, nào là xin đồng chí chỉ giúp, nào là nhân vật lịch sử, vân vân và vân vân để gửi đi khắp nơi. Kết quả là chúng tôi đã nhận được những thứ này.

Bỗng chuông cửa vang lên một hồi đinh tai. Vư-si-mia-xki nói:

- Anh ấy về rồi đấy!

Mặt ông ta có vẻ biến sắc, mớ tóc trắng trên đầu khẽ rung lên và bộ ria chổi sể như cụp xuống. Ông ta đi vào phòng trong. Tôi chậm rãi đứng lên bên bức tường cạnh cửa ra vào, để khi bước

vào Rô-ma-sốp không nhìn thấy ngay.

Vư-si-mia-xki đã báo cho hắn từ phòng treo áo:

- Có người đang chờ anh đấy.

Hắn liền hỏi ngay:

- Ai thế?

Ông già đáp:

- Một người tên là Gri-gô-ri-ép.

Hắn không bước lùi trở ra, mặc dù lúc ấy hắn có đủ thì giờ để làm việc ấy. Còn tôi thì vẫn ung dung chậm rãi. Hắn đứng trong một góc tối giữa cái tủ mắc áo với bức tường. Sau khi nhìn thấy tôi, hắn kêu lên một tiếng kinh hãi rồi đưa hai tay bưng lấy mặt như trẻ con. Trên ổ khóa cạnh cửa ngoài có một chiếc chìa khóa dài, tôi vặn một vòng khóa trái cửa lại rồi rút ra, cất vào túi. Ông già Vư-si-mia-xki đứng giữa hai chúng tôi. Tôi cầm lấy cánh tay ông ta và ôm lấy ông ta đẩy sang một bên. Sau đó không biết vì duyên cớ gì, tôi lại chạm mạnh vào ông ta một lần nữa, khiến ông ta ngã ngồi xuống chiếc ghế bành một cách máy móc.

- Nào, chúng ta nói chuyện với nhau đi, - tôi nói với Rô-ma-sốp.

Hắn nín thít. Hắn đưa chiếc mũ lên miệng, cắn chặt. Tôi lại nói tiếp:

- Thế nào?

Hắn hốt hoảng lắc đầu.

- Không đi à?

Hắn kêu lên:

- Không!

Nhưng lúc này hắn đã có vẻ bình tĩnh hơn lúc mới trông thấy

tôi. Tôi cầm tay hắn kéo đi. Hắn ưỡn thẳng ngực, cùng tôi đi vào phòng. Lúc này ngoài cái ánh mắt dè chừng, sắc mặt hắn đã khác hẳn, trở nên bình thản và lì lợm.

- Đã nhìn thấy chưa, tao vẫn còn sống nguyên đây, - tôi nói khẽ.

- À, thấy rồi.

Tôi nhìn kỹ hắn. Hắn mặc bộ âu phục màu tro, trên ve áo gắn chiếc huy hiệu màu vàng, dấu hiệu của người đã từng bị trọng thương. Song sự thực thì hắn chỉ bị chấn thương xoàng. Bên dưới tấm huy hiệu có một chiếc cúc ánh lên trong bóng tối lờ mờ. Hắn đã phát phì. Nếu không có đôi tai đỏ tía dựng ngược lên, như đang thi tài với chiếc cúc áo tỏa ánh sáng hồng kia, thì có thể nói rằng từ trước đến nay chưa bao giờ hắn làm một con người tự trọng.

- Súng lục đâu đưa đây.

Tôi ngỡ hắn sẽ nói láo rằng khi phục viên đã nộp trả kho. Nhưng trên khẩu súng ấy có khắc tên tôi, đấy là giải thưởng mà đồng chí trung đoàn trưởng đã trao cho tôi sau trận oanh kích cầu Na-rô-va. Nếu Rô-ma-sốp đem nộp súng vào kho thì hắn sẽ tự làm lộ mình. Chính đó là nguyên do vì sao lúc ấy hắn lặng lẽ và ngoan ngoãn kéo ngăn tủ, lấy khẩu súng lục ấy ra. Trong súng không có đạn.

- Các thứ giấy tờ đâu?

Hắn im lặng.

- Thế nào?

- Bị ướt và mất cả rồi, - hắn nói giọng hấp tấp. - Tôi bị ngập nước trong hầm phòng không ở Lê-nin-grát. Lúc ấy tôi bị ngất. Chỉ còn giữ được tấm ảnh của đồng chí TR. Tôi đã giao tấm ảnh ấy cho Ca-chi-a. Chính tôi đã cứu sống cô ấy.

- Thật ư?

- Đúng thế. chính tôi đã cứu sống cô ấy. Vì vậy nên không có gì đáng làm cho tôi sợ hãi cả. Dầu sao thì anh cũng không thể giết chết tôi được.

- Để rồi xem sao. Đồ súc sinh, mày hãy kể lại tất cả mọi chuyện đã xảy ra cho tao nghe, - tôi túm chặt lấy cổ áo hắn, hắn thở hổn hển khó nhọc, nên tôi liền bỏ ra.

- Khi cô ấy hấp hối, tôi đã đem đến cho cô ấy tất cả mọi thứ cần thiết. Anh có thể không tin tôi, - hắn quay người sang một bên, vừa nhìn vào mắt tôi, vừa nói như gào lên. - Nhưng rồi anh sẽ phải tin lời tôi nói. tôi sẽ kể tất cả. Anh chẳng biết gì hết. Tôi không ưa anh.

- Chẳng lẽ lại như thế ư?

- Tại sao tôi lại phải thích anh? Anh tước hết mọi thứ tốt đẹp nhất của đời người từ trong tay tôi. Tôi có thể làm được mọi thứ chuyện, - hắn nói giọng kiêu ngạo. - Số tôi đỏ lắm, vì chung quanh tôi toàn là những đứa ngốc. Tôi có thể bay lên tận trời xanh, nhưng tôi không màng đến cái đó!

"Tôi không màng đến cái đó" - câu này hắn nhỡ nói quá chắc nịch. Theo chỗ tôi biết, Rô-ma-sốp chẳng những coi trọng cái đó, mà còn mải miết theo đuổi nó, theo đuổi danh vọng. Và trong phương diện này thì bước đi của hắn khá thuận buồm xuôi gió. Số phận của hắn quả là may mắn, nhất là khi nghĩ đến sự ngu đần tột độ của hắn hồi còn là học sinh tiểu học.

- Hãy bình tĩnh nghe tôi nói, - hắn nói, mặt trắng bệch đến nỗi tôi có cảm giác không thể nào trắng hơn được nữa. - Hãy tin tôi, tôi sẽ nói tất cả sự thật. Chính tôi đã phá đám công việc của đội thám hiểm đi tìm kiếm thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp. Thoạt

đầu tôi đã giúp Ca-chi-a tổ chức việc này vì lúc ấy tôi nghĩ rằng anh sẽ ra đi một mình. Nhưng sau đó Ca-chi-a quyết định cùng đi với anh, nên tôi đã thọc gậy bánh xe, làm tan rã đội thám hiểm. Tôi đã viết một bản báo cáo, đó là một bản báo cáo rất mạo hiểm. Nếu trong bản báo cáo đó tôi không thể chứng minh được tính chính xác của nó, thì tôi có nguy cơ bị lộ chân tướng. Nhưng tôi đã thành công.

Bên trong cái cặp da màu tro có hằn hai chữ "M. R." bằng kim tuyến, cặp một số giấy tờ. Tôi rút ra một tờ, Rô-ma-sốp đờ người ra, đôi mắt tròn xoe của hắn nhìn đóng đinh vào một điểm nào đó trên đầu tôi. Tuồng như hắn cố vượt lên trước thời gian, nhìn vào tương lai của mình, hắn muốn đoán biết trong cái động tác đơn giản rút tờ giấy từ trong cặp ra và đặt ngay trước mặt hắn kia của tôi có mối đe dọa gì đối với hắn.

- Được, anh cứ viết đi, - hắn nói. - Cái con người ra tay ngăn trở công việc của đội thám hiểm ấy về sau đã bị đào thải và chết trong im lặng. Không hề gì, nếu anh cảm thấy những việc này còn có một thứ giá trị nào đó thì hãy ghi lấy.

- Chả có giá trị nào cả, - tôi lạnh lùng đáp.

- Tôi đã báo cáo rằng anh là kẻ bị bệnh thần kinh, lúc nào cũng tâm niệm mỗi một điều là tìm tung tích của vị thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp đã mất tích ở một nơi nào đó không ai biết những hai mươi năm về trước. Rằng hồi còn học ở trường tiểu học, tôi đã quen anh và biết anh mắc bệnh thần kinh từ ngày ấy. Nhưng trong những hoạt động này của anh, cũng còn một nguyên nhân khác nữa. Đó là vì anh đã cưới con gái thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp làm vợ, anh muốn leo cao nên khăng khăng dựa vào tên tuổi của thuyền trưởng để kiếm chác uy tín và danh dự cho mình. Bản báo cáo ấy không chỉ một mình tôi viết.

- Tất nhiên rồi!

- Anh còn nhớ bài báo "Để bảo vệ nhà bác học" không? Đó là bài của Ni-cô-lai An-tô-nô-vích. Trong bản báo cáo của mình, chúng tôi đã trích bài báo ấy để làm dẫn chứng.

- Và cũng để vu khống nữa, phải không?

Tôi bắt đầu ghi lại những lời hắn nói, và cố ghi thật nhanh.

- Vâng, cũng có thể nói như vậy. Chúng tôi đã cố chứng minh rằng những luận điểm của mình đều chính xác. Tôi đã đưa bản báo cáo ấy cho bà Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na và lừa bà ấy ký tên vào. Lạy Chúa, về sau tôi đã phải vất vả như thế nào mới làm cho người ta không gọi bà ấy đến trực tiếp làm chứng! Thật là khó hết chỗ nói. Anh không thể biết được rằng cú ấy đã hại anh đến mức nào đâu. Nhất định là nó đã ảnh hưởng rất nhiều đến uy tín của anh trong thời gian công tác ở Cục hàng không dân dụng, và sau này phục vụ trong quân đội. Chắc chắn là như thế.

Làm sao có thể diễn đạt được những cảm giác của tôi sau khi nghe những lời cung khai trên đây của Rô-ma-sốp? Tôi thực tình không hiểu nổi tại sao hắn lại để lộ cái sự thực ghê tởm ấy ra. Song cái ý đồ không lấy gì làm phức tạp ấy của hắn đã bị khám phá một cách nhanh chóng. Từ trước đến nay, bất cứ ở đâu và khi xảy ra việc gì, tôi đều có thói quen suy nghĩ, phân tích và lúc này mọi việc như hiện ra một cách rõ ràng dưới một luồng phản quang.

## Chương 20

# Bóng tối

- Chuyện nói lại từ đầu rất dài, nó xảy ra từ hồi chúng ta còn ngồi ở ghế nhà trường tiểu học, - Rô-ma-sốp nói tiếp. - Hồi ấy, đêm nào tôi cũng phải cặm cụi học mới có thể lên lớp trả lời thầy giáo một cách lưu loát như anh. Tôi cố kiềm chế mình không nghĩ đến tiền tài, vì tôi thấy nó chẳng lôi cuốn được anh. Tôi đã từng mong được như anh, được trở thành anh. Tôi cảm thấy rất đau khổ vì anh luôn luôn hơn tôi một cái đầu, anh vững vàng hơn tôi.

Bàn tay run run của hắn thò ra rút một điếu thuốc trong chiếc hộp thủy tinh đặt trên mặt bàn rồi quờ quạng tìm lửa.

Tôi bật máy lửa cho hắn. Hắn châm thuốc, hít một hơi dài rồi ném điếu thuốc ra xa.

- Có lúc thấy anh trên đường phố, tôi thường phải giấu mình vào một góc nào đó và sau đó bám theo phía sau như một cái đuôi. Trong nhà hát, tôi thường ngồi đằng sau anh. Lạy Chúa, không biết tôi với anh khác nhau ở chỗ nào mà những điều tôi

nhìn thấy không thể nào giống như các anh, cách nhìn của tôi đối với mọi chuyện đều khác các anh. Đúng rằng chẳng những Ca-chi-a là giao điểm tranh giành của chúng ta, mà tôi có cảm giác rằng bất cứ việc gì ở bất cứ nơi nào, tôi đều phải giành giật đấu tranh với anh. Chính đấy là nguyên do tại sao tôi hiểu cặn kẽ mọi chi tiết sinh hoạt của anh. Anh đã từng làm việc trong Đội Hàng không nông nghiệp Von-ga, sau đó đến Viễn Đông. Khi anh xin ra Bắc cực không được, đã sung vào đoàn quân sang Tây Ban Nha. Ôi, đấy chính là điều tôi hằng ao ước, nhưng về sau anh lại trở về an toàn, - hắn gào lên một cách phẫn uất. - Hơn nữa, từ đó về sau, con đường anh đi cứ thuận buồm xuôi gió. Anh sống cùng Ca-chi-a và hai người trở về En-xcơ. Đấy anh xem, ngay cả những việc có thể anh đã quên, tôi vẫn còn nhớ rạch ròi. Anh có thể quên đi, bởi anh là con người hạnh phúc! Còn tôi thì không thể được, bởi tôi là con người bất hạnh.

Hắn chán nản thở dài, khép hai mắt lại rồi lại mở ra. Trong khoảnh khắc, như có một luồng ý nghĩ tỉnh táo, sắc bén, khác hẳn với cái nhiệt tâm muốn bộc bạch tâm trạng của mình loáng qua trong đầu óc hắn. Tôi im lặng nghe hắn nói tiếp.

- Đúng là tôi muốn tách lìa anh với Ca-chi-a ra. Vì mối tình yêu đó là hạnh phúc lớn nhất trong đời anh. Tôi ghen tức đến cùng cực. Tôi nghĩ rằng anh yêu cô ấy chỉ đơn thuần vì tình yêu thôi. Còn tôi thì còn vì muốn giằng cô ấy ra khỏi tay anh. Bây giờ tôi lại đi nói chuyện tình yêu với anh, thực là nực cười! Nhưng kết quả của cuộc tranh đoạt ấy là sự thất bại của tôi. Đối với tôi, cái nhục này còn cay đắng hơn cả việc anh vẫn còn sống trở về và số phận lại lừa dối tôi.

Tiếng chuông điện thoại đặt ở cửa ra vào bỗng vang lên. Tiếng Vư-si-mia-xki trả lời:

- Vâng, anh ấy về rồi. Ông là ai ạ?

Nhưng không hiểu sao ông ta không gọi Rô-ma-sốp ra nói chuyện.

- Lúc ấy chiến tranh nổ ra, tôi cũng ghi tên tòng quân. Chính ra là tôi được miễn quân dịch, nhưng tôi đã từ chối việc ấy. Nếu trong thời gian ấy mà tôi bị trúng đạn chết thì hay biết chừng nào! Nhưng tự trong đáy lòng tôi vẫn mong anh chết. Chính thế, mong anh chết! Một hôm, trong lúc tôi đang nằm trong một gian nhà kho, một phi công mang báo đến đứng ở cửa đọc. "Ô, cừ khôi thật!" - anh ta reo lên - "Nhưng thật tiếc bị hy sinh mất rồi" - "Ai thế?" - "Đại úy Gri-gô-ri-ép cùng toán bay của đồng chí ấy". Tôi đã đi đọc lại mẩu tin ấy có đến hàng nghìn lần, cho đến khi thuộc làu từng chữ một. Không ngờ mấy ngày sau, tôi lại gặp anh trên đoàn tàu quân sự.

Thực là một việc lạ lùng, tuồng như vì tôi không làm thỏa mãn sự mong muốn của hắn, cứ ngang nhiên sống mãi, nên bây giờ hắn có quyền buộc tội tôi phải đồng tình với hắn. Nhưng hắn nói rất hăng hái, không mảy may chú ý đến cái vị trí mà hắn đương lâm vào.

- Những việc này xảy ra về sau thì anh đã biết cả rồi. Thật đúng là một cơn ác mộng, hễ nhớ đến là cảm thấy hổ thẹn vô cùng! Khi còn trên tàu hỏa, điều khiến tôi hết sức ngạc nhiên là hầu như anh không hề nhớ đến Ca-chi-a. Tôi thấy điều mà anh quan tâm lúc ấy là tình hình hỗn loạn của mặt trận. Đấy là tác phong của anh, tôi biết vậy. Anh có thể sẵn sàng hy sinh thân mình chứ không chịu rút lui. Cái đó đối với tôi, lại một lần nữa chứng minh rằng anh cao hơn tôi một cái đầu, rằng anh vững vàng hơn tôi.

Hắn bỗng im bặt không nói nữa. Hắn ngồi ngay trước mặt tôi, mặc bộ quần áo màu tro. trông hệt như một bức tượng. Tuồng như trên thế giới này, từ xưa đến nay chưa bao giờ tồn tại những cánh rừng bạch dương, những lớp lá rụng ẩm ướt, cùng đống cành khô đã ngăn trở chiếc gậy khi ném tới. Tuồng như chưa có lúc nào tôi nằm chống khuỷu tay trên mặt đất, gắng sức cưỡng lại một câu gọi cứ muốn bật ra mồm: "Rố-ma-sốp, hãy quay lại". Lúc ấy thậm chí tôi đã bóp chặt nắm tay đến phát đau lên, tức nỗi không thể dùng súng lục giết chết hắn.

- Đúng thế, đúng là mày đã tìm hết mọi mưu ma chước quỉ để định hại tao, - tôi nói. - Bây giờ mày hãy ký vào tờ giấy này.

Trong lúc hắn kể thao thao bất tuyệt, tôi đã ghi lại lời "cung khai" của hắn, đấy cũng chính là tóm tắt quá trình phá hoại công việc tìm kiếm của đội thám hiểm. Tôi không biết viết công văn, đối với tôi, đó là một công việc hết sức rắc rối. Nhưng tôi có thể viết hết "Lời khai của Rô-ma-sốp" theo như lời hắn nói: "Lừa dối lãnh đạo của Tổng cục Đường hàng không Bắc cực một cách bỉ ổi" vân vân.

Rô-ma-sốp đọc lướt qua một lượt bản ghi của tôi.

- Được. - hắn hạ thấp giọng nói. - Nhưng trước hết tôi cần phải giải thích cho anh rõ...

- Hãy ký đi rồi sau sẽ giải thích.

- Nhưng anh sẽ không hiểu...

- Ký đi, đồ đê tiện! - Giọng nói của tôi khiến hắn hốt hoảng. Hai hàm răng của hắn va vào nhau lập cập.

- Ký đi!

Hắn ký xong, hằn học ném cây bút sang một bên.

- Anh cần phải cám ơn tôi mới phải, nhưng bây giờ anh lại muốn lợi dụng lòng chân thành của tôi để hại tôi. Được lắm!

- Đúng thế, mày là kẻ cần phải trừng trị xứng đáng.

Hắn nhìn tôi. Lúc này hình như hắn lại hối hận là đã không kết liễu tôi ngay trong khu rừng bạch dương.

- Sau khi về đến Mát-xcơ-va, - hắn lại tiếp tục kể, - tôi liền tích cực tìm cách đến Lê-nin-grát. Tôi đi qua hồ La-đô-ga, ở đấy nhiều tàu bè đã bị đắm vì bom đạn của bọn Đức. Nhưng cuối cùng tôi đã đi đến nơi, và đến đúng như ngày giờ đã định trước. Thật là ơn Chúa, ơn Thượng đế, - hắn dừng lại giây lát rồi vội vã nói thêm. - Chỉ cần đến chậm một ngày, không biết sẽ xảy ra việc gì, chắc là tôi chỉ có thể đến để đưa ma cô ấy thôi.

Việc ấy có thể là sự thực. Khi nghe Vư-si-mia-xki nói hắn đã từng đến Lê-nin-grát, tôi liền nhớ đến cái viên thiếu tá tóc đỏ mà chị quét đường và các em nhỏ đã kể lại: "Cô ấy gặp một người tóc đỏ, anh ta có mang theo bánh mì. Cả một ba lô to những bánh và thức ăn, lúc nào cũng cõng trên lưng, không chịu đưa cho tôi giữ hộ". Nhưng có một điều khiến tôi băn khoăn không yên tâm. Chắc chắn là hắn đã nói cho Ca-chi-a biết rằng tôi đã hy sinh, tất nhiên là hy sinh trong lúc chiến đấu chứ không phải trong cánh rừng bạch dương.

- Tôi đến Lê-nin-grát như thế đấy. Anh không thể hình dung ra tình hình lúc ấy đâu. Tôi lĩnh được ba trăm gam bánh mì, đã đưa cho Ca-chi-a một nửa. Đến cuối tháng chạp, tôi lại xoay được một ít đường mạch nha. Khi tôi đưa cho Ca-chi-a, tôi đã cắn gần như nát cả ngón tay của mình. Tôi ngã quị xuống ngay trước giường của cô ta, cô ta kêu lên "Mi-sa", nhưng tôi không còn đủ sức để đứng dậy được nữa. Tôi đã cứu sống cô ấy, - hắn cố nhấn mạnh cái ý cuối cùng ấy, vì sợ tôi không tin lời hắn. - Còn bản

thân tôi tại sao lại không chết, vì chính tôi thực sự hiểu rằng cô ấy và anh đều cần đến tôi.

- Cả tao cũng cần đến mày kia ư?

- Phải, anh cũng cần đến tôi. Xcô-vô-rốt-ni-cốp viết thư cho cô ấy nói rằng anh đã bị bắn chết. Khi tôi đến, cô ấy đã thẫn tàn ma dại vì quá đau thương. Nhưng khi tôi nói rằng tôi đã gặp anh còn sống thì sức sống của cô ấy... chà, chỉ cần anh nhìn thấy một chút thôi! Chính trong giây khắc ấy tôi đã thấy rõ hết nỗi đê tiện của mình, - hắn hét to lên. Giọng hắn to đến nỗi căn phòng dội lên một hồi âm vang động, khiến ông già Vư-si-mia-xki giật mình ngã từ trên ghế xuống. - Đứng trước một mối tình như thế, tôi trở nên đê tiện quá. Lúc ấy tôi đau khổ như bị thắt cổ, hối hận là đã nuôi ý nghĩ giết hại anh. Nếu anh chết, cái chết ấy sẽ không mảy may mang đến hạnh phúc cho tôi.

- Nói hết chưa nào?

- Vâng, hết rồi. Vào giữa tháng Giêng tôi bị cử đi công tác ở Khơ-vôi-nai-a. Hai tuần sau, khi tôi mang được thịt trở về thì căn phòng vắng tanh. Chắc anh cũng biết Va-ri-a Trô-phi-nô-va, bà ấy đã đưa Ca-chi-a lên máy bay đi mất rồi.

- Đi đâu?

- Tôi đã hỏi rõ, đến Vô-lô-gơ-đa, sau đó chuyển đến I-a-rô-xláp.

- Mày đã hỏi ai ở I-a-rô-xláp chưa?

- Đã hỏi trưởng trạm sơ tán, ông ta quen tôi.

- Đã nhận được thư trả lời rồi chứ?

- Rồi, nhưng trong thư ông ta cho biết là Ca-chi-a chỉ lưu lại trạm ấy trong một thời gian ngắn, sau đó lại được chuyển đến bệnh viện dành riêng cho người Lê-nin-grát.

- Đưa thư ra xem nào.

Hắn mở ngăn kéo lấy đưa tôi một bức thư. "Trạm Phơ-xpô-li-e, - tôi đọc. - Về việc anh hỏi...

- Tại sao lại Phơ-xpô-li-e?

- Trạm sơ tán đóng tại đó, cách I-a-rô-xláp hai ki-lô-mét.

- Bây giờ tất cả đã nói hết rồi chứ?

- Hết rồi.

- Thế thì hãy nghe tao nói đây. - tôi cố tự kiềm chế để khỏi để lộ sự xúc động, nói với Rô-ma-sốp. - Dù mày đã tận tình chăm sóc Ca-chi-a đến mức nào, việc tha thứ cho mày hay không tao cũng không thể quyết định được. Vì những hành động mà mày đã đối xử với tao vừa qua không còn là sự tranh chấp cá nhân giữa hai người nữa. Khi mày định giết chết tao, giết chết một người đang bị thương nặng, cướp đi tất cả của cải tài liệu, bỏ rơi tao một mình trong rừng vắng, là không phải mày đấu trí với tao nữa. Hành động đó đã trở thành hành vi phạm tội mang tính chất nhà binh. Mày đã phạm một tội như vậy, nên trước hết cần phải xét xử như một tên đào ngũ đã phản bội lời thề.

Tôi ném một cái nhìn giận dữ vào giữa mặt hắn. Nhưng ngay lúc đó tôi cảm thấy rất lạ, hắn không hề nghe tôi nói. Có tiếng bước chân của hai ba người nào đó đang đi lên cầu thang. Rô-ma-sốp hốt hoảng nhìn bốn chung quanh và đứng bật dậy.

Bên ngoài có tiếng gõ cửa, sau đó ấn chuông.

- Có mở không ạ? - Vư-si-mia-xki từ phòng bên hỏi vọng sang.

- Không! - Rô-ma-sốp dằn giọng. - Hãy hỏi xem họ là ai đã. - Hắn như người mất hồn, giọng nói lắp bắp, run run. Hắn nói thêm một câu rồi khẽ khàng xoay chân đi một vòng trong phòng như khiêu vũ.

- Ai đấy?

- Mở cửa, chúng tôi ở Phòng Quản lý nhà đất đây.

Rô-ma-sốp hắt ra một hơi thở bị nén trong hai hàm răng nghiến chặt.

- Bảo họ là tôi không có nhà.

- Khi nãy họ gọi điện thoại đến, tôi không biết nên đã bảo với họ là anh có nhà.

- Tất nhiên là có nhà rồi, - tôi nói lớn.

Rô-ma-sốp nhảy bổ về phía tôi, chụp giữ lấy cánh tay tôi. Tôi đẩy hắn ra. Hắn rít lên qua kẽ răng rồi đi theo sau tôi ra hành lang, và giống như khi nãy, hắn đứng như phỗng giữa bức tường và chiếc tủ áo.

- Xin chờ một tí, - tôi nói. - Tôi mở ngay bây giờ đây.

Hai người từ bên ngoài bước vào - một người đàn ông trạc trung niên, nom vẻ mặt đăm chiêu với cái dáng đủng đỉnh chủ nhân của ông ta, có thể đoán biết ông ta là nhân viên quản lý nhà đất. Còn người thứ hai chính là người mà tôi đã gặp trong Sở Quản lý nhà đất, anh ta còn rất trẻ, đầu đội chiếc mũ "phớt" loại hảo hạng, động tác chậm chạp. Người trẻ tuổi ấy thoạt tiên nhìn tôi rồi thong thả nhìn sang phía Rô-ma-sốp.

- Ông là công dân Rô-ma-sốp phải không?

- Vâng.

Vư-si-mia-xki sợ xanh mắt. Giọng nói của người trẻ tuổi rất vang, đến nỗi làm cho mọi người đều phải quay lại nhìn về phía anh ta.

- Có vũ khí trong người không?

- Không. - Rô-ma-sốp trả lời như một cái máy, các thớ thịt trên mặt hắn giật lên từng cơn.

- Thôi được, hãy chuẩn bị hành lý đi. Không cần mang theo nhiều. Chỉ cần quần áo để thay đổi. Đồng chí quản lý, nhờ đồng chí dẫn phạm nhân đi. Đồng chí đại úy, đề nghị đồng chí đưa tất cả chứng từ ra xem...

- Ni-cô-lai I-va-nô-ních, đây là chuyện nhảm nhí, chuyện vớ vẩn! - Rô-ma-sốp hét lên từ phòng bên cạnh, hắn đang thu xếp đồ đạc vào trong túi xách. - Chỉ vài ngày là tôi trở về thôi. Còn phải lo cho cái chuyện hạ thủy chết tiệt kia nữa. Bác phải nhớ chuyện hạ thủy mà tôi đã nói với bác đấy nhé.

Hai hàm răng ông Vư-si-mia-xki lại va vào nhau lập cập. Rất dễ dàng nhận ra rằng ông ta chưa hề được nghe nói về cái chuyện hạ thủy gì đó bao giờ.

- Xa-nhi-a, mong rằng anh có thể tìm được cô ấy ở I-a-rô-xláp, - giọng Rô-ma-sốp cất cao hẳn lên. - Hãy chuyển lời hỏi thăm của tôi...

Tôi nhìn thấy hắn ném cái túi xách xuống sàn nhà và nhắm nghiền hai mắt, đứng lặng hồi lâu.

- Được lắm, chả có gì ghê gớm cả, - hắn lẩm bẩm trong miệng.

- Xin lỗi, ông có thể cho xin cốc nước uống không ạ? - Người trẻ tuổi hỏi ông Vư-si-mia-xki.

Vư-si-mia-xki đem ra một cốc nước cho người trẻ tuổi. Lúc này mọi người đã đứng ngoài hành lang, Rô-ma-sốp đeo túi xách trên lưng, người quản lý nhà đất vẫn im lặng không nói một câu nào, ông già Vư-si-mia-xki thì kinh hoàng cầm chiếc cốc không trong tay. Mấy giây im lặng nặng nề trôi qua. Chợt người trinh sát viên mặc thường phục đẩy cửa ra.

- Xin chào. Xin lỗi là đã làm phiền đến ông. - Sau đó anh ta lịch thiệp dẫn Rô-ma-sốp đi.

*

* *

Lần này, thần vận mệnh thông qua người đại diện của Cục cảnh sát Mát-xcơ-va ập đến nhà Rô-ma-sốp, làm gián đoạn cuộc nói chuyện của chúng tôi. Nếu lúc ấy có nhiều thì giờ, chắc tôi cũng sẽ tìm cách thăm dò những nguyên do và sự phát triển của chuyện ấy. Nhưng tàu hỏa đi I-a-rô-xláp sẽ khởi hành vào lúc 20 giờ hai mươi phút, mà tôi còn mấy việc sau đây cần phải làm:

a) Đi gặp Xle-pu-skin. Chẳng những chỉ gặp mà còn phải làm thủ tục, có thể phải mất một tiếng rưỡi đồng hồ.

b) Đến Cục Khen thưởng. Khi còn ở thành phố M. tôi đã nhận được giấy báo rằng cấp trên đã phê chuẩn việc tặng thưởng Huân chương Cờ đỏ hạng hai cho tôi. Có thể đến Hội đồng nhân dân lĩnh giấy chứng nhận.

c) Chuẩn bị thức ăn mang theo dọc đường. Các thứ thực phẩm tôi mang từ M. đến đều nhường lại cho một phi công bạn chiến đấu của tôi, trước kia cùng trung đoàn ở Lê-nin-grát, và hiện nay cậu ấy công tác ở vùng biển Ban-tích.

d) Mua vé tàu. Nhưng vấn đề này không đáng lo lắm, vì dẫu không có vé tôi cũng đi được.

Ngoài ra tôi còn phải viết vài nét về Rô-ma-sốp theo yêu cầu của chánh án Tòa án quân sự.

Tất cả những công việc đó tôi đều phải hoàn thành, có nghĩa rằng đấy là nội dung cuộc sống của tôi trong bốn, năm tiếng đồng hồ trước khi lên tàu đi I-a-rô-xláp. Nhưng ngay bây giờ tôi phải đến nhà Va-li-a Giu-cốp. Từ đây đến đó phải mất khoảng năm phút, tôi quyết định dùng số thời gian này để suy nghĩ về

những lời nói nửa giả nửa thật để hòng thoát thân vừa rồi của Rô-ma-sốp.

Tôi dừng lại trên quảng trường A-rơ-bát một lúc, suy nghĩ xem có cần đến nhà Va-li-a một lần nữa không. Cuối cùng tôi quyết định đi cắt tóc, vì trước khi đến Cục Địa lý thủy văn, cần phải cạo mặt, thay bộ quần áo sạch, bởi vì thiếu tướng hải quân định giới thiệu tôi làm quen với một vị tướng khác.

Đúng mười bẩy giờ tôi có mặt ở nhà Xle-pu-skin. Lúc mười tám giờ đã làm xong mọi thứ thủ tục tại phòng cán bộ của Cục Địa lý thủy văn, lĩnh giấy chứng nhận đi công tác vùng Bắc cực, làm việc dưới sự lãnh đạo của đồng chí R.. Nếu là hai ba năm về trước đây, chỉ cần nhìn thấy những dòng chữ khô khan này, thì trước mắt tôi sẽ hiện ngay lên cảnh những đỉnh núi xa mờ hoang vắng bị ánh nắng yếu ớt ở vùng Bắc cực rọi chiếu rồi. Nhưng bây giờ trong lòng tôi tràn đầy phấn chấn và niềm tự tin. Tôi cất giấy chứng nhận vào túi áo, nghĩ bụng: chà, sao lại không đề nghị đồng chí R. dùng điện báo quân sự liên lạc với I-a-rô-xláp nhỉ? Liên lạc được lắm chứ! Tôi vừa nghĩ vừa bước ra khỏi trụ sở Cục Địa lý thủy văn.

Tôi không định kể về những việc đã ngốn mất một tiếng rưỡi đồng hồ ở Cục Khen thưởng. Nhưng cần phải kể về cuộc gặp gỡ cuối cùng với người Mát-xcơ-va đáng ghi nhớ.

Tôi bước vào con đường hầm dẫn vào tàu điện ngầm. Lúc này tôi đã mệt lử, một tay xách va-ly, một tay xách ba-lô. Vào giờ tan tầm, tuy đến năm 1942, đường tàu điện ngầm đã được mở rộng, nhưng trước đầu thang máy vẫn còn ùn lại một đám đông người. Chiếc thang máy đưa tôi lên cao dần, tôi chú ý quan sát bộ mặt của những người dân Mát-xcơ-va và bất giác nhận ra rằng trong

cái ngày bận rộn, mệt nhọc vừa qua, tôi đã không có đủ thì giờ để nhìn kỹ bộ mặt của thành phố. Lúc ấy tôi chợt nhìn thấy một người đàn ông to béo, đầu đội mũ phớt, mình mặc áo bành tô vai cứng. Ông không bước bộ lên bậc thang mà như đang bơi giữa đám đông, thân hình được dần dần nâng lên cao, nhờ bộ máy cực khỏe của chiếc thang máy.

Người ấy là Ni-cô-lai An-tô-nô-vích.

Ông ta đã nhận ra tôi chưa nhỉ? Cho dù ông ta đã nhận ra, thì cái anh đại úy quèn, mặc bộ quân phục rách chưa kịp vá, xách chiếc ba-lô cũng rách tươm, để lộ cả một đầu bánh mì ra ngoài như tôi đây, liệu có liên quan gì đến ông ta?

Ông ta nhìn lướt qua mặt tôi bằng một ánh mắt lơ đãng và nghiêm trang.

## Phần thứ chín

# QUYẾT ĐẠT MỤC ĐÍCH CHỨ KHÔNG ĐẦU HÀNG

## Chương I

# Người vợ

Trên cánh đồng đêm khuya trùm phủ một thứ im lặng đặc biệt của ngày hè. Tôi đi dọc theo cánh đồng đêm khuya, thong thả tiến vào thành phố. Ánh đèn phòng không quét những luồng sáng dài qua bầu trời đầy sao và yên tĩnh. Thành phố đây rồi. Trên mọi đường phố đều gặp các đội tuần tra của Bộ Tư lệnh bảo vệ, họ chặn tôi lại và kiểm tra giấy tờ. Đây là bệnh viện được xây dựng dành riêng cho người Lê-nin-grát. Cô hộ lý trực ban nghiêm trang giải thích cho tôi biết rằng, đã ba tháng nay bệnh viện của cô không thu nhận một người Lê-nin-grát nào.

- Chín giờ văn phòng bệnh viện sẽ bắt đầu làm việc, - cô ta nói. - Mà bây giờ mới có ba giờ rưỡi sáng.

Tôi ngả lưng xuống chiếc đi-văng ngắn và thấp, mơ màng nửa thức nửa ngủ. Ca-chi-a của tôi lúc này ở đâu?

Sáng sớm hôm sau, đồng chí bác sĩ chủ nhiệm dẫn tôi vào phòng làm việc của ông. Tất cả mọi thứ đồ đạc trong phòng đều phủ một màu trắng: bàn trắng, cửa sổ trắng, trên chiếc giường

trắng phủ một tấm "đra" cũng trắng tinh. Tôi chìm đắm trong một hồi ức xa xăm. Hồi ấy tôi là một chú bé mười bảy tuổi, tôi ngồi im lặng trong phòng khám và ở buồng trong, qua cánh cửa hé mở, tôi nhìn thấy bà Ma-ri-a Va-xi-ép-na nằm trên một chiếc giường phủ "đra" trắng, sắc mặt bà trắng bệch ra tựa như đẽo bằng ngà voi.

- Chị ấy tên gì, họ gì và họ bố là gì? Bao nhiêu tuổi? - Đồng chí bác sĩ chủ nhiệm hỏi.

Tôi nói tên, họ và tuổi của nàng. Lúc ấy một cô hộ lý bước vào, tay đang buộc dây áo "bờ-lu", bác sĩ liền giao cho cô ta tìm phiếu khám bệnh của Ca-chi-a.

Chúng tôi ngồi chờ, hút thuốc và trao đổi với nhau dăm ba câu chuyện. Gần đây có hơn một nghìn máy bay Anh oanh tạc Brê-men. Có tin đồn tiêu chuẩn cung cấp bánh mì ở Mát-xcơ-va lại nâng cao, tin ấy có đúng không? Hiện nay tuy chúng ta đã ký hiệp định với Anh - Mỹ, nhưng liệu mặt trận thứ hai có được nhanh chóng mở ra không?

Lúc này cô hộ lý đang lục tìm phiếu khám ở phòng bên cạnh; những tấm phiếu của người còn sống và của người đã chết.

Chuông điện thoại reo vang, đồng chí bác sĩ chủ nhiệm gắt với ông trưởng phòng Y vụ nào đó hồi lâu. Tôi lặng lẽ ngồi chờ. Cô hộ lý sẽ mang tin gì đến cho tôi đây? Cái chết của Ca-chi-a hay tin vui nàng vẫn còn sống? Sự lặng lẽ đợi chờ này liệu có thể đem đến cho người ta bao niềm thoải mái?

Cuối cùng cô hộ lý đã trở lại. Đồng chí bác sĩ chủ nhiệm vẫn chưa kết thúc cơn giận dữ của mình qua điện thoại, cô cầm chiếc phiếu trong bàn tay thon nhỏ như tay trẻ con của mình.

- À, không sao cả, - bác sĩ chủ nhiệm nói. - Tình hình sức khỏe của chị ấy rất tốt, đã ra viện hồi tháng ba năm 1942.

Hình như lúc đó sắc mặt tôi càng tái hơn trước nên ông liền đứng dậy, đi vòng qua chiếc bàn đến cạnh, đặt tay lên vai tôi và nhắc lại rành mạch: "Tình hình sức khỏe rất tốt. Đã ra viện hồi tháng ba năm 1942".

Ông nhìn thấy vẻ bối rối lo lắng của tôi khi nghe nói rằng giữa tháng hai, hồng huyết cầu của Ca-chi-a chỉ còn lại bốn mươi hai phần trăm, liền cười vui vẻ.

Bây giờ đã rõ rồi, nàng đã đi Nô-vô-xi-biếc cùng với trại trẻ. Nếu quả là nàng đã đến thành phố ấy thì cũng tốt biết bao, nhưng không phải! Trại trẻ đóng trong một nông trường cách thành phố Nô-vô-xi-biếc những hai trăm cây số.

Tôi đến ủy ban hành chính tỉnh I-a-rô-xláp chép lại địa chỉ chính xác của trại trẻ: ga I-a-đôm-xcai-a thượng, làng Lúp-ni đại, huyện Su-kin-xki vân vân. Trong bức điện báo ngắn ngủi hai mươi lăm chữ gửi cho Ca-chi-a, địa chỉ của nàng đã chiếm mất mười bảy chữ, lại thêm cái địa chỉ của tôi, vì thế, cuối cùng chỉ còn lại bốn chữ để tôi bày tỏ toàn bộ tình cảm và ý nghĩ của mình đối với nàng.

Ngoài bức điện này ra, tôi còn đánh đi ba bức điện khác từ I-a-rô-xláp. Một bức cho dì Đa-sa, báo cho dì ấy biết rằng Ca-chi-a vẫn còn sống và tôi hy vọng là có thể nhanh chóng gặp được nàng. Bức thứ hai cho Va-li-a Giu-cốp ở Mát-xcơ-va, báo tin rằng tôi chưa tìm được Ca-chi-a, rằng có lẽ nàng đã chuyển đến Nô-vô-xi-biếc theo trại trẻ. Bức thứ ba cũng đánh về Mát-xcơ-va cho Xle-pu-skin đề nghị ông cho phép tôi được tiếp tục tìm vợ theo sự thỏa thuận riêng giữa ông và tôi.

Tôi mong muốn được sống tách riêng một mình để nghỉ ngơi và suy nghĩ một số vấn đề, nhưng rất tiếc là không thuê được phòng riêng. Nhưng cũng may là người ở cùng phòng với tôi là

một thiếu tá lục quân đã có tuổi, rõ ràng là ông ta cũng mong muốn được nghỉ ngơi yên tĩnh không hề kém hơn tôi, nên cứ đến tám giờ là ông ta dã đi nằm và ngủ rất say. Mặc cho suốt đêm tôi trằn trọc, làm cho chiếc giường kêu lên không ngớt, mặc cho hai lần người nữ trực ban vào phòng kiểm tra xem có tắt đèn không và mặc cho tiếng bước chân ồn ào, nhộn nhịp ngoài hành lang, giấc ngủ của ông vẫn không bị cắt đứt.

Nửa đêm ông thức dậy hút thuốc. Ông ngồi xếp hai chân vào nhau rất lâu, như kiểu người Thổ Nhĩ Kỳ. Tôi cũng hút thuốc theo. Tôi chẳng hiểu một chút gì về ông, và ông chẳng hiểu một chút gì về tôi. Nhưng cả hai chúng tôi đều lặng lẽ nhìn đốm lửa đỏ sáng lên trong đêm tối ở đầu điếu thuốc mà cùng suy nghĩ về một chuyện như nhau. Chiến tranh đã đưa hai con người không quen biết nhau đến cạnh nhau, trong một gian phòng. Lúc này, vấn đề mà chúng tôi cùng nghĩ đến là chiến tranh. Sau cuộc chiến đấu bảo vệ hết sức anh dũng qua hai trăm năm mươi ngày, ngày hôm qua bộ đội của chúng ta đã rút lui khỏi Xê-va-xtô-pôn.

Người bạn chung phòng của tôi hút xong thuốc liền ngủ tiếp. Tôi cũng ngủ theo. Nhưng sau đó có lẽ tôi nghe có tiếng ai đó nói lớn ngoài hành lang:

- Một giờ rưỡi rồi. .

Cảnh tượng Xê-va-xtô-pôn chợt hiện ra trước mắt tôi. Nó không phải là cái thành phố trơ trụi, mù bụi và thâm nghiêm trong dáng vươn lên phía trước để đón lấy một số phận oai hùng mà tôi đã nhìn thấy vào tháng chín năm 1941; mà là một thành phố tươi vui, đầy những âm thanh trẻ trung trước kia. Hồi ấy tuần nào tôi cũng cùng với Ca-chi-a đến Xê-va-xtô-pôn. Chiếc xuồng máy dừng lại bên bến, một số lính thủy đi dạo trên con đường "Lịch sử" rợp bóng cây cùng với các cô gái choàng khăn

voan mỏng, mặc áo liền váy màu trắng. Họ đi rất xa, đến những nơi mà tầm mắt không nhìn thấy được. Hai chúng tôi rất thích cái trò chơi do Ca-chi-a nghĩ ra: giả định nàng là cô gái tôi mê thích, chúng tôi vừa mới quen nhau, giống như những cặp trai gái đang đi đằng kia, chúng tôi giả vờ hò hẹn với nhau lần gặp mặt sau và viết thư tình cho nhau, gọi nhau bằng "anh", "chị" rất khách khí. Hồi ấy cuộc sống đẹp đẽ làm sao! Hằng ngày tôi ngủ dậy vào năm giờ sáng, lúc ấy Ca-chi-a đã làm xong cơm sáng. Nếu hôm nào tôi phải bay cao thì nàng sẽ làm món ăn thanh đạm hơn ngày thường. Sau đó là một ngày đầy hứng thú. Chẳng những vì chuyến bay rất thú vị, mà còn vì tôi biết rằng, chỉ chốc nữa thôi sẽ là "thì giờ của chúng tôi", chúng tôi sẽ cùng bơi trên mặt biển lặng sóng, cùng ngắm ngọn hải đăng Kha-rắc nhấp nháy.

Làm vợ tôi hình như là một việc hết sức khó khăn. Nhưng Ca-chi-a lại nói rằng nàng chỉ cảm thấy khổ sở khi nào không biết tôi ở đâu và việc gì đang xảy ra đến với tôi.

Tôi còn nhớ rất rõ cái lần cãi nhau duy nhất trong đời của chồng tôi. Ấy là vào năm 1936, lúc chúng tôi ở Lê-nin-grát, vấn đề thành lập đội thám hiểm đã được quyết định và chúng tôi sắp sửa xuất phát đi Bắc cực. Em gái tôi đột nhiên ốm chết để lại đứa con đang còn bú. Chúng tôi rất lo, không biết làm thế nào, cuối cùng may nhờ có bà Rô-da-li-a Na-u-mốp-na đã quá cố tìm giúp được một "bà bảo mẫu khoa học", chúng tôi mới yên tâm và quyết định ra đi. Sau khi quyết định, chúng tôi liền chuẩn bị để có thể xuất phát ngay. Nhưng thình lình cháu bé bị ốm.

... Ca-chi-a mặt mày tái nhợt ngồi cạnh chiếc nôi đặt cháu bé đang ốm. Tôi vừa bước vào cửa, nàng khóc òa lên. Tôi ôm nàng vào lòng.

- Không nên thế em ạ, - tôi vuốt ve đôi má đẫm nước mắt của nàng và nói. - Em đi sau cũng được. Đến Ác-khan-ghen-xcơ là có thể đuổi kịp bọn anh, cứ thế nhé.

Tôi còn có thể nói với nàng những gì trong lúc này? Thực ra thì đoàn thám hiểm chỉ dừng lại ở Ác-khan-ghen-xcơ nhiều lắm là một đêm.

- Em không muốn rời xa anh chút nào cả.

- Mọi việc rồi sẽ qua đi em ạ.

- Không việc gì có thể qua đi được cả. Để thành lập đội thám hiểm, em đã tất bật suốt cả mùa đông. Để anh có thể đi được, em đã làm hết sức mình, rồi đây em sẽ chẳng được biết anh ở đâu, việc gì đang xảy ra với anh...

- Ca-chi-a! Ca-chi-a!

- Em chẳng thiết gì hết. Em chẳng thiết cái đội thám hiểm này nữa, dầu sao thì anh cũng sẽ chẳng tìm kiếm được gì đâu. Trời, chẳng lẽ em không đáng được hưởng thứ hạnh phúc nhỏ mọn mà từ trước đến nay những người đàn bà khác không thèm màng đến này thật ư? Trong lúc đó việc gì cũng có thể xảy ra đối với anh.

Nàng nhìn tôi sắp nổi nóng. Nhưng lúc ấy nàng đã bị chìm trong nỗi tuyệt vọng đau đớn, nàng đứng lên, hai tay đè chặt trước ngực và đi đi lại lại cuống cuồng trong phòng.

- Em biết, anh không muốn để em cùng đi với anh, phải không nào?

- Thôi, đừng nói cái giọng ấy?

- Được, - dường như chính nàng cũng ngạc nhiên trước giọng nói đầy lạnh lùng của mình. - Chúng ta hãy kết thúc cuộc tranh cãi này đi thôi. Em cần phải đi. Em biết là anh không muốn để em cùng đi, vì anh không yêu em nữa.

Chúng tôi tranh cãi với nhau cho đến sáng. Sang ngày hôm sau, cháu Pê-chi-a khá hơn hôm trước và ngày sau nữa, cháu hoàn toàn bình phục.

Đây là lần đầu tiên, cũng là lần cuối cùng chúng tôi tranh cãi với nhau về một vấn đề mà suốt đời mỗi khi nhớ đến là Ca-chi-a lại cảm thấy khổ tâm và ân hận. Mỗi khi nàng nhớ ra rằng không bao giờ nàng có thể xâm nhập vào cái thế giới riêng của tôi - cái thế giới mà trong đó nàng thường bị lãng quên - thì nàng lại vô cùng buồn rầu! Nhưng nếu buộc nàng lánh xa không suy nghĩ đến những chuyện ấy thì nàng lại còn khổ tâm hơn.

Mỗi lần nàng tiễn đưa, như lần tiễn đưa tôi đi Tây Ban Nha dạo ấy, nàng đã phải tự kiềm chế lòng mình đến mức nào! Một lần khi còn ở Xa-ra-bu-dơ, sau khi chỉ huy một trung đội hoàn thành chuyến bay đêm trở về, tôi vô tình được vợ của đồng chí phi công hoa tiêu cho biết là nàng đã thức trắng đêm để chờ tôi.

Ca-chi-a ơi, giờ em ở đâu? Tính mạng và tình yêu của chúng ta đã kết lại thành một. Em ơi, hãy mau chóng trở về bên anh. Cuộc chiến chỉ mới bắt đầu, còn bao nhiêu việc cần làm, bao nhiêu chuyện phải lo đang bày ra trước mắt chúng ta. Ca-chi-a, đừng bỏ rơi anh, em nhé! Anh biết rằng cuộc sống của chúng ta khá gian nan vất vả, em luôn luôn phải băn khoăn lo âu vì anh. Cả đời hai chúng ta chỉ được đoàn tụ ở nhà người khác. Lẽ nào anh không hiểu rằng làm một người phụ nữ lại không quí trọng, yêu mến cảnh sống gia đình. Hình như anh yêu em, nhớ em chưa đủ... Ca-chi-a ơi, hãy tha thứ cho anh, em nhé!...

... Tôi không biết mình đang tỉnh hay mê, tôi van xin nàng chớ bỏ rơi tôi, tôi cầu mong được gặp nàng dẫu trong giấc mơ cũng được. Tôi năn nỉ nàng chớ tin vào những lời đồn nhảm nhí rằng mãi mãi tôi sẽ không trở về nữa.

## Chương 2

# Sự việc còn chưa kết thúc

Vào lúc nửa đêm, không biết lúc ấy đã đến bốn giờ sáng chưa, tôi mở mắt ra và nhìn thấy người nữ trực ban đứng bên cạnh giường tôi với vẻ mặt còn ngái ngủ.

- Anh là Gri-gô-ri-ép phải không?

- Vâng.

- Anh có điện báo. Cần phải ký nhận. Đồng chí bưu điện ơi, mời đồng chí vào đây, - chị ta ra ngoài gọi. Sau đó tôi thấy một chiến sĩ hồng quân đi ủng, rón rén bước vào và dừng lại bên cửa. - Đồng chí ấy từ cơ quan điện đài quân sự đến.

Tôi ký tên rồi mở tờ điện báo ra đọc. "Đến Ác-khan-ghen-xcơ ngay và cho biết ngày đến nơi, Lô-pa-tin".

Chắc rằng mẩu điện báo này đã được đánh đi từ Cục Địa lý thủy văn. Nhưng tại sao người đánh điện cho tôi không phải là Xle-pu-skin, mà là một người nào đấy có tên là Lô-pa-tin? Tôi đã bàn kỹ với Xle-pu-skin rằng nếu tôi không tìm thấy Ca-chi-a ở I-a-rô-xláp thì sẽ tiến hành những bước sau như thế nào rồi kia

mà! Tại sao phải "đến ngay" nhỉ? Và tại sao lại đến Ác-khan-ghen-xcơ. Đúng là khi tiến hành công tác thủy văn ở các biển miền bắc thì Ác-khan-ghen-xcơ luôn luôn được dùng làm căn cứ chính. Nhưng chẳng phải đồng chí R. đã nói rằng chúng tôi sẽ gặp mặt nhau ở thành phố Bắc cực, và ở đấy, đồng chí tư lệnh hạm đội Bắc cực sẽ phê chuẩn kế hoạch của đồng chí R. đấy sao?

Nhưng sau đấy không lâu. tất cả những nỗi băn khoăn ấy đều đã tiêu tan nhanh chóng. Thế mà lúc bấy giờ, trong gian nhà chật hẹp ở I-a-rô-xláp, tôi lại chăm chú đọc đi đọc lại bức điện rất nhiều lần. Một dự cảm hỗn độn, mông lung, đe dọa niềm hy vọng sắp được gặp Ca-chi-a trong tôi lớn dần lên và giày vò tôi một cách ác nghiệt.

Tôi nóng ruột không biết làm gì, bèn chạy ra trạm bưu điện đánh một bức điện báo khẩn về Xô Viết làng Lúp-ni đại, huyện Su-kin-xki. Ngày hôm qua tôi đã đánh đi một bức điện báo thường vì lúc ấy tôi chỉ còn trong túi bảy trăm rúp mà đoạn đường cần đi tiếp lại còn rất dài. Bây giờ đoạn đường bày ra trước mắt tôi đã rút ngắn lại rất nhiều, từ chỗ Ca-chi-a đến Bắc cực chỉ còn khoảng một nghìn cây số nữa thôi...

Kể từ ngày tôi ngồi vào máy bay chở khách từ thành phố M. đến hôm nay đã được tám ngày. Nhưng trong tám ngày đó, tôi đã nhìn thấy rất nhiều sự việc, tuy lòng tôi chỉ muốn thu nhận những gì có liên quan tới vận mệnh của tôi thôi. Suốt nửa năm nay tôi chỉ nhìn thấy mỗi một cảnh tượng: những bức tường của bệnh viện và thành phố U-ran bên dòng sông Ca-ma ở bên ngoài những bức tường ấy. Nhưng giờ đây không biết cái cảnh tượng đó mất hút nơi đâu chẳng còn chút dấu vết nào, như bị chìm trong màn khói dày đặc. Trước mắt tôi đang lần lượt hiện ra hình dáng của những thành phố lớn: Lê-nin-grát, Mát-xcơ-va,

I-a-rô-xláp. Những hình ảnh đó chỉ thoáng lướt qua nhưng in rất rõ trong ký ức tôi. Đặc biệt nơi mà tôi không thể nào quên được là thành phố Lê-nin nổi tiếng khắp thế giới. Bên trong những khung cửa sổ im lìm đã được che kín của nó đang ẩn náu một sức mạnh tinh thần chưa từng có.

Bước xuống khỏi tàu hỏa, tôi đi thẳng đến Bộ Tư lệnh hạm đội khu biển Trắng. Đến lúc đó tôi mới vỡ lẽ rằng chính Lô-pa-tin, người bị tôi trách móc suốt dọc đường là trưởng phòng tổ chức của Cục Địa lý thủy văn. Và cũng đến lúc đó tôi mới chợt nhớ ra rằng lúc còn ở Hội đồng nhân dân tôi đã từng nghe đến cái tên này. Điện báo của anh ta rất chính xác. Sau khi tôi rời khỏi Mát-xcơ-va, ở vùng biên cương phía bắc xẩy ra những sự kiện rất lớn lao. Vì vậy đồng chí thiếu tướng hải quân R. phải đáp máy bay đi nhận nhiệm vụ ngay. Và vì đồng chí tư lệnh hạm đội thân chinh đi kiểm tra các căn cứ ở Ác-khan-ghen-xcơ, nên lúc ấy tôi và đồng chí thiếu tướng trở nên vô sự trong cái thành phố Bắc cực này. Sang ngày thứ ba, đồng chí R. gặp tư lệnh. Có lẽ "kế hoạch công tác hết sức lý thú" đã được cấp trên phê chuẩn, nên sau khi gặp thủ trưởng, đồng chí R. liền đáp máy bay đi Đích-sơn ngay. Rõ ràng là chuyến này ông đi rất vội, nên không cần dùng đến tôi nữa, và vấn đề của tôi được chuyển sang cho Bộ Tư lệnh hạm đội.

- Đồng chí đại úy, đồng chí đến chậm quá, - đồng chí trưởng phòng tổ chức có mái tóc hoa râm và bộ mặt hiền lành nói với tôi. Ông để hai chòm ria mép, trông hệt những lính thủy cũ thời chiến tranh bảo vệ Xê-va-xtô-pôn lần thứ nhất. - Tôi cũng không biết giải quyết vấn đề của đồng chí như thế nào cho tốt đây. Chúng tôi không định để đồng chí phải đuổi theo họ nữa.

Và ông ra lệnh cho tôi mấy ngày sau quay lại.

Tôi không thuê được chỗ ở trong khách sạn, đành phải thuê tạm một căn buồng trong một ngôi nhà nhỏ của một kế toán viên nằm trên phố. Tôi trao một phần lương thực của tôi cho chủ nhà, thay tiền thuê trọ. Để tỏ lòng cám ơn tôi, suốt mấy ngày liền, viên kế toán già kể cho tôi nghe những mẩu chuyện không bao giờ dứt trong nghề kế toán của ông. Trong nghề này cũng có những điều lý thú và những chỗ làm rung động lòng người, chủ yếu là ở những mặt chính xác, định kỳ và đúng giờ giấc.

Ác-khan-ghen-xcơ đã thay đổi khá lớn lao, tuy nó vẫn mang cái tên cũ ấy, song nó đã hoàn toàn khác xưa!

Các lính thủy Mỹ đi dạo trên đường phố. Họ đội mũ lưỡi trai mặc quần rộng ống, để lộ một cách có ý thức ra ngoài quần một đoạn chiếc áo len thít sát bụng. Các lính thủy Anh đội mũ nồi có thêu dòng chữ "HMS" (Hải quân hoàng gia). Cử chỉ, thái độ của họ có vẻ nghiêm túc hơn, nhưng vẫn khác với lính thủy Nga bởi cái dáng ngạo nghễ quen thuộc của họ. Tất cả những điều đó khiến tôi rất lấy làm lạ. Khắp nơi đều thấy những người da đen, có những người da nâu - có lẽ là dòng máu lai của người da trắng và người da đen. Bên bờ sông Đuy-na bắc mấy người Trung Quốc đang cắm cúi giặt quần áo và đang nói chuyện với nhau bằng giọng cổ rất nặng, âm điệu rất trầm. Giặt xong, họ phơi quần áo ngay trên những tảng đá cạnh đó.

Có lẽ trên thế giới này không có dòng sông nào in đậm mầu sắc Nga như dòng sông Đuy-na bắc này, nó trải mình ra một cách thoải mái và tải dòng nước đầy ăm ắp về nơi xa.

Một chiếc thuyền máy xé những con sóng lấp lánh ánh mặt trời lao thẳng về phía bên kia bến cảng, như một con dao sắc...

Mấy hôm nay, tuy bên ngoài tôi có vẻ chăm chú ngắm nhìn một cách tò mò những người nước ngoài này, nhưng thực ra họ

không nằm trong ý nghĩ của tôi... Đây là thành phố mà Xê-đốp, Pa-khơ-tu-xốp đã từng sống. Tôi đứng im khá lâu trước một "ngôi mộ của đội hàng hải trong nghĩa trang công cộng Xô-lôm-ban. Đội hàng hải này do Pi-ốt Cu-dơ-mích Pa-khơ-tu-xốp, người đã từng đóng hàm trung úy lục quân và được thưởng huân chương lãnh đạo. Ông ta đã qua đời trong một chuyến vận hành vì quá mệt nhọc và phiền não, thọ ba mươi sáu tuổi". Thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp đã từ đây bắt đầu lái chiếc tàu buồm của mình đi vào con đường viễn chinh xa xăm. Hoa tiêu Cơ-li-mốp là người duy nhất tham gia cuộc thám hiểm này và trở về được đến đất liền, và ông đã chết trong bệnh viện của thành phố này. Viện bảo tàng địa phương dành riêng một gian trưng bày giới thiệu đội thám hiểm của tàu "Xanh Ma-ri". Trong rất nhiều vật trưng bày quen thuộc, tôi nhận ra một tập hồi ký của một họa sĩ bạn của Xê-đốp. Những tài liệu này có ý nghĩa rất lớn, và đối với tôi nó hoàn toàn mới mẻ. Trong thiên hồi ký của mình, tác giả có kể lại cảnh tìm thấy ông hoa tiêu Cơ-li-mốp tại vịnh Phơ-lo-ra.

Buổi sáng tôi viết một bức thư gửi đến làng Lúp-ni đại. Sau đó không biết làm gì hơn, tôi bèn đi ra phố Cu-dơ-ne-trích. Dọc theo bờ sông sực lên mùi ngai ngái của gỗ thông. Chiếc cầu nối liền hai bờ đã tách ra cho tàu bè trên sông qua lại, một chiếc tàu con chở khách từ bên sông này sang bờ bên kia. Cây rừng trùng điệp nối tiếp nhau. Mấy chiếc cầu nhỏ hẹp nằm bên cạnh ngôi nhà thấp lè tè được dựng lên từ thời vua Ni-cô-lai là những chiếc cầu làm bằng gỗ. Các ngôi nhà quanh đấy nay đã biến thành bệnh viện và trường học. Mặt đường được lát bằng gỗ. Những ngôi nhà nằm dọc bờ sông mang nặng màu sắc thần thoại này cũng được dựng lên bởi những mảnh gỗ ván mới xẻ. Đây là vùng Xô-lôm-ban. Cuối cùng tôi đã tìm được ngôi nhà mà thuyền trưởng

Ta-ta-ri-nốp đã ở để chuẩn bị cho cuộc xuất chinh của con tàu "Xanh Ma-ri" vào mùa hè năm 1912.

Tôi mường tượng thấy vị thuyền trưởng cao lớn có đôi vai rộng, mặc bộ quân phục màu trắng, để bộ ria vểnh ngược lên trên theo kiểu cũ, ông bước xuống từ bậc tam cấp của ngôi nhà gỗ và đi xuyên qua vườn hoa như thế nào. Ông hơi cúi đầu, lắng nghe một thương nhân tên là Đê-mi-đốp nói điều gì đó. Có lẽ gã thương nhân nọ đòi tiền thịt bò hoặc tiền giặt quần áo gì đấy. Phía đằng kia thương cảng, trong đám tàu buôn lắp máy hạng nặng, có thể nhận ra một chiếc thuyền buồm nhỏ nhắn đẹp đẽ - Một chiếc thuyền phải đi từ Ác-khan-ghen-xcơ dọc theo bờ biển Xi-bê-ri đến Vla-đi-vô-xtốc mà như thế thì quá nhỏ bé.

Một sự việc chẳng lấy gì làm đặc biệt nhưng vô cùng quan trọng đối với tôi đã khiến tôi có thể nhìn thấy rõ những cảnh tượng mơ hồ kia.

... Hôm qua có một đoàn tàu hộ tống tàu vận tải vào cảng, tôi liền chạy ra bến cảng xem tàu nước ngoài bốc dỡ hàng hóa như thế nào.

Chao ôi, bến cảng của cái thành phố cổ xưa này phát triển nhanh chóng làm sao! Nó rộng lớn, chắc chắn, đẹp đẽ làm sao! Vô số máy cẩu hàng đang làm việc, chúng nhấc bổng những đụn hàng quân sự và phi quân sự từ trên cao xuống. Tôi đi dọc theo cầu tàu có đến hai cây số mà vẫn chưa đi ra khỏi khu vực làm việc của những máy cẩu hàng. Các công trình xây dựng bến cảng vẫn còn đang tiếp tục triển khai. Tôi đi đến chỗ tận cùng của cầu tàu và dừng lại, ngắm nghía toàn cảnh tựa như một đường cong cân đối của bến cảng. Giữa lúc đó, một chiếc tàu kéo loại nhỏ nổ máy ầm ĩ chạy vòng qua đầu một chiếc tàu lớn của Mỹ mang tên là Ha-ri-canh bắt đầu cập bến. Tôi thoáng thấy tên chiếc tàu kéo

là "Thiên nga" và trong óc chợt hiện ra ý nghĩ rằng cái tên đẹp đẽ này rõ ràng là đã trở thành tên thông dụng đối với các đội tàu trên biển Bắc. Hồi ấy còn có một chiếc tàu cũng mang cái tên ấy, các bạn bè và người nhà của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp đã đi trên chiếc tàu này ra thuyền buồm, ôm hôn ông lần cuối và chúc ông "Ra đi may mắn và thành công". Có phải chính đó là con tàu mà một bài báo nào đó đã gọi nó là "chiếc tàu phá băng đầu tiên của nước Nga" không? Tất nhiên là không phải.

Một thủy thủ đang lăn thùng dầu trên sàn tàu, tôi nhờ anh ta gọi thuyền trưởng ra. Lát sau, một chàng trai chạc hai mươi lăm tuổi, mặt đỏ hồng, mặc bộ quần áo công nhân màu xanh, vừa cầm khăn lau dầu trên tay vừa theo người thủy thủ đi ra sàn tàu.

- Đồng chí thuyền trưởng, có một vấn đề lịch sử tôi muốn nhờ đồng chí giải đáp giúp, - tôi lên tiếng trước. - Chiếc tàu kéo này của đồng chí hồi trước cách mạng cũng mang tên là "Thiên nga" phải không?

- Vâng, đúng thế.

- Nó được hạ thủy vào năm nào nhỉ?

- Năm 1907.

- Từ trước đến nay nó chỉ mang một tên?

- Vâng, chỉ mang một tên.

Tôi giải thích cho anh ta rõ nguyên nhân của vấn đề tôi đặt ra. Anh ta chăm chú ngắm nghía con tàu của mình với cái vẻ đầy tự hào, tuồng như từ trước đến nay chưa bao giờ anh ta nghi ngờ về cái vị trí mà con tàu của anh ta sẽ chiếm giữ trong lịch sử tàu bè nước Nga. Chuyện cũng kỳ khôi, nhưng quả thực là việc gặp được tàu "Thiên nga" đã khiến tôi hết sức phấn chấn, vui vẻ. Tuy

tôi đã rất quen thuộc với đời sống của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp, nhưng tôi vẫn chưa rõ trang cuối cùng của cuộc đời ông.

"Sự việc còn chưa kết thúc, - vị thuyền trưởng trẻ tuổi có bộ mặt hồng hào như nói với tôi. - Biết đâu sẽ có một ngày nào đấy, anh sẽ tìm thấy trang cuối cùng của cuộc đời Ta-ta-ri-nốp và anh sẽ đọc hết nó".

Lần thứ ba tôi đến gặp trưởng phòng cán bộ, yêu cầu ông cử tôi về trung đoàn, nếu không được thì tôi đến gặp thủ trưởng bộ đội hàng không của hạm đội Phương Bắc để nhận công tác.

Hình như ông đã biết rõ tình cảnh riêng và chung của tôi, nên sau một lúc im lặng ông hỏi tôi bằng một giọng hết sức nhân ái:

- Nhưng sức khỏe của cậu thế nào?

Tôi trả lời rằng sức khỏe của tôi đã được hoàn toàn hồi phục. Đấy là những lời nói đúng sự thực hay căn bản là đúng sự thật. Vì khi ở miền Bắc tôi cảm thấy tốt hơn bất cứ là ở miền Nam, miền Đông hay miền Tây.

- Thôi được, trong lúc này thà làm được ít còn hơn là chẳng làm gì. Mình sẽ bố trí để cậu có công ăn việc làm, - tuy câu nói của ông ta có vẻ nước đôi nhưng lại rất hợp lý.

Tất nhiên ý ông ta là sẽ giao cho tôi công việc dưới mặt đất. Tôi chăm chú nhìn bàn tay già nua nhưng còn chắc khỏe của ông viết tên tôi lên trang giấy của quyển sổ nhân sự và bên dưới tên tôi, ông gạch hai nét bút rất đậm. Tôi nghĩ bụng: "Mặc xác tất cả, có gì mình cũng sẽ tìm cách để thay thôi!".

## Chương 3

# Tự do săn lùng

Mọi thứ đều rất tốt đẹp. Đại úy trở về trung đoàn. Trung đoàn trưởng giới thiệu anh ta với tất cả các đồng chí trong tổ bay. Sĩ quan hoa tiêu là một anh chàng người Lát-vi trầm lặng, anh ta ngậm chiếc tẩu khá to và mặc chiếc quần rộng thùng thình. Liệu anh ta có thay thế được Lu-ri thân yêu đã hy sinh không?

Trong hàng ngũ các phi công, đại úy nhận ra khá nhiều người là học viên cũ của Trường Hàng không Ba-la-sốp. Anh ta sống cùng với nhóm bay của mình trong một gian nhà gỗ mới dựng rộng thênh thang. Cảnh sắc bên ngoài cửa sổ khiến anh ta chợt nhớ đến thời trẻ đã đi qua trong một thị trấn nằm ngoài vòng Bắc cực.

Anh ta hết sức ngạc nhiên khi nhận thấy hầu hết các phi công đều có biết mình, thậm chí họ còn nêu ý kiến rằng nếu không thưởng Huân chương cho anh ta thì đấy là một việc không công bằng - tất nhiên đó là những ý kiến không có căn cứ. Cứ thế, mọi việc đến với anh ta đều rất tốt đẹp. Nhưng thực ra vấn đề không giản đơn như thế. Tỉ dụ như tối nào anh ta cũng thức

đọc đi đọc lại bức thư của bệnh viện trưởng Pe-rư-skin từ làng Lúp-ni đại gửi đến cho anh ta. Trong bức thư ấy, ông bệnh viện trưởng viết rằng, theo chỗ ông ta biết thì Ê-ca-tê-ri-na I-va-nốp-na Ta-ta-ri-nô-va Gri-gô-ri-e-va đã rời khỏi trại trẻ vào hồi tháng năm, nghĩa là vào trước lúc trại trẻ chuyển đi Nô-vô-xi-biếc. Về tin tức của bà và cháu bé Pê-chi-a thì không hiểu tại sao ông ta chẳng viết dòng nào cả.

Một vấn đề không đơn giản khác nữa là Bộ tư lệnh Hàng không cử viên đại úy này về công tác trong một trung đoàn phóng ngư lôi, nên anh ta phải học từ đầu các thứ kỹ thuật mới.

Còn một vấn đề khác nữa là lòng quyết tâm của anh ta, lúc này đã bị lung lay. Ngay trong chuyến bay đầu tiên anh ta đã cảm thấy rằng mình đã trở nên xa lạ với miền Bắc, xa lạ đến nỗi quên bẵng mất cái "cảm giác mặt đất" luôn luôn không giống nhau giữa nơi này và những nơi khác.

Nhưng tất cả những điều đó đều chưa có gì gọi là xúi quẩy. Ngoài những việc tự nó đến, không sao có thể tránh khỏi ấy, mọi việc đều có thể cứu vãn được.

*

* *

Tuy các trận không chiến ở vùng trời phương Bắc rất lý thú song tôi sẽ không kể nhiều. Bay ở phương Bắc, ngoài những khó khăn và nguy hiểm thông thường, còn phải chịu đựng cái khí hậu tai ác của miền Bắc cực mà hàng năm có đến sáu tháng "đêm Bắc cực". Vì thế, không còn nơi nào có đủ điều kiện hơn vùng này để các phi công Nga thể hiện bản lĩnh cao cường của mình. Một sĩ quan không quân Anh nói với tôi: "Chỉ có người Nga mới có thể bay ở đây"... Rõ ràng là câu nói ấy có phần quá trớn, song chúng tôi không chút hổ thẹn về công việc của mình.

Tình hình không chiến ở vùng trời miền Bắc phức tạp hơn các khu vực khác nhiều. Các đoàn tàu vận tải của bọn Đức luôn luôn vận hành sát bờ biển dựng đứng, ở những quãng mực nước vừa đủ sâu. Muốn đánh đắm những đoàn tàu ấy là rất khó khăn, chẳng những vì nói chung đánh đắm tàu vận tải là việc không phải dễ, mà còn vì không thể, hoặc hầu như không thể bay vượt qua bờ biển dựng đứng và sau đó lập tức nhằm đúng vào các mục tiêu. Có đến 180 độ chúng tôi không thể nào sử dụng được. Nếu không tin thì bạn cứ thử xem, trong điều kiện chỉ dùng một nửa hướng vị (180 độ) để công kích mục tiêu, đồng thời phải cố hết sức bay thật thấp qua ngay trên mục tiêu để các quả ngư lôi ném xuống rơi trúng đích, thì bạn sẽ biết là khó đến như thế nào. Lại thêm nữa là các đoàn tàu ấy không phải chỉ bó tay ngồi không, chúng vận hành cùng với những hạm tàu hộ tống có đầy đủ pháo cao xạ, súng máy và pháo lớn sẵn sàng nhả đạn vào máy bay. Trong cuộc chiến đấu sống còn ấy, chỉ có lao thẳng vào kẻ thù và tiêu diệt chúng!

Nếu kể kết mọi chi tiết trong cuộc sống của chúng tôi ở đây thì sẽ đem đến cho người nghe cảm giác đơn điệu. Bởi vì lúc nào cũng chỉ có chuyện bay, thảo luận, học tập và diễn tập, mà kỳ thực diễn tập cũng là bay. Chúng tôi ăn cơm trong một gian nhà gỗ dài hun hút. Trong lúc ăn, câu chuyện trao đổi cũng chỉ xung quanh chuyện bay. Buổi tối, mọi người tụ tập vào câu lạc bộ sĩ quan, chính mắt tôi đã chứng kiến lễ khai trương câu lạc bộ này. Đám trẻ đặc biệt thích nó. Và mới đó, họ còn xông pha nơi khói lửa nguy hiểm, thế mà bây giờ đã vui vẻ nhảy với các cô gái. Trong chốc lát mọi người trở nên hết sức nhẹ nhõm. Trong những buổi dạ hội như thế này, các nữ hạ sĩ quan được phép mặc thường phục.

Những thay đổi như vậy trong cuộc sống tự nó nói lên rằng

bản thân nó không hề đơn điệu, vô vị chút nào, mà ngược lại còn rất sinh động phong phú và nhiều màu vẻ. Thực ra cuộc sống của chúng tôi trong giai đoạn này chứa đựng biết bao nhiêu điều kỳ diệu hệt như trong thần thoại. Các cuộc không chiến tuy đã kết thúc, song dư âm của nó vẫn như còn ngân vang trong cơ thể của những chiếc máy bay đã dần dần nguội lạnh đi trong sương đêm sau những chuyến bay trên mặt biển mênh mông.

Như tôi vừa kể, đám trẻ đặc biệt mê thích câu lạc bộ. Toàn trung đoàn, ngoài ba bốn "ông già" cỡ ngoài ba mươi như tôi ra, còn thì toàn là trai trẻ cả. Người chỉ huy trung đoàn chúng tôi là một thanh niên mặt đỏ hồng, mũi kiểu mỏ chim ưng và đôi mắt hết sức sắc sảo. Anh là anh hùng Liên Xô, tuổi trạc hai mươi bốn. Mọi người gọi anh bằng cái tên Pê-chi-a rất tùy tiện, bởi ngoài cái tên ấy ra không ai biết còn có thể gọi anh bằng tên nào khác nữa.

Sau khi đến Bắc cực, tôi gặp khá nhiều chuyện không ngờ. Trong cuộc chiến tranh này, lớp phi công mới trưởng thành rất nhanh chóng, thậm chí có một số mặt chúng tôi phải học tập trở lại họ. Không hiểu sao, nói chung người ta vẫn nghĩ rằng giữa "hai thế hệ bố và con" có một cái hố ngăn cách. Nhưng rõ ràng là giữa hai thế hệ chúng tôi không có cái hố nào ngăn cách cả, mà chỉ có một số khác biệt. Ví như, ở đây, tôi không còn tỏ ra quá thận trọng, rụt rè như trước nữa mà luôn luôn lao thẳng vào những nhiệm vụ khó khăn nguy hiểm. Điều đó không phải là không có nguyên do.

Có lẽ bởi tôi đã "trẻ lại" quá nhiều nên thần vận mệnh đã từng rất nghiêm khắc với tôi hồi đầu chiến tranh, nay đã thay đổi hẳn thái độ.

Vào giữa tháng Bảy, tôi vẫn thường xuyên mang bom đi oanh

tạc vùng Ki-rơ-ki-nét, qua phim chụp được thấy kết quả khá tốt. Đến đầu tháng Tám, tôi đề nghị trung đoàn trưởng cho phép "tự do săn lùng" kẻ địch. Ý nghĩa của loại hoạt động này là trong điều kiện không nắm được tình hình địch, bay thẳng vào các vùng thường có tàu bè của bọn Đức đi lại để tiêu diệt chúng. Có một lần, tôi xuất kích cùng một đồng chí trung úy, đã bắn chìm được một tàu vận tải bốn nghìn tấn của địch. Nói cho đúng ra thì chiếc tàu ấy là bị đồng chí trung úy bắn trúng. Vì quả thủy lôi do tôi phóng xuống, lao chệch sang một bên mạn tàu và sau đó chạy xiên sang phía bên trái. Qua cuộc chiến đấu đó chúng tôi được tôi luyện thêm lên, đặc biệt là cái chân bị thương cũ của tôi, nó đã tỏ ra rất khá. Mặc dù đại đội trưởng (trước kia khi còn học ở Trường Hàng không, đã có lần tôi suýt khai trừ anh ta ra khỏi đội vì động tác bay vòng của anh ta không chính xác) đã cố gắng chứng minh rằng vì cái chân ấy mà tôi đã "không bắn chìm được tàu địch" trong cuộc họp bình công. Song bản thân tôi vẫn cảm thấy rất thỏa mãn. Hai ba ngày sau anh ta lại lặp lại một lần nữa nhận xét của mình vì hôm ấy tôi đã cho máy bay bay thấp qua tàu địch, đuôi máy bay vướng vào đoạn dây điện căng cao trên tàu và mang cả đoạn dây ấy về sân bay. Có điều là lần ấy tôi đã bắn được chiếc tàu vận tải, đấy là chiến quả đầu tiên của tôi. Vì vậy, tuy nhận xét của anh ta chưa mất hết tính hoàn chỉnh của nó, nhưng nó cũng chỉ còn giá trị về mặt lý thuyết mà thôi.

Đến trung tuần tháng Tám tôi lại bắn chìm một tàu vận tải sáu nghìn tấn được một tàu bảo vệ và một khu trục hạm đi theo hộ tống. Lần ấy tôi xuất kích cùng với đại đội trưởng, điều khiến tôi lý thú là trong khi chiến đấu tôi đã phát hiện ra rằng chính anh ta bay còn thấp hơn cả tôi. Song anh ta không hề vì thế mà tự cảnh cáo mình.

Cuộc sống của tôi lúc ấy là như thế, nói chung lại là không xoàng. Đến cuối tháng Mười, Tư lệnh bộ đội Hàng không của hạm đội tặng cho tôi huân chương A-lếch-xan-đrơ Nép-xki.

Tôi đã kết bạn với khá nhiều người ở thành phố N. Anh chàng phi công hoa tiêu trầm lặng, ít nói, ít hoạt động, mặc chiếc quần rộng thùng thình và miệng luôn luôn ngậm chiếc tẩu thuốc lá là một trong số những người đó. Anh ta là một người thông minh, hiểu biết rộng. Anh ta quả là rất ít nói, trong khi bay thì hầu như không bao giờ mở miệng, nhưng khi trả lời câu hỏi "Hiện giờ chúng ta đang ở đâu?" thì anh ta trả lời rất rõ ràng và chính xác, chính xác đến nỗi tôi phải kinh ngạc. Phương pháp đột nhập mục tiêu của anh ta khiến tôi rất thích thú. Tuy tính tình của chúng tôi không giống nhau, nhưng điều đó không hề ảnh hưởng đến tình bạn thắm thiết giữa những người bạn chiến đấu đồng cam cộng khổ chúng tôi. Nếu phải hy sinh thì chúng tôi sẽ cùng hy sinh vào một ngày, một thời khắc như nhau. Là những người có thể chết cùng nhau, họ có cùng chung một sinh mạng.

Ở thành phố N., tôi không phải chỉ quen thân có mỗi anh chàng hoa tiêu. Nhưng mối tình bạn của anh ta đối với tôi không phải là mối tình bạn sâu sắc gắn bó nhất. Bắt đầu từ thời kỳ ấy tôi giữ lại không gửi rất nhiều thư, tôi làm như vậy không phải là không có ý đồ, tôi hy vọng sau chiến tranh sẽ cùng Ca-chi-a đọc lại tất cả những bức thư ấy.

Nhưng trong lúc đó, có một người bạn của tôi, một người bạn chí thân ở sát ngay bên cạnh tôi mà tôi không biết. Ông ấy ở gần tôi đến nỗi chỉ cần đáp thuyền máy khoảng hai mươi phút là đã có thể ôm hôn ông ta và tâm sự với ông ta tất cả những gì tôi đã viết trong những lá thư cho Ca-chi-a mà chưa gửi đi.

## Chương 4

# Bác sĩ làm việc ở thành phố Bắc cực

Tôi nằm mơ suốt đêm. Hình như tôi lại bị thương một lần nữa. Bác sĩ I-van I-va-nứt khom lưng đứng cạnh tôi. Tôi muốn nói với ông ta: "A-bram, bão tuyết, uống rượu", nhưng tôi không tài nào nói ra tiếng được. Tôi đã thành người câm. Tuy tôi thường gặp những cơn mê như thế, nhưng đây là lần đầu tiên cái cảm giác mình bị câm hiện ra rõ ràng nhất trong cơn mê.

Hôm ấy tôi dậy sớm hơn giờ qui định. Trong những phút ngái ngủ, mọi thứ đều cảm thấy và đều biết. Nhưng bản thân lại cứ tự cưỡng mình không cảm thấy và không biết gì cả. Tôi bắt đầu nghĩ đến bác sĩ và chợt nhớ đến chuyện bác sĩ tìm ra mặt trận thăm con trai do Rô-ma-sốp kể lại. Tôi không thể nào tự giải thích nổi hiện tượng này, chỉ biết rằng trong lúc hồi nhớ lại, có một cái gì đó mơ hồ đã tồn tại từ lâu và làm cho tôi không yên tâm. Tôi nhớ lại những lời kể của Rô-ma-sốp và sực nhớ hắn có nói rằng bác sĩ làm việc ở thành phố Bắc cực.

Cuộc nói chuyện ấy xảy ra trên tàu, hồi ấy tôi ngỡ đấy chỉ là những lời hươu vượn. Thử nghĩ mà xem, bác sĩ có thể rời bỏ cái

thành phố mà ở đó, cả những con hươu khi gặp ông cũng quay đầu nhìn đầy thiện ý hay không? Lẽ nào ông có thể rời bỏ ngôi nhà thân yêu nằm trên đường phố mang chính tên của ông? Ông không thể nào rời bỏ những con người yêu mến quí trọng ông, gọi ông là "sứ giả trừ giun" và từ xa đến cầu cứu ông. Bác sĩ không làm việc ở thành phố Bắc cực, Rô-ma-sốp nhầm rồi, mà chính là ông làm việc ở thành phố Da-pô-li-a-ri-e.

Nhưng sau đó không biết tại sao tôi lại nghĩ rằng: "Nhưng nhỡ Rô-ma-sốp nói đúng thì sao?".

Thành phố Da- pô-li-a-ri-e ở rất xa, chẳng lẽ năm 1941 bác sĩ đã từ đó về Lê-nin-grát hay sao? Còn như nếu ông làm việc ở thành phố Bắc cực này thì có nghĩa là tôi đã sống bên cạnh người bạn cũ thân yêu ấy những ba tháng nay rồi?

Đồng chí trực ban bước vào phòng nói khẽ:

- Các đồng chí, dậy thôi!

Thấy cử chỉ vội vàng của tôi, một tay gài thắt lưng quần, một tay với chiếc áo khoác một cách lúng túng, anh ta chăm chăm nhìn tôi.

Thật tuyệt, chính ngày hôm ấy, trong cùng một thời khắc, bác sĩ đã nghĩ đến tôi. Sau này, khi gặp nhau, ông cứ cố thuyết phục tôi tin điều đó. Hôm qua ông đã biết tin tôi sẽ được thưởng Huân chương, còn tôi lúc đầu không tin vì nghĩ rằng: "trên đời này thiếu gì người cùng họ Gri-gô-ri-ép". Thế mà sáng sớm ngày hôm sau, lúc còn nằm trên giường ông đã cầm chắc rằng người đó là tôi. Và thế là cũng như tôi, ông lao ngay đến chỗ đặt máy điện thoại.

- Bác I-van I-va-nô-vích! - Tôi gọi rõ to. Ngay lúc đó vang lên trong ống nghe một giọng khàn khàn rất khó tin được rằng đó là tiếng nói của I-van I-va-nô-vích. Giọng nói đó như đang cố vượt

qua một cách vất vả những cơn xoáy của ngọn gió thu đang quần đảo trên bầu trời buổi sáng để bay đến tai tôi. - Gri-gô-ri-ép đây. Bác nghe rõ tiếng cháu nói không? Xa-nhi-a đây!

Giọng nói khàn khàn đã trở nên đều đều và quen thuộc. Không biết ông ta có biết cái tin tôi bị mất tích trước đây hay không. Tôi cố gào thật to, cô gái phụ trách tổng đài hình như cảm thông nỗi sốt ruột của tôi, bèn lên tiếng:

- Bác sĩ trung tá quân y Pa-vơ-lốp báo cáo.

- Có gì mà báo với chả cáo, nhờ chị nói hộ với bác ấy tôi là Xa-nhi-a.

- Vâng, tôi sẽ nói ngay, - cô ta đáp. - Tôi muốn hỏi anh hôm nay có bay không?

Tôi hết sức ngạc nhiên.

- Việc này có quan hệ gì đến chuyện bay đâu? Nhờ chị nói hộ tôi là Xa-nhi-a.

- Tôi đã nói anh là Xa-nhi-a rồi, - giọng cô tổng đài pha chút bực dọc. - Tối nay anh có bay đi thành phố N. không, và có thể tìm gặp anh ở đâu?

- Tôi sẽ bay! - tôi hét lên. - Mời ông ấy đến câu lạc bộ sĩ quan. Rõ chưa?

Cô tổng đài không nói gì nữa. Trong ống nghe vang lên một tiếng động xê dịch đồ đạc và sau đó là một giọng nói hình như của người khác chứ không phải cô ta:

- Ông ấy sẽ đến!

Tôi vốn định nhờ bác sĩ ghé qua Phòng Chính trị xem có thư của tôi không, vì địa chỉ của tôi ghi trong các thư gửi đi đều là Phòng Chính trị thành phố Bắc cực. Nhưng sau đó chẳng nghe thấy gì nữa.

Được biết bác sĩ ở đây và được biết nếu hôm nay không mưa bão thì tôi đã có thể đến gặp ông. Tôi mừng rỡ vô cùng. Song có một vấn đề đối với tôi trước sau vẫn là một bí ẩn: Tại sao khi đến câu lạc bộ sĩ quan tôi được uống rượu nho trắng trước, sau đó uống rượu đỏ và cuối cùng lại là rượu trắng vân vân. Tuy uống nhiều nhưng cũng không xảy ra chuyện gì đáng tiếc. Mấy cô gái giữa các hiệp nhảy sà vào ngồi cạnh bàn tôi. Tôi giải thích cho các cô biết rằng, nếu biết nhảy thì đời tôi đã khác hẳn bây giờ, chắc chắn là đã phong phú đẹp đẽ hơn nhiều. Nghe xong các cô cười phá cả lên. Nguyên nhân đẻ ra những điều bất hạnh này đều ở chỗ bình sinh tôi không biết nhảy.

Thực ra những điều tôi nói không có gì đáng cười cả. Ngay như cậu hoa tiêu của tôi kia cũng có thói quen riêng. Cậu ta ngồi đối diện với tôi và mồm luôn ngậm tẩu thuốc to tướng, ra chiều như đang suy nghĩ rất lung. Những điều tôi nói đều là sự thực cả, và tôi nói rất nghiêm chỉnh. Thế mà không hiểu tại sao các cô cứ cười phá lên.

Ngồi trong câu lạc bộ sĩ quan, lòng tôi không khỏi áy náy, nhưng tinh thần thì rất phấn chấn. Lúc ấy ở cửa ra vào chợt xuất hiện một sĩ quan hải quân cao to đã đứng tuổi. Ông ta thận trọng đi lách qua các dãy bàn. Tôi đoán đấy chính là bác sĩ I-van I-va-nô-vích.

Có thể đã có lúc tôi suy nghĩ rằng ông ấy đã già đi nhiều, lưng đã còng và râu đã bạc. Nhưng những ý nghĩ đó chỉ là những suy tưởng viển vông. Thực ra ông vẫn là người bác sĩ thần bí khó hiểu thời niên thiếu của tôi. Ông đẩy chiếc kính lên trán và đâm sầm về phía tôi, như thể muốn lập tức khám phá hoặc bắt tôi thè lưỡi ra để khám.

- Thưa bác sĩ, tôi muốn mời bác sĩ đến khám cho một bệnh

nhân, - tôi nói giọng nghiêm trang. - Đây là một ca rất lý thú! Bệnh nhân này chỉ biết nói có sáu tiếng: gà, yên, hòm, bão, uống và A-bram!

- Xa-nhi-a!

Chúng tôi ôm chầm lấy nhau, nhìn nhau chăm chắm rồi lại ôm chầm lấy nhau.

- Bác I-van I-va-nô-vích thân yêu, cháu hơi bị say rồi phải không? - Tôi cất tiếng hỏi. Tôi nhận thấy một nét buồn lướt trên bộ mặt hiền hậu đến mức ngớ ngẩn của ông. - Chúng tôi bị rét cóng trên sân bay, nên... Nào, xin giới thiệu, đây là thiếu tá Ô-dô-lin!

- Xa-nhi-a, anh đến đây đã lâu chưa? - Bác sĩ hỏi... Lúc đó người hoa tiêu đang nói lắp bắp gì đó rồi cáo lui vì sợ cản trở cuộc nói chuyện của chúng tôi. - Xa-nhi-a, sao chúng ta lại có thể xa nhau lâu đến thế nhỉ?

- Đã ba tháng rồi đấy nhỉ? Đây là sai lầm của cháu.

- Chẳng lẽ anh không biết tôi đang sống ở Bắc cực hay sao? Tôi chẳng để địa chỉ lại cho Ê-ca-tê-ri-na I-va-nốp-na rồi còn gì!

- Để địa chỉ lại cho ai kia ạ?

Có lẽ các thớ thịt trên mặt tôi khẽ rung lên, bác sĩ sửa lại kính và ngạc nhiên nhìn tôi:

- Để lại cho vợ anh chứ còn ai nữa, - ông nói giọng rất dè dặt. - Tôi nghĩ rằng cô ấy rất khỏe mạnh. Hồi còn ở Lê-nin-grát tôi có đến chỗ cô ấy.

- Bác đến vào lúc nào ạ?

- Tháng Tám năm ngoái. Hiện giờ cô ấy ở đâu? Ở đâu hả? - Ông quay hẳn người lại phía tôi và lo lắng hỏi dồn.

- Cháu cũng không biết. Bác nhấp tí rượu nhé?

Không chờ câu trả lời, tôi đã cầm bình rượu lên.

- Thôi, Xa-nhi-a, - bác sĩ nói giọng dịu dàng. Ông đẩy chiếc cốc của mình ra ngoài trước rồi đẩy chiếc cốc của tôi ra theo. - Hãy kể cho tôi nghe hết thảy mọi chuyện của anh đi đã. Anh còn nhớ Vô-lô-đi-a không? Nó hy sinh rồi, - đột nhiên ông báo cho tôi biết cái tin buồn ấy, tuồng như muốn khơi nguồn cho tôi tâm sự vậy. Lúc này đôi mắt sau lần kính của ông đã long lanh hai ngấn lệ.

Hai chúng tôi cùng ngồi cúi đầu im lặng dưới ánh đèn sáng trưng và dầy những âm thanh huyên náo của câu lạc bộ sĩ quan. Đội nhạc tấu lên những điệu "van-xơ" quen thuộc, tiếng kèn đồng xả hơi ầm ĩ quá mức làm rung động cả căn nhà gỗ không lấy gì làm rộng lớn này.

Các phi công trẻ đi lại, nói cười với nhau trên dãy hành lang giữa buồng ăn và phòng khách. Anh chàng phi công khoảng hai mươi tuổi có đôi vai rộng, cặp lông mày rậm này có lẽ ngay trong đêm nay thôi sẽ chạm trán với thần chết trên mặt biển lạnh lẽo và yên tĩnh, trong những đám sa mù dày đặc. Thần chết len vào chiếc ghế ngồi của anh ta như một người chủ... Tuồng như có một cái gì đó rất khó chịu, tựa như một hòn đá to nhọn chẳng hạn lọt vào giữa cuộc sống êm đẹp của chúng tôi. Vô-lô-đi-a đã từng làm thơ và mãi tới bây giờ tôi vẫn còn nhớ bốn câu thơ "Chú bé Sôn-ca đi từ trường về nhà". Đó là một con người tự tin và hãnh diện, khi đoàn kịch Mát-xcơ-va đến biểu diễn ở thành phố Da-pô-li-a-ri-e, cậu ta đã được lên tặng hoa cho các diễn viên để tỏ sự hoan nghênh. Bác sĩ đã có một người con như thế, và đấy là điều hạnh phúc của ông. Thế mà giờ đây, ông đang ngồi cúi đầu ủ rũ trước mặt tôi, cố kìm không cho nước mắt trào ra.

- Rốt cuộc Ca-chi-a ở đâu? Chị ấy ra sao?

Tôi kể cho ông nghe chuyện bị đứt liên lạc giữa hai chúng tôi.

- Trời đất! Chuyện là chuyện anh mất tích chứ không phải chị ấy! - bác sĩ kêu lên giọng kinh ngạc. - Chính là anh đã đổi địa điểm ba lần trên ba biển, sau đó bị thương, nằm bệnh viện chứ không phải chị ấy. Chị ấy vẫn còn sống sờ sờ ra đấy kìa! - Ông nói giọng nghiêm trang. - Chị ấy đi tìm anh có thể nói là suốt ngày đêm. Chị ấy nhất định phải tìm được anh, nếu không thì tôi sẽ không hiểu nổi thế nào là người phụ nữ trong tình yêu. Bây giờ anh rót rượu đi, chúng ta sẽ cạn cốc chúc mừng sức khỏe Ca-chi-a...

Đến lúc này những việc chính chúng tôi đều đã đề cập đến. Chúng tôi đều nhận thức được một cách đau khổ rằng tuy tôi chưa tìm được vợ, không biết nàng sống chết ra sao, và tuy con bác sĩ đã mất, cuộc sống vẫn tiếp tục bước tiếp những bước đi bình thường của nó. Hai chúng tôi đau khổ mãi, chưa dứt được ngay với những ám ảnh đau lòng. Những việc không may xảy ra trong mấy năm gần đây nhiều quá, nhiều đến nỗi có lúc tưởng chừng không sao chịu đựng nổi. Song chúng tôi cùng có chung một niềm hứng thú say sưa, khi nỗi buồn khổ vừa lùi xa, niềm hứng thú ấy lập tức len vào câu chuyện của chúng tôi.

Dĩ nhiên niềm hứng thú ấy đổ dồn vào phương Bắc. Chúng tôi như hai thầy thuốc già dặn đang đứng trước giường bệnh nhân, bàn với nhau cách bảo vệ, giữ gìn phương Bắc và cách biến nó thành nơi đẹp đẽ, vui thú và mến khách nhất thế giới. Tôi kể cho bác sĩ nghe về những người bạn chiến đấu cùng trung đoàn của tôi, về lớp trẻ hiện nay. Tuy họ chiến đấu rất giỏi nhưng lại rất ít suy nghĩ đến tương lai của vùng đất phía Bắc này. Còn về quá khứ của nó thì họ càng ít nghĩ đến hơn nữa.

- Họ không nghĩ đến nhiều vì thì giờ ít quá, - bác sĩ nói.

Ông nhắc đến anh em của bà An-na Xtê-pa-nốp-na. Trước kia hai anh em phục vụ trên tàu vận tải, nhưng giờ đây đã trở thành những người lính thủy chiến đấu rất dũng cảm trên hạm săn tàu ngầm, tuồng như họ vốn là con nhà hải quân vậy.

- Không, mọi sự nỗ lực đều không vô ích, - ông qui kết. - Về vấn đề phương Bắc, như Men-đe-lê-ép đã nói là mặt chính của ngôi nhà chúng ta. Đối với mình, điều này chưa bao giờ rõ ràng như trong thời gian chiến tranh hiện nay!

Đã đến lúc phải đi ra. Trong nhà ăn lúc này chỉ còn lại hai chúng tôi. Bác sĩ chưa có chỗ ngủ nên cần về sớm một chút để tìm cho ông một chỗ ở trung đoàn.

Nói chung, buổi tối đã trôi qua. Điều đó là hiển nhiên. Song chúng tôi không cam tâm công nhận. Vì cho đến lúc này, chúng tôi vẫn chưa nói được gì với nhau, tuy chỉ là một phần mười những chuyện cần nói! Nhưng không có cách nào hơn. Chúng tôi bước xuống cầu thang gác và khoác chiếc áo ấm quân phục lên người. Cả cái thế giới ấm cúng, sáng trưng, ngây ngất hơi men đã rơi lại phía sau, trước mắt bày ra quang cảnh tối mò như xi đen đánh giày của thành phố. Những ngọn gió bấc thô bạo, khó chịu, luồn lỏi, vần vũ khắp thành phố.

## Chương 5

# Cạn cốc vì những người trên mặt biển

Các nhân vật chính ở vùng này là những thủy thủ của các tàu ngầm. Vì chẳng những trong thời kỳ đầu chiến tranh họ đã phải gánh vác nhiều nhiệm vụ nặng nề hơn tất cả các đơn vị trong hạm đội Bắc cực, mà còn vì cách sống cùng những đặc điểm trong cuộc chiến đấu căng thẳng của họ. Họ đã mang đến cho đời sống của thành phố những dấu ấn đặc biệt. Không ở đâu có thể có một mối quan hệ tuyệt đối bình đẳng như giữa các chiến sĩ tàu ngầm. Hoặc là họ sẽ cùng hy sinh, hoặc là cùng giành thắng lợi với nhau. Tất cả mọi lao động quân sự đều nặng nhọc, nhưng lao động quân sự của các chiến sĩ tàu ngầm còn nặng nhọc khó khăn hơn. Nếu có ai đó đổi cho tôi mười chuyến bay nguy hiểm để lấy một cuộc "hành quân ngầm", tôi cũng không muốn đổi. Hồi còn bé tôi đã từng nghĩ rằng giữa những người làm việc và chiến đấu trong lòng nước nhất định có một giao kèo. ngầm bí mật náo đó, tựa như lời thề giữa tôi với Pê-chi-a.

Cuối tháng Tám năm 1942, tôi cùng với một đồng chí đại úy bắn chìm chiếc tàu vận tải thứ ba của bọn Đức. Và chiếc hạm nổi tiếng của đồng chí PH. được sự hợp sức của tôi, đã đánh chìm chiếc thứ tư. Quá trình diễn biến của cuộc chiến đấu này thực ra không đáng nêu ra đây. Lúc ấy máy bay của tôi không còn một viên đạn nào, điều duy nhất mà tôi có thể làm được là báo cáo tọa độ của tàu giặc cho Bộ tư lệnh. Song đồng chí PH. lại muốn tôi cùng hưởng cái con lợn quay ấy, và giờ đây câu chuyện mà tôi kể đến là xảy ra từ con lợn quay ấy.

Ai cũng biết rằng, trong hải quân có một truyền thống nổi tiếng là sau khi đánh đắm tàu địch, đơn vị sẽ mở bữa tiệc lớn và trong bữa tiệc đó, thủ trưởng sẽ đãi những người anh hùng chiến thắng một con lợn quay. Chỉ riêng ngày hôm qua một tàu vận tải, một hạm hộ tống và một hạm khu trục của bọn Đức đã về chầu Diêm vương nơi đáy biển. Vì thế những người anh nuôi tốt bụng đầu đội mũ trắng đã khiêng vào phòng ăn không phải một mà là ba con lợn quay. Bàn ăn được xếp theo hình chữ U. Đồng chí thượng tướng, tư lệnh hạm đội Phương Bắc ngồi đằng sau chiếc bàn giữa.

Đồng chí thượng tướng nâng cốc đứng dậy. Lần chạm cốc đầu tiên là để mừng chiến thắng của đồng chí chỉ huy cùng các binh sĩ của anh. Tôi nhìn sang phía đồng chí chỉ huy - đã có lần anh đến đơn vị tôi - bất giác nhớ đến cái dáng và những động tác hăng hái, trẻ trung của anh khi anh nhận lệnh của trung đoàn trưởng qua điện thoại. Anh còn rất trẻ, chỉ lớn hơn tôi bốn tuổi... Tôi nghe tiếng anh từ hồi tôi còn ở Tây Ban Nha.

"Vì những chiến sĩ ngày đêm vận hành trên mặt biển..." Chúng tôi chạm cốc lần thứ hai. Tiếng cốc chạm vào nhau kêu lanh canh rất vui tai. Vì những người anh em đang lập nên công trạng

ở miền Bắc cực xa xôi và tối tăm, cạn cốc! Cạn cốc vì những chiến thắng quân sự, vì những trái tim đã bình tĩnh kiên định trong những giờ phút nguy cấp!

Lúc ấy đồng chí thượng tướng hải quân ngồi phía bên kia bàn đang nhìn tôi. Tôi ngồi hơi chếch về phía tay phải ông giữa những phóng viên được đặc biệt mời đến. Đồng chí PH. đang dùng dao và dĩa minh họa lại tình hình chiếc tàu giặc bị đánh đắm. Đồng chí thượng tướng nhìn tôi rất chăm chú và nói mấy câu gì đó với một người ngồi bên cạnh. Thế là, người ngồi cạnh thượng tướng, một đại đội trưởng của hạm đội bèn đứng lên, tuyên bố chạm cốc lần thứ ba. Anh đề nghị cạn cốc vì đại úy Gri-gô-ri-ép, vì anh "đã hướng dẫn hạm đội chúng ta tiến đến vùng biển có tàu vận tải của bọn Đức một cách rất tài tình". Và đồng chí thượng tướng làm một động tác nhỏ, tỏ ý chạm cốc với tôi...

Tối hôm ấy chúng tôi đã uống khá nhiều, giờ đây tôi không định kể lại tất cả mọi lần chạm cốc. Điều duy nhất tôi muốn nhắc đến là việc đồng chí thượng tướng bất thình lình đứng lên và đi ra phía cửa. Khi đi qua cạnh tôi, không để tôi kịp đứng lên, đồng chí đã cúi xuống nói khẽ:

- Đồng chí đại úy, mời đồng chí hôm nay đến chỗ tôi một chút!

## Chương 6

# Khoảng cách xa xăm

Máy bay đã cất cánh. Mưa phùn hòa lẫn trong sương mù, nếu ở trên mặt đất thì chúng tôi chẳng thèm đếm xỉa đến chúng. Nhưng bây giờ, chỉ mấy phút nữa thôi, chúng sẽ trở thành một bộ phận quan trọng trong chuyến bay của chúng tôi. Chuyến bay này cũng giống như những chuyến bay khác, chia làm hai phần: nhiệm vụ và những yếu tố cản trở việc hoàn thành nhiệm vụ.

Chúng tôi lượn một góc rất nhỏ, lọt vào tuyến bay.

Nhiệm vụ của chuyến bay này, hay nói theo cách của đồng chí thượng tướng "nhiệm vụ đặc biệt" của chuyến bay này là: một chiến hạm đặc biệt của bọn Đức (rõ ràng nó là một loại tuần dương hạm bổ sung) lọt vào vùng biển của ta, đánh phá cảng bí mật, hiện nay nó đang quấy rối ở phía đông. Nhiệm vụ của tôi là tìm ra nó và đánh chìm nó càng nhanh càng tốt. Vì có một đội tàu vận tải vật tư quân sự của ta đang tiến vào vùng biển phương Bắc và đang tiếp cận cảng bí mật. Tóm lại, trên vùng biển hòa bình, một chiến hạm to như thế có thể gây ra bao điều nguy hại là điều rất dễ nhìn thấy.

Tuy rất khó khăn, nhưng cuối cùng chúng tôi đã đưa máy bay lên độ cao năm nghìn năm trăm mét. Trên độ cao này, ngoài biển mây dày đặc bị khuấy nháo nhào lên như cháo, không còn một thứ gì khác.

Vấn đề ở chỗ: tìm và đánh đắm cho được nó. Nhiệm vụ trước phức tạp tới mức hầu như không thể nào so sánh được với nhiệm vụ sau. Khi tôi chữa lại vị trí toàn bộ các đảo ở phía đông trên bản đồ của thượng tướng, ông tỏ ra hết sức kinh ngạc.

- Trước kia đồng chí đã đến đây rồi à?

- Chưa bao giờ ạ.

Ông không hiểu được rằng, tôi có thể nói là đã đến, cũng có thể nói là chưa đến đấy. Bản đồ quần đảo Noóc-đen-sen-đơ này là do đội thám hiểm Noóc-đa hiệu chỉnh hồi trước chiến tranh. Tôi tuy chưa đến đây, nhưng thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp đã từng đến đấy. Vì thế, về mặt tư tưởng, tôi đã từng theo ông chu du hàng nghìn lần trên những hòn đảo ấy.

Bác sĩ I-van I-va-nô-vích nói rất chí lí: mọi sự cố gắng đều không vô ích! Cuộc sống như một dòng thác chảy ngầm trong lòng đất, nó xuyên qua bóng tối, qua sự yên tĩnh của đêm dài vô tận. Nó chảy lúc về hướng đông, lúc về hướng tây, lúc thẳng hướng, lúc lại như máy bay của chúng tôi đang xuyên qua các lớp mây, đột ngột lọt vào một khoảng trời trong, hướng về phía mặt trời và ánh sáng... Phải chờ đến khi lao được ra ngoài, mới cảm thấy hết rằng những sức lực bỏ ra là không vô ích!

Tôi luôn luôn nghĩ thế này: nếu tôi tìm được Ca-chi-a nếu chúng tôi chung sống ở phương Bắc thì rồi cuộc sống của chúng tôi sẽ như thế nào? Chắc chắn là những hôm như hôm nay trước khi tiến hành cuộc bay, vào lúc ba giờ đêm, tôi sẽ ghé qua nhà và

nàng sẽ thức dậy đón tôi với bộ mặt hồng hào, với đôi mắt ngái ngủ đáng yêu. Có lẽ lúc đó tôi sẽ đến bên nàng, hôn nàng và trong giây lát nàng liền hiểu ngay rằng lần này thượng tướng đã giao cho tôi một nhiệm vụ quan trọng và lý thú như thế nào.

Những ý nghĩ như thế đã đến với tôi hàng trăm hàng nghìn lần, nhưng không biết rồi đây còn có dịp thực hiện được không?

Cũng như dạo sống ở Xa-ra-bu-đơ, Lê-nin-grát, Vla-đi-vô-xtốc, sau khi bị tôi đánh thức, nàng ngồi cùng tôi uống cà phê. Nàng mặc chiếc áo khoác dài và tết tóc thành bím để tiện nằm. Trong lúc đang âu yếm nhìn tôi, nàng chợt đứng dậy và đi đâu đó, thì ra nàng đã để dành cho tôi một món ăn ngon - cả hai chúng tôi đều thích ăn quả anh đào cay hoặc quả ô-liu. Và sau đó cả tổ bay chúng tôi đều được ăn quả ô-liu hoặc quả anh đào cay và hết lời khen ngợi vợ tôi.

Đó là Ca-chi-a của tôi. Nàng là một con người thanh tao lịch lãm và hết sức cao thượng, ở nàng có một tình yêu nồng nàn say đắm mà đến lúc chết tôi cũng không sao quên được. Thế mà giờ đây, về nàng, ngoài cái điều duy nhất tôi có thể biết được là nàng không còn ở bên cạnh tôi nữa, tôi không được biết gì hơn. Dẫu sao, đấy cũng là một trong những nguyên nhân phải tìm cho ra tàu địch và tiêu diệt nó ngay.

- Đồng chí hoa tiêu, chú ý hướng bay!

Hướng bay của phi công và hướng bay của hoa tiêu lệch nhau ba độ. Khi chúng tôi bỏ ra khỏi túi những hộp sắt đựng thuốc lá, đèn pin, bật lửa, thì hướng bay hoàn toàn khớp nhau.

Tôi vừa mới nghĩ những gì nhỉ? À, nghĩ về Ca-chi-a. Tôi đang nghĩ đến mảnh đất mà tôi đang bay ở bên trên nó, đó là nơi mà tôi và nàng đã từng chuẩn bị đi đến mà mãi mãi vẫn chưa đến được.

Lúc đầu chẳng phải là tôi đã từng đinh ninh rằng rồi sẽ có một ngày tôi ngồi máy bay đến nơi này đấy sao? Chẳng phải tôi đã từng vạch ra đường bay này một cách hết sức chính xác, chính xác tới mức không lệch quá nửa độ đó sao? Và tuyến bay này chẳng phải là hoàn toàn giống như cảnh trong một giấc mơ hồi còn nhỏ của tôi, rằng các thủy thủ trên tàu "Xanh Ma-ri" đã phải nhắm nghiền hai mắt lại vì sợ ánh sáng chói chang ở vùng này đó sao? Họ bước đi, đằng trước họ là một người to lớn mang ủng lót lông...

Nhưng tất cả những cảnh tượng đó đều nằm trong một giấc mộng. Tôi cố gạt cơn mộng ấy đi. "Đất mới" không còn xa mấy nữa.

*

* *

Nếu kể lại tỉ mỉ quá trình tìm kiếm chiếc hạm địch thì mọi người sẽ cảm thấy khô khan vô vị. Mặt biển Bắc cực chỗ nào cũng giống nhau, tìm cho ra một chiến hạm đã được ngụy trang kỹ giữa mặt biển mênh mông là việc rất khó khăn. Chúng tôi bay hết từ căn cứ này sang căn cứ khác, hầu như bay liền trong hai tuần lễ. Có lần chúng tôi bay liên tục bảy tiếng đồng hồ liền. Bay ít giờ sẽ đỡ vất vả hơn, chẳng hạn như lần này sau khi bay hai vòng trên biển Ca-ra, chúng tôi quay về Đất mới, nhưng suýt nữa thì không tìm ra nó. Sau kiểm tra thấy còn nhiên liệu, chúng tôi bình tĩnh cho máy bay lượn những vòng nhỏ trong màn sương mù dày đặc bên trên Đất mới. Chúng tôi quả là đã gặp vận may, nếu như không có cơn gió mạnh đẩy dạt đám sương mù dày đặc ấy đi, tạo thành một khe sáng nhỏ, thì e rằng tôi đã không thể hoàn thành quyển sách này. Chúng tôi vội vàng cho máy bay men theo khe hở ấy và tranh thủ hạ cánh.

Rõ ràng tất cả những điều bất hạnh đã xảy ra đó là kết quả của cơn giận dữ của Chúa trời với chúng tôi. Có một lần, đứng về phía chúng tôi mà nói thì thật là chẳng có gì sai trái cả. Nhưng Chúa lại chơi khăm chúng tôi, bày ra trước mắt chúng tôi không phải một hoặc hai mà đến những năm mặt trời. Đấy là những ông "mặt trời giả" mà trong văn học đã từng được miêu tả. Nhưng khi nhìn thấy chúng cứ treo lơ lửng mãi ở trên đầu, chúng tôi bất giác nhớ đến những câu chuyện mang nặng màu sắc tôn giáo cổ xưa.

Một lần khác, vào dịp chúng tôi đi thuyền độc mộc ra đảo, thấy có đến hàng triệu hải âu Bắc cực với màu lông đen trắng nổi bật, đỗ dày đặc trên bờ đảo dài có đến hơn một ki-lô-mét. Trông xa như ở đó được rắc lên một lớp muối dày. Đám Hải âu đập cánh, gọi nhau lao nhao. Có những chú bị trượt chân ngã chúi xuống, lại có những chú lẩn huých xung quanh để tranh một chỗ đứng trên mặt đá thoai thoải. Trong mớ âm thanh hỗn loạn đó vẫn có thể nghe rõ những tiếng kêu nổi bật, cũng tựa như trong một cái chợ huyên náo, vang cao lên tiếng gào chửi của những bà lắm điều. Trước cảnh tượng ồn ào, hỗn tạp đó chỉ có thể nhìn thoáng qua, hoặc tốt hơn hết là lánh xa nó ra. Nhưng không biết cậu báo vụ viên của chúng tôi đã đọc được ở đâu một câu chuyện nói về một hải âu đầu đàn, và xúi quẩy hơn nữa là cậu ta vừa phát hiện có hai hòn đảo lớn như nhau nằm kề bên nhau bị bầy hải âu chiếm cứ. Cậu ta nã một phát súng, giết chết con hải âu đầu đàn. Vì phát súng chết tiệt ấy mà chúng tôi phải chịu đựng một đòn trừng phạt thật khốn khổ! Thật chúng tôi chẳng còn nhìn thấy trời đất gì nữa! Hàng nghìn hàng vạn con hải âu la ó ầm ĩ, bay rời khỏi đảo và ào ào lao về phía chiếc thuyền nhỏ của chúng tôi. Một trận tiếng đập cánh nghe dữ dội như có một cơn

bão từ trên trời ập xuống đầu chúng tôi. Sau vụ này, chúng tôi phải bỏ ra một ngày một đêm ròng rã để kỳ cọ con thuyền và tắm giặt, thậm chí trong một túi áo đã cài kín nắp, tôi cũng tìm thấy phân hải âu.

Nói chung lại hai tuần lễ ở trên vùng Đất mới là hai tuần hết sức gian truân. Tuy trong thâm tâm tôi biết rằng cần phải đi tìm chiến hạm của địch ở một vùng biển xa hơn về phía đông. Nhưng rồi lần cất cánh nào tôi cũng nuôi hy vọng là có thể tìm thấy nó ở ngay trong vùng này. Chúng tôi quần đi, đảo lại trên mặt biển không biết đến bao nhiêu lượt, mãi đến khi nhiên liệu sắp cạn và cậu hoa tiêu hỏi tôi, giọng lạnh lùng: "Về chứ?" Chúng tôi mới quay trở về nhà. "Nhà" của chúng tôi là hai dãy núi hoang to lớn, hiểm trở, một nằm về phía tây, một nằm về phía đông, cùng một thung lũng đầy tuyết và băng.

Ngày kết thúc cuộc sống trên Đất mới cuối cùng đã đến với chúng tôi. Về giây phút tuyệt diệu này, cũng cần kể rõ một chút.

Lúc ấy tôi đứng trong hầm máy bay. Trên nóc hầm treo lủng lẳng những con chim đã bị bắn chết. Trên bốn bức tường treo những bộ da hải cẩu khô cứng. Hai đứa trẻ mặc những chiếc áo da kín cổ mà chúng vẫn thường mặc, đi chơi la cà trên bờ biển, trông như hai con đà điểu. Mẹ của hai đứa trẻ thấp bé như một cô gái, bố chúng cũng gầy nhỏ như vậy. Một cái đầu nhỏ nhô ra ngoài chiếc áo da nai, chúng tôi nói chuyện với nhau khá thoải mái. Tôi còn nhớ, lúc đó chúng tôi nói với nhau về tình hình quốc tế. Tuy trong câu chuyện của mình, tôi đã dùng đến những tài liệu thu nhặt được trong một tờ báo "Sự thật" đã rất cũ, để chứng minh rằng bọn Đức đã đến lúc mạt vận, không sao tự cứu vãn nổi. Nhưng anh bạn của tôi đã coi đó là một tin mới toanh và anh ta định ngay trong ngày hôm đó đến kể cho một người bạn ở

tương đối "gần" - chỉ cách khoảng hai trăm ki-lô-mét - nghe. Người vợ thấp nhỏ của anh ta tuy có vẻ không hiểu biết mấy về chuyện chính trị, cũng gật cái đầu có mớ tóc đen nhánh được cắt theo hình trăng non và luôn miệng nói xen vào.

- Vâng, vâng, đúng thế!

- Anh có muốn ra mặt trận không? - Tôi hỏi anh bạn địa phương.

- Muốn chứ!

- Anh không sợ à?

- Có gì mà đáng sợ kia chứ?

Vào giữa lúc này tôi chợt nhìn thấy cậu hoa tiêu đang chạy lại phía tôi. Cậu ta chạy lại từ chỗ đỗ của máy bay.

- Có lệnh chuyển địa điểm!

- Đi đâu?

- Đến thành phố Da-pô-li-a-ri-e!

Rõ ràng là cậu ta vừa nói đến thành phố "Da-pô-li-a-ri-e". Điều chúng tôi đến Da-pô-li-a-ri-e có nghĩa là đưa chúng tôi đến đúng nơi mà tôi vẫn nghĩ rằng cần phải đến đó để truy lùng hạm địch. Đấy là điều rất hợp lý, song tôi vẫn không khỏi ngạc nhiên có lẽ vì đó chính là thành phố Da-pô-li-a-ri-e của tôi!

- Không có lẽ!

Cậu hoa tiêu lại làm ra cái vẻ lạnh lùng, thản nhiên thường ngày kiểu Lát-vi-a của mình.

- Đồng chí ra lệnh kiểm tra máy bay chứ?

- Không cần.

- Bao giờ thì chúng ta cất cánh?

- Sau hai mươi phút nữa.

## Chương 7

# Lại ở thành phố Da-pô-li-a-ri-e

Con đường từ sân bay về thành phố không phải là con đường bình thường, mà là một con đường ngập lá cây tuyết tùng[1]. Khi nhìn thấy những lớp lá tuyết tùng trải dày trên mặt đường này, tôi chợt nhớ ra rằng đã khá lâu tôi chưa quay lại thành phố này, nơi tượng trưng thời thơ ấu của tôi và là nơi mà suốt cả đời mình, tôi sẽ gửi vào đấy những ước mơ táo bạo nhất.

Tôi không tìm được ngay phố nhà của bác sĩ I-van I-va-nứt. Vì vào thời kỳ "của tôi", trên phố này chỉ có một dãy nhà, và chính đó là dãy nhà của bác sĩ. Hồi ấy tất cả những ngôi nhà khác đều chỉ mới tồn tại trong kế hoạch của Hội đồng Hành chính khu mà thôi. Vậy mà giờ đây, ngôi nhà nhỏ gọn ấy, nơi tôi đã từng ngủ lại nhiều đêm và đọc quyển nhật ký của người hoa tiêu tên là Cơ-li-mốp, nay bị che khuất bởi những ngôi nhà cao lớn xung quanh. Những buổi tối của thời thanh xuân đáng yêu làm sao! Mặt sàn gỗ của căn phòng bên cạnh kêu lên kin kít bởi bước chân của Vô-lô-đi-a. Đột nhiên bác sĩ bắt chước tiếng vịt,

(1) Tên khoa học là Cedrus. - N.D.

kêu lên mấy tiếng rồi vung mạnh tay, đọc lên một đoạn sách mà ông thích. Giữa lúc đó bà An-na Xtê-pa-nốp-na đi lại phía tôi. Bà là người phụ nữ mà ta toàn hoàn có thể tin tưởng, có thể kể cho bà nghe tất cả mọi chuyện. Bà có thân hình cao lớn, tính tình thẳng thắn, đối xử với mọi người rất công minh. Bà lặng lẽ đặt trước mặt tôi một đĩa thức ăn buổi sáng.

... Cho đến bây giờ bà vẫn chưa bị còng lưng, vẫn chưa chịu khuất phục trước những nỗi đau khổ. Chỉ có mái tóc kia là bắt đầu điểm bạc và mấy nếp nhăn đã hằn rõ bên mép. Từ nét mặt và thân hình của bà, toát ra một sức sống khỏe khoắn và một cái gì rất giống đàn ông của những phụ nữ đã có tuổi.

- Bây giờ xưng hô với anh thế nào nhỉ? - Bà dè dặt lên tiếng. Sau khi gặp nhau ở giữa vườn hoa nhỏ nằm trước mặt nhà, chúng tôi đã cùng nhau đi vào phòng ăn. Gian phòng này vẫn hoàn toàn giữ được bộ mặt cũ của nó: mặt sàn màu vàng, sạch bóng, bên trên lót một tấm thảm kiểu nông thôn. - Hồi đó anh còn bé lắm, bao nhiêu năm đã trôi qua rồi nhỉ? Mười lăm năm hay hai mươi năm nhỉ?

- Mới mười chín năm thôi, bác An-na Xtê-pa-nốp-na ạ. Bác cứ gọi cháu là Xa-nhi-a như ngày trước ấy. Đối với bác, cháu mãi mãi là Xa-nhi-a.

Chỉ cần nhìn qua cái vẻ của tôi là bà biết ngay rằng tôi đã biết hết chuyện của Vô-lô-đi-a, nhưng mãi bà vẫn không nhắc đến tên cậu ta. Tôi nghĩ rằng hành động này của bà hoàn toàn xuất phát từ một thiện ý, bà không muốn trong chốc lát tôi phải chia sẻ gánh nặng đau khổ của bà. Tôi vừa định nói đến thì bà liền gạt đi, rằng: "Cái đó sẽ nói đến sau!"

- Anh đến đây với chúng tôi có việc gì không? Anh sẽ ở lại đây có lâu không? Thấy anh khỏe tôi rất mừng!

- Cháu sẽ ở lại đây không lâu đâu, bác An-na Xtê-na-nốp-na ạ. Nội nhật hôm nay chúng cháu đã phải bay rồi.

- Chà, khá lắm. Bây giờ đã là phi công hải quân, lại được thưởng Huân chương nữa, - bà nói giọng đầy tự hào như sung sướng thay cho tôi. - Chuyến này cháu từ mặt trận nào về thế?

- Cháu từ "Đất mới" về bác ạ. Còn lần trước thì từ thành phố Bắc cực. Tức là từ chỗ bác I-van I-vô-nô-vích đến đấy ạ.

- Tôi không tin.

- Cháu nói thực đấy ạ.

Bà An-na Xtê-pa-nốp-na im lặng hồi lâu.

- Nghĩa là anh đã gặp nhà tôi?

- Vâng, cháu gặp bác ấy luôn. Trong thư gửi về cho bác, chẳng lẽ bác ấy lại không nói gì tới chuyện ấy sao?

- Có, có nói đến, - bà An-na Xtê-pa-nốp-na đáp.

Lúc này tôi mới chợt hiểu rằng bà cũng biết chuyện Ca-chi-a. Nhưng tôi không ngắt lời bà, như bà đã ngắt lời tôi khi tôi nói đến Vô-lô-đi-a. Còn ai có thể cảm thông một cách sâu sắc và mãnh liệt hơn bà về nỗi xót thương, băn khoăn của tôi? Bà không an ủi tôi bằng những lời nói, cũng không đem nỗi đau khổ của mình so sánh với nỗi đau khổ của tôi. Bà chỉ ôm tôi, hôn lên đầu tôi. Còn tôi, tôi hôn trả lên bàn tay của bà.

- Còn ông già ấy của tôi thế nào? Có khỏe mạnh luôn không?

- Bác ấy rất khỏe ạ.

- Bây giờ ông ấy còn phục vụ trong quân đội là đã quá tuổi rồi đấy. - bà An-na trầm ngâm nói. - Hồi sống ở đây ông ấy rất cởi mở, quen thân với nhiều người. Đã sáu mươi mốt tuổi mà vẫn còn tại ngũ là không phải chuyện đùa đâu. Tôi có thể báo cho bà

con ở đây biết tin anh bay đến đây không? Thời gian của anh như thế nào?

Tôi nói rằng tôi có thể ở đây đến tối. Thế là bà vội vàng đặt trước mặt tôi nào bánh mì, nào cá, và cả một cốc rượu nho nhà làm (rượu nho do các gia đình ở thành phố Da-pô-li-a-ri-e tự làm lấy đều có vị rất ngon) rồi trùm khăn lên đầu, nói mấy tiếng xin lỗi, đoạn đi ngay ra ngoài.

Về phía tôi, thực ra cũng cần phải đắn đo trước khi trả lời cho bà An-na rằng có nên loan tin tôi đến đây cho bạn bè không. Không đến một tiếng rưỡi đồng hồ sau, một chiếc xe con chạy đến đỗ xịch cạnh vườn hoa nhỏ, tôi ngạc nhiên nhìn thấy toàn bộ các đồng chí trong tổ bay của tôi đều ngồi trong chiếc xe ấy. Cậu bắn súng máy và cậu vô tuyến điện viên cười rộ lên từng hồi, không hiểu bởi duyên cớ gì. Còn cậu hoa tiêu thì ngồi sóng đôi với cậu lái, mơ màng nhả từng cuộn khói tròn lên không trung.

- Xa-nhi-a, đồng chí Lét-cốp cho xe đến đón chúng ta rồi đấy, - khi thấy tôi đi ra, anh ta nói. - Lên xe nhanh lên. Chúng ta sẽ ăn sáng ở đấy, sau đó...

- Đồng chí Lét-cốp nào nhỉ?

- Không biết. Chỉ thấy một chị người cao to đầu choàng khăn chạy vào sân bay, nói rằng có đồng chí Lét-cốp nào đấy cho xe đến đón chúng ta. Chị này là người của Ủy ban hành chính biên khu.

- Đồng chí Lét-cốp? Hượm đã, à tôi nhớ ra rồi! Đúng là đồng chí Lét-cốp rồi!

Đồng chí Lét-cốp là ủy viên Ủy ban hành chính biên khu trước đây bị thương nặng ở chân được tôi và bác sĩ I-van I-va-nô-vích đưa máy bay đến đón. Ông ta là một người nổi tiếng trong

những người Nê-nét ở phương Bắc chẳng kém gì I-li-a Vưn-ca có tiếng tăm ở Đất mới. Nhân đây xin nói thêm rằng, trước đây không lâu, khi còn ở thành phố Bắc cực, bác sĩ cũng có nhắc đến đồng chí Lét-cốp, rằng ông ta là một cán bộ có năng lực và mạnh dạn. Chỉ mấy tuần sau khi lên nắm quyền, ông ta đã chuyển được toàn bộ cuộc sống tản mạn của số đông dân du mục phù hợp với nhu cầu chiến tranh.

- Đồng thời, - bác sĩ nói, - ông ta cũng muốn biết anh đã tìm được thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp chưa. Anh còn nhớ không, lúc ấy chúng tôi đã từng nóng lòng chờ anh dẫn đội thám hiểm đến. Ông ấy đã tìm đến những người dân Nê-nét để hỏi dò, vì theo như ông ấy biết thì trong dân tộc này có lưu truyền một câu chuyện về con tàu "Xanh Ma-ri".

Vì thế không có gì khó tưởng tượng rằng đồng chí Lét-cốp sẽ rất sung sướng đón tiếp chúng tôi ở giữa cái thành phố Da-pô-li-a-ri-e này. Giờ đây tôi vẫn còn nhớ láng máng cái dáng vóc của ông ấy, nhưng đến khi nhìn thấy ông ta với trạc người còn khá trẻ, thì tôi không sao khỏi ngạc nhiên. Bộ mặt ông ta rắn chắc như tạc bằng đá hoa cương, trên mép, một bộ ria nhỏ cứng, đứng thẳng kiểu Trung Quốc. Ông ta đứng trên bậc tam cấp trước tòa nhà dùng làm trụ sở của Ủy ban, đón chúng tôi. Lúc ăn cơm, tôi kể cho ông nghe khá nhiều những câu chuyện chiến đấu của bác sĩ I-van I-va-nô-vích ở hạm đội Phương Bắc. Sau bữa cơm chúng tôi đi thăm xưởng gia công đồ gỗ, và sau đó đến phòng khám bệnh vừa xây dựng xong và một số nơi khác nữa. Ở đâu chúng tôi cũng được mời mọc ăn uống và ở đâu tôi cũng đem chuyện chiến đấu của bác sĩ I-van I-va-nô-vích ra kể. Đến nỗi về sau bản thân tôi cũng cảm thấy rằng, nếu thiếu bác sĩ I-van I-va-nô-vích thì cuộc chiến đấu bảo vệ của chúng tôi ở miền Bắc sẽ bị trục trặc.

Tôi đi thăm chơi khắp thành phố Da-pô-li-a-ri-e với một niềm hân hoan sâu sắc. Khi tôi rời khỏi nơi đây, thành phố mới có sáu tuổi, thế mà bây giờ nó đã mười lăm tuổi tròn rồi. Một điều rất rõ rệt mà ai nhìn qua cũng thấy ngay là thành phố này đã không để quãng thời gian ấy trôi qua một cách vô ích, nhất là ba năm quí báu nhất hiến dâng cho chiến tranh Vệ quốc.

Nếu đi sâu quan sát, bạn có thể nhận thấy một cách dễ dàng hơi thở của chiến tranh qua rất nhiều sự vật, trong cái thành phố còn cách mặt trận những hai nghìn năm trăm cây số này. Bến cảng vẫn như xưa, vẫn có những người chờ đáp tàu đi Ca-rơ-xai-a. Nhưng dọc theo các cầu tàu không thấy bóng những con tàu buôn của nước ngoài nữa, không còn thấy bóng những người khách da đen náo nhiệt đi lại trên đường phố nữa. Tuy rất nhiều bè mảng vẫn từ thượng nguồn của các dòng sông Ê-ni-xây, An-ga-ra, Tun-gu-xki hạ xuôi về "chợ gỗ". Tuy trên những bè mảng đó vẫn có những chiếc chòi nhỏ, từ đó quyện lên những làn khói xanh lam nhè nhẹ và trên những sợi dây chằng vẫn thấy phơi quần áo, tất cả những cái đó đem đến cho làng Prô-tô-ca trên mặt nước này một không khí yên lặng thái bình. Nhưng dưới con mắt của những người có kinh nghiệm thì rất dễ nhận ra rằng những đống gỗ kết thành cái làng thái bình trên mặt nước ấy quyết không phải dùng vào mục đích hòa bình.

Nhưng buổi tối, khi chúng tôi đến Mét-ve-gi Lốc thì tôi hết sức ngạc nhiên trước một cảnh tượng hết sức bất ngờ. Trước kia nơi đây chỉ có ngôi chòi của anh bạn U-đa-ghia, người dân tộc E-ven-ki[1] của tôi. Thế mà bây giờ ở đây đã mọc lên hai tòa nhà lầu hai tầng rất khang trang rộng rãi. Tôi có cảm giác ở nơi này,

(1) Một dân tộc sống ở miền Đông Xi-bê-ri. - N.D.

giữa thời "trước" và "sau" chiến tranh có một nhịp cầu bắc qua. Cuộc sống của chúng ta chẳng những phản ánh một cuộc sống không ngừng tiến công, mà còn tỏ rõ sự lớn mạnh và vững vàng trong sự nghiệp vĩ đại xây dựng miền Bắc cực xa xôi.

Có một số việc cần giải quyết nốt trước khi bay, nên tôi để cho cậu hoa tiêu và cậu bắn súng máy về sân bay trước, còn mình thì lưu lại trong phòng làm việc của đồng chí Lét-cốp cùng với ông ta.

Bà An-na Xtê-pa-nốp-na đã ra về. Chúng tôi hẹn nhau là trước khi cất cánh thế nào cũng đến tận nhà chào bà.

- Nào, đồng chí nói cho thật, - Lét-cốp lên tiếng. - Cái ông già ấy của chúng tôi làm ăn ra sao ở đằng ấy? Cần nhớ rằng thiếu ông ấy chúng tôi như thiếu một cánh tay đấy.

- Ý đồng chí muốn nói gì?

- Điều ông già về, cho ông ấy phục viên. Người ta đã quá tuổi lâu rồi.

- Không được đâu, ông ấy không chịu nằm lại đây đâu, - tôi nói giọng khẳng định vì nhớ lại cái vẻ giận dữ của I-van I-va-nô-vích khi đại đội trưởng không để ông tham gia vào cuộc hành trình mạo hiểm của tàu ngầm. - Hay là tạo điều kiện cho ông già về phép nghỉ một chuyến? Chứ lúc này mà bắt ông ấy nghỉ hẳn thì ông ấy không chấp nhận đâu.

Tôi dùng chữ "lúc này" là có ý chỉ giai đoạn sắp tới, sắp kết thúc chiến tranh, không ngờ đồng chí Lét-cốp lại hiểu sai ý tôi. Ông cho rằng "lúc này" là thời gian sau khi Vô-lô-đi-a hy sinh.

- Vâng, thật đáng tiếc cho Vô-lô-đi-a, - ông nói. - Nó là một đứa trẻ hết sức trung hậu và chất phác! Cháu nó làm khá nhiều thơ. Đồng chí có biết không, đã có lần bác sĩ bí mật gửi thơ của nó

đến cho Goóc-ki xem, về sau giữa Goóc-ki và Vô-lô-đi-a có thư từ qua lại. Chúng tôi có rút ra một câu trong thư của Goóc-ki gửi cho Vô-lô-đi-a làm khẩu hiệu cho trường phổ thông.

Ông chỉ cho tôi xem câu khẩu hiệu ấy, tôi đọc: "*Không có trẻ em ở nơi nào trên thế giới này gian khổ hơn các cháu. Nhưng các cháu hãy bằng công việc trong tương lai của mình, làm cho trẻ em toàn thế giới đều trở thành những dũng sĩ đáng kiêu hãnh như các cháu*". Bên trên câu khẩu hiệu hành động xuất sắc ấy là hình vẽ Goóc-ki tựa như người Nê-nét.

Chúng tôi ngồi trên chiếc đi-văng đặt cạnh cửa sổ lớn. Từ đó nhìn ra ngoài chỉ có thể nhìn thấy những quãng đường mới đắp kéo dài từ bờ sông vào tận khu rừng già. Xưởng gia công gỗ không ngừng nhả khói, những chiếc cần cẩu chạy qua chạy lại giữa những đống gỗ đầy ộn cạnh chợ. Xa xa là những mảng rừng non xanh mượt...

Trong lúc hai chúng tôi ngồi im lặng không nói lời nào, thì bên ngoài cửa sổ đang diễn ra một cuộc nói chuyện không có âm thanh rất trang nghiêm. Cuộc nói chuyện âm thầm đó bắt đầu diễn ra trong cái khoảnh khắc những người Xô Viết lần đầu tiên tiến vào vùng đất liền bờ sông Ê-ni-xây đã từ lâu bị con người quên lãng.

Tôi liếc mắt nhìn đồng chí Lét-cốp. Ông đứng dậy đi cà nhắc (một chân ông là chân giả) đến trước cửa sổ. Trên khuôn mặt nghiêm trang và hum húp tựa như gương mặt của người Mông Cổ ấy sáng long lanh một đôi mắt rất thông minh. Một niềm xúc động thoáng lướt qua mặt ông. Và tôi lập tức hiểu rằng ông đang đánh giá các giây khắc ngắn ngủi ấy.

- Các đồng chí đã làm rất nhiều việc, - tôi nói.

- Có gì đâu. Chúng tôi mới bắt đầu thôi. Đây chỉ là bước đi

thứ nhất, - ông đáp. - Hồi chưa nổ ra chiến tranh, chúng tôi cũng đã từng nghĩ rằng mình đã làm được khá nhiều việc. Nhưng bây giờ tôi mới thấy rõ rằng chúng tôi chỉ mới làm được có vài ba việc trong đống công việc nhiều đến hàng nghìn hàng vạn...

Lúc từ biệt, tôi hỏi ông về chuyến đi vừa qua xuống các bản làng của người Nê-nét, ở đấy đang lưu truyền những mẩu chuyện về con tàu "Xanh Ma-ri". Có phải ông đã từng đến đó và đã từng hỏi những người Nê-nét không.

- Tất nhiên là tôi đã đến với họ. Đó là một bản của dân tộc I-áp-tun-gai.

- Kết quả thế nào?

- Tôi đã tìm thấy.

Chợt tim tôi đập rộn lên như một chú bé mười bảy tuổi.

- Thế là thế nào? - Tôi cố hỏi bằng giọng trấn tĩnh.

- Chẳng những tìm được mà còn ghi lại tỉ mỉ. Nhưng bây giờ tôi không nhớ rõ để những thứ ấy ở đâu rồi, - ông nhìn sang phía chiếc giá sách chất rất nhiều cặp văn kiện và những cuộn giấy to tướng, nói. - Đại thể tình hình như thế này: Đã rất lâu về trước, từ cái thời ông nội tôi còn sống kia, có một thủy thủ tự dưng xuất hiện trước những người I-áp-tun-gai. Anh ta là thủy thủ của một thuyền săn bị băng đánh đắm trên biển Ca-ra. Theo lời người thủy thủ này thì bọn họ có mười người được cứu sống, và họ đã sống qua mùa đông trên một hòn đảo ở phía bắc bờ Tai-mưa. Sau đó họ bắt đầu đi về phía đất liền. Nhưng trên đường đi họ đã bị chết rất nhiều. Nhưng anh ta "không cam chịu chết ở một chỗ", nên tiếp tục đi về phía trước. Và thế là anh ta đã tìm được đến chỗ ở của những người I-áp-tun-gai.

- Anh ta có để tên lại không ạ?

- Không, sau đó không bao lâu thì anh ta chết. Tôi đã ghi lại như thế này: "Anh ta đến, nói rằng mình sẽ sống. Nhưng vừa nói xong thì chết ngay".

Trong phòng của Lét-cốp treo một tấm bản đồ vùng biển Ca-ra của người Nê-nét. Tôi lần theo bản đồ tìm được tuyến đường quen thuộc đến quần đảo Nga, eo biển Xtéc-lê-gốp và cửa sông Pi-a xin...

- Những người I-áp-tun-gai sống ở khu vực nào?

Lét-cốp chỉ lên bản đồ. Thực ra khi ông chưa chỉ, tôi cũng đã dùng mắt vạch ra đường ranh giới phía bắc của khu vực ấy một cách chính xác.

- Anh ta là thủy thủ của tàu "Xanh Ma-ri".

- Anh cho rằng như thế ư?

- Chúng ta hãy tính toán xem. Theo lời người thủy thủ ấy thì có mười người được cứu thoát ra khỏi con tàu bị đắm.

- Đúng thế, mười người.

- Hoa tiêu Cơ-li-mốp dẫn theo mười ba người. Vậy là còn lại trên tàu mười hai người. Trong đó thợ máy Ti-xơ và thủy thủ Xcát-scốp đã hy sinh ngay trong năm đầu tiên của cuộc thám hiểm, nên còn lại mười người. Nhưng vấn đề không chỉ ở chỗ đó. Trước đây tôi đã có thể chứng minh cả con đường mà họ đã đi qua, sai số không quá nửa độ. Nhưng lúc đó còn một chi tiết tôi chưa tìm ra là họ đã đi đến sông Pi-a-xin chưa.

- Thế bây giờ?

- Bây giờ thì rõ cả rồi.

Tôi chỉ lên một điểm trên bản đồ. Nếu như ngày nay, trên trái đất này còn lưu lại những dấu vết của đoàn thám hiểm của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp, thì những dấu vết đó chắc chắn là in trên khu vực này...

- Bác An-na Xtê-pa-nốp-na thân yêu, thật là không phải với bác, cháu ngồi đằng ông Lét-cốp lâu quá, - buổi tối khi đến nhà bà An-na Xtê-pa-nốp-na, tôi thấy bà đang ngồi bên cạnh bàn ăn đã bày sẵn chờ tôi, tôi liền xin lỗi. - Bây giờ cháu lại phải đi ngay rồi. Trước khi đi cháu xin hôn bác.

Chúng tôi ôm hôn nhau.

- Bao giờ thì anh trở về?

- Ai mà biết được bao giờ? Có thể ngày mai, cũng có thể chẳng bao giờ cả.

- "Chẳng bao giờ", đó là những chữ rất đáng sợ, - bà thở dài nói và làm dấu thánh. - Anh đừng nói gở, rồi anh sẽ trở về. Anh sẽ sống rất hạnh phúc. Tất cả người già chúng tôi đều cầu phúc cho anh.

... Đêm khuya. Chỉ khi nào nhìn vào mặt đồng hồ mới có thể biết được lúc này là đêm khuya. Chúng tôi cất cánh ra đi từ thành phố Da-pô-li-a-ri-e. Vầng mặt trời đỏ rực treo lơ lửng trên không. Những dải mây màu lông vịt bay lướt qua và lớn lên rất nhanh, tựa như những đụn khói than phụt ra từ đầu máy tàu hỏa.

Phải chăng lúc này tôi đang nghĩ đến một ngày mà suốt đời tôi hằng mong đợi? Không phải! Lúc nãy tôi không tham gia vào tổ kiểm tra máy, nên bây giờ cứ băn khoăn, không biết máy móc đã được kiểm tra tốt chưa.

## Chương 8

# Chiến thắng

Chúng tôi xuất kích lúc hai giờ đêm và đến lúc bốn giờ rưỡi đã đánh chìm chiếc pháo hạm của bọn Đức. Đúng là chúng tôi không được tận mắt nhìn thấy cảnh chìm của nó. Nhưng đích thực là sau khi ăn quả ngư lôi của chúng tôi, như lời của các đồng chí hải quân thường nói, nó bắt đầu "độn thủy", nghĩa là nó chựng ngay lại và lập tức bị mất hút trong đám khói hơi nước mù mịt.

Nói gọn lại thì toàn bộ câu chuyện này xảy ra đại thể như vậy. Khi còn chạy, chiếc hạm ấy đã chạy với cái vẻ hết sức ung dung bình thản, khiến xảy ra một cuộc tranh luận nhỏ giữa tôi với cậu hoa tiêu. Chúng tôi tranh cãi với nhau nó có phải là hạm tàu của hạm đội miền Bắc chúng ta không. Sau khi khẳng định là không phải, chúng tôi liền rời ra khỏi chiến hạm, theo thói quen của cậu hoa tiêu. Sau đó vòng gấp lại, đâm bổ về phía mục tiêu.

Rất tiếc là tôi không thể kể ra đây được những động tác khá phức tạp mà tôi đã phải dùng đến để cố gắng phóng ngư lôi thật chính xác vào mục tiêu. Đường bay của chúng tôi gần như một con số 8 tròn trĩnh. Trên đường bay đó, tại điểm giao tôi đã phóng

đạn hai lần, lần đầu không đạt kết quả. Sau đó chúng tôi bắt đầu "bò" ra xa, nói như thế thực không sai chút nào, vì bọn Đức nào có chịu ngồi không bó tay chờ chết.

Lần thứ nhất lao vào mục tiêu, cậu phụ trách phóng đạn thét lên:

- Có khói trong khoang lái!

Lần thứ hai lao vào mục tiêu, tôi nghe ba tiếng va chạm rất mạnh. Nhưng lúc đó tôi đang cắn chặt răng, lao thẳng vào chiến hạm của quân giặc, nên không có thì giờ nghĩ đến những thứ khác. Còn bây giờ thì tôi hoàn toàn có đủ thời gian để chứng minh rằng lúc đó máy bay của chúng tôi đã bị bắn hỏng. Xăng và dầu nhờn chảy tung tóe ra ngoài. Nếu cậu hoa tiêu không nhanh tay sử dụng một phương pháp đặc biệt, thì tôi đã bị thiêu cháy từ lâu rồi. Khi máy bay đang ở trên đầu mục tiêu, chiếc mô-tơ bên phải bỗng tự dưng tăng vọt tốc độ lên đến mức kinh khủng.

Tất nhiên là chúng tôi có mang theo một số xuồng cấp cứu phòng khi rơi xuống biển. Lúc này hoàn toàn đã có thể ra lệnh cho cả tổ bay nhảy dù. Chúng tôi đã từng tập dượt nhảy dù trong tình huống này trên mặt hồ yên tĩnh gần vùng Ác-khan-ghen-xcơ. Lúc ấy chúng tôi đã trải qua những giờ phút rét cóng người khi vừa chui từ dưới nước lên. Nhưng ở đây, ở phía dưới chúng tôi kia, không phải là mặt nước hồ yên tĩnh mà là một lớp băng dày, nhác trông đã thấy rợn người.

Tôi không định kể ra đây tất cả mọi chi tiết đã xảy ra trong chuyến bay mà các đồng chí trong tổ bay đã báo cáo, bởi nó rất nhiều, nhiều hơn cả những điều tôi muốn nghe. Tôi còn nhớ, sau khi báo cáo cho tôi những tin tức đáng buồn, cậu hoa tiêu hỏi tôi:

- Xa-nhi-a, chúng ta vẫn bay tiếp chứ?

Không bay tiếp sao được. Chúng tôi chui vào một đám mây

lớn. Tôi nhìn thấy cái bóng in màu sặc sỡ của thân máy bay xuống tầng mây phía dưới. Hiềm một nỗi là máy bay đang mỗi lúc một tự xuống thấp. Về phần tôi, quả thực là không phạm sai lầm gì trong cương vị chỉ huy của mình. Đột nhiên máy bay nghiệng hẳn sang một bên. Nếu đúng là trên đời này có thần chết, thì rõ ràng là chúng tôi đã nhìn thấy bộ mặt của nó qua đôi cánh của chiếc máy bay trong lúc nó đang đâm sầm xuống mặt bể.

... Chính tôi cũng không rõ mọi việc xảy ra như thế nào nhưng cuối cùng thì tôi đã đưa máy bay thoát ra khỏi vòng nguy hiểm. Để giảm nhẹ trọng lượng máy bay, tôi ra lệnh ném giá đỡ của súng máy. Mười phút sau, bản thân chiếc súng máy cũng bị quẳng xuống biển.

- Xa-nhi-a, chúng ta vẫn bay tiếp chứ?

Tất nhiên phải bay tiếp! Tôi hỏi cậu hoa tiêu còn cách bờ biển bao xa. Cậu ta trả lời là không còn xa nữa, chỉ cần bay khoảng hai mươi sáu phút nữa thôi. Nhưng rõ ràng là cậu ta nói dối để tôi được yên tâm, chứ tôi biết ít ra cũng phải bay đến ba mươi phút nữa mới đến bờ.

Trong đời mình, đây không phải là lần đầu tiên tôi sốt ruột đếm từng phút thời gian. Đã từng có những lần, tôi ghìm nỗi bất an trong lòng, tuyệt vọng và căm giận đếm từng phút một trôi qua. Có những lúc tôi cảm thấy chúng lăn đi nặng nề, chậm chạp như những tảng đá khổng lồ nghiền qua trái tim, tôi đau đớn chờ đợi, chờ đợi cái giây khắc trôi qua của những tảng đá thời gian.

Lần này tôi không khoanh tay ngồi im. Như một kẻ cuồng nhiệt, tôi hăm hở xô đẩy, thúc giục lão già thời gian lao nhanh về phía trước. Và cũng bởi sự cuồng nhiệt đầy xúc động đó, trong lòng tôi thậm chí như dâng đầy một khoái cảm mãnh liệt và đáng sợ.

- Xa-nhi-a, chúng ta có thể bay tiếp được nữa không?

- Tất nhiên là có thể!

Mà thực, chúng tôi đã bay được đến bờ. Khi cách bờ khoảng một cây số rưỡi, chúng tôi liền cho máy bay xuống thấp để hạ cánh, vội vã đến mức không kịp nhìn vào bờ nữa. Kể cũng lạ, chúng tôi không bị chết chìm dưới đáy biển, mà vừa khéo, hạ cánh trên một bãi cát sát mặt nước. Một đợt sóng lớn chồm vào, phủ ướt chúng tôi từ đầu đến chân. Trong bản tin chiến sự sắp tới của Cục thông tin chắc sẽ đưa tin: "Một máy bay của ta đã không trở về căn cứ". Nhưng những đợt sóng đang dồn dập phủ lên đầu chúng tôi đây, cùng những nỗi đau đớn căng thẳng mà chúng tôi đã phải chịu đựng trong suốt một tiếng đồng hồ trước khi đưa được máy bay đến chỗ này, nếu đem so sánh với mẩu tin ngắn ngủi kia thì nó còn có nội dung phong phú hơn nhiều lắm!

Tại sao tôi lại đoán rằng đây là vịnh Min-đen-đoóc-phơ, và từ đó quả quyết rằng chúng tôi đã hạ cánh xuống một vùng cách rất xa dân cư? Chúng tôi cũng không rõ. Khi còn bay trên mặt biển, cậu hoa tiêu không có thì giờ và tâm trí để tính toán tất cả mọi thứ. Điều duy nhất mà cậu ta quan tâm là đưa máy bay đến một bờ biển nào đó.

Đến bây giờ vì tôi ra lệnh phải cố định máy bay lại, nên cậu ấy cũng chưa có thì giờ tính toán lại. Chúng tôi làm việc cật lực, cho đến khi lần lượt gục xuống trên mặt cát, giữa những tảng đá bị ánh nắng mặt trời sưởi nóng. Chúng tôi nằm im lặng nhìn lên bầu trời trong xanh mênh mông không một gợn mây, không một vết bẩn. Mỗi chúng tôi đều nghĩ về những chuyện riêng của mình, mà chuyện riêng của từng người thì đều được quyết định bởi một cảm giác chung "chiến thắng!".

Chúng tôi nằm im và kiệt sức, đến nỗi không buồn phủi những đám cát dính trên mặt, nhưng biết rằng chúng đang rơi dần

xuống sau khi đã được mặt trời hong khô. Thế là chiến thắng rồi. Chiếc tẩu thuốc đeo lủng lẳng trên ngực cậu hoa tiêu đã tắt ngấm từ lâu, đột nhiên cậu ta ngáp rõ to, chiếc tẩu lăn sang một bên, xuống mặt cát. Thế là chiến thắng rồi. Ngoài việc nằm im ngắm nghía bầu trời xanh thẳm hết sức uy nghi và cảm giác lớp đá sạn phía dưới cánh tay ấm dần lên, thực không còn muốn gì nữa. Thế là chiến thắng rồi.

Tất cả đều là thắng lợi, ngay cả cái đói giờ đây cũng là một thắng lợi. Số bánh mì bà An-na Xtê-na-nốp-na đã gói cho tôi mang theo ăn dọc đường đang để trên máy bay, nhưng tôi không sao tự ra lệnh cho mình đứng dậy đi lấy được...

Công việc kiểm tra máy bay của chúng tôi không có gì đáng nói nhiều. Cậu bắn súng máy báo cáo rằng trong khoang ngồi có khói. Rõ ràng đó là nguyên nhân về sự có mặt của viên đạn bắn lên từ hạm địch. Nếu không tính khoảng vài trăm vết đạn mà chiếc máy bay này đang mang trên mình thì diện mạo bên ngoài của nó còn đẹp đẽ hơn nhiều so với những chiếc mà trước đây tôi đã từng phải cưỡng bức hạ cánh. Nhưng nó có một khuyết tật cơ bản là không thể cất cánh được nữa, và với số dụng cụ đồ nghề trong tay, chúng tôi không thể hồi phục được động cơ của nó.

Chúng tôi đã chén một bữa ra trò: chầu thứ nhất có sữa bột, kẹo sô-cô-la và canh nấu từ sữa khô. Chầu thứ hai cũng ăn canh, nhưng lần này chỉ là canh suông. Trong lúc ăn mọi người quyết định:

1. Cố định máy bay ở nguyên vị trí của nó. Vì nó đang tụt dần vào chỗ cát lún, mà chúng tôi thì không làm sao có đủ sức kéo nó qua mặt bờ biển vừa cao vừa dốc.

2. Cậu bắn súng máy ở lại trông coi máy bay.

3. Đi tìm người đến giúp.

Tôi quên chưa nói đến việc này: trong lúc chúng tôi đang vật vã bay trên mặt biển, cậu phụ trách điện đài nhìn thấy có một đoạn bờ khác có một cái gì giống như là nhà hay một cái giá cao làm bằng gỗ. Nhưng khi máy bay của chúng tôi vào đến bờ thì cái vật ấy bị che khuất, không nhìn thấy nữa. Cũng có thể đó là dấu hiệu hàng hải, một vật kiến trúc rất hiếm khách qua lại. Vì vậy chúng tôi đến đó cũng không hy vọng gì lắm, nhưng may ra không phải thế thì sao?

Nhưng cũng có thể chẳng đi đâu cả. Sau khi ăn cơm, chọn một chỗ kín gió, nằm giữa các tảng đá mà nghỉ ngơi, vừa ngắm nghía những tảng băng màu xanh trong vắt vật vờ trôi qua, vừa lắng nghe tiếng sóng biển vỗ đập rền rền qua các tảng băng. Rất tiếc là máy thu thanh đã bị hỏng, mặc cho cậu phụ trách điện đài loay hoay sửa chữa, nó vẫn lặng câm như một hòn đá cứng.

Nói chung lại là dù sao cũng cần phải đi tìm. Nhưng đi về hướng nào? Rõ ràng là nên đi về hướng có cái dấu hiệu hàng hải kia, vì nó có thể là ngọn hải đăng thắp bằng điện, cũng có thể là đài tín hiệu báo sương mù hoặc một thứ gì đó tương tự như thế.

- Nhưng trước hết cần phải biết rõ là chúng ta hiện đang ở đâu? - Tôi hỏi cậu hoa tiêu.

Có đến mười lăm phút sau cậu ta mới trả lời câu hỏi của tôi. Đương nhiên là cậu ta chỉ cho biết tọa độ, nhưng không phải cái tọa độ mà tôi đã trả lời cho Lét-cốp khi ông hỏi tôi về vị trí lưu lại của đoàn thám hiểm Ta-ta-ri-nốp.

Có điều là tọa độ mà cậu hoa tiêu chỉ ra rất gần với cái điểm mà tôi đã có lần chỉ ra trên bản đồ của đồng chí Lét-cốp, khiến tôi khi nghe xong bất giác quay nhìn ra xung quanh. Liệu có thể tìm thấy ông thuyền trưởng ở quanh đâu đây, ngay phía sau những tảng đá to tướng kia không?...

## Phần thứ mười

# TRANG CUỐI CÙNG

## Chương 1

# Lời giải đáp

Nếu phải kể tỉ mỉ quá trình tìm ra tung tích của đội thám hiểm thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp, e rằng phải viết riêng một quyển sách. Xin nói thực là trong tay tôi đã có rất nhiều tài liệu. Mọi người đều biết rằng trước kia có một nhà hàng hải người Pháp rất nổi tiếng tên là Đuy-mông Đuyếc-vin lúc còn nhỏ ông đã chỉ ra một cách chính xác đến kinh người nơi mà sau này ông sẽ tìm thấy đội thám hiểm của La-pe-ru-dơ. Còn tôi bây giờ trong tay có nhiều tài liệu hơn ông ta nhiều. Vì cuộc đời của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp gắn bó chặt chẽ với cuộc sống hằng ngày của tôi. Kết luận tìm ra dựa vào những tài liệu đã có, quan hệ mật thiết đến ông và cũng gắn liền với tôi.

Nếu luận điểm cho rằng thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp đã từng đặt chân lên vùng Đất mới mà ông gọi là "Đảo Ma-ri-a" không có gì sai sót, thì tuyến đường mà ông đã đi qua sẽ như sau: xuất phát từ vĩ tuyến 79°35'; giữa kinh tuyến 86 và 87, đi thẳng về phía quần đảo Nga và quần đảo Noóc-đen-sen-đơ. Sau đó có lẽ phiêu bạt trên những đoạn đường dài, rồi từ eo biển Xtéc-lê-gốp

đi về cửa sông Pi-a-xin. Chính ông già người Nê-nét kia đã phát hiện ra chiếc xuồng con đặt trên cỗ xe trượt tuyết là ở cửa sông Pi-a-xin. Sau đó đoàn thám hiểm hành tiến về hướng sông E-ni-xây, vì vùng sông E-ni-xây là nơi duy nhất hy vọng có thể gặp được người và sẽ được cứu. Thuyền trưởng đi dọc theo mép ngoài của bờ đảo để có thể hành tiến theo một đường thẳng...

Tìm được đội thám hiểm ấy có nghĩa là chúng tôi sẽ tìm được các thứ đồ dùng mà họ còn để lại. Máy bay của chúng tôi dã từng quần lượn nhiều lượt trên vùng này, lúc thì chở khách và thư từ đến Đích-sơn, lúc thì vận chuyển máy móc và hàng hóa tới No-đơ-vích và nhiều lần chở các đoàn cán bộ địa chất đi tìm mỏ dầu, mỏ than và sắt. Nếu giờ dây thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp có thể đến cửa sông Pi-a-xin ngắm nhìn thì ông chắc chắn sẽ nhìn thấy hàng chục con tàu biển đồ sộ. Trên những hòn đảo mà ông đã từng đi qua, giờ đây mọc lên rất nhiều tháp đèn điện và vô tuyến. Vào những lúc sa mù dày đặc, ông có thể nghe tiếng còi hiệu vang rền của những chiếc còi điện chỉ đường cho tàu bè qua lại. Nếu ông đi ngược dòng E-ni-xây lên chừng ba bốn cây số thì ông sẽ được nhìn thấy con đường sắt Bắc cực nối liền vùng Đu-din-ca với No-rin-xki. Và xung quanh các vùng công nghiệp khai thác dầu cùng các xưởng gỗ, ông sẽ nhìn thấy rất nhiều đô thị mới mọc lên.

Bên trên tôi đã có nói rằng sau khi ra đến Bắc cực, tôi liền viết thư ngay cho Ca-chi-a. Số thư viết mà không gửi đi hồi còn ở N., tôi hy vọng rằng sau chiến tranh hai chúng tôi sẽ có dịp cùng đọc với nhau. Những bức thư ấy hầu như đã trở thành những tài liệu dưới dạng nhật ký được viết cho riêng Ca-chi-a đọc. Bây giờ tôi xin trích ra đây vài mẩu viết về đoạn tìm được chỗ ở của đoàn thám hiểm.

1. "... Khi nhận thức được rằng cuộc sống đã đến kề bên cái nơi mà trước kia mình đã từng tưởng rằng hết sức xa xôi, anh cảm thấy vô cùng ngạc nhiên. Nơi đó chỉ cách con đường biển rộng lớn có hai bước chân. Em sẽ đúng hoàn toàn khi nói rằng "sở dĩ không tìm thấy bố, vì chẳng có ai đi tìm cả". Giữa tháp dèn và đài vô tuyến điện được dựng lên nhiều cột gỗ, không phải tạm thời mà là vĩnh viễn, để bắc dây điện thoại. Khoảng mười cây số về phía nam có mỏ đang được khai thác. Vì vậy nếu nơi này không được bọn anh phát hiện thì ít lâu sau, thế nào các công nhân mỏ cũng sẽ bắt gặp.

... Cậu hoa tiêu là người đầu tiên đã nhặt được một mẩu vải buồm rách. Cái đó thì có gì là đáng ngạc nhiên! Dọc theo bờ biển, có thể nhặt được nhiều thứ lắm! Nhưng đây là một mẩu vải buồm đã từng được dùng làm dây buộc xe trượt tuyết. Sau đó cậu bắn súng máy lại tìm được chiếc vung nhôm và một cái hộp làm bằng sắt trắng đã bị bẹp gí, bên trong đựng mấy cuộn dây gai. Thế là bọn anh chia khu vực ấy ra làm mấy mảnh và phân công mỗi người trên một mảnh...

Trên một quyển sách nào đó anh đã đọc thấy rằng các nhà khoa học có thể ức đoán được toàn bộ cuộc sống của một đất nước nào đó vào những niên kỷ xa xôi qua những dòng chữ khắc trên bia đá. Giờ đây cả mảnh đất này cũng như đang sống lại trước mắt bọn anh. Vật đầu tiên mà anh tìm được ở đây là một chiếc xuồng nhỏ làm bằng loại vải bố thường dùng làm ống nước phòng hỏa. Nói đúng ra là khi nhìn thấy cái vật mỏng, nằm dán sát trên mặt đất như chiếc bánh đa cong tớn ấy, anh liền nghĩ ngay rằng đó là một chiếc thuyền, một chiếc thuyền đang được đặt trên cỗ xe trượt tuyết hẳn hoi. Bên trong thuyền có hai khẩu súng, một tấm da thú, một cái máy lục phân và một chiếc ống

nhôm dã ngoại. Tất cả những thứ đó đều đã han gỉ, mục nát. Bọn anh tìm thấy rất nhiều kiểu quần áo và một chiếc áo ngũ may bằng da hươu bên sườn một ngọn núi đá nhỏ nằm sát bờ biển. Rõ ràng là ở đây đã từng có người đóng trại, vì đến nay vẫn còn lưu lại những bức thành thấp xếp bằng đá tảng cùng những chiếc cọc gỗ, làm thành chiếc khung hình vuông. Bọn anh tìm thấy trong "lều" ấy một chiếc hộp nhỏ đựng thức ăn, mảnh vải buồm dùng làm cửa lều đã rách nát, mấy chiếc khăn lông dê và một chiếc chăn vải màu xanh nhạt cũng đã nát vụn. Bọn anh còn tìm thấy một lưỡi rìu và một chiếc cần câu, mà cả sợi dây cước và lưỡi câu vẫn còn nguyên vẹn. Bên cạnh "lều" vứt bừa bãi một số thứ: đèn cồn, chìa khóa và một chiếc hòm gỗ. Trong hòm đựng các thứ rất linh tinh cùng những chiếc kim khâu vải buồm tự làm lấy rất thô thiển. Trên một số vật dụng còn có thể nhận ra dòng chữ "Tàu Xanh Ma-ri". Nhưng trên mảnh đất này hoàn toàn trống trải, không có người sống, cũng chẳng có người chết".

2. "... Đây là chiếc lò nấu ăn tự chế có thể mang theo người, một chiếc thùng đựng nước có nắp đậy đặt bên trong một chiếc thùng khác bằng sắt tây. Thường là bên dưới chúng có một lớp đáy dùng để nướng thịt gấu, chó hoặc hươu. Nhưng ở đây không có một lớp đáy như thế, mà chỉ có một chiếc hộp đựng nhiên liệu, anh cầm lắc và rất ngạc nhiên vì không ngờ trong đó còn có dầu đốt. Anh thử bơm, hơi dầu phun ra những màng sương mỏng. Bọn anh còn nhặt được ở gần đó một hộp đồ hộp với dòng chữ "Súp củ cải đỏ tiểu Nga. Nhà máy Vi-khô-rép. Xanh Pê-téc-bua, 1912". Nếu ai đó muốn ăn thì có thể mở ngay hộp "Súp củ cải đỏ" này ra và đặt lên chiếc lò đã bị vứt lăn lóc trên mặt đất ròng rã ba mươi năm trời".

3. "... Sau nhiều lần tìm kiếm không có kết quả, bọn anh đi

theo hướng Gan-tri-kha để trở về chỗ tạm trú. Lần này bọn anh trở về từ hướng Đông - Nam. Vì vậy những vùng gò đồi trước đây bị coi là vùng đất lồi lõm đơn điệu, nay bỗng biến thành một dạng khác ngoài trí tưởng tượng. Đó là một cái dốc khổng lồ càng đi xa càng đến gần vùng đất đã bị đông giá cứng như đá, trên đó lỗ chỗ rất nhiều hố sâu chia cắt mặt đất, tựa như có một bàn tay nào đó gây nên. Bọn anh đi dọc theo cái dốc ấy. Thoạt tiên, không ai chú ý đến một đống gỗ súc nằm chênh vênh giữa hai tảng đá tròn to tướng. Đống gỗ ấy không nhiều, chỉ có sáu súc, trong đó có một súc đã được cưa phẳng hai đầu. Hiện tượng này khiến bọn anh hết sức ngạc nhiên, vì trước đây bọn anh vẫn nghĩ rằng chỗ ở của đoàn thám hiểm chỉ cố định ở giữa sườn đồi với vách đá. Nhưng thực ra chỗ ở đã được di chuyển đến những chỗ khác.

Nếu kể ra tất cả những thứ đã tìm thấy ở đây thì rất nhiều. Bọn anh đã nhặt được đồng hồ đeo tay, dao săn, mấy thanh gỗ trượt tuyết, hai khẩu súng săn một nòng nhãn hiệu "Rơ-manh-tông", một chiếc áo gi-lê, một cái tẩu thuốc. Bọn anh cũng nhặt được một chiếc hộp đã mục nát, trong đó còn đựng cả phim nhựa. Cuối cùng, dưới một hốc khá sâu, bọn anh phát hiện một chiếc lều vải. Để chống gió, bên phía dưới của những tấm vải che, được đè chặt bằng gỗ súc và xương cá kình. Chính trong căn lều đã dính chặt vào băng đến nỗi phải dùng rìu mới lấy lên được này, bọn anh đã tìm thấy con người cần tìm...

Vẫn còn có thể đoán được tư thế của ông trước khi chết. Ông đứng thẳng như đang lắng nghe cái gì đó, cánh tay phải đặt một bên lưng. Ông ngã gục trên mặt đất khi đã hoàn toàn kiệt sức. Bọn anh tìm thấy mấy bức thư vĩnh biệt đựng trong một chiếc túi nhỏ ở phía dưới thân ông. Rõ ràng là ông đã nghĩ rằng đặt chiếc túi ấy ở phía dưới thân mình, nó sẽ được bảo vệ tốt hơn.

4. "... Về việc chúng ta còn có thể nhìn thấy ba nữa hay không, trước kia đã từng là điều không thể hy vọng được. Nhưng trước khi cái chết của ba được chứng thực, trước khi anh được tận mắt nhìn thấy cái chết của ba, cái hy vọng hão huyền và ngây thơ đó vẫn luôn luôn le lói trong tâm can anh. Bây giờ thì mối hy vọng đó đã tắt ngấm rồi. Nhưng một ý niệm khác lại bừng sáng trong anh: việc anh tìm ra thuyền trưởng hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên và vô ích. Ba không hề chết. Ba là một con người bất tử. Mới trước đây một tiếng đồng hồ thôi, một chiếc tàu lớn đã cặp vào gần tháp đèn. Các thủy thủ bỏ mũ xuống trân trọng khiêng chiếc quan tài bên trên phủ tấm vải lều đã mục nát lên đầu. Tiếng pháo mặc niệm vang lên, lá cờ trên cột tàu được hạ xuống giữa chừng. Chỉ còn lại một mình anh đi đi lại lại trên khu "nhà ở" của tàu "Xanh Ma-ri" và viết bức thư này cho em - người bạn và người vợ thân yêu của anh. Giờ đây anh ao ước được ở bên em biết chừng nào đã kết thúc ba mươi năm rồi, nhưng anh biết, đối với em, đến ngày hôm nay ba mới qua đời. Lúc này tuồng như anh đang viết cho em từ hỏa tuyến, viết về người bạn và người cha vừa hy sinh trong cuộc chiến. Những làn sóng xúc động và tự hào vò xé lòng anh, và đứng trước cảnh tượng bất hủ này, tim anh như ngừng đập..."

## Chương 2

# Một việc hết sức lạ đời

"Giờ đây anh ao ước ở bên em biết chừng nào!" Tôi lẩm bẩm câu ấy nhiều lượt như một diệp khúc. Tôi cảm thấy những lời ấy sao mà lạnh lùng và trống rỗng, tựa như tôi đang nói với cái bóng của chính mình trong một căn phòng trống trải và lạnh lẽo. Cái mà tôi cần không phải là bộ nhật ký này, mà là Ca-chi-a kia. Ca-chi-a thông minh, hoạt bát, dịu dàng đáng yêu, người đã tin tưởng và yêu tôi. Khi an táng bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na nàng đã lánh nghiêng người đi qua không buồn nhìn sang phía tôi, thái độ đó khiến tôi rất buồn bực. Tôi đã từng mơ tưởng sẽ có ngày trở về gặp lại nàng như "Ruồi trâu"[1] và ném xuống chân nàng tất cả những hiện vật tôi kiếm được, chứng tỏ rằng tôi không hề sai. Sau đó tôi sẽ làm cho bố nàng nổi tiếng khắp thiên hạ, trở thành anh hùng dân tộc. Nhưng đối với nàng, ông vẫn là một người cha. Ngoài nàng ra, còn ai nên là người thứ nhất biết được cái tin tôi đã tìm được cha nàng? Ngoài nàng ra, còn ai có thể nói với tôi

(1) Ruồi trâu: nhân vật chính trong tác phẩm "Ruồi trâu" của nữ văn sĩ người Anh Ê-ten Li-li-an Vôi-nit-sơ - N.D.

rằng nếu những câu chuyện thần thoại mà chúng tôi đã từng mê say tin tưởng vẫn còn tồn tại trên đời này, thì mọi thứ rồi sẽ đẹp đẽ toại nguyện? Tôi nếm đủ mọi thứ cực nhọc gian nan, cuối cùng đã tìm được ông. Cảnh hoang vắng mờ mịt của Bắc cực đã từng chói sáng vào cả thời niên thiếu của tôi, nhưng tôi giờ đây không còn là đứa trẻ dễ bị xúc động trước những ảo ảnh Bắc cực, cũng không còn là một thiếu niên bồng bột như mọi người trẻ tuổi thường có; mà tôi đã là một thanh niên vững vàng kinh nghiệm. Tôi đứng ngay trước phát kiến mới mẻ của mình mà do đó sẽ nghiễm nhiên được liệt vào lịch sử khoa học Nga, lòng tràn đầy hạnh phúc và tự hào. Song tôi không sao ghìm nổi một nỗi buồn da diết, vì lẽ ra mọi việc hoàn toàn không đến nỗi dẫn đến bước đường này!

Mãi đến cuối tháng Giêng tôi mới trở về tới trung đoàn. Ngày hôm sau đồng chí tư lệnh hạm đội liền gọi tôi lên gặp.

... Sẽ chẳng bao giờ tôi quên được buổi sáng hôm ấy, không phải vì đó là buổi sáng mang màu trắng mờ bụng cá và chói chang ngàn vạn ánh hào quang khiến tôi ngỡ rằng đó là buổi sáng đầu tiên của vũ trụ đâu. Đấy là một cảm giác đặc biệt nơi vùng biên cương Bắc cực. Nhưng sau khi ngồi hút thuốc lá và nói chuyện với đồng chí hạm trưởng, tôi bước lên boong tàu, đứng lặng yên trong màn sương tan vụn và nặng nề, ngực bỗng như bị nén mạnh bởi cảm giác chờ đợi một cái gì thần kỳ sẽ xuất hiện. Đám sương mù lúc tràn lên boong tàu, lúc lảng ra ngoài. Đằng sau màn sương hiếu động đó, mặt trăng tròn vạnh thong thả hiện ra trên đỉnh dãy núi xa, rọi chiếu những tia sáng mờ thẳng góc. Về sau, ánh sáng của nó mỗi lúc một sáng rõ hơn, như đã chiến thắng mọi thứ xung quanh nhưng có lẽ vì thế mà mỏi mệt, bợt trắng. Lúc này mọi người mới biết rằng con tàu đang đi trong

màu hoa hồng trước phút rạng đông. Mấy phút sau, mặt trăng lại lẩn hút dần trong màu sương mờ đục và có một lúc dã lộ ra lần cuối cùng bộ mặt trắng trẻo của mình. Trên khoảng không của vịnh Côn-xki bắt đầu rạng lên những tia xanh mảnh, hồng mịn phủ màu tuyết của buổi ban mai.

Con tàu của chúng tôi tiến vào vịnh. Một thành phố nhỏ màu trắng và màu hồng phấn phủ đầy tuyết hiện ra trước mắt.

Cả thành phố như được cố ý đặt trên một sườn dốc cao màu tro xám, ánh sáng từ những tảng đá màu tuyệt đẹp tỏa ra lấp lánh. Từng dãy núi dài những ngôi nhà trắng tinh gọn nhỏ xếp thành hàng như một đường kẻ thẳng, dãy sau cao hơn dãy trước, các bậc tam cấp bằng đá bắt đầu từ chân cầu thang hai bên nhà vươn dài ra xa. Ở nơi kề sát bến cảng là những ngôi nhà cao lớn xây bằng đá theo hình bán nguyệt. Về sau tôi mới biết rằng những ngôi nhà này được gọi là “nhà hình cánh cung”. Tất cả chúng tạo nên một nửa vòng tròn lớn trên vịnh Ê-ca-tê-ri-na, thoạt nhìn tưởng được vẽ nên bởi một chiếc com-pa khổng lồ.

Tôi bước lên một bậc tam cấp nằm ngang giữa các ngôi nhà đó và nhìn sang bờ cảng bên kia. Những mối cảm xúc lạ thường, lúc sôi sục, lúc bình lặng tựa như khi sáng, lại dấy lên mãnh liệt trong tôi. Cả bến cảng bị đắm chìm giữa một màu xanh mờ cố hữu mà chỉ những tia sáng chói lọi mới có thể khuấy động được chúng. Quanh bờ, phảng phất một vẻ gì xa xăm dượm màu sắc miền Nam, khiến ta nhớ đến mặt hồ được vây bọc giữa những dãy núi vùng Cáp-ca-dơ. Nhưng phía trước mặt cứ vươn ra xa mãi. Trên những ngọn núi lửa bé nhỏ đã bị băng tuyết phủ kín, thẳng hoặc xuất hiện những cái bóng đen dài mảnh của những thân cây không lấy gì làm lớn lắm, giữa khung cảnh trắng lóa một màu tuyết này.

Tôi không phải là con người mê hoặc. Nhưng khi đứng bên cạnh những ngôi nhà hình cánh cung, chìm đắm trong niềm say mê phong cảnh của thành phố Bắc cực và vịnh Ê-ca-tê-ri-na, trong tâm can tôi lại chợt hiện lên hai chữ "dự cảm". Thành phố này mang đến cho tôi ấn tượng rằng như chính nó là quê hương tôi hằng ôm ấp, tìm kiếm mà vẫn chưa được gặp lại. Tôi bồi hồi dự cảm rằng chính nơi đây sẽ đem đến cho tôi một việc hết sức có lợi, một việc đẹp đẽ nhất trong cả cuộc đời của tôi.

Tôi đến Bộ Tư lệnh trước giờ lên lớp, không thấy một ai ở đó. Đồng chí trực ban đêm nói rằng, theo anh ta biết thì cấp trên mệnh lệnh cho tôi có mặt vào lúc mười giờ, mà bây giờ mới có bảy giờ rưỡi.

Tuồng như bây giờ mới có bảy giờ rưỡi là một điều rất tốt, tôi vô cớ thở một hơi dài và thong thả đi ra ngoài và lại tiếp tục ngắm nhìn phong cảnh bến cảng từ những ngôi nhà hình vòng cung ấy.

Trong quãng thời gian ngắn ngủi tôi đi vào trụ sở Bộ Tư lệnh, quang cảnh bến cảng đã thay đổi hẳn. Trong màu tối xạm uy nghiêm của bờ biển, bến cảng giờ đây cũng tối sạm lại với vẻ đầy uy nghiêm. Tận đằng xa, một chiếc tàu thủy cỡ nhỏ chạy chậm chạp về phía thành phố Bắc cực. Tôi muốn xem nó cập bến thế nào, nên liền đi sang một dãy tam cấp khác, dãy tam cấp này nối liền với một cái sàn phẳng rộng lớn.

Đây là một trong hai chiếc tàu chở khách đi về trên tuyến đường biển giữa Mua-rơ-man-xki và thành phố Bắc cực. Hành khách trên tàu đã xếp thành hàng trên boong, chờ kiểm tra giấy tờ. Trong số các thuyền viên đã lên bờ, loáng thoáng mấy người có dáng như nông dân, thậm chí còn có cả ba bốn người đàn bà xách làn trên tay...

Trước đây đã từng có lúc tôi bỏ nhà chạy đến cái bến cảng nằm ở nơi hợp lưu của hai dòng sông Pét-trin-ca và sông Chi-khai-a để trốn lão Gai-e Cu-li. Tôi ở lại đó khá lâu và mải mê ngắm nhìn quang cảnh bến cảng. Con tàu cập vào sát bờ một đầu dây thừng được ném từ trên bờ lên, mấy thủy thủ chộp ngay lấy và buộc một cách thành thạo vào trụ tàu. Dòng người bắt đầu tràn lên cầu tàu, cái trọng lượng tăng lên đột ngột ấy dường như dìm cầu tàu xuống sâu một mức nữa. Với đám đông ồn ào náo nhiệt và vui vẻ đó, tôi chẳng quen biết với một ai cả. Về sau này, mỗi khi nhìn thấy lại những cảnh hành khách tấp nập, vui vẻ lên bờ hoặc đến ga, cái cảm giác lẻ loi cô đơn ấy lại liền ập đến. Những ấn tượng đó rõ ràng là đã hằn lại trong ký ức tôi từ những tháng năm đau thương ấy.

Nhưng hôm nay lại khác hẳn. Có lẽ vì lúc này đang giữa mùa đông, hoàn cảnh khác xa trước đây, hành khách lên bờ lại là những người lính, nên cái cảm giác quen thuộc kia đã không đến với tôi.

Kể cũng lạ, giống như những cảnh vật mà cùng trong ngày hôm nay tôi đã nhìn thấy ở thành phố Bắc cực, chiếc tàu chở khách cũ kỹ kia, những hàng người đứng sát nhau bên boong tàu, những bóng người đi rải rác dọc theo bờ biển đến một ngôi nhà phía trước mặt để đăng ký xuất cảnh, tất cả những cảnh tượng đó đều mang lại cho tôi một cảm giác hết sức khoan khoái dễ chịu. Tất cả những cảnh tượng đó dính liền với cái điều đẹp đẽ nhất trong đời mà tôi hằng mong đợi. Nhưng thực tình là tôi không sao giải thích nổi chúng dính liền với nhau như thế nào và tại sao?

Lúc này trở lại Bộ Tư lệnh còn sớm quá nên tôi thuận bước đi thẳng đến gặp bác sĩ, nhưng không đến bệnh viện mà đến nhà riêng.

Đương nhiên là ông cũng sống trong những ngôi nhà được xây thẳng tắp, sạch sẽ, dãy sau cao hơn dãy trước này. Từ phía bờ biển nhìn vào, tôi cảm thấy những dãy nhà ấy càng xinh xắn đẹp đẽ hơn lên. Đây là dãy nhà thứ nhất mà tôi thì lại cần tìm đến dãy nhà thứ năm, tòa nhà thứ bảy.

Tựa như một người Nê-nét, tôi vừa đi vừa nghiền ngẫm tất cả những gì nhìn thấy. Mấy gã người Anh, đầu đội những chiếc mũ rất hài hước, giống như loại mũ mùa đông mà các anh chàng lái xe ngựa của chúng ta thường đội, mặc những chiếc áo khoác tươi màu, họ đi vượt lên phía trước mặt tôi. Tôi nghĩ bụng, từ những chiếc áo khoác họ đang mặc kia, có thể đoán được rằng đối với mùa đông của chúng ta, họ chẳng lấy gì làm hứng thú cho lắm. Một thủy thủ rậm râu bế thốc một chú bé béo phị, vẻ mặt nghiêm trạng, mình mặc chiếc áo lông thỏ màu trắng đi lên mấy bước. Tôi nghĩ bụng, vì ở giữa cái thành phố Bắc cực này, trẻ con hiếm quá đây.

Tòa nhà thứ bảy của dãy thứ năm hoàn toàn không khác gì với những tòa nhà ở bên cạnh nó, có điều đầu cầu thang của tòa nhà này đã bị băng phủ một lớp khá dày, qua lớp băng trong suốt có thể nhìn thấy lờ mờ những bậc tam cấp ở phía dưới. Tôi bước lên cầu thang. Giữa lúc ấy có mấy thủy thủ từ phía trên đi xuống, chúng tôi va vào nhau khá đau. Một người trong bọn họ thận trọng bước qua lớp băng và nói: "Không nhận ra được các thứ trong bóng đêm Bắc cực có nghĩa là bị thiếu Vi-ta-min". Tất cả họ đều là bác sĩ. Vậy chắc chắn là bác I-van I-va-nô-vích cũng sống trong tòa nhà này.

Tôi bước qua hành lang và đẩy một cánh cửa, sau đó lại đẩy một cánh cửa khác. Trong cả hai phòng ấy đều không có một bóng người, trong phòng bốc lên mùi hăng hắc của mốc, chăn

đệm sau khi ngủ chưa được xếp dọn, đồ đạc trong phòng vứt lung tung, để lộ rất rõ tác phong của chủ nhà. Nhưng đồng thời trong hai căn phòng ấy cũng toát ra một cái gì đó như là rất hiếu khách, tuồng như chủ nhà cố ý không đóng kín cửa vậy.

- Có ai trong nhà không?

Rõ ràng là không cần phải hỏi câu ấy. Tôi bước ra khỏi phòng.

Một người phụ nữ đứng cạnh tôi, chị ta nâng váy lên và dùng khăn lau hai bàn chân trần. Tôi hỏi thăm chị ta về căn phòng số Bảy.

- Anh tìm ai?

- Bác sĩ Páp-lốp ạ.

- Hình như ông ấy còn đang ngủ, - người đàn bà nói. - Anh hãy đi vòng ra phía sau, đằng ấy có cửa sổ phòng ông ta. Hãy gõ mạnh lên một tí.

Gõ cửa nhà bác sĩ rõ ràng là tiện hơn gõ cửa sổ, nhưng không hiểu sao tôi đã nghe theo lời chị ta, đi đến bên cửa sổ. Chiếc cửa sổ này lắp trên một bức tường nghiêng nên khá thấp. Trên mặt kính phủ một lớp băng mỏng, khi tôi lấy tay cọ sạch mấy vệt băng và ghé mắt nhìn vào thì thấy bóng một người đàn bà ở bên trong. Người đàn bà ấy đang cúi người xuống tìm kiếm một vật gì đó trong chiếc làn. Khi tôi gõ vào cửa sổ, chị ta liền đứng thẳng dậy và tiến đến bên cửa sổ. Chị ta cũng cọ băng trên mặt kính như tôi rồi ghé mắt vào nhìn. Qua lớp kính phủ mờ băng, tối lơ mơ nhìn thấy một bộ mặt bị che khuất nhiều phần.

Đôi môi người đàn bà khẽ động đậy. Chị ta chẳng làm gì cả, chỉ khẽ động đậy đôi môi. Mặt kính mờ, lại phủ một lớp băng tối sẫm, nên không sao nhìn rõ được mặt chị ta. Nhưng tôi đã nhận ra chị ta. Đó chính là Ca-chi-a.

## Chương 3

# Đó chính là Ca-chi-a

Làm sao có thể diễn tả được hết những giây phút gặp gỡ đầu tiên như say như dại của chúng tôi? Tôi ngắm nghía nàng, ôm nàng hôn say đắm rồi lại ngắm nghía. Vừa hỏi nàng, tôi vừa tự ngắt đứt câu hỏi của mình, vì hầu như tất cả những việc tôi hỏi nàng đều đã xảy ra rất lâu, từ hàng nghìn năm về trước vậy. Nàng đã phải chịu đựng trăm ngàn khổ ải, đã từng giẫy giụa bên miệng hố của cái chết ở Lê-nin-grát và đã mất hết hy vọng gặp lại tôi... Tất cả những việc ấy dù có đau lòng đến đâu đi nữa thì giờ đây cũng đã là chuyện của quá khứ rồi. Giờ đây nàng đang đứng trước mặt tôi, và tôi có thể ôm lấy nàng. Ôi thật khó mà có thể tin được đây là sự thật!

Nét mặt nàng xanh xao, vàng võ. Trên bộ mặt đã mất đi những nét đau buồn của ngày qua, đang hiện lên một cái gì rất mới mẻ.

- Ca-chi-a, em cắt tóc ngắn rồi ư?

- Vâng, em cắt lâu rồi, từ hồi bị ốm ở I-a-rô-xláp cơ.

Chẳng những nàng đã cắt ngắn tóc, mà hầu như đã biến

thành một người khác. Nhưng lúc này tôi không muốn nghĩ tới những thứ đó, tất cả mọi thứ chung quanh tôi, kể cả chúng tôi và cả căn phòng này đều như đang bay lên, bay về một hướng nào đó. Khi tôi gõ vào cửa sổ, nắp chiếc làn mà nàng đang tìm lấy một vật gì trong đó đang để mở. Trong phòng còn có bác sĩ, thì ra ông đứng nép vào một góc phòng, phủ khăn lên đầu, về sau ông rón rén định lẻng ra ngoài, nhưng bị tôi bắt gặp và nhất định giữ lại. Cái chính nhất lúc này (mà sao tôi lại cứ quên!) là Ca-chi-a đang ở trong thành phố Bắc cực. Nàng xuất hiện ở Bắc cực nghĩa là làm sao?

- Ôi trời, em vẫn viết thư cho anh từng ngày một đấy! Hồi ở Mát-xcơ-va, chúng ta đã trượt nhau chỉ có một tiếng đồng hồ. Khi anh đến nhà Va-li-a Giu-cốp thì em đang xếp hàng mua bánh mì ngoài phố.

- Không thể như thế được!

- Anh để lại cho anh ấy một bức thư, em liền chạy bổ đi tìm anh, nhưng tìm đâu bây giờ? Ai ngờ rằng anh lại đến nhà Rô-ma-sốp!

- Làm sao mà em biết được rằng anh đã đến nhà Rô-ma-sốp?

- Em biết hết, cái gì em cũng biết, anh yêu dấu ạ!

Nàng hôn tôi.

- Em sẽ kể hết cho anh nghe,

Và nàng bắt đầu kể rằng lão Vư-si-mia-xki hốt hoảng chạy đi tìm bác Cô-ra-bơ-li-ốp để báo tin rằng tôi đã bắt Rô-ma-sốp như thế nào.

- Đồng chí thiếu tướng hải quân mà anh gọi là R. ấy là ai nhỉ? Em viết một bức thư gửi đi, nhờ đồng chí ấy chuyển cho anh. Sau đó em có viết cho chính đồng chí ấy một bức thư. Nhưng em

chẳng nhận được một bức thư trả lời nào cả! Lúc ấy anh chưa biết sẽ đến đây ư? Tại sao anh lại cứ bắt em phải viết thư nhờ đồng chí ấy chuyển cho anh?

- Vì bản thân anh không có địa chỉ thư tín... Sau khi rời khỏi Mát-xcơ-va là anh lập tức đi tìm em.

- Anh đi những đâu?

- I-a-rô-xláp. Anh đã đến I-a-rô-xláp. Và khi nhận được lệnh mới, anh đã chuẩn bị để đến Nô-vô-xi-biếc.

- Tại sao sau khi đến đây anh không viết mấy chữ cho bác Cô-ra-bơ-li-ốp?

- Anh không biết. Trời ơi, chẳng lẽ em đấy ư? Chính em là Ca-chi-a đấy ư?

Chúng tôi tựa người vào nhau, đi đi lại lại, chân cứ bị vấp hết thứ này đến thứ khác. Cả hai đứa đều tranh nhau đặt câu hỏi, chưa hết câu này đã hỏi sang câu khác, cứ tại sao, tại sao hoài? Những câu hỏi "tại sao" ấy nhiều như những nguyên nhân khiến chúng tôi có thể bất ngờ gặp lại nhau ở giữa thành phố Bắc cực xa xôi này, nơi tôi vừa được đặt chân đến lần đầu tiên mà trước đây nửa giờ tôi vẫn còn mù mịt không biết Ca-chi-a lưu lạc ở nơi nào.

Về tin tôi đã tìm được đội thám hiểm, nàng đã đọc qua bản tin của TASS. Nàng liền liên lạc với bác sĩ, và ông đã giúp nàng xin được giấy thông hành đến thành phố Bắc cực. Đương nhiên là lúc ấy cả hai người đều không biết tôi ở đâu để gửi thư. Song, nếu có biết đi nữa, thì thư từ và điện báo của họ cũng không thể đến nơi đóng trại của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp được.

Bác sĩ đi ra ngoài một lát, lúc vào cầm theo một ấm nước trà. Hành động này của ông tuy chưa thể nói là đã ngăn chặn được

mọi tốc độ đang lao về phía trước, song có tác dụng là khiến chúng tôi cùng ngồi lại với nhau trên một đi-văng. Ông mang ra một ít bánh mì cứng như sắt mời chúng tôi ăn. Sau đó ông xách ra một bi đông sữa loãng, nói mấy câu khách sáo về chỗ thức ăn không ra gì rồi đặt bi đông sữa lên bàn.

Sau đó ông đi ra khỏi phòng. Lần này tôi không giữ ông lại nữa. Thế là bây giờ chỉ còn lại hai chúng tôi trong căn phòng lạnh lẽo này. Trong nhà bếp vứt bừa bãi các vỏ hộp thức ăn và bát đĩa bẩn, ở đây cũng lạnh tới mức tuyết cũng không tan được. Tại sao lại ở trong căn phòng này nhỉ? Qua cửa sổ của căn phòng này có thể nhìn thấy những dãy núi lửa trùng điệp và dòng nước kết băng trôi nặng nề giữa hai bờ phủ đầy tuyết trắng. Nhưng đây là một cái "tại sao" mà tôi không định đi tìm lời giải đáp.

Khi sắp bước ra khỏi cửa, bác sĩ dúi vào tay tôi một thứ đồ chơi bằng điện, tôi cầm lấy và sau đó liền quên biến nó ngay. Sau một hồi cười nói thỏa mãn tôi mới chợt nhận ra mình như một chú ngựa phi trong giá lạnh, hơi ấm thở ra bắt đầu đóng thành băng ở quanh mũi và miệng. Lúc ấy tôi mới nhớ ra cái vật nằm trong tay. Đấy là cái lò sưởi điện loại nhỏ, xem ra thì nó được sản xuất ngay tại đây. Căn phòng ấm dần lên. Ca-chi-a định thu xếp các thứ trong phòng cho ngăn nắp, nhưng tôi không cho nàng làm. Tôi nhìn nàng chăm chú và cầm chặt lấy hai tay nàng, như sợ nàng biến mất, đột ngột như lúc gặp nhau...

Trên đường đến nhà bác sĩ, tôi cảm thấy thời tiết đương thay đổi. Lúc này kém mười lăm phút là đúng mười giờ, tôi bước ra khỏi phòng và nhìn ra ngoài, những cơn gió lúc nãy còn vần vũ lồng lộn giờ đã lặng im, không khí cũng trở nên dễ chịu, những bông hoa tuyết mềm xốp rồi khó nhặt - đó là dấu hiệu báo trước của cơn bão tuyết.

Điều khiến tôi ngạc nhiên là các đồng chí ở Bộ Tư lệnh đã biết tin Ca-chi-a đến đây. Có lẽ chính đồng chí Tư lệnh cũng đã biết, nếu không thì sao hôm nay đồng chí ấy tiếp tôi đặc biệt vui vẻ, khác với thường ngày? Tôi báo cáo vắn tắt với đồng chí ấy quá trình bắn chìm tàu giặc, đồng chí không hỏi kỹ mà chỉ dặn tối hôm ấy hãy kể rõ trong cuộc họp quân sự. Còn cái mà lúc này đồng chí thích thú lại là đội thám hiểm của tàu buồm "Xanh-Ma-ri".

Lúc mới bắt đầu kể, tôi nói không được tự nhiên và thoải mái lắm, tuy đối với người hiểu rõ tôi thì việc tôi tìm được đội thám hiểm trong khi đang thi hành nhiệm vụ chiến đấu là không có gì kỳ lạ lắm. Nhưng làm sao có thể nói thật ngắn gọn như yêu cầu trong quân đội là nói rõ được ngay tất cả với đồng chí Tư lệnh đây? Ông lắng nghe hết sức chăm chú, để lộ rõ niềm hứng thú và nhiệt tình thường thấy ở lứa tuổi thanh niên. Vì thế về sau tôi không nói theo kiểu "ngắn gọn" trong quân đội nữa, mà bắt đầu kể theo giọng tự nhiên, tất cả trình tự của sự việc đã xảy ra.

Cuối cùng, vì đồng chí Tư lệnh sực nhớ ra Ca-chi-a đang chờ tôi, nên chúng tôi mới chia tay nhau...

Tôi không rõ là mình đã tiêu tốn bao nhiêu thời gian ở nhà đồng chí Tư lệnh, hình như hơn một tiếng đồng hồ thì phải. Nhưng khi tôi bước ra khỏi cửa  thì thành phố Bắc cực đã bị che mờ trong cơn bão tuyết ồn ào dữ dội.

May mà hôm ấy tôi mang ủng cao cổ, thế là cần phải khéo cổ ủng lên cao tận đầu gối. Trước mặt tôi giờ đây là một màu trắng của tuyết, thật khó mà có thể tưởng tượng được rằng tại dây đang có nhà có cửa. Thật chỉ có đầu óc viển vông mới nghĩ rằng trong màn tuyết hỗn loạn, mù mịt này có thể có nhà có cửa, và trong đó có ngôi nhà số bẩy, dãy nhà số Năm và Ca-chi-a đang

ung dung làm theo ý tôi, đem nướng những chiếc bánh mì đã cứng như thép. Đương nhiên là tôi sẽ phải mò mẫm để tìm về ngôi nhà đó. Lúc này, khó khăn lớn nhất là tìm cho được ngôi nhà. Chỉ trong một tiếng rưỡi đồng hồ, ngôi nhà to lớn ấy đã biến thành chiếc chòi tranh nhỏ trong chuyện cổ tích, nó bị gió đẩy lệch sang một bên, và tuyết đã phủ kín cả cửa sổ. Tôi lao đầu vào nhà như thần bão tuyết. Trên vai tôi đông kết một lớp băng tuyết dày cộm, Ca-chi-a phải phủi cho tôi từ đầu đến chân.

... Hình như mọi chuyện đã đem ra nói hết và đã hai lần, chúng tôi đụng chạm đến bức thư vĩnh biệt của thuyền trưởng. Bức thư ấy tôi có mang đến đây, định bụng sẽ đưa cho bác sĩ xem. Còn các thứ tài liệu khác của đoàn thám hiểm thì đều để lại ở trung đoàn. Nhưng cả hai chúng tôi đều cố ý tránh không bàn đến bức thư ấy cùng những gì có liên quan đến nó. Vì hình như cả hai đều cảm thấy rằng tạm thời chưa thể nói đến nó trong giờ phút gặp gỡ đầy hạnh phúc này.

Ca-chi-a kể cho tôi nghe về tình hình hiện tại của Pê-chi-a con - thằng bé lớn phổng lên, tròn trùng trục, mắt hơi xếch và khuôn mặt rất giống người em gái đã quá cố của tôi. Chúng tôi lại bàn tới chuyện phải đối xử như thế nào với bà ngoại Ca-chi-a. Sau một trận cãi nhau với viện trưởng Pê-rư-skin, bà đi thuê một gian phòng của nông trường và tách ra ở riêng. Tôi cũng được biết tình hình của Pê-chi-a bố. Chú ấy bị thương, được thưởng Huân chương và nay đã trở lại mặt trận. Tiểu đoàn trưởng của chú ấy là Anh hùng Liên-xô, Ca-chi-a có quen ông ta trong một trường hợp ngẫu nhiên tại Mát-xcơ-va. Người tiểu đoàn trưởng ấy nói rằng, Pê-chi-a hoàn toàn "không coi cái chết ra gì", khiến Ca-chi-a rất lo lắng. Tôi cũng được biết tình hình của chị Va-ri-a Trô-phi-mô-va, rằng "nếu tất cả mọi thứ đều giống như Ca-chi-a

tưởng tượng thì hai người hạnh phúc xiết bao!" Căn phòng đã thay đổi ít nhiều. Các thứ đồ đạc được bày biện lại ngăn nắp gọn gàng, tất cả chúng như có ý muốn cám ơn Ca-chi-a đã làm ấm và đẹp lại căn phòng lạnh lẽo khô khan này của bác sĩ. Cuộc sống gia đình của chúng tôi, sau những tháng năm dằng dặc rời bỏ chúng tôi, giờ đã trở về. Sự thay đổi vô cùng quan trọng và kỳ lạ đối với tôi đó đã trôi qua năm, sáu tiếng đồng hồ rồi, mà giờ đây tôi vẫn chưa quen với cảm giác có Ca-chi-a ở bên cạnh.

- Em có biết anh thường nghĩ những gì không? Anh cảm thấy anh yêu em thực chưa đủ và có khi anh đã bỏ qua không quan tâm đến những khó khăn mà em đã phải chịu đựng trong cuộc sống.

- Còn em thì em chỉ nghĩ đến những khó khăn mà anh phải trải qua. Mỗi lần anh ra đi là mỗi lần em lo lắng, ăn ngủ không yên, có điều những cái đó cũng là một thứ hạnh phúc.

Chúng tôi nói chuyện và nàng tiếp tục dọn dẹp đồ đạc. Bất kể ở đâu, trong khách sạn, trên tàu hỏa, hễ hai chúng tôi ở chung với nhau là nàng lại tất tưởi luôn tay luôn chân như thế. Đấy âu là thói quen của những người vợ thường xuyên theo chồng hết vào Nam lại ra Bắc. Nhìn Ca-chi-a làm, lòng tôi xốn xang bao niềm yêu thương, cảm mến và ân hận!

Lát sau, người láng giềng của chúng tôi trở về. Đó là anh thủy thủ đã có nhận xét rằng tôi không có khả năng phân biệt rõ ràng các thứ đồ vật trong bóng đêm Bắc cực. Anh ta béo, lùn và có bộ mặt đỏ gay. Sau đôi phút ngỡ ngàng, chúng tôi vỡ lẽ rằng anh ta là một nhân vật khá đặc biệt.

Anh ta bước vào phòng làm quen với chúng tôi, câu đầu tiên anh ta tự giới thiệu là đồng sự của bác I-van I-va-nứt, đến đây để thí nghiệm một loại khí cụ cấp cứu mới trên tàu ngầm. Đáng lẽ

tối nay anh ta đi Mua-rơ-man-xcơ, nhưng cơn bão tuyết chết tiệt đã làm đảo lộn toàn bộ kế hoạch đã định.

- Không được phép đi, - anh ta thở dài đánh thượt một cái và nói. - Nên ngoài việc ăn nhậu, chờ đợi ra, chẳng biết phải làm gì nữa.

Trong nhà bác I-van I-va-nứt đã có rượu nho và đồ hộp, nhưng anh ta bảo không đủ và trở về phòng mang thêm rượu nho cùng đồ hộp của mình đến. Anh ta thở hổn hển, mở đồ hộp ra rồi xắn cao tay áo, đặt chúng lên bếp lò hâm nóng. Cả ngày hôm đó tôi và Ca-chi-a ăn rất no, nên chúng tôi khước từ bữa tiệc rượu của anh ta. Người thủy thủ không vì thế mà mất hứng, anh ta ngồi một mình vào bàn và chén một mạch hết sạch các thứ. Qua lời của bác sĩ, anh ta biết rằng chúng tôi bị lạc nhau và vừa mới gặp lại, liền chúc mừng chúng tôi. Sau đó anh ta nói rằng chính anh ta được biết hàng vạn trường hợp tương tự như thế.

- Trường hợp của hai anh chị là còn tốt lắm, cả anh và chị đều kiên trì cuộc sống độc thân một cách tốt đẹp! - anh ta nói giọng kẻ cả. - Vâng, đúng thế, đời sống là lắm chuyện lắm!

Tôi không nhớ rõ chúng tôi còn nói những gì với nhau nữa. Tôi chỉ còn nhớ rằng lúc ấy tôi càng cảm thấy sâu sắc hạnh phúc của mình vì ngoài hai chúng tôi ra, còn có những người khác cùng chung với chúng tôi.

Lát sau anh ta ra về. Hầu như cả buổi tối anh ta chỉ có gọi điện thoại ra cảng, hỏi đã được phép xuất phát chưa. Nhưng lúc này cơn bão tuyết đang bắt đầu tràn đến vùng biển Ba-ren-xép thì làm sao có thể nói đến chuyện xuất phát được! Cơn bão mạnh đến nỗi làm rung cả những lần cửa kính bên trong, tựa như có người nào đó đứng ngoài, lúc thì đẩy nhẹ, lúc lại đập lên dồn dập.

Lúc này chỉ còn lại hai chúng tôi. Tôi ngắm nhìn Ca-chi-a

mãi mà không biết chán. Tôi thương nhớ nàng quá đỗi. Tôi không còn nhớ gì nữa! Ngay cả cái thói quen dùng khăn quấn tóc lúc ngủ của nàng trước đây tôi cũng quên mất. Tóc nàng giờ đây chưa mọc dài nên hai cái bím thắt hai bên tai nom rất buồn cười.

Nhưng nàng vẫn tết thành hai cái bím, để lộ hai cánh tai đỏ hồng mà tôi cũng đã quên mất.

Chúng tôi lại bắt đầu nói chuyện, nhưng lần này chỉ nói thủ thỉ với nhau. Sau một lúc lâu im lặng, câu chuyện chuyển sang một đề tài mới. Đề tài mới đó là chuyện về Rô-ma-sốp.

Tôi không nhớ rõ là đã học ở đâu câu chuyện về quyển vở chép tay cổ xưa bằng da dê. Những người ghi chép đời sau đã xóa chữ trên trang da dê và ghi vào đó những chữ mới của mình. Nhưng qua nhiều năm sau, các học giả lại phát hiện ra mặt chữ cũ trước kia, đó là những dòng chữ viết bằng bút lông ngỗng của một nhà thơ thiên tài.

Câu chuyện về Rô-ma-sốp giống như chuyện của quyển vở cổ xưa nọ. Ca-chi-a kể cho tôi nghe sự việc đã xảy ra trong khu rừng bạch dương theo lời Rô-ma-sốp nói với nàng. Sau đó tôi xóa bỏ tất cả những lời bịa đặt đó đi như một kẻ nào đó đã xóa đi những dòng chữ gốc trên trang da dê. Và từ bên dưới những lời bịa đặt, hiện lên một sự thật khắc hẳn. Tôi vỡ lẽ và liền nói cho Ca-chi-a biết những gì đê tiện và phức tạp trong thủ đoạn của Rô-ma-sốp.

Hắn đã diễn cái thủ đoạn ấy hai lần: lần thứ nhất hắn cố gắng chứng minh với Ca-chi-a rằng chính hắn đã cứu sống tôi và lần thứ hai hắn tìm hết cách làm cho tôi tin rằng Ca-chi-a sống được là nhờ bàn tay của hắn.

Tôi kể lại cho Ca-chi-a nghe đúng từng chữ một về cuộc nói chuyện giữa tôi với Rô-ma-sốp tại quảng trường Xô-ba-tri. Những

lời tự thú của hắn khiến Ca-chi-a rất đỗi kinh ngạc. Những lời tự thú đó cũng nói rõ căn nguyên của tất cả những điều bất hạnh mà tôi gặp phải, và nó cũng giải thoát khỏi đầu óc Ca-chi-a cái điều mà nàng vẫn nhiều ngày băn khoăn đau khổ.

- Anh đã ghi lại tất cả những điều hắn nói chứ?

- Anh đã ghi lại như một biên bản, và đã ép được hắn ký tên ở dưới.

Tôi kể lại cho Ca-chi-a nghe những gì tôi đã ghi lại được. Ngay từ những ngày còn học ở trường tiểu học, nỗi ghen ghét đã bắt đầu gặm nhấm cái tâm hồn trống rỗng bất an của hắn. Và rồi cả đời hắn, hắn cứ chĩa mũi nhọn vào tôi bởi cái nỗi ghen ghét kia giày vò. Nhưng riêng việc hắn treo một tấm ảnh đẹp của Ca-chi-a trên tường cạnh bàn làm việc của hẫn, thì tôi không đả động đến. Tôi không đả động đến là vì tôi cảm thấy rằng tình yêu của hắn đối với Ca-chi-a thực chất chỉ là một sự lăng mạ.

Khi lắng nghe tôi nói, sắc mặt nàng tối lại, nhưng hai mắt thì cháy rực lên... Nàng cầm chặt bàn tay tôi và áp vào sát ngực mình. Mặt nàng trắng bệch vì xúc động. Nàng căm ghét Rô-ma-sốp, và có lẽ càng căm ghét hơn bởi những điều về hắn mà tôi không muốn nói đến. Song đối với tôi, hắn xa xôi và không đáng kể chút nào; nghĩ đến việc đã chiến thắng hắn, tôi bất giác cảm thấy phấn chấn...

Người bác sĩ béo trên tàu vẫn hỏi đi hỏi lại cái việc tàu đã được phép xuất phát chưa. Vì cơn bão đang hoành hành, gió gào rú, tuyết xối ào ạt, nên chưa thể cho phép tàu nhổ neo được. Gió tuyết làm tan hoang những lán đánh cá của chúng ta và cũng làm tan hoang những vùng đóng quân của bọn Đức. Nó làm cuộn lên những làn sóng biển hung dữ và xô đẩy những tàu bè nằm

trốn trong vịnh Na-uy. Không được phép nhổ neo, cảng phải đóng cửa hoàn toàn, gió cấp chín đang hoành hành.

Vợ tôi gối má lên bàn tay ngủ say. Nàng đẹp và thông minh vô cùng, tôi thật không hiểu vì sao nàng lại yêu tôi mãi như thế. Nàng đã ngủ say, tôi có thể ngắm nhìn nàng thật lâu và tha hồ nghĩ ngợi, lúc này chỉ có hai chúng tôi. Tuy cái đêm hạnh phúc ngắn ngủi này sắp kết thúc, nhưng dầu sao thì đấy cũng là một diễm phúc, rằng chúng tôi đã cướp được nó từ trong cơn hoành hành điên cuồng của bão tuyết.

Sáng hôm sau tôi cần phải dậy trước sáu giờ, tôi nài Ca-chi-a phải bằng lòng rằng lúc ấy tôi sẽ không đánh thức nàng dậy. Thậm chí ngay tối hôm nay, chúng tôi đã nói với nhau trước những lời từ biệt. Nhưng khi tôi vừa mở mắt ra thì đã thấy nàng mặc áo khoác đang rửa thìa bát và dựng chiếc mâm ướt bên cạnh bếp lò. Nàng biết tôi phục vụ trong binh chủng nào, nhưng chưa bao giờ chúng tôi nói với nhau về chuyện đó. Chỉ khi tôi vội vội vàng vàng đặt chiếc cốc chưa kịp uống hết xuống bàn và vừa đứng lên thì nàng liền hỏi là có mang dù theo không, như trước đây nàng đã từng nhiều lần hỏi như vậy.

Tôi đi ra khỏi nhà cùng với người bác sĩ to béo nọ. Cơn bão đã lắng. Cả thành phố chìm trong những bờ tuyết dài chạy dọc theo các đường phố và bị chia đôi như do một con dao khổng lồ nào đó cắt ra.

# Chương 4

# Những bức thư vĩnh biệt

Khi sắp ra đi tôi đã đưa những bức thư vĩnh biệt của thuyền trưởng cho Ca-chi-a. Trước kia, hồi ở En-xcơ, tôi cũng để lại cho nàng bức thư mà tôi đã cùng dì Đa-sa lấy được của một nhân viên bưu điện bị chết trôi, để nàng xem một mình. Lúc ấy tôi đứng dưới chân pháo đài Mác-tưn, lòng đầy lo âu và hồi hộp, tưởng tượng theo từng dòng chữ Ca-chi-a đọc.

Còn lần này, phải sau mấy ngày tôi mới có thể trông thấy lại nàng. Song dầu sao mọi việc vẫn thế, hai chúng tôi vẫn đọc chung thư với nhau và tôi biết rằng Ca-chi-a sẽ cảm thấy luôn luôn có hơi thở của tôi ở phía sau vai nàng.

Sau đây là những bức thư ấy.

## 1

*Kính gửi ngài đại tá hải quân P.X.Xô-cô-lốp. Tổng cục địa lý thủy văn. Xanh Pê-téc-bua.*

*Thưa Ngài Pi-ốt Xéc-ghê-ê-vích kính mến!*

*Bức thư này được viết khi cuộc hành trình của chúng tôi sắp*

*sửa đi đến chỗ kết thúc. Có điều đáng tiếc là chỉ có một mình tôi kết thúc nó. Nhưng mong rằng nó sẽ đến được tay Ngài. Tôi cảm thấy tuồng như trên thế giới này không còn có ai khác có thể chịu đựng những nỗi khổ cực về xác thịt như chúng tôi. Các bạn đồng hành của tôi đã lần lượt hy sinh, còn cả đội trinh sát được tôi cử đến Gan-trích không thấy quay về.*

*Tôi đã gửi Ma-sa và cô con gái nuôi của Ngài ở lại dọc đường trong một hoàn cảnh rất khó khăn. Nếu biết rõ đời sống của hai người đã được bảo đảm thì dẫu có chết tôi cũng yên lòng, vì tôi nghĩ rằng tổ quốc của chúng sẽ không hổ thẹn bởi chúng tôi. Chuyến thám hiểm lần này của chúng tôi không thành công. Nhưng sau khi trở về lại vùng lục địa mà chúng tôi đã phát hiện được và tiến hành nghiên cứu nó, chúng tôi đã dốc hết sức mình để bù vào chỗ không thành công của cuộc thám hiểm.*

*Ý nghĩ cuối cùng đốt cháy tâm can tôi là vợ và con gái tôi. Hy vọng rằng đời con gái tôi sẽ đẹp đẽ thuận chiều. Xin Ngài hãy giúp đỡ vợ và con tôi như trước đây Ngài đã giúp đỡ tôi. Trước lúc tắt thở, tôi nghĩ đến Ngài với một tình cảm sâu sắc và một tấm lòng yêu thương! Nghĩ đến những tháng năm đẹp đẽ nhất trong thời thanh niên của tôi, khi còn làm việc dưới quyền lãnh đạo của Ngài.*

*Xin ôm hôn Ngài.*

I-VAN TA-TA-RI-NỐP

## 2

*I.L. Ta-ta-ri-nốp, đội trưởng đội thám hiểm tàu "Xanh Ma-ri" kính gửi Ngài Tổng cục trưởng Tổng cục Địa lý thủy văn.*

## BÁO CÁO

*Rất hân hạnh được báo cáo với Tổng cục Địa lý thủy văn những việc sau đây:*

*Ngày 16 tháng Ba năm 1915, chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri" nằm ở vĩ độ 79°08'30", lấy Grin-vích làm chuẩn, kinh độ 89°55'00"; trong điều kiện thời tiết tốt tầm nhìn xa không bị cản trở, từ trên tàu "Xanh Ma-ri" đang phiêu bạt có thể nhìn thấy một dải đất vô danh, rất rộng, trên đó có vô số núi cao và sông ngòi nằm về phía đông con tàu. Trên vùng có dải đất lạ này, trước kia cũng đã từng được phát hiện có dấu tích như vào tháng Tám năm 1912, chúng tôi đã từng nhìn thấy những đàn ngỗng trời bay từ phía đông bắc về phía tây nam. Và vào đầu tháng Tư năm 1913, chúng tôi lại nhìn thấy từ đường chân trời phía đông bắc một dải đất liền màu bạc sáng bị bao phủ bởi một đám mây sặc sỡ hình thù quái dị như lớp sương mù trong khe núi xa.*

*Dải đất này trùng với đường kinh tuyết. Sự phát hiện đó đem đến cho chúng tôi một hy vọng; một khi có thời cơ thì lập tức xuống tàu, đổ bộ lên đất liền, đi dọc theo bờ biển đến hướng bán đảo Tai-mưa rồi tùy theo tình hình cụ thể mà tiến thẳng đến cửa sông Ha-tan-ga hoặc E-ni-xây và việc đầu tiên là đi tìm các bộ lạc ở vùng Xi-bê-ri. Lúc này hướng tiến của tàu chúng tôi là rất rõ ràng, theo hướng bắc lệch đông bảy độ, xuôi chiều với dòng chảy của băng. Nếu hướng tiến hơi lệch về hướng tây, nghĩa là song song với hướng hành tiến của tàu "Phơ-ram" ở miền nam thì chúng tôi đã không thể thoát khỏi vùng đóng băng trước mùa thu năm 1916 được, mà lương thực của chúng tôi thì chỉ đủ để ăn đến mùa hè năm 1915.*

*Chúng tôi đã phải trải qua vô vàn gian nan khổ ải (những việc đó không có dính dáng gì đến thực chất của bản báo cáo này), mãi đến ngày 21 tháng Năm năm 1915, chúng tôi mới đến*

*vĩ độ 81°09', kinh độ 58°36' và đổ bộ lên mảnh đất nằm dọc theo bờ biển mà chính chúng tôi đã phát hiện. Đấy là một hòn đảo bị bưng tuyết phủ kín, vị trí của nó ghi trên phụ đồ A đính theo bản báo cáo này. Năm ngày sau, chúng tôi mới đặt chân đến được hòn đảo thứ hai trong nhóm quần đảo gồm có ba, bốn hòn đảo vừa được phát hiện này. Ký hiệu của đảo này là G. Tôi đã chọn một địa điểm trên một mũi biển của cái đảo nhỏ này làm trạm thiên văn. Tọa độ của trạm thiên văn nói trên là 80°26'30" và 92°08'00".*

*Đi dọc theo mảnh đất lạ này về phía nam, tôi đã phát hiện được một bờ biển nằm giữa vĩ tuyến bắc 81° và 79°. Đoạn bờ phía bắc thấp trũng, có chỗ toàn đất thịt và bị phủ kín bởi một dòng băng khá rộng. Phần bờ phía nam có dốc cao dần lên và dần dần thoát khỏi sự bó buộc của lớp băng dày. Tại đây chúng tôi đã tìm thấy một số thân cây còn nguyên vẹn bị trôi dạt đến. Ở nơi vĩ độ 80°, đã phát hiện được một eo biển rộng lớn, kéo dài từ điểm C ra hướng tây nam. Bắt đầu từ điểm F, bờ biển đột ngột kéo dài về phía tây nam. Tôi vốn định quan sát bờ phía nam của vùng đất mới này. Nhưng lúc ấy chúng tôi đã quyết định đi dọc theo bờ biển Ha-ri-tông La-pơ-chép tiến đến sông E-ni-xây.*

*Trong lúc báo cáo với tổng cục về các phát hiện của cá nhân như đã nói ở trên, tôi nghĩ cần phải nói rõ rằng vì đồng hồ thiên văn trên tàu trong hai năm qua chưa hề được điều chỉnh lần nào cho chính xác, nên cho dù có bảo quản nó tốt đến như thế nào, cá nhân tôi vẫn cảm thấy rằng các kết quả tính toán về kinh tuyến chưa thể đáng tin cậy hoàn toàn.*

I-VAN TA-TA-RI-NỐP

*Kèm theo:*

*1) Một nhật ký của tàu "Xanh Ma-ri" (có ký tên)*

*2) Một quyển vở mỏng ghi chép về đồng hồ thiên văn.*

*3) Một quyển ghi các loại số tính toán được và các số liệu chụp ảnh.*

*4) Một tấm bản đồ vẽ được tại thực địa.*

*Tại trại nghỉ trên đảo thứ tư trong quần đảo Nga, ngày 18 tháng Sáu năm 1915.*

**3**

*Ma-sa thân yêu!*

*E rằng quan hệ giữa chúng ta đã đến lúc kết thúc, anh thậm chí còn khó tin rằng sẽ có một ngày nào đó em đọc được những dòng vĩnh biệt này. Các anh không thể đi lại được nữa rồi, đi là bị cóng ngay... Các anh chỉ còn biết nghỉ lấy sức, thậm chí sau bữa ăn cũng không cảm thấy cơ thể ấm lên được chút nào. Hai chân anh, nhất là chân phải rất tệ hại, chính anh cũng không rõ là nó đã bị cóng buốt và hỏng từ lúc nào. Trong khi viết thư anh vẫn quen dùng hai chữ "Các anh", nhưng thực ra Cô-pa-cốp đáng thương đã chết ba hôm nay rồi. Cơn bão tuyết hôm ấy đáng sợ làm sao, anh không tài nào chôn được anh ta! Cơn bão đã kéo dài đến những bốn ngày bốn đêm - đối với các anh, quãng thời gian ấy quá dài.*

*Ngày cuối cùng của anh đã ập đến rất nhanh chóng. Song anh không sợ chết chút nào! Rõ ràng là anh đã làm được rất nhiều để giành lấy sự sống so với khả năng mà anh có.*

*Anh rất có lỗi với em. Tuy những ý nghĩ khác cũng rất nặng nề. Song ý nghĩ về em là nặng nề hơn cả.*

*Mấy năm qua em đã phải chịu đựng biết bao nhiêu phiền muộn lo âu, và giờ đây phải gánh chịu buộc mình, nếu em gặp một người nào đó mà em quên được nỗi đau khổ lớn nhất. Xin em hãy đừng tự ràng buộc, thấy rằng sống với người ta em sẽ được*

*hạnh phúc thì em hãy nhớ rằng đây cũng là điều anh cầu mong cho em.*

*Em hãy chuyển lại những lời này cho mẹ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na. Anh xin ôm hôn mẹ, mong mẹ giúp đỡ em nhiều, đặc biệt là trong việc giúp đỡ con Ca-chi-a của chúng ta.*

*Cuộc hành trình của các anh rất gian nan. Song mọi người đều biểu hiện rất tốt. Nếu trang bị không quá kém, nếu vật tư được cung cấp không thiếu thốn quá, thì cũng có thể là các anh đã hoàn thành được nhiệm vụ.*

*Ma-sen-ca yêu quí! Anh thật không tưởng tượng được là sau khi không có anh, em và con sẽ sống như thế nào! Ca-chi-a, Ca-chi-a của ba! Anh biết ai sẽ giúp đỡ em và con, song trước phút tắt thở anh không muốn nhắc đến tên hắn. Anh không thể dốc hết bầu tâm sự đã tích lũy trong nhiều năm của mình cho người ấy được. Người ấy là hóa thân của cái thế lực trong nhiều năm bó buộc chân tay anh. Thực ra nếu hắn ta không ngăn trở anh, không đến "giúp đỡ" anh, thì anh cũng đã hoàn thành được khối công việc. Nghĩ đến chuyện này anh hết sức đau lòng. Nhưng còn cách gì hơn? Điều duy nhất có thể an ủi là anh lấy lao động của mình hiến dâng cho đất nước Nga những phần đất mới rộng lớn. Ma-sa thân yêu, thực ra anh không muốn kết thúc bức thư này, kết thúc cuộc nói chuyện cuối cùng với em. Em hãy yêu thương con gái của chúng ta, nhớ đừng để con nhiễm quen tính lười biếng. Đấy là hình ảnh của anh, anh đã trót là một kẻ lười và có phần quá tin người.*

*Ca-chi-a, con gái mồ côi của cha! Liệu mai sau con có biết được rằng cha đã từng thương nhớ con đến chừng nào không? Thậm chí trước lúc nhắm mắt cha chỉ mong được nhìn thấy con một lần nữa.*

*Anh dừng bút. Tay anh đã bị cóng rồi. Nhưng anh vẫn cố viết tiếp. Ôm hôn em và con. Người thân yêu mãi mãi của em và con.*

## Chương 5

# Trang cuối cùng

Tôi không muốn để Ca-chi-a ở lại trong nhà bác sĩ, điều chủ yếu là vì căn phòng ấy không phải của bác sĩ mà là của một sĩ quan đã bị hy sinh. Tất cả đồ đạc trong nhà đều là của người sĩ quan ấy. Mấy bức tranh mực nước vẽ phong cảnh thành phố Bắc cực được treo đối xứng trên tường. Một cái giá xếp rất ngay ngắn hàng chồng sách chuyên môn. Ngoài ra còn treo rất nhiều ảnh, tất cả đều là ảnh của một cô bé gái tóc dài mặc quần áo theo kiểu U-cra-i-na và những bức ảnh chụp thời kỳ cô bé đã lớn hơn ôm con búp bê to tướng và bóng nhẵn. Mọi thứ đồ đạc trong phòng khiến ta bất chợt nhìn thấy rất rõ cuộc sống đã bị chấm dứt của người chủ cũ.

Sống trong một gian phòng như thế, nhất định là sẽ bị chìm ngập trong hàng đống những ý nghĩ linh tinh khác nhau và hoàn toàn không cần thiết. Đối với một phụ nữ mà chồng đang phục vụ trong Không quân thì rất khó thoát khỏi những ý nghĩ như vậy. Song Ca-chi-a vẫn quyết định sẽ ở lại.

- Việc ấy có hề gì! - Nàng nói. - Đấy là việc rất bình thường.

Tôi không khăng khăng giữ ý kiến của mình. Số lần tôi trở lại thành phố Bắc cực không nhiều. Chỉ cần biết rằng Ca-chi-a ở bên cạnh bác I-van I-va-nứt và được trông thấy ông hàng ngày là tôi yên tâm và sung sướng rồi. Nàng đã xin việc để làm, thoạt tiên làm y tá trong bệnh viện, sau đó chuyển sang phòng khám của bác sĩ ở thành phố Bắc cực cũ. Hai tuần sau khi tôi đến đây, nàng đã tỏ rất hứng thú đối với cuộc sống mới đó nhanh hết chỗ nói.

Từ đây nhiều hạm tàu ra đi, đến các vùng biển xa gần, cùng với các hạm tàu của quân Đồng minh tiêu diệt các đoàn tàu vận tải của giặc Đức. Vì vậy tất cả mọi sự kiện xảy ra trong cái thành phố bé nhỏ này đều có liên quan không nhiều thì ít đến cuộc chiến đấu đương diễn ra. Tên của người chỉ huy nổi tiếng được nhân dân hâm mộ, hầu như mọi người trong thành phố đều biết đến. Trong đó có không ít nhân vật mà tên tuổi đã vang lừng khắp Liên bang Xô-viết.

Khi sống ở thành phố N., tôi cảm giác rất rõ khoảng cách giữa hậu phương và tiền tuyến. Và ở đây, cảm giác đó lại càng rõ rệt hơn, bởi cuộc sống ở đây đa dạng, phong phú hơn ở N. nhiều. Cuộc sống này không phải từ trên trời rơi xuống mà là một sự thâm nhập dần dần từ ngoài vào. Từ mọi phương diện đều có thể nhận ra rằng tất cả mọi người của chúng ta, từ đồng chí tư lệnh đến anh chiến sĩ hải quân đều tỏ rõ quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng để bảo vệ vùng đất này. Vì sự căng thẳng luôn luôn thường trực nên nó đã ăn sâu vào từng sự việc nhỏ của cuộc sống thường ngày.

Tôi nghĩ rằng mùa đông giữa năm 1942 và năm 1943, có lẽ là mùa đông hạnh phúc và đầm ấm nhất của chúng tôi. Hồi ấy, cứ cách một ngày, tôi lại xuất phát đi oanh tạc các hạm tàu của địch một lần. Khi chưa biết rõ tin tức Ca-chi-a, lúc bay tôi có một cảm giác khác. Nhưng khi đã biết rõ rằng nàng đang sống an toàn giữa thành phố Bắc cực và chỉ mấy ngày sau là tôi sẽ được chính

mắt xem nàng pha nước chè ở bàn ăn, thì khi bay tôi có một cảm giác hoàn toàn khác hẳn. Bên trên bàn ăn treo một chiếc đèn có cái chụp màu xanh. Bác sĩ I-van I-va-nứt dùng giấy cắt những cái hình rất ngộ nghĩnh dán lên cái chụp ấy. Trong trí tưởng tượng của tôi hình thành một bức tranh: tất cả những con người và sự việc làm cho tôi và Ca-chi-a hân hoan phấn chấn đều tập trung vào trong vòng sáng của cái chụp màu xanh kia. Còn tất cả những người và sự việc khiến hai chúng tôi buồn phiền lo lắng đều lánh xa ra, vào cái góc tối ngoài kia.

Tôi còn nhớ một buổi gặp mặt của chúng tôi vào một buổi tối. Hôm ấy để bắt liên lạc với bác sĩ, sau nhiều lần tìm kiếm vô ích, cuối cùng tôi vớ được một chiếc thuyền máy và liền lái thẳng đến thành phố Bắc cực. Tuy lúc bấy giờ đã muộn nhưng mấy người bạn chúng tôi vẫn quây quần với nhau dưới cái quầng sáng này. Đêm khuya có hề gì, nếu không được ở bên nhau, thì ban ngày có khác gì là đêm khuya!

Ông bác sĩ mập mạp, trông rất đẹp dáng, mặc chiếc áo khoác dài và rộng thùng thình từ trong phòng riêng của mình lững thững đi đến cạnh bạn, chiếm một chỗ, nếu không phải là nổi bật nhất thì cũng là vị trí huyên náo nhất. Cái dáng hấp tấp của ông có vẻ như đang chờ đợi một sự kiện vui mừng nào đấy, hoặc ít ra thì cũng là chờ đợi một tin lành. Với cái dáng vẻ ấy, ông đã gây không khí nhộn nhịp cho mọi người, tuy ông không nói lời nào nhưng ai cũng có thể nghe rõ hơi thở ồ ồ hổn hển như thụt bễ của ông.

Nếu chia ngôi thứ theo âm thanh ồn ào thì tôi phải là người thứ hai đứng sau bác sĩ. Thực tình mà nói, từ trước tới nay chưa bao giờ tôi nói nhiều, uống nhiều rượu, cười nhiều và giòn như hôm nay. Cái cảm giác khó tả khi gặp lại Ca-chi-a hình như vẫn còn đọng lại trong tâm hồn tôi, tất cả chúng như đều bay tới phía trước, về một nơi... Nơi nào nhỉ? Ai mà biết được. Tôi tin rằng

chúng bay về chân trời hạnh phúc. Sau khi con trai yêu hy sinh, bác sĩ cảm thấy mình hoàn toàn như một người ốm. Nhưng đêm nay ông cũng vui vẻ, hoạt bát hẳn lên, ông thích dùng những câu danh ngôn của Cô-dơ-ma Prút-cốp để bàn về thời sự quốc tế.

Cậu hoa tiêu của tôi chiếm ghế cao nhất trong số những người im lặng. Hầu như từ đầu chí cuối cậu ta chẳng nói câu nào. Cậu ta chỉ ngồi trầm tư suy nghĩ, thỉnh thoảng hàng lông mày khẽ động đậy và cậu ta lấy tẩu thuốc ra khỏi miệng, phả những vòng khói tròn ra ngoài. Trên kia tôi có nói rằng tôi rất mến cậu ta, bởi cậu ta là một hoa tiêu xuất sắc và rất hợp với tính tôi.

Lúc này Ca-chi-a loay hoay bận bịu với những công việc chủ nhân của mình. Tôi không biết là nàng đã biến căn phòng này thành nhà của chúng tôi như thế nào, khiến chúng tôi có thể tiếp khách một cách thoải mái và đầy đủ.

Rõ ràng là nếu như hằng ngày đài phát thanh không truyền đến những tin tức chiến thắng của quân ta thì không thể nào có được buổi gặp mặt vui vẻ này và tôi cũng không thể nào được hưởng cái hạnh phúc gặp mặt Ca-chi-a. Sáng sớm ngày hôm sau, khi nàng tiễn chân tôi thì mặt trời đã nhô lên ở chân trời, nó to như quả bóng chúng tôi thường chơi thuở bé, nó sáng rực và tươi trẻ, tượng trưng cho sự bắt đầu của một ngày ở Bắc cực, nó bò dần lên phía trên dãy núi xa có vẻ mềm mại, tất cả những cái đó như để dành riêng cho chúng tôi... Nếu đài phát thanh ngày ngày không truyền đi các tin tức chiến thắng thì trong chúng tôi không thể nào có được những tình cảm hăng hái phấn chấn. Cái tình cảm hăng hái ấy mang trong mình nó tính chất phổ biến, nó chẳng những có ở đây - vùng tiền duyên cánh bên trái, mảnh đất trên bộ có người lính cuối cùng của chúng ta đóng giữ, nơi có những vách đá cheo leo hoang vắng bị biển cắt vụn, mà nó còn có ở bất cứ vùng nào của toàn bộ mặt trận.

Những phát đạn đại bác cuối cùng ở thành phố Xta-lin-grát

đã lặng tiếng. Các chiến sĩ vọt ra khỏi các hầm ngầm, họ nheo mắt tránh ánh nắng và ánh tuyết chói lọi, ngắm nhìn thành phố hoang tàn đã trải qua những cuộc vật lộn quyết liệt với quân thù. Tin thắng lợi vĩ đại này dội đến những tường đá hoa chắc đẹp của thành phố Bắc cực. Hầu như chúng tôi đã làm tất cả những gì có thể làm được để các tin tức chiến thắng vang đi xa hơn nữa dọc theo bờ biển Na-uy. Các đội tàu buôn của giặc đang lén lút đi từ nước này sang nước khác, hãy làm cho âm vang của chiến thắng theo chúng đến khắp mọi nơi. Giặc Đức đang đổ vũ khí của chúng xuống các quốc gia xa lạ và chuyển lên tàu chúng những sắt thép ăn cướp được. Chúng đang gấp rút ăn cướp quặng thép ở vùng biển Ba-ren-xép trong đám âm thanh thần bí, hãy làm cho âm vang của chiến thắng truyền đến những vùng chúng đang gây ra tội ác!...

Chúng tôi - bác sĩ, Ca-chi-a và tôi - bỏ tất cả thì giờ cá nhân vào việc chọn lựa và nghiên cứu những tài liệu tìm được của đội thám hiểm tàu "Xanh Ma-ri".

Không biết việc in tráng số phim ảnh của đội thám hiểm với việc lựa chọn tài liệu, việc nào khó hơn. Mọi người đều biết rằng, thời gian càng dài, màu sắc của phim ảnh càng nhạt đi. Vì thế trên hộp chứa phim đều có ghi thời hạn bảo hiểm, quá hạn ấy, nhà máy sản xuất ra số phim ấy không chịu trách nhiệm nữa. Thời hạn bảo hiểm của những phim tàu "Xanh Ma-ri" mang theo là đến tháng hai năm 1914. Chẳng những thế, giấy bọc bị thấm nước, phim bị ướt sũng trong một thời gian rất dài. Ngay đến người thợ rửa ảnh giỏi nhất của hạm đội miền Bắc cũng nói rằng, ý định muốn dùng số phim này là một "mơ tưởng viển vông", ngay đến những người có kinh nghiệm như họ cũng đành chịu bó tay. Nhưng cuối cùng tôi đã thuyết phục được họ. Kết quả trong số một trăm hai mươi kiểu ảnh được tráng rửa cẩn thận, có

khoảng năm mươi kiểu được coi là có thể "xử lý thêm để dùng". Qua nhiều lần phục chế, đã có được hai mươi hai phim rất rõ nét.

Tôi đã đọc được nhật ký của người hoa tiêu tên là Cơ-li-mốp. Nét chữ của ông nhỏ, láu lại bị nước làm nhòe nên khó đọc. Đó là những tờ giấy rời được đóng gộp lại thành một quyển. Còn các thứ tài liệu của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp, ngoài bức thư vĩnh biệt cùng một số ảnh được bảo vệ tốt ra, các thứ khác đều bị dính chặt lại thành cục. Đương nhiên là bản thân chúng tôi không đủ khả năng gỡ tách chúng ra, biến chúng thành những văn bản và bản đồ có ích được. Do đó việc này được giao cho một đồng chí có kinh nghiệm lãnh đạo tách gỡ trong phòng thí nghiệm đặc biệt. Trong số tài liệu của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp vừa tìm được, có một quyển dày, nội dung khá phong phú, nhưng chúng tôi không dự định trình bày kỹ ở đây vì sự hạn chế về số trang của quyển sách này. Điều tôi muốn nói là ông dựa vào các kết quả bản thân quan sát được, đã đi đến một số kết luận, và căn cứ vào công thức ông đề ra, có thể tính toán được tốc độ và phương hướng chuyển động của các dòng băng ở bất cứ khu vực nào trên Bắc băng dương. Thoáng qua, đấy là một thành tựu khó được tin cậy, vì căn cứ vào đoạn đường ngắn ngủi mà tàu "Xanh Ma-ri" đã kinh qua thì ai cũng nghĩ rằng rất khó có thể đạt được một sự tổng kết rộng lớn như thế được. Song chân lý không cần nhiều biện luận.

"Tuy mình đã đọc hết sự tích của cả đời thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp, nhưng mình vẫn chưa tìm thấy trang cuối cùng, - tôi thường tự nhủ như thế".

"Công việc đã kết thúc đâu nào, - tôi tự trả lời như vậy. - Biết đâu sẽ có ngày mình sẽ tìm thấy và đọc được trang cuối cùng ấy".

Ngày ấy đã đến. Tôi đã đọc được hết sự tích bất hủ của đời ông.

## Chương 6

# Trở về

Mùa hè năm 1944 tôi được nghỉ phép. Tôi và Ca-chi-a quyết định sẽ về chơi Mát-xcơ-va ba tuần lễ, còn tuần thứ tư thì về En-xcơ thăm các cụ.

Ngày mười bảy tháng Bảy, chúng tôi về đến Mát-xcơ-va. Đó là một ngày đáng nhớ biết bao! Đúng vào ngày ấy bọn tù binh Đức bị áp tải qua phố xá thủ đô. Hành lý chúng tôi mang theo rất nhẹ, nên quyết định trước tiên sẽ đi tàu điện ngầm vào trung tâm thành phố. Nhưng sau khi ra khỏi sân bay, chúng tôi đã phải đứng chờ suốt hai tiếng đồng hồ mà vẫn chưa vượt được qua đường phố. Thoạt đầu chúng tôi đứng xem, sau mỏi quá, ngả va-li ra kê ngồi, cuối cùng lại đứng lên. Đoàn tù binh vẫn diễu qua không ngớt. Đi đầu bọn chúng là những tên tướng béo phị, trong đó có đứa là đao phủ nổi tiếng. Chúng đội mũ ống cao, vận đồng phục, mặt mày nhẵn nhụi, mang một vẻ kiêu kỳ bị thất thế. Bọn tướng đi đầu đã đến cầu Crem-lanh mà bọn lính ở phía sau hãy còn nối tiếp nhau bước đi khập khiễng mãi tít phía xa, đứa thì

mặc quần áo lót, đi chân không, đứa mặc áo khoác dài để hở phanh ngực.

Tôi nhìn chúng nó với một niềm lý thú và một nỗi căm giận cùng cực. Tôi cũng như số lớn các đồng chí lái máy bay khác, hầu như trong suốt cả thời kỳ chiến tranh chưa có lần nào được nhìn tận mặt kẻ thù, kể cả khi lao thẳng vào chúng để công kích trên không trung. Giờ đây thế mà được gặp may, một đám giặc năm vạn bảy nghìn sáu trăm tên xếp hàng hai mươi diễu qua trước mặt tôi. Trong cái ngày huy hoàng này, Mát-xcơ-va như đẹp thêm ra. Bọn chúng nhìn Mát-xcơ-va với vẻ hết sức kinh lạ, nhiều tên ngán ngẩm cúi đầu nhìn xuống chân mình.

Tuy bọn chúng là những con người khác nhau, có những số phận không giống nhau, nhưng chúng có chung một điểm là cử chỉ, hành động của tất cả bọn chúng hoàn toàn khác xa chúng ta.

Tôi nhìn sang Ca-chi-a. Nàng đứng im, tay đè chiếc túi xách vào sát ngực, lộ vẻ xúc động mãnh liệt. Sau đó nàng bỗng hôn tôi một cái rõ kêu. Tôi hỏi:

- Em xúc động lắm hả?

Nàng trả lời rất nghiêm trang:

- Vâng!

Chúng tôi đem theo khá nhiều tiền. Chúng tôi thuê một chỗ ở loại tốt nhất của khách sạn "Mát-xcơ-va" gồm có năm phòng, thiết bị sang trọng, có gương lớn, có tranh ảnh bày biện trên tường và có cả đàn dương cầm.

Thoạt tiên chúng tôi hơi bàng hoàng. Nhưng sau đó cảm thấy rằng không khó làm quen với những gương soi mặc quần áo, thảm trải sàn cùng những hình vẽ tuyệt vời và hoa lá trên trần

nhà. Chúng tôi cảm thấy sống trong những gian phòng ấy thật là nhẹ nhõm và dễ chịu.

Tất nhiên là ngay ngày hôm chúng tôi vừa đến nơi, bác Cô-ra-bơ-li-ốp đã đến gặp chúng tôi. Bác ăn bận rất đỏm dáng, mặc ở bên trong chiếc sơ-mi in hoa rộng thùng thình, bộ ria mép hình chữ "bát" được vê tròn rất thẳng nếp. Chiếc sơ-mi rất hợp với bác, khiến bác giống hệt như một họa sĩ Nga vĩ đại nào đấy. Song tôi và Ca-chi-a nghĩ mãi vẫn không nhớ ra được là bác giống ai.

Mùa hè năm1942, khi tôi gõ lên cánh cửa đính da thú của bác, bác có mặt ở Mát-xcơ-va. Và một lần khi bác về nhà thấy có thư tôi để lại, biết rằng tôi đã lên đường đi I-a-rô-xláp tìm Ca-chi-a, bác đã quýnh cả lên, hồi ấy bác có mặt ở Mát-xcơ-va.

- Sao anh đi tìm Ca-chi-a lẩm cẩm thế? Chính hôm đó tôi dẫn cô ấy đến Sở dân cảnh để đăng ký hộ khẩu, vì cô ấy không đăng ký được ở ngõ Xip-xép Vra-giéc, thế mà anh lại đi tìm cô ấy ở nơi xa tít mù tắp!

- Bác I-van Pa-vơ-lứt, cái đó cũng chưa phải là chuyện rủi đâu, - tôi nói. - Mọi việc đã kết thúc tốt đẹp. Mùa hè năm ấy, cháu không được gặp may, cho nên, cháu lại nghĩ rằng đến bây giờ khi mọi chuyện đã được kết thúc tốt đẹp, chúng ta gặp lại nhau càng tốt hơn. Hồi ấy cháu vừa đen vừa gầy nom như người rừng ấy. Còn bây giờ, bác xem, chẳng phải khỏe mạnh hồng hào đấy sao. Bác kể chuyện về bác đi! Bác đã làm những gì và sống ra sao?

Từ trước đến nay bác I-van Pa-vơ-lứt không quen nói về mình. Nhưng hôm ấy bác cũng đã cho chúng tôi biết được một số tin tức lý thú về trường tiểu học nằm trên đại lộ Xa-đô-vô Tri-um-phan-

nai-a. Chính trong trường tiểu học này đã xảy ra sự kiện lớn trong cuộc sống của tôi và Ca-chi-a. Sau khi học xong tiểu học, cuộc sống nhà trường từ đó bỗng dần dần xa cách lạ lẫm đối với chúng tôi. Khi nhớ lại rằng những đứa trẻ sôi nổi, từng tưởng tượng đời sống vô cùng phức tạp chính là bản thân mình, chúng tôi không khỏi ngạc nhiên. Nhưng đối với bác I-van Pa-vơ-lứt thì cuộc sống nhà trường vẫn đang tiếp diễn. Hằng ngày bác đến trước gương, thong thả chải bộ ria đỏm dáng của mình và cầm lấy chiếc roi đi dạy học. Từng tốp học trò mới đi qua dưới ánh mắt nghiêm nghị nhưng đầy yêu thương săn sóc của bác, như đi qua luồng chiếu của ánh sáng đèn pha. Ôi, cái ánh mắt của bác lợi hại biết chừng nào! Tôi chợt nhớ đến câu nói của Gri-sa Pha-be "Ánh mắt là viên ngọc vô giá" nếu ở bác có loại ánh mắt ấy thì "chỉ cần bỏ ra ít nhiều công phu là bác có thể lập nên công trạng trong sự nghiệp kịch trường".

- Bác I-van Pa-vơ-lứt, cậu ấy dạo này ở đâu ạ?

- Gri-sa đang sống ở tỉnh, - bác trả lời, - Ở Xa-ra-tốp. Cũng đã lâu tôi không gặp anh ấy. Có lẽ bây giờ anh ấy đã trở thành diễn viên ưu tú rồi.

- Trước kia cậu ấy đã khá rồi. Cháu rất mê lối biểu diễn của cậu ấy. Chỉ có điều là cậu ấy nói hơi to, nhưng như thế cũng chả sao, lại phát âm được rõ ràng!

Chúng tôi lần lượt nhắc đến từng học sinh cũ trong lớp. Nhớ lại những người bạn cũ hiện đang tứ tản khắp mọi miền đất nước ấy, chúng tôi vừa thương cảm vừa sung sướng. Ta-ni-a Ve-lít-scô đang tham gia công tác xây dựng nhà cửa ở Xta-lin-grát. Su-ra Cô-trơ-nhép đã trở thành đại tá pháo binh. Trước đây không lâu có thấy tên anh ấy trong một tờ lệnh. Nhưng có nhiều người bác I-van Pa-vơ-lứt không nắm được chút tin tức nào. Thời gian

như bay lướt qua bên cạnh họ, hình ảnh họ trong ký ức của người khác luôn luôn là những đứa trẻ mười bảy, mười tám tuổi. Chúng tôi ngồi ôn lại chuyện cũ rất lâu. Giáo sư Va-len-tin Ni-cô-lai-ê-vích Giu-cốp đã gọi điện đến đây ba lần, lần nào cũng bị mọi người mắng rằng anh ta là giáo sư hão, lúc nào cũng mượn cớ bận nghiên cứu rắn hoặc những thứ táp nham gì đó để hối thúc không chịu đến chơi.

Cuối cùng anh ta đã phải đến. Anh ta đứng bần thần phía cửa, một tay vuốt mũi, dáng tư lự. Hãy trông kìa, anh ta ngỡ mình tìm nhầm nhà!

- Thế nào giáo sư, mời ngài vào đây, vào đây, - tôi gọi anh ta.

Anh ta cười rõ to và lao về phía tôi. Đi theo sau anh ta bước vào cửa là một người đàn bà cao lớn, béo khỏe và có một bộ tóc màu sáng. Nếu tôi không nhầm thì tên bà ta trước đây là Ki-ren.

Cố nhiên là ngay lúc đó tôi bị lục vấn một hồi rất ghê. Va-li-a ngồi ở bên trái và Ki-ren ngồi ở bên phải, hai người thay nhau hỏi không ngớt miệng. Rằng tại sao, căn cứ vào đâu và bằng cách nào mà tôi đã tự động sục vào nhà người khác, tìm được Ca-chi-a đang ngụ trong nhà V.N Giu-cốp. Rằng tôi là một anh đần, dễ dàng tiện lợi không muốn lại đi để lại một mảnh giấy vớ vẩn mà qua đó không thể nào biết được tôi ở đâu và tôi sẽ lưu lại ở Mát-xcơ-va bao lâu.

- Tấm phản ấy chính là giường nằm của chị Ca-chi-a đấy, - Va-li-a nói. - Và cái áo liền váy đặt ở đầu phản là của chị ấy. Lạy chúa, tại sao cậu lại không thể đoán ra được rằng chỉ có bàn tay phụ nữ mới làm gọn gàng ngăn nắp căn phòng của tớ được nhỉ?

- Không thể đoán được, - tôi đáp. - Nhưng tớ cũng biết rằng có bàn tay phụ nữ thu dọn...

Ki-ren cười rộ với vẻ thiện ý, nhưng Va-li-a mở to hai mắt ra hiệu cho tôi. Rõ ràng là cái bóng đen thần bí của Gien-ca Côn-pắc-tra vẫn còn lảng vảng trong nhà hai người.

Các phụ nữ sang phòng bên cạnh. Ki-ren cần cho đứa con thứ tư ăn, và như vậy có thể đoán biết rằng chị ta và Ca-chi-a có điều gì muốn nói riêng với nhau.

Chúng tôi nói chuyện về chiến tranh. Từ nhiều mặt có thể nhận thấy rằng chiến tranh sắp sửa kết thúc. Cái vẻ chăm chú lắng nghe của Va-li-a và bác I-van Pa-vơ-lứt khi tôi nói, giống như tôi là người sắp sửa báo cáo với tư lệnh rằng quân ta đã công phá Béc-lanh.

Va-li-a hỏi tôi tại sao quân ta không vượt qua sông Vi-xla. Tôi đáp rằng không biết, khiến cậu ta có vẻ thất vọng. Về tình hình miền Bắc, nếu căn cứ vào những câu hỏi của cậu ta, thì tôi không phải là chỉ huy của một đại đội không quân mà là chỉ huy của cả một phương diện quân.

Về sau bác I-van Pa-vơ-lứt khơi nguồn nói về thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp. Để Ca-chi-a khỏi nghe thấy, tôi hạ thấp giọng xuống kể cho bác nghe những chi tiết mà tôi chưa hề lộ ra với ai. Trong một cái hốc hẹp cách căn lều của thuyền trưởng không xa lắm, có mấy ngôi mộ của thủy thủ mà đầu của họ lộ lên trên mặt đất, dưới một tảng đá lớn. Xương các xác chết bị gấu và chó sói tha đi khắp nơi, làm lẫn lộn không phân biệt được xương nào là của người nào. Có một chiếc xương đầu gối lạc xa lều đến ba cây số. Trong mấy ngày cuối cùng chắc chắn là thuyền trưởng đã cùng nằm chung trong một túi chăn với người cấp dưỡng tên là Côn-pa-cốp, người này chết trước thuyền trưởng. Trong bức thư gửi cho Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na, lúc đầu thuyền trưởng viết là "chuyển cho vợ tôi", nhưng sau đó chữa lại là "chuyển cho người vợ góa

của tôi". Ở bên dưới bàn tay trái của thuyền trưởng, tìm thấy một chiếc nhẫn cưới, bên mép trong của chiếc nhẫn ấy có khắc hai chữ M. và T.

Tôi lấy từ trong va-li ra một chiếc lập lắc bằng vàng hình quả tim và đưa cho mọi người xem. Một mặt của cái lập lắc ấy khắc chân dung của Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na rất tinh xảo, còn mặt kia là một mớ tóc đen. Bác I-van Pa-vơ-lứt bước tới trước cửa sổ, đeo kính lên và ngắm nghía chiếc lập lắc ấy rất lâu. Bác lấy khăn tay cọ cọ vào chòm râu rồi lại ngắm tiếp. Bác cứ ngắm nghía mãi, cho đến khi tôi cùng Va-li-a đến đỡ bác ngồi xuống ghế bành.

- Trời, Ca-chi-a giống chị ấy như đúc. - Bác kêu lên giọng thảng thốt. - Đến tháng mười hai năm nay là tròn mười bảy năm rồi. Thật khó mà tin được!

Bác bảo tôi gọi Ca-chi-a ra và mách với tôi rằng vào dạo mùa xuân vừa rồi bác có đến thăm mộ, có mang hoa đến viếng và có nhờ một công nhân tráng lên trên mộ một lớp dầu sơn.

Mọi người ở chơi nhà tôi đến đêm. Ki-ren về nhà ở ngõ Xíp-xép Vra-giéc cho đứa con nhỏ nhất bú một lần, và khi quay lại dẫn theo đứa con gái lớn nhất. Đấy là cô gái mà hai vợ chồng hy vọng có thể trở thành diễn viên. Nói chung lại, theo cách nói của bà mẹ Ki-ra thì giá trị của tất cả các học sinh giỏi giang nhất của trường bà cộng lại cũng không bằng cô bé này. Nghe nói rằng từ hồi còn bú, cô bé đã có "cảm giác âm thanh" rất đặc sắc, và bây giờ em ngâm thơ Pu-skin thậm chí không kém nhà ngâm thơ đại tài Xtê-pa-nhi-an.

Va-li-a vẫn giống như trước, lúc nào cũng nói đến những con vật của mình một cách say sưa. Ngoài ra cậu ấy còn kể một số câu chuyện ngoài chiến hào. Tôi hỏi đã nghiên cứu được qui luật

biến đổi của máu rắn theo tuổi chưa, Va-li-a cười và cho biết là tìm ra kết luận rồi.

Hôm nay là một ngày tuyệt diệu của Mát-xcơ-va. Mở đầu ngày hôm nay là cuộc chờ đợi kéo dài hai tiếng đồng hồ của chúng tôi, khi lũ tù binh Đức đi qua phố. Đấy là cái mở đầu rất tuyệt! Cũng trong ngày hôm nay, cảm giác sắp giành được thắng lợi rạng lên trong lòng và không tắt nữa. Tin chiến thắng chưa in thành những dòng chữ đen trên mặt báo. Nhiều người còn cần phải hiến thân mình cho thắng lợi. Nhưng từ khắp mọi nơi, từ trong cảm giác đã có thể nhìn thấy hình dáng của chiến thắng. Cuộc sống trở lại chiếm giữ vị trí của nó, chiến tranh đã làm nó thay đổi. Mùa hè năm 1944 Mát-xcơ-va tràn ngập cái cảm giác xung khắc giữa cái mới và cái cũ một cách kỳ lạ và mới mẻ.

Tối hôm ấy tiếng đại bác chào mừng vang rền. Vào lúc chín giờ bốn nhăm phút vang lên ầm ĩ tiếng gầm thét "có tin mới quan trọng". Va-li-a nêu ý kiến cần phải lên ngay tầng thứ mười hai. Lúc này người đi cầu thang máy đông vô kể, nên chúng tôi rủ nhau đi bộ. Nhưng đi giữa chừng chúng tôi mới biết rằng muốn lên tầng mười hai thì dứt khoát phải đi bằng thang máy, nên chúng tôi đành chịu, phải quay về phòng.

Nhưng rồi cuối cùng chúng tôi cũng tìm cách lên được. Bây giờ trải ra dưới mắt tôi là thành phố Mát-xcơ-va tráng lệ thấp thoáng trong ánh hoàng hôn. Tôi và Ca-chi-a nhìn nhau, trong lòng náo nức khó tả. Chúng tôi cầm tay nhau, đứng tựa vào một bức tường ngang. Bầu trời yên tĩnh bị nhuốm đỏ bởi những luồng khói sẫm, sau đó trên đầu chúng tôi bỗng bung ra những chùm lửa sáng rực rỡ, sặc sỡ màu sắc rồi từ từ rũ ra, rơi nhanh xuống.

## Chương 7

# Hai cuộc nói chuyện

I

Ở Mát-xcơ-va tôi có hai việc phải hoàn thành. Việc thứ nhất là đọc báo cáo tại Hội Địa lý học về quá trình tìm được đội thám hiểm tàu "Xanh Ma-ri". Việc thứ hai là nói chuyện với người dự thẩm về Rô-ma-sốp. Hai việc này có liên quan với nhau, vì khi còn ở thành phố N. tôi đã gửi cho Viện công tố bản sao lời khai của Rô-ma-sốp với tôi ở quảng trường Xô-ba-tri.

Bây giờ tôi bắt đầu kể từ chuyện thứ hai.

Mùa thu năm 1943, Rô-ma-sốp bị xử mười năm tù ngồi. Tôi biết tin này từ miệng một nhân viên công tác trong ngành tòa án của thành phố N.. Trước kia khi theo dõi vụ án này ở Mát-xcơ-va, anh ta có hỏi chuyện tôi mấy lần. Không hiểu tại sao vụ án ấy bây giờ lại chuyển về cho tòa án địa phương xử. Trước khi rời khỏi thành phố N. không lâu, tôi có nhận được giấy báo nói rằng tổ điều tra Mát-xcơ-va yêu cầu tôi cung cấp thêm một số tài liệu bổ sung.

Đấy là những việc phiền toái chẳng có hứng thú gì. Trên đường đi, khi nghĩ rằng rồi đây mình sẽ bị cuốn vào cái guồng

phức tạp, vô vị của vụ án, tôi không khỏi cảm thấy ngán ngẩm. Nếu không có vụ án này thì có phải sẽ được nghỉ ngơi thoải mái biết bao!

Ngày thứ hai sau khi đến nơi, tôi liền đến tòa án trình diện, các đồng chí ở đó mời tôi đến gặp người thẩm phán phụ trách thẩm tra vụ án Rô-ma-sốp.

Đây là gian phòng khách công cộng. Ánh sáng trong phòng hơi yếu, giữa phòng đặt một tấm chắn bằng gỗ ngăn căn phòng ra làm đôi. Dọc theo tường đặt khá nhiều ghế dài thô và cũ, trên đó có rất nhiều người đang ngồi, bà già có, cô gái có, các quân nhân không đeo quân hàm có... Mọi người đang chờ lệnh gọi đến tên mình.

Tôi đã tìm được phòng làm việc của viên thẩm phán. Trên cửa phòng của ông ta treo một tấm biển đề cái tên khá hiếm thấy của ông: "Ve-xe-la-gô". Vì còn rất sớm nên tôi buồn tay, cắm lại các lá cờ biểu thị vị trí của quân ta trên tấm bản đồ treo trên tường phòng khách. Đấy là một tấm bản đồ rất tốt, có điều là các lá cờ cắm cách các chiến tuyến quá xa.

Một giọng nói quen thuộc làm gián đoạn công việc của tôi. Giọng nói ấy sao mà quen đến thế. Nó tròn trịa, nghiêm trang khiến tôi trong giây lát tưởng rằng mình còn là chú bé đang ăn mặc xấu xí, bẩn thỉu, trên chiếc quần có miếng vá to tướng.

Giọng ấy hỏi:

- Được chứ ạ?

Như là giờ này chưa được vào không bằng. Ni-cô-lai An-tô-nô-vích nhẹ nhàng đẩy cửa phòng viên thẩm phán ra, nhưng sau đó liền khép lại, ngồi xuống dãy ghế dành cho khách chờ với cái vẻ hết sức bần thần. Lần cuối cùng tôi gặp ông ta là vào mùa hè

năm 1942 ở ga tàu điện ngầm. Dáng vẻ của ông ta giờ đây giống hệt như lúc ấy: đạo mạo từ tốn và có phần quan trọng hóa vấn đề.

Tôi vừa huýt sáo mồm vừa đổi chỗ các lá cờ biểu thị vị trí của mặt trận thứ hai trên vùng gần biển Ban-tích. Từ khi tôi nói với ông ta câu: "Tôi nhất định sẽ tìm ra đội thám hiểm, đến lúc đó sẽ rõ xem ai đúng ai sai", đến nay đã mười bảy năm rồi. Ông ta biết tin tôi đã tìm ra đội thám hiểm chưa nhỉ? Có lẽ đã biết rồi. Nhưng chắc chắn là ông ta không biết được rằng trong số tài liệu, văn kiện tìm được của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp, có nhiều luận điểm vững chắc không thể nào đánh đổ được, chứng tỏ rằng nhận thức của tôi hoàn toàn đúng. Về những chi tiết này, báo chí chưa hề nói đến một chút gì.

Ông ta ngồi cúi đầu, hai tay cầm chiếc gậy chống. Về sau ông ta liếc nhìn tôi, trên bộ mắt trắng bợt của ông ta lướt qua một vẻ gì khó xử rất mất tự nhiên. Tôi khoan khoái nghĩ: "Nhận ra rồi". Sau khi nhận ra tôi, ông ta liền nhìn sang phía khác.

... Đấy là giây phút ông ta vắt óc suy nghĩ để tìm cách đối phó với tôi. Một chuyện phức tạp biết bao! Song ông ta có vẻ như là đã tìm ra lối thoát. Bỗng ông ta đứng bật dậy, giơ bàn tay lên quá đầu vẫy vẫy và dũng cảm bước thẳng lại phía tôi.

- Nếu tôi không nhầm thì đồng chí là Gri-gô-ri-ép có phải không?

- Phải, đúng thế.

Có lẽ từ bé đến giờ, đây là lần đầu tiên tôi phải cố gắng nhiều đến thế để nói ra mấy lời ngắn ngủi như vậy. Đúng cũng là giây phút tôi suy nghĩ cách đối phó với ông ta.

- Đối với anh, thời gian trôi qua thật là không vô ích chút nào, - ông ta nhìn vào quân hàm của tôi, nói tiếp. - Lần này anh từ

đâu đến đây? Anh đã chiến đấu ở mặt trận nào để bảo vệ những người làm công tác hậu phương bé nhỏ chúng tôi?

- Ở miền Cực bắc.

- Anh sẽ ở lại Mát-xcơ-va có lâu không?

- Tôi đi phép, sẽ ở lại đây ba tuần.

- Anh cũng bị buộc phải bỏ thì giờ vàng ngọc để đến đây phải không? Nhưng nói cho cùng thì đây cũng là nghĩa vụ mà mỗi công dân chúng ta phải hoàn thành, - ông ta nói bằng một giọng hết sức đạo mạo, rành rọt. - Tôi nghĩ, chắc anh cũng như tôi được gọi đến đây là vì vụ án Rô-ma-sốp phải không?

- Đúng thế.

Ông ta lặng im một giây. Ôi, sao mà tôi quen thuộc cái thói quen lặng im ấy của ông ta đến thế. Từ bé tôi đã căm ghét vô cùng cái lối lặng im giả dối và có mục đích rõ rệt này của ông ta!

- Thằng ấy không phải là người, nó là một con yêu tinh, - cuối cùng ông ta nói. - Tôi thấy cần phải nhanh chóng gạt bỏ hắn ta ra khỏi xã hội của chúng ta.

Nếu là nhà nghệ sĩ, lúc ấy nhất định là tôi đã dốc hết tâm can để thưởng thức một màn kịch giả dối rất tuyệt của ông ta. Nhưng tôi chỉ là một người bình thường, tôi chỉ muốn nói với ông ta rằng, nếu kịp thời gạt bỏ Ni-cô-lai An-tô-nô-vích ra khỏi xã hội thì nó (tức là xã hội) sẽ không phải mất công sức để quan tâm đến Rô-ma-sốp nữa.

Nhưng tôi cố ghìm lại, không nói.

Về chuyện đội thám hiểm của tàu "Xanh Ma-ri", chúng tôi không hề đụng chạm đến. Nhưng tôi hiểu rất rõ Ni-cô-lai An-tô-nứt, sở dĩ vừa rồi ông ta tiến thẳng về phía tôi là vì ông ta đã sợ tôi.

- Tôi có nghe nói, - ông ta gợi chuyện một cách thận trọng, - rằng anh đã hoàn thành sự nghiệp mà tự anh đã mở ra, anh đã bỏ ra rất nhiều tinh lực cho sự nghiệp ấy, tôi xin chân thành bày tỏ với anh lời chúc mừng và niềm cảm kích. Đồng thời tôi cũng sẵn sàng làm một việc gì công khai cho ý nghĩ này.

Ý của câu nói sau cùng này là ông ta muốn đến nghe bản báo cáo của tôi, làm ra vẻ như là từ trước đến nay vẫn thân thiết với tôi. Ông ta cầu hòa. Vậy thì tôi cũng cần phải làm ra bộ như là chấp nhận sự cầu hòa ấy mới ổn.

- Đúng thế, hình như việc ấy đã được hoàn thành.

Tôi không nói thêm một câu nào nữa. Thế mà ông ta đã sướng rơn lên, trên bộ mặt béo phị và trắng bợt của ông ta ửng lên những tia hồng thỏa mãn. Mọi việc đã trôi qua, đã bị mọi người lãng quên, người ấy bây giờ đã trở thành một kẻ có quyền uy, sao ta lại không tìm cách kết thân với ông ta? Có lẽ mình cũng đã biến thành một con người khác rồi! Thực ra, chẳng phải cuộc sống vẫn có thể biến đổi con người đó sao? Mình biến thành một con người giống hệt ông ta, có nhiều huân chương, công việc thuận lợi... nên có thể ông ta sẽ căn cứ vào kinh nghiệm thành công của mình mà ước đoán người.

- ... Nếu nói riêng ra thì đây cũng là một sự kiện lớn làm chấn động thế giới. - Ni-cô-lai An-tô-nứt nói tiếp. - Thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp rất xứng đáng được trở thành anh hùng dân tộc, di hài của Người sẽ được đưa về kinh thành, sẽ được hàng vạn hàng triệu người đi qua chiêm ngưỡng.

Tôi trả lời rằng di hài của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp đã được chôn cất ở bờ vịnh E-ni-xây, và có lẽ bản thân ông cũng không mong được có một nấm mộ tốt hơn như thế đấy.

- Đích thị là như vậy. Song tôi nói đây là một chuyện khác, cái chuyện bạc phận của ông ấy. Ông ấy luôn luôn bị lãng quên, nếu như chúng ta (ông ta công nhiên dùng chữ "chúng ta") không tìm ra thì e rằng chẳng có ai trên trái đất này biết ông ấy là ai và ông ấy đã cống hiến những gì cho Tổ quốc và khoa học.

Những lời ông ta vừa nói trên đây thực quá sáo rỗng, khiến tôi suýt nữa bật ra những câu thậm tệ. May mà giữa lúc đó cánh cửa phòng mở ra, một cô gái từ trong phòng của viên thẩm phán bước tới, mời tôi vào.

Tôi cứ nghĩ rằng nếu vị thẩm phán ấy hoặc là vị nữ thẩm phán ấy (vì lần này là một phụ nữ) không trẻ và không đẹp đến như thế thì nhất định chị ấy sẽ không hỏi tôi nhiều và nghiêm khắc đến như thế. Song, về sau, câu chuyện của tôi lôi cuốn chị ấy, khiến chị ấy quên biến cái giọng quan cách của mình.

- Đồng chí Gri-gô-ri-ép, - sau khi nghe tôi trả lời những câu hỏi về tên tuổi, nghề nghiệp, đã phạm pháp lần nào chưa, chị ta hỏi. - Anh có biết tôi mời anh đến đây để làm gì không?

Tôi trả lời rằng biết.

- Trước kia anh đã có cung cấp cho chúng tôi một số tài liệu, - rõ ràng là chị ta muốn ám chỉ lần tôi làm việc với tòa án ở thành phố N. - Trong đó có một số điểm chưa được rõ ràng, nên tôi muốn trước hết được nói chuyện với anh.

Tôi đáp:

- Xin sẵn sàng phục vụ.

- Tỉ dụ như...

Chị ta đọc lên mấy đoạn. Đấy là đoạn báo cáo về cuộc nói chuyện giữa tôi và Rô-ma-sốp trên quảng trường Xô-ba-tri.

- Theo đây thì khi Rô-ma-sốp đưa ra những lời tuyên bố để

công kích anh, là lúc hắn ta đã trở thành công cụ lợi dụng nằm trong tay một kẻ khác.

- Kẻ khác ấy đã nói đến rồi, - tôi nói. - Hắn ta là Ni-cô-lai An-tô-nứt Ta-ta-ri-nốp. Hiện hắn đang chờ để gặp chị ở ngoài phòng khách. Còn vấn đề trong hai người ấy, ai là công cụ và ai là kẻ lợi dụng công cụ ấy thì tôi chịu, không được biết. Nhưng tôi cho rằng khám phá việc này không phải là sự nghiệp của tôi, mà là nhiệm vụ của chị.

Có lẽ vì chị ta đã nhỡ gọi những lời vu cáo của Rô-ma-sốp là những lời tuyên bố, nên tôi đã nổi nóng.

- Cho nên ở đây có một vấn đề không được rõ: mục đích phá hoại việc tìm kiếm đội thám hiểm của giáo sư Ni-cô-lai An-tô-nứt là ở chỗ nào? Bản thân ông ta chẳng phải là một nhà chuyên nghiên cứu về Bắc cực đấy ư? Việc tìm kiếm tông tích người đồng nghiệp của ông ta lẽ ra phải là việc được ông ta nhiệt liệt đồng tình mới phải.

Tôi trả lời rằng mục đích phá hoại của giáo sư Ni-cô-lai An-tô-nứt có thể có nhiều, chứ không phải là có một. Trước hết, ông ta sợ việc tôi phát hiện được di tích của tàu "Xanh Ma-ri" sẽ tiến lên một bước xác minh những lời tố cáo của tôi là đúng. Hơn nữa, ông ta chẳng phải là học giả chuyên nghiên cứu Bắc cực gì cả, mà chỉ là một kẻ mạo danh điển hình biết cách lợi dụng mấy quyển sách nói về đội thám hiểm tàu "Xanh Ma-ri". Vì vậy bất cứ sự cạnh tranh nào cũng đương nhiên có quan hệ trực tiếp đến lợi ích thiết thân của ông ta.

- Trước đây anh có nắm được những chứng cớ đáng tin cậy, bảo đảm sẽ chứng thực một cách chính xác lời tố cáo của anh qua kết quả điều tra không?

Tôi đáp là có. Giờ đây vấn đề này hoàn toàn không cần phải bàn đến nữa vì tôi đã tìm được di vật của đội thám hiểm trong đó có những di vật mà tôi dự định sẽ công bố trực tiếp trước mặt mọi người.

Sau những lời đáp này của tôi, vị nữ thẩm phán ấy liền thay đổi ngay cả giọng nói rất quan cách của mình.

- Anh đã tìm thấy chúng như thế nào? - Chị ta hỏi với một vẻ tò mò và kinh ngạc thực sự. - Đội thám hiểm đã mất tích lâu lắm rồi kia mà, có đến những hai mươi mấy năm rồi ấy nhỉ?

- Vâng, hai mươi chín năm.

- Thế thì, sau hai mươi chín năm còn có thể tìm thấy những thứ gì?

- Rất nhiều thứ, - tôi đáp.

- Ngay cả thuyền trưởng cũng tìm thấy chứ?

- Vâng.

- Ông ấy vẫn còn sống à?

- Ồ, cái chị này, tất nhiên là không. Nhưng có thể biết rõ là ông ấy đã chết vào lúc nào.. Ông ấy đã chết vào khoảng những ngày từ mười tám đến hai hai tháng Sáu năm 1915.

- Ồ thú vị thật, anh kể kỹ xem nào.

Tất nhiên là tôi không thể ngay một lúc có thể kể lại tất cả mọi việc, mọi chuyện đã diễn ra cho chị ta nghe được. Nhưng, chỉ như thế cũng đủ khiến giáo sư Ni-cô-lai An-tô-nứt chờ đến phát ớn lên rồi. Khi ông ta ngồi xuống cạnh người đàn bà đẹp đẽ thông minh ấy, ngay trên chiếc ghế tôi vừa ngồi, có lẽ ông ta đã suy nghĩ được rất nhiều điều và đã tự nhủ được mình rất nhiều lời rồi.

Tôi đã nói hết với người nữ thẩm phán về những việc làm

phạm pháp cần phải bị truy tố trước pháp luật cùng những tội lỗi mà vì thời gian trôi qua đã lâu, có thể tha miễn cho hắn ta. Đây là việc đã qua, song cái việc đã qua tưởng chừng có thể quên lãng đi ấy lại tồn tại rất dai dẳng.

Chị lắng nghe tôi, tuy chị vẫn là vị thẩm phán nghiêm khắc, nhưng bây giờ chị đã cùng tôi chọn lựa, xác định những bức thư có liên quan từ khắp nơi gửi đến tòa án, chị đã cùng tôi tìm lời giải đáp qua những kết quả thu nhặt được trong cuộc hành trình đến Bắc cực. Chị đã như cùng tôi thử chuyên chở các giáo viên, bác sĩ, cán bộ công tác Đảng đến vùng Nê-nét hẻo lánh. Quyển nhật ký của hoa tiêu Cơ-li-mốp đã được đọc xong. Tiếp sau đó, tôi nói đến thời kỳ chiến tranh, nói đến đây tôi bỗng im bặt. Những chuyện cũ mà bản thân chúng tôi đã kinh qua như hiện ra cả trước mắt. Và trong cái góc sân của bức tranh ấy, như nhấp nháy một cách mơ hồ cái tư tưởng khiến tôi rung động suốt đời. Phải thổ lộ tất cả những điều đó với một người lạ thật là khó khăn. Nhưng cuối cùng tôi cũng đã nói ra tất cả.

- Thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp hiểu sâu sắc toàn bộ ý nghĩa về lợi ích của con đường biển phía bắc mà nó sẽ đem lại cho nước Nga. - tôi nói. - Vì thế cũng không phải ngẫu nhiên mà giặc Đức đã dốc sức cắt con đường ngày. Khi tôi bay đến vùng mà trước kia tàu “Xanh Ma-ri” đã gặp nạn thì tôi là một thành viên của chiến tranh Vệ quốc; sau đó tôi tìm được đội thám hiểm cũng vì tôi là một thành viên của chiến tranh Vệ quốc.

# Chương 8

# Bản báo cáo

Lần này tôi không đi tranh thủ cái vinh dự được báo cáo trước Hội Địa lý học, cũng không nhận được lời mời đọc báo cáo trước một đối tượng nào khác. Vì vấn đề di sản khoa học của tàu "Xanh Ma-ri" đã được phó giáo sư V. trình bày tỉ mỉ trong một bài báo xuất sắc. được công bố cách đây chưa đầy một tháng; nên tôi từ chối tất cả mọi diễn đàn. Nhưng phó giáo sư lại đích thân gọi điện cho tôi yêu cầu tôi phải nói, nên tôi buộc phải nghe theo ông.

... Nhiều người đến nghe báo cáo của tôi. Ngay cả bà mẹ của Ki-ra cũng đến. Khi gặp tôi, bà nói mấy câu chúc mừng đúng như sách cổ đã dạy, tiếc là bây giờ tôi không còn nhớ nữa. Bà nói hơi dài, lúc ấy tôi nhìn thấy bộ mặt trang nghiêm đầy vẻ phục tùng của Va-li-a mà bất giác bật cười.

Tôi mời thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đến ngồi ở dãy ghế đầu đối diện với diễn đàn, vì tôi có thói quen nhìn vào từng động tác, cử chỉ của thầy để thêm vững dạ trong khi phát biểu.

- Này Xa-nhi-a, - thầy vui vẻ nói. - Chúng mình giao hẹn với nhau thế này nhé: Khi nào tôi đặt sấp bàn tay lên bàn, anh cứ yên trí nói tiếp. Phải luôn luôn nhìn vào tay tôi mới được! Nếu tôi vỗ nhẹ tay vào bàn, thì có nghĩa là anh phải bình tĩnh trở lại. Còn nếu như không vỗ, thì có nghĩa là anh đang rất bình tĩnh, cứ thế tiếp tục.

- Thầy I-van Pa-vơ-lứt, cảm ơn thầy lắm!

Nói chung thì lần báo cáo này đáng sợ thật. Nhưng tôi chẳng thấy mất bình tĩnh chút nào. Điều khiến tôi băn khoăn chỉ là không biết Ni-cô-lai An-tô-nứt có đến nghe tôi báo cáo hay không.

Ông ta đã đến. Khi tôi đang treo bản đồ, quay lại nhìn, thấy ông ta ngồi ở hàng ghế đầu, cách thầy Cô-ra-bơ-li-ốp không xa. Ông ta ngồi, gác chân lên nhau, mắt nhìn thẳng về phía trước một cách mất tự nhiên. Tôi có cảm giác là trong mấy ngày vừa qua trong con người ông ta có những thay đổi: vẻ mặt trở nên ngơ ngác như hải cẩu, hai má chảy xuống, bên trên cổ áo lộ ra một đoạn cổ gầy có nhiều nếp nhăn.

Chủ tịch buổi báo cáo của một học giả nổi tiếng ngành địa lý. Trước khi mời tôi lên báo cáo, ông giới thiệt tóm tắt mấy nét về tôi. Đối với tôi, tất nhiên cách làm ấy của ông là rất tốt. Thậm chí tôi còn thầm trách ông ấy nói giọng khẽ quá. Ông nói rằng tôi "là một trong những người có liên quan mật thiết đến lịch sử chinh phục của những người bôn-sê-vích Bắc cực". Sau đó ông lại nhấn mạnh rằng nền khoa học Xô Viết ở Bắc cực cần phải dành riêng một trang có nhiều ý nghĩa nhất để ghi nhớ "sự lao động ngoan cường và thiên tài" của tôi. Tất nhiên là tôi cũng không phản đối những lời nói ấy của ông. Hơn nữa lúc ấy tiếng vỗ tay cứ vang lên từng hồi dài trong hội trường, rõ nhất là tiếng vỗ tay của bà mẹ Ki-ra, nên cũng không có cách nào phản đối được.

Tuy phần lịch sử về con đường biển phía Bắc có rất nhiều điều thú vị. Nhưng có lẽ lần này cũng không nên nói đến nó nhiều quá.

Tôi nói khá tồi, thường bị nghẹn lời, lắm lúc cứ quên biến đi những từ ngữ rất thông thường. Tóm lại đúng như lời bà mẹ Ki-ri sau này nói với tôi, rằng tôi đã bị "choáng váng".

Lời phát biểu của tôi chuyển sang thời kỳ hiện nay của chúng ta. Tôi phác qua mấy nét chính về ý nghĩa quân sự của vùng Bắc cực.

Giữa lúc ấy. Ca-chi-a của tôi bỗng thoáng hiện ra ở phía xa, nơi cuối dãy hành lang lờ mờ sáng và sau đó biến mất. Nàng hơi khó ở (bị cảm) nên đã hứa với tôi là sẽ ở nhà. Nhưng bây giờ lại lén đến đây cũng là điều tốt, thậm chí còn rất tốt là đằng khác. Đầu óc tôi bỗng chốc trở nên nhẹ nhõm và tôi nói với giọng tự tin hơn, rõ ràng khúc chiết hơn.

- Có lẽ các vị sẽ lấy làm ngạc nhiên, - tôi rất cao giọng. - Ngay trong thời kỳ chiến tranh tôi lại đi kể với các vị về chuyện của một đội thám hiểm đã bị mất tích cách đây những gần ba mươi năm trời. Nhưng đây là một sự kiện lịch sử. Chúng ta không quên lịch sử của chúng ta. Sức mạnh cơ bản của chúng ta có lẽ nằm trong cái tư tưởng vĩ đại là muốn đổi mới đất nước, mà dầu là chiến tranh tàn khốc cũng không thể nào ngăn cản nổi. Tư tưởng khai phá, chinh phục Bắc cực của nhân dân Liên Xô là một trong những tư tưởng vĩ đại ấy.

Tôi dừng lại một lát. Tôi vốn rất muốn nói cuộc tham quan của tôi với Lét-cốp ở thành phố Bắc cực. Nhưng chuyện này cách xa chủ đề của báo cáo quá, nên tôi đành phải chuyển sang câu chuyện của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp.

Khi nói đến cuộc đời của ông, lòng tôi xao xuyến vô cùng. Tôi ngỡ như chính bản thân mình đã sinh ra trong một gia đình nhưdân nghèo khổ bên bờ biển A-dốp, chứ không phải ông. Dường như từ khi còn bé, chính tôi đã làm thủy thủ trên một chiếc tàu chở dầu hỏa chạy từ Ba-tum đến nước Nga mới chứ không phải ông. Dường như chính tôi đã lọt qua một cách thắng lợi "kỳ thi chuẩn úy hải quân", sau đó được vào công tác trong Cục Địa lý thủy văn, và trong những ngày ấy tôi đã dùng những nguyên tắc dễ dãi và với thái độ thân ái để đối xử với anh em lính thủy, chứ không phải là ông. Dường như chính tay tôi đã viết những dòng chữ mang một tư tưởng kiệt xuất "Hãy để cho băng tuyết tự giải quyết vấn đề" chứ không phải là ông. Dường như cuộc đời ông đã không kết thúc bằng sự thất bại và cái chết bặt vô âm tín, mà là bằng thắng lợi và hạnh phúc. Dù rằng trong cuộc sống ngày nay cũng có bạn bè, kẻ thù, người yêu, nhưng bản thân cuộc sống đã thay đổi, kẻ giành được thắng lợi không phải là kẻ thù mà là bạn bè và người yêu.

Càng nói tôi càng thể nghiệm sâu sắc tình cảm này. Ngoài những từ ngữ gợi cảm mạnh, tôi không có cách nào khác diễn đạt chúng. Tôi như nhìn thấy ở nơi chân trời xa tít, dưới khoảng không mênh mông của bầu trời xanh thẳm, một chiếc thuyền buồm yếu ớt đang bị tuyết phủ kín dần. Có phải là chiếc thuyền ấy đã chết rồi không? Không, những con người dũng cảm ở trên đó đang bận rộn bịt kín các kẽ hở và lỗ thông ra ngoài, chuẩn bị sống qua mùa đông...

Khi Ca-chi-a đi về chỗ ngồi của mình. Các lính thủy đứng trên hành lang đều dãn ra tránh đường. Tôi nghĩ bụng, họ nhường đường một cách kính cẩn cho con gái thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp cũng là lẽ công bằng thôi. Và lúc này trông nàng đẹp hơn tất cả

mọi người, nhất là khi nàng mặc chiếc cánh may theo kiểu Anh giản dị. Nàng đẹp hơn tất cả mọi người, trong khoảnh khắc, tôi bất giác ngỡ rằng nàng cũng tham gia vào chuyến thám hiểm kỳ thú và gian nan của chiếc tàu buồn "Xanh Ma-ri".

Bây giờ, đã đến lúc cần phải kể về quá trình diễn biến và tính chất khoa học của cuộc thám hiểm. Trước hết tôi khẳng định rằng những điều mà đội thám hiểm của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp xác định, cho đến nay vẫn còn giữ được giá trị của nó. Vì vậy sau khi nghiên cứu qua những kết quả của cuộc thám hiểm này, giáo sư V., nhà nghiên cứu Bắc cực nổi tiếng của chúng ta mới dự đoán rằng giữa vĩ tuyến 78 và 80, có một hòn đảo chưa ai biết đến. Đến năm 1935, đảo này đã được phát hiện, và nó nằm đúng vào vị trí mà giáo sư V. đã tính toán. Cuộc thám hiểm của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp đã xác định con đường chạy theo hướng dọc ở phía nam Bắc cực, xác định công thức vận động tương đối giữa băng và gió, góp phần cống hiến to lớn vào nền khoa học Nga.

Khi tôi kể về công việc in tráng số phim ảnh của đội thám hiểm đã bị lấp dưới mặt đất gần ba chục năm, cả hội trường dấy lên những tiếng thì thầm trầm trồ thú vị.

Đèn tắt, trên màn ảnh hiện ra một người đàn ông thân hình cao lớn. ông ta đội mũ lông, xà cạp bằng da quấn đến gần đầu gối. Ông đeo kính súng săn trên vai và đứng im, đầu hơi cúi. Một chú gấu đen đã bị bắn chết, móng vuốt co dúm lại như con mèo đang nằm sóng soài dưới chân ông. Đó là một con người kiên nghị cao cường, rất ít nghĩ đến cá nhân mình. Và đây ông như đang sửa soạn bước vào hội trường của chúng ta.

Khi ông hiện lên trên màn ảnh, mọi người trong hội trường đều đứng cả dậy. Tất cả im lặng như tờ, tất cả chìm trong một

không khí tôn kính trang nghiêm. Không một tiếng thì thầm, cũng không một hơi thở mạnh.

Trong không khí im lặng trang nghiêm ấy, tôi đọc bản báo cáo và thư vĩnh biệt của thuyền trưởng:

"... *Thực ra, nếu hắn ta không ngăn trở anh, không đến "giúp đỡ" anh, thì anh cũng đã hoàn thành được khối công việc. Nghĩ đến chuyện này, anh hết sức đau lòng. Nhưng còn cách gì hơn? Điều duy nhất có thể an ủi là anh lấy lao động của mình hiến dâng cho đất nước Nga những phần đất mới rộng lớn...*"

- Nhưng trong bức thư này, - chờ khi mọi người đã ngồi xuống, tôi nói tiếp, - tôi muốn các vị lưu ý đến một điểm. Đó là: "*Anh biết rõ rồi đây ai sẽ là người giúp đỡ em và con, song trước phút tắt thở, anh không muốn nhắc đến tên hắn. Anh không thể dốc hết bầu tâm sự đã tích lũy trong nhiều năm của mình cho người ấy được. Người ấy là hóa thân của cái thế lực trong nhiều năm bó buộc chân tay anh...*" Tên của con người mà trước khi tắt thở, Thuyền trưởng đã không muốn nói đến ấy là ai? Về người này, trong một bức thư khác, Thuyền trưởng viết: "*Có thể đánh bạo mà nói rằng, tất cả mọi thất bại của bọn anh đều do hắn gây nên*". Về con người ấy, thuyền trưởng còn viết: "*Về cuộc thám hiểm này, bọn anh biết trước là sẽ gặp nguy hiểm, nhưng bọn anh không ngờ lại bị một đòn đau đến như thế*" hoặc "*Điều không may lớn nhất là anh đã giao công việc trang bị những thiết bị cần thiết cho đội thám hiểm cho Ni-cô-lai. Giờ đây hậu quả tai hại của nó đang phải trả giá rất đắt từng giờ từng phút...*"

Ni-cô-lai! Người mang tên Ni-cô-lai trên trái đất này nhiều vô kể!

Đúng thế, những người mang tên Ni-cô-lai trên trái đất này

4) Tàu thuyền và các thứ phí tổn bảo hiểm đều thuộc quyền sở hữu của Ni-cô-lai An-tô-nô-vích Ta-ta-ri-nốp (cả họ, tên và tên đệm đầy đủ).

Hồi ấy ông ta nói với tôi rằng, ông ta chỉ công nhận một nhân chứng duy nhất, đó là bản thân Thuyền trưởng. Mong rằng ngay bây giờ người ấy hãy rút lui lời nói của mình trước mặt chúng ta, vì lúc này Thuyền trưởng đã chỉ mặt hắn bằng cả tên, họ và tên đệm đầy đủ.

Tôi vừa dứt lời, cả hội trường ồn lên một cách đáng sợ. Nhiều người ở hàng ghế đầu đứng bật dậy. Những người ở phía sau kêu thét yêu cầu đằng trước ngồi xuống. Người ấy vẫn đứng, tay cầm chiếc gậy giơ cao và kêu lên:

- Yêu cầu cho tôi nói! Yêu cầu cho tôi nói!

Ông ta được phép chủ tọa cho nói nhưng mọi người không cho ông ta nói. Từ bé đến giờ chưa bao giờ tôi nghe một thứ tiếng kêu gào ồn ĩ quỉ quái như thế. Nhưng ông ta cũng đã nói được mấy câu một cách khó nhọc (chẳng có ai nghe thấy cả). Sau đó ông ta gõ chiếc gậy xuống sàn một cách nặng nề, đoạn rời khỏi diễn đàn, đi dọc theo gian phòng chính ra ngoài. Ông ta bị rơi vào trong khoảng không hoàn toàn trống rỗng. Nơi mà ông ta vừa đi qua, hồi lâu vẫn còn bỏ trống, hình như không ai muốn bước đến chỗ mà ông ta vừa chống gậy đi qua nữa.

## Chương 9

# Chương cuối cùng

Toa tàu này đến tận En-xcơ. Trong toa chen chúc chật ních, người ngồi trên ghế và trên sàn dưới quầng ánh sáng lờ mờ. Rõ ràng là những người đó cũng đến En-xcơ. Nếu là thời trước thì số người trong toa tàu này cũng đủ làm cho dân số trong thị trấn En-xcơ tăng lên gấp hai lần.

Chúng tôi đã làm quen với những hành khách ngồi bên cạnh, hay nói đúng hơn là đã làm quen với những hành khách phụ nữ ngồi bên cạnh. Các cô này là sinh viên của những trường cao đẳng ở Mát-xcơ-vả, theo lời các cô thì họ đến En-xcơ để nhận công tác.

- Công tác gì cơ?

- Cũng chưa rõ. Có lẽ là về mỏ.

Nếu loại trừ cái cống ngầm ở vườn Nhà thờ mà hồi xưa Pê-chi-a đã nói rằng nó xuyên qua dưới lòng sông và trong đó "cứ mỗi bước đi lại gặp một bộ xương người" thì ra ở En-xcơ từ trước tới nay chưa hề có một thứ gì có thể gọi là mỏ cả. Thế nhưng các cô gái ấy lại cứ một mực nói rằng họ đến làm việc dưới giếng mỏ.

Cũng như mọi lần, sau ba bốn tiếng đồng hồ, phong cách sống của từng toa tàu dần dần hình thành những nét đặc biệt, không giống nhau. Dường như những lớp gỗ chắn ngang trong các toa không phải là những bức tường tạm thời, mà là tình cảm và tư tưởng của con người. Có những toa ồn ào náo nhiệt rất vui vẻ, lại cũng có những toa vắng lặng tẻ ngắt như tờ. Toa của chúng tôi tràn đầy không khí vui tươi. Tuy các cô gái cũng có buồn vì không được thực tập hè ở Mát-xcơ-va, nhưng nỗi buồn của các cô lướt qua rất nhanh. Sau khi đả thông cho cô bạn đa sầu đa cảm nhất trong đám tên là Ma-sa phải vui theo, các cô ca hát ầm ĩ cả lên. Cả buổi tối hôm ấy tôi và Ca-chi-a được tha hồ thưởng thức những những bài ca trữ tình mới được nhiều người yêu thích, lưu truyền trong thời kỳ chiến tranh, trong đó có mấy bài rất có ý nghĩa. Nói tóm lại là các cô gái đã hát liên lục cho đến khi đến En-xcơ, thậm chí hát suốt cả đêm khuya. Không hiểu vì sao họ lại quyết định với nhau là không ngủ. Cuộc hành trình không dài lắm này - ba mươi tư tiếng đồng hồ - đã đi qua trong giấc ngủ chập chờn hòa với tiếng hát lúc tươi vui, lúc buồn thương của tuổi trẻ.

Trước đây tàu vào ga lúc tờ mờ sáng, nhưng bây giờ đổi sang buổi tối. Vì vậy khi xuống tàu, trông thấy nhà ga chìm trong ánh hoàng hôn bảng lảng, tôi bỗng cảm thấy nó đẹp đẽ, dễ chịu và đáng yêu làm sao! Đằng trước những vật kiến trúc của nhà ga là lối đi vào quảng trường rợp bóng cây. Đường phố của En-xcơ cũ cũng chấm dứt tại quảng trường này. Chúng tôi bước vào quãng đường râm mát, nhìn thấy những dãy nhà to màu xám nằm nặng nề ở phía xa. Nóc các tòa nhà ấy vương trong đám khói hồng rực bởi ánh phản chiếu từ dưới đất lên. Có thể nhìn thấy cảnh tượng này ở En-xcơ là điều rất lạ lùng, tôi thậm chí đã giải

thích cho các cô gái rằng có lẽ một nơi nào đó ở phía bên kia sông bị bốc cháy. Vì suốt trên đường đi tôi nói đùa rằng En-xcơ là nơi chôn rau cắt rốn của tôi. Tôi quen thuộc đến từng hòn đá của cái thành phố bé nhỏ này. Và các cô đã hoàn toàn tin rằng ở bên kia sông có hỏa hoạn thật. Nhưng sự thực thì đấy không phải là hỏa hoạn, mà là ánh lửa phát ra từ nhà máy chế tạo đạn pháo trong thời kỳ chiến tranh ở En-xcơ.

Tuy tôi cũng đã nhìn thấy thành phố (như thành phố M.) phát triển rất nhanh chóng trong thời gian chiến tranh. Song thời thơ ấu của tôi không quen thuộc những thành phố này. Và giờ đây khi tôi cùng Ca-chi-a đi trên các đường phố Da-xten-nai-a và phố Gô-gôn, trong lòng không khỏi dấy lên những luyến tiếc sâu sắc. Tôi có cảm giác những dãy phố kéo dài một cách uể oải ra xa, dọc theo những bức thành cổ kia, giờ như cũng vội vàng phóng lên, sẵn sàng lao vào guồng chuyển động của những cuộn khói không ngớt nhả ra từ các nhà máy. Trước mặt chúng tôi đang bày ra quang cảnh của một thành phố đã được vũ trang đầy đủ, đấy tuy là ấn tượng đầu tiên của tôi, nhưng là một ấn tượng chân thực. Đối với tôi, thành phố này vẫn như trước, là En-xcơ đáng yêu như người thân, giờ đây khi gặp lại nó, tôi có cảm giác như gặp lại bạn cũ. Khi nhìn chăm chú vào bộ mặt quen thuộc đã có những thay đổi này, bạn sẽ lúng túng không biết nên bắt đầu kể từ đâu; bởi trong lòng bạn đang dạt dào muôn vàn xúc động và ý nghĩ khiến bạn lắm lúc bất giác mỉm cười.

Ngay tại thành phố Bắc cực, chúng tôi viết thư báo cho Pê-chi-a biết rằng chúng tôi sẽ về quê thăm các cụ, để chú ấy, hoãn ngày đi phép đã được phê chuẩn trước, cũng vào đúng thời gian này.

Tuy từ Mát-xcơ-va chúng tôi đã đánh điện về trước, nhưng khi xuống ga, chẳng thấy ai ra đón cả, nên chúng tôi đoán rằng Pê-chi-a chưa về nhà. Nhưng khi chúng tôi vừa bước ra khỏi ga, đứng trước những bức tượng sư tử cạnh nhà Mác-cút thì người đầu tiên mà chúng tôi trông thấy là Pê-chi-a. Pê-chi-a vốn là một con người bình lặng, thích đăm chiêu suy nghĩ, trên mặt lúc nào cũng như hiện lên những câu hỏi. Tuy lúc này chú ấy đã trở thành một sĩ quan già dặn, da dẻ cháy đen, nhưng tôi cũng nhận ra chú được ngay.

- A, té ra hai anh chị ở đây! - Pê-chi-a kêu lên như đã tìm kiếm chúng tôi rất lâu, giờ mới thấy.

Hai chúng tôi ôm nhau, sau đó chú ấy bước đến trước mặt Ca-chi-a, siết chặt bàn tay nàng. Hai người đã từng cùng có chung một hoàn cảnh gian nan như nhau ở Lê-nin-grát. Tuy tôi có thể nói rằng họ là những người gần gũi thân thiết nhau nhất trên đời này, nhưng khi họ cầm tay nhau đứng lặng nhìn thì tôi có cảm giác khoảng cách giữa tôi và họ rất xa.

Khi chúng tôi sục vào nhà dì Đa-sa thì dì đã ngủ say rồi. Dì chống khuỷu tay ngồi nghiêng người dậy, nheo mắt nhìn chúng tôi, như nhìn những người trong giấc mộng. Chúng tôi bật cười vang lên, lúc ấy dì mới choàng tỉnh hoàn toàn.

- Lạy chúa, Xa-nhi-a đấy ư? - Dì hét lên. - Ca-chi-a cũng có ở đấy à? Thế mà ông ấy đã đi mất rồi!

"Ông ấy" là chỉ ông chánh án, còn "đã đi mất rồi" là có ý nói năm năm trước, khi tôi cùng Ca-chi-a trở về En-xcơ, ông chánh án cũng đã lên huyện tham gia công tác tòa án.

Dì Đa-sa lo sắp xếp cho chúng tôi ăn ngủ. Vì bánh rán làm bằng bột đen rán với dầu nhập khẩu không được ngon, nên dì cứ

băn khoăn hoài. Tất cả những chi tiết này vụn vặt, sẽ không nói đến nhiều. Mãi sau, chúng tôi phải dùng sức mạnh buộc dì ngồi nghỉ, để Ca-chi-a sắp xếp dọn dẹp nhà cửa, tôi và Pê-chi-a giúp nàng. Pê-chi-a rưới vào bột một ít gia vị cho "thêm phần thơm tho" như lời chú ấy nói. Còn tôi thì ngỡ bột bẩn là muối, suýt nữa thì rắc lên mặt bánh, làm cho dì Đa-sa kêu hoảng lên. Cũng lạ là bánh hôm ấy rất thơm ngon, dì Đa-sa véo một miếng nhỏ ăn thử, bảo rằng "hơi nhạt", nhưng nói chung trong thời chiến mà làm được loại bánh như thế là đã cừ lắm rồi.

Lúc ăn trưa, dì Đa-sa nhất quyết bắt tôi phải kể lại đầy đủ toàn bộ những gì đã diễn ra kể từ sau phút chia tay với dì ở En-xcơ năm năm về trước. Nhưng tôi đã thuyết phục được dì chờ ông chánh án về rồi sẽ làm bản tổng kết hoàn thiện ấy. Và chúng tôi nhân lúc này để Pê-chi-a kể về tình hình của chú ấy.

Tôi cảm động nghe Pê-chi-a kể. Tại sao lại cảm động? Vì tôi quen chú ấy đã hơn hai mươi lăm năm rồi, ấn tượng mà hiện nay chú ấy gây cho tôi không giống như một con người khác hẳn mà Ca-chi-a đã vẽ ra cho tôi. Cái "tác phong của nhà nghệ sĩ" ở Pê-chi-a mà lâu nay tôi luôn luôn cho rằng đấy là điểm đặc biệt khác người là điều bí ẩn đối với tôi, giờ đây càng trở nên rõ ràng và dứt khoát.

Chú ấy đưa ra cho chúng tôi xem một tập tranh vẽ của mình. Năm cuối cùng của cuộc chiến tranh Pê-chi-a không ở trong quân đội, mà giữ chân phụ trách mỹ thuật trong đoàn kịch mặt trận. Tập tranh phần lớn là những bức ký họa, những phác thảo về cuộc sống chiến đấu ở mặt trận. Sức mạnh tinh thần của mỗi một chiến sĩ, dù chiến sĩ đó chỉ ở lại mặt trận mấy ngày ngắn ngủi thôi cũng được thể hiện hết sức sâu sắc trong những bức ký họa ấy.

Lúc nào tôi cũng yêu mến những bức tranh khó quên trong thời kỳ chiến tranh, chúng lần lượt thay thế nhau, không để lại một vết tích gì, khiến tôi luyến tiếc vô cùng. Giờ đây, trong những bức vẽ vội vã giản đơn, nhưng ý nghĩa sâu sắc và có thể nói là thiên tài này, tôi lại nhìn thấy chúng.

- Ồ, thế à? - Khi nghe tôi chúc mừng, Pê-chi-a cười hiền lành và nói. - Ông chánh án của chúng ta nói là tôi vẽ tồi, biểu hiện chủ nghĩa anh hùng không đầy đủ. Thằng con trai của tôi bây giờ cũng mê vẽ, - chú ta thêm vào một câu như thế, đôi môi dề ra như thường ngày, khi có điều gì vui sướng. - Đúng là thằng bé cũng có năng khiếu.

Ca-chi-a lấy bức thư của bà Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na ra. Hiện nay bà đang sống ở Nô-vô-xi-biếc với Pê-chi-a con. Dì Đa-sa rất quan tâm đến bà, nên dì bắt đọc ngay thư cho dì nghe.

Bà cụ vẫn ở riêng một mình không chịu nhập vào trại, mặc dù ông giám đốc Pe-rư-skin đã đích thân đến xin lỗi và mời bà vào trại. Nhưng như lời viết trong thư, bà từ trước đến nay không bao giờ chịu cúi đầu trước kẻ khác, nên bà nhất quyết từ chối lời mời của ông giám đốc. Sau khi cự tuyệt lời mời nói trên, bà đã làm cho mọi người trong vùng hết sức ngạc nhiên bằng sự tham gia vào công tác văn hóa quần chúng của cung văn hóa địa phương.

"Bà đang học cắt và may", - bà viết vắn tắt trong thư. "- Chúc mừng cháu và Xa-nhi-a. Bà biết nó từ khi nó còn bé, bà đã từng cho nó ăn lúa kiều mạch để nó khỏi bị lùn. Bà mong nó cao lớn nên người. Nó là đứa tốt... Cháu không được bắt nạt nó, tính tình của cháu không thuần lắm!"

Đấy là thư trả lời của bà sau khi nhận được thư của chúng tôi báo tin rằng chúng tôi đã tìm được nhau.

"Suốt đêm bà chẳng ngủ được", - lời bà viết sau khi hay tin rằng di tích của đội thám hiểm đã được tìm thấy. "Bà cứ nghĩ mãi về Ma-sa. Bà nghĩ bụng, Ma-sa không biết rõ về số phận bi thảm của bố cháu mà lại hay".

Pê-chi-a con trông dáng rất khỏe mạnh, qua bức ảnh có thể thấy chú bé đã khá cao, và càng lớn càng giống mẹ. Chúng tôi nhắc đến Xa-sa, mọi người đều im lặng rất lâu, như ai cũng nghĩ rằng mình đang đứng trước mặt thần chết độc ác với một nỗi lòng nhớ tiếc.

Từ hồi mùa xuân Ca-chi-a đã tìm cách xin giấy thông hành cho bà và Pê-chi-a con về chơi Mát-xcơ-va với ý muốn là trong dịp đó chúng tôi sẽ về và gặp.

Tối hôm ấy, trong đầu óc tôi và Ca-chi-a luôn hiện lên ý muốn cả gia đình sẽ trở về Lê-nin-grát và sống luôn ở đó. Sẽ đưa cả nhà đi, trong đó có cả bà và hai bố con Pê-chi-a. Trong tưởng tượng của chúng tôi, nơi ở tương lai đã tìm được, không phải ở đâu khác mà ở ngay trên đại lộ Ki-rốp-xki. Chúng tôi sẽ chọn một gian phòng yên tĩnh nhất dành làm buồng vẽ cho Pê-chi-a bố, để chú ấy khỏi bị ai quấy rầy. Nhưng thực ra thì chú ấy rất thích một người đàn bà đã gây cho Ca-chi-a một ấn tượng rất tốt, đến "quấy rầy mình"... Nhưng buổi tối hôm nay, không hẹn mà chẳng ai nhắc đến chị ta cả...

Khi ông chánh án về thì cả nhà đã ngủ say. Dì Đa-sa định đánh thức chúng tôi dậy, nhưng bị ông cáu ầm lên, khiến chúng tôi giả vờ không nghe thấy, nằm rốn thêm nửa tiếng đồng hồ nữa. Hoàn toàn giống như năm năm trước đây, ông vào nhà bếp xỉ mũi ầm ĩ, sau đó lục đục một lúc lâu - ông tắm. Mãi sau, nghe thấy tiếng bước chân của ông vang lên trong hành lang cùng với tiếng nước chảy từ trên người ông xuống sàn.

Ca-chi-a ngủ trở lại. Tôi rón rén mặc áo rồi đi xuống nhà bếp. Ông đi chân không, khoác chiếc áo tắm dài ngồi uống nước chè, râu và tóc còn ướt đẫm.

- Thế là cháu cũng bị mất giấc ngủ rồi! - Ông đứng dậy, bước thẳng lại phía tôi và dang tay ôm chặt lấy tôi.

Bất kể lúc nào, hễ trở về quê, bước vào ngôi nhà mà tôi đã sinh ra và lớn lên, là cái mệnh lệnh nghiêm trang "nào, kể đi!" lại luôn luôn chờ sẵn tôi. Ông già đã biết rõ những gì tôi đã làm và cuộc sống của tôi có xứng đáng không sau những năm rời khỏi quê cha đất tổ. Bộ lông mày của ông rất rậm, kết liền với mái tóc vừa dài vừa thô. Ông nhìn thẳng vào tôi và đặt câu hỏi như những quan tòa chính thống. Còn tôi, tôi cũng biết rằng, không thể nghe thấy từ miệng ai những lời phán quyết công minh hơn ông... Nhưng thực là lạ, đây là lần đầu tiên ông không ra lệnh cho tôi phải báo cáo lại mọi thứ tình hình.

- Rõ cả rồi, - ông dùng khăn tay lau miệng bằng một động tác vui vẻ hài lòng, mắt nhìn thẳng vào những chiếc huân chương của tôi. - Bốn chiếc à?

- Vâng ạ.

- Còn chiếc thứ năm nữa, vì thuyền trưởng Ta-ti-ri-nốp, - giọng ông rất nghiêm trang. - Nói cho rõ việc này ra là việc khó khăn. - Nhưng ông già rất cẩn thận, chu tất nên buổi tối, khi chúng tôi ngồi vào quanh chiếc bàn, ông lại nhắc lại một lượt, có ý muốn tổng kết toàn bộ công việc mà tôi đã làm.

- Cuộc sống đang đi lên, - ông nói. - Ngoảnh đi ngoảnh lại, các cháu đã trưởng thành. Khi trở về thăm quê hương, các cháu nói quê mình đổi thay rất nhiều đến nỗi không nhận ra được nữa. Đúng thế, chẳng những quê hương chúng ta đã đổi thay mà còn

đã trưởng thành, cũng như các cháu, quê hương ta đã dốc sức cho cuộc đấu tranh và cho chiến thắng. Cháu Xa-nhi-a thân yêu, khi nhìn thấy cháu, trong đầu chú nảy ra nhiều ý nghĩ. Cháu đã tìm ra thuyền trưởng Ta-ta-ti-nốp, lý trưởng đã được thực hiện, những việc mà trong tưởng tượng ngỡ là như câu chuyện thần thoại ấu trĩ nay trở thành sự thật. Trong thư vĩnh biệt, chẳng phải là Thuyền trưởng đã hướng về cháu, hướng về những người có thể kế tục sự nghiệp lớn lao của mình mà kêu gọi sự hỗ trợ đó sao. Người mà ông ấy nói chính là cháu, chú cho rằng cháu có thể ngồi ngang hàng với Thuyền trưởng mà không phải hổ thẹn, bởi vì nền khoa học của nhân loại là do những thuyền trưởng và những đại úy như ông ấy và cháu thúc đẩy.

Ông nâng cao cốc rượu, chúc tôi khỏe mạnh rồi uống cạn cốc.

Chúng tôi ngồi đến khuya, sau đó dì Đa-sa tuyên bố đã đến lúc phải đi ngủ. Nhưng chúng tôi đều không tán thành, mà kéo nhau ra bờ sông Pét-trin-ca dạo chơi.

Khói vẫn không ngớt vần vũ quyện lên cao bên trên các nhà máy. Chúng tôi ra đến bờ sông, ra đến chỗ cái khúc sông Prô-lôm mà năm nào một chú bé gầy gò mặc chiếc quần bông rộng thùng thình đã câu tôm biếc bằng những miếng thịt thiu. Thời gian như ngưng đọng lại bên bờ sông, giữa hai tháp pháo cổ kính nằm ngay chỗ hợp lưu của hai dòng sông Pét-trin-ca và sông Chi-khai-a. Thời gian đang kiên nhẫn chờ đợi tôi và giờ đây tôi đã trở về. Chúng tôi gặp nhau và chăm chú nhìn nhau. Nhưng có cái gì đang chờ đợi tôi ở phía trước kia? Đó là những thử thách mới, những lao động mới và những ước vọng mới. Đó sẽ là niềm hạnh phúc hay nguồn tai họa? Nào ai biết được... Nhưng trong buổi gặp gỡ mặt đối mặt này với thời gian, tôi đã không nhìn xuống.

Đã đến lúc phải về. Ca-chi-a bắt đầu cảm thấy lạnh. Thế là chúng tôi đi dọc một đoạn theo bờ sông chất đầy gỗ rồi rẽ về nhà.

Thành phố im ắng vô cùng, như chứa đựng một không khí hết sức thần bí. Chúng tôi tựa vào nhau đi hồi lâu. Tôi nhớ lại cảnh lúc rời khỏi En-xcơ. Hồi ấy thành phố cũng sâu thẳm và tĩnh lặng thế này đây. Hồi ấy chúng tôi còn rất bé, gặp những bước không may, nhưng chúng tôi đều rất dũng cảm vượt qua.

Đôi mắt tôi nhòa ướt. Nhưng tôi không lau khô những giọt nước mắt sung sướng ấy, và cũng không xấu hổ bởi mình đã nhỏ lệ.

# ĐOẠN KẾT

Rất nhiều hoa anh túc dại miền Bắc cực mọc ra từ những khe đá dưới chân một quả núi cao. Từ nơi này mở ra một bức tranh tuyệt diệu. Dọc theo bờ, mặt nước biển bằng lặng như một tấm gương sáng, nhưng ngoài xa khơi lô nhô dày đặc những tảng băng khổng lồ, kéo dài đến tận chân trời màu tím nhạt xa thẳm và thần bí. Bầu không khí của Bắc cực có vẻ đặc biệt trong lành. Sao mà tĩnh lặng, mênh mông đến thế! Chỉ có con chim kền kền (Accipiter) thỉnh thoảng bay qua bên trên một nấm mồ đơn độc.

Các tảng băng va vào nhau, quay vòng và trôi qua bên cạnh nấm mồ. Có những tảng trôi nhanh và có những tảng trôi chậm.

Trông đây tựa như cái đầu khổng lồ đội chiếc mũ chóp rực rỡ màu sắc, bộ mặt của nó có thể nhìn thấy rất rõ: bộ râu rối bù ngả màu chàm ngoảnh ra biển, chiếc mũi tẹt và đôi mắt lim dim dưới đôi lông mày hoa râm.

Một tảng băng trôi vào gần. Vô vàn những giọt nước chảy từ trên mặt tảng băng xuống làm vang lên thứ âm thanh trong vắt. Trông chúng giống như những chiếc bàn ăn khổng lồ đã được trải khăn vào ngày lễ.

Biển nước mênh mông, cuộc chuyển động không ngừng.

Mấy chiếc tàu biển đi vào vịnh Ê-ni-xây, từ xa đã nhìn thấy rõ ngôi mộ đơn độc này. Tất cả đều hạ cờ xuống giữa chừng và bắn một loạt súng chào, tiếng rền âm vang hồi lâu trong không trung.

Ngôi mộ được xây bằng loại đá trắng tinh khiết nó luôn luôn phát ra ánh phản chiếu rực rỡ dưới ánh mặt trời không bao giờ lặn của Bắc cực.

Những dòng chữ khắc trên tấm bia cao bằng đầu người:

*"Nơi đây thuyền trưởng I. L. Ta-ta-ri-nốp yên nghỉ ngàn thu. Ông đã hoàn thành một trong những cuộc thám hiểm cực kỳ anh dũng. Tháng sáu năm 1915, sau khi phát hiện vùng Bắc địa, trên đường trở về, ông đã hy sinh.*

*Đấu tranh và tìm tòi, quyết đạt mục đích chứ không đầu hàng!"*

**HẾT**

# MỤC LỤC

## Phần thứ sáu

## TUỔI XUÂN ĐANG TIẾP TỤC

**Phần thứ bảy**

PHÂN LY



**Phần thứ tám**

ĐẤU TRANH VÀ TÌM TÒI

**Phần thứ chín**

QUYẾT ĐẠT MỤC ĐÍCH CHỨ KHÔNG ĐẦU HÀNG

# THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY

*Tập II*

V.CA-VÊ-RIN

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 - Nguyễn Du
Tel/Fax: 8222135

---

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*
NGUYỄN PHAN HÁCH
*Chịu trách nhiệm bản thảo:*
NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG

*Biên tập:*
NGUYỄN THỊ ANH THƯ
*Sửa bản in:* THANH PHƯƠNG
*Vẽ bìa:* TRẦN ĐẠI THẮNG

---

In 1000c, khổ 14,5x20,5 cm. Tại 34A Nguyễn Khoái - Công ty cổ phần in 15.
Giấy chấp nhận ĐKKHXB số: 34/1402/XB - QLXB cấp ngày 28/09/2004.
In xong và nộp lưu chiểu quý IV/ 2004.

V. CA-VÊ-RIN

# THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY






NHÀ SÁCH
**30 HÀN THUYÊN**
QUẬN HAI BÀ TRƯNG - HÀ NỘI
ĐT/FAX: (04) 8246272

GIÁ: 60.000Đ